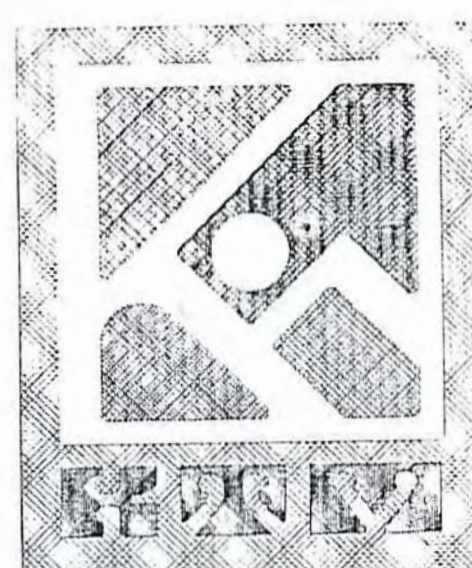




CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI

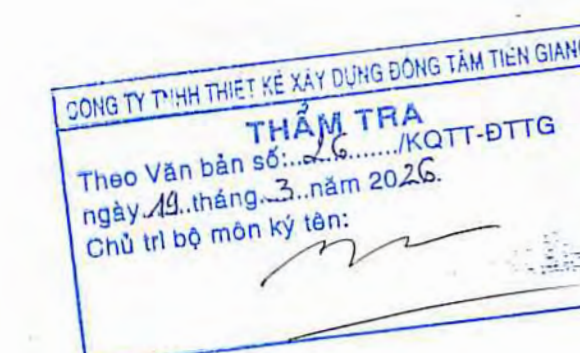
Sáng tạo nghệ thuật không gian sống Việt

ĐỊA CHỈ: 42/1 NGUYỄN THỊ THẬP, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG TRUNG AN, TỈNH ĐỒNG THÁP

TEL: 0273.3977278, EMAIL: ktm.mytho@gmail.com

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

GÓI THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
THUỘC DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3



DANH MỤC BẢN VẼ	
SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
TỔNG THỂ: 01	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TỔNG THỂ KHU ĐẤT
TỔNG THỂ: 02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ KHU ĐẤT
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHỐI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	
THCS-KT: 01	MẶT BẰNG TẦNG 01 MẶT ĐÚNG 1-18, U-A CHI TIẾT, MẶT BẰNG KHU VỆ SINH T.1
THCS-KT: 02	MẶT BẰNG TẦNG 02 MẶT ĐÚNG 18-1, A-U CHI TIẾT, MẶT BẰNG KHU VỆ SINH T.2
THCS-KT: 03	MẶT BẰNG TẦNG 03 MẶT CẮT A-A, B-B CHI TIẾT, MẶT BẰNG CẦU THANG
THCS-KT: 04	MẶT BẰNG TẦNG Mái MẶT CẮT C-C, F-F CHI TIẾT
THCS-KT: 05	MẶT CẮT G-G, E-E CHI TIẾT TRỤC & VÁCH NGĂN K4
THCS-KT: 06	MẶT CẮT H CHI TIẾT CỬA
THCS-KC: 01	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỌC MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ MÓNG CHI TIẾT MÓNG
THCS-KC: 02	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỐ CỘT MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT TẦNG 1 CHI TIẾT CỘT
THCS-KC: 03	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT TẦNG 2 MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT TẦNG 3 GHI CHÚ CHUNG
THCS-KC: 04	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ĐÀ KIỀNG DƯỚI MẶT BẰNG + CHI TIẾT CẦU THANG CHI TIẾT ĐÀ KIỀNG DƯỚI
THCS-KC: 05	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ĐÀ KIỀNG TRÊN CHI TIẾT ĐÀ KIỀNG TRÊN BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 06	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN TẦNG 2 CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2
THCS-KC: 07	CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 08	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 2 MẶT CẮT, CHI TIẾT SẼO BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 09	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN TẦNG 3 CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3
THCS-KC: 10	CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 11	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 3 MẶT CẮT BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 12	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN Mái CHI TIẾT DẦM SÀN Mái
THCS-KC: 13	CHI TIẾT DẦM SÀN Mái CHI TIẾT MÚ CHE BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
THCS-KC: 14	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN Mái MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ CHI TIẾT SẼO, BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 15	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KÉO Mái CHI TIẾT KÉO Mái
THCS-KC: 16	CHI TIẾT KÉO Mái BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 17	MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 1 KẾT CẤU CHI TIẾT BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-KC: 18	MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 2, TẦNG 3 KẾT CẤU CHI TIẾT BẢNG THỐNG KÊ THÉP
THCS-Đ: 01	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 1 MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 2 BẢNG THỐNG KÊ
THCS-Đ: 02	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 3 SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ
THCS-TH: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 MẶT BẰNG TẦNG 2
THCS-TH: 02	MẶT BẰNG TẦNG 3 THUYẾT MINH
THCS-N: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 (CẤP NƯỚC) MẶT BẰNG TẦNG 2, 3 (CẤP NƯỚC) HẦM TỰ HOẠI SƠ 1
THCS-N: 02	SƠ ĐỒ TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHI TIẾT LẮP MẠY BƠM NƯỚC SINH HOẠT THỐNG KÊ VẬT TƯ
THCS-N: 03	SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU) BẢNG KÝ HIỆU THOÁT NƯỚC
THCS-N: 04	SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO) MẶT BẰNG TẦNG 2,3 (THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO)
THCS-N: 05	MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC MƯA) MẶT BẰNG Mái (THOÁT NƯỚC MƯA) MẶT BẰNG TẦNG 2, 3 (THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU)

DANH MỤC BẢN VẼ	
SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: CỔNG, HÀNG RÀO + NHÀ BẢO VỆ; NHÀ XE GIÁO VIÊN + NHÀ XE HỌC SINH; SÂN ĐÀN, CÂY XANH; HỒ NƯỚC NGÂM + NHÀ BẢO CHE MÁY BƠM; HỆ THỐNG CẤP - THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ + HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI; HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY; SÀN NỀN.	
HMP-SN: 01	MẶT BẰNG SÀN NỀN BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CÁT ĐÁP MẶT CẮT ĐỀ BẢO
HMP-KT: 01	MẶT BẰNG SÂN ĐÀN + CÂY XANH CHI TIẾT BỎ VÍA MẶT BẰNG - MẶT CẮT CỘT CỜ
HMP-KT: 02	MẶT BẰNG HÀNG RÀO
HMP-KT: 03	NHÀ XE 1 - NHÀ XE 2 CỔNG CHÍNH - CỔNG PHỤ - NHÀ BẢO VỆ HỒ NƯỚC NGÂM - NHÀ BẢO CHE MÁY BƠM CHỮA CHÁY
HMP-KC: 01	KẾT CẤU CỔNG HÀNG RÀO NHÀ BẢO VỆ
HMP-KC: 02	KẾT CẤU CỔNG HÀNG RÀO NHÀ BẢO VỆ BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
HMP-KC: 03	MẶT BẰNG KẾT CẤU NHÀ XE 1 MẶT BẰNG KẾT CẤU NHÀ XE 2 MB MÓNG + TRỤ CỘT CỜ
HMP-KC: 04	MB, DẦM MÓNG VÀ THÉP DÂY HỒ MB, DẦM NÁP HỒ - CỘT NHÀ BẢO CHE MÁY BƠM MB, KÉO - GIẢNG - XÀ GỖ NHÀ BẢO CHE MÁY BƠM
HMP-Đ: 01	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ XE 1 MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ XE 2 MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ BẢO VỆ
HMP-ĐT: 01	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ
HMP-ĐT: 02	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TOÀN CÔNG TRÌNH CHI TIẾT LẮP ĐẶT BẢNG THỐNG KÊ
HMP-NIT: 01	BẢNG KÝ HIỆU CẤP NƯỚC MB, TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT + TƯỜNG CÂY CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ NƯỚC
HMP-NIT: 02	BẢNG KÝ HIỆU CẤP NƯỚC MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI THỐNG KÊ CỐNG THOÁT NƯỚC
HMP-NIT: 03	CHI TIẾT HỒ GA A, HỒ GA B CHI TIẾT HỒ GA T CHI TIẾT CỬA XÃ
HMP-NIT: 04	MB, ĐƯỜNG ống CẤP ĐIỆN MB, ĐƯỜNG ống CẤP NƯỚC THẢI, BÙN, HÓA CHẤT, KHÍ THỐNG KÊ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ
PCCC: 01	MẶT BẰNG HT CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BẢO CHÁY BẢNG KÊ CÔNG SUẤT HỆ THỐNG PCCC
PCCC: 02	MB BỐ TRÍ BƠM CHỮA CHÁY SƠ ĐỒ HT CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ THUYẾT MINH
PCCC: 03	MB, HT PCCC TẦNG 1 KHỐI THCS MB, HT PCCC TẦNG 2 KHỐI THCS
PCCC: 04	MB, HT PCCC TẦNG 3 KHỐI THCS SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BẢO CHÁY
PCCC: 05	CHI TIẾT LẮP ĐẶT TỦ CHỮA CHÁY SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 1 SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
PCCC: 06	CHI TIẾT ĐỒ RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 2 SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 3
PCCC: 07	SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 1 SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 2 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
PCCC: 08	SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
PCCC: 09	CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BẢO CHÁY MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 1 KHỐI TH + HÀNH CHÍNH SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG
PCCC: 10	CHI TIẾT LẮP ĐẶT NHẮN KHẨN MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 2 KHỐI TH + HÀNH CHÍNH CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO KHỎI TRÊN DẦM
PCCC: 11	MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 3 CHI TIẾT LẮP ĐẶT TỦ CHỮA CHÁY SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
PCCC: 12	CHI TIẾT ĐỒ RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 1 SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 2
PCCC: 13	CHI TIẾT ĐỒ RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 2
PCCC: 14	CHI TIẾT ĐỒ RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 3
PCCC: 15	SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
PCCC: 16	SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 2 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN
PCCC: 17	SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3 KHỐI TIỂU HỌC XÂY MÔI CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ XE
PCCC: 18	MB, HT PCCC TẦNG 1 NHÀ ĐA NĂNG MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 2 Mái NHÀ ĐA NĂNG SƠ ĐỒ CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 1
PCCC: 19	MẶT BẰNG CHỐNG SÉT TỔNG THỂ
PCCC: 20	MẶT BẰNG CHỐNG SÉT KHỐI TIỂU HỌC MẶT BẰNG CHỐNG SÉT KHỐI THCS THUYẾT MINH, THỐNG KÊ CHỐNG SÉT

DANH MỤC BẢN VẼ	
SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHỐI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TIỂU HỌC CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI HIỆN HỮU	
TH.CTSC-KT: 01	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 1, TẦNG 2 MẶT ĐÚNG HIỆN TRẠNG KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC MẶT ĐÚNG H.TRẠNG KHỐI HÀNH CHÍNH - PHÒNG HỌC
TH.CTSC-KT: 02	MẶT BẰNG TẦNG 1 MẶT ĐÚNG TRỤC A-M CHI TIẾT CỬA
TH.CTSC-KT: 03	MẶT BẰNG TẦNG 2 MẶT BẰNG KHU VỆ SINH MẶT ĐÚNG TRỤC M-A
TH.CTSC-KT: 04	MẶT BẰNG TẦNG 3 MẶT ĐÚNG TRỤC 1-10 CHI TIẾT CỬA
TH.CTSC-KT: 05	MẶT BẰNG Mái MẶT ĐÚNG TRỤC 3d-21 MẶT ĐÚNG TRỤC 21-3d
TH.CTSC-KT: 06	MẶT CẮT C-C, D-D MẶT ĐÚNG 1-10 KHỐI P.HỌC - P.HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC
TH.CTSC-KT: 07	MẶT CẮT F-F, H-H MẶT BẰNG CẦU THANG CHI TIẾT
TH.CTSC-KT: 08	MẶT CẮT E-E, G-G MẶT BẰNG CẦU THANG CHI TIẾT
TH.CTSC-KT: 09	CHI TIẾT CỬA
TH.CTSC-N: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 (CẤP NƯỚC) MẶT BẰNG TẦNG 2 (CẤP NƯỚC)
TH.CTSC-N: 02	SƠ ĐỒ TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHI TIẾT TẾ KIỂM TRA TRÊN ống ĐÚNG CHI TIẾT LẮP ĐẶT CHẬU RỬA MẶT
TH.CTSC-N: 03	MẶT BẰNG TẦNG 3 (CẤP NƯỚC)
TH.CTSC-N: 04	MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC)
TH.CTSC-N: 05	SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO) MẶT BẰNG TẦNG 2 (THOÁT NƯỚC PHỂU THU, LAVABO)
TH.CTSC-N: 06	SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU) MẶT BẰNG TẦNG 2 (THOÁT NƯỚC BỂ XÍ, CHẬU TIỂU)
TH.CTSC-N: 07	HẦM TỰ HOẠI SƠ 2 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỐN CẦU TẦNG TRỆT CT LẮP ĐẶT THÔNG TÁC TREO SÀN
TH.CTSC-N: 08	MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC MƯA) MẶT BẰNG Mái (THOÁT NƯỚC MƯA)
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI HIỆN HỮU	
CTSC-KC: 01	MẶT BẰNG SỬA CHỮA CHI TIẾT TẦNG 1 KẾT CẤU CHI TIẾT
CTSC-KC: 02	MẶT BẰNG SỬA CHỮA CHI TIẾT TẦNG 2 KẾT CẤU CHI TIẾT
CTSC-KC: 03	MẶT BẰNG SỬA CHỮA CHI TIẾT TẦNG 3 KẾT CẤU CHI TIẾT
CTSC-KC: 04	BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHI TIẾT GIA CƯỜNG QUY TRÌNH THỰC HIỆN THI CÔNG KHOAN CẮY THÉP
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI HIỆN HỮU HẠNG MỤC: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC	
CTSC-KC: 05	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỌC - KHU VỆ SINH MB, ĐỊNH VỊ MÓNG + GIẢNG MÓNG - KHU VỆ SINH CHI TIẾT MÓNG + GIẢNG MÓNG - KHU VỆ SINH
CTSC-KC: 06	MB, ĐỊNH VỊ CỐ CỘT - KHU VỆ SINH MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT - KHU VỆ SINH MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ĐÀ KIỀNG - KHU VỆ SINH
CTSC-KC: 07	MB/DV DẦM SÀN TẦNG 2 - KHU VỆ SINH MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 2 - KHU VỆ SINH CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2 - KHU VỆ SINH
CTSC-KC: 08	MB/DV DẦM SÀN Mái - KHU VỆ SINH MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KÉO Mái - KHU VỆ SINH CHI TIẾT DẦM SÀN Mái + KÉO Mái - KHU VỆ SINH
CTSC-KC: 09	MB/DV CHI TIẾT TẦNG 1 - KHU VỆ SINH MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CHI TIẾT TẦNG 2 - KHU VỆ SINH KẾT CẤU CHI TIẾT - KHU VỆ SINH
CTSC-KC: 10	MB/DV, MÓNG CẦU THANG MB/DV, ĐÀ KIỀNG CẦU THANG BẢNG THỐNG KÊ THÉP
CTSC-Đ: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT
CTSC-Đ: 02	MẶT BẰNG TẦNG 2 THUYẾT MINH
CTSC-Đ: 03	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BẢNG THỐNG KÊ
CTSC-TH: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 THUYẾT MINH BẢNG THỐNG KÊ
CTSC-TH: 02	MẶT BẰNG TẦNG 2 SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI HIỆN HỮU HẠNG MỤC: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHỐI HÀNH CHÍNH - QUẦN TRỊ	
CTSC-KC: 11	MẶT BẰNG TẦNG 1 SÁNH MẶT BẰNG Mái SÁNH CHI TIẾT KẾT CẤU SÁNH; BẢNG THỐNG KÊ THÉP
CTSC-KC: 12	MẶT BẰNG CẦU THANG INOX MB/DV, CỘT - DẦM CHIẾU NGHỈ MB, BỐ TRÍ SƯỜN CHIẾU NGHỈ
CTSC-KC: 13	MẶT BẰNG VÁCH TẦNG 3 CHI TIẾT VÁCH BẢNG THỐNG KÊ THÉP
CTSC-KC: 14	MẶT BẰNG XÀ GỖ CHI TIẾT VÁCH BẢNG THỐNG KÊ THÉP
CTSC-Đ: 04	MẶT BẰNG TẦNG 1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT
CTSC-Đ: 05	MẶT BẰNG TẦNG 2 THUYẾT MINH
CTSC-Đ: 06	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BẢNG THỐNG KÊ
CTSC-TH: 03	MẶT BẰNG TẦNG 1 THUYẾT MINH BẢNG THỐNG KÊ
CTSC-TH: 04	MẶT BẰNG TẦNG 2 SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

DANH MỤC BẢN VẼ	
SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHỐI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TIỂU HỌC	
TH-KC: 01	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỌC SƠ ĐỒ ép CỌC BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 02	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ MÓNG CHI TIẾT MÓNG BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 03	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỐ CỘT MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT CHI TIẾT CỘT; BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 04	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ĐÀ KIỀNG DƯỚI MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ ĐÀ KIỀNG TRÊN CHI TIẾT ĐÀ KIỀNG; BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 05	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN TẦNG 2 CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 06	CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 07	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 2 CHI TIẾT SẼO 1 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 08	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN TẦNG 3 CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 09	CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 10	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 3 MẶT CẮT 3A-3A; 3B-3B BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 11	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN Mái CHI TIẾT DẦM SÀN Mái BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 12	CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3 BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 13	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN Mái MẶT BẰNG CẦU THANG BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 14	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KÉO Mái MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ CHI TIẾT KÉO; BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-KC: 15	CHI TIẾT KÉO K2, K3, K4
TH-KC: 16	MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 1 MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 2 MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 3
TH-KC: 17	KẾT CẤU CHI TIẾT BẢNG THỐNG KÊ THÉP
TH-Đ: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT
TH-Đ: 02	MẶT BẰNG TẦNG 2 THUYẾT MINH
TH-Đ: 03	MẶT BẰNG TẦNG 3 BẢNG THỐNG KÊ
TH-Đ: 04	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ
TH-TH: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 THUYẾT MINH
TH-TH: 02	MẶT BẰNG TẦNG 2 BẢNG THỐNG KÊ
TH-TH: 03	MẶT BẰNG TẦNG 3 SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

DANH MỤC BẢN VẼ	
SỐ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
CÔNG TRÌNH: NHÀ ĐA NĂNG	
NEN-KT: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 MẶT ĐÚNG 1-8 MẶT CẮT A-A; CHI TIẾT
NEN-KT: 02	MẶT BẰNG Mái MẶT ĐÚNG A-A; MẶT ĐÚNG H-A MẶT ĐÚNG B-1; CHI TIẾT
NEN-KT: 03	MẶT CẮT B-B CHI TIẾT CỬA
NEN-KC: 01	MB/DV CỐ CỘT + CỘT; CHI TIẾT CỐ CỘT, CỘT; CHI TIẾT CỌC D300; BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
NEN-KC: 02	MB/DV MÓNG; CHI TIẾT MÓNG M1, M2, M3, M4, M5, GIẢNG GM; CHI TIẾT ĐÀ KIỀNG DƯỚI; ĐÀ KIỀNG TRÊN
NEN-KC: 03	MB/DV ĐÀ KIỀNG DƯỚI, TRÊN; CHI TIẾT ĐÀ KIỀNG DƯỚI, ĐÀ KIỀNG TRÊN
NEN-KC: 04	BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
NEN-KC: 05	MB/DV DẦM SÀN SÀN KHẤU; MB BỐ TRÍ THÉP SÀN SÀN KHẤU; CÁC MẶT CẮT; CT DẦM SÀN KHẤU; BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
NEN-KC: 06	MB/DV DẦM Mái CT +3.750; MB BỐ TRÍ THÉP SÀN Mái; CÁC MẶT CẮT; CHI TIẾT DẦM Mái
NEN-KC: 07	MB/DV DẦM Mái CT +7.150; MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ; CT DẦM Mái, SẼO; BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
NEN-KC: 08	MB/DV KÉO Mái; CHI TIẾT KÉO K1, K2, K3, K4, K5; CHI TIẾT DẦM DĐ1, DĐ2, DĐ3
NEN-KC: 09	MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 1; KẾT CẤU CÁC CHI TIẾT; BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP
NEN-Đ: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT THUYẾT MINH; BẢNG THỐNG KÊ
NEN-TH: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 THUYẾT MINH BẢNG THỐNG KÊ
NEN-AT: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG ẨM THANH THỐNG KÊ HỆ THỐNG ẨM THANH
NEN-N: 01	MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC MƯA) MẶT BẰNG Mái (THOÁT NƯỚC MƯA) THỐNG KÊ VẬT TƯ

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM PHAN QUANG
THAM TRA
Theo Văn bản số.../KTĐT-DTTC
ngày.../tháng.../năm...
Chữ và bộ môn kỹ thuật

Nguyễn Tiến Mạnh

SỞ XÂY DỰNG ĐÔNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số.../KTĐT-DTTC
ngày.../tháng.../năm...
Người thẩm định kỹ thuật

Trần Nguyễn Minh Trí

CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3

P. Giám đốc

THUYẾT MINH
THAY QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3
Ngày.../tháng.../năm...
Chữ và bộ môn kỹ thuật

Le Quang Trọng

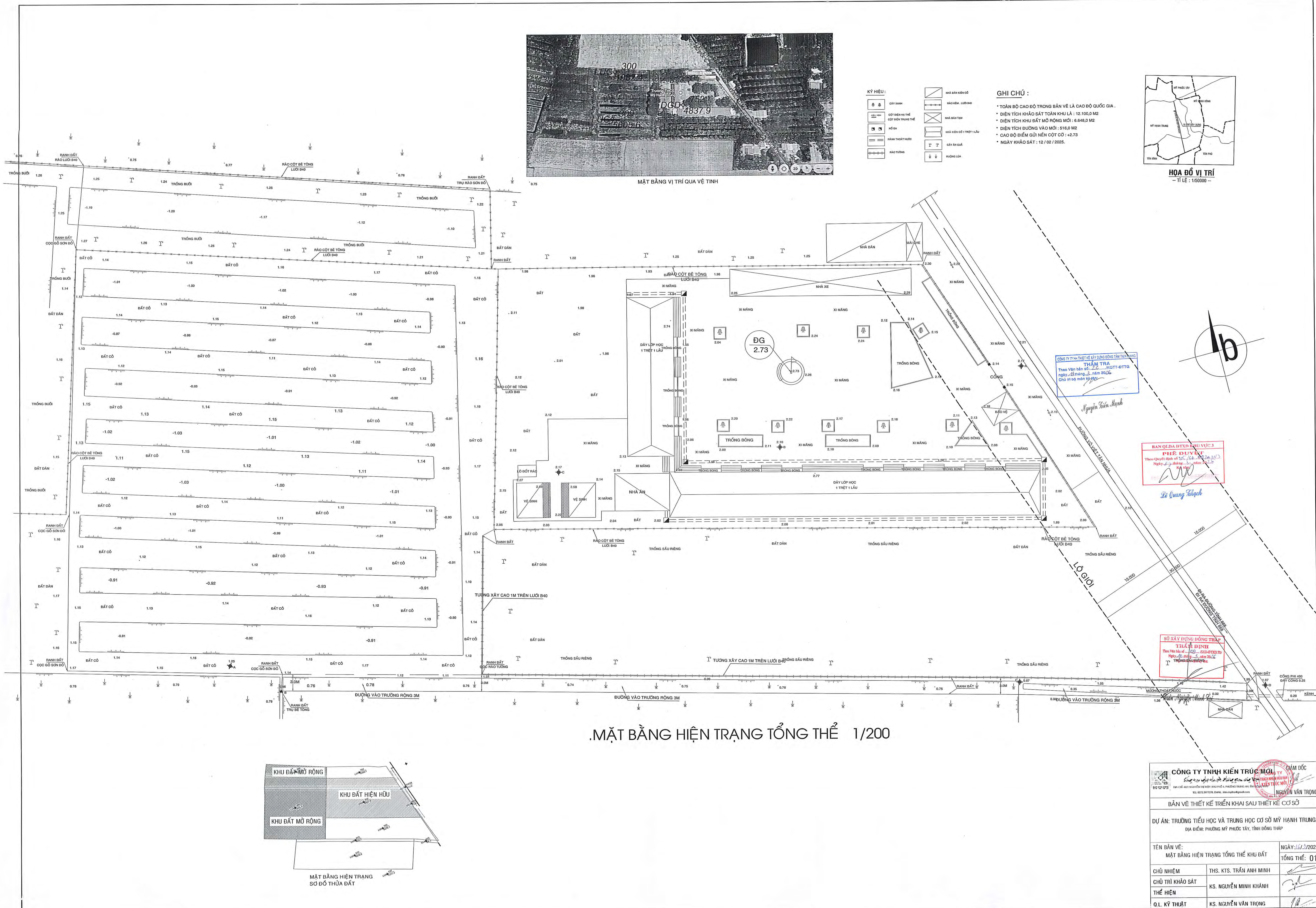
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

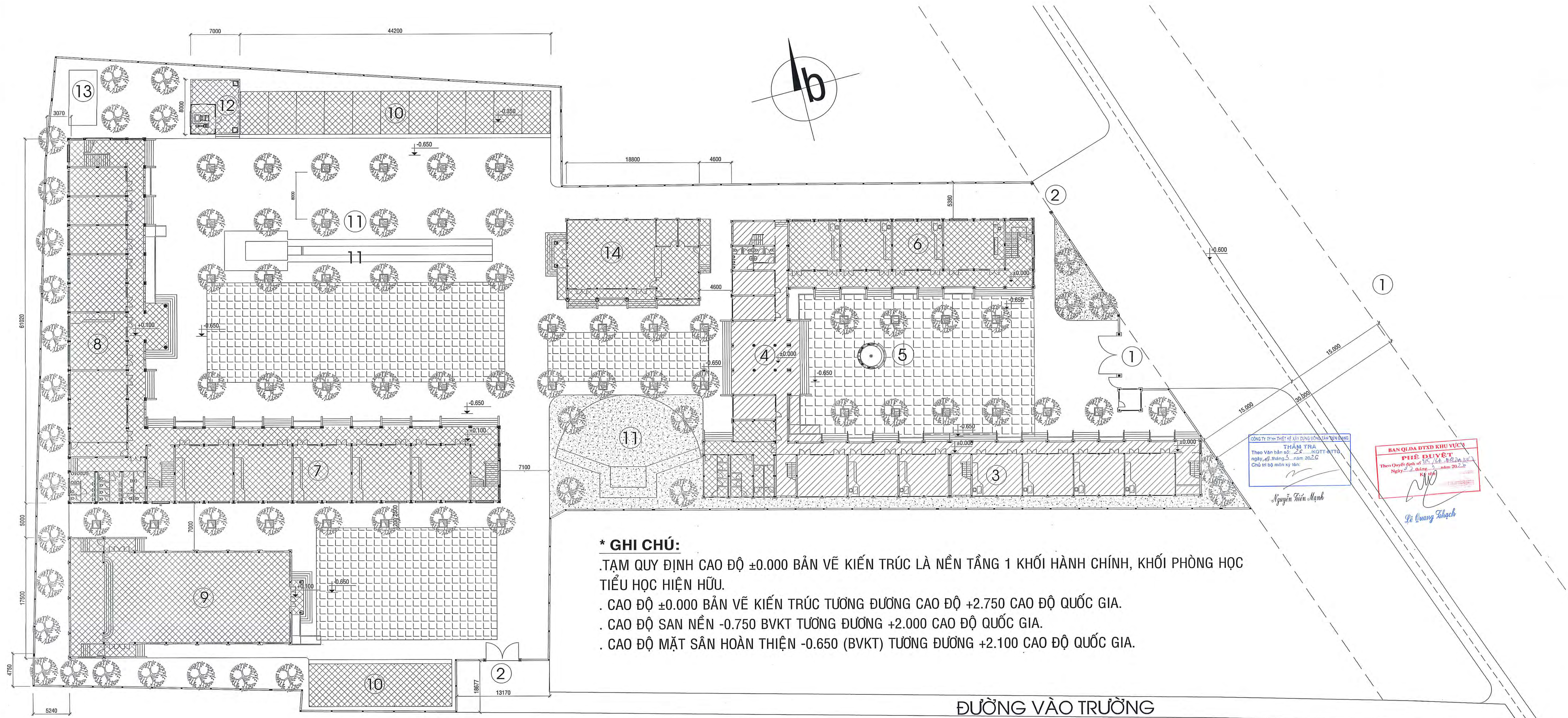
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI

Giám đốc

CÔNG TY
THUYẾT MINH
KIẾN TRÚC MÔI

NGUYỄN VĂN TRỌNG





*** GHI CHÚ:**

- .TẠM QUY ĐỊNH CAO ĐỘ ± 0.000 BẢN VẼ KIẾN TRÚC LÀ NỀN TẦNG 1 KHỐI HÀNH CHÍNH, KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC HIỆN HỮU.
- . CAO ĐỘ ± 0.000 BẢN VẼ KIẾN TRÚC TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ $+2.750$ CAO ĐỘ QUỐC GIA.
- . CAO ĐỘ SAN NỀN -0.750 BVKT TƯƠNG ĐƯƠNG $+2.000$ CAO ĐỘ QUỐC GIA.
- . CAO ĐỘ MẶT SÂN HOÀN THIỆN -0.650 (BVKT) TƯƠNG ĐƯƠNG $+2.100$ CAO ĐỘ QUỐC GIA.

.MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ KHU ĐẤT 1/200

- ① CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (LÀM MỚI)
- ② CỔNG PHỤ (LÀM MỚI)
- ③ KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ④ KHỐI HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ⑤ SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- ⑥ KHỐI PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑦ KHỐI PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)

- ⑧ KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑨ KHỐI NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- ⑩ NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- ⑪ KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- ⑫ HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỮA CHÁY
- ⑬ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑭ NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)

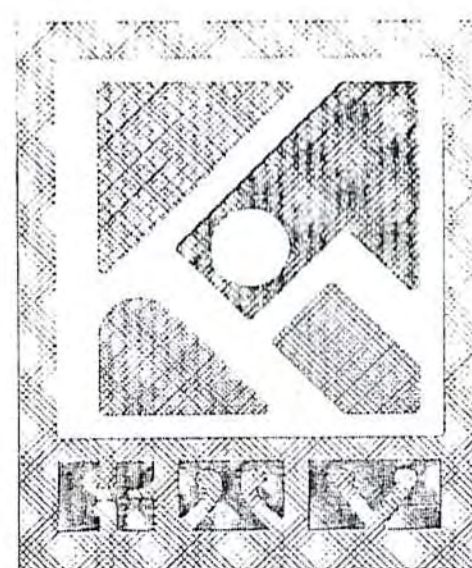
HIỆN TRẠNG CẢI TẠO SỬA CHỮA
XÂY DỰNG MỚI

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	THEO TIÊU CHẨN	
				CẤP TH	CẤP THCS
1	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG	3.349,01	27,83	$\leq 40\%$	$\leq 45\%$
2	DIỆN TÍCH ĐẤT SÂN VƯỜN (CÂY XANH, SÂN CHƠI, SÂN TDTT)	4.938,56	41,03	$\geq 40\%$	$\geq 30\%$
3	DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	3.747,93	31,14	$\geq 20\%$	$\geq 25\%$
	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	12.035,50	100%	100%	100%



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI		GIÁM ĐỐC
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM		NGUYỄN VĂN TRỌNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG		
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ KHU ĐẤT	NGÀY: 12/2/2026
TỔNG THỂ: 02		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI	
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI

Sáng tạo nghệ thuật không gian sống Việt

ĐỊA CHỈ: 42/1 NGUYỄN THỊ THẬP, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG TRUNG AN, TỈNH ĐỒNG THÁP

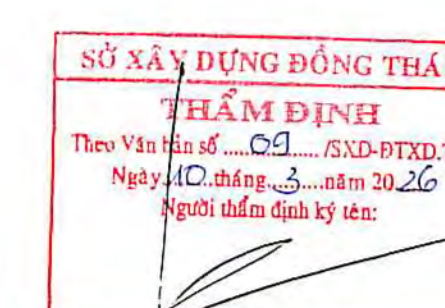
TEL: 0273.3977278, EMAIL : ktm.mytho@gmail.com

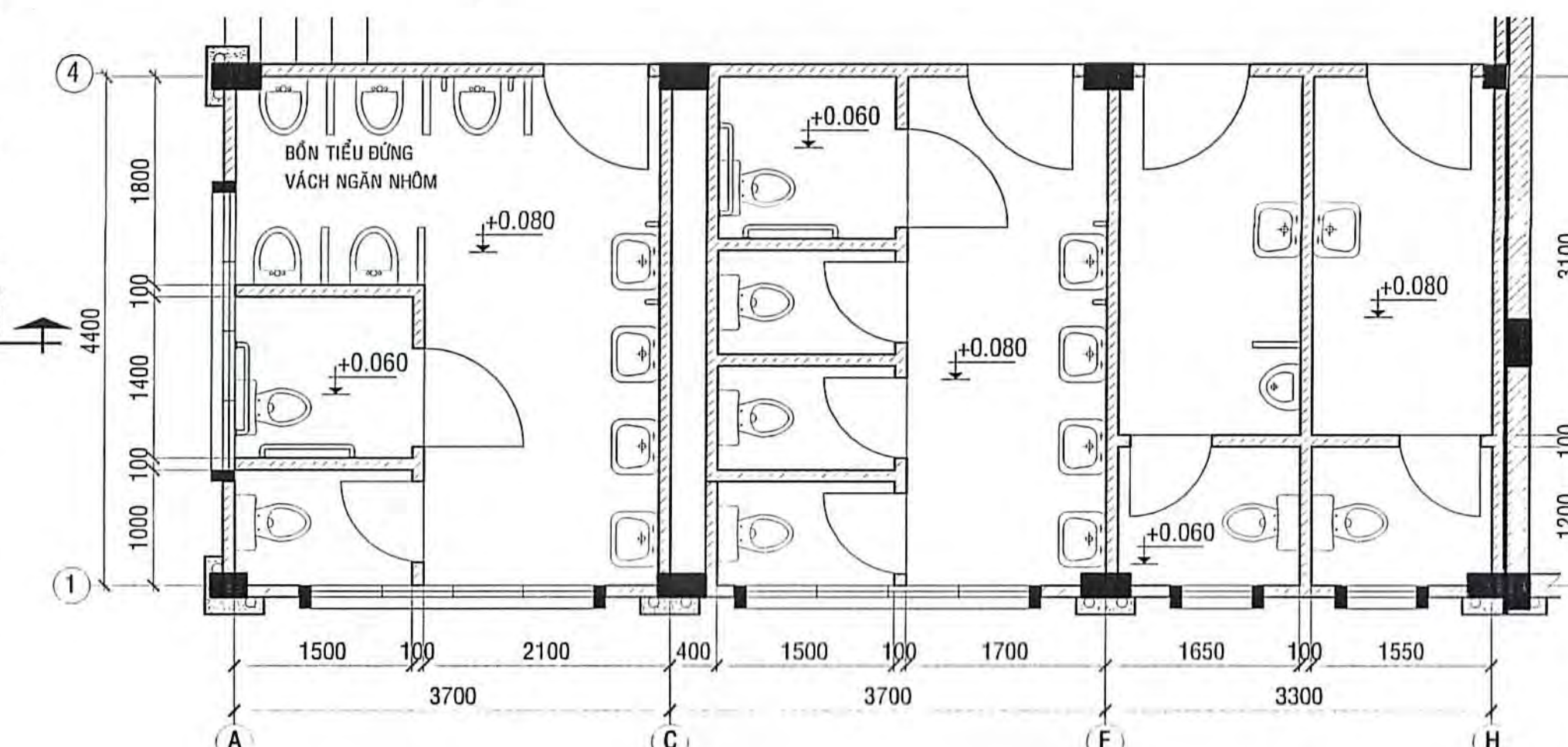
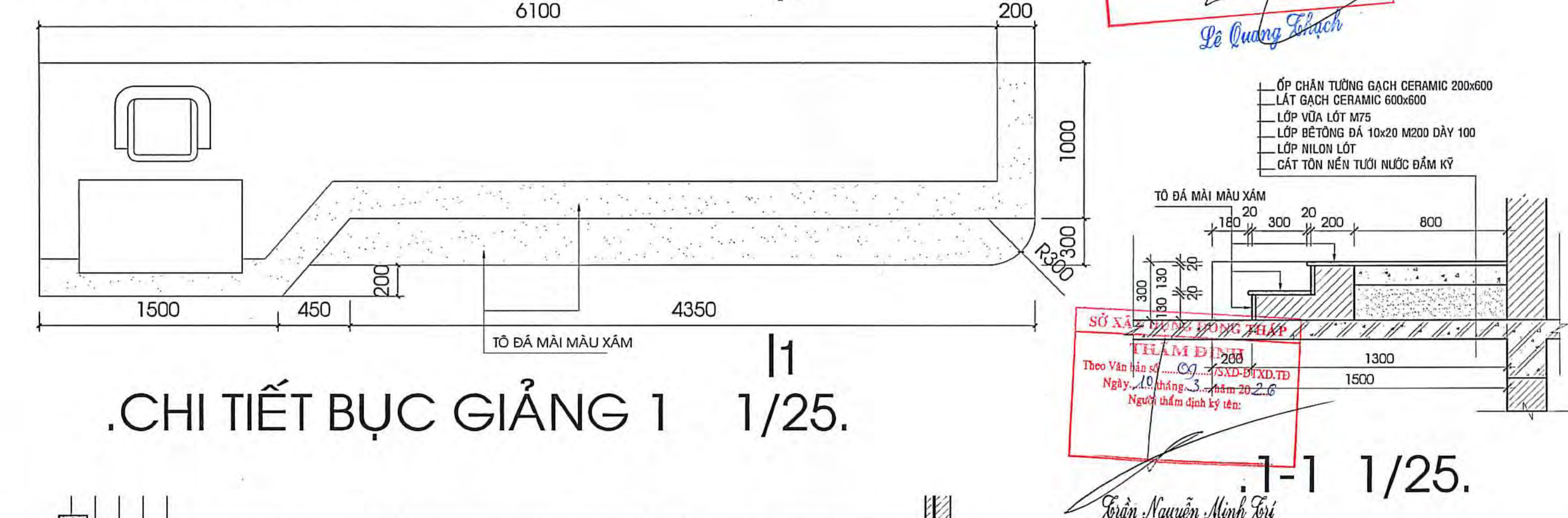
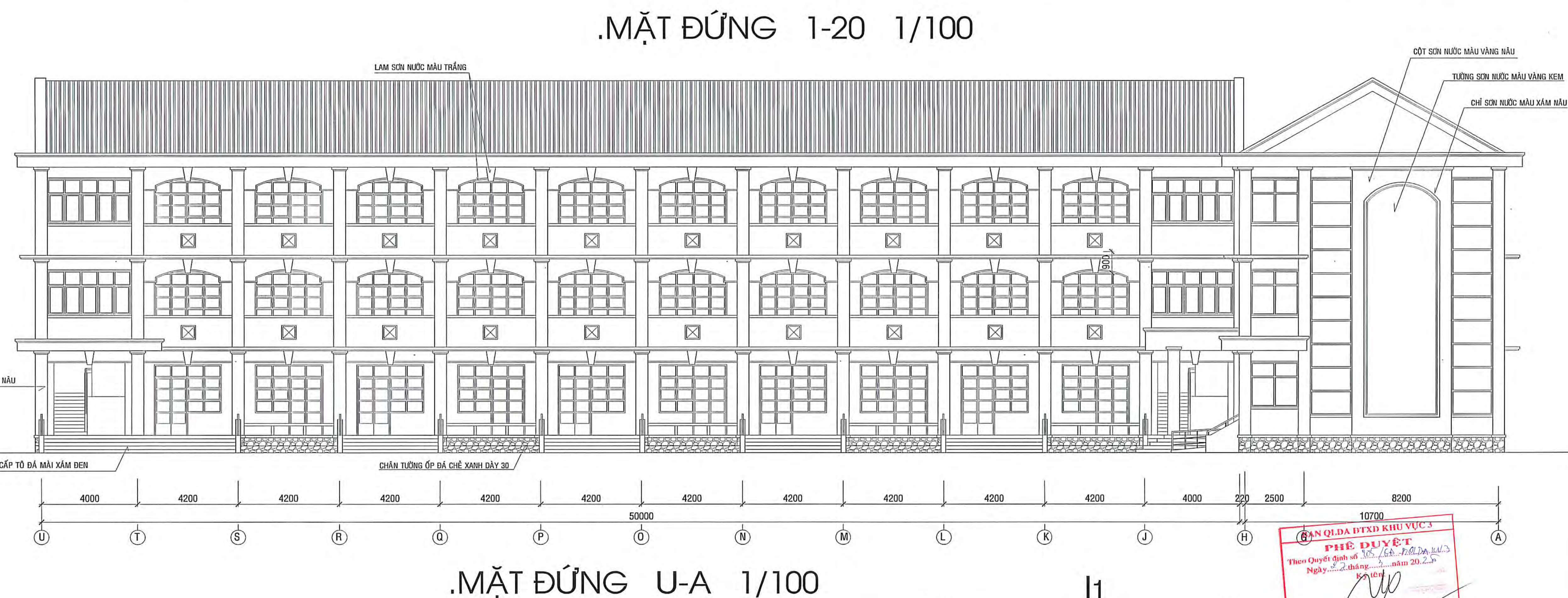
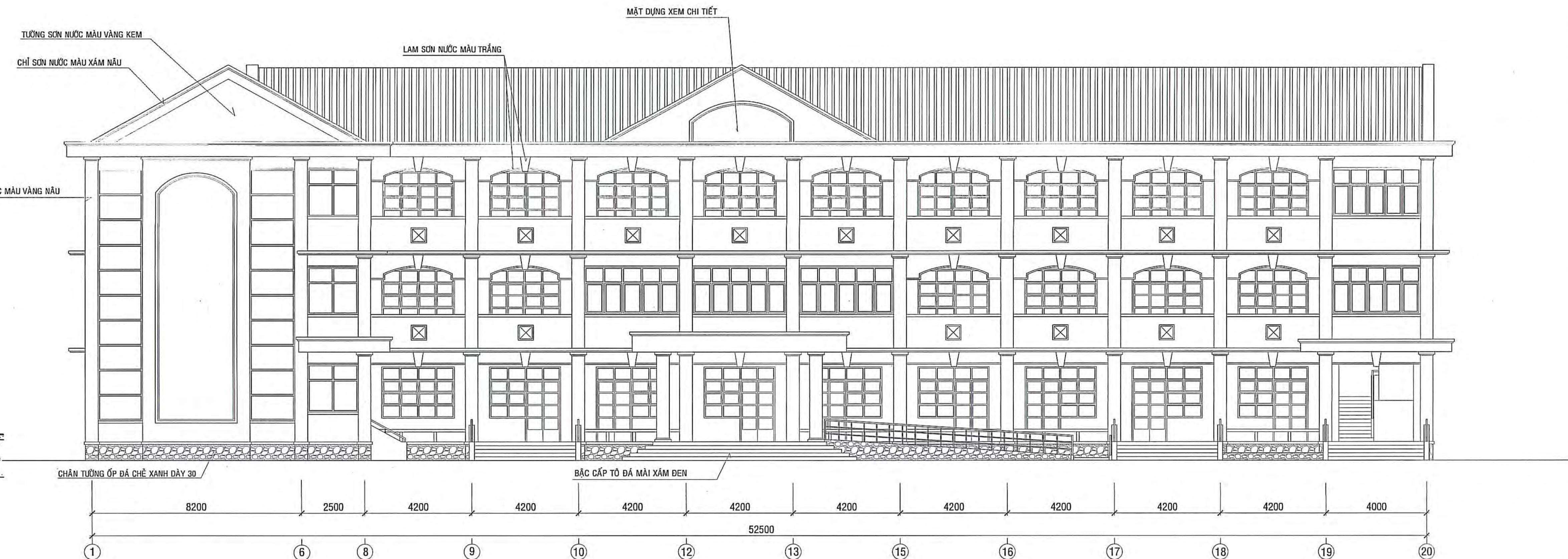
HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

**GÓI THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
THUỘC DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ**

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3







CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI VIỆT NAM

Số 04/2016/ĐKTĐ-BNN&ĐNTN, 4/2016/ĐKTĐ-BNN&ĐNTN, 4/2016/ĐKTĐ-BNN&ĐNTN, 4/2016/ĐKTĐ-BNN&ĐNTN

TEL: 071.372721, EMAIL: info@ntmvietnam.com

GIẤM ĐỐC

(CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ CỦA NGƯỜI CHỮ KÝ)

NGƯỜI CHỮ KÝ (TRỌNG TRƯỞNG)

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SẠCH THIẾT KẾ CỖ SỖ

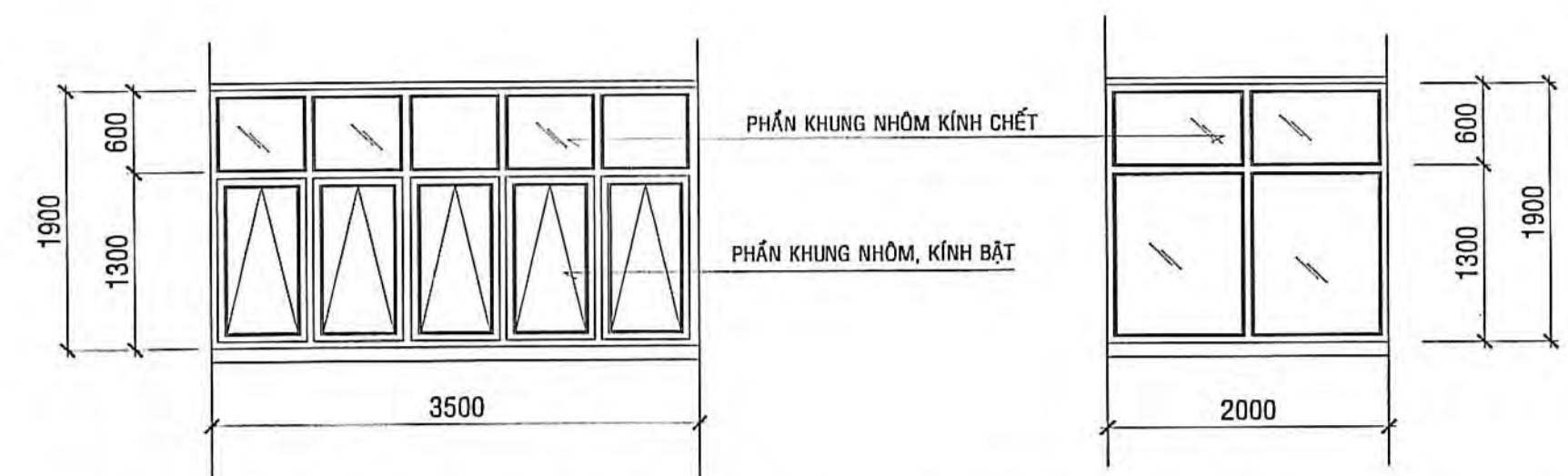
DỰ ÁN: TRƯỜNG THỰC HỌC VÀ TRUNG HỌC CỖ SỖ MỸ HẠNH TRUNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÔI PHÒNG HỌC,

PHÒNG BỒ DƯỠNG MÔI KHÔI TRUNG HỌC CỖ SỖ

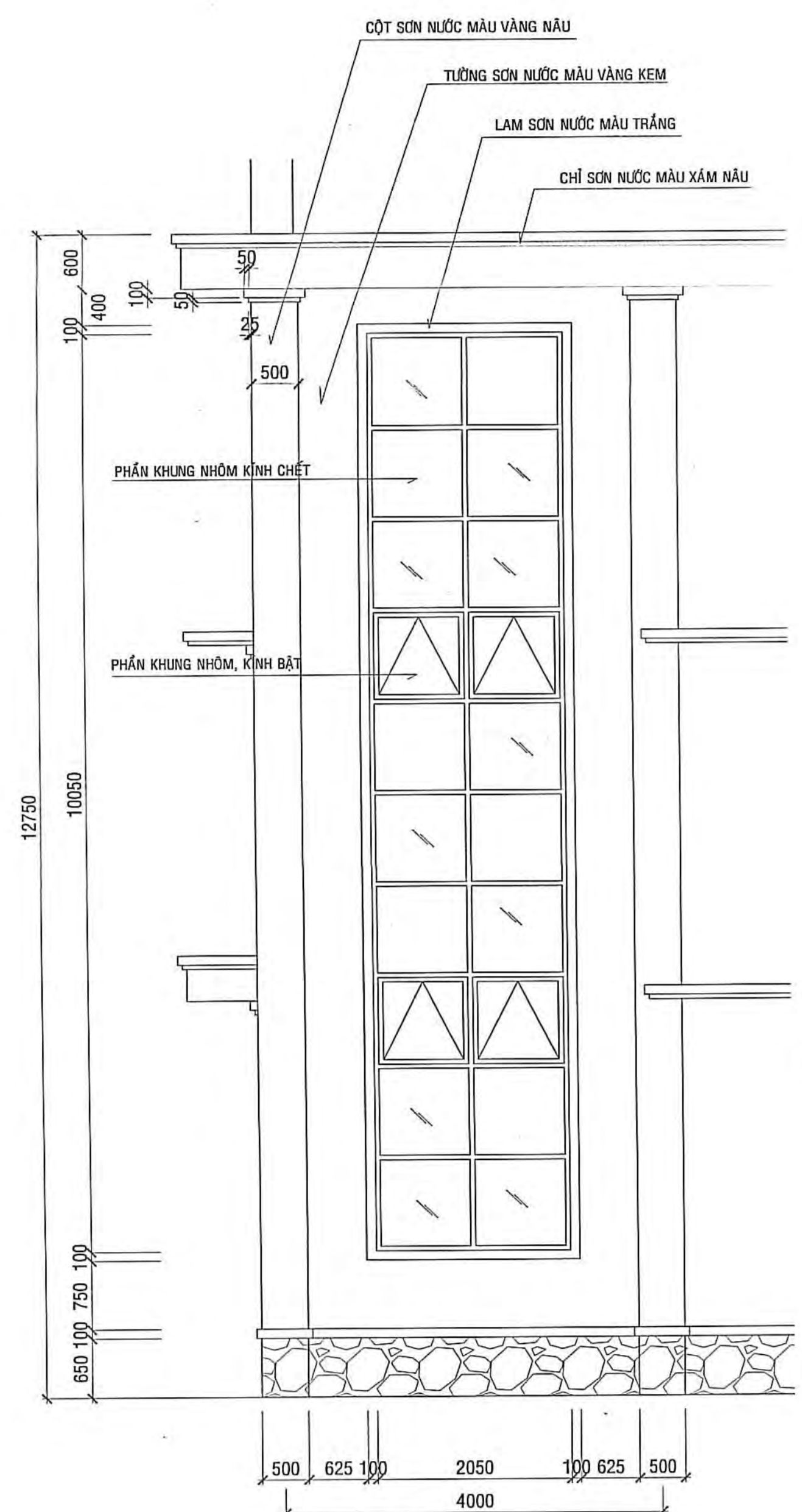
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG TẦNG 1 MẶT ĐƯỜNG 1-18, U.A CHI TIẾT, MẶT BẰNG KHU VỰC SINH T.1	NGÀY: 01/01/2020
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	THCS-KT: 0
CHỦ TRÍ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI	
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC	
Q.L.KY THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	

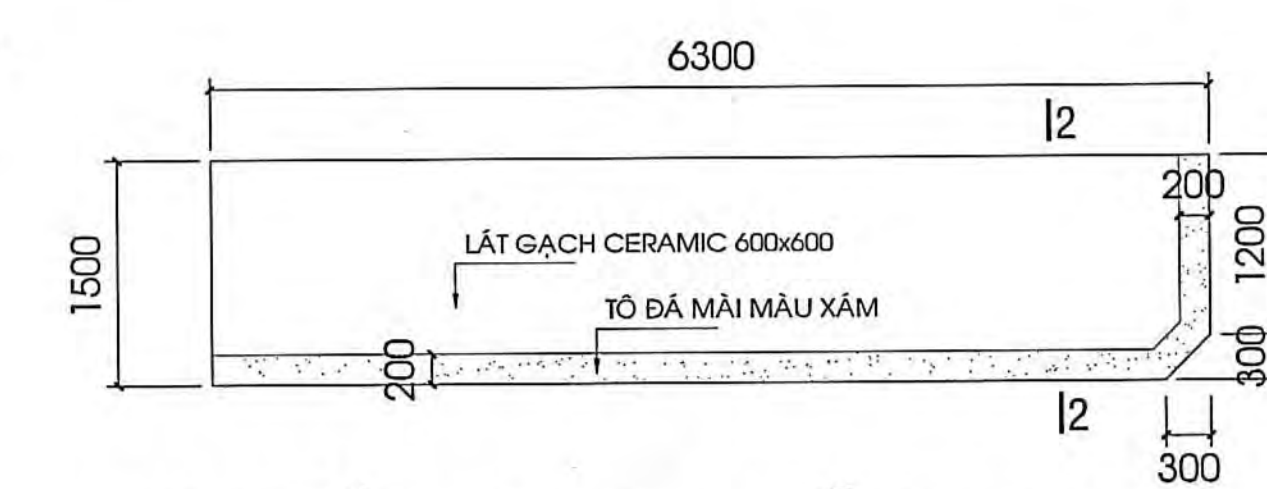


.CHI TIẾT KHUNG NHÔM K2 1/50.
KHUNG NHÔM HẸ 1000, SƠN TĨNH ĐIỆN TRẮNG
KÍNH CƯỜNG LỰC 8MM, SỐ LƯỢNG: 06 KHUNG

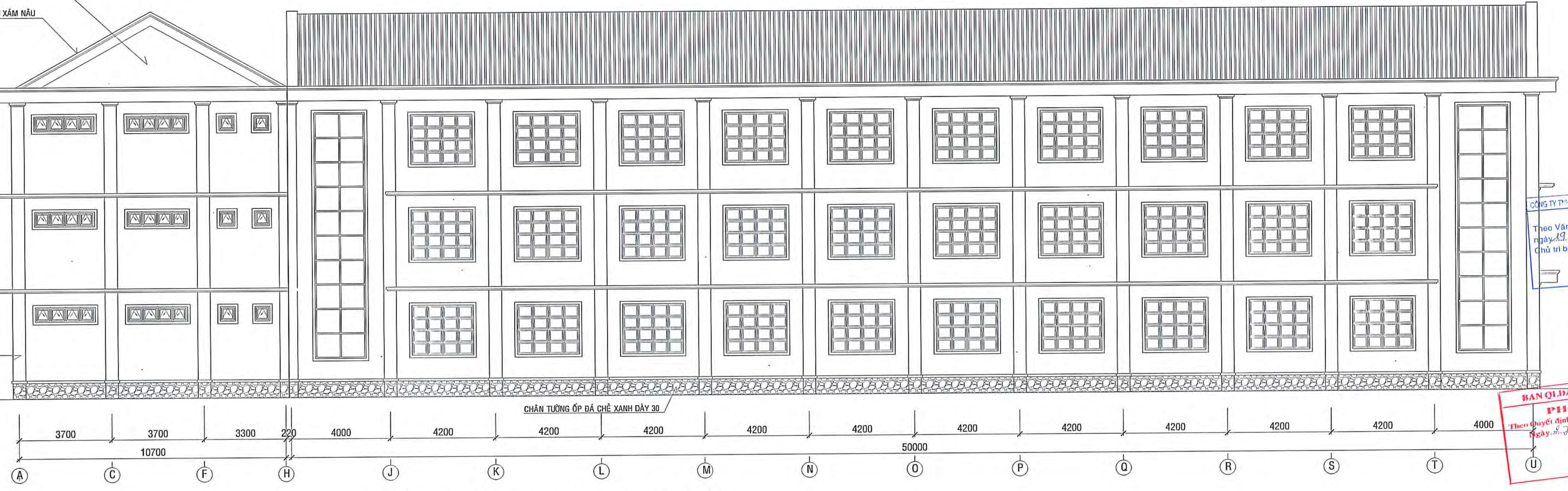
.CHI TIẾT KHUNG NHÔM K3 1/50.
KHUNG NHÔM HẸ 2000, SƠN TĨNH ĐIỆN TRẮNG
KÍNH CƯỜNG LỰC 8MM, SỐ LƯỢNG: 06 KHUNG



.CHI TIẾT KHUNG NHÔM K1 1/50
KHUNG NHÔM HẸ 1000, SƠN TĨNH ĐIỆN TRẮNG
KÍNH CƯỜNG LỰC 8MM, SỐ LƯỢNG: 03 KHUNG

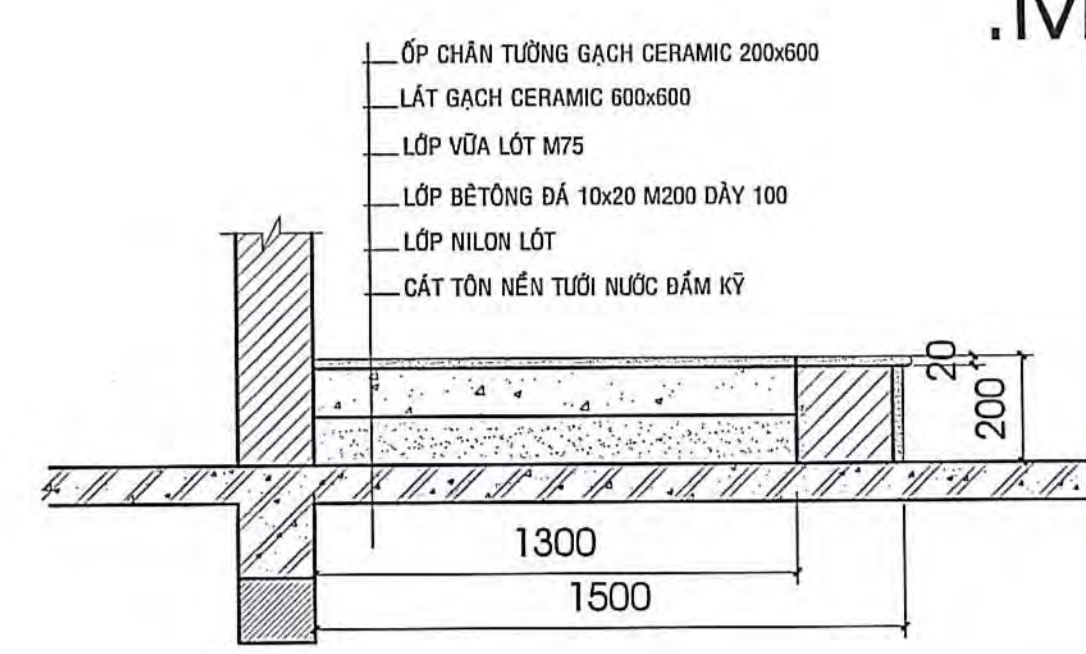


.CHI TIẾT BUC GIĂNG 2 1/25.



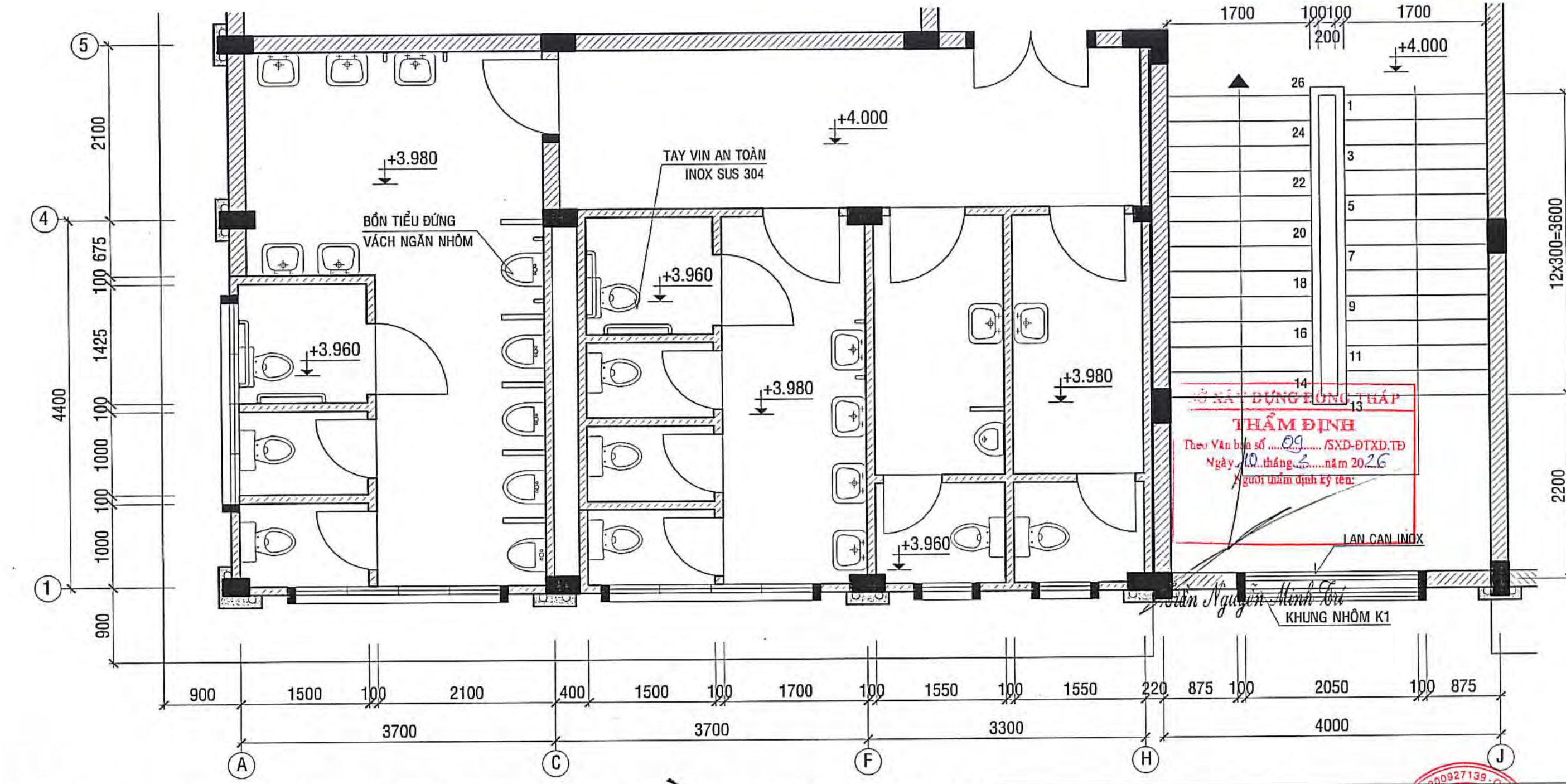
.MẶT ĐỨNG 20-1 1/100

.MẶT ĐỨNG A-U 1/100



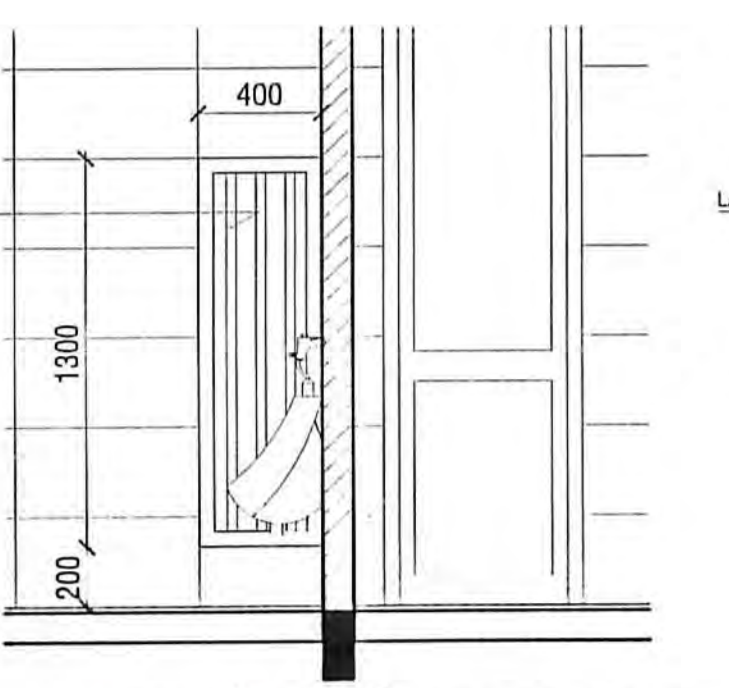
.2-2 1/25.

.TAY VIN AN TOÀN 1/25.
(GÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT) SỐ LƯỢNG 30 CÁI

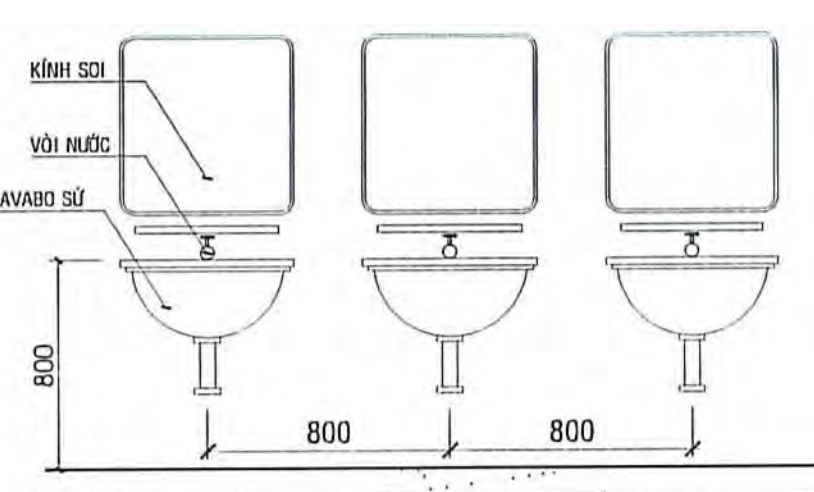


.MB. KHU VSINH, CTHANG TẦNG 2 1/50

.MẶT BẰNG TẦNG 2 1/100



.CT. BỒN TIỂU NAM 1/25.



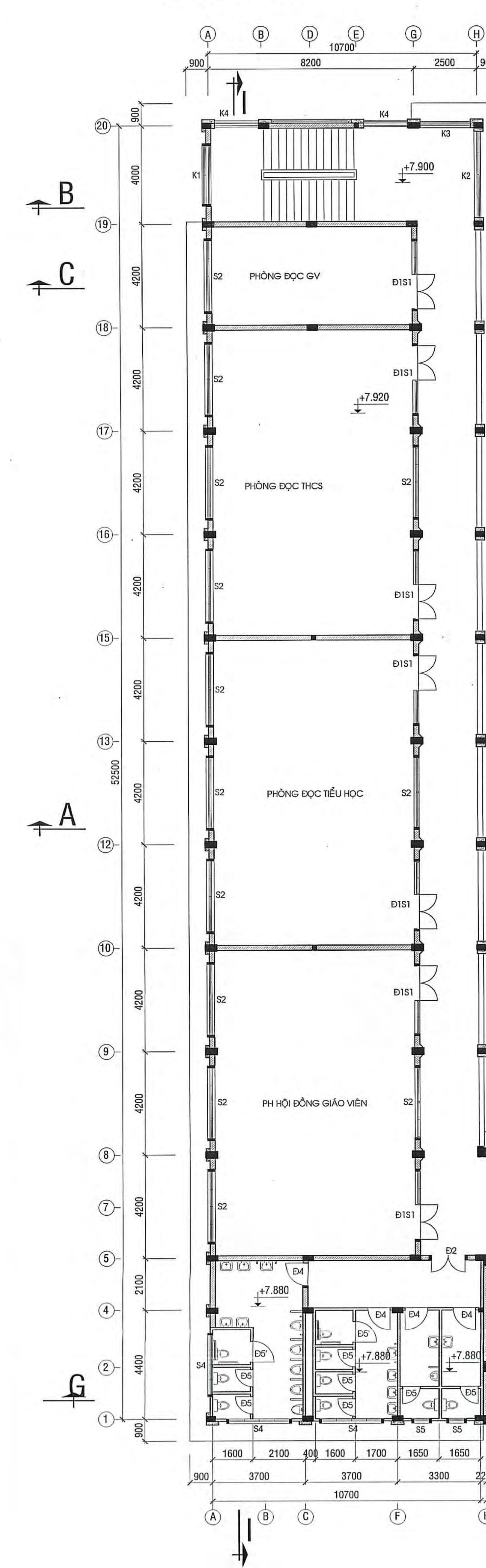
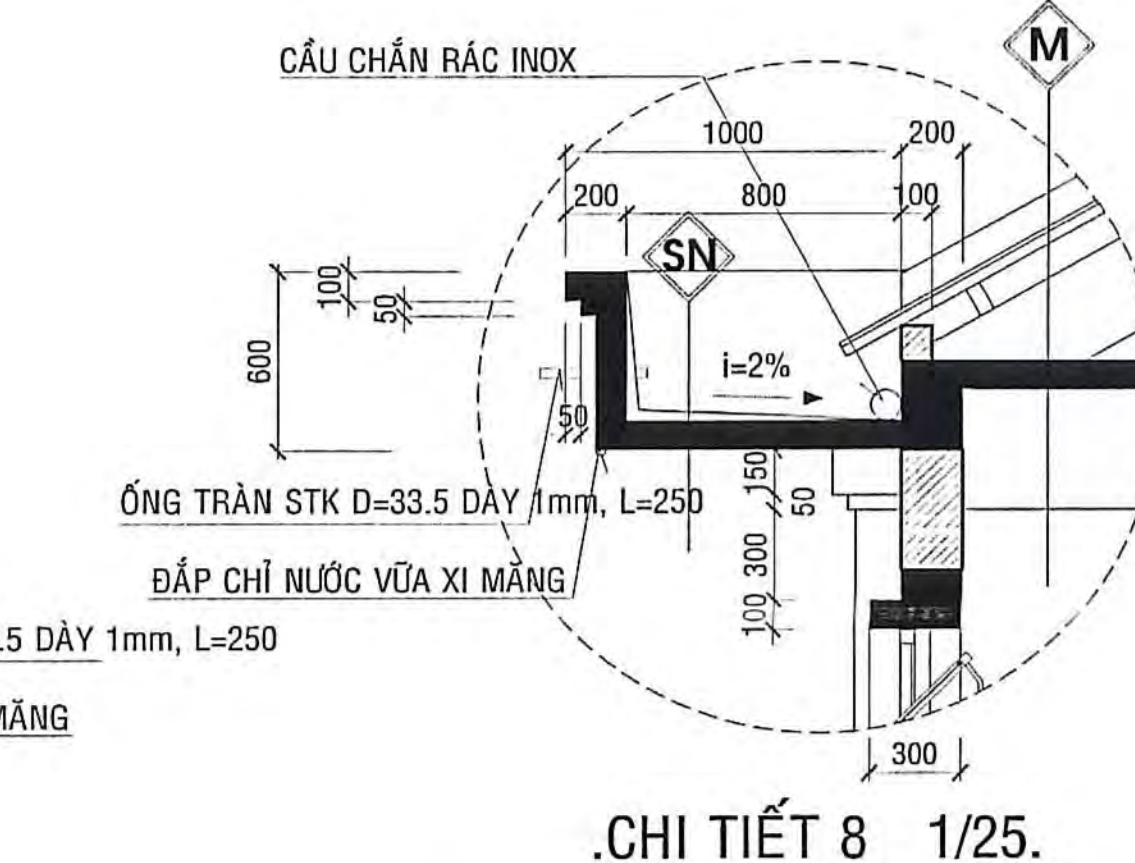
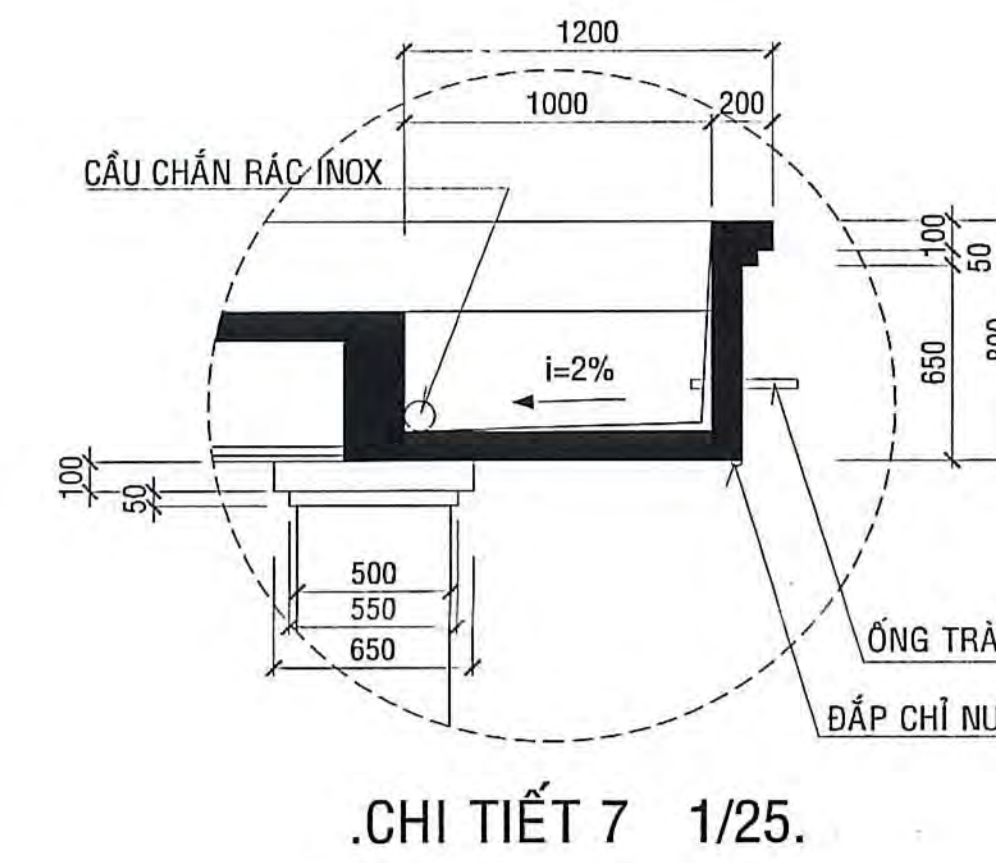
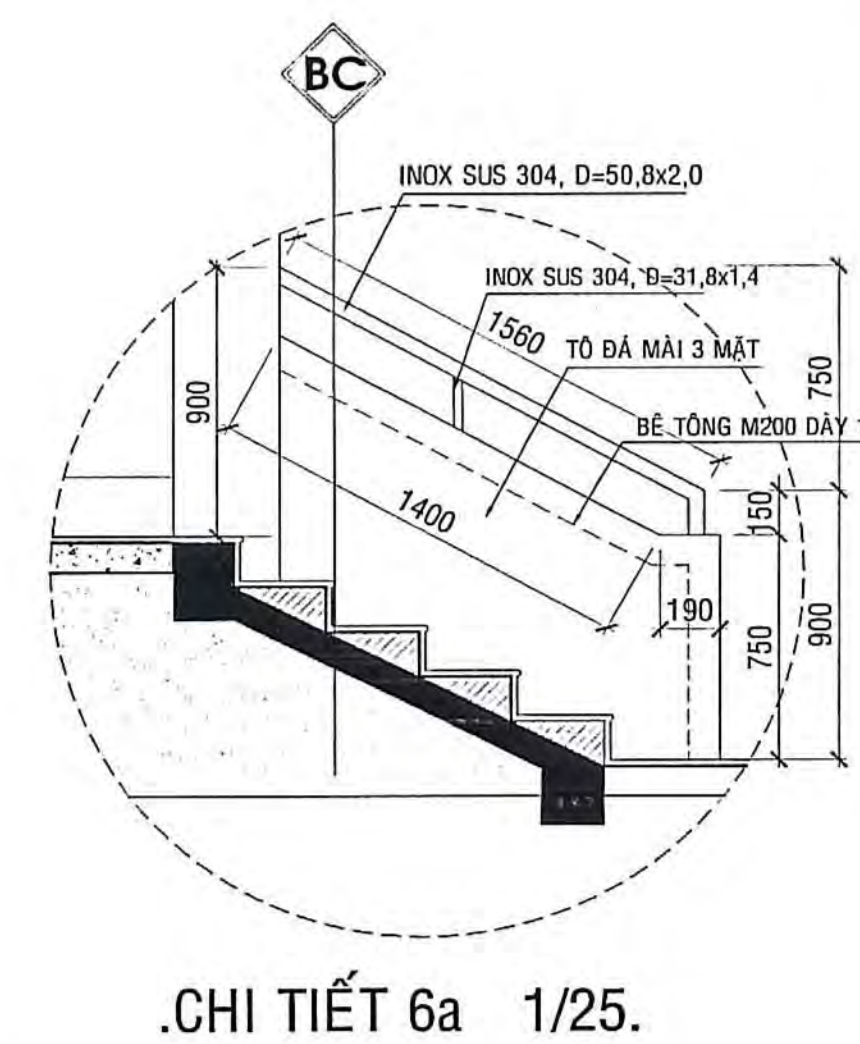
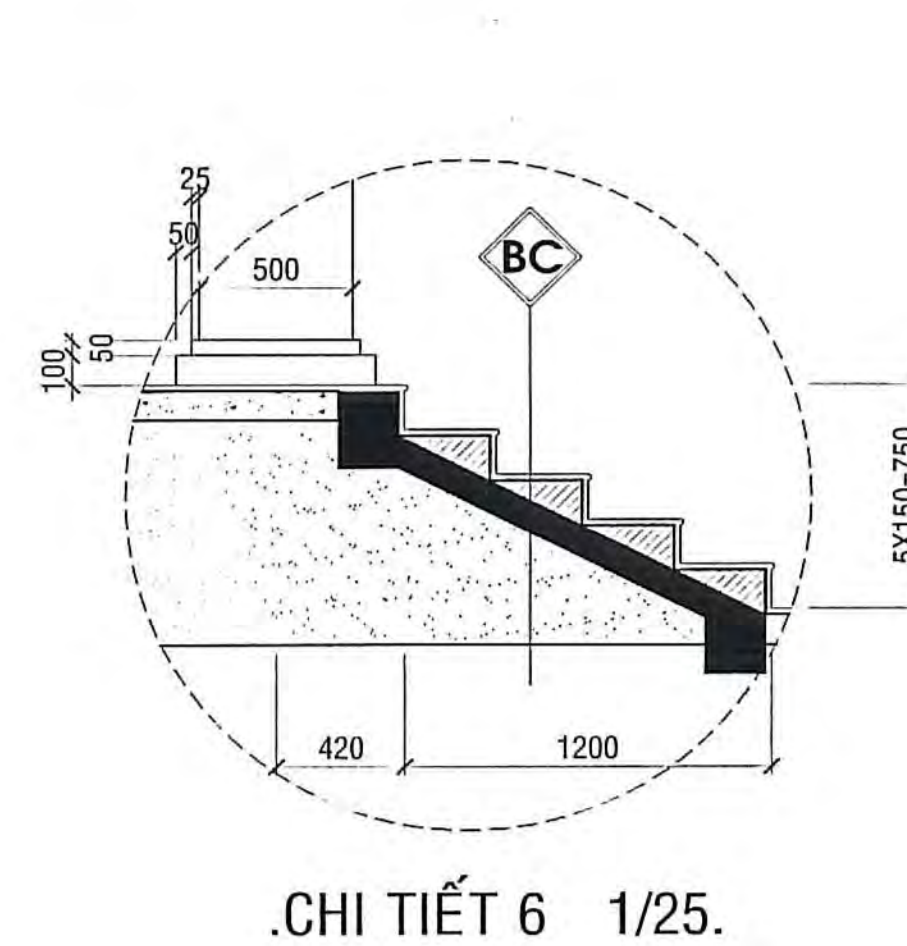
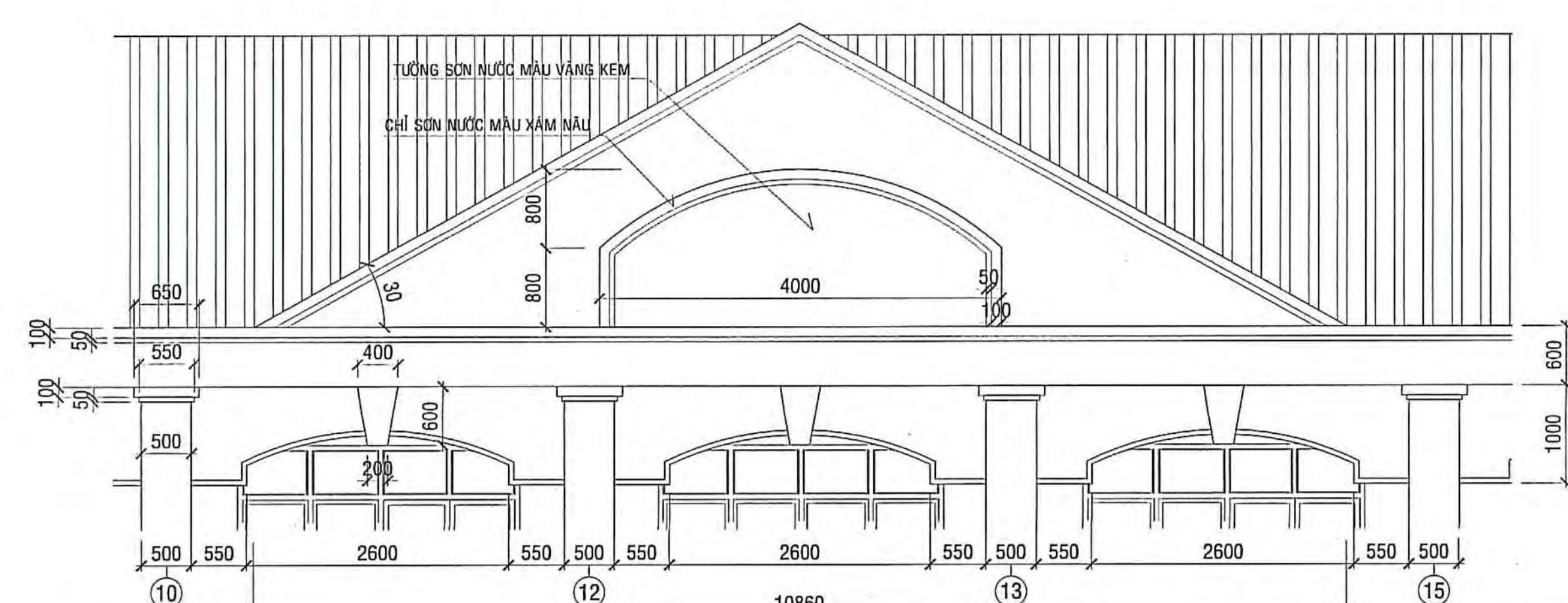
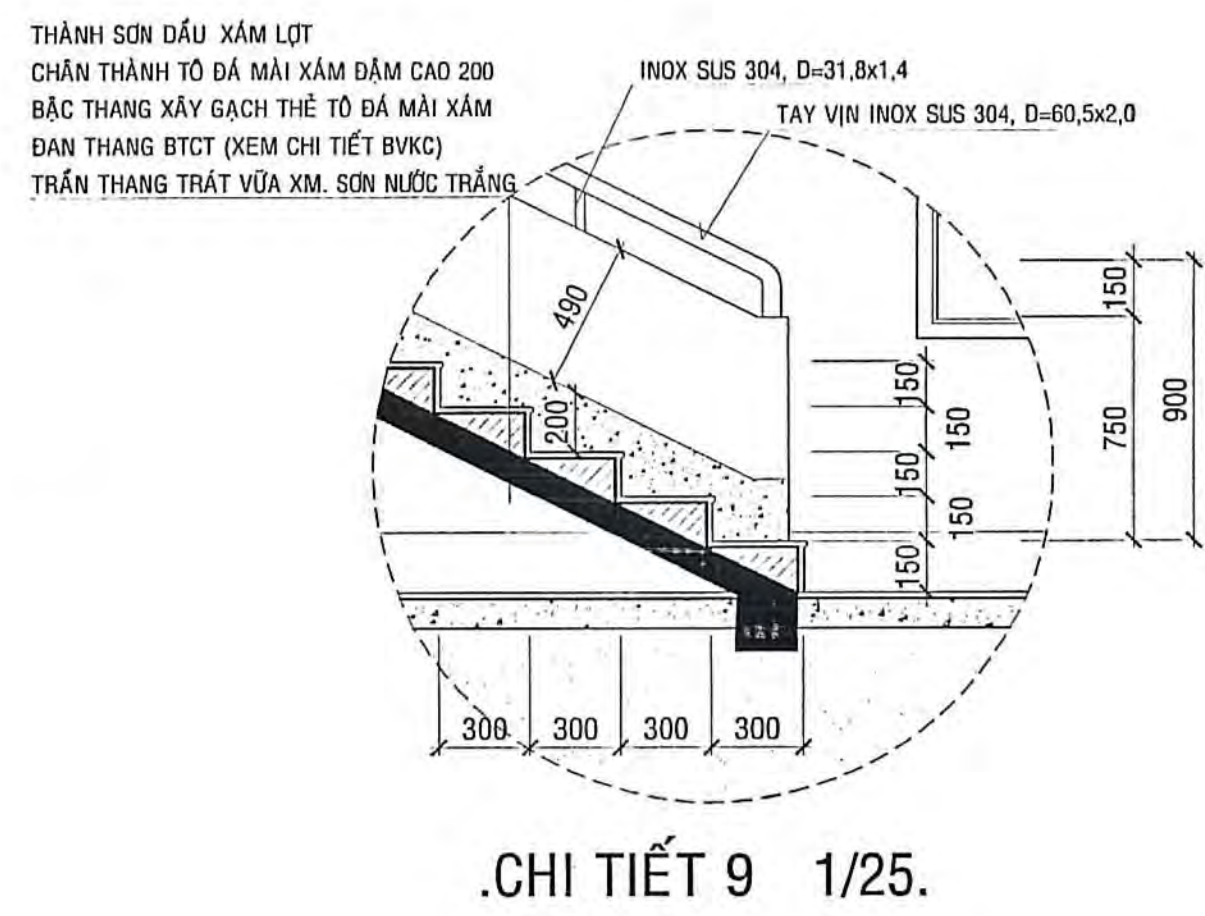
.CT. BỒN RỬA 1/25.

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ THAM
SỐ 12/12/2026
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TẦNG 2
MẶT ĐỨNG 19-1, A-U
CHI TIẾT, MẶT BẰNG KHU V SINH T.2

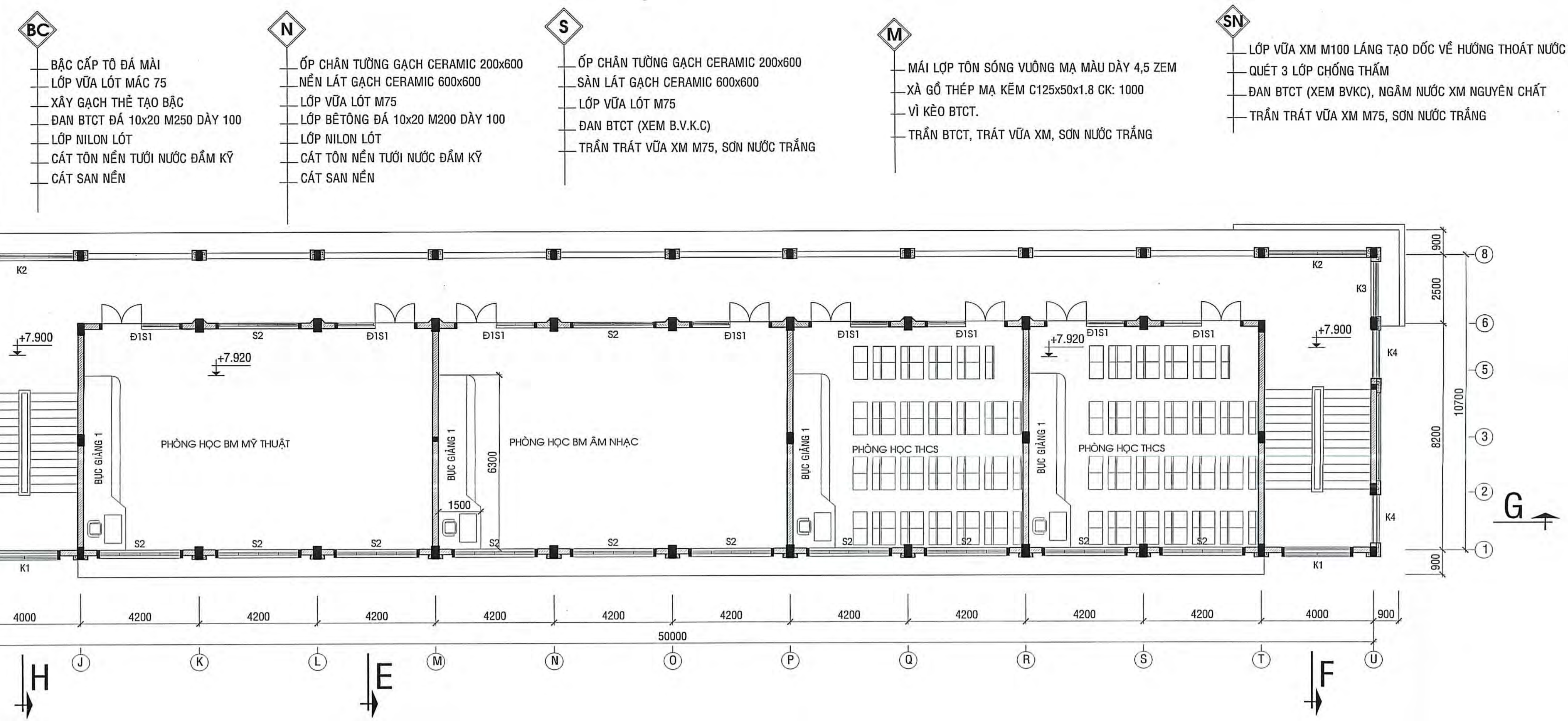
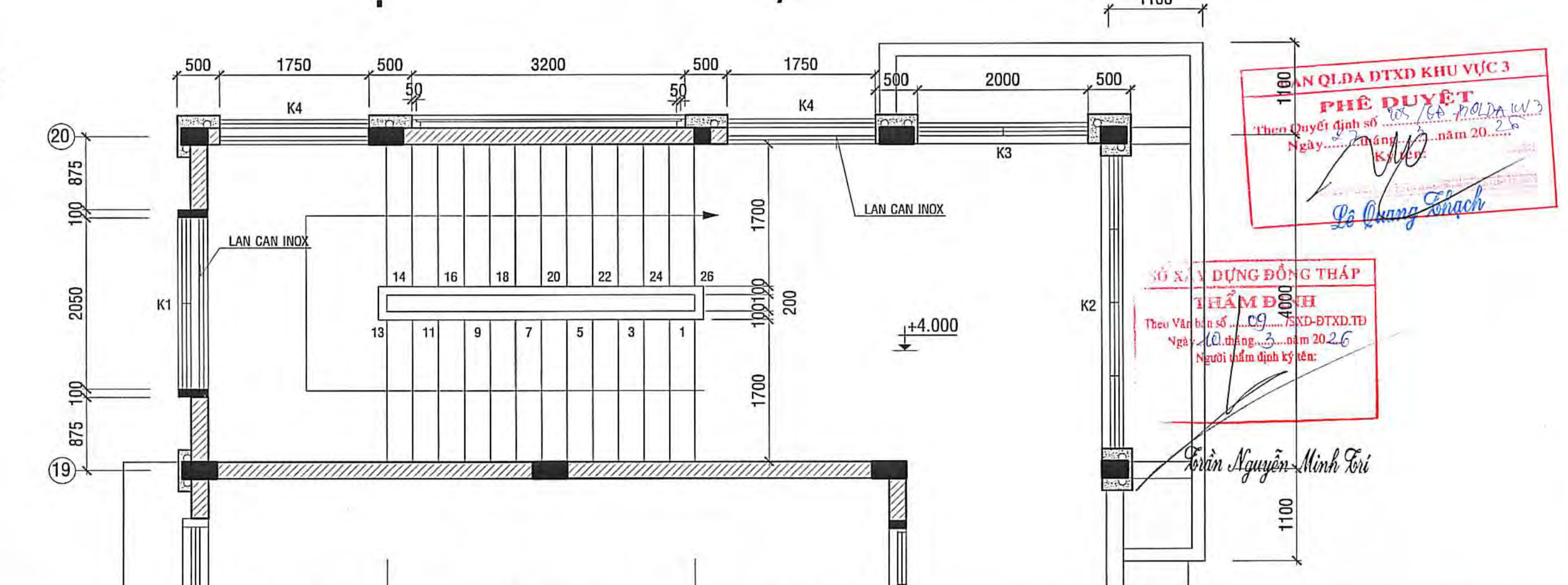
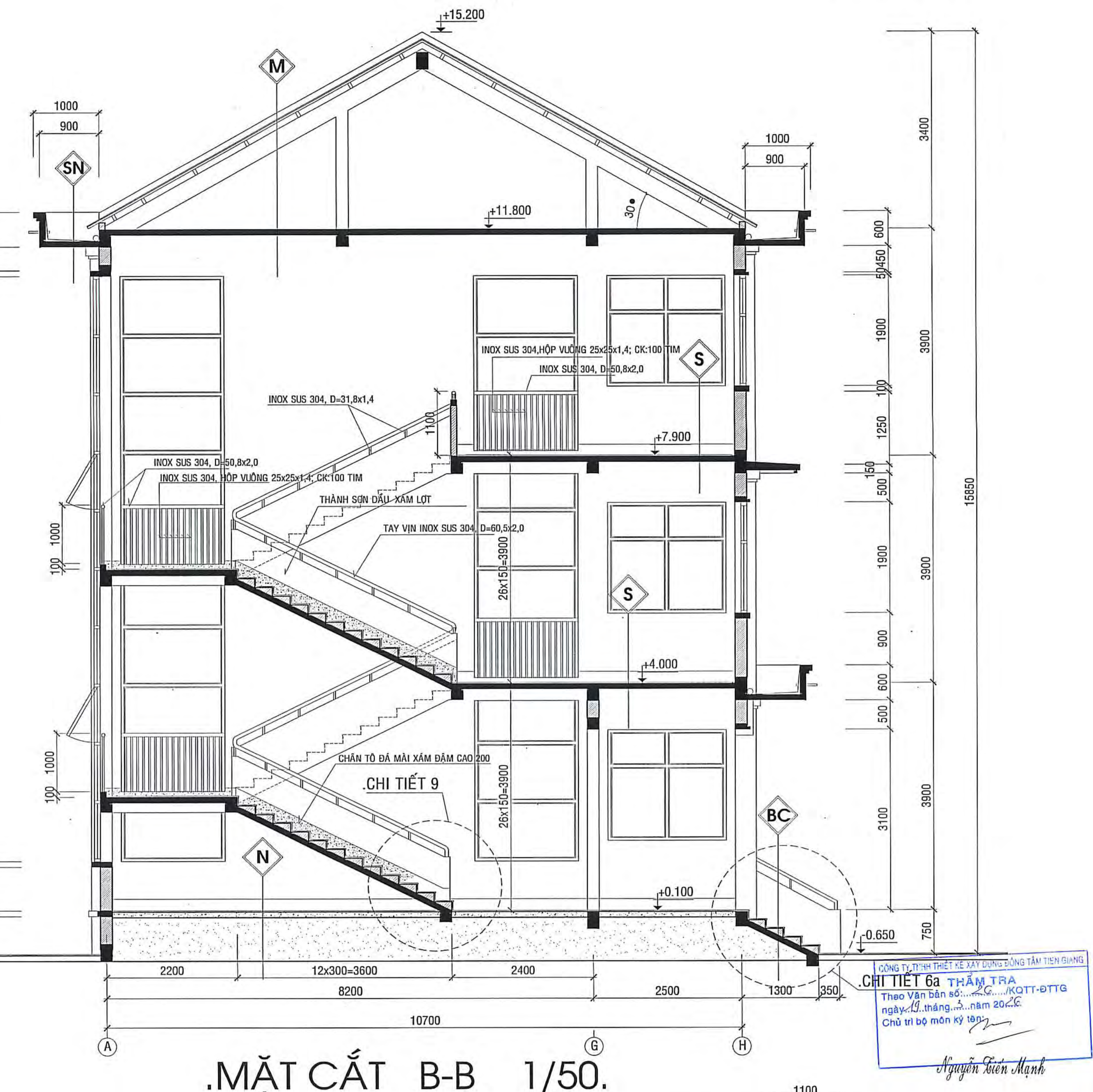
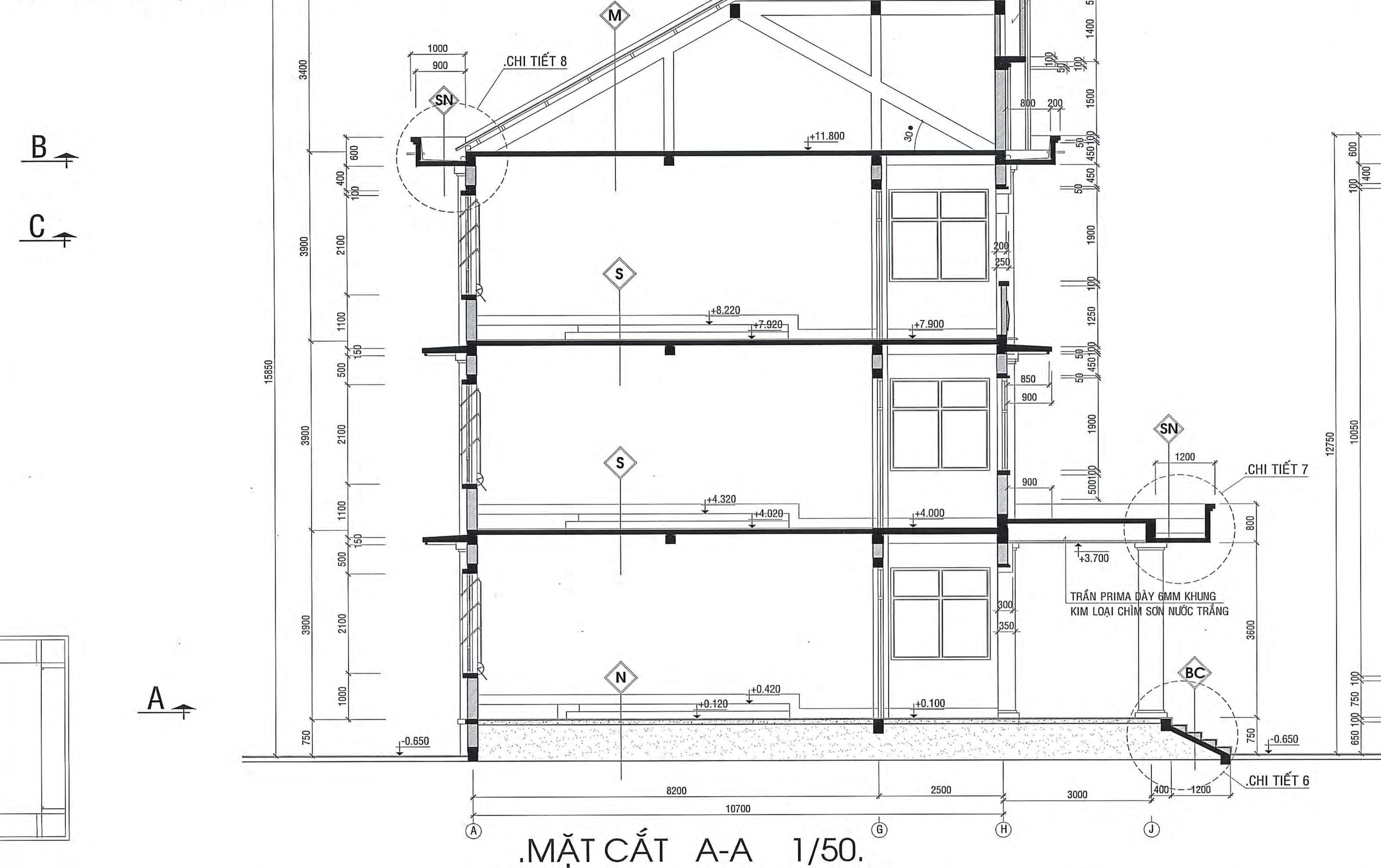
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC: KTS. NGUYỄN TRONG KHÔI
THIẾT KẾ: KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC
Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

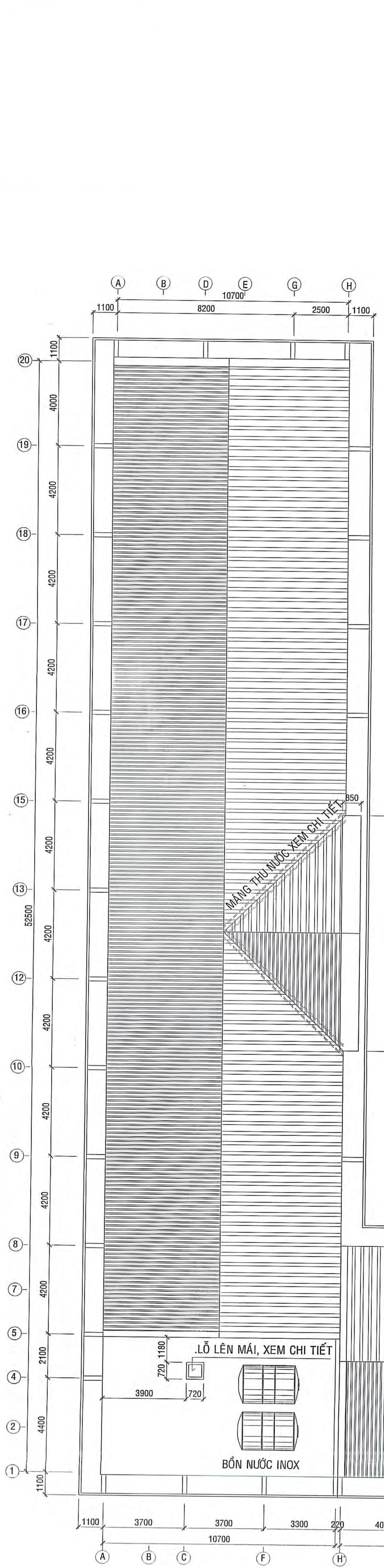
NGÀY: 12/12/2026
THCS-KT: 02



.CT. MẶT DỰNG 1/50.

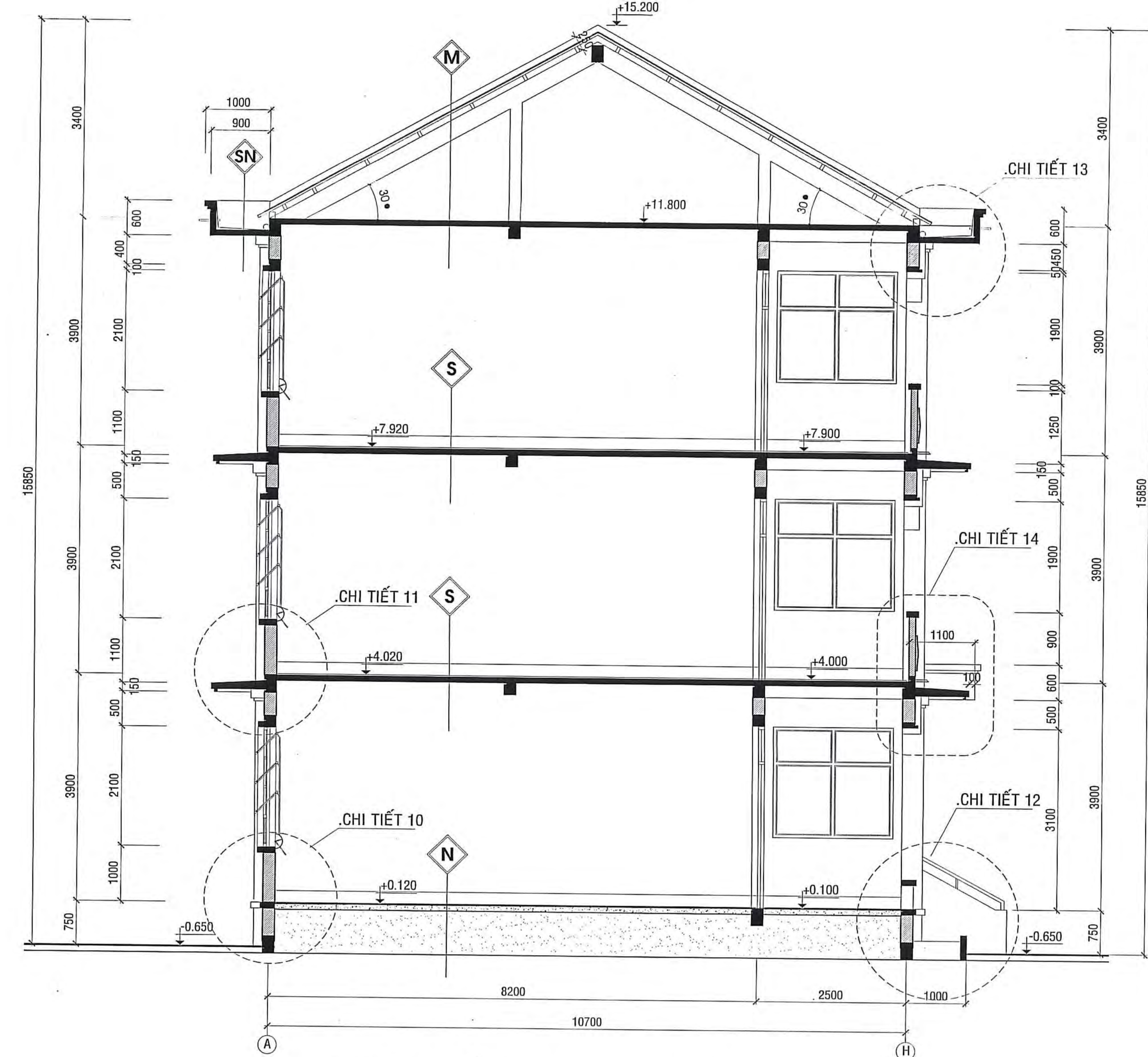


CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Số 42 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, Quận 3, TP. HCM Điện thoại: 0903.123.456 Email: info@ktnm.vn			CHẤM ĐỌC NGUYỄN VĂN TRỌNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ			
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG			
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC,			
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ			
Địa điểm: Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp			
TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG TẦNG 3	NGÀY: 15/12/2026	
	MẶT CẮT A-A, B-B		
	CHI TIẾT, MẶT BẰNG CẦU THANG	THCS-KT: 03	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI		
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		

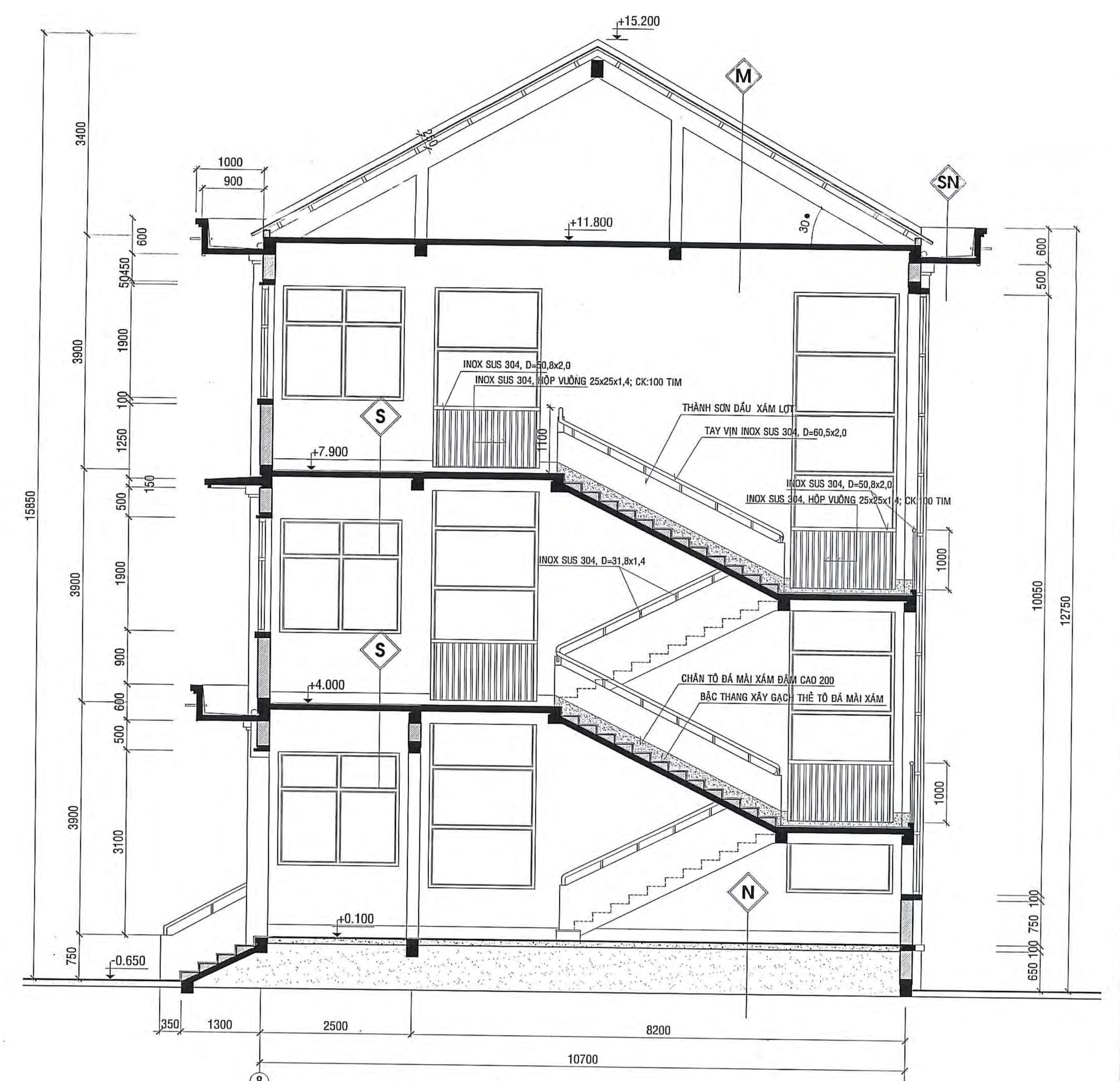


.MẶT BẰNG MÁI 1/100

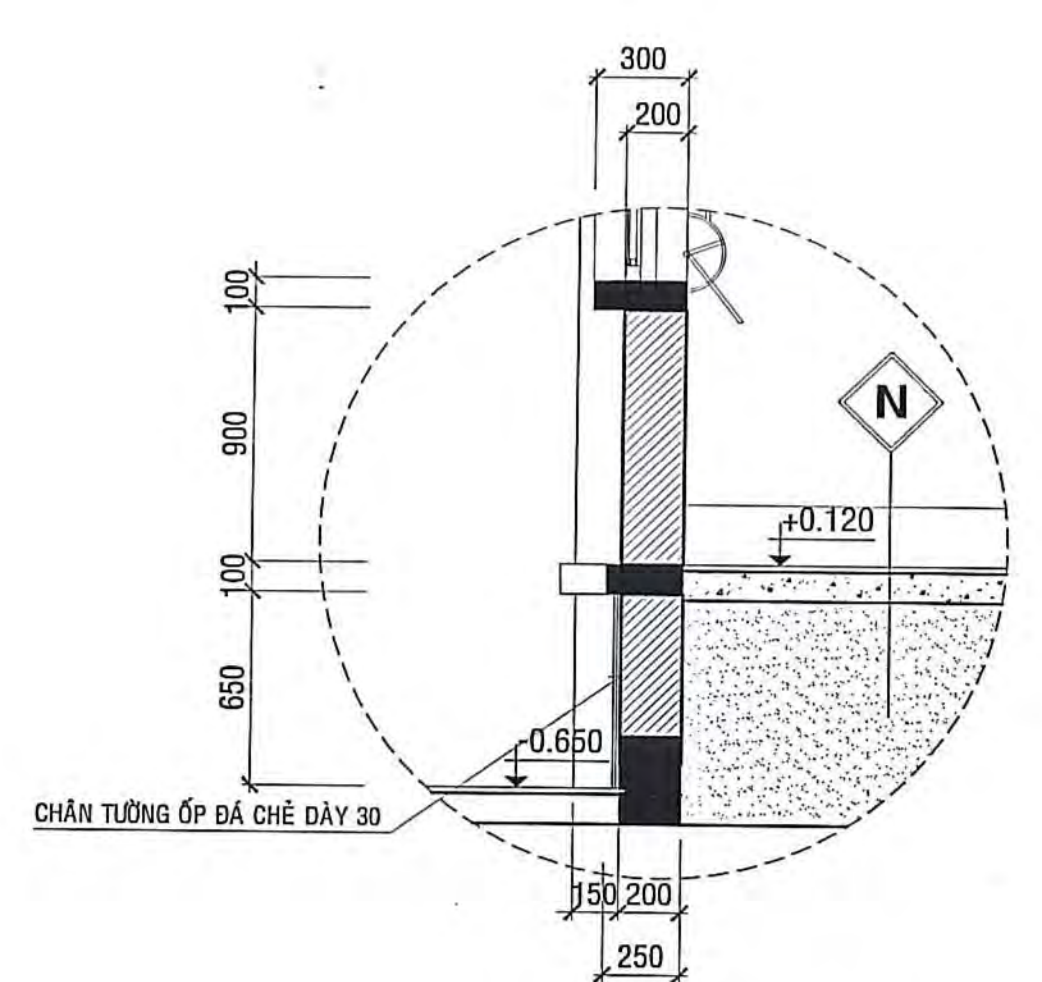
- BC**
- BÁC CẤP TÔ ĐÁ MÀI XÂM
 - LỚP VỮA LÓT M75
 - XÂY GẠCH THỂ TẠO BÁC
 - ĐÀN BTCT ĐÁ 10x20 M250 DÂY 100
 - LỚP NILON LÓT
 - CÁT TỖN NÉN TƯƠI NƯỚC ĐÁM KỶ
 - CÁT SAN NÉN
- N**
- ỚP CHÂN TƯỜNG GẠCH CERAMIC 200x600
 - NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 600x600
 - LỚP VỮA LÓT M75
 - LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 10x20 M200 DÂY 100
 - LỚP NILON LÓT
 - CÁT TỖN NÉN TƯƠI NƯỚC ĐÁM KỶ
 - CÁT SAN NÉN
- S**
- ỚP CHÂN TƯỜNG GẠCH CERAMIC 200x600
 - SÀN LÁT GẠCH CERAMIC 600x600
 - LỚP VỮA LÓT M75
 - ĐÀN BTCT (XEM BVKC)
 - TRẦN TRẮT VỮA XM M75, SƠN NƯỚC TRẮNG
- M**
- MÁI LỚP TOLÉ SÓNG VƯỢNG MÀ MÀU DÀY 4,5 ZEM
 - XÀ GỖ THÉP MÀ KÉM C125x50x1.8 CK: 1000
 - VÌ KÈO BTCT.
 - TRẦN TRẮT VỮA XM, SƠN NƯỚC TRẮNG
- SN**
- LỚP VỮA XM M100 LĂNG TẠO ĐỐC VẾ HƯỚNG THOÁT NƯỚC
 - QUÉT 3 LỚP CHỐNG THẤM
 - ĐÀN BTCT (XEM BVKC), NGẦM NƯỚC XM NGUYÊN CHẤT
 - TRẦN TRẮT VỮA XM, SƠN NƯỚC TRẮNG



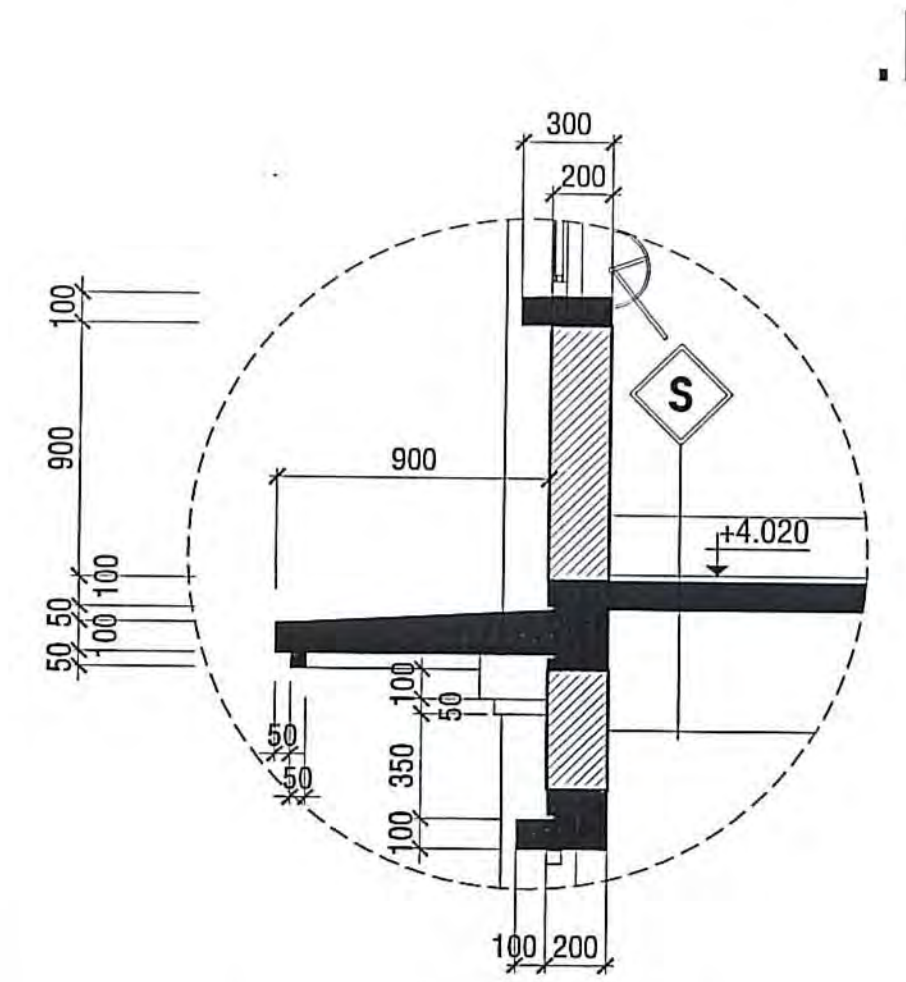
.MẶT CẮT C-C 1/50.



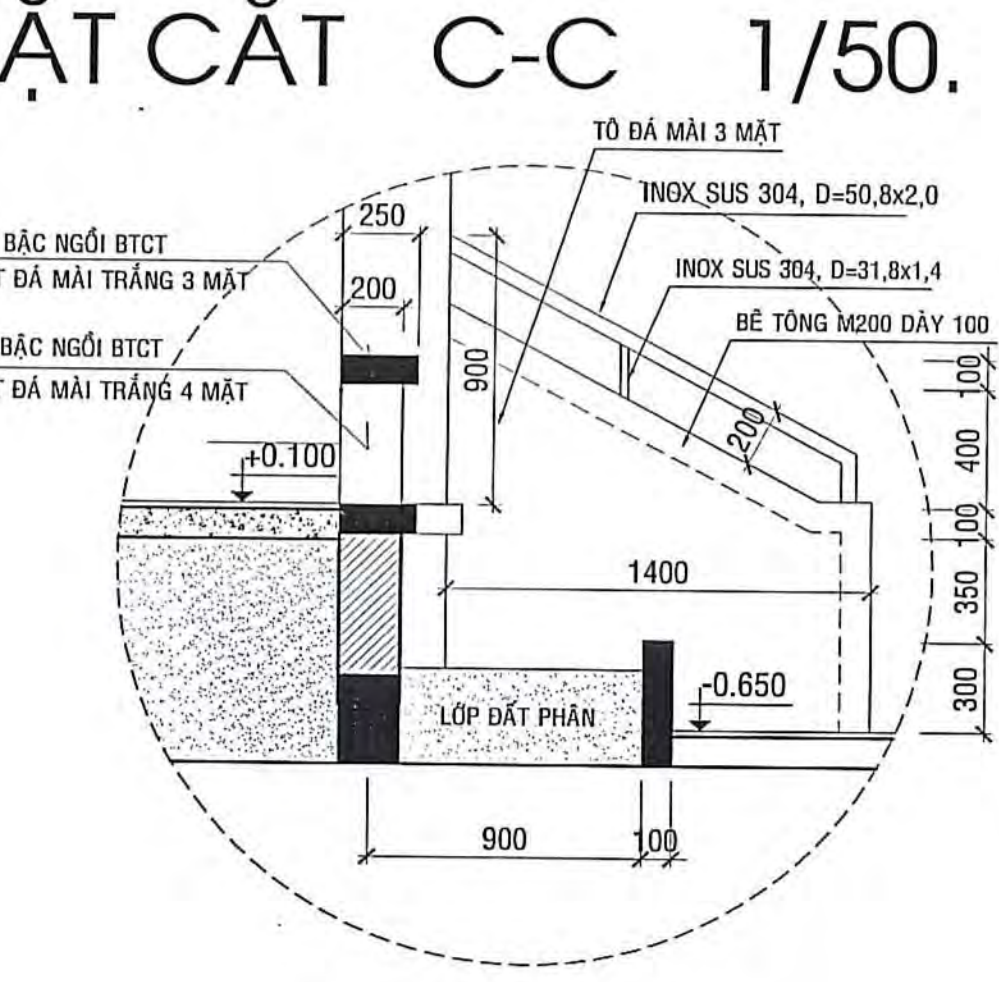
.MẶT CẮT F-F 1/50.



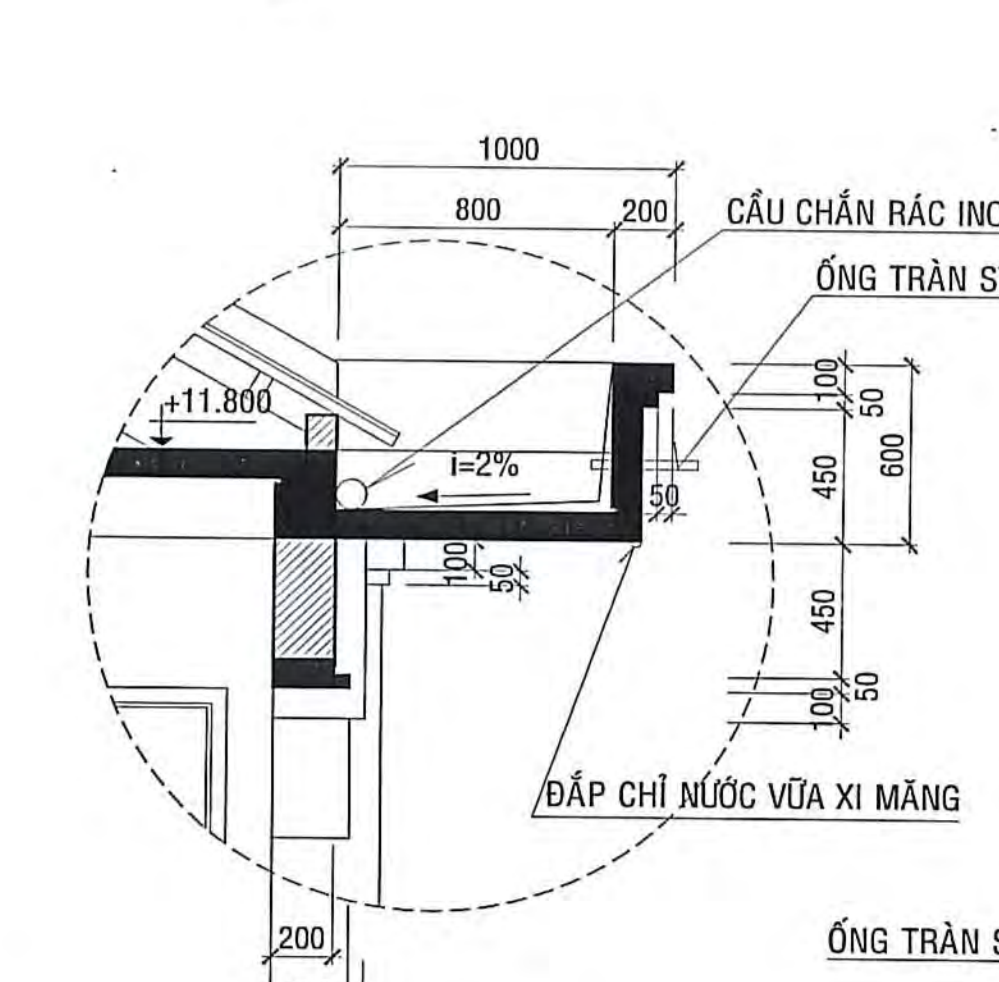
.CHI TIẾT 10 1/25.



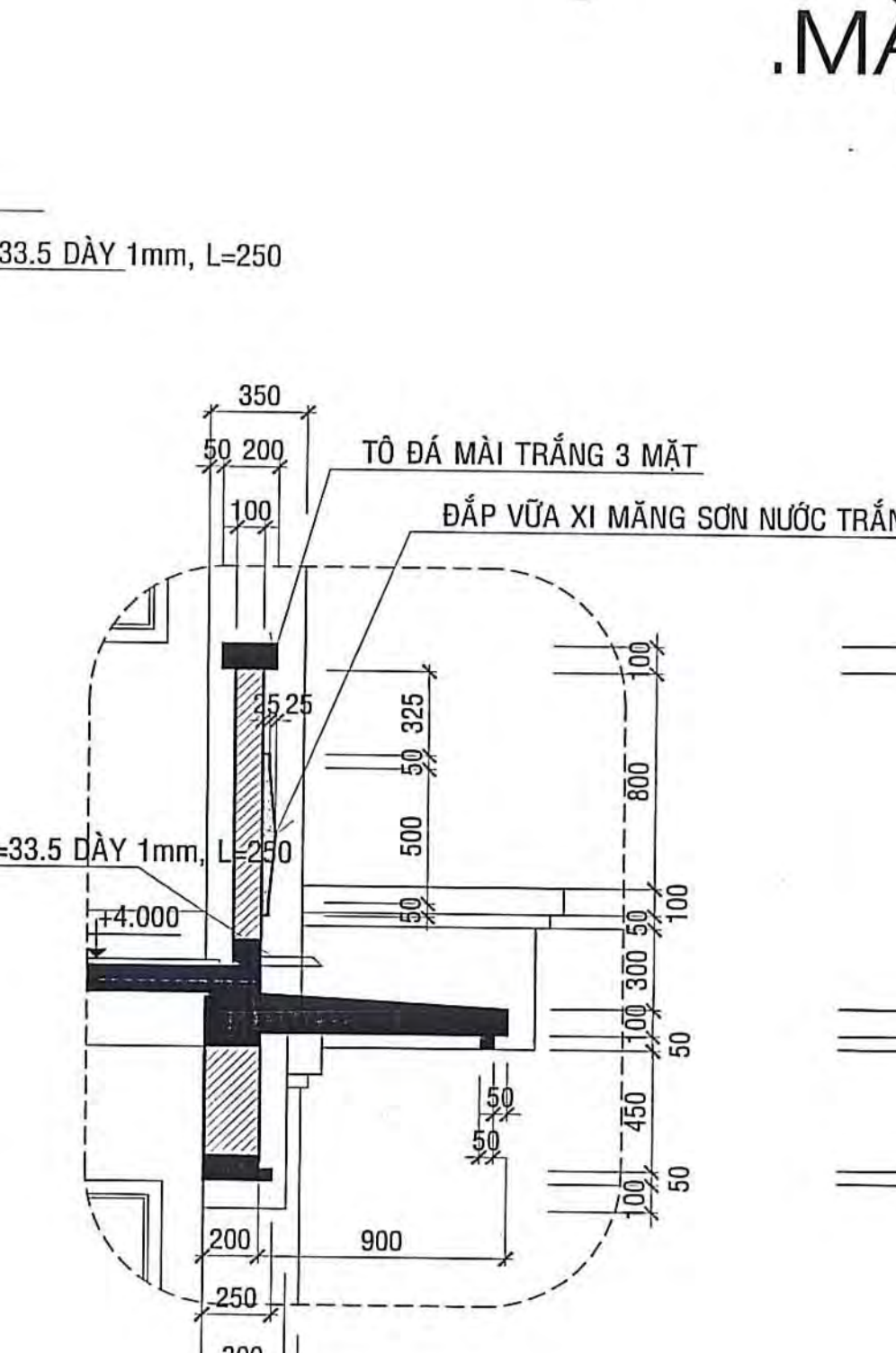
.CHI TIẾT 11 1/25.



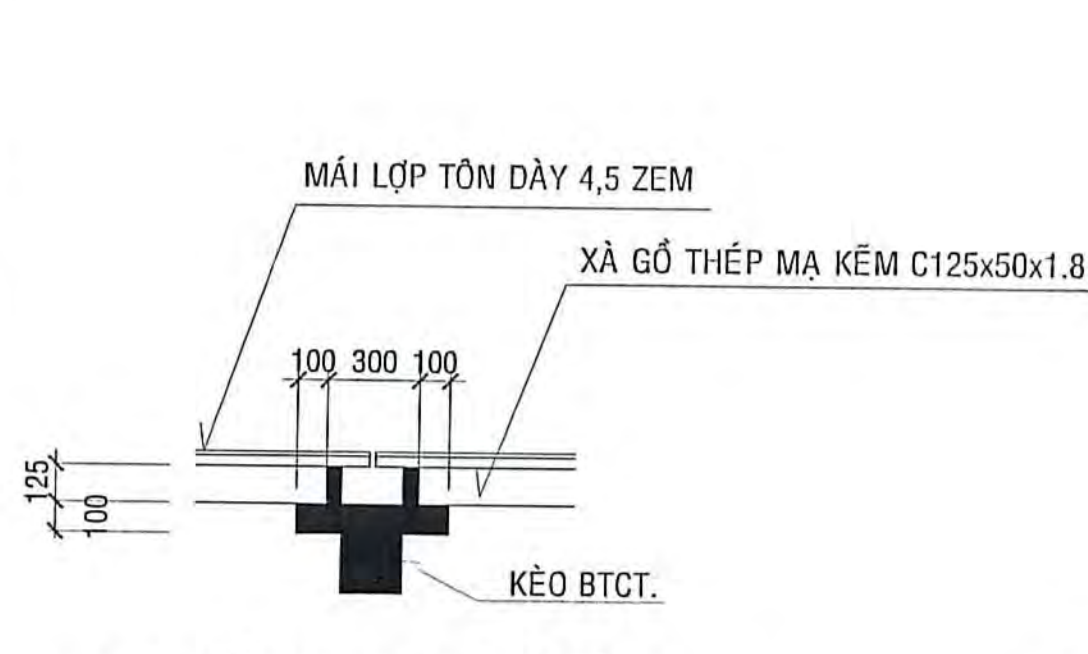
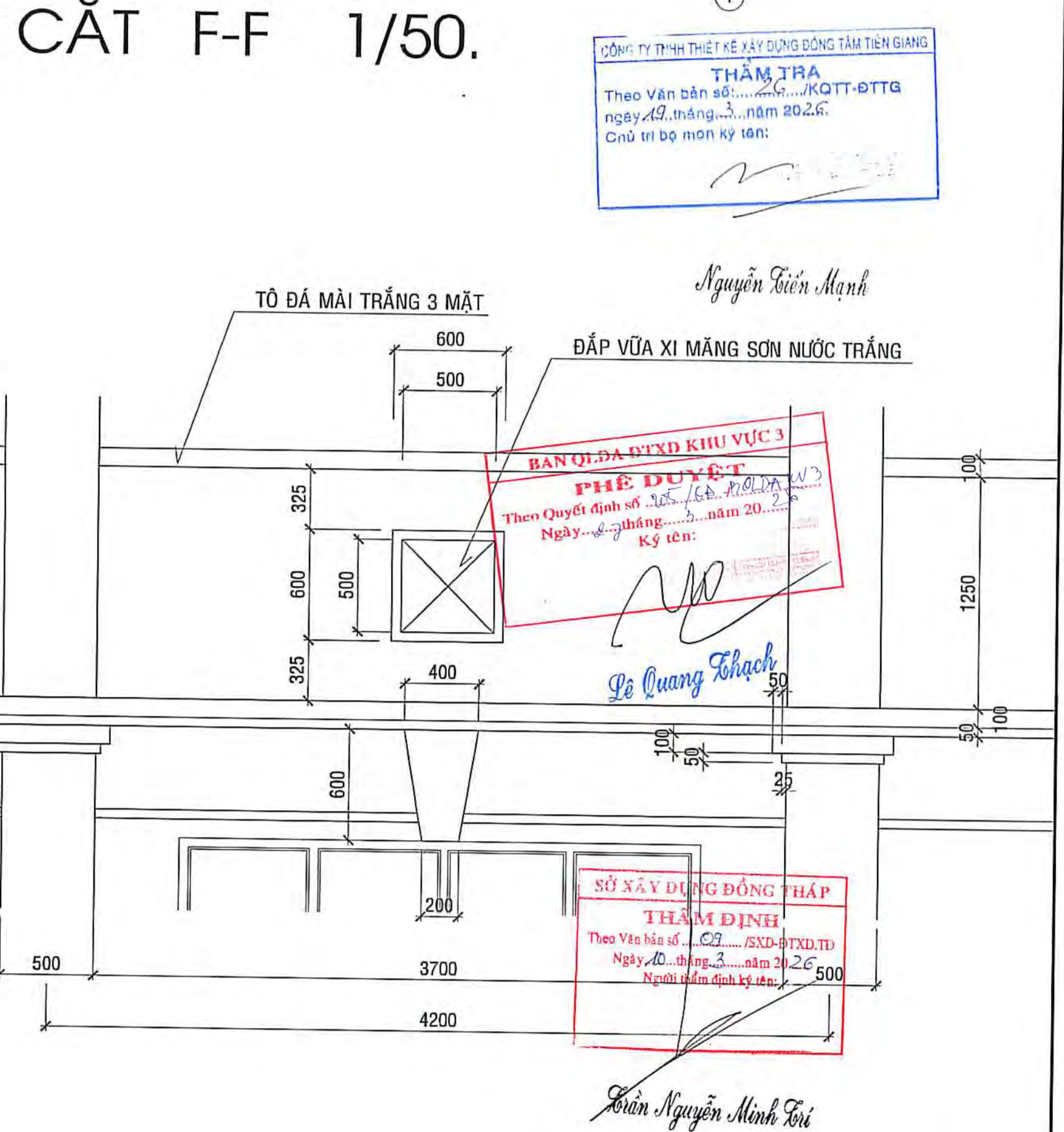
.CHI TIẾT 12 1/25.



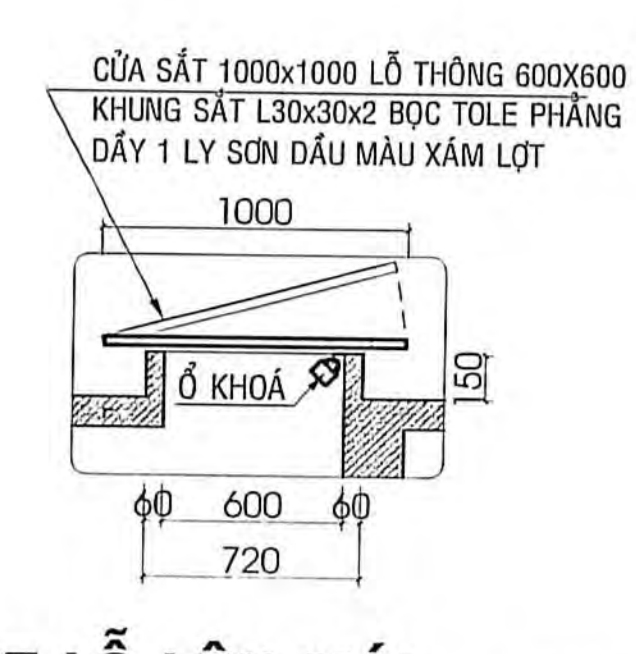
.CHI TIẾT 13 1/25.



.CHI TIẾT 14 1/25.

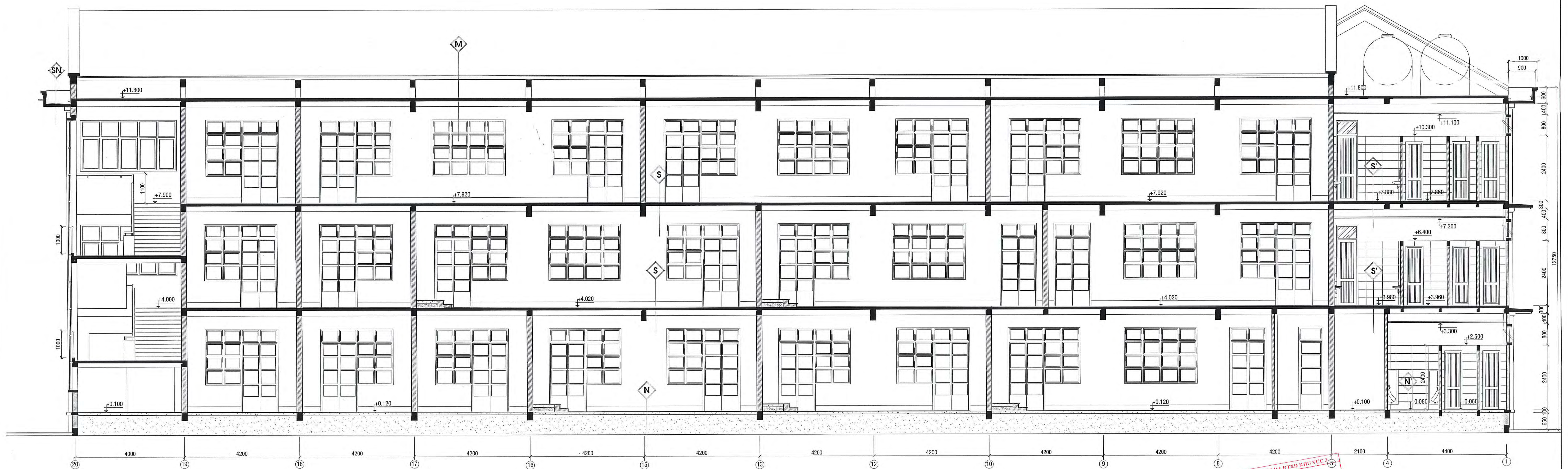


CT MÁNG THU NƯỚC - TL 1/25

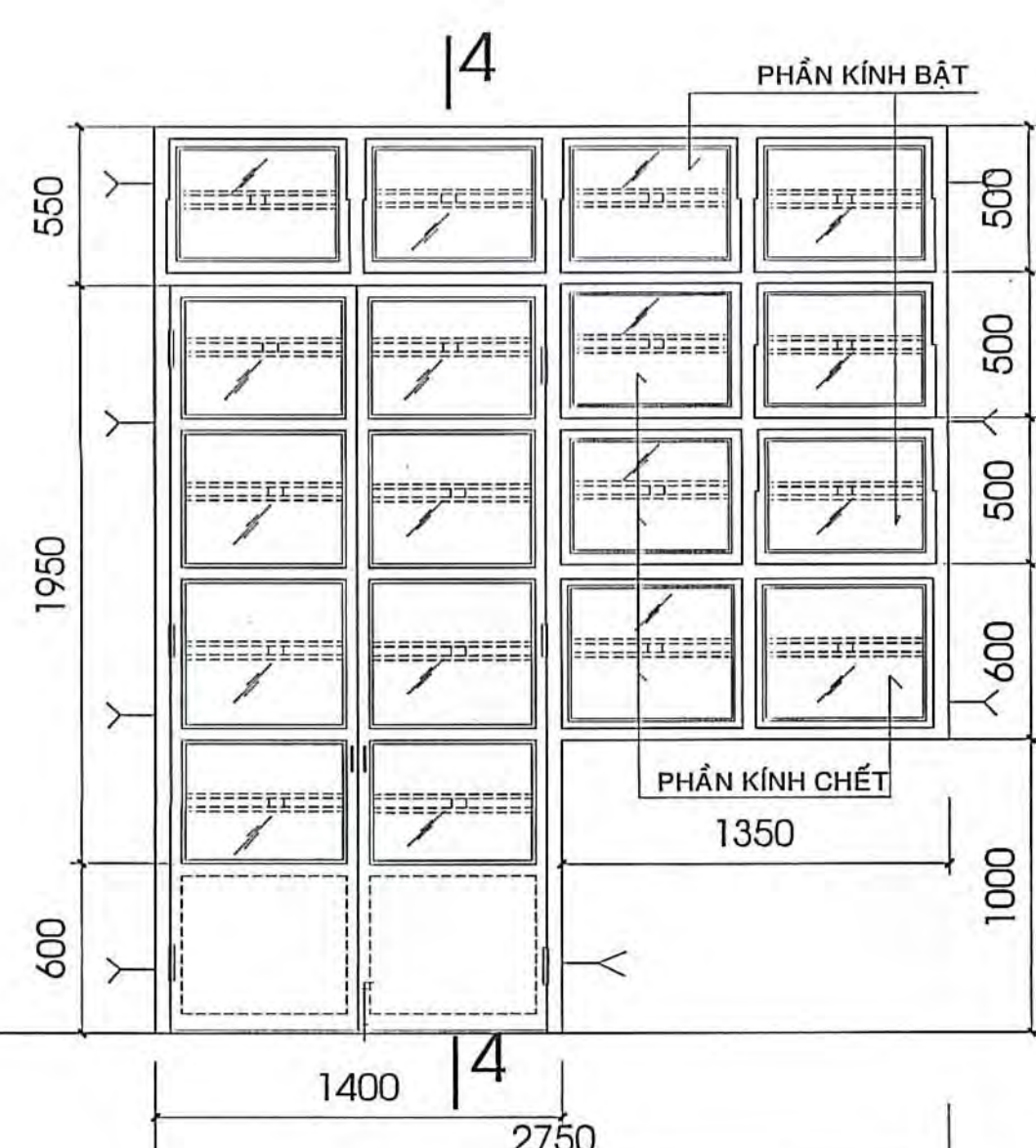


CT LỖ LÊN MÁI - TL 1/25

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI Số 12/12 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 0973.297.728, Email: kientrucmoi.com		CÔNG TY CHẤM ĐỌC Số 12/12 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 0973.297.728, Email: kientrucmoi.com	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ			
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG			
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÖI PHÒNG HỌC,			
PHÒNG BỘ MÔN KHÖI TRUNG HỌC CƠ SỞ			
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP			
TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG TẦNG MÁI	NGÀY: 16/12/2026	
	MẶT CẮT C-C, F-F	THCS-KT: 04	
	CHI TIẾT		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRONG KHÔI		
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRONG		

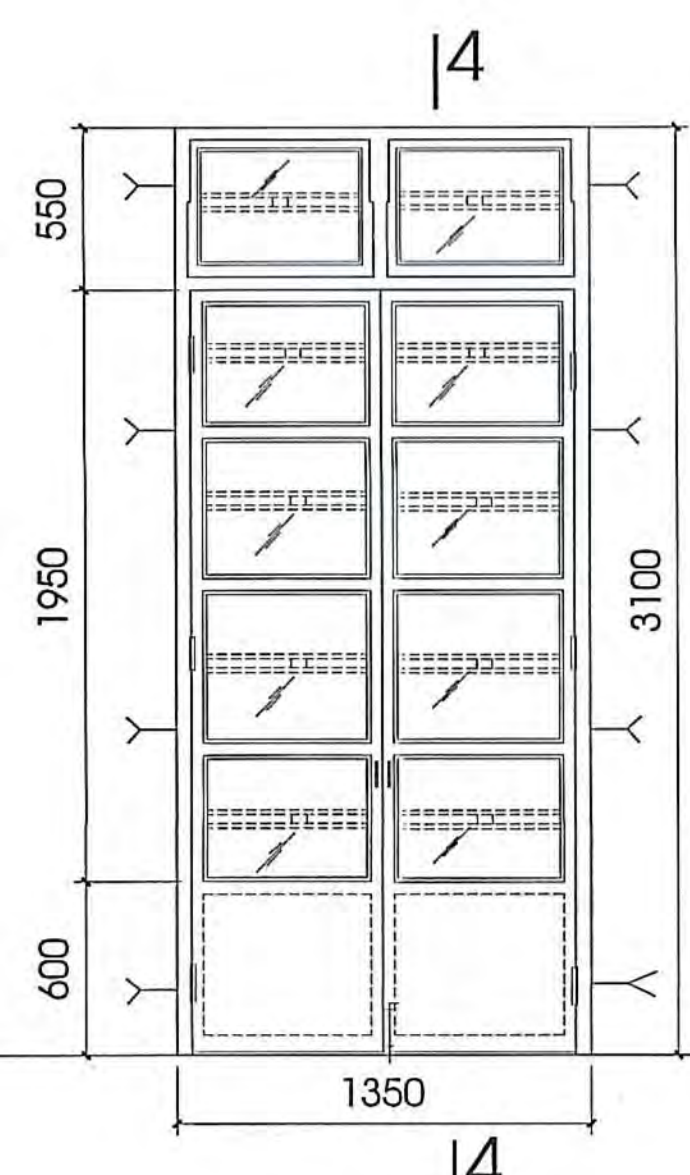


.MẶT CẮT H 1/50.



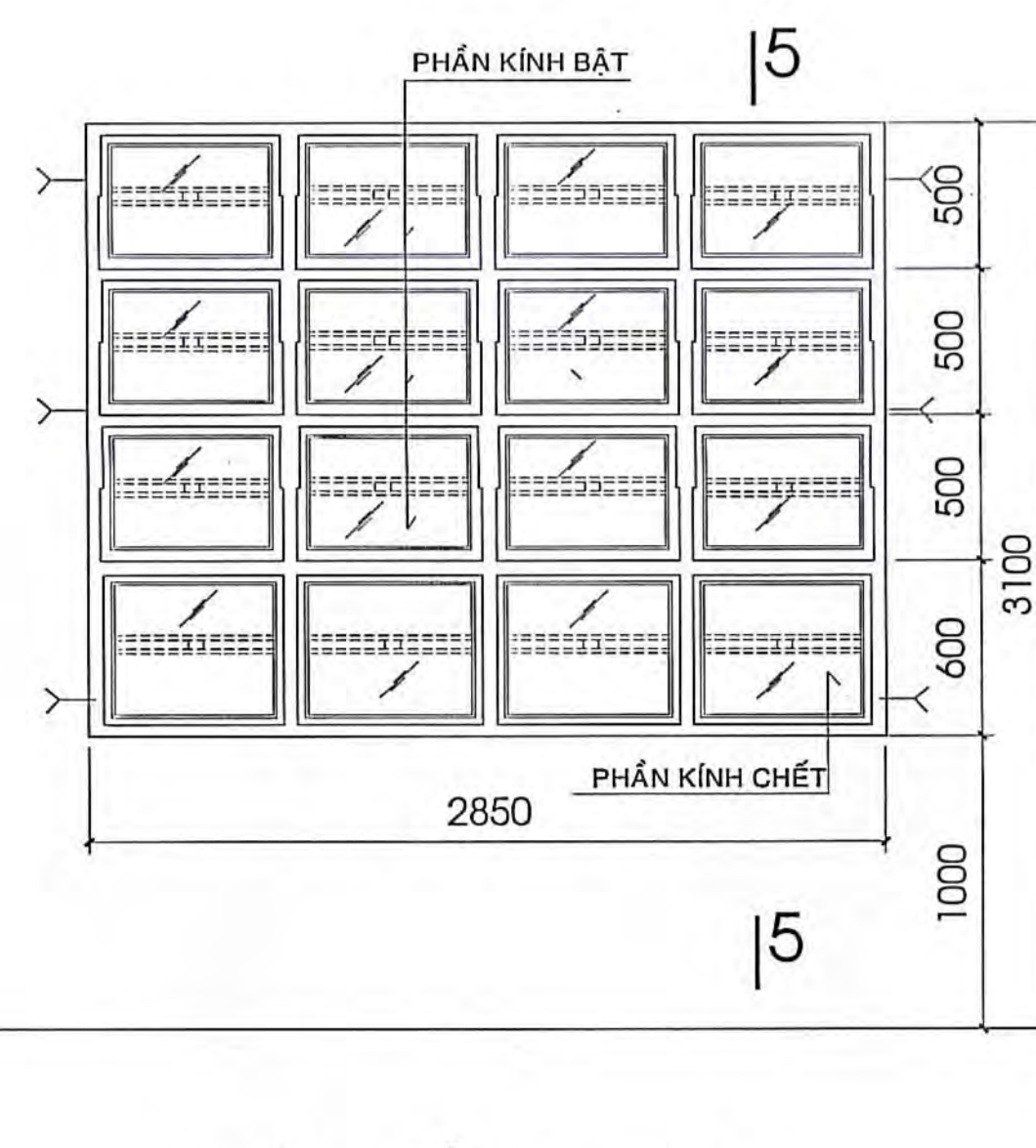
- CỬA Đ1 S1 1/25.

CỬA ĐI MỞ 2 CÁCH KHUNG SẮT KÍNH SƠN DẦU, SỐ LƯỢNG: 49 BỘ
PHỤ KIỆN: BÀN LÉ, CHỐT GIÓ, Ổ KHÓA, TAY NẤM, CÁN GẠT,...



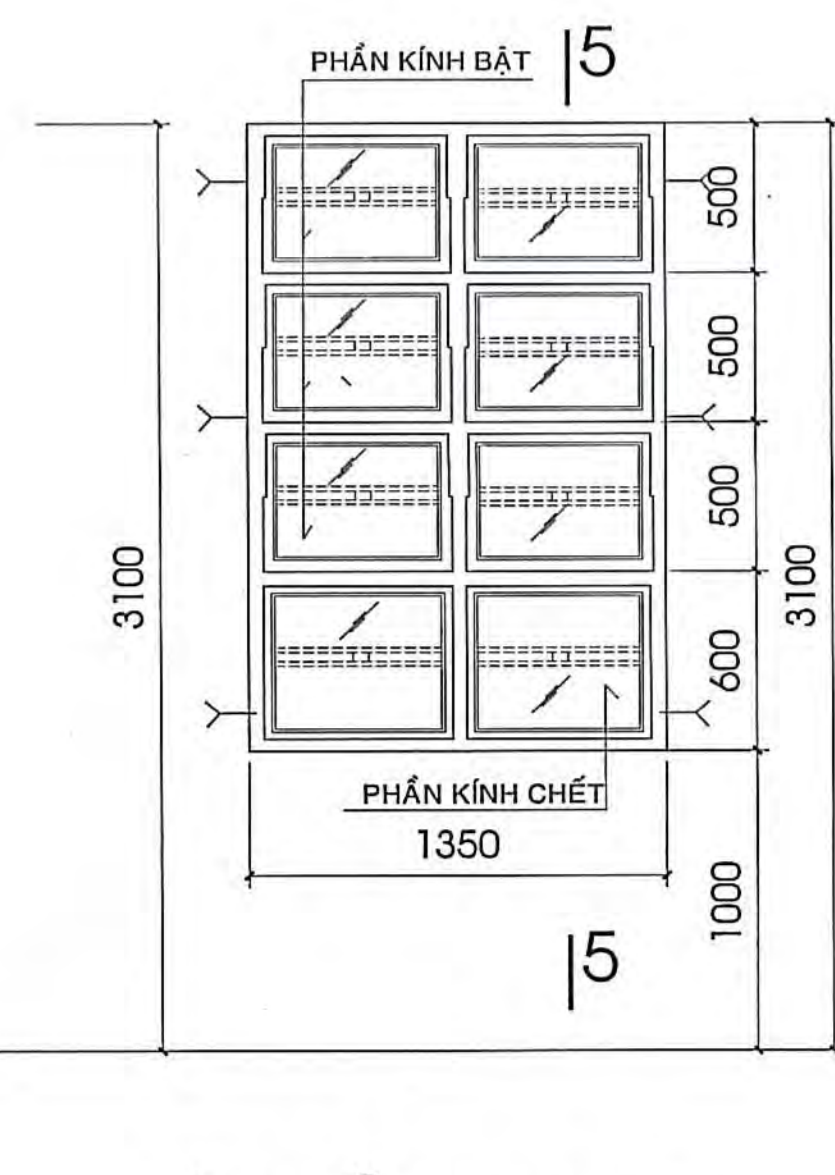
- CỬA Đ2 1/25.

CỬA ĐI MỞ 2 CÁCH KHUNG SẮT KÍNH SƠN DẦU, SỐ LƯỢNG: 06 BỘ
PHỤ KIỆN: BÀN LÉ, CHỐT GIÓ, Ổ KHÓA, TAY NẤM,...



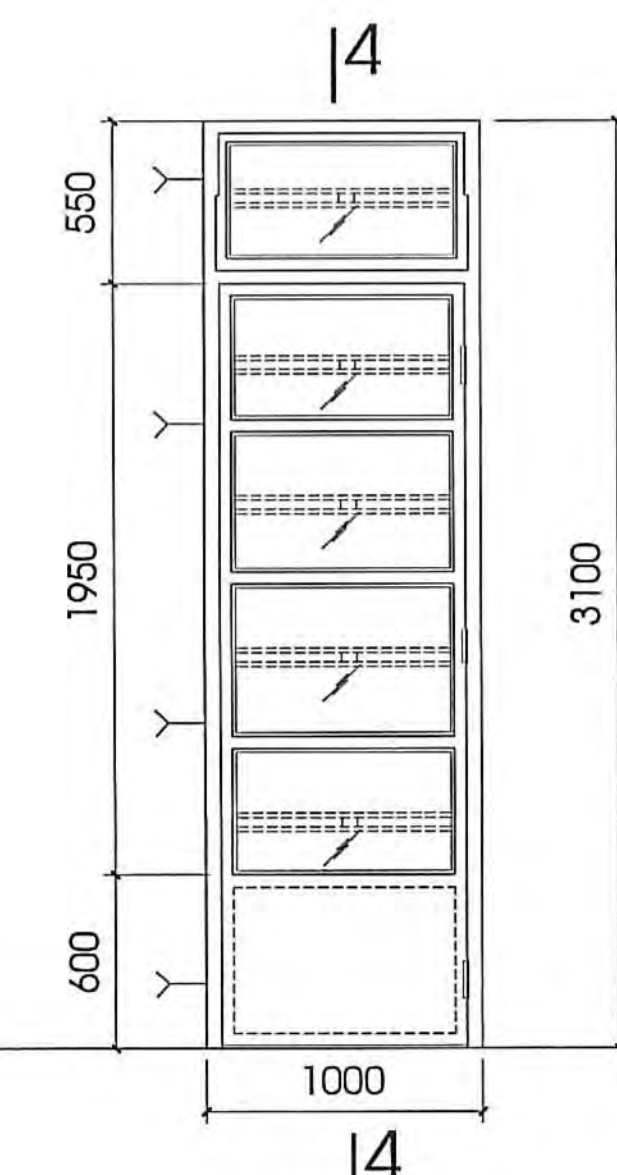
- CỬA SỐ S2 1/25.

CỬA SỐ BẬT + CHẾT KHUNG SẮT KÍNH SƠN DẦU XÀM LỘT,
PHỤ KIỆN: CHỐT GIÓ, TAY NẤM, CÁN GẠT, ... SỐ LƯỢNG: 67 BỘ



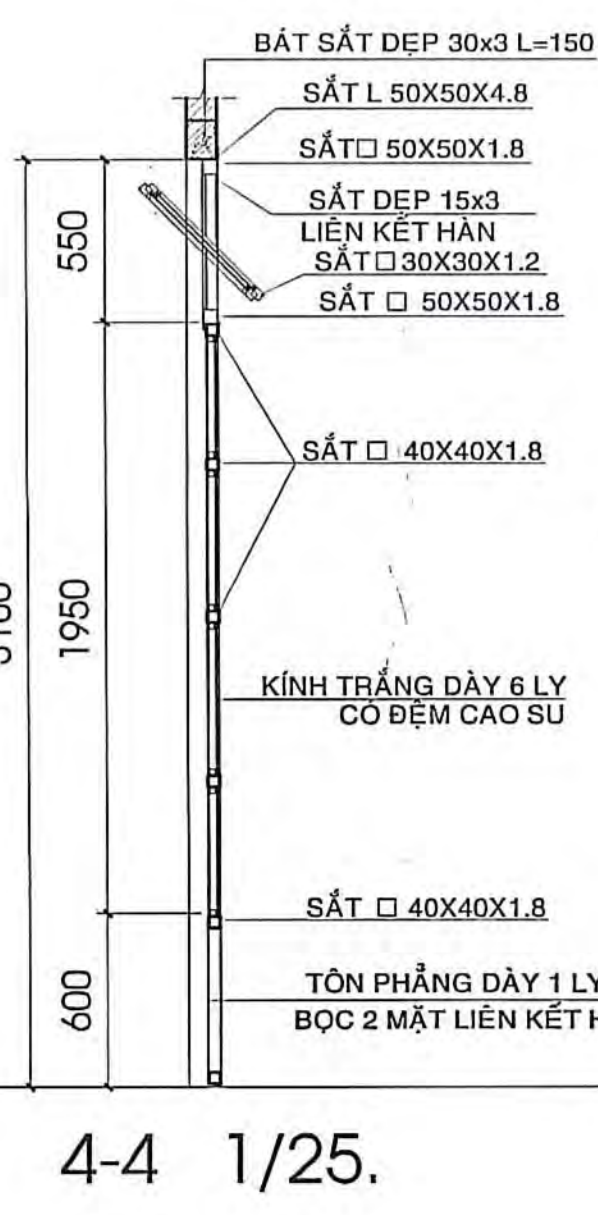
- CỬA SỐ S3 1/25.

CỬA ĐI MỞ 1 CÁCH KHUNG SẮT KÍNH SƠN DẦU XÀM LỘT,
PHỤ KIỆN: CHỐT GIÓ, TAY NẤM, CÁN GẠT, ... SỐ LƯỢNG: 04 BỘ

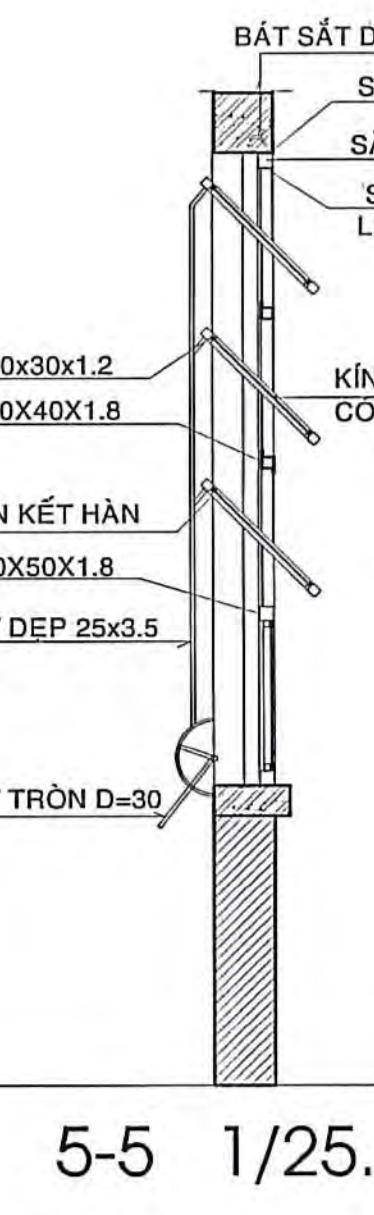


- CỬA Đ3 1/25.

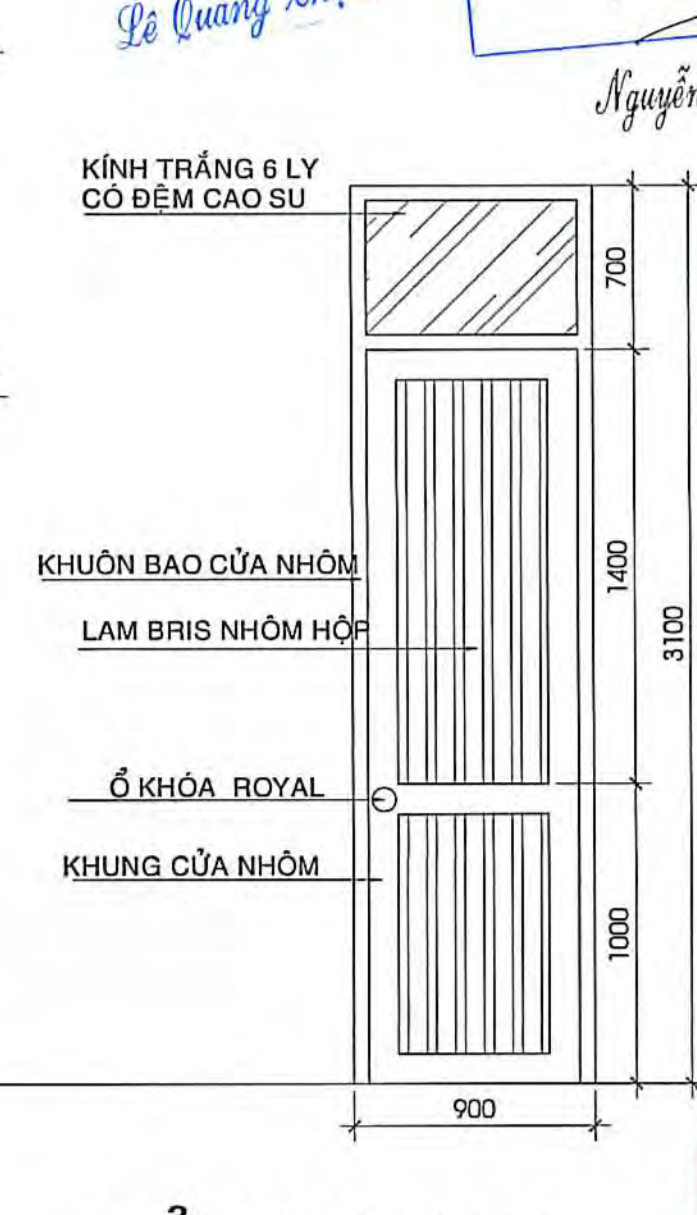
CỬA ĐI MỞ 1 CÁCH KHUNG SẮT KÍNH SƠN DẦU, SỐ LƯỢNG: 02 BỘ
PHỤ KIỆN: BÀN LÉ, CHỐT GIÓ, Ổ KHÓA, TAY NẤM,...



4-4 1/25.



5-5 1/25.



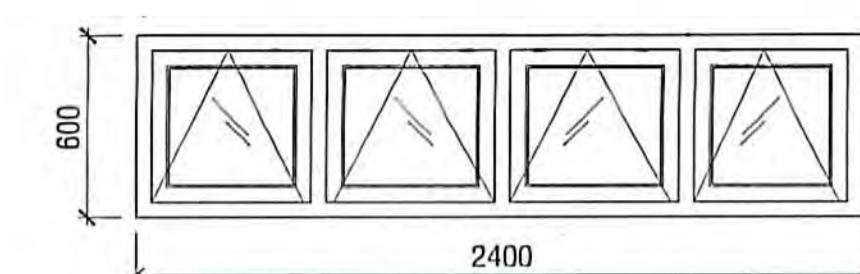
- CỬA Đ4 1/25.

CỬA ĐI MỞ 1 CÁCH LAMBRIS NHÔM HỘP,
KHUNG NHÔM HỖ 700, PHỤ KIỆN: BÀN LÉ, CHỐT GIÓ,
Ổ KHÓA, TAY NẤM, ... SỐ LƯỢNG: 12 BỘ



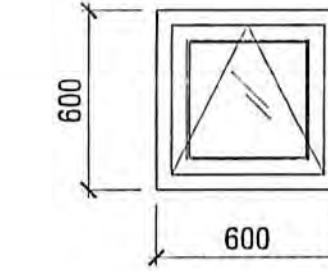
- CỬA Đ5 1/25.

CỬA ĐI MỞ 1 CÁCH LAMBRIS NHÔM HỘP,
KHUNG NHÔM HỖ 700, PHỤ KIỆN: BÀN LÉ, CHỐT GIÓ,
Ổ KHÓA, TAY NẤM, ... SỐ LƯỢNG: 20 BỘ



- S4 1/25.

CỬA SỐ BẬT CHỐNG 4 CÁCH KHUNG NHÔM HỖ 700
KÍNH MỎ 6MM, SỐ LƯỢNG: 09 BỘ



- S5 1/25.

CỬA SỐ BẬT CHỐNG 1 CÁCH KHUNG NHÔM
HỖ 700, KÍNH MỎ 6MM, SỐ LƯỢNG: 06 BỘ

BC

BẮC CẤP TỎ ĐÁ MÀI XÀM
LỚP VỮA LÓT MẮC 75
XÂY GẠCH THỂ TẠO BẮC
ĐÀN BTCT ĐÁ 10x20 M250 DÂY 100
LỚP NILON LỘT
CÁT TỎN NÉN TỰ NƯỚC ĐÁM KỶ
CÁT SAN NÉN

N

ỚP CHÂN TƯỜNG GẠCH CERAMIC 200x600
NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 600x600
LỚP VỮA LÓT M75
LỚP BÊTÔNG ĐÁ 10x20 M200 DÂY 100
LỚP NILON LỘT
CÁT TỎN NÉN TỰ NƯỚC ĐÁM KỶ
CÁT SAN NÉN

S

ỚP CHÂN TƯỜNG GẠCH CERAMIC 200x600
SÀN LÁT GẠCH CERAMIC 600x600
LỚP VỮA LÓT M75
ĐÀN BTCT (XEM BVKC)
TRẦN BTCT, TRẮT VỮA XM M75, SƠN NƯỚC TRẮNG

M

MÀI LỚP TOLE SÓNG VUÔNG MÀ MÀU DÂY 4,5 ZEM
XÀ GỖ THÉP MÀ KẼM C125x50x1,8 CK: 1000
VÌ KÉO BTCT.
TRẦN BTCT, TRẮT VỮA XM M75, SƠN NƯỚC TRẮNG

SN

LỚP VỮA XM M100 LẮNG TẠO DỐC VẾ HƯỚNG THOÁT NƯỚC
QUÉT 3 LỚP CHỐNG THẤM
ĐÀN BTCT (XEM BVKC), NGÂM NƯỚC XM NGUYÊN CHẤT
TRẦN TRẮT VỮA XM M75, SƠN NƯỚC TRẮNG

N

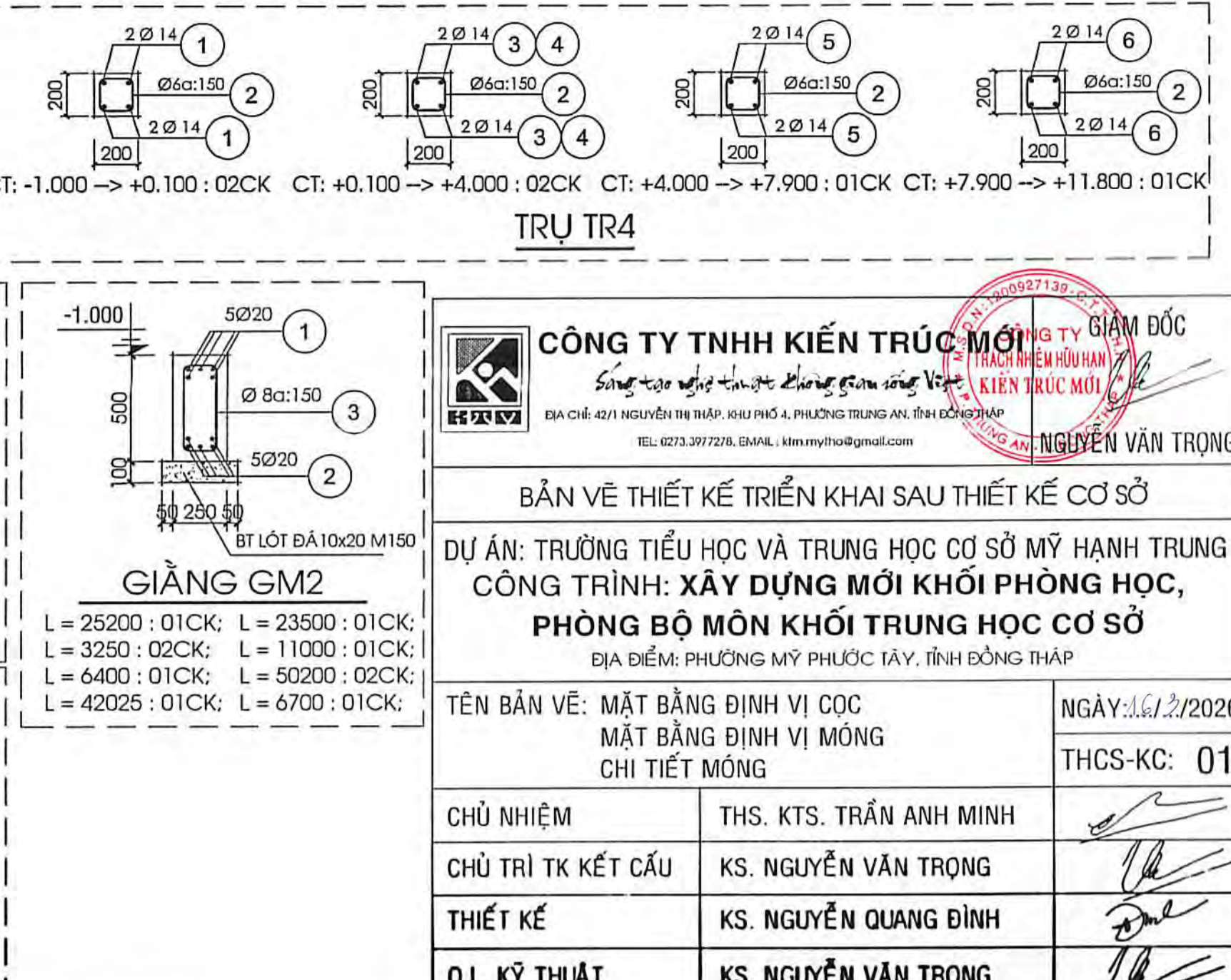
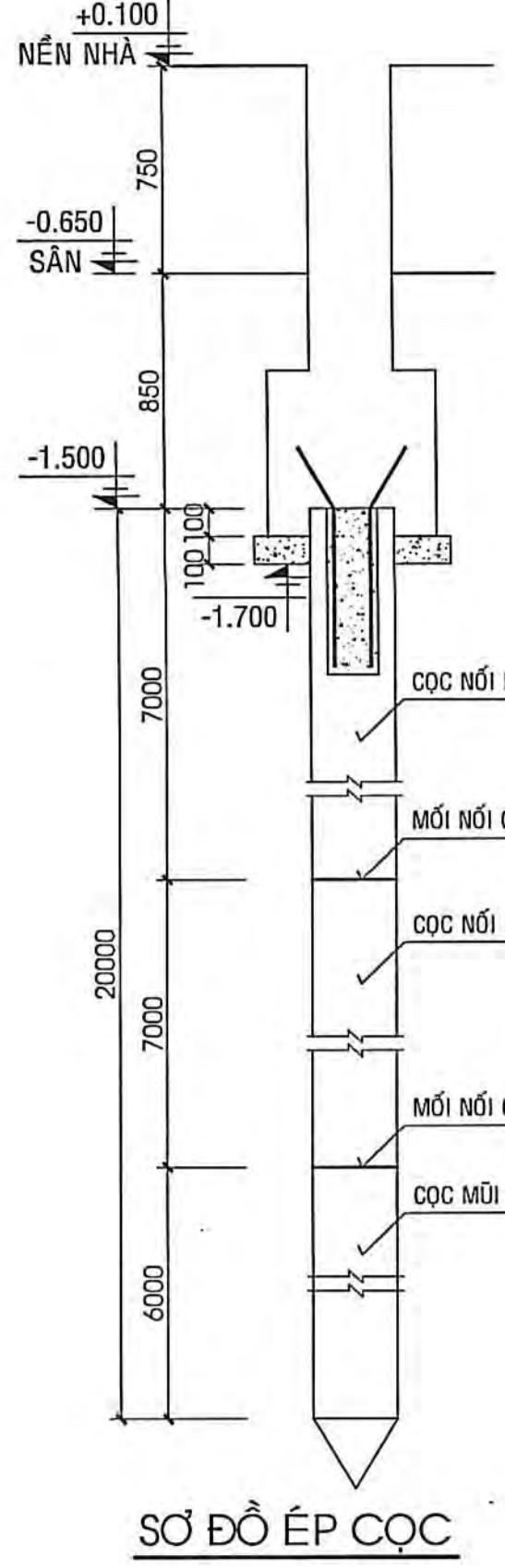
TƯỜNG ỐP GẠCH CERAMIC 300x600, CAO 2400
NỀN LÁT GẠCH CERAMIC NHÁM 300x300
LỚP VỮA LÓT M75
QUÉT 03 LỚP CHỐNG THẤM
ĐÀN BTCT (XEM BVKC), NGÂM NƯỚC XM NGUYÊN CHẤT
LỚP NILON LỘT
CÁT TỎN NÉN TỰ NƯỚC ĐÁM KỶ
CÁT SAN NÉN

S

TƯỜNG ỐP GẠCH CERAMIC 300x600, CAO 2400
SÀN LÁT GẠCH CERAMIC NHÁM 300x300
LỚP VỮA LÓT M75
QUÉT 03 LỚP CHỐNG THẤM
ĐÀN BTCT (XEM BVKC), NGÂM NƯỚC XM NGUYÊN CHẤT
LỚP TRẦN PRIMA ĐÁ 6MM SƠN NƯỚC TRẮNG, KHUNG KIM LOẠI NỔI

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Số 10/11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 0903.281.727, Email: info@mythuong.com.vn		GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TRỌNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG		
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC,		
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ		
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ:	MẶT CẮT H-1 CHI TIẾT CỬA	NGÀY: 10/12/2026 THCS-KT: 06
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI	
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	

CHI TIẾT LIÊN KẾT CỌC VÀO ĐAI
(SL: 231 CK)



- Trọng lượng thép có đường kính 08 = 900.18 kg; Chiều dài = 2281.32 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 010 = 883.81 kg; Chiều dài = 946.9 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 012 = 2138.81 kg; Chiều dài = 2410.2 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 014 = 1409.07 kg; Chiều dài = 1166.05 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 018 = 4446.11 kg; Chiều dài = 28.196 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 018 = 719.72 kg; Chiều dài = 360.3 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 020 = 8849.72 kg; Chiều dài = 2372 mét
- Trọng lượng thép có đường kính 025 = 1596.24 kg; Chiều dài = 414.25 mét

THẨM TRA
Thưa Văn bản và
ngày 08/01/2016, năm 2016.
Chữ và tên ký tên:

80 XÂY DỰNG DÒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Thưa Văn bản và
Ngày 08/01/2016, năm 2016.
Chữ và tên ký tên:

LÀ THƯNG HIẾU

John Nguyen Minh Lu



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC M&K

Sinh hoạt kinh doanh hợp pháp

ĐẠI CHẾ LÝ THƯỜNG TRƯỞNG: 04/2020, 04/2021, 04/2022, 04/2023

TEL: 021 271 7278, EMAIL: info@mk.vn

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VĂN TRUNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CỖ SỞ

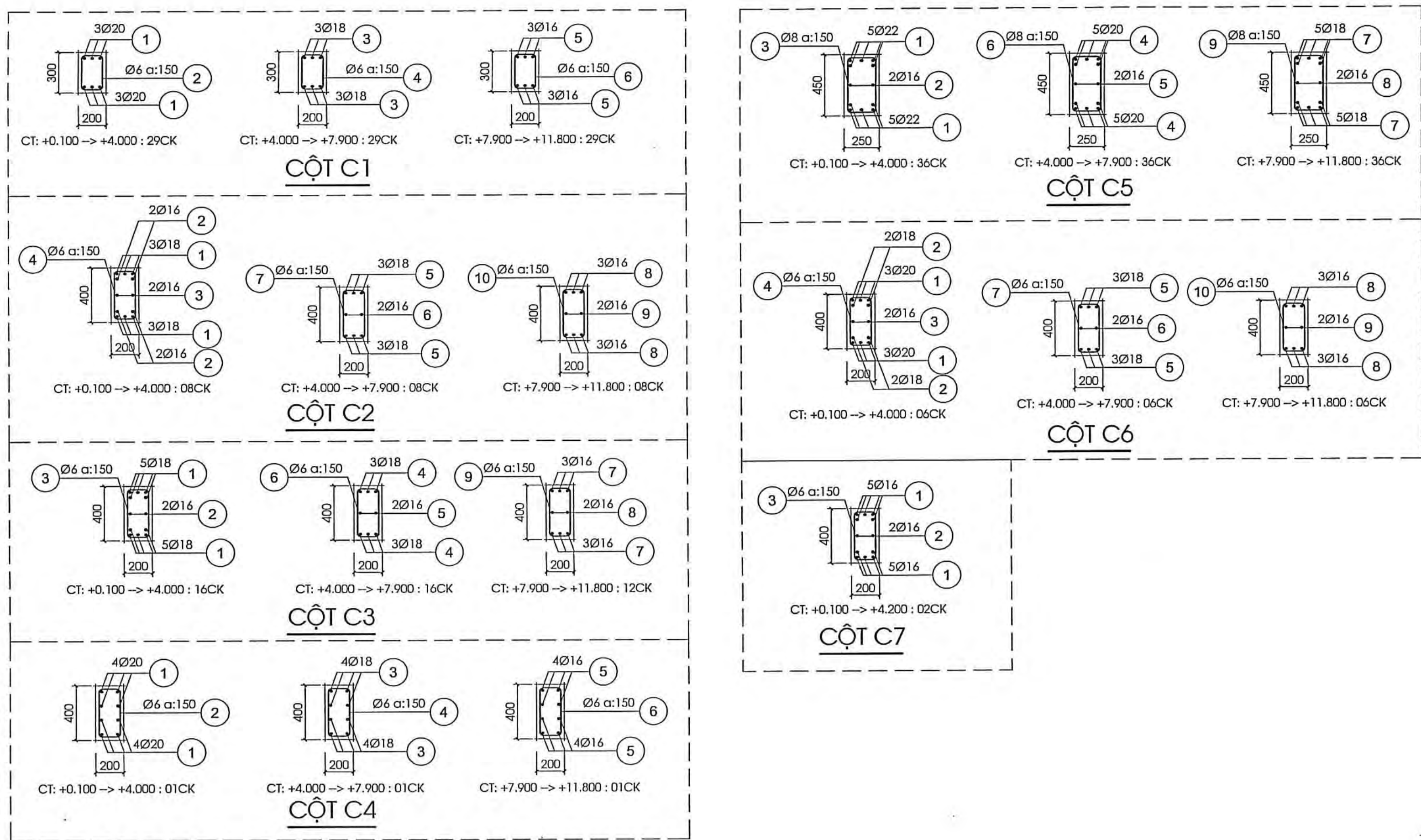
DỰ ÁN: **TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CỖ SỞ MỸ HẠNG TRUNG**

CÔNG TRÌNH: **XÂY DỰNG MẶT KHỎI PHÒNG HỌC,**

ĐÀNG ĐỒ MÓN KHỞI TRUNG HỌC CỖ SỞ

PHẠO ĐỀM: **PHƯƠNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH DỒNG THÁP**

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐÌNH VỊ CỘC MẶT BẰNG ĐÌNH VỊ MỎNG CHI TIẾT MÔNG	NGÀY: <u>16/02/2024</u> THCS-KC: <u>01</u>
CHỦ NHIỆM	THS. TKS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ KỸ SẾ CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH
DỰ KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



Handwritten signature: Lê Quang Thạch

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM TIỀN GIANG

THẨM TRA

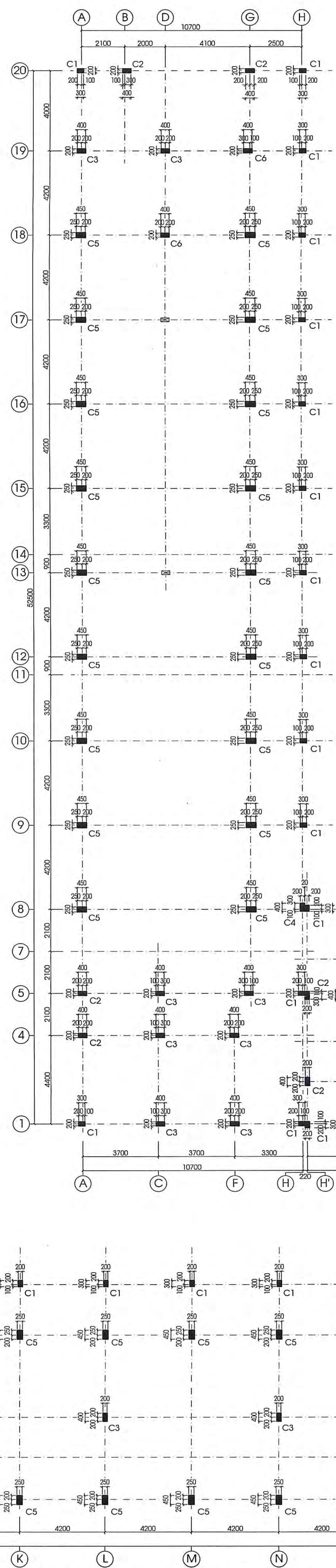
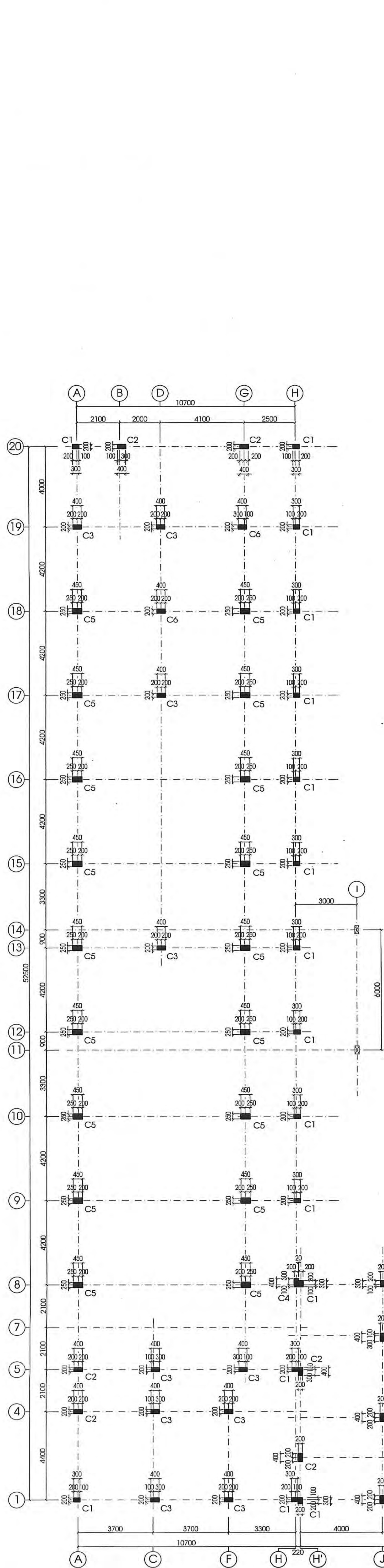
Theo Văn bản số: 26/KQTT-ĐTTG
ngày 19 tháng 3 năm 2026.
Chủ trì bộ môn ký tên: 

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 09/2020/SXD-DTXD.TB
Ngày 10 tháng 3 năm 2020
Người thẩm định ký và:

Lê Trung Hie

Trần Nguyên Minh Trí

 CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ 85/04/2017	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ <i>Sáng tạo - Thiết kế - Xây dựng - Mỹ thuật</i> 19/01/2017 09:00 AM (GMT+7) Hanoi, Vietnam TEL: 0272.297222, 094.11899999@outlook.com	GIẤM ĐÓNG  NGUYỄN VĂN TRÔNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MẪU KHỐI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỒ DƯỠNG KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC 1/4, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG DINH VỊ CỘT C MẶT BẰNG DINH VỊ CỘT TẮNG 1 CHI TIẾT CỘT		NGÀY: 11/12/2026 THCS-KC: 02
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ KỸ KẾT CẦU	KS. NGUYỄN VĂN TRÔNG	
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRÔNG	



GHI CHÚ CHUNG:

THÉP NEO TƯỜNG

CT NỐI THÉP CỘT

CT THÉP KHOA ĐẦU CỘT

CT VỊ TRÍ DẪM GIAO NHAU

1. KẾT CẤU BÊ TÔNG CỘT THÉP ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TCVN 5574:2018
2. BÊ TÔNG TUẦN THEO TCVN 5574:2018
2.1. CẤP ĐỘ BÊ TÔNG NỀN CỦA BÊ TÔNG:
- BÊ TÔNG KẾT CẤU ĐÁ 10x20: B20 (M250)
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 10x20: B12.5 (M150)
2.2. MÀNG PHỦ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN TCVN 2892:2009 VÀ TCVN 5582:2020
2.3. CỘT THÉP THEO TCVN 1661:2018
- THÉP Ø < 10mm (THÉP C8240-T): GIỚI HẠN CHẢNH NHỎ NHẤT R_{eh} >= 240 MPa
- THÉP Ø > 10mm (THÉP C8300-V): GIỚI HẠN CHẢNH NHỎ NHẤT R_{eh} >= 300 MPa
4. LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ:
- MÓNG: a = 30mm
- CỘT, DẪM: a = 25mm
- SÀN: a = 15mm
5. ĐƠN VỊ THỊ CÔNG CÁN:
- TẠI VỊ TRÍ DẪM PHỤ GIAO VỚI DẪM CHÍNH TĂNG CƯỜNG 2 BÊN DẪM CHÍNH, MỖI BÊN 4 BÀI Ø6/8 a=50.
- KHOẢNG CÁCH ĐAI TẠI VỊ TRÍ NỐI THÉP CỘT LÀ a=100.
- NỐI CỘT, DẪM KHÔNG CHỖ 50% TRONG CÙNG 1 MẶT CẮT.
- KẾT HỢP DẪM VÊ KIẾN TRÚC - KẾT CẤU - ĐIỆN - NƯỚC KHI THỊ CÔNG
- ĐỒ CHỮO CÁC KẾT THÚC KIẾN TRÚC KHI THỊ CÔNG
- THỊ CÔNG PHẢI TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM
6. CHÚ Ý TẤT CẢ CÁC ĐỘ TRONG BẢN VẼ KẾT CẤU ĐỀU LẤY THEO CAO ĐỘ HOÀN THIỆN BÀN VẼ KIẾN TRÚC. KHI THỊ CÔNG, ĐƠN VỊ THỊ CÔNG CÁN TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP TRỤ									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T. LƯỢNG (kg)	
TRỤ 2	1	350x200	16	2350	4	8	18.8	29.67	
	2	150x150	6	700	89	178	124.6	27.66	
	3	4400	14	4400	4	8	35.2	42.54	
	4	4400	14	4400	4	8	35.2	42.54	
	5	3850	14	3850	4	8	30.8	37.22	
TRỤ 1	1	300x1500	14	1800	32	32	57.6	69.60	
	2	150x150	6	700	72	72	50.4	11.19	
TRỤ 3	1	350x1500	16	1850	4	4	7.4	11.68	
	2	150x150	6	700	8	8	5.6	1.24	
TRỤ 4	1	300x2000	14	2300	8	8	18.4	22.23	
	2	150x150	6	700	72	72	50.4	11.19	
TRỤ 5	1	3850	14	3850	4	4	15.4	18.61	
	2	150x150	6	700	4	4	9.2	14.52	
TRỤ 6	1a	3850	16	3850	4	4	15.4	24.31	
	2	150x150	6	700	35	35	24.5	5.44	

- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 56.72 kg; Chiều dài = 255.5 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Ø14 = 284.22 kg; Chiều dài = 235.2 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Ø16 = 80.18 kg; Chiều dài = 50.8 mét

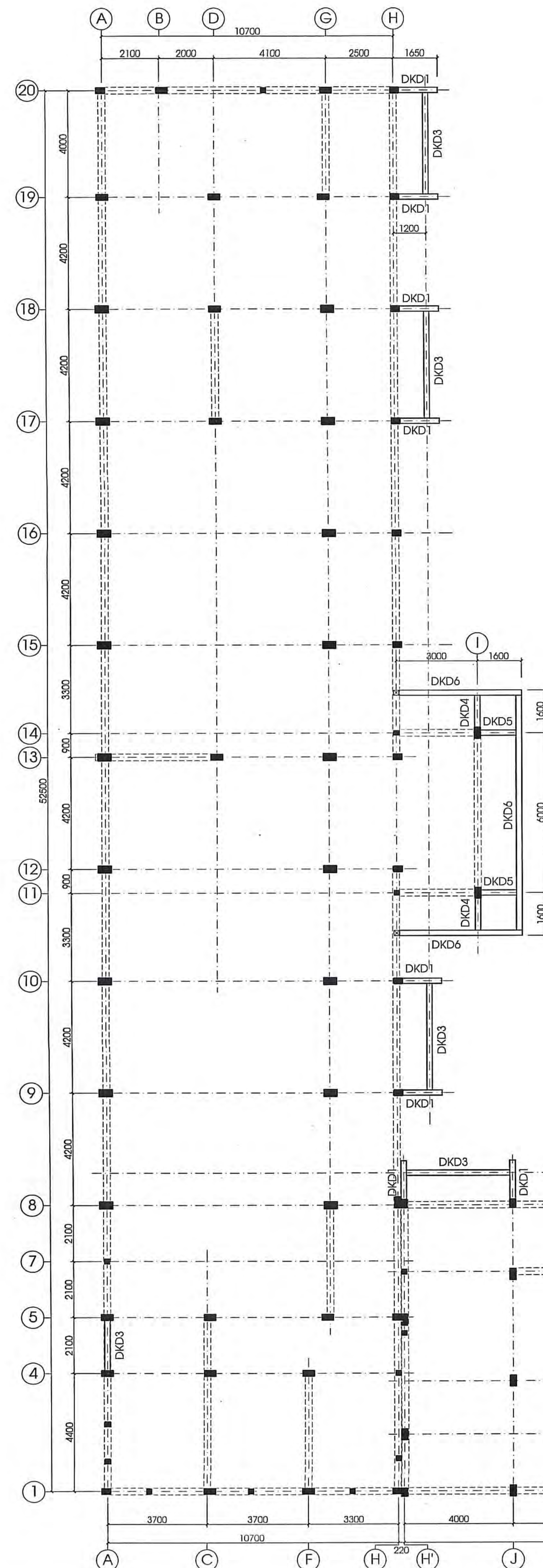
BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP CỘT									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
C1 Số lượng: 28	1		20	4500	6	174	783	1931.00	
	2		6	900	27	783	704.7	156.41	
	3		18	4500	6	174	783	1564.11	
	4		6	900	27	783	704.7	156.41	
	5		16	4050	6	174	704.7	1112.25	
C2 Số lượng: 8	6		6	400	27	783	313.2	69.52	
	1		18	4500	6	48	216	431.48	
	2		16	4500	4	32	144	227.28	
	3		16	4500	2	16	72	113.64	
	4		6	1100	27	216	237.6	52.74	
	5		18	4500	6	48	216	431.48	
	6		16	4500	2	16	72	113.64	
	7		6	1100	27	216	237.6	52.74	
C3 Số lượng: 1	8		16	4050	6	48	194.4	306.83	
	9		16	4050	2	16	64.8	102.28	
	10		6	1300	27	216	280.8	62.32	
	1		18	4500	160	160	720	1438.26	
	2		16	4500	32	32	144	227.28	
	3		6	1100	432	432	475.2	105.47	
	4		18	4500	96	96	432	862.96	
	5		16	4500	32	32	144	227.28	
C4 Số lượng: 1	6		6	1100	432	432	475.2	105.47	
	7		16	4050	72	72	291.6	460.24	
	8		16	4050	24	24	97.2	153.41	
	9		6	1100	324	324	356.4	79.10	
	1		20	4500	8	8	36	88.78	
	2		6	1100	27	27	29.7	6.59	
	3		18	4500	8	8	36	71.91	
	4		6	1100	27	27	29.7	6.59	
C5 Số lượng: 36	5		16	4050	8	8	32.4	51.14	
	6		6	1100	27	27	29.7	6.59	
	1		22	4600	10	360	1656	4941.57	
	2		16	4600	2	72	331.2	522.74	
	3		8	1320	27	972	1283.04	506.27	
	4		20	4500	10	360	1620	3995.16	
	5		16	4500	2	72	324	511.38	
	6		8	1320	27	972	1283.04	506.27	
	7		18	4050	10	360	1458	2912.47	
C6 Số lượng: 6	8		16	4050	2	72	291.6	460.24	
	9		8	1320	27	972	1283.04	506.27	
	1		20	4500	6	36	162	399.52	
	2		18	4500	4	24	108	215.74	
	3		16	4500	2	12	54	85.23	
	4		6	1100	27	162	178.2	39.55	
	5		18	4500	6	36	162	323.61	
	6		16	4500	2	12	54	85.23	
	7		6	1100	27	162	178.2	39.55	
C7 Số lượng: 2	8		16	4050	6	36	145.8	230.12	
	9		16	4050	2	12	48.6	76.71	
	10		6	1100	27	162	178.2	39.55	
	1		16	4450	10	20	89	140.47	
	2		16	4450	2	4	17.8	28.09	
TNT	TNT		6	600	16080	16080	9848	2141.41	
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 3133.19 kg; Chiều dài = 14116.5 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 1518.81 kg; Chiều dài = 3849.12 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø16 = 5235.48 kg; Chiều dài = 3317.1 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø18 = 8252.02 kg; Chiều dài = 4131 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø20 = 6414.46 kg; Chiều dài = 2501 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø22 = 4941.57 kg; Chiều dài = 1856 mét									

BAN QLĐA-LTXD KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Thị trường định giá và đấu thầu
Ngày 03 tháng 03 năm 2022
Lê Quang Trọng

CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
THAM TRA
ngày 03 tháng 03 năm 2022
Chữ và dấu của đơn vị

Lê Trung Hiếu

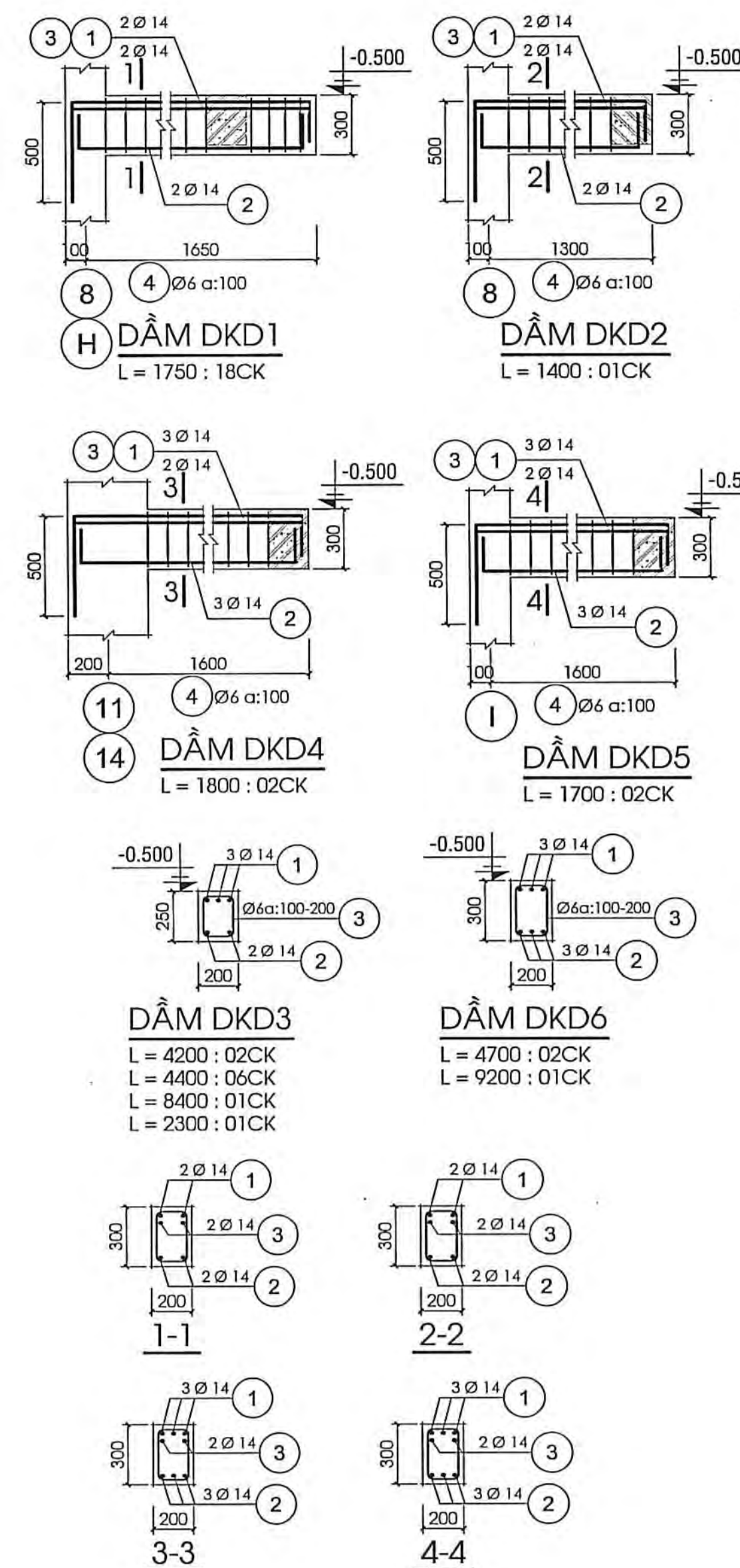
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG Số 01/2022/CTN Địa chỉ: Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 0933.387.028, Email: info@mytrung.com		THẨM ĐỊNH Ngày 03 tháng 03 năm 2022 Chữ và dấu của đơn vị	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ			
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG			
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÍ PHÒNG HỌC,			
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ			
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP			
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT TẦNG 2		NGÀY: 03/03/2022	
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT TẦNG 3		THCS-KC: 03	
GHI CHÚ CHUNG			
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TK KẾT CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐỊNH		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		



TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ	
DKD1	1	500x1700x250	14	2450	2	36	88.2
	2	200x1700x200	14	2100	2	36	75.6
	3	500x1700x200	14	2400	2	36	86.4
	4	150x250x50	6	900	16	288	259.2
DKD2	1	500x1350x250	14	2100	2	2	4.2
	2	200x1350x200	14	1750	2	2	3.5
	3	500x1350x200	14	2050	2	2	4.1
	4	150x250x50	6	900	11	11	9.9
DKD3	1	200x4150x200	14	4550	6	6	27.3
	2	200x4350x200	14	4750	18	18	85.5
	1	200x8350x200	14	8750	3	3	26.25
	1	200x2250x200	14	2650	3	3	7.95
DKD4	1	200x4150x200	14	4450	4	4	17.8
	2	150x4350x150	14	4650	12	12	55.8
	2	150x8350x150	14	8650	2	2	17.3
	2	150x2250x150	14	2550	2	2	5.1
DKD5	1	500x1750x250	14	2500	2	4	10
	2	200x1750x200	14	2150	3	6	12.9
	3	500x1750x200	14	2450	2	4	9.8
	4	150x250x50	6	900	13	26	23.4
DKD6	1	500x1650x250	14	2050	3	6	12.3
	2	200x1650x200	14	2350	2	4	9.4
	4	150x250x50	6	900	14	28	25.2
	1	250x4650x250	14	5150	6	6	30.9
DKD7	1	250x9150x250	14	9650	3	3	28.95
	2	200x4650x200	14	5050	3	3	15.15
	2	200x9150x200	14	9550	3	3	28.65
	3	150x250x50	6	900	120	120	108

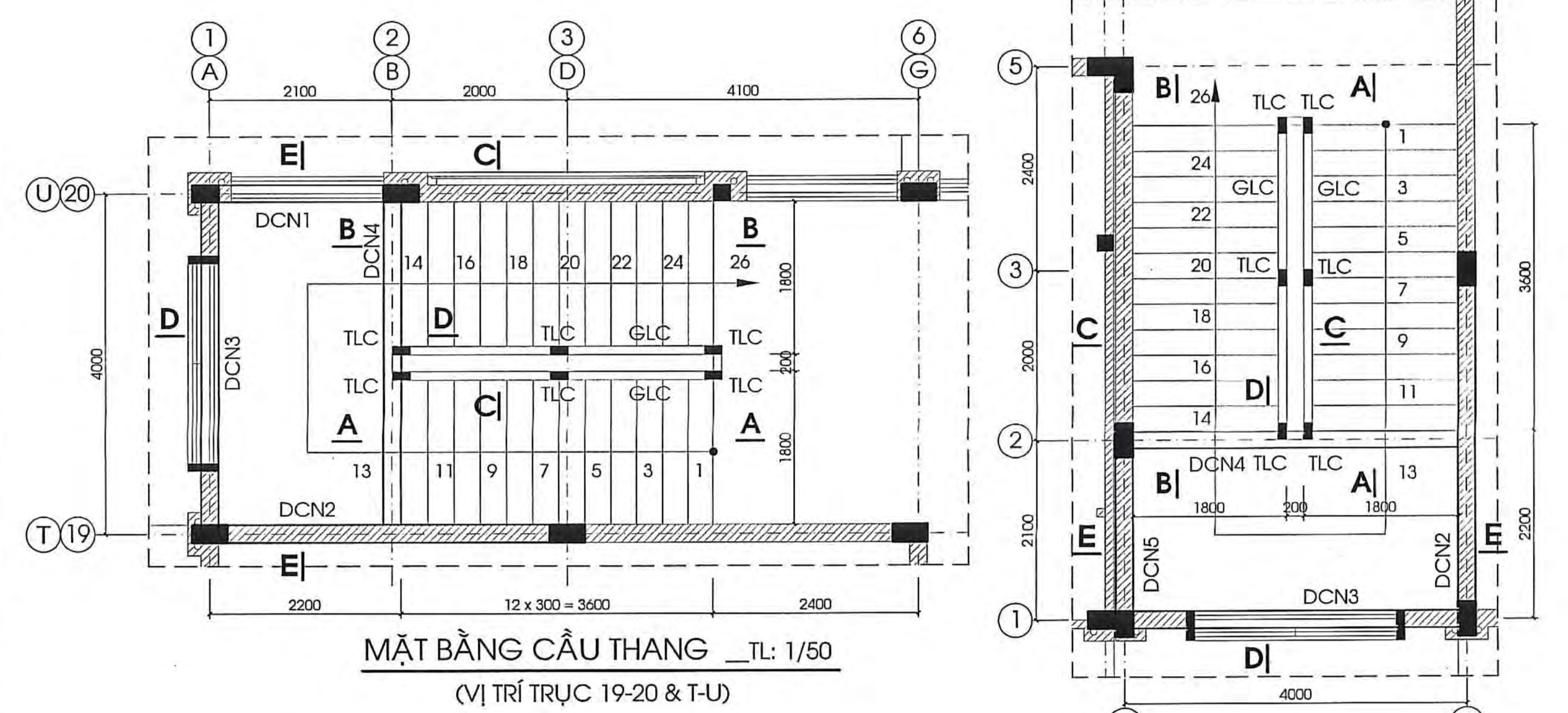
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 145.26$ kg; Chiều dài = 654.5 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 14 = 812.84$ kg; Chiều dài = 672.65 mét

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DÀ KIỀNG DƯỚI _TL: 1/100



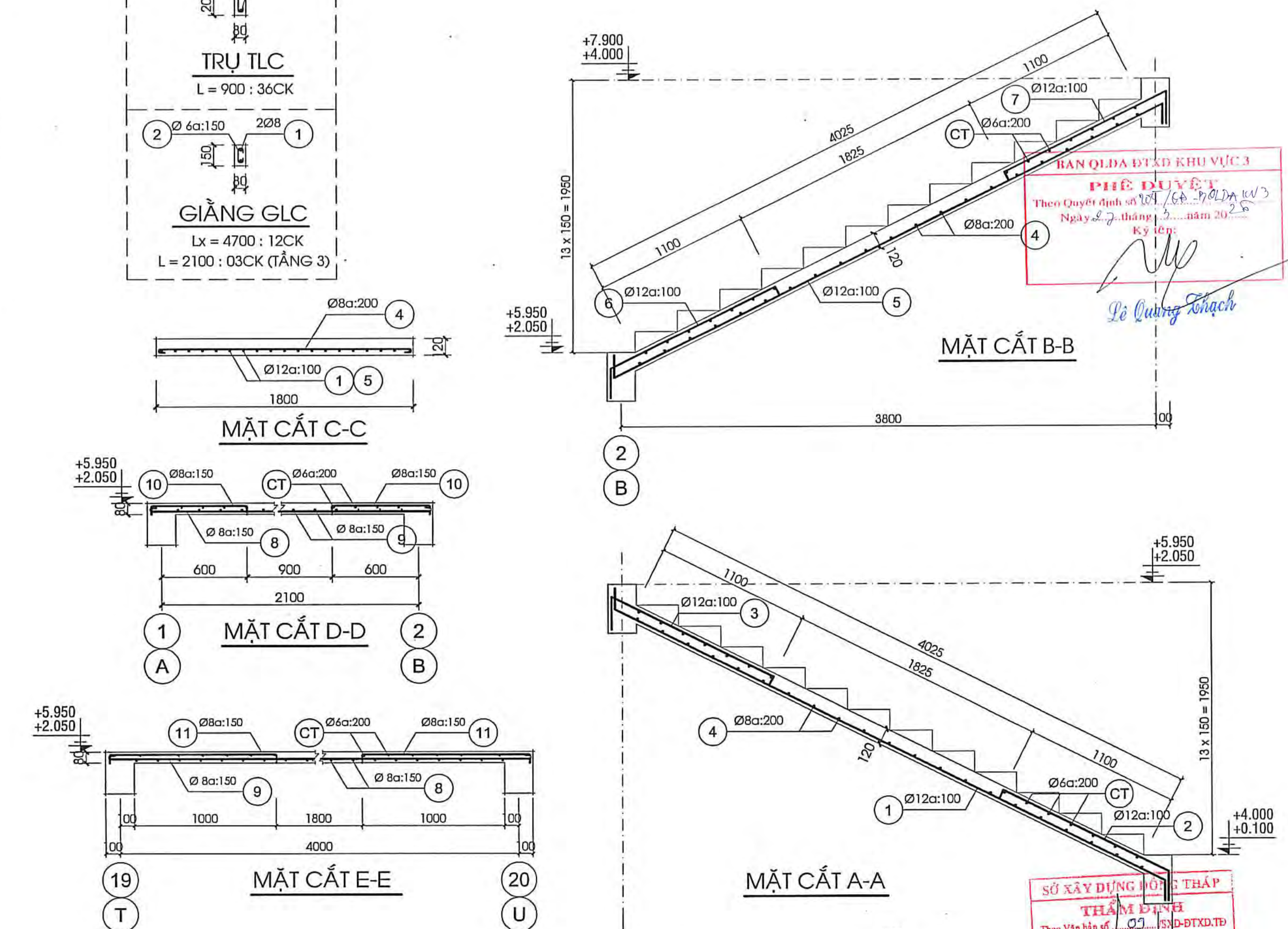
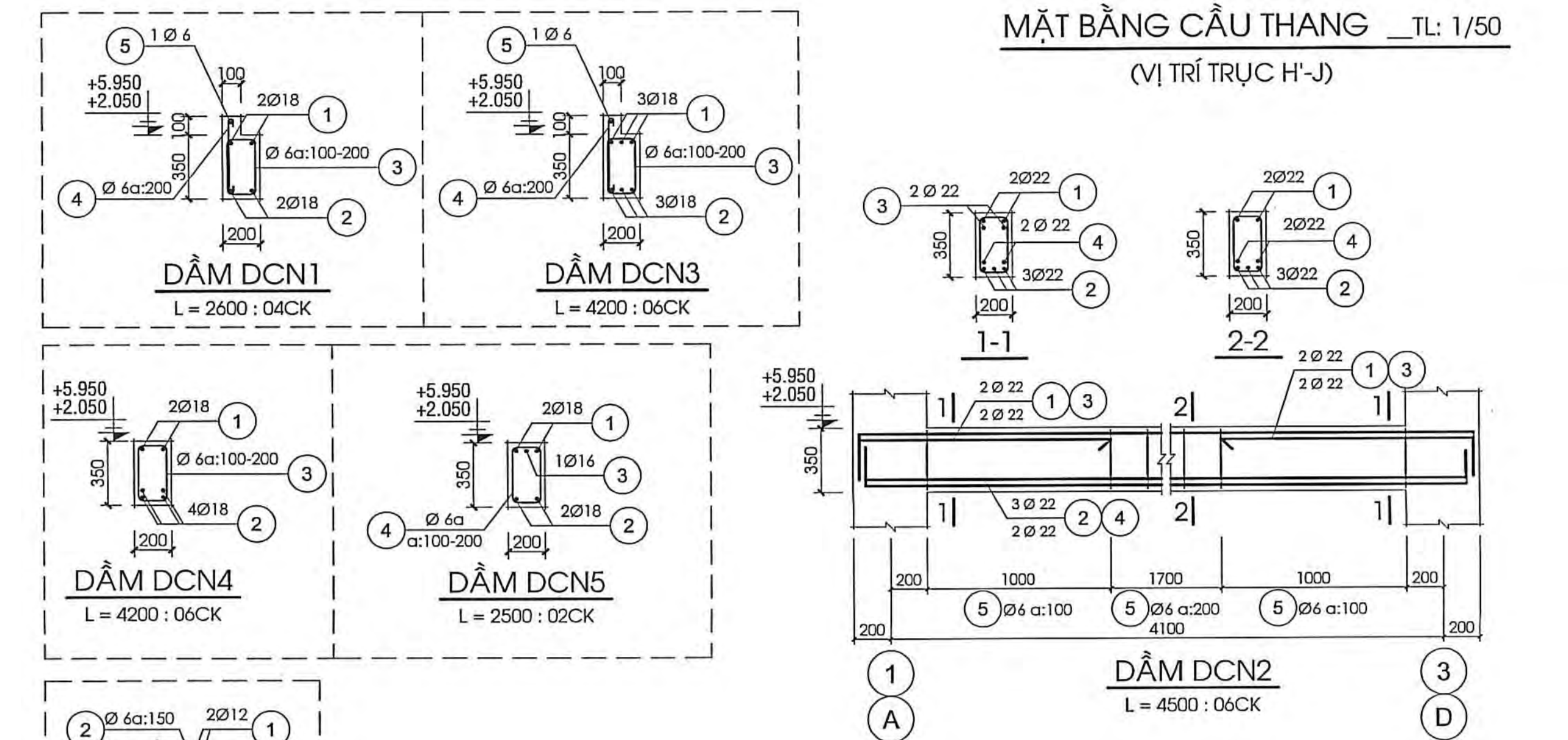
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ	
DCN1	1	300x2550x300	18	3150	2	8	25.2
	2	250x2550x250	18	3050	2	8	24.4
	3	150x300x50	6	1000	18	72	15.98
	4	50x400x50	6	500	13	52	5.77
DCN2	1	300x4450x300	22	5050	2	12	60.6
	2	250x4450x250	22	4950	3	18	89.1
	3	250x1300x250	22	1550	4	24	37.2
	4	200x4450x200	22	4850	2	12	58.2
DCN3	1	300x4150x300	18	4750	3	18	85.5
	2	250x4150x250	18	4650	3	18	83.7
	3	150x300x50	6	1000	33	198	43.95
	4	50x400x50	6	500	23	138	69
DCN4	1	300x4150x300	18	4750	2	12	57
	2	250x4150x250	18	4650	4	24	111.6
	3	150x300x50	6	1000	30	180	39.95
	4	50x400x50	6	500	15	30	6.9
DCN5	1	150x4350x150	12	4650	19	114	531.24
	2	90x1310x120	12	1610	19	114	183.54
	3	90x1280x120	12	1600	19	114	182.4
	4	50x1750x50	8	1870	42	252	471.24
BÀN THANG	1	150x4350x150	12	4670	19	114	532.38
	2	90x1310x120	12	1620	19	114	183.54
	3	90x1280x120	12	1600	19	114	182.4
	4	50x1750x50	8	1870	42	252	471.24
TRỤ T.LC	1	150x1100x150	8	1200	28	168	201.6
	2	90x1100x90	8	1200	12	72	86.4
	3	50x2200x50	6	2300	8	48	110.4
	4	50x100x50	6	200	429	429	85.8
GIẢNG GLC	1	250x850x250	12	1100	2	72	79.2
	2	150x150x50	6	250	7	252	63
	3	50x4650x50	8	4770	24	24	114.48
	4	50x2050x50	8	2170	6	6	13.02

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 257.61$ kg; Chiều dài = 1160.7 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 701.71$ kg; Chiều dài = 1778.34 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 1655.27$ kg; Chiều dài = 1864.44 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 16 = 9.63$ kg; Chiều dài = 6.1 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 18 = 821.8$ kg; Chiều dài = 411.4 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 22 = 731.39$ kg; Chiều dài = 245.1 mét



MẶT BẰNG CẦU THANG _TL: 1/50
(VỊ TRÍ TRỤC 19-20 & T-U)

MẶT BẰNG CẦU THANG _TL: 1/50
(VỊ TRÍ TRỤC H'-J)



MẶT CẮT C-C

MẶT CẮT D-D

MẶT CẮT E-E

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM THÂN GIANG
 THAM TRẢ
 Theo Văn bản số...
 ngày... tháng... năm...
 Chủ trì dự án:...

Lê Trung Hiếu

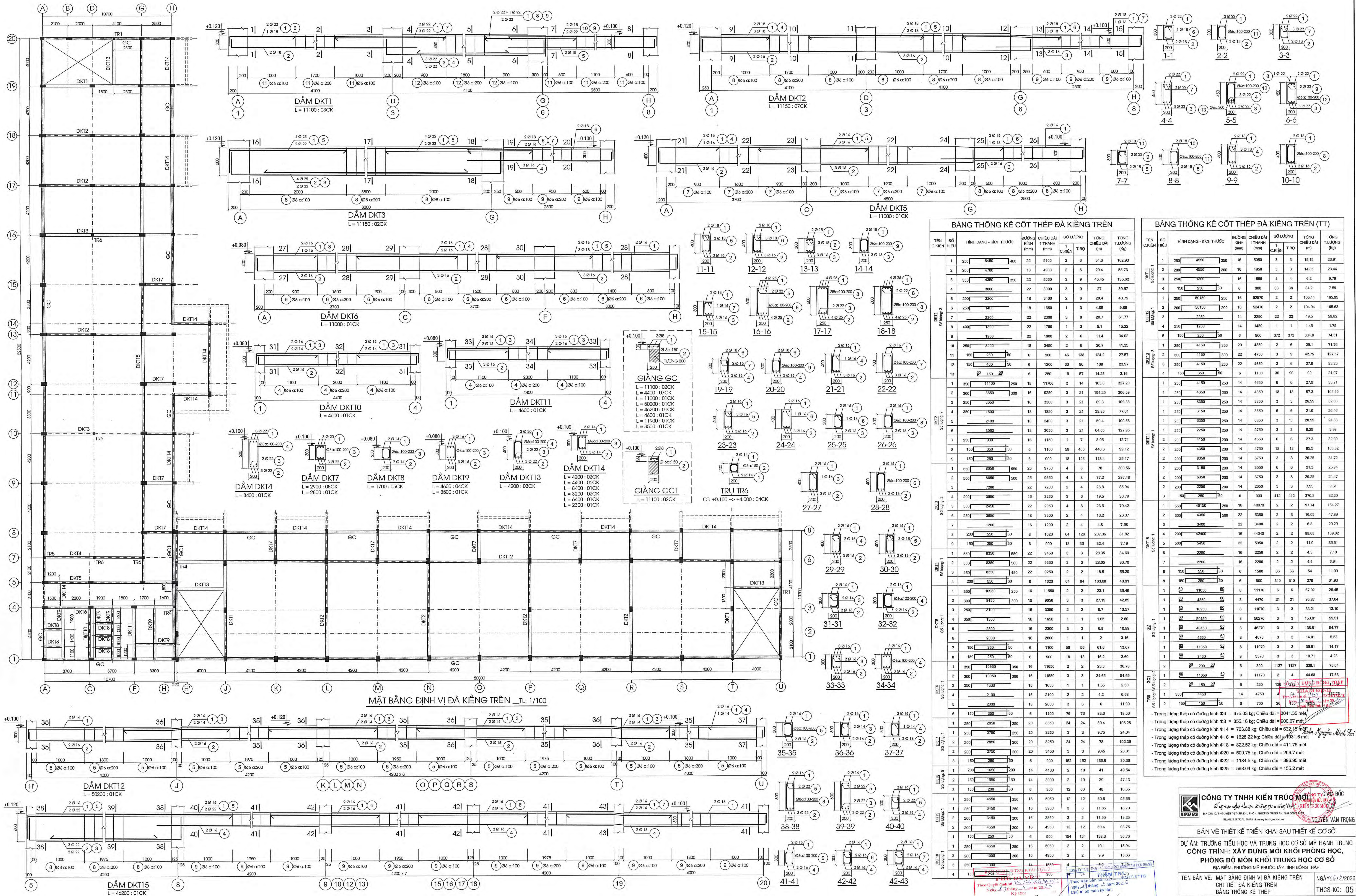
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG
 Slogan: Kiến trúc - Môi trường - Văn hóa
 Địa chỉ: Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp
 Số xây dựng: 12/2023
 Ngày cấp: 12/2023
 Người cấp: Nguyễn Văn Trọng

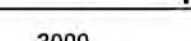
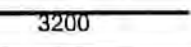
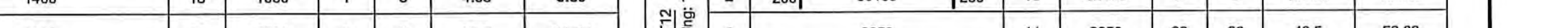
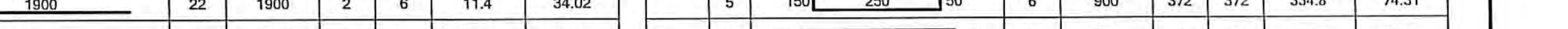
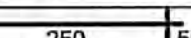
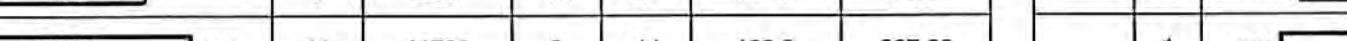
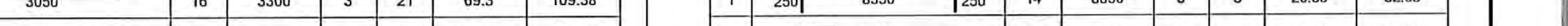
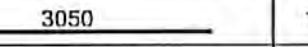
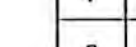
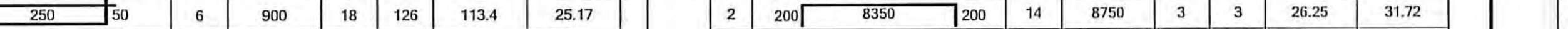
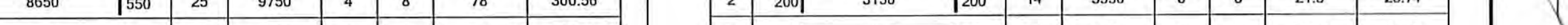
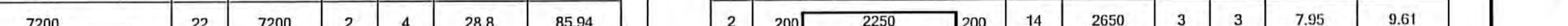
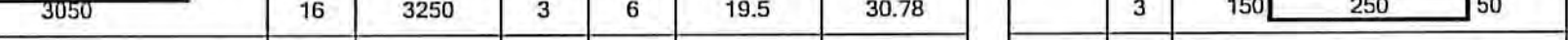
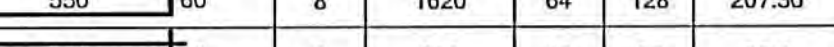
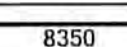
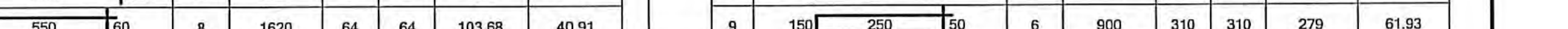
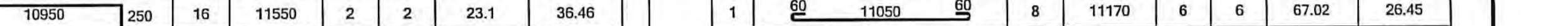
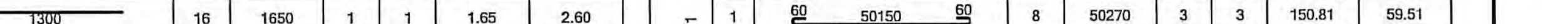
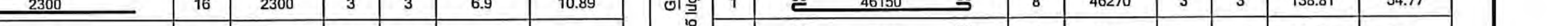
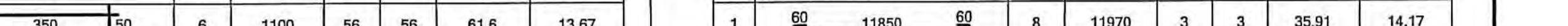
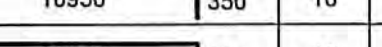
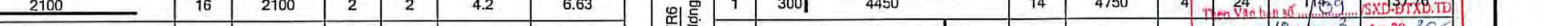
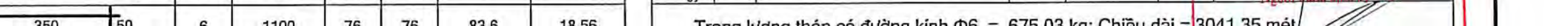
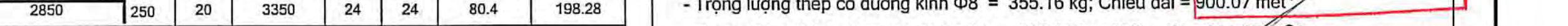
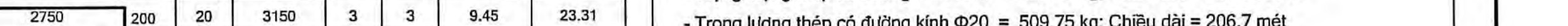
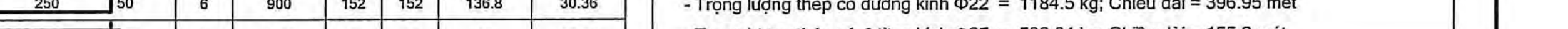
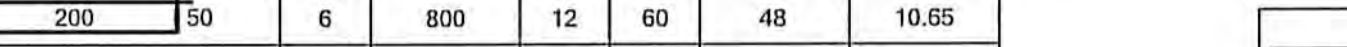
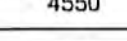
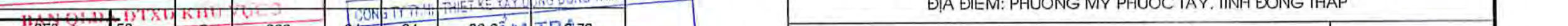
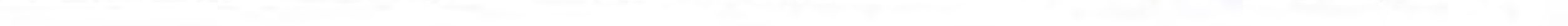
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRÊN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
 DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
 CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÔI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
 ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

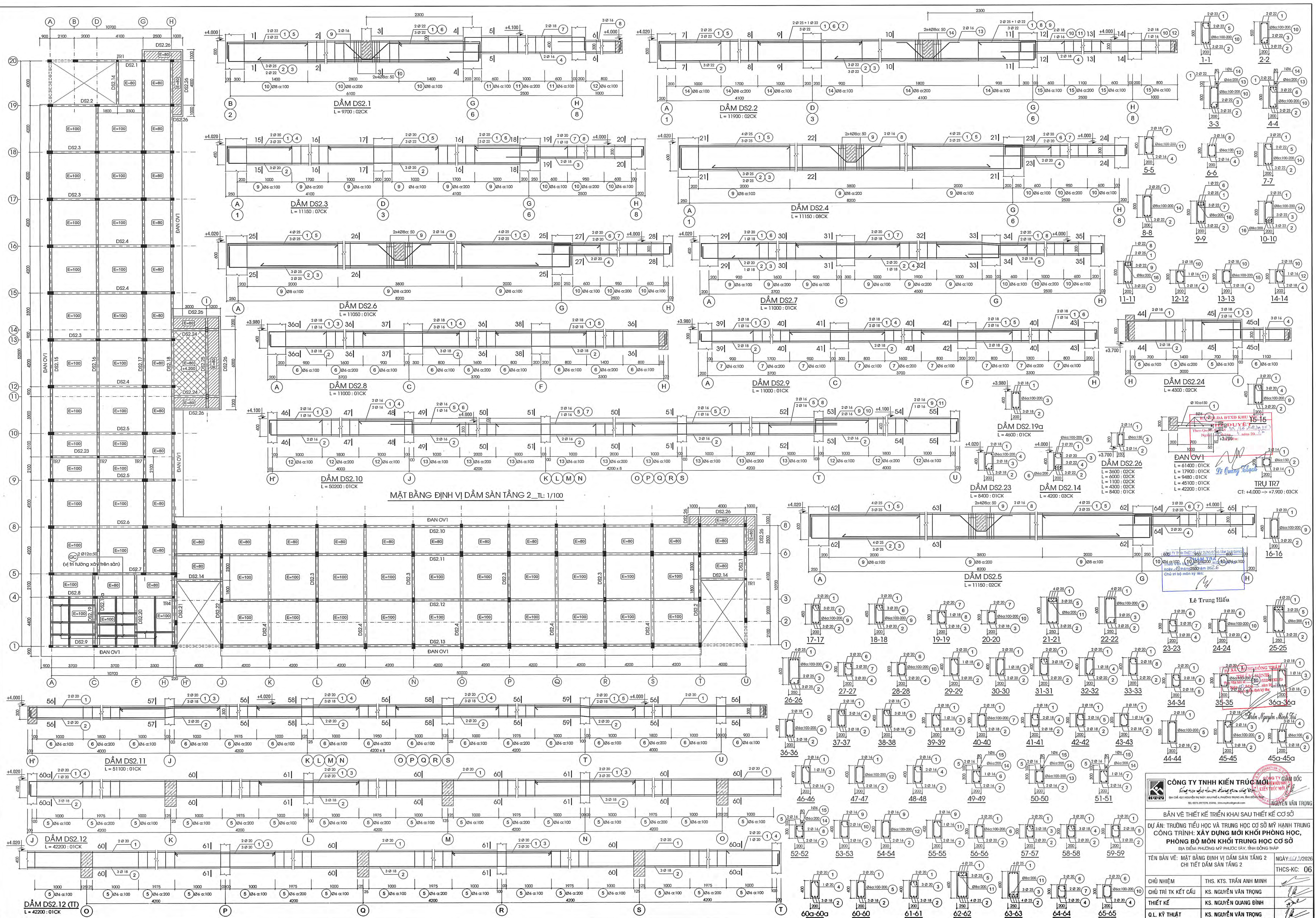
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DÀ KIỀNG DƯỚI
 MẶT BẰNG + CHI TIẾT CẦU THANG
 CHI TIẾT DÀ KIỀNG DƯỚI

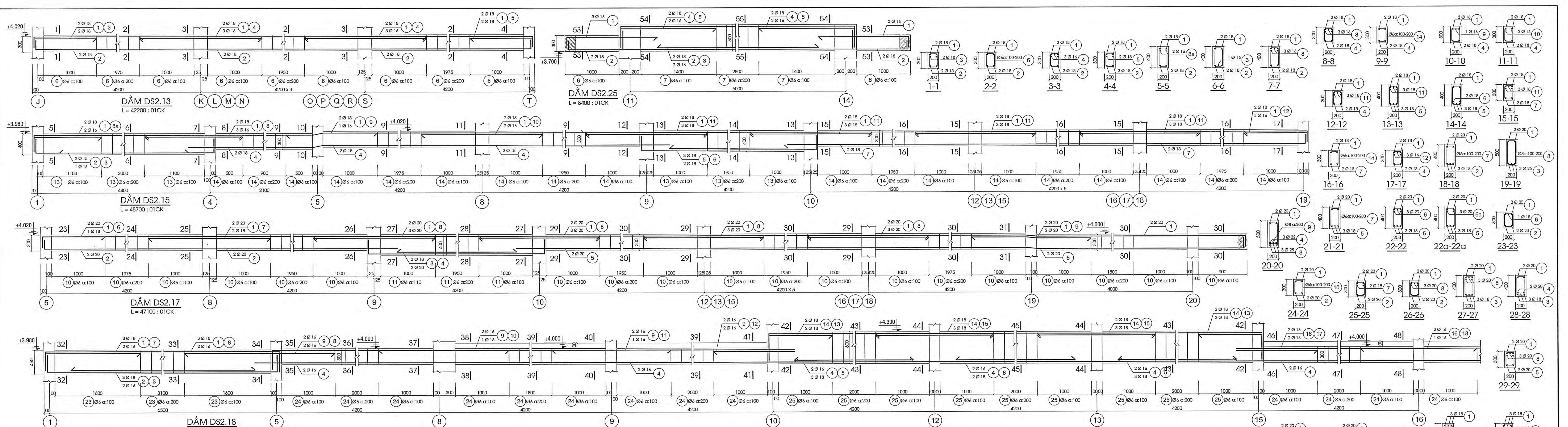
NGÀY: 12/2023
 THCS-KC: 04

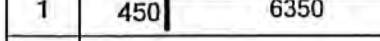
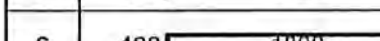
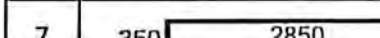
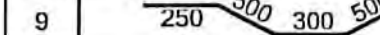
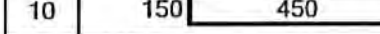
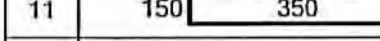
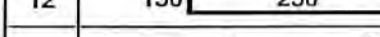
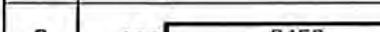
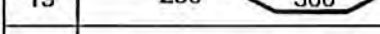
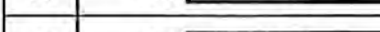
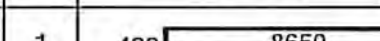
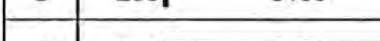
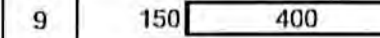
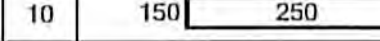
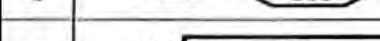
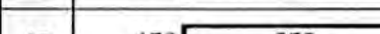
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
 CHỦ TRÌ KẾT CẤU: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
 THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH
 Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



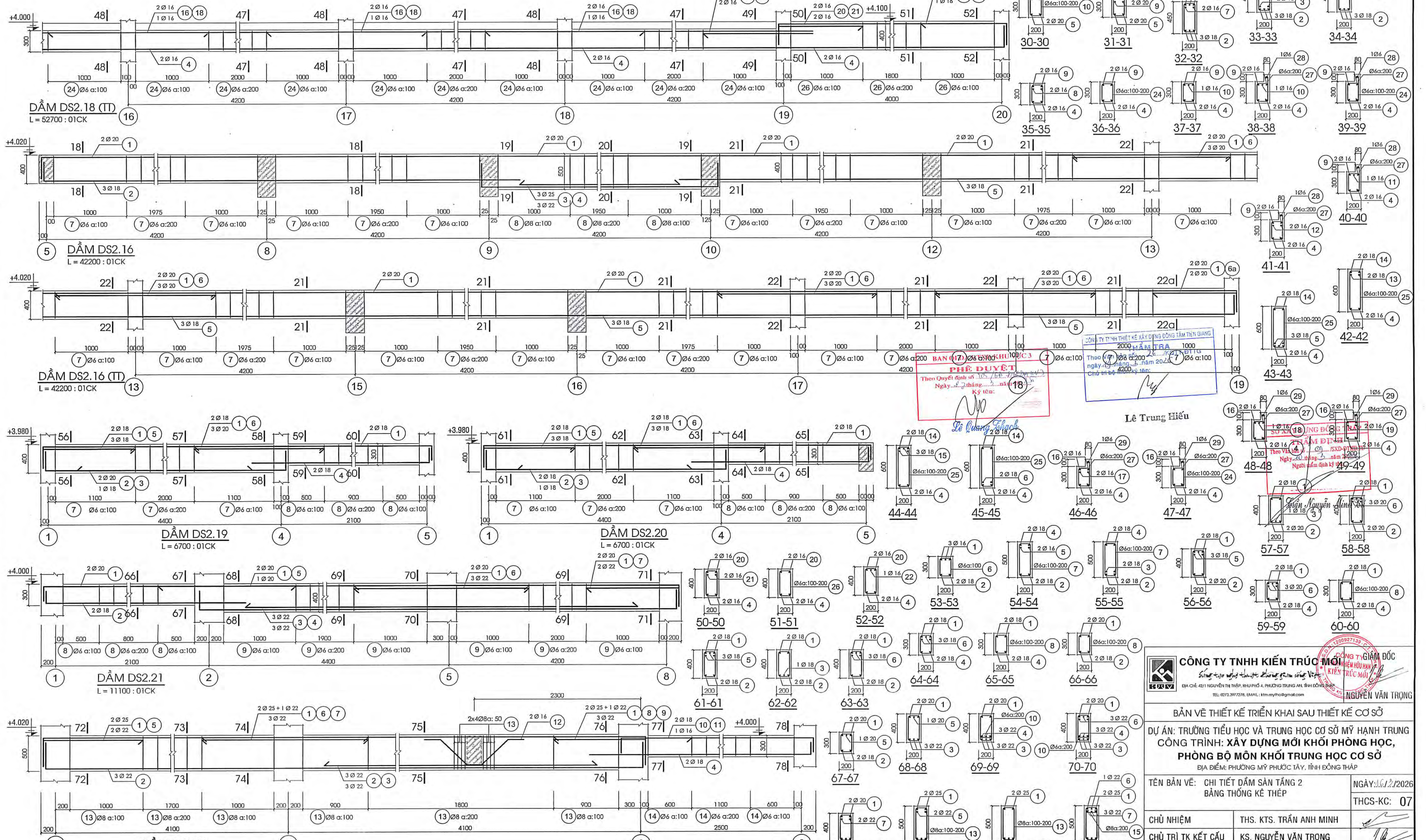
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DÀ KIỀNG TRÊN									
TÊN C.KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
DÀM DKT1 Số lượng: 3	1	250  400	22	9100	2	6	54.6	162.93	
	2	200  400	18	4900	2	6	29.4	58.73	
	3	350  4350	22	5050	3	9	45.45	135.62	
	4	3000	22	3000	3	9	27	80.57	
	5	200  3400	18	3400	2	6	20.4	40.75	
	6	250  1400	18	1650	1	3	4.95	9.89	
	7	2330	22	2330	3	9	20.7	61.73	
	8	400  1300	22	1700	1	3	5.1	15.22	
	9	1900	22	1900	2	6	11.4	34.02	
	10	250  3200	18	3450	2	6	20.7	41.35	
	11	150 250	6	900	46	138	124.2	57.7	
	12	150  490	6	1200	30	90	108	23.97	
	13	 50 150	6	250	19	57	14.25	3.16	
DÀM DKT2 Số lượng: 7	1	350  11100	18	11700	2	14	163.8	327.20	
	2	300  8550	16	9250	3	21	194.25	306.59	
	3	250  3050	16	3300	3	21	69.3	109.38	
	4	350  1500	18	1850	3	21	38.85	77.61	
	5	2400	18	2400	3	21	50.4	100.68	
	6	3050	18	3050	3	21	64.05	127.95	
	7	250  900	16	1150	1	7	8.05	12.71	
DÀM DKT3 Số lượng: 7	8	150  350	6	1100	58	406	446.6	99.12	
	9	150 250	6	900	18	126	113.4	25.17	
	1	550  8650	25	9750	4	8	78	300.56	
	2	500  8650	25	9650	4	8	77.2	297.48	
	3	7200	22	7200	2	4	28.8	85.94	
	4	200  3050	16	3250	3	6	19.5	30.78	
	5	500  2450	22	2950	4	8	23.6	70.42	
DÀM DKT4 Số lượng: 1	6	250  3500	18	3300	2	4	13.2	26.37	
	7	1200	16	1200	2	4	4.8	7.58	
	8	200  550	8	1620	64	128	207.36	81.82	
	9	150 250	6	900	18	36	32.4	7.19	
	1	550  8350	22	9450	3	3	28.35	84.60	
	2	500  8350	22	9350	3	3	28.05	83.70	
	3	450  8350	22	9250	2	2	18.5	55.20	
DÀM DKT5 Số lượng: 1	4	200  550	8	1620	64	64	103.68	40.91	
	1	350  10600	16	11550	2	2	23.1	36.46	
	2	300  8450	16	9050	3	3	27.15	42.85	
	3	250  3100	16	3350	2	2	6.7	10.57	
	4	350  1300	16	1650	1	1	1.65	2.89	
	5	2300	16	2300	3	3	6.9	10.60	
	6	2000	16	2000	1	1	2	3.16	
DÀM DKT6 Số lượng: 1	7	150  350	6	1100	56	56	61.6	13.67	
	8	150 250	6	900	18	18	16.2	3.90	
	1	350  16950	16	11650	2	2	23.3	36.78	
	2	300  10950	16	11550	3	3	34.65	54.69	
	3	350  1300	16	1650	1	1	1.65	2.89	
	4	2100	16	2100	2	2	4.2	6.83	
	5	2000	18	2000	3	3	6	11.99	
DÀM DKT7 Số lượng: 1	6	150  350	6	1100	76	76	83.6	18.56	
	1	250  2850	20	3350	24	24	80.4	198.28	
	2	250  2750	20	3250	3	3	9.75	24.04	
	3	200  2850	20	3250	24	24	78	192.36	
	4	200 2750	20	3150	3	3	9.45	23.31	
	5	150 250	6	900	152	152	136.8	30.36	
	6	200 1850	14	4100	2	10	41	49.54	
DÀM DKT8 Số lượng: 5	7	150 1650	14	3900	2	10	30	47.13	
	8	150 200	6	800	12	60	48	10.65	
	1	250 4050	16	5050	12	12	60.6	95.65	
	2	250 3450	16	3950	3	3	11.85	18.70	
	3	200 3450	20	3850	3	3	11.55	18.23	
	4	200 4590	16	4950	12	12	99.4	93.75	
	5	150 250	6	900	154	154	138.6	30.76	
DÀM DKT9 Số lượng: 1	1	250 4550	16	5050	2	2	10.1	15.94	
	2	200 4550	16	4950	2	2	9.9	15.63	
	3	250 1300	14	1650	4	4	6.2	9.79	
	4	150 250	6	900	38	38	34.2	7.59	
	5	250 300	16	5250	2	2	105.14	165.95	
	6	250 1400	16	52470	2	2	104.94	165.93	
	7	2250	14	2250	22	40.5	59.82		





BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM TẦNG 2										
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI TÍNH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)		
					1 C.KIỆN	T.ĐỒ				
DẦM 2 Số lượng: 2	1		22	7250	2	4	29	86.54		
	2		25	7150	3	6	42.9	165.31		
	3		22	5000	2	4	20	59.68		
	4		16	4100	2	4	16.4	25.88		
	5		22	2200	2	4	8.8	26.26		
	6		22	2200	3	6	13.2	39.39		
	7		18	3550	2	4	14.2	28.37		
	8		16	1650	3	6	9.9	15.63		
	9		16	1800	2	4	7.2	11.36		
	10		8	1320	48	96	126.72	50.00		
	11		6	1100	18	36	39.6	8.79		
	12		6	900	8	16	14.4	3.20		
	13		6	650	11	22	14.3	3.17		
	14		6	2100	1	2	4.2	0.93		
DẦM 3 Số lượng: 2	1		25	9350	2	4	37.4	144.12		
	2		22	8250	3	6	55.5	165.61		
	3		22	3000	3	6	18	53.71		
	4		18	4200	2	4	16.8	33.59		
	5		22	1800	2	4	7.2	21.49		
	6		22	2300	1	2	4.6	13.73		
	7		22	2300	3	6	13.8	41.18		
	8		22	1700	1	2	3.4	10.15		
	9		22	1700	3	6	10.2	30.44		
	10		18	4250	2	4	17	33.96		
	11		16	1250	1	2	2.5	3.95		
	12		16	1950	1	2	3.9	6.16		
	13		16	1800	2	4	7.2	11.36		
	14		8	1320	62	124	163.68	64.59		
DẦM 4 Số lượng: 7	1		20	9450	2	14	132.3	326.27		
	2		20	9350	3	21	198.35	484.23		
	3		18	3300	2	14	46.2	92.29		
	4		18	1800	3	21	37.8	75.51		
	5		22	2400	3	21	59.4	150.40		
	6		20	1800	3	21	37.8	93.22		
	7		20	3350	2	14	46.9	115.66		
	8		18	1250	1	7	8.75	17.48		
	9		6	1200	58	406	487.2	108.14		
	10		6	900	18	126	113.4	25.17		
	DẦM 5 Số lượng: 8	1		25	9750	4	32	312	1202.25	
		2		25	9650	3	24	231.6	892.44	
		3		25	7200	2	16	115.2	443.91	
		4		20	3300	2	16	52.8	130.21	
5			25	2950	6	48	141.6	545.64		
6			20	3350	2	16	53.6	132.19		
7			20	1250	2	16	20	49.32		
8			16	1800	2	16	28.8	45.46		
9			8	1620	64	512	829.44	327.28		
10			6	900	18	144	129.6	28.77		
11			8	320	22	176	56.32	22.22		

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM TẦNG 2 (TT)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI TÍNH (mm)	SỐ LƯỢNG C.KIỆN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
D2.2.2 Sô tầng 2	1		25	9750	4	8	78	300.56	
	2		25	9650	4	8	77.2	297.48	
	3		25	7200	3	6	43.2	166.47	
	4		20	3300	2	4	13.2	32.55	
	5		25	2950	6	12	35.4	136.41	
	6		20	3350	2	4	13.4	33.05	
	7		20	1250	2	4	5	12.33	
	8		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	9		8	1620	64	128	207.36	81.82	
	10		6	900	18	36	32.4	7.19	
	11		8	320	59	118	37.76	14.90	
D2.2.3 Sô tầng 1	1		25	9750	4	4	39	150.28	
	2		25	9650	3	3	28.95	111.55	
	3		25	7200	2	2	14.4	55.49	
	4		20	3200	2	2	6.4	15.78	
	5		25	2950	6	6	17.7	68.20	
	6		20	3250	2	2	6.5	16.03	
	7		20	1250	2	2	2.5	6.17	
	8		16	1800	2	2	3.6	5.68	
	9		8	1620	64	64	103.68	40.91	
	10		6	900	18	18	16.2	3.60	
	11		8	320	22	22	7.04	2.78	
D2.2.7 Sô tầng 1	1		20	11550	2	2	23.1	56.97	
	2		20	9050	2	2	18.1	44.64	
	3		18	2800	1	1	2.8	5.59	
	4		18	3300	1	1	3.3	6.59	
	5		18	3300	2	2	6.8	13.18	
	6		18	1650	1	1	1.65	3.30	
	7		18	2300	3	3	6.9	13.78	
	8		18	2000	2	2	4	7.99	
	9		6	1100	57	57	62.7	13.92	
	10		6	900	18	18	16.2	3.60	
	11		18	11550	2	2	23.3	46.54	
D2.2.8 Sô tầng 1	1		18	11550	3	3	34.65	69.22	
	2		16	1650	1	1	1.65	2.60	
	3		16	2100	3	3	6.3	9.94	
	4		18	2000	3	3	6	11.99	
	5		6	1100	75	75	82.5	18.31	
	6		18	11450	2	2	22.9	45.74	
	7		18	11350	2	2	22.7	45.35	
	8		16	1450	1	1	1.45	2.29	
	9		18	2100	2	2	4.2	8.39	
	10		16	2000	2	2	4	6.31	
	11		16	1350	1	1	1.35	2.13	
D2.2.9 Sô tầng 1	1		6	900	75	75	67.5	14.98	
	2		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	3		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	4		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	5		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	6		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	7		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	8		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	9		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	10		16	1800	2	4	7.2	11.36	
	11		16	1800	2	4	7.2	11.36	



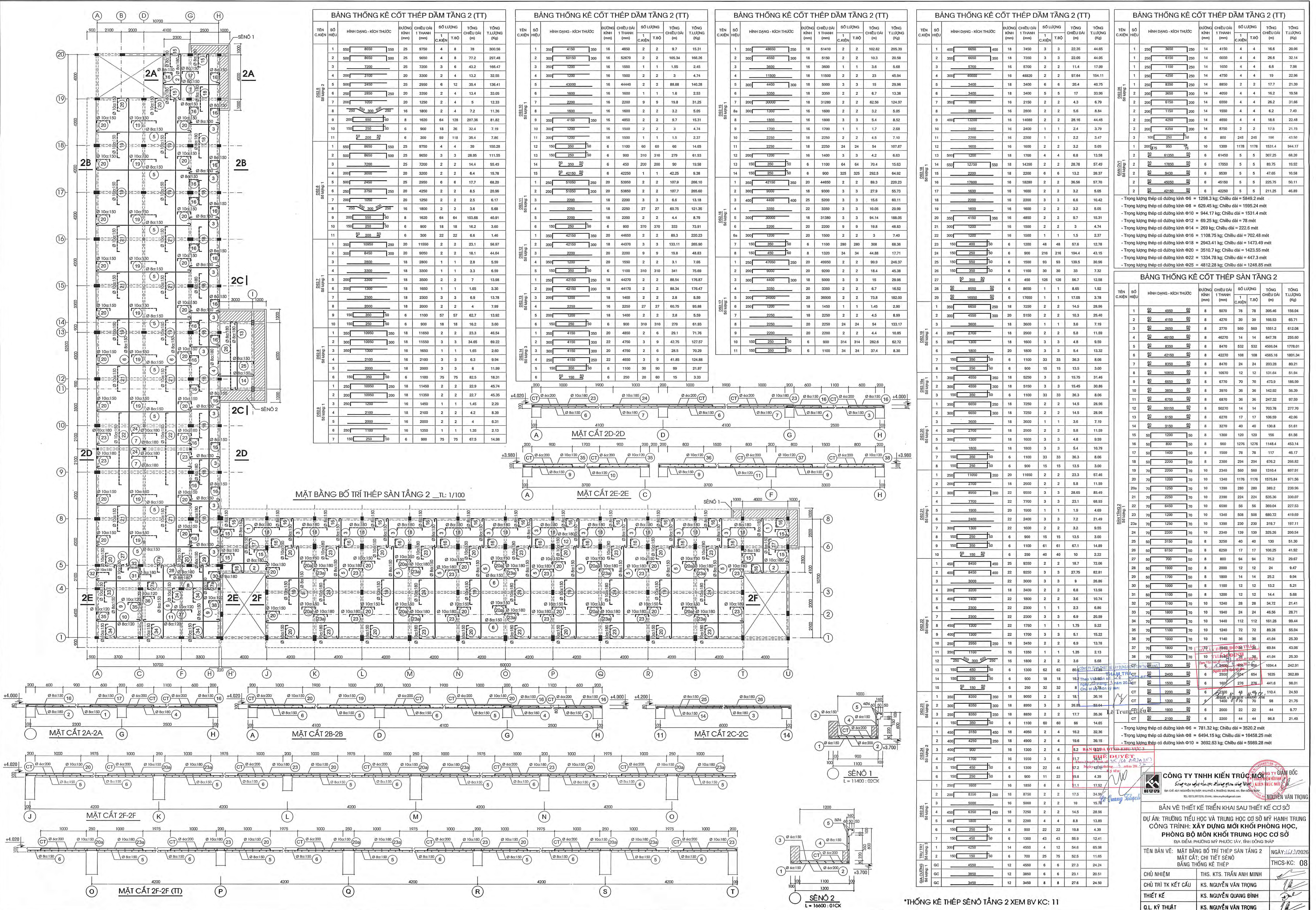
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG
Sơ cấp: 401 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số: 001/2019/ĐKKD, 001/2019/ĐKKD
NGUYỄN VĂN TRỌNG

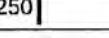
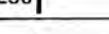
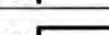
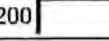
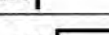
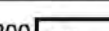
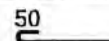
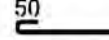
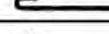
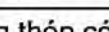
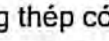
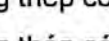
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÔI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, QUẬN BÌNH THẠNH

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 2
BẢNG THỐNG KÊ THÉP

NGÀY: 15/12/2026
THCS-KC: 07

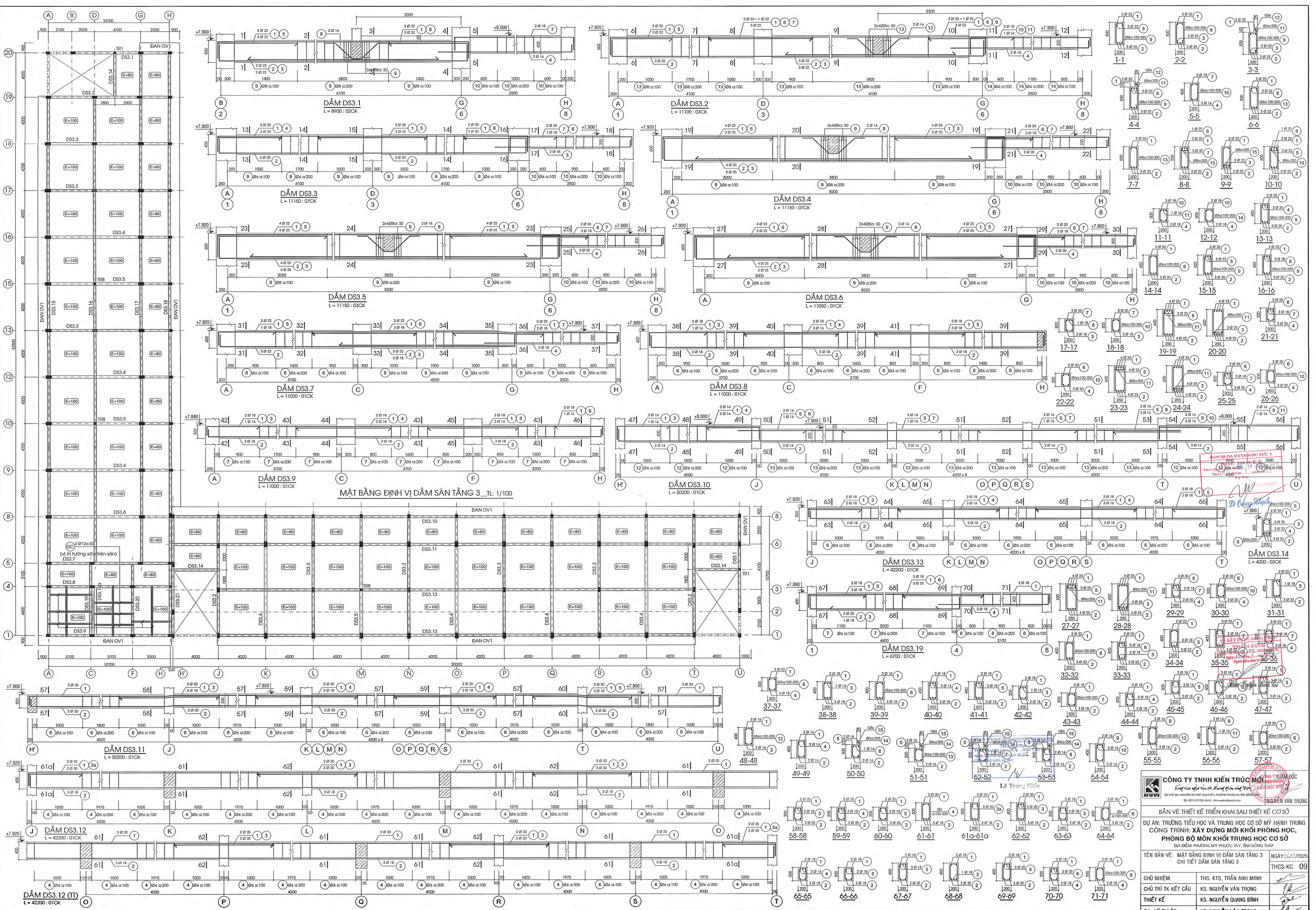
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRỊ KẾT CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP DẪM TẦNG 2 (TT)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)		
				I C.KIỆN	TƯỜNG				
DẪM 250 mm x 1	1		250	14	4150	4	16.6	20.06	
	2		250	14	6050	4	4	26.6	32.14
	3		250	14	1050	4	4	6.6	7.88
	4		250	14	4750	4	4	19	22.86
	5		250	14	8850	2	2	17.7	21.39
	6		250	14	4050	4	4	16.2	19.58
	7		250	14	6550	4	4	26.2	31.66
	8		250	14	1050	4	4	6.2	7.40
	9		250	14	4650	4	4	18.6	22.48
	10		250	14	8750	2	2	17.5	21.15
	11		250	6	800	245	245	19	43.50
	12		250	10	1300	1178	1178	1531.4	944.17
	13		50	6	61450	5	5	307.25	68.20
	14		50	6	17850	5	5	80.75	19.50
	15		50	6	9030	5	5	47.65	10.58
	16		50	6	45150	5	5	225.75	50.11
	17		50	6	42250	5	5	21.25	46.89
	DẪM 200 mm x 1	-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 1298.3 kg; Chiều dài = 5849.2 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 626.45 kg; Chiều dài = 1595.24 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 944.77 kg; Chiều dài = 1531.4 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 69.25 kg; Chiều dài = 78 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø14 = 26.29 kg; Chiều dài = 222.6 mét						
	DẪM 150 mm x 1	-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø16 = 1108.75 kg; Chiều dài = 702.48 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø18 = 2943.41 kg; Chiều dài = 1473.49 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø20 = 3510.7 kg; Chiều dài = 1423.55 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø22 = 1334.78 kg; Chiều dài = 447.3 mét						
		-	- Trọng lượng thép có đường kính Ø25 = 1812.76 kg; Chiều dài = 1248.85 mét						

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP SÀN TẦNG 2								
TÊN C.KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	
					1 C.KIỆN	T.BỐ		
1	50		8	5070	78	395.46	156.04	
2	50		8	4270	39	166.53	65.71	
3	50		8	2770	560	560	1551.2	612.08
4	50		8	46270	14	647.78	256.60	
5	50		8	8470	532	532	4506.04	1778.01
6	50		8	42270	108	108	4565.16	1801.34
7	50		8	8470	24	24	203.28	80.21
8	50		8	10970	12	12	131.64	51.94
9	50		8	6770	70	70	473.9	186.99
10	50		8	3970	36	36	142.92	56.39
11	50		8	6870	36	36	247.32	97.59
12	50		8	50270	14	14	703.78	277.70
13	50		8	6270	17	17	106.59	42.06
14	50		8	3270	40	40	130.8	51.61
15	50		8	1300	120	120	156	61.56
16	50		8	900	1276	1276	1148.4	453.14
17	50		8	1500	78	78	117	46.17
18	50		8	2300	294	294	676.2	266.82
19	70		10	2340	560	560	1310.4	807.91
20	70		10	1340	1176	1176	1575.84	971.56

SẢN PHẨM 1	20a	70	1250	70	10	1390	280	280	386.2	239.96
	21	70	2250	70	10	2390	224	224	635.3	239.96
	22	70	6450	70	10	6590	55	55	369.04	227.53
	23	70	1250	70	10	1340	508	508	689.72	419.69
	23a	70	1250	70	10	1390	230	230	316.7	197.11
SẢN PHẨM 2	24	70	2250	70	10	2340	139	139	325.26	200.54
	25	50	3150	50	8	3250	40	40	130	51.30
	26	50	6150	50	8	6250	17	17	105.25	41.92
	27	50	750	50	8	800	94	94	75.2	29.67
	28	50	1950	50	8	2000	12	12	24	9.47
SẢN PHẨM 3	29	50	1760	50	8	1800	14	14	23.2	9.94
	30	50	1000	50	8	1100	12	12	13.2	5.21
	31	50	1100	50	8	1200	12	12	14.4	5.68
	32	70	1100	70	10	1240	28	28	34.72	21.41
	33	70	1800	70	10	1940	24	24	46.56	28.71
SẢN PHẨM 4	34	70	1300	70	10	1440	112	112	161.28	99.44
	35	70	1100	70	10	1240	72	72	89.28	55.04
	36	70	1000	70	10	1140	36	36	41.04	25.30
	37	70	1800	70	10	1940	24	24	46.56	43.06
	38	70	1900	70	10	2000	36	36	41.04	25.30
SẢN PHẨM 5	CT	50	2300	50	6	2400	654	654	1094.4	242.91
	CT	50	2300	50	6	2500	654	654	1035	362.89
	CT	50	1500	50	6	1600	276	276	414.4	98.01
	CT	50	2200	50	6	2300	48	48	110.4	25.04
	CT	50	1800	50	6	1900	70	70	98	21.75
SẢN PHẨM 6	CT	50	1300	50	6	2000	22	22	44	9.77
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 7	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 8	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 9	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 10	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 11	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 12	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 13	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 14	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 15	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 16	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 17	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 18	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 19	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 20	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 21	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 22	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 23	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 24	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 25	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 26	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
SẢN PHẨM 27	CT	50	2100	50	6	2200	44	44	96.8	21.49
	CT	50								



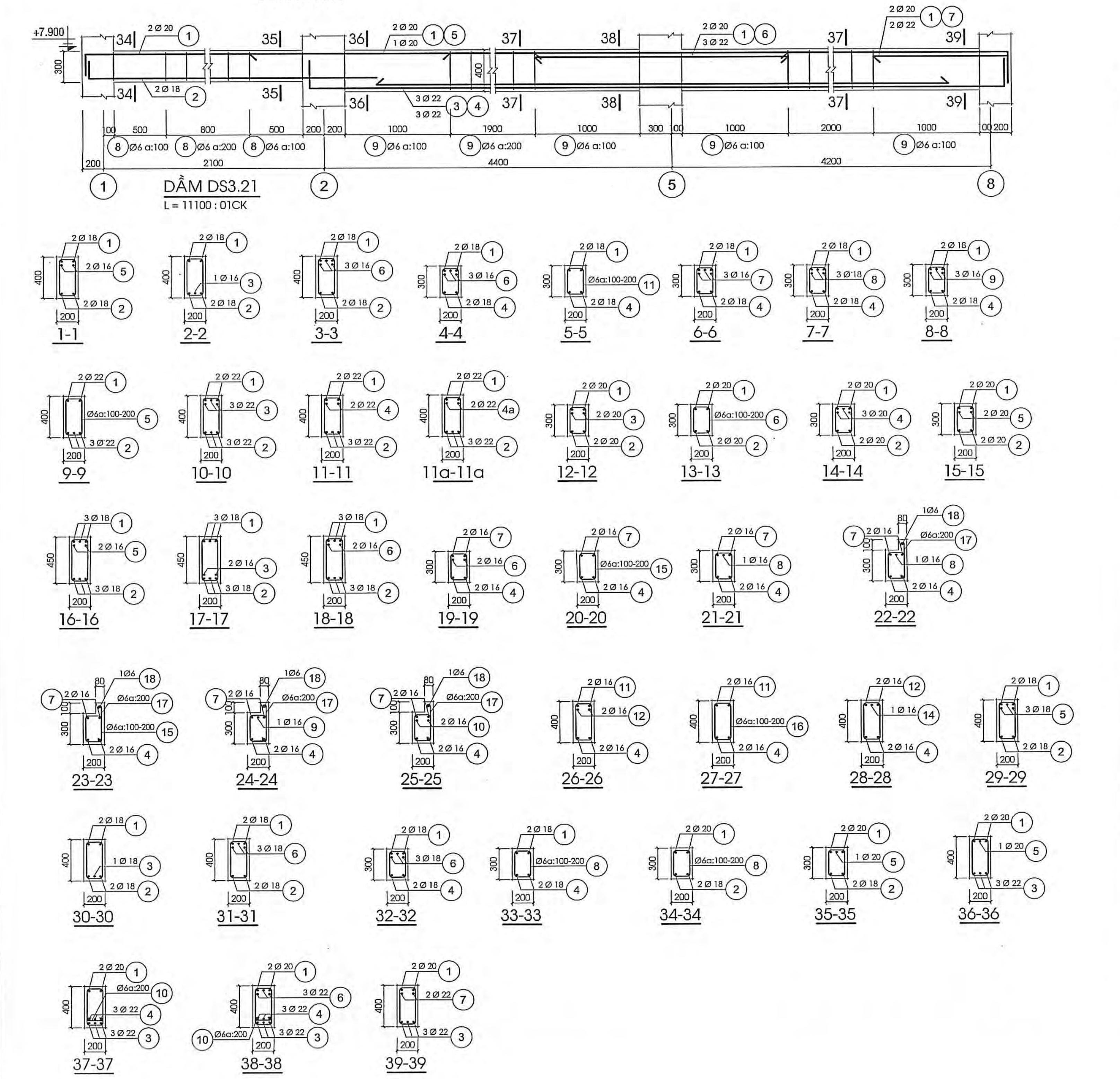
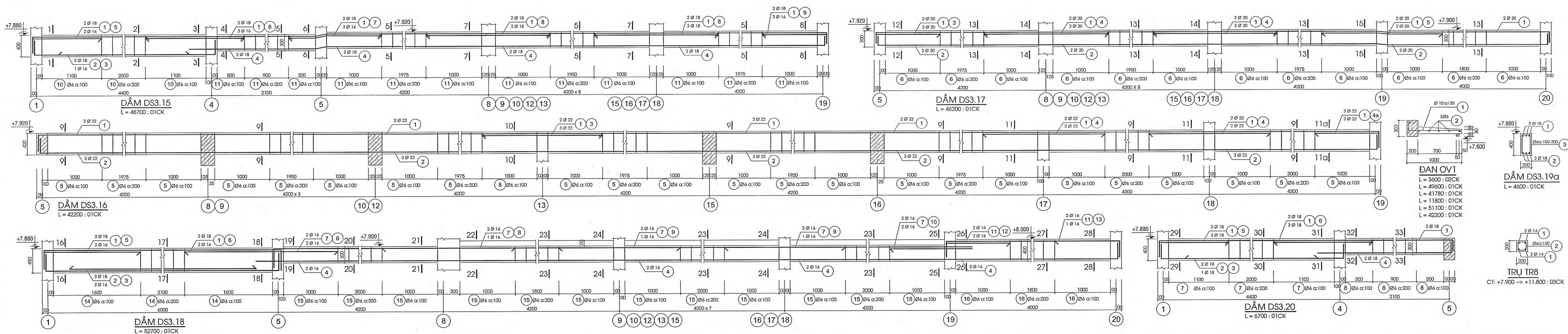
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG
Sơ cấp thiết kế kiến trúc và nội thất
Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
Điện thoại: 0903.397286 - 0903.397287

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
Dự án: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNG TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÍ PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
Địa điểm: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

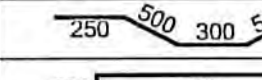
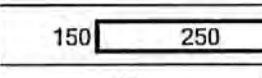
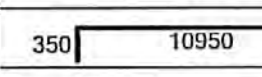
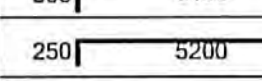
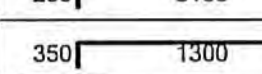
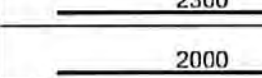
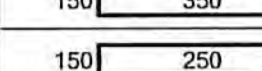
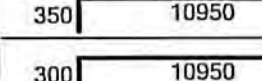
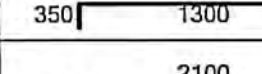
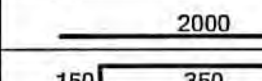
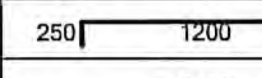
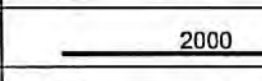
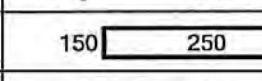
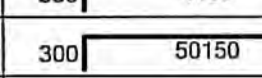
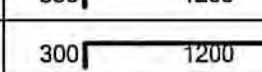
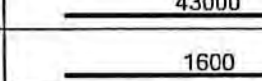
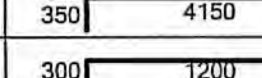
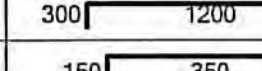
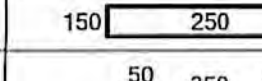
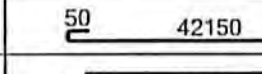
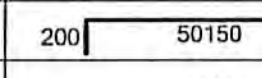
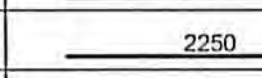
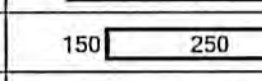
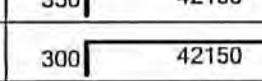
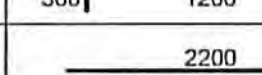
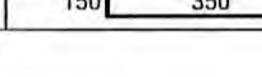
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN TẦNG 3
CHI TIẾT DẦM SÀN TẦNG 3

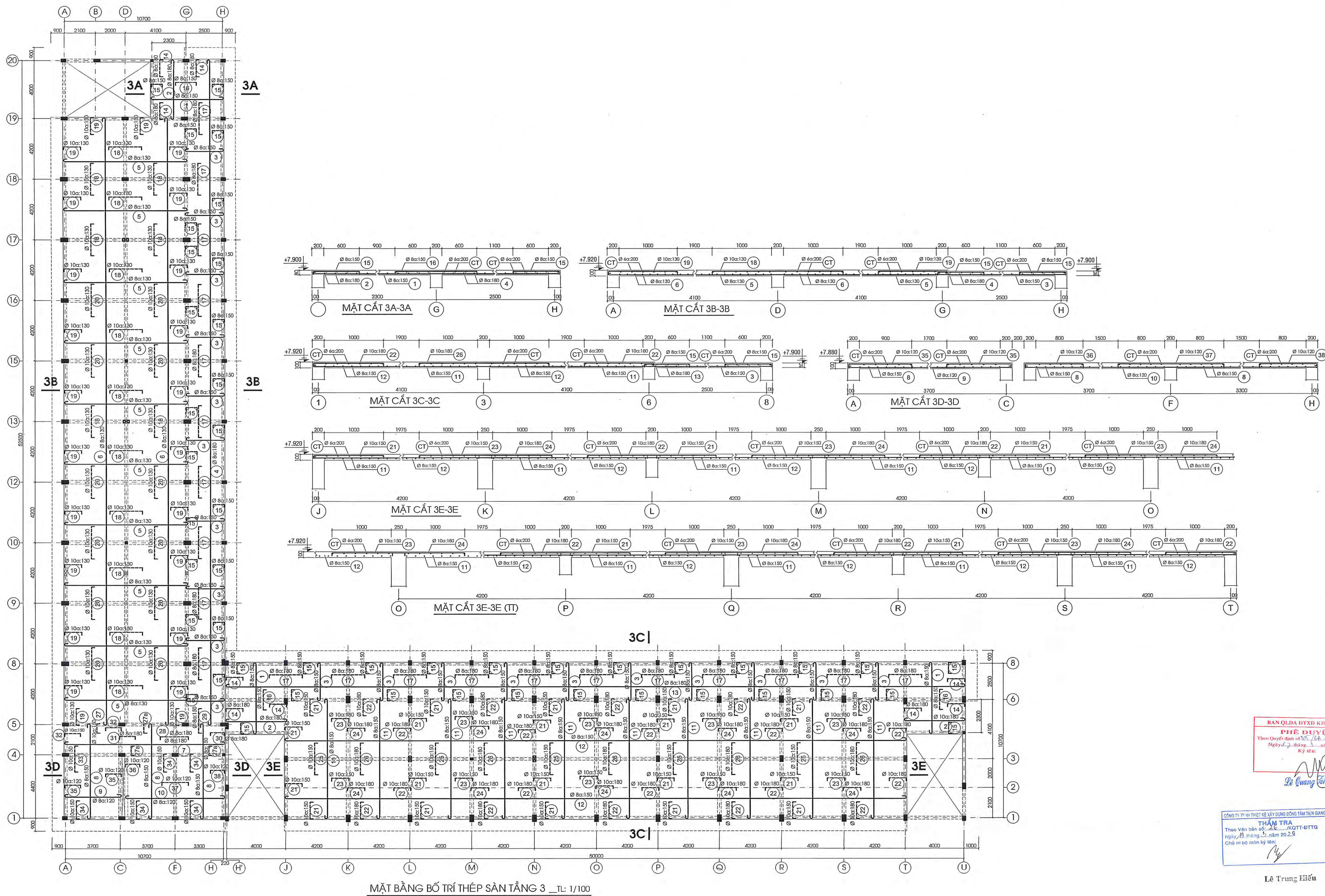
NGÀY: 15/12/2026
THCS-KC: 09

CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK KẾT CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG BÌNH
QL. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DÂY TẦNG 3									
TÊN C. KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T. LƯỢNG (kg)		
DÂY DS3.15	1	400 6350 400	22	7250	2	4	29	86.54	
	2	400 6350 400	25	7150	3	6	42.9	165.31	
	3	6350	22	6350	22	44	278.4	833.74	
	4	200 3100	16	3300	2	4	13.2	20.83	
	5	400 1800	22	2200	2	4	8.8	26.28	
	6	400 1800	22	2200	3	6	13.2	39.39	
	7	300 2850	18	3550	2	4	14.2	28.37	
	8	250 300 300 250	16	1800	2	4	7.2	11.36	
	9	150 450 50	8	1320	48	96	126.72	50.06	
	10	150 350 50	6	1100	18	36	36.6	8.79	
	11	50 150 50	6	650	11	22	14.3	3.17	
	12	50 2000 50	6	2100	1	2	4.2	0.53	
	13	450 8450 450	25	9350	2	6	56.1	216.17	
	14	400 8450 400	22	9250	3	9	83.25	248.42	
	15	3000	22	3000	3	9	27	80.57	
DÂY DS3.16	1	200 3300	18	3400	2	6	20.4	40.75	
	2	400 1400	22	1800	2	6	10.8	32.23	
	3	2300	22	2300	1	3	6.9	20.59	
	4	2300	22	2300	3	9	20.7	61.77	
	5	400 1300	22	1700	1	3	5.1	15.22	
	6	400 1300	22	1700	3	9	15.3	45.66	
	7	250 300 300 250	16	3450	2	6	20.7	41.35	
	8	250 1100	16	1350	1	3	4.05	6.39	
	9	250 300 300 250	16	1800	2	6	10.8	17.65	
	10	150 450 50	8	1320	62	186	245.52	96.88	
	11	150 250 50	6	900	26	78	70.2	15.58	
	12	50 150 50	6	270	34	102	27.54	10.87	
	13	400 8850 400	20	8450	2	14	123.3	326.27	
	14	350 8850 350	20	9350	3	21	191.35	484.23	
	15	200 3100	18	3300	2	6	20.4	40.75	
DÂY DS3.17	1	400 1450	18	1800	3	21	37.8	75.51	
	2	2400	22	2400	3	21	50.4	150.40	
	3	350 1450	20	1800	3	21	37.8	93.32	
	4	250 2850 250	20	3350	2	14	46.9	115.66	
	5	250 1000	18	1250	1	7	8.75	17.48	
	6	150 400 50	6	1200	58	408	487.2	108.14	
	7	150 250 50	6	900	18	126	113.4	25.17	
	8	550 8850 550	25	9750	4	28	273	1051.97	
	9	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	10	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	11	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	12	500 2450	25	2950	6	42	123.9	477.43	
	13	250 2850 250	20	3350	2	14	46.9	115.66	
	14	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	
	15	250 300 300 250	16	1800	2	14	25.2	39.77	
DÂY DS3.18	1	200 550 80	8	1620	64	448	725.76	286.37	
	2	150 250 50	6	900	18	126	113.4	25.17	
	3	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	4	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	5	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	6	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	7	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	
	8	250 300 300 250	16	1800	2	14	25.2	39.77	
	9	200 550 80	8	1620	64	448	725.76	286.37	
	10	150 250 50	6	900	18	126	113.4	25.17	
	11	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	12	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	13	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	14	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	15	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	
DÂY DS3.19a	1	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	2	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	3	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	4	200 3100	20	3300	2	6	19.8	48.83	
	5	500 2450	25	2950	8	24	70.8	272.82	
	6	250 2850 250	20	3350	2	6	20.1	49.57	
	7	200 1050	18	1250	3	9	11.25	22.47	
	8	250 300 300 250	16	1800	2	6	10.8	17.05	
	9	200 550 80	8	1620	64	102	311.04	122.73	
	10	150 250 50	6	900	18	54	48.6	10.79	
	11	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	12	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	13	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	14	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	15	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	
DÂY DS3.20	1	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	2	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	3	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	4	200 3100	20	3300	2	6	19.8	48.83	
	5	500 2450	25	2950	8	24	70.8	272.82	
	6	250 2850 250	20	3350	2	6	20.1	49.57	
	7	200 1050	18	1250	3	9	11.25	22.47	
	8	250 300 300 250	16	1800	2	6	10.8	17.05	
	9	200 550 80	8	1620	64	102	311.04	122.73	
	10	150 250 50	6	900	18	54	48.6	10.79	
	11	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	12	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	13	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	14	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	15	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	
DÂY DS3.21	1	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	2	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	3	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	4	200 3100	20	3300	2	6	19.8	48.83	
	5	500 2450	25	2950	8	24	70.8	272.82	
	6	250 2850 250	20	3350	2	6	20.1	49.57	
	7	200 1050	18	1250	3	9	11.25	22.47	
	8	250 300 300 250	16	1800	2	6	10.8	17.05	
	9	200 550 80	8	1620	64	102	311.04	122.73	
	10	150 250 50	6	900	18	54	48.6	10.79	
	11	500 8850 500	25	9750	4	28	273	1051.97	
	12	500 8850 500	25	9650	3	21	202.65	780.88	
	13	7200	25	7200	2	14	108.8	386.42	
	14	400 3100	20	3300	2	14	46.2	113.94	
	15	200 1050	18	1250	3	21	32.25	52.44	

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DÂY TẦNG 3 (TT)									
TÊN C. KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T. LƯỢNG (kg)		
DÂY DS3.15 SẢY LƯỚI 1	1	550  8850 500	25	9750	4	4	39	150.28	
	2	500  8850 500	25	9650	4	4	38.6	148.74	
	3	 7200	25	7200	3	3	21.6	83.23	
	4	200  3000	20	3300	2	2	6.4	15.78	
	5	500  2450	25	2950	6	6	17.7	68.20	
	6	250  2750 250	20	3250	2	2	6.5	16.03	
	7	200  1050	18	1250	3	3	3.75	7.49	
	8	 300 250 300 250	16	1800	2	2	3.6	5.68	
	9	200  550 80	8	1620	64	64	103.68	40.91	
	10	150  250 50	6	900	18	18	16.2	3.60	
	11	 20 200 50	6	320	59	59	18.88	7.45	
	12	350  10950 350	22	11650	2	2	23.3	60.22	
	13	300  8450 300	22	9050	3	3	27.15	81.02	
	14	250  5200	18	5450	2	2	10.9	21.77	
	15	400  3700	18	3300	2	2	6.8	13.18	
DÂY DS3.17 SẢY LƯỚI 1	1	350  1300	18	1650	1	1	1.65	3.30	
	6	 2300	18	2300	3	3	6.9	13.78	
	7	 2000	18	2000	2	2	4	7.99	
	8	150  350 50	6	1100	57	57	62.7	13.92	
	9	150  250 50	6	900	18	18	16.2	3.60	
	10	350  10950 350	18	11650	2	2	23.3	46.54	
	11	300  10950 300	18	11550	3	3	34.65	69.22	
	12	350  1300	16	1650	1	1	1.65	2.60	
	13	 2100	16	2100	3	3	6.3	9.84	
14	 2000	16	2000	3	3	6	11.96		
DÂY DS3.18 SẢY LƯỚI 1	6	190  1050 50	6	1100	75	75	82.5	18.31	
	1	250  10950 250	18	11450	2	2	22.9	45.74	
	2	200  10950 200	18	11350	2	2	22.7	45.35	
	3	250  1200	16	1450	1	1	1.45	2.29	
	4	 2100	18	2100	2	2	4.2	8.39	
	5	 2000	16	2000	2	2	4	6.31	
	6	250 1100 50	18	1350	1	1	1.35	2.13	
	7	150 250 50	6	900	75	75	67.5	14.86	
	1	350 4150 350	16	4850	2	2	8.7	15.3	
	2	300 50150 300	16	52670	2	2	105.34	166.2	
	3	350 1200	16	1550	1	1	1.55	2.45	
	4	300 1200	16	1500	2	2	3	4.74	
	5	4300	16	4440	2	2	8.88	140.2	
	6	1600	16	1600	1	1	1.6	2.53	
	7	2200	16	2200	9	9	19.8	31.29	
DÂY DS3.19 SẢY LƯỚI 1	8	1600	16	1600	2	2	3.2	5.05	
	9	350 4150 350	16	4850	2	2	8.7	15.3	
	10	300 1200	16	1500	2	3	3	4.74	
	11	300 1200	16	1500	1	1	1.5	2.37	
	12	150 350 50	6	1100	60	60	66	14.58	
	13	150 250 50	6	900	310	310	279	61.8	
	14	30 350 50	6	450	200	200	99	19.99	
	15	42150 50	6	42250	1	1	42.25	9.38	
	1	250 50150 250	20	53050	2	2	106.1	261.6	
	2	200 50150 200	20	52950	2	2	105.9	261.1	
	3	2300	18	2200	3	3	6.6	12.1	
	4	2250	18	2250	27	27	60.75	123.1	
	5	2200	18	2200	2	2	4.4	8.79	
	6	150 250 50	6	900	362	362	325.8	72.3	
	DÂY DS3.21 SẢY LƯỚI 1	1	350 42150 350	20	44650	2	2	89.3	220.2
2		300 42150 300	18	44370	3	3	133.11	265.9	
3a		300 1200	20	1500	2	2	3	7.40	
3		2200	20	2200	12	12	26.4	65.1	
4		150 350 50	6	1100	310	310	341	75.8	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 3 _TL: 1/100

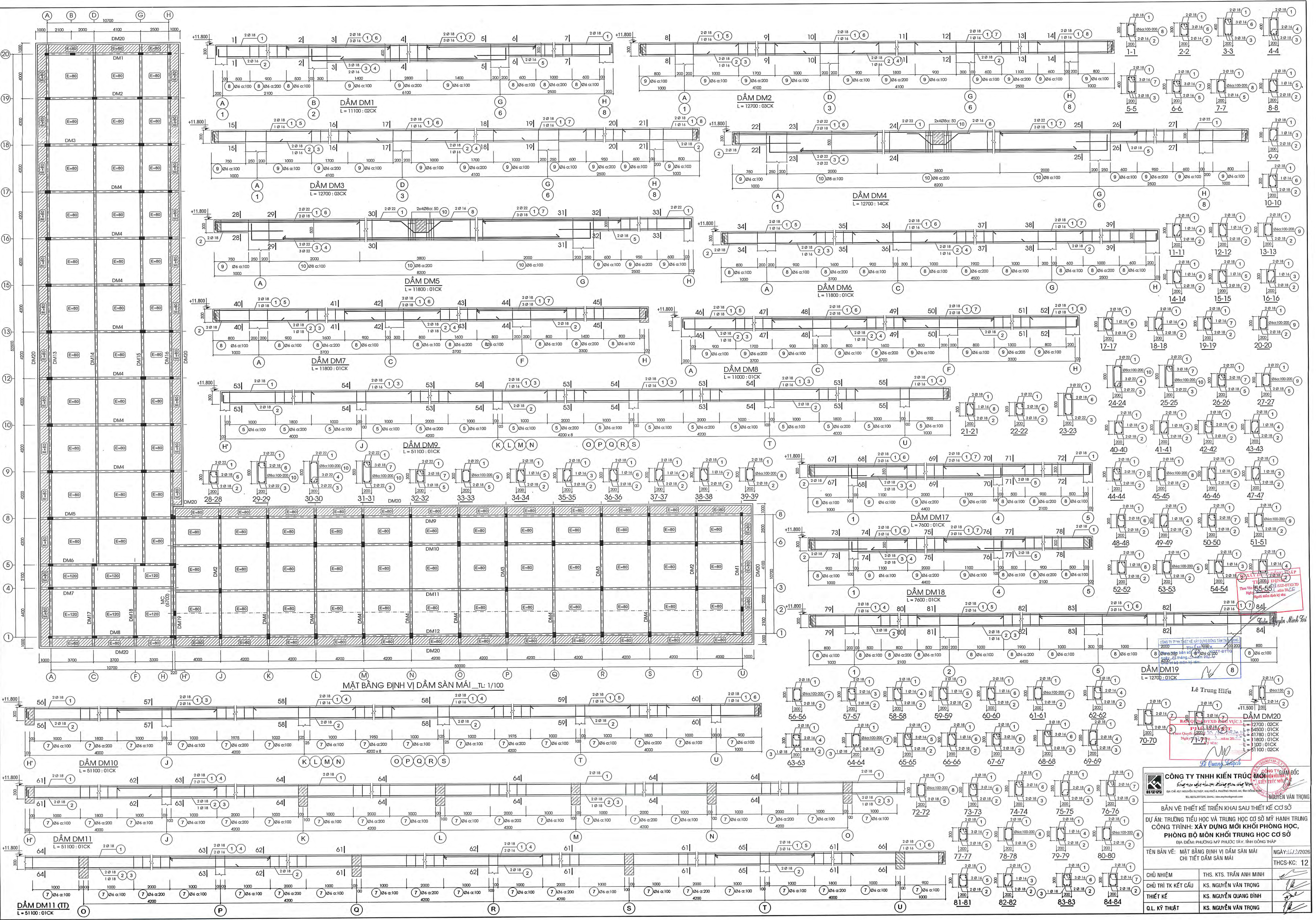
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP SẴN TẦNG 2							
TÊN C/ KIẾN	SỐ HẺU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI T. BỐ (mm)	SỐ LƯỢNG C/ KIẾN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
SÀN TẦNG 2	1	50 1050 50	6	1150	56	112	128.8
	2	50 8350 50	6	9450	5	10	20.97
	3	50 1050 50	6	1150	56	112	128.8
	4	110 550 50	6	760	65	130	98.8
	5	50 11350 50	6	11450	4	8	20.33
CT	1	50 9350 50	6	9450	5	10	20.97
	2	50 1750 50	6	1350	84	94	126.9
	3	50 16550 50	6	16650	6	6	22.17
	4	110 750 50	8	980	112	112	109.76
	5	50 16550 50	6	16650	5	5	83.25
CT	1	50 16550 50	6	16650	6	6	99.9
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 260.54 kg; Chiều dài = 1173.85 mét							
- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 43.31 kg; Chiều dài = 109.76 mét							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP SÀN TẦNG 3							
TÊN C/ KIẾN	SỐ HẺU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI T. BỐ (mm)	SỐ LƯỢNG C/ KIẾN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
SÀN TẦNG 3	1	50 4950 50	8	5070	78	78	395.46
	2	50 4150 50	8	4270	39	39	166.53
	3	50 2650 50	8	2770	560	560	1551.2
	4	50 46150 50	8	46270	14	14	647.78
	5	50 8350 50	8	8470	320	320	2710.4
	6	50 42150 50	8	42270	62	62	2620.74
	7	50 10650 50	8	10670	12	12	131.64
	8	50 6550 50	8	6770	70	70	473.9
	9	50 3850 50	8	3970	36	36	142.92
	10	50 6750 50	8	6870	36	36	247.32
	11	50 8350 50	8	8470	280	280	2371.6
	12	50 42150 50	8	42270	54	54	2282.58
	13	50 50150 50	8	50270	14	14	703.78
	14	50 1250 50	8	1330	117	117	152.1
	15	50 880 50	8	900	1276	1276	1148.4
CT	16	50 1400 50	8	1500	78	78	117
	17	50 2200 50	8	2300	294	294	676.2
	18	70 2200 70	10	2340	506	506	1184.04
	19	70 1250 70	10	1340	764	764	1023.76
	20	70 2250 70	10	2390	372	372	889.08
	21	70 1200 70	10	1340	550	550	737
	22	70 1200 70	10	1340	460	460	616.4
	23	70 1250 70	10	1390	270	270	375.3
	24	70 1250 70	10	1390	230	230	319.7
	25	70 2200 70	10	2340	140	140	327.6
	26	70 2200 70	10	2340	115	115	269.1
	27	70 700 70	10	840	24	24	26.16
	28	50 1900 50	8	800	70	70	56
	29	50 1700 50	8	1800	14	14	25.2
	30	50 1000 50	8	1100	12	12	13.2
CT	31	50 1100 50	8	1200	12	12	14.4
	32	70 1100 70	10	1240	14	14	17.36
	33	70 1800 70	10	1940	24	24	46.56
	34	70 1300 70	10	1440	120	120	172.8
	35	70 1100 70	10	1240	72	72	89.28
	36	70 1000 70	10	1140	36	36	41.04
	37	70 1500 70	10	1640	36	36	69.84
	38	70 1000 70	10	1140	36	36	41.04
	39	50 2300 50	6	2400	480	480	1152
	40	50 2400 50	6	2500	676	676	1651.6
	41	50 1900 50	6	1600	300	300	480
	42	50 1300 50	6	1400	72	72	100.8
	43	50 2200 50	6	2300	48	48	115.2
	44	50 2100 50	6	2200	44	44	107.84
	45	50 1900 50	6	2000	36	36	90
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 821.67 kg; Chiều dài = 3702 mét							
- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 6578.64 kg; Chiều dài = 16672.35 mét							
- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 3847.24 kg; Chiều dài = 6240.06 mét							

BAN QLDA ĐTXH KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Thước Vẽ: 1/100
Ngày: 21/08/2025
Ký: *Đo Quang Tuấn*

CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG TÂN THỊNH GIANG
THẨM TRA
Thước Vẽ: 1/100
Ngày: 21/08/2025
Chức vụ: Giám sát
Ký: *Lê Trung Hiếu*

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Slogan: <i>Thiết kế - Xây dựng - Hoàn thiện</i> Địa chỉ: 40/1 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số điện thoại: 0903.123.456		CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG TÂN THỊNH GIANG Slogan: <i>Thiết kế - Xây dựng - Hoàn thiện</i> Địa chỉ: 40/1 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số điện thoại: 0903.123.456	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ			
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG			
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÖI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHÖI TRUNG HỌC CƠ SỞ			
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, THỊNH ĐỒNG THÁP			
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN TẦNG 3		NGÀY: 21/08/2025	
BẢNG THỐNG KÊ THÉP		THCS-KC: 11	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ THÍ TK KẾT CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG DINH		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG
Sinh hoạt và phát triển bền vững
Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903.107.777, 0903.107.778
Email: info@myenvi.com.vn, myenvi.com.vn

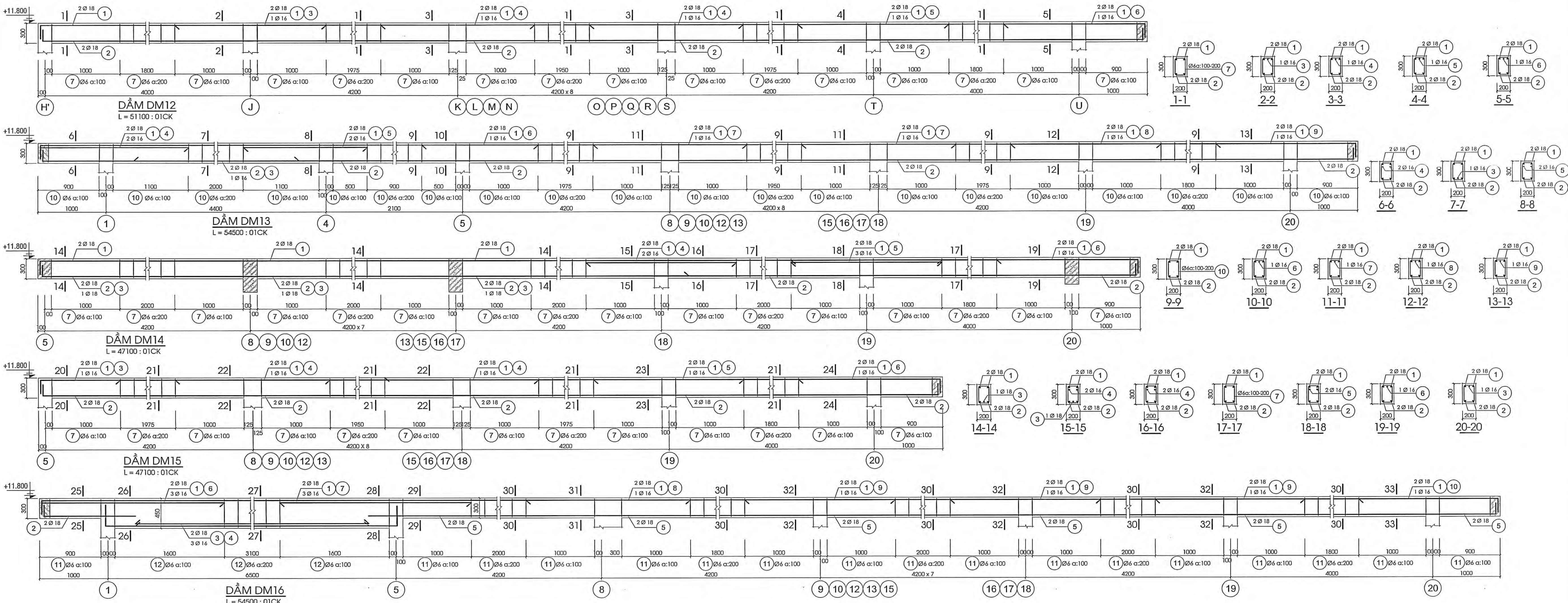
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRÊN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI KHÖI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHÖI TRUNG HỌC CƠ SỞ
Địa điểm: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ DẦM SÀN Mái
CHI TIẾT DẦM SÀN Mái

NGÀY: 12/2/2026
THCS-KC: 12

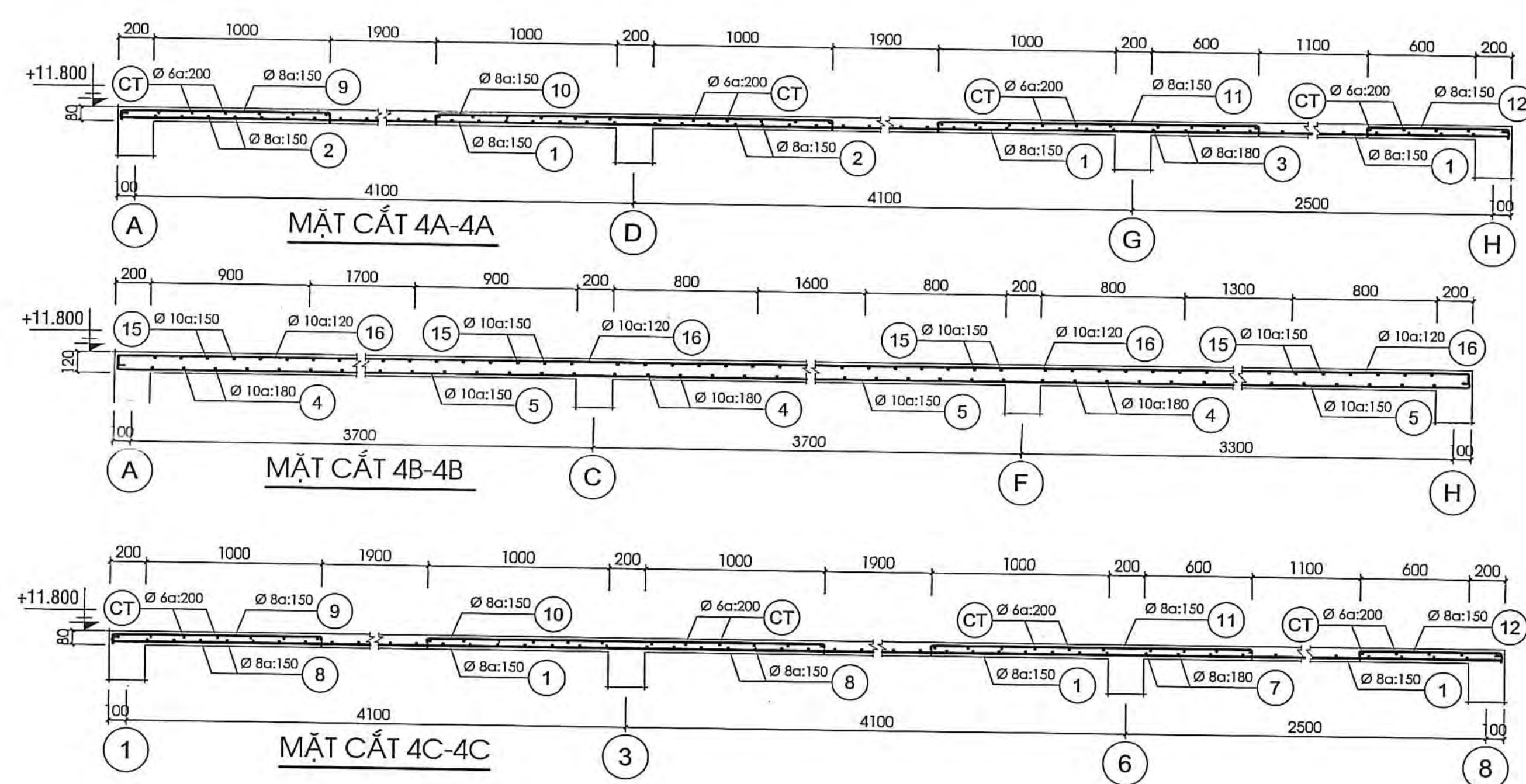
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK KẾT CẤU	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐỊNH
QL. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM MÀI							
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
DM1 Số lượng: 2	1	250 11050 250	18	11550	2	4	46.2
	2	200 2800 200	16	2800	2	4	11.2
	3	300 6350 300	18	6950	3	6	41.7
	4	5000	16	5000	2	4	20
	5	200 3100 200	16	3300	2	4	13.2
	6	2300	16	2300	3	6	13.8
	7	2400	16	2400	3	6	14.4
	8	150 250 150	6	900	33	66	59.4
	9	150 350 150	6	1100	32	64	15.63
DM2 Số lượng: 3	1	250 12650 250	18	13690	2	6	82.14
	2	200 12650 200	18	13590	2	6	81.54
	3	3100	16	3100	1	3	9.3
	4	3000	16	3000	1	3	9
	5	250 2200 250	16	2450	1	3	7.35
	6	2300	16	2300	1	3	6.9
	7	1900	16	1900	1	3	5.7
	8	250 1700 250	16	1950	1	3	5.85
	9	150 250 150	6	900	89	267	240.3
DM3 Số lượng: 3	1	250 12650 250	18	13690	2	6	82.14
	2	200 12650 200	18	13590	2	6	81.54
	3	3100	16	3100	1	3	9.3
	4	3100	16	3100	1	3	9.3
	5	250 2200 250	16	2450	1	3	7.35
	6	2400	16	2400	1	3	7.2
	7	2050	16	2050	1	3	6.15
	8	250 1700 250	16	1950	1	3	5.85
	9	150 250 150	6	900	90	270	243
DM4 Số lượng: 14	1	250 12650 250	22	13810	2	28	386.68
	2	200 1300 200	18	1500	2	28	42
	3	400 8650 400	22	9450	2	28	264.6
	4	7200	22	7200	3	42	302.4
	5	200 3800 200	18	4000	2	28	112
	6	200 3200 200	18	3400	2	28	95.2
	7	3050	18	3050	3	42	128.1
	8	250 200 250	16	1600	2	28	44.8
	9	150 250 150	6	900	31	434	390.6
	10	150 450 150	8	1320	64	896	1182.72
DM5 Số lượng: 1	1	250 11750 250	22	12910	2	2	25.82
	2	200 1300 200	18	1500	2	2	3
	3	400 8650 400	22	9450	2	2	18.9
	4	7200	22	7200	3	3	21.6
	5	200 3000 200	18	3200	2	2	6.4
	6	200 3200 200	18	3400	2	2	6.8
	7	3050	18	3050	3	3	9.15
	8	250 200 250	16	1600	2	2	3.2
	9	150 250 150	6	900	57	57	51.3
	10	150 450 150	8	1320	64	64	84.48
DM6 Số lượng: 1	1	250 11750 250	18	12790	2	2	25.58
	2	200 11750 200	18	12690	2	2	25.38
	3	2800	16	2800	1	1	2.8
	4	3300	16	3300	1	1	3.3
	5	250 2100 250	16	2300	1	1	2.35
	6	2300	16	2300	1	1	2.3
	7	2000	16	2000	1	1	2
	8	150 250 150	6	900	82	82	73.8
	9	150 250 150	6	900	82	82	73.8
	10	150 250 150	6	900	82	82	73.8
DM7 Số lượng: 1	1	250 11750 250	18	12790	2	2	25.58
	2	200 11750 200	18	12690	2	2	25.38
	3	2800	18	2800	1	1	2.8
	4	2600	18	2600	1	1	2.6
	5	250 2100 250	18	2300	1	1	2.35
	6	2100	18	2100	2	2	4.2
	7	2000	18	2000	3	3	6
	8	150 250 150	6	900	82	82	73.8
	9	150 250 150	6	900	82	82	73.8
	10	150 250 150	6	900	82	82	73.8
DM8 Số lượng: 1	1	250 10650 250	18	11450	2	2	22.9
	2	200 10650 200	18	11350	2	2	22.7
	3	2900	18	2900	1	1	2.9
	4	2600	18	2600	1	1	2.6
	5	250 1200 250	18	1450	1	1	1.45
	6	2100	18	2100	2	2	4.2
	7	2000	18	2000	2	2	4
	8	250 1100 250	18	1350	1	1	1.35
	9	150 250 150	6	900	75	75	67.5
	10	150 250 150	6	900	75	75	67.5
DM9 Số lượng: 1	1	250 51050 250	18	53710	2	2	107.42
	2	200 51050 200	18	53610	2	2	107.22
	3	2200	16	2200	11	11	24.2
	4	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	5	150 250 150	6	900	378	378	340.2



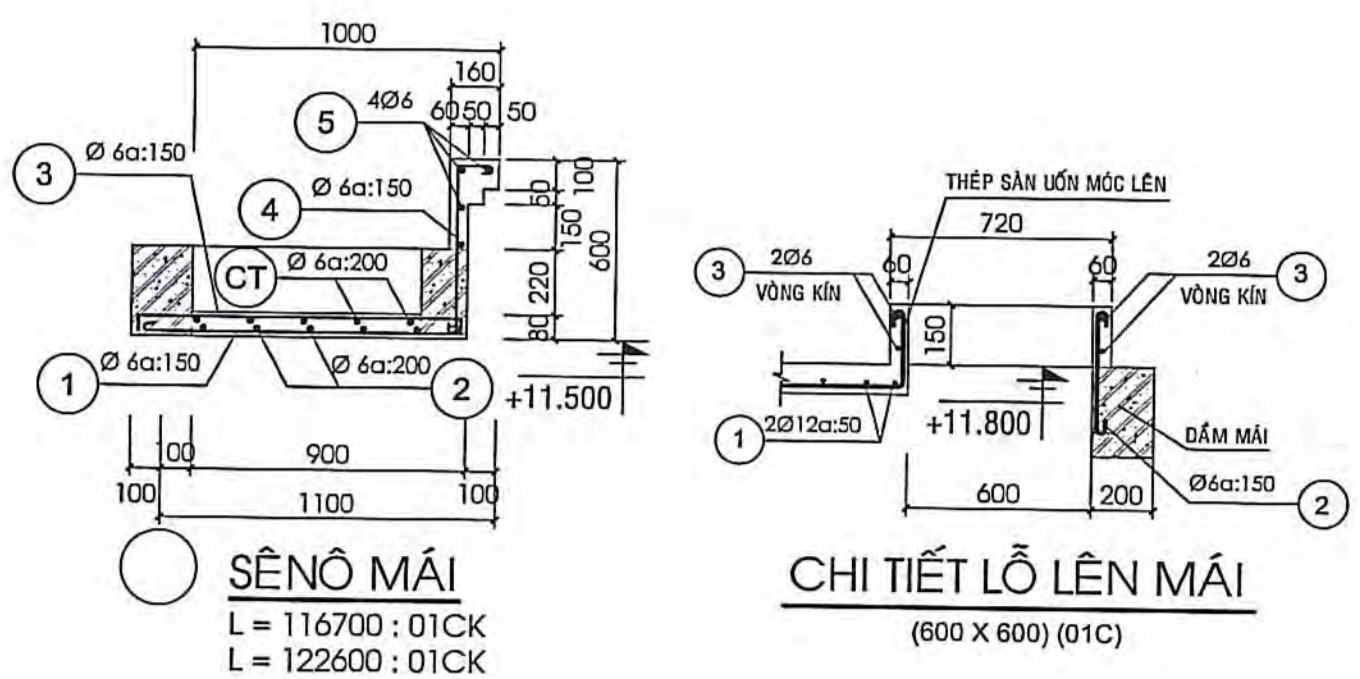
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM MÀI (TT)							
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
DM10 Số lượng: 1	1	250 51050 250	18	53710	2	2	107.42
	2	200 51050 200	18	53610	2	2	107.22
	3	2200	16	2200	2	2	4.4
	4	2250	16	2250	9	9	20.25
	5	2200	16	2200	1	1	2.2
	6	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	7	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	8	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	9	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	10	150 250 150	6	900	378	378	340.2
DM11 Số lượng: 1	1	250 51050 250	18	53710	2	2	107.42
	2	200 51050 200	18	53610	2	2	107.22
	3	26200	18	27280	1	1	27.28
	4	2200	16	2200	6	6	13.2
	5	2200	16	2200	3	3	6.6
	6	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	7	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	8	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	9	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	10	150 250 150	6	900	378	378	340.2
DM12 Số lượng: 1	1	250 51050 250	18	53710	2	2	107.42
	2	200 51050 200	18	53610	2	2	107.22
	3	2200	16	2200	1	1	2.2
	4	2250	16	2250	9	9	20.25
	5	2200	16	2200	1	1	2.2
	6	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	7	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	8	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	9	150 250 150	6	900	378	378	340.2
	10	150 250 150	6	900	378	378	340.2
DM13 Số lượng: 1	1	250 51050 250	18	53710	2	2	107.42
	2	200 51050 200	18	53610	2	2	107.22
	3	3600	16	3600	1	1	3.6
	4	2200	16	2400	2	2	4.8
	5	1800	16	1800	2	2	3.6
	6	1700	16	1700	1	1	1.7
	7	2250	16	2250	9	9	20.25
	8	2200	16	2200	1	1	2.2
	9	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	10	150 250 150	6	900	403	403	362.7
DM14 Số lượng: 1	1	250 47050 250	18	49710	2	2	99.42
	2	200 47050 200	18	49610	2	2	99.22
	3	200 38400	18	40220	1	1	40.22
	4	2200	16	2200	2	2	4.4
	5	2200	16	2200	3	3	6.6
	6	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	7	150 250 150	6	900	348	348	313.2
	8	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	9	150 250 150	6	900	348	348	313.2
	10	150 250 150	6	900	348	348	313.2

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM MÀI (TT)							
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
DM15 Số lượng: 1	1	250 47050 250	18	49710	2	2	99.42
	2	200 47050 200	18	49610	2	2	99.22
	3	250 1200 250	16	1450	1	1	1.45
	4	2250	16	2250	9	9	20.25
	5	2200	16	2200	1	1	2.2
	6	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	7	150 250 150	6	900	348	348	313.2
	8	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
	9	150 250 150	6	900	348	348	313.2
	10	150 250 150	6	900	348	348	313.2
DM16 Số lượng: 1	1	250 54450 250	18	57110	2	2	114.22
	2	200 1500 200	18	1700	2	2	3.4
	3	350 6650 350	18	7350	2	2	14.7
	4	5700	16	5700	3	3	17.1
	5	200 47050 200	18	49860	2	2	99.72
	6	200 2700 200	16	2800	3	3	8.7
	7	2800	16	2800	3	3	8.4
	8	2400	16	2400	1	1	2.4
	9	2200	16	2200	9	9	20.25
	10	250 2100 250	16	2350	1	1	2.35
DM17 Số lượng: 1	1	250 7550 250	18	8050	2	2	16.1
	2	200 1500 200	18	1700	2	2	3.4
	3	250 4550 250	18	5050	2	2	10



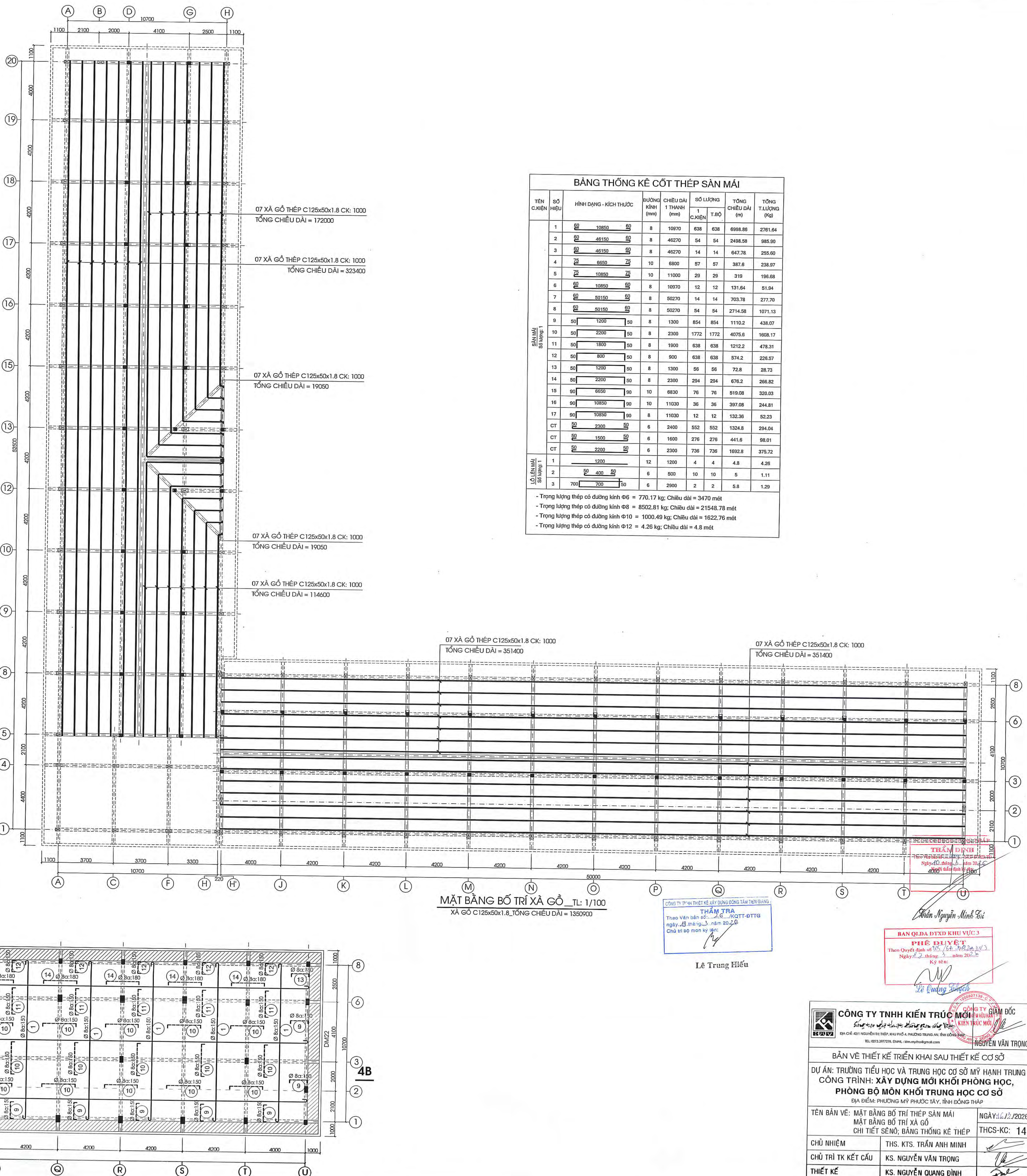
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP SẴN Mái						
TÊN C.KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG TƯỜNG (Kg)
SẴN Mái	1		6	1150	744	855.6
	2		6	114750	5	573.75
	3		6	1150	744	855.6
	4		6	780	780	592.8
	5		6	116750	4	467
	CT		6	114750	5	573.75
	1		6	1150	782	899.3
	2		6	120650	5	603.25
	3		6	1150	782	899.3
	4		6	780	818	621.68
CT	1		6	122650	4	490.6
	2		6	120650	5	603.25
	CT		6	120650	5	603.25

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 1783.57$ kg; Chiều dài = 8035.88 mét



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN Mái TL: 1/100

4C



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP SÀN Mái						
TÊN C.KIỆN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG TƯỜNG (Kg)
SÀN Mái	1		6	10970	638	698.86
	2		6	46270	54	2498.58
	3		6	46270	14	647.78
	4		10	6800	57	387.8
	5		10	11000	29	319
	6		6	10970	12	131.64
	7		6	50270	14	703.78
	8		6	50270	54	2714.58
	9		6	1300	854	1110.2
	10		6	2300	1772	4075.8
	11		6	1900	638	1212.2
	12		6	900	638	574.2
	13		6	1300	56	72.8
	14		6	2300	294	676.2
	15		10	6830	76	519.08
	16		10	11030	36	397.08
	17		6	11030	12	132.36
CT	1		6	2400	552	1348.8
	2		6	1600	276	441.6
	CT		6	2300	736	1692.8
LỖ LÊN Mái	1		6	1200	4	4.8
	2		6	500	10	5
	3		6	2900	2	5.8

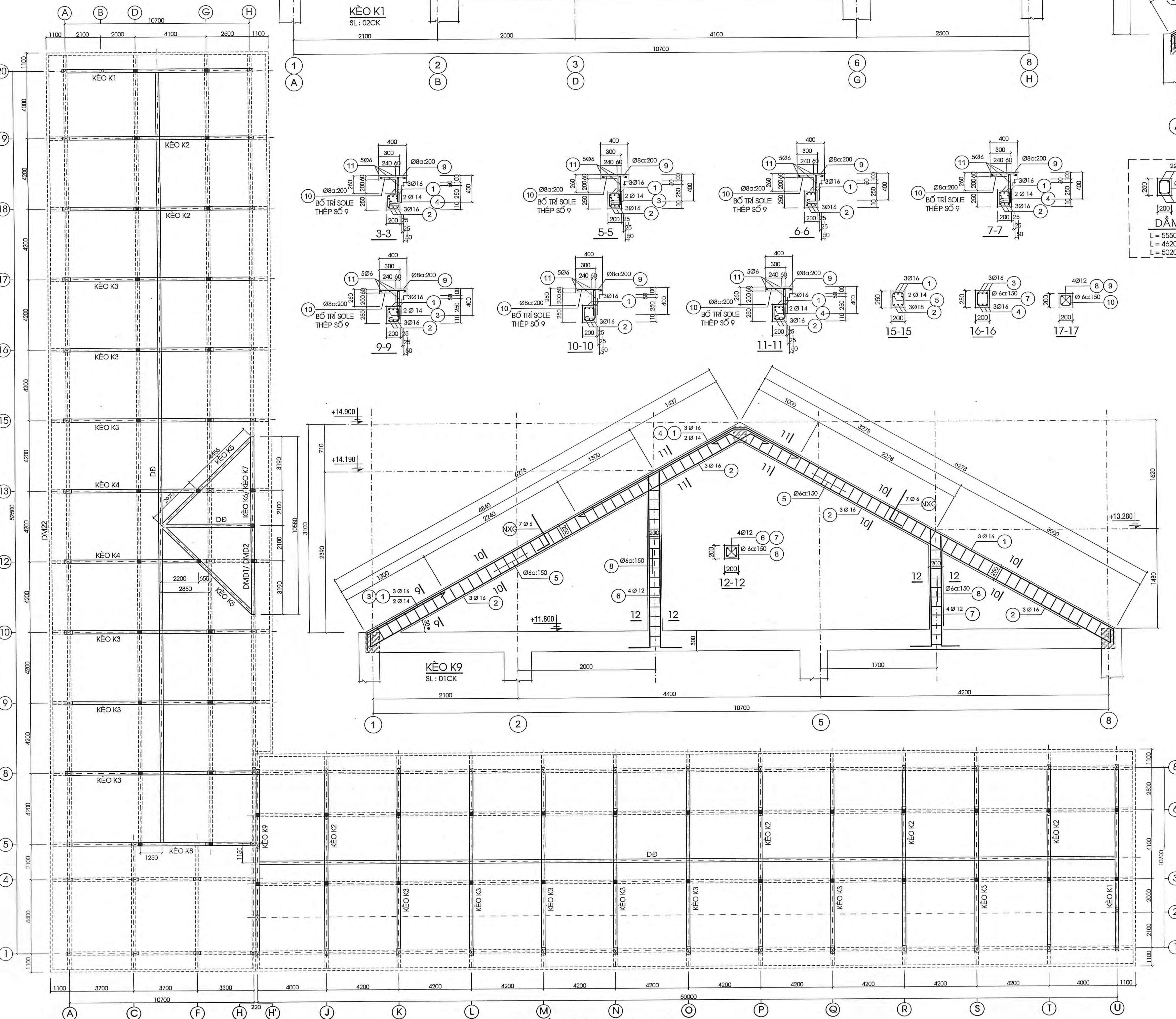
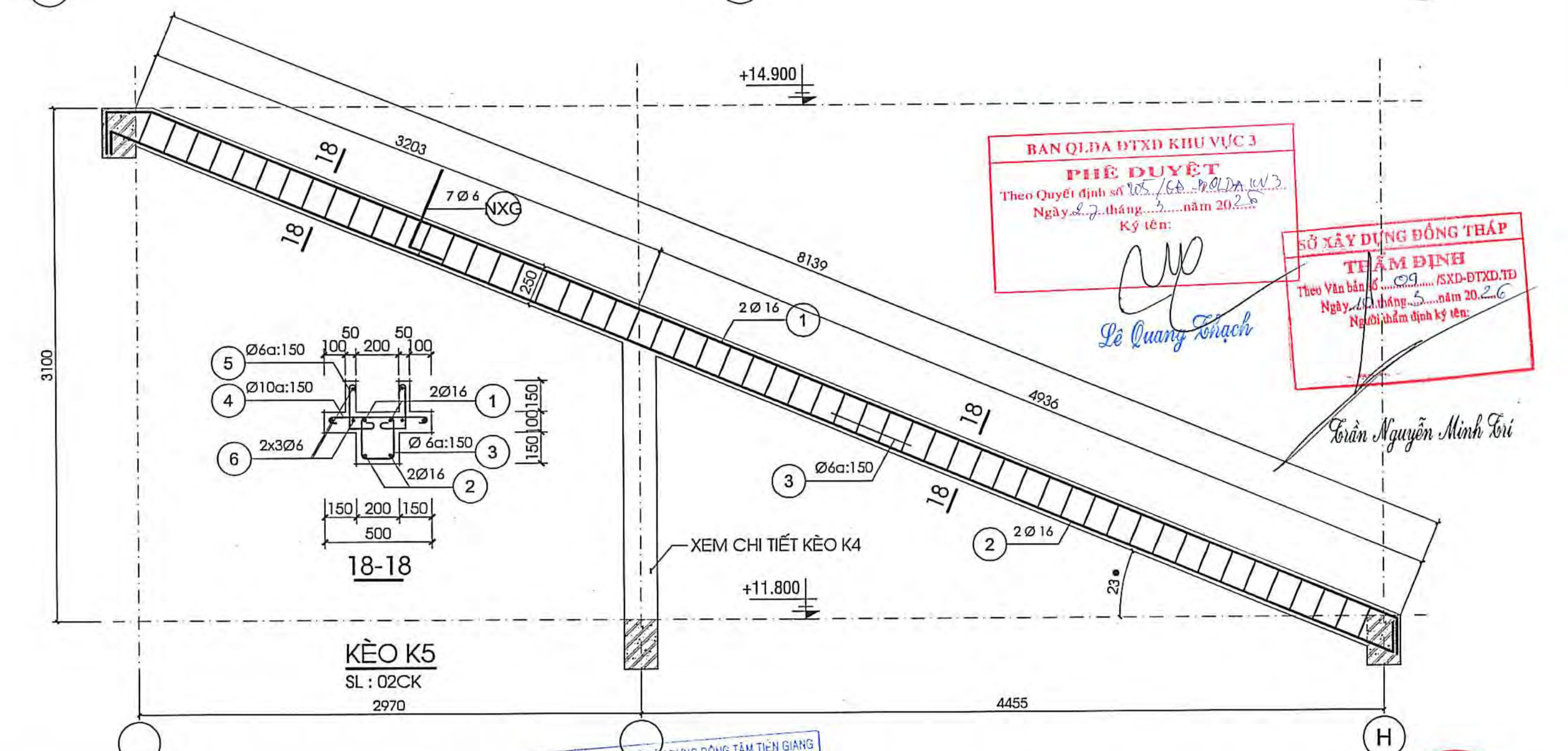
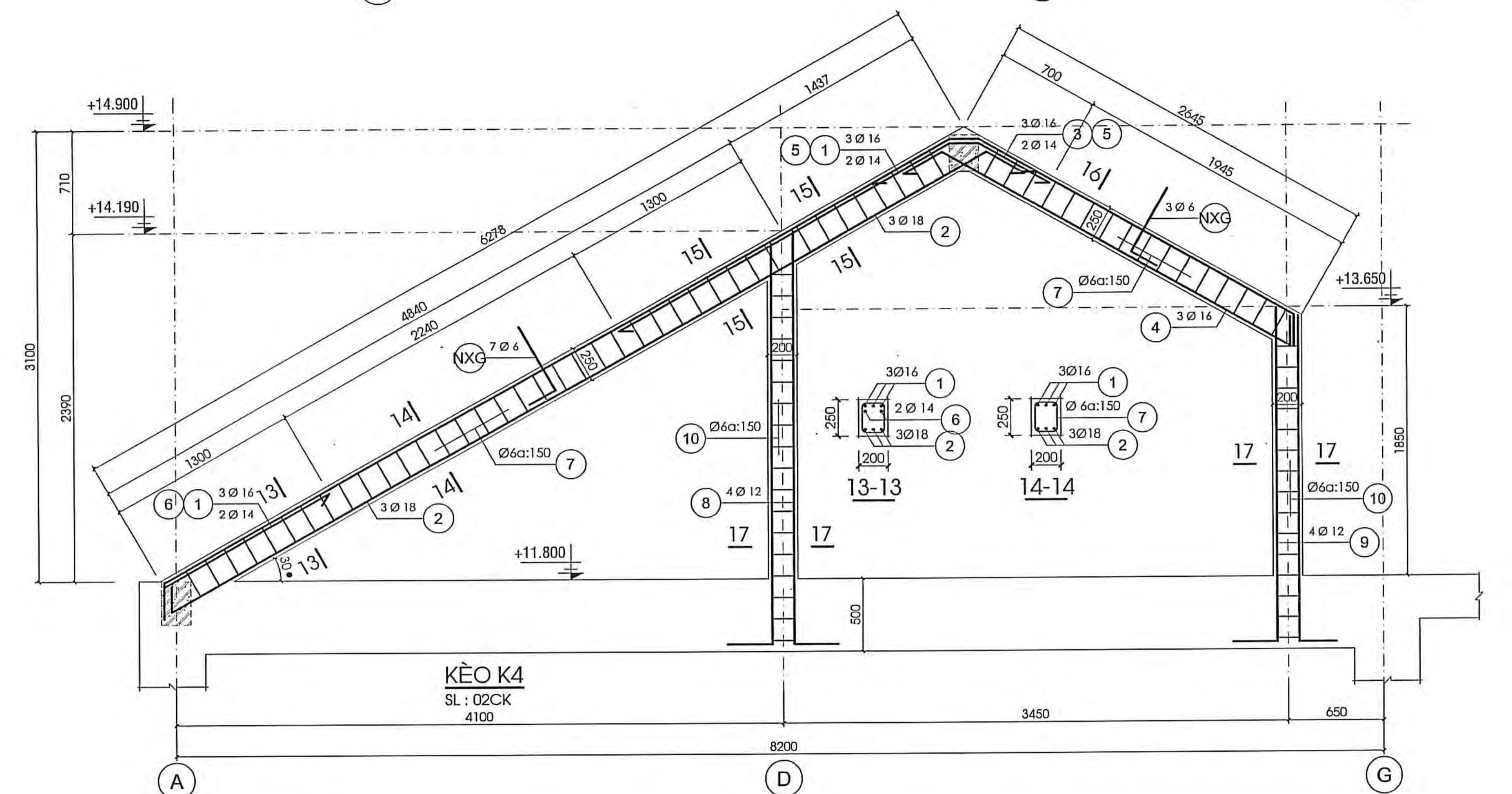
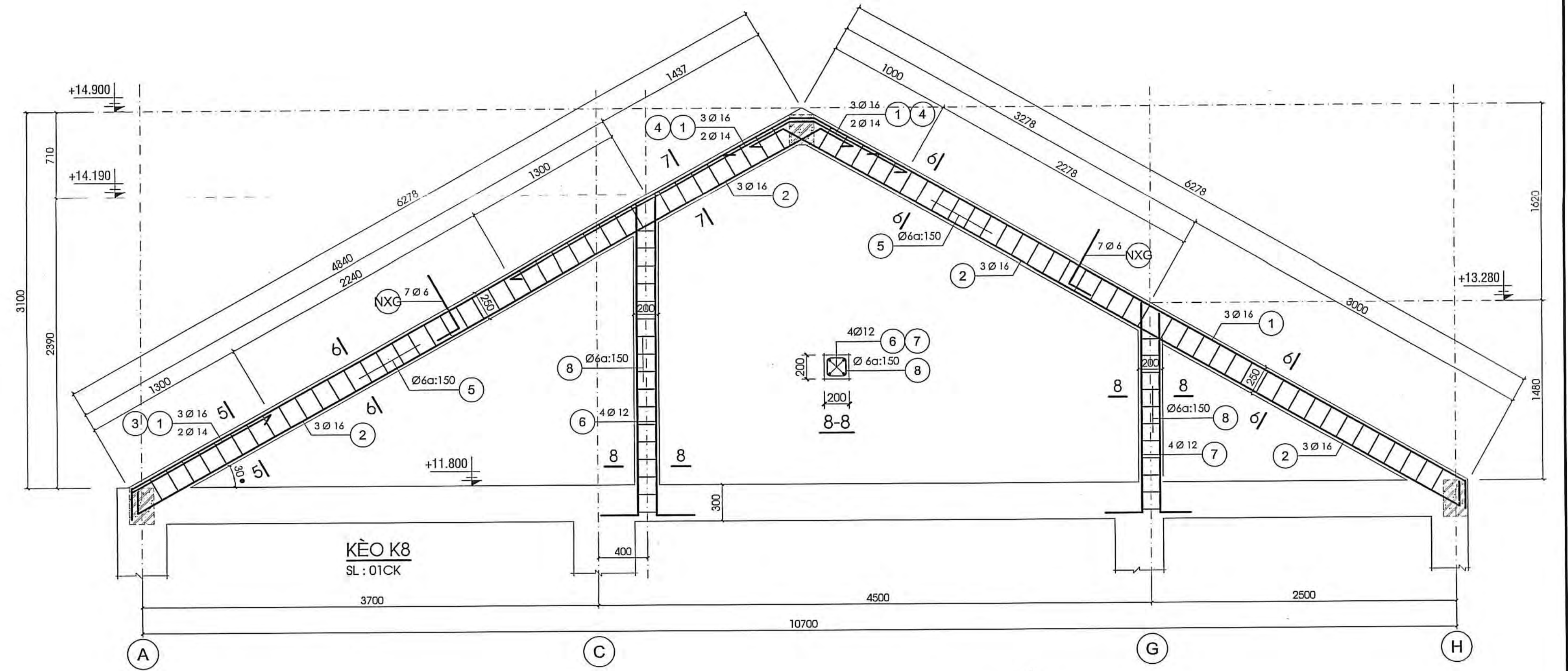
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 770.17$ kg; Chiều dài = 3470 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 8502.81$ kg; Chiều dài = 21548.78 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 1000.40$ kg; Chiều dài = 1622.76 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 4.26$ kg; Chiều dài = 4.8 mét

MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ TL: 1/100
XÀ GỖ C125x50x1.8 TỔNG CHIỀU DÀI = 1350900

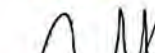
THẨM TRA
Theo Văn bản số.../KT-TĐTT
ngày... tháng... năm 2023
Chức vụ: Giám sát kỹ thuật

Lê Trung Hiếu

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 401 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 023.3977231, Email: km.mylab@hcm.edu.vn	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG	
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	
Địa điểm: Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp	
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN Mái	NGÀY: 12/12/2023
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TK KẾT CẤU: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH	
Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KÈO MÁI _TL: 1/100

BAN QLĐA ĐTXD KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 105 /QĐ. BQLĐA ĐTXD
Ngày 22 tháng 5 năm 2025
Ký tên:

Lê Quang Sinh

CỦ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
TRẦN ĐÌNH
Theo Văn bản 029 /QĐ. BQLĐTXD ĐTXD
Ngày 22 tháng 5 năm 2025
Quy định định kỳ ký.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ
 THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 26/KQTT-ĐTTG
 ngày 19 tháng 1 năm 2026
 Chủ trì bộ môn kỹ thuật: 



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI

Sinh hoạt kinh doanh tại địa chỉ: 4, TRƯỜNG TRUNG AN, THỊ SÃM THẠCH LẠM, HUYỆN THẠCH LẠM, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TEL: 0232.3977278, EMAIL: lienhe@ktcnm.vn

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

NGUYỄN VĂN TRỌNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

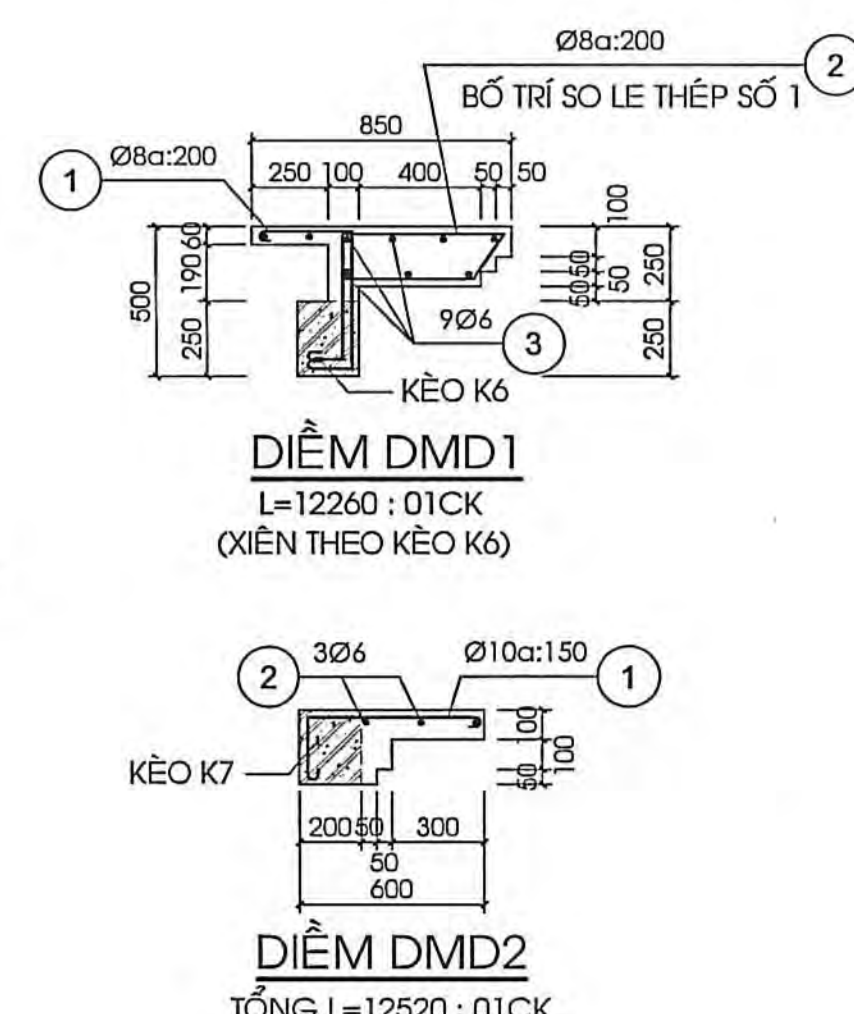
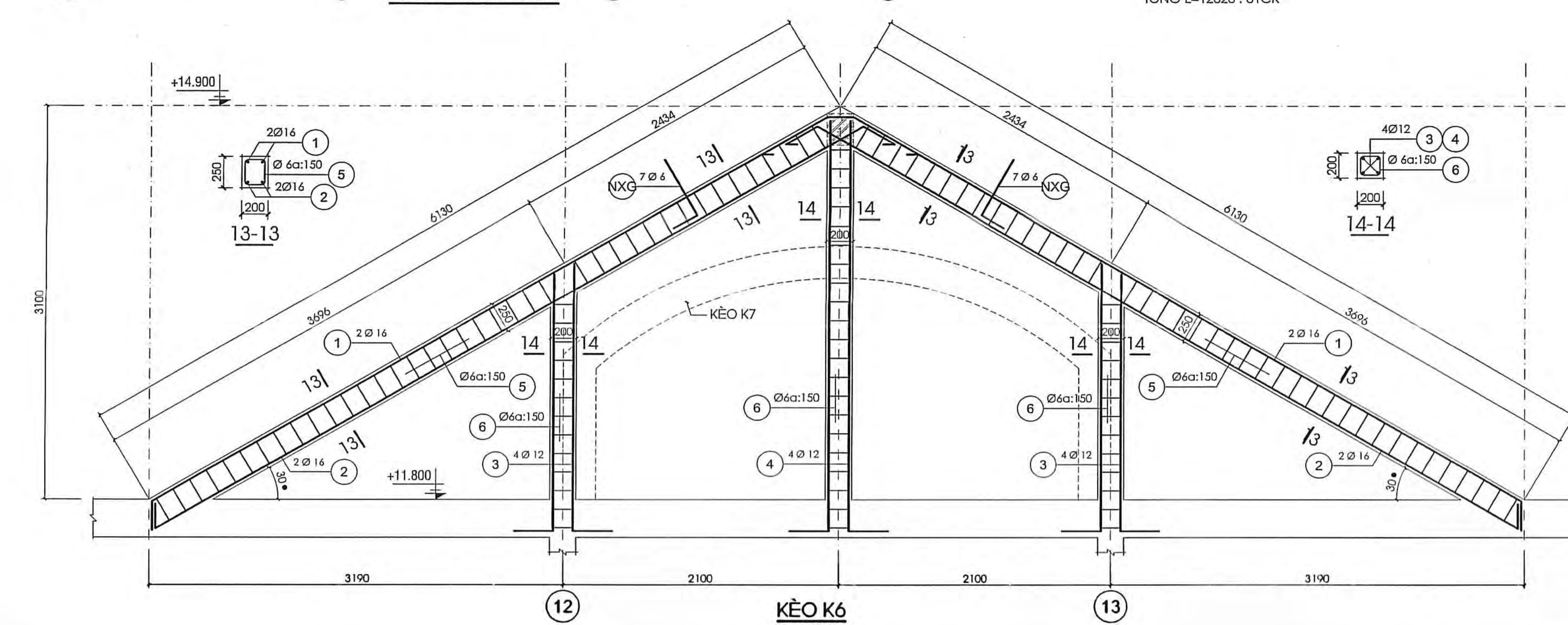
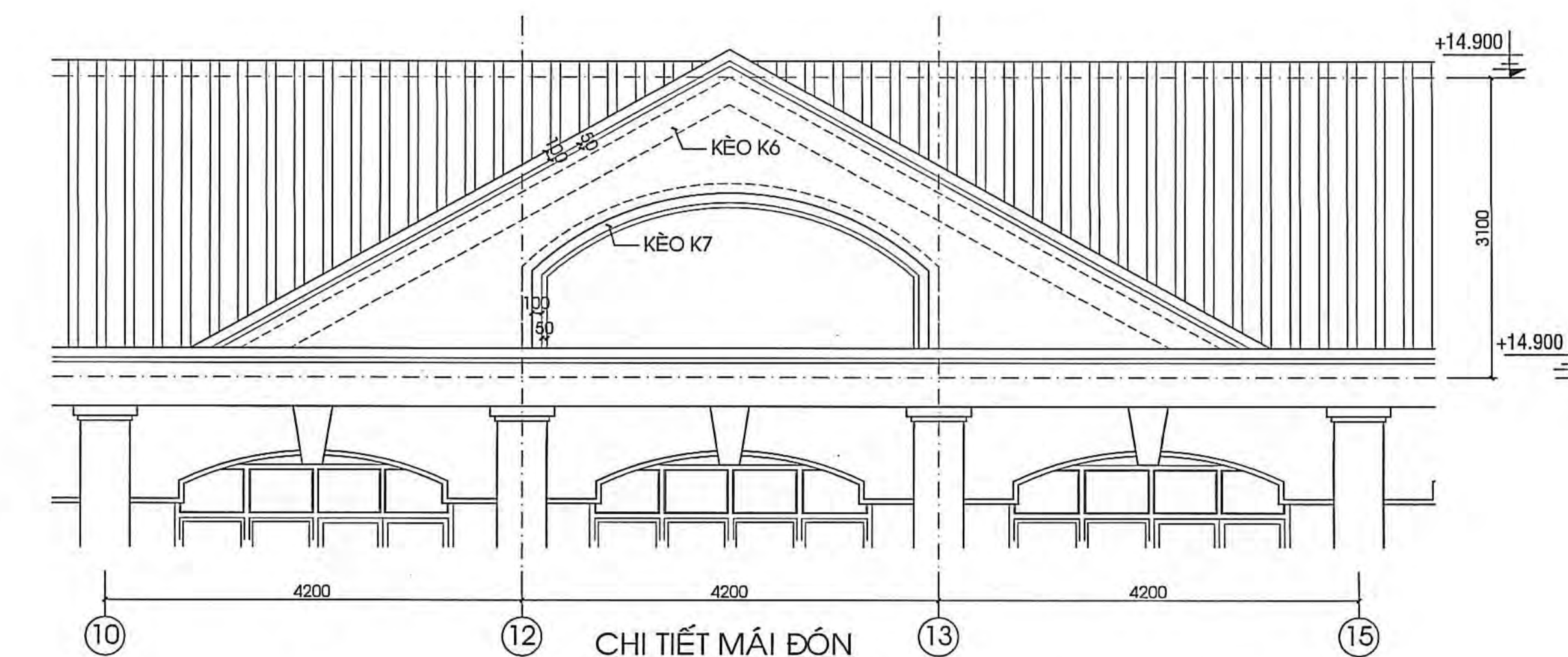
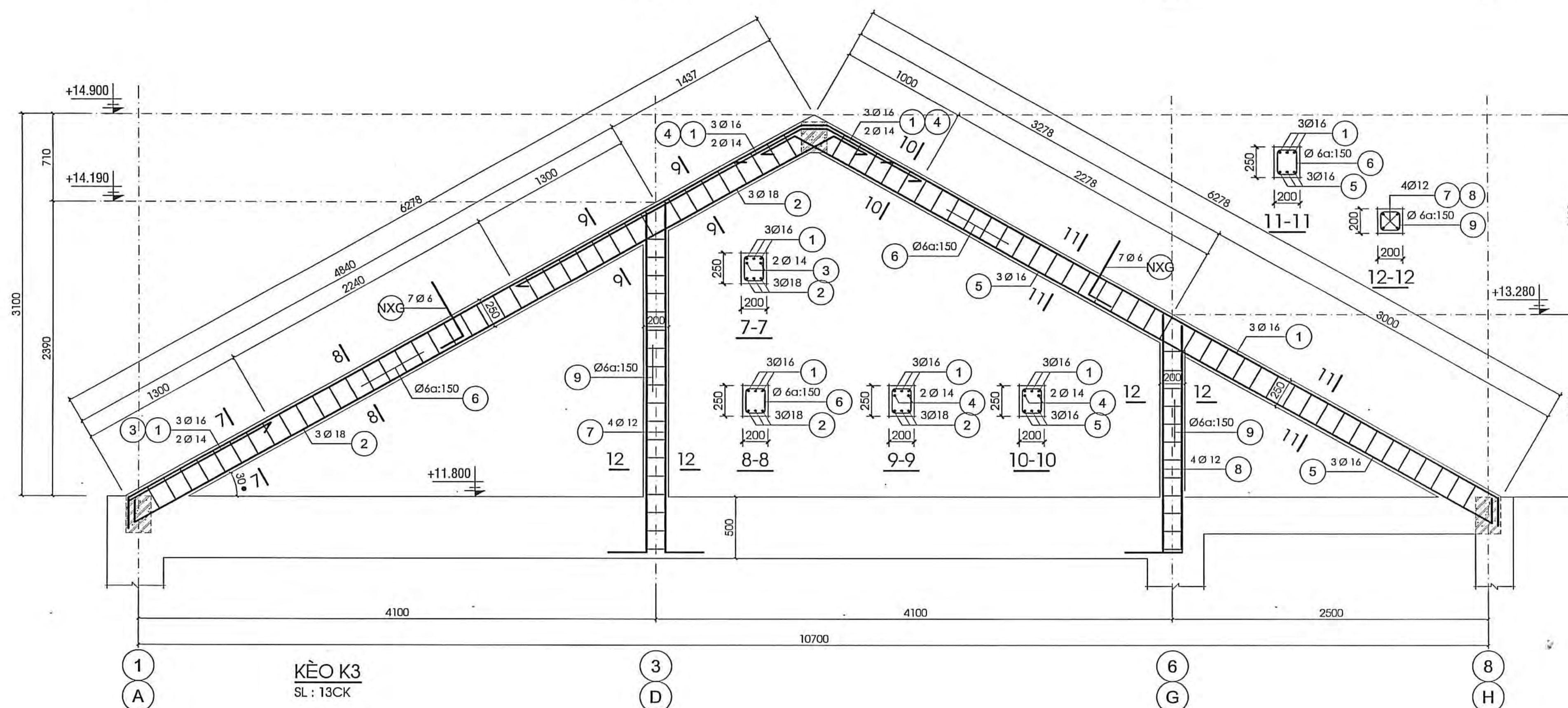
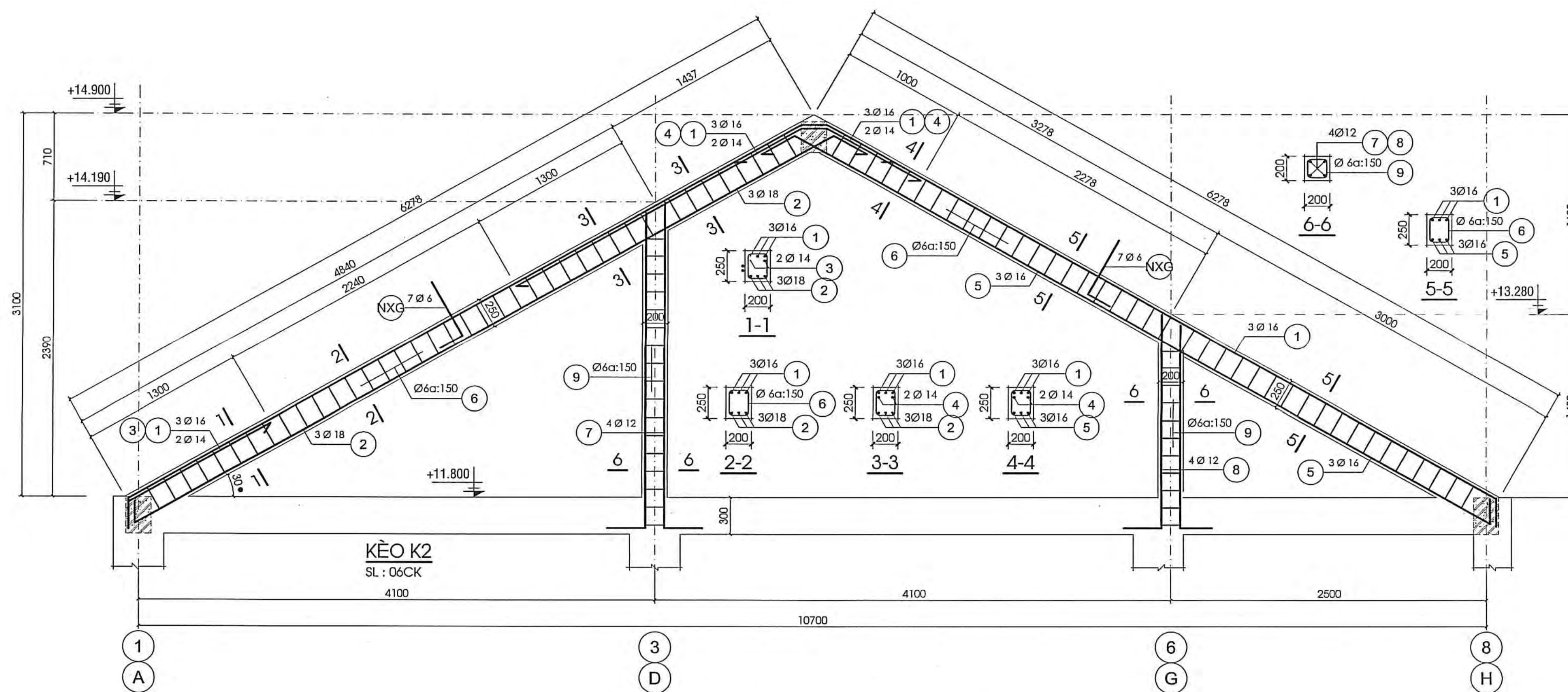
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG AN

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÒNG HỌC,

PHÒNG BÓ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

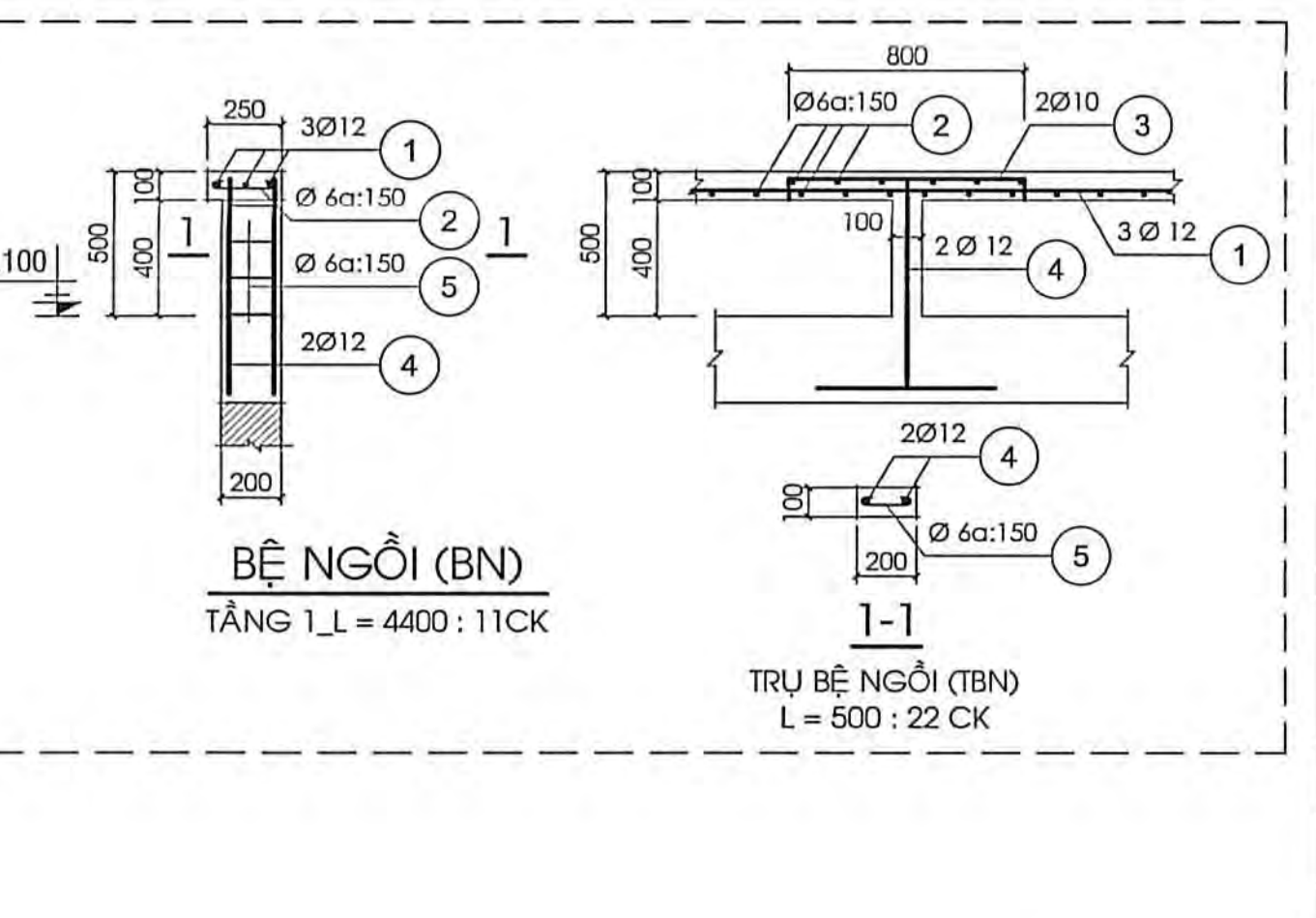
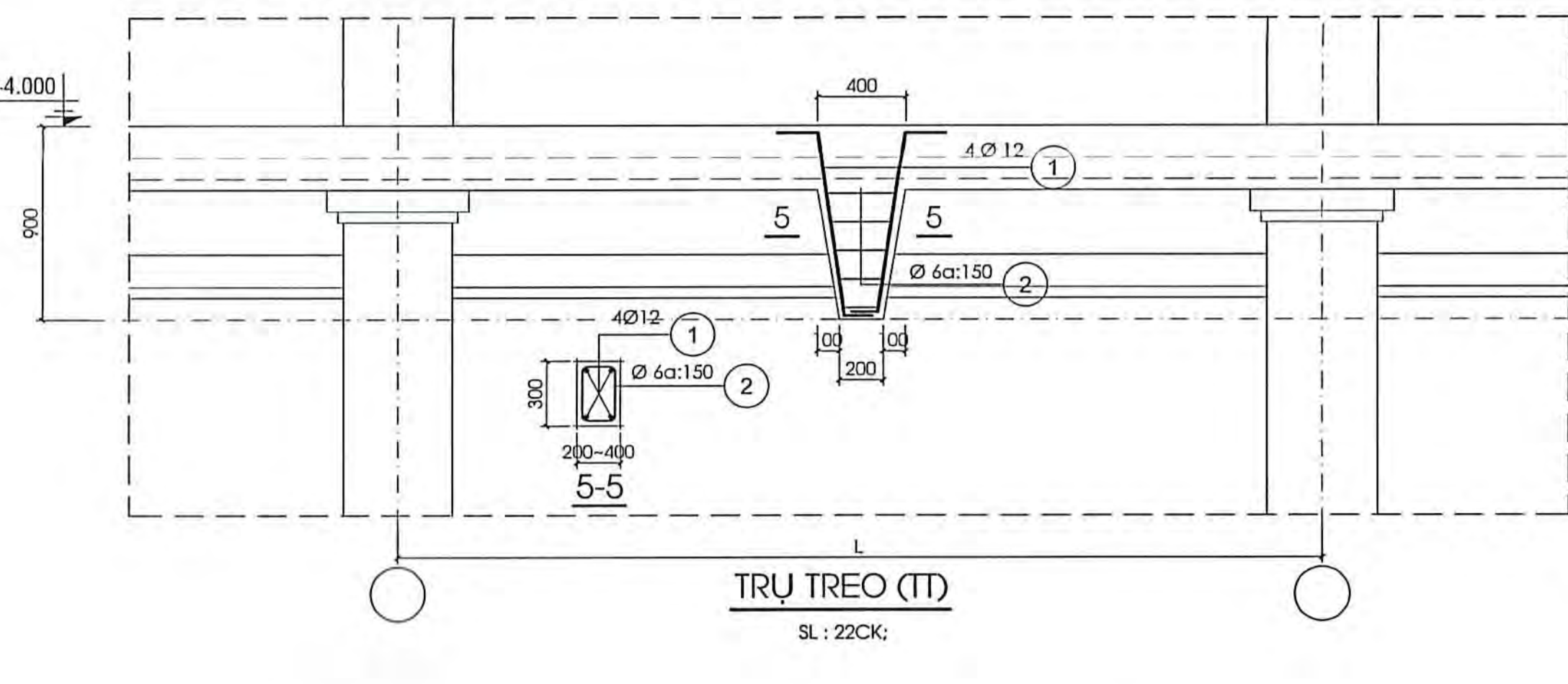
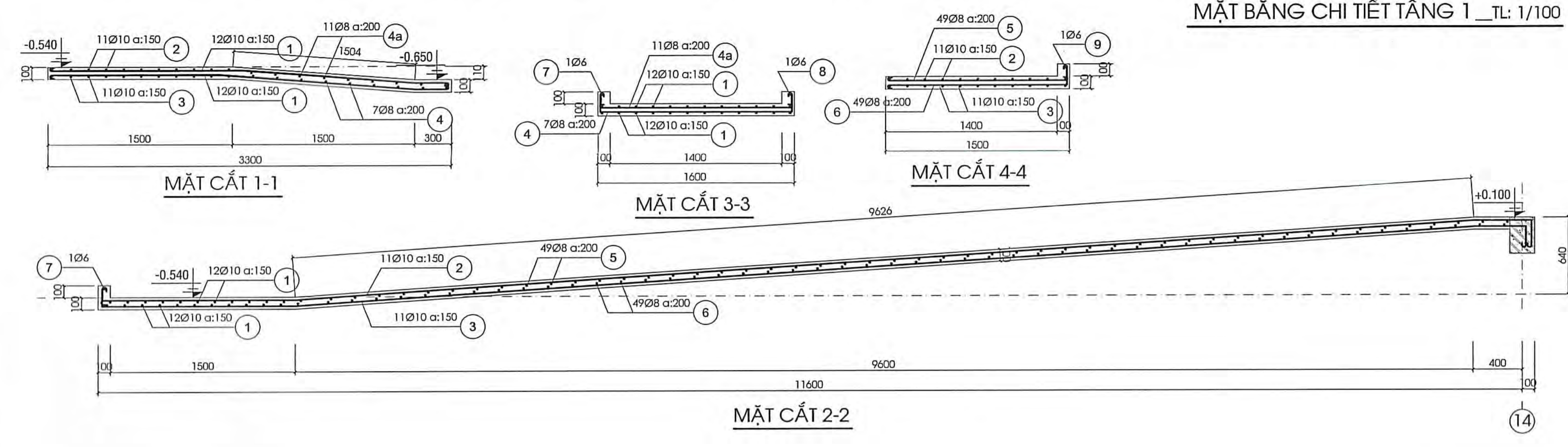
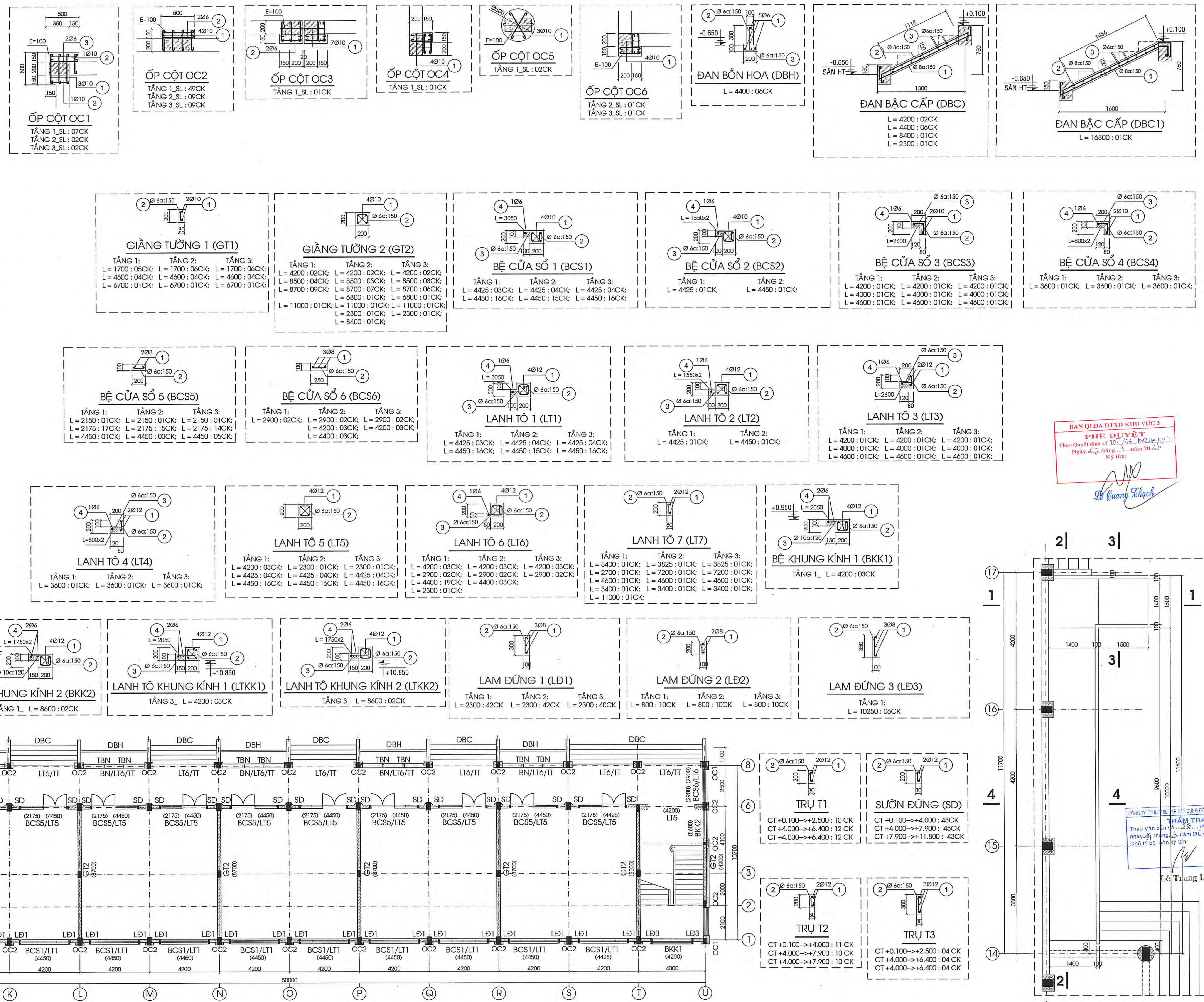
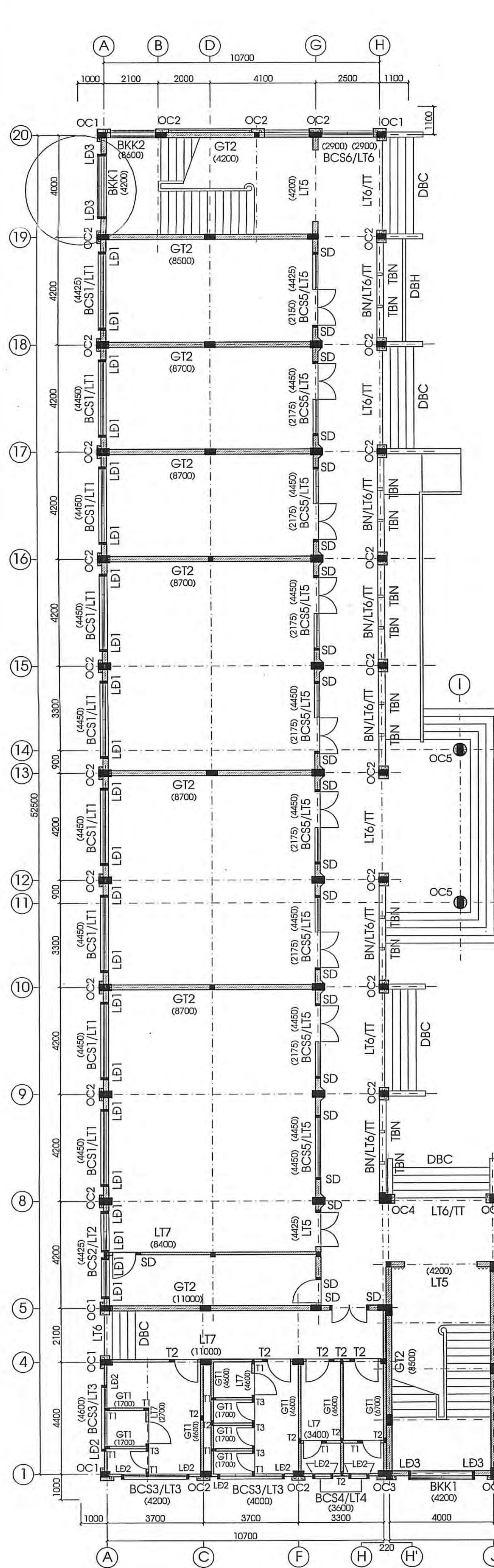
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, THỊ SÃM THẠCH LẠM

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KẾ MÃI CHI TIẾT KẾ MÃI	NGÀY: 15/01/2022 THCS-KC: 15
CHỦ NHÌM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TÌM KẾ TẮC	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
KÈO K1	1	250 6150 200 500	16	7100	6	12	85.2
	2	200 6400 300	16	6900	6	12	82.8
	3	200 1300	14	1500	2	4	6
	4	250 200 450	14	3700	2	4	14.8
	5	150 200 50	6	800	78	168	124.8
	6	250 2750	12	3000	4	8	24
	7	250 1850	12	2100	4	8	16.8
	8	150 150 50	6	700	28	56	39.2
	9	150 450 60 110	8	830	66	132	109.56
	10	150 450 250	8	910	66	132	120.12
	11	50 6230 50	6	6330	12	24	151.92
KÈO K2	1	250 6150 200 500	16	7100	6	36	255.6
	2	200 6400 300	18	6900	3	18	124.2
	3	200 1300	14	1500	2	12	18
	4	250 200 450	14	3700	2	12	44.4
	5	200 6400 300	16	6900	3	18	124.2
	6	150 200 50	6	800	78	468	374.4
	7	250 2750	12	2900	4	24	69.6
	8	250 1750	12	2000	4	24	48
	9	150 150 50	6	700	26	156	109.2
	10	150 450 60 110	8	830	66	66	54.78
	11	50 6230 50	6	6330	12	12	75.96
KÈO K3	1	250 6150 200 500	16	7100	6	36	255.6
	2	200 6400 300	18	6900	3	18	124.2
	3	200 1300	14	1500	2	12	18
	4	250 200 450	14	3700	2	12	44.4
	5	200 6400 300	16	6900	3	18	124.2
	6	150 200 50	6	800	78	1014	811.2
	7	250 2750	12	3100	4	52	161.2
	8	250 1750	12	2200	4	52	114.4
	9	150 150 50	6	700	30	390	273
	10	150 450 60 110	8	830	66	66	54.78
	11	50 6230 50	6	6330	12	12	75.96
KÈO K4	1	250 6150 200 500	16	7100	3	6	42.6
	2	200 6400 300	18	6900	3	6	41.4
	3	200 1300	14	1500	2	4	6
	4	250 200 450	14	3700	2	26	96.2
	5	200 6400 300	16	6900	3	39	269.1
	6	150 200 50	6	800	78	1014	811.2
	7	250 2750	12	3100	4	52	161.2
	8	250 1750	12	2200	4	52	114.4
	9	150 150 50	6	700	30	390	273
	10	150 450 60 110	8	830	66	66	54.78
	11	50 6230 50	6	6330	12	12	75.96
KÈO K5	1	250 6150 200 500	16	7100	3	6	42.6
	2	200 6400 300	18	6900	3	6	41.4
	3	200 1300	14	1500	2	4	6
	4	250 200 450	14	3700	2	26	96.2
	5	200 6400 300	16	6900	3	39	269.1
	6	150 200 50	6	800	78	1014	811.2
	7	250 2750	12	3100	4	52	161.2
	8	250 1750	12	2200	4	52	114.4
	9	150 150 50	6	700	30	390	273
	10	150 450 60 110	8	830	66	66	54.78
	11	50 6230 50	6	6330	12	12	75.96
KÈO K6	1	250 6150 200 500	16	7100	3	6	42.6
	2	200 6400 300	18	6900	3	6	41.4
	3	200 1300	14	1500	2	4	6
	4	250 200 450	14	3700	2	26	96.2
	5	200 6400 300	16	6900	3	39	269.1
	6	150 200 50	6	800	78	1014	811.2
	7	250 2750	12	3100	4	52	161.2
	8	250 1750	12	2200	4	52	114.4
	9	150 150 50	6	700	30	390	273
	10	150 450 60 110	8	830	66	66	54.78
	11	50 6230 50	6	6330	12	12	75.96

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP KÈO MÁI (TT)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (Kg)		
KÈO K6 Số lượng: 1	1		16	6950	4	4	27.8	43.88	
	2		16	6800	4	4	27.2	42.93	
	3		12	2400	8	8	19.2	17.05	
	4		12	3500	4	4	14	12.43	
	5		6	800	78	78	62.4	13.85	
	6		6	700	47	47	32.9	7.30	
	NGX	200		6	750	14	14	10.5	2.33
KÈO K7 Số lượng: 1	1		16	7070	2	2	14.14	22.32	
	2		16	6970	2	2	13.94	22.00	
	3		6	800	45	45	36	7.99	
	4		16	7100	6	6	42.6	67.24	
	5		16	6900	6	6	41.4	65.34	
	6		14	1500	2	2	3	3.63	
	7		14	3700	2	2	7.4	8.94	
KÈO K8 Số lượng: 1	8		6	800	78	78	62.4	13.85	
	9		12	2900	4	4	11.6	10.30	
	10		12	2000	4	4	8	7.10	
	11		6	700	26	26	18.2	4.04	
	12		8	830	66	66	54.78	21.62	
	13		8	910	66	66	60.06	23.70	
	14		6	6330	12	12	75.96	16.86	
KÈO K9 Số lượng: 1	NGX	200		6	750	14	14	10.5	2.33
	1		16	7100	6	6	42.6	67.24	
	2		16	6900	6	6	41.4	65.34	
	3		14	1500	2	2	3	3.63	
	4		14	3700	2	2	7.4	8.94	
	5		6	800	78	78	62.4	13.85	
	6		12	2900	4	4	11.6	10.30	
KÈO K10 Số lượng: 1	7		12	2000	4	4	8	7.10	
	8		6	700	26	26	18.2	4.04	
	9		8	830	66	66	54.78	21.62	
	10		8	910	66	66	60.06	23.70	
	11		6	6330	12	12	75.96	16.86	
	NGX	200		6	750	14	14	10.5	2.33
	12		8	830	66	66	54.78	21.62	
ĐỒ Số lượng: 1	1		14	5900	2	2	11.8	14.26	
	1		14	47810	2	2	95.62	115.55	
	1		14	52230	2	2	104.46	128.23	
	2		14	52130	2	2	104.26	125.99	
	2		14	47710	2	2	95.42	115.31	
	3		14	5800	2	2	11.6	14.02	
	3		6	800	674	674	539.2	119.68	
ĐMĐ1 Số lượng: 1	1		8	960	63	63	60.48	23.86	
	2		8	1720	63	63	108.36	42.76	
ĐMĐ2 Số lượng: 1	1		10	900	84	84	75.6	46.61	
	2		6	12570	3	3	37.71	8.83	



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CHI TIẾT									
TÊN C. KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHUỖ DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG C. KIỆN	TỔNG CHUỖ DÀI (m)	TỔNG TÁI LƯỢNG (kg)	TỔNG TÁI LƯỢNG (kg)	TỔNG TÁI LƯỢNG (kg)
CỘT 1	1	25 450 25	10	600	3	33	19.8	12.21	
	2	25 300 25	10	450	2	22	9.9	6.10	
	3	25 450 25	6	550	2	22	12.1	2.69	
CỘT 2	1	25 450 25	10	450	4	268	120.8	74.35	
	2	25 450 25	6	550	2	134	73.7	16.36	
	3	25 300 25	10	450	7	7	3.15	1.84	
CỘT 3	1	25 300 25	6	400	2	2	0.8	0.18	
	2	25 300 25	10	450	4	4	1.8	1.11	
	3	25 450 25	10	600	3	6	3.6	2.22	
CỘT 4	1	25 300 25	10	450	4	8	3.6	2.22	
	2	25 450 25	6	4450	5	30	133.5	29.63	
	3	25 450 25	6	450	30	180	81	17.96	
CỘT 5	1	25 450 25	6	550	30	180	99	21.97	
	2	25 450 25	8	2020	311	311	628.22	247.89	
	3	25 1500 25	8	1920	311	311	597.12	235.61	
CỘT 6	1	25 450 25	6	4250	32	32	136	30.19	
	2	25 450 25	6	4450	96	96	427.2	94.82	
	3	25 850 25	6	8450	16	16	135.2	30.01	
CỘT 7	1	25 2250 25	6	2350	16	16	37.6	8.35	
	2	25 1500 25	8	2320	113	113	262.16	103.44	
	3	25 1500 25	8	2220	113	113	258.86	98.99	
CỘT 8	1	25 16750 25	6	16850	20	20	337	74.80	
	2	25 1650 25	10	1800	34	34	61.2	37.73	
	3	25 4550 25	10	4700	24	24	112.8	69.65	
CỘT 9	1	25 8350 25	6	8890	6	6	40.8	25.15	
	2	25 150 25	6	250	723	723	180.75	40.12	
	3	25 4150 25	10	4300	24	24	103.2	63.63	
CỘT 10	1	25 8450 25	10	8600	40	40	344	212.09	
	2	25 8550 25	10	8800	88	88	774.4	477.45	
	3	25 8750 25	10	8900	8	8	59.2	34.03	
CỘT 11	1	25 10950 25	10	11100	12	12	133.2	82.12	
	2	25 8350 25	10	8500	4	4	34	20.66	
	3	25 2250 25	10	2400	8	8	19.2	11.84	
CỘT 12	1	25 150 25	6	700	2418	2418	1692.6	375.68	
	2	25 4550 25	10	4500	44	44	198	122.07	
	3	25 4400 25	10	4550	188	188	855.4	527.39	
CỘT 13	1	25 150 25	6	700	1682	1682	1177.4	261.33	
	2	25 300 25	6	3100	58	58	179.8	39.91	
	3	25 4350 25	10	4500	4	4	18	11.10	
CỘT 14	1	25 4400 25	10	4550	4	4	18.2	11.22	
	2	25 150 25	6	700	58	58	40.6	9.91	
	3	25 500 25	6	500	1218	1218	609	135.17	
CỘT 15	1	25 300 25	6	3100	58	58	179.8	39.91	
	2	25 4350 25	10	4500	4	4	18	11.10	
	3	25 4400 25	10	4550	4	4	18.2	11.22	
CỘT 16	1	25 150 25	6	700	58	58	40.6	9.91	
	2	25 500 25	6	500	44	44	22	4.88	
	3	25 1500 25	6	1600	4	4	6.4	1.42	
CỘT 17	1	25 4150 25	10	4300	6	6	25.8	15.91	
	2	25 3950 25	10	4100	6	6	24.6	15.17	
	3	25 4550 25	10	4700	6	6	28.2	17.39	
CỘT 18	1	25 250 25	6	250	252	252	63	13.98	
	2	25 150 25	6	400	162	162	64.8	14.38	
	3	25 1550 25	6	2050	2550	2550	5227.5	1160.26	
CỘT 19	1	25 3950 25	10	3700	2	2	22.2	13.69	
	2	25 150 25	6	250	24	24	12	4.00	
	3	25 150 25	6	400	14	14	16.8	3.73	
CỘT 20	1	25 750 25	6	850	2	2	5.1	1.13	
	2	25 2100 25	8	2220	98	98	217.56	85.85	
	3	25 4400 25	8	4520	18	18	81.36	32.10	
CỘT 21	1	25 150 25	6	250	947	947	236.75	52.55	
	2	25 2050 25	8	2970	18	18	53.46	21.09	
	3	25 4150 25	8	4270	18	18	76.86	30.33	
CỘT 22	1	25 4350 25	8	4470	9	9	40.23	15.87	
	2	25 200 25	6	300	369	369	110.7	24.57	
	3	25 4350 25	12	4350	44	44	191.4	109.93	
CỘT 23	1	25 4400 25	12	4400	188	188	827.2	734.40	
	2	25 150 25	6	700	1682	1682	1177.4	261.33	
	3	25 3000 25	6	3100	58	58	179.8	39.91	
CỘT 24	1	25 4350 25	12	4350	58	58	258.6	115.45	
	2	25 4400 25	12	4400	4	4	17.6	15.63	
	3	25 150 25	6	700	58	58	40.6	9.91	
CỘT 25	1	25 150 25	6	500	44	44	22	4.88	
	2	25 1500 25	6	1600	4	4	6.4	1.42	
	3	25 4150 25	12	4150	6	6	24.9	22.11	
CỘT 26	1	25 3950 25	12	3950	6	6	23.7	21.04	
	2	25 4550 25	12	4550	6	6	27.3	24.24	
	3	25 150 25	6	250	240	240	60	13.32	
CỘT 27	1	25 150 25	6	400	162	162	64.8	14.38	
	2	25 2550 25	6	2650	9	9	23.85	5.29	

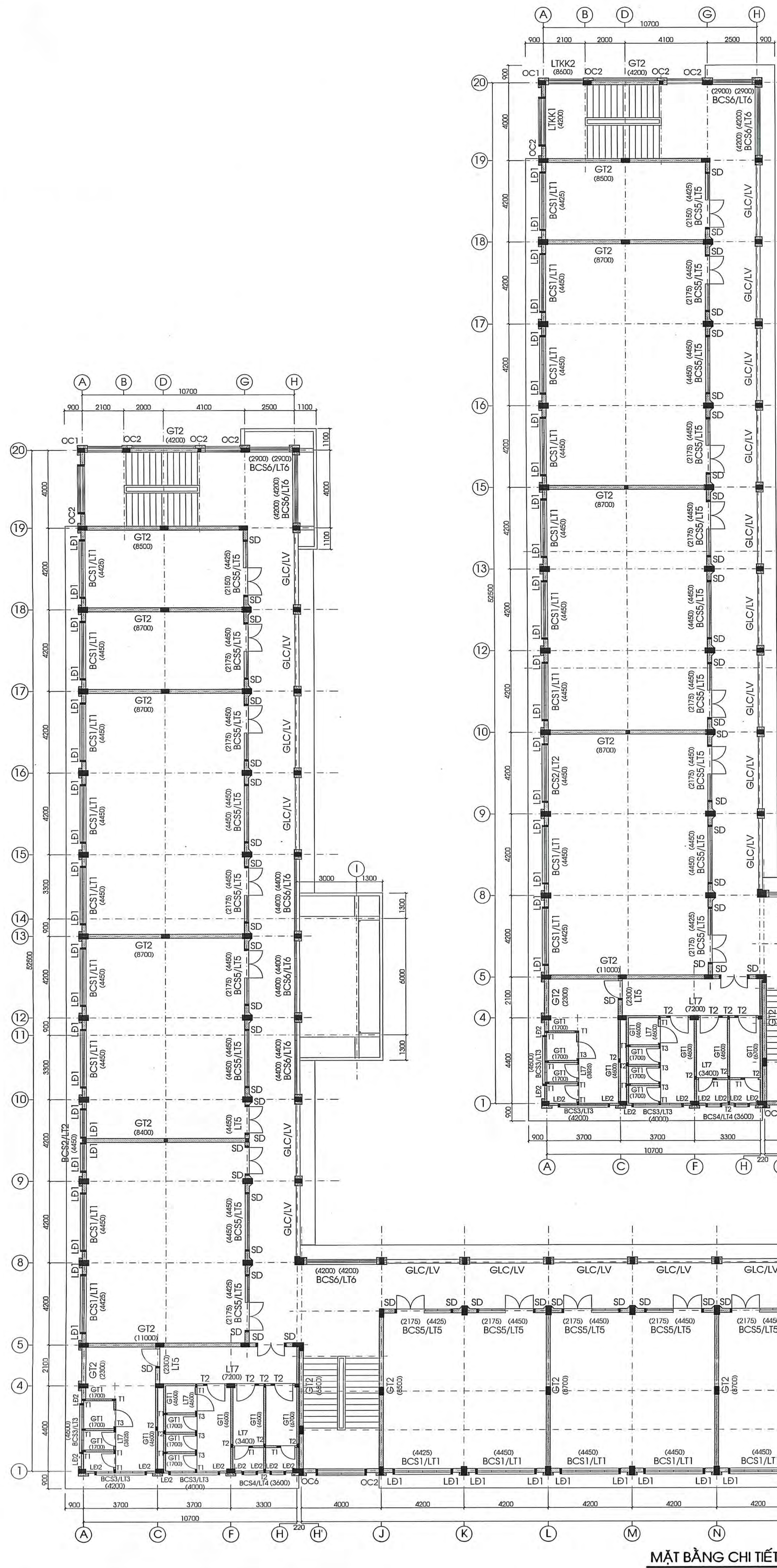
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG XANH
Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
Điện thoại: 0903.207.028 (ĐẠI), 0903.207.028 (ĐẠI)
Email: info@ktmt.vn

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỌC, PHÒNG BỒ DƯỠNG MÔI TRƯỜNG HỌC CƠ SỞ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CHI TIẾT TẦNG 1
KẾT CẤU CHI TIẾT
BẢNG THỐNG KÊ THÉP

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK KẾT CẤU: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH
Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

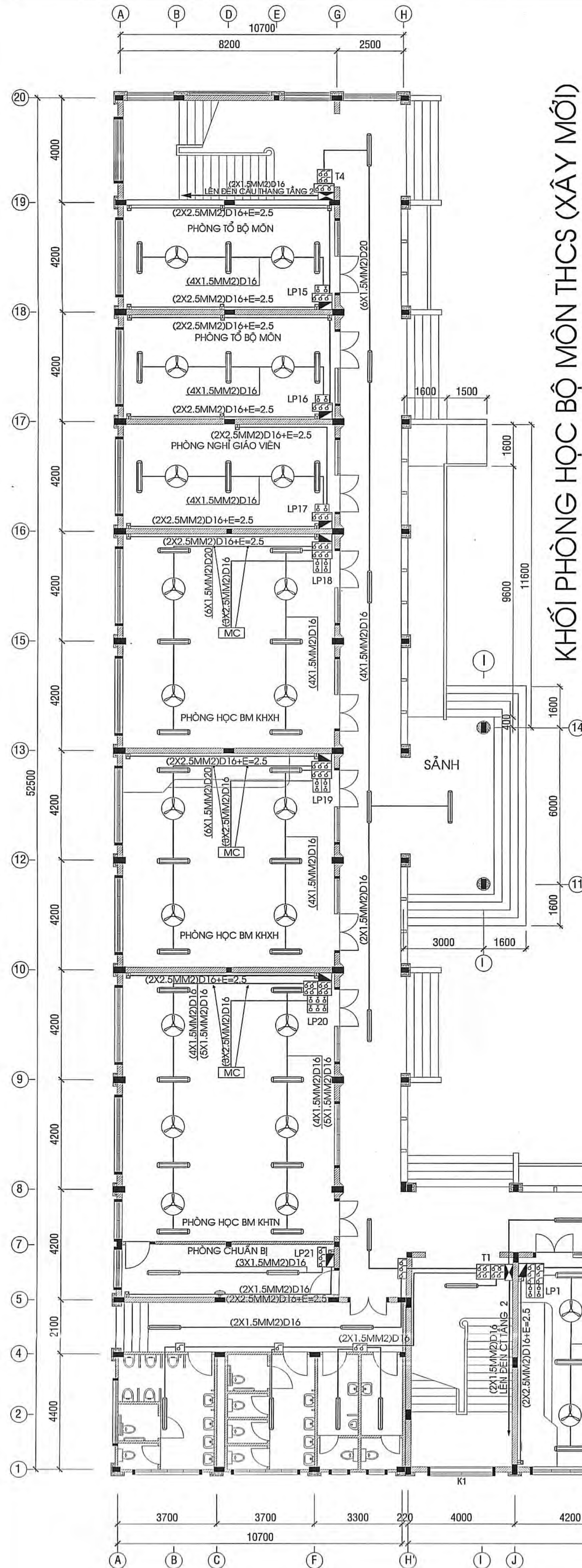
NGÀY: 10/10/2026
THCS-KC: 17



BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP CHI TIẾT (TT)									
TÊN C. KIẾN	SỐ HẸU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C. KIẾN	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	
LTKK1 Sổ lương 1	1		12	3550	2	6	21.3	18.91	
	2		6	250	24	72	18	4.00	
	3		6	400	12	36	14.4	3.20	
	4		6	850	2	6	5.1	1.13	
LTKK2 Sổ lương 1	1		12	4150	12	12	49.8	44.21	
	2		12	2250	8	8	18	15.98	
	3		12	4350	48	48	208.8	185.38	
	4		12	4400	192	192	844.8	750.03	
LTKK3 Sổ lương 1	1		6	700	1070	1970	1379	306.07	
	2		12	4150	36	36	149.4	132.64	
	3		12	2850	24	24	68.4	60.73	
	4		12	4350	88	88	382.8	339.86	
LTKK4 Sổ lương 1	1		12	2250	4	4	9	7.99	
	2		6	700	1019	1019	713.3	158.32	
	3		6	450	1019	1019	458.55	101.78	
	4		6	4250	9	9	36.25	8.49	
LTKK5 Sổ lương 1	1		6	2950	6	6	17.7	3.93	
	2		6	4450	22	22	97.9	21.73	
	3		6	2350	1	1	2.35	0.52	
	4		12	8350	2	2	16.7	14.83	
LTKK6 Sổ lương 1	1		12	3750	4	4	15	13.32	
	2		12	2650	2	2	5.3	4.71	
	3		12	7150	4	4	28.6	25.39	
	4		12	4550	6	6	27.3	24.24	
LTKK7 Sổ lương 1	1		12	3350	6	6	20.1	17.85	
	2		12	10950	2	2	21.9	19.44	
	3		6	250	432	432	108	23.97	
	4		12	4150	4	4	16.4	14.83	
BKX1 Sổ lương 3	1		6	700	28	84	58.8	12.05	
	3		10	600	18	54	32.4	19.98	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	2		12	8550	4	4	34.2	30.81	
BKX2 Sổ lương 2	1		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		10	600	30	60	36	22.20	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	2		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX1 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX2 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX3 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX4 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX5 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX6 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX7 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX8 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX9 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX10 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX11 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX12 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX13 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX14 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX15 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX16 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX17 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX18 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX19 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX20 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX21 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX22 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX23 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX24 Sổ lương 2	2		6	700	54	108	75.6	16.78	
	3		6	550	24	48	26.4	5.86	
	4		6	1800	4	8	14.4	3.20	
	1		12	4150	4	4	16.4	14.83	
LTKX25 Sổ lương 3	2		6	700	28	84	58.8	13.05	
	3		6	550	14	42	23.1	5.13	
	4		6	2100	2	6	12.6	2.80	
	1		12	8550	4	8	68.4	60.73	
LTKX26 Sổ lương 2	2								

THUYẾT MINH

-NGUỒN ĐIỆN: DÙNG NGUỒN ĐIỆN 3 PHA, NGUỒN ĐIỆN CUNG CẤP CHO CÔNG TRÌNH KẾT NỐI VÀO HỆ THỐNG ĐIỆN TOÀN KHU. PHÂN ĐIỆN KẾ DO CHỦ ĐẦU TƯ HỢP ĐỒNG THIẾT BẢO VỆ ĐIỆN LẬP ĐẤT.
-CHIỀU SẴNG: DÙNG ĐẾN 12M LƯỚI ĐẶT TRẦN ĐẢM BẢO ĐỘ RƠI TRONG CÁC PHÒNG HỌC, PHÒNG LÀM VIỆC VÀ THƯ VIỆN TỪ 300 - 500LX, ĐẾN HÀNH LANG VÀ NHÀ VỆ SINH TỪ 100 - 150LX.
-LÀM MÁT: DÙNG QUẠT ĐẢO TRẦN ĐẢM BẢO ĐỘ THÔNG THOÁNG CHO CÁC PHÒNG HỌC.
-PHÒNG TIN HỌC VÀ NGOẠI NGỮ LẮP ĐẶT MÁY LẠNH TREO TƯỜNG. ỚNG THOÁT NƯỚC MÁY LẠNH ĐƯỢC DẪN THEO RĂNG THOÁT NƯỚC ĐUA RA NGOÀI.
-DÂY DẪN: TOÀN BỘ HỆ THỐNG DÂY DẪN ĐƯỢC ẦM TRONG TƯỜNG VÀ TRONG SÀN.
-ĐỐI VỚI DÂY DẪN TRONG PHÒNG TIN HỌC, PHÒNG CÔNG NGHỆ, PHÒNG NGOẠI NGỮ: DÂY ĐƯỢC LƯỚI TRONG ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐI ẦM DƯỚI SÀN. TÀI CÁC VỊ TRÍ BÀN DÂY SẼ ĐƯỢC ĐI LÊN CẤP THEO BÀN VÀ ĐƯỢC LƯỚI TRONG ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐI 6. TẠI CÁC VỊ TRÍ DÂY ĐI LÊN BÀN ĐƯỢC ĐẪU NỐI VỚI NHỰA TỰ HỢP NỐI ẦM SÀN. DÂY ĐI LÊN BÀN ĐƯỢC CÁP ĐỒNG BỌC PVC-CV 2.5MM2/MỖI BÀN LẤP 2 Ớ CẤM NỐI TRÊN BÀN.
-KHI THI CÔNG ĐƯỜNG DÂY ẦM SÀN, CẦN KẾT HỢP VỚI BẢN VẼ BÀN GHE ĐỂ XÁC ĐỊNH CHỖ XÁC VỊ TRÍ DÂY ĐIỆN ĐI LÊN BÀN.
-LẮP MẠCH CHỖ TRONG TỦ ĐIỆN CHO MỖI CHỖ VÀ MÀN HÌNH TIN.
-MỖI PHÒNG ĐỀU CÓ MCB LẮP TRONG TỦ ĐIỆN BẢO VỆ RIÊNG LẺ CHO TỪNG PHÒNG.
-MỖI TẦNG ĐỀU CÓ MCCB BẢO VỆ RIÊNG LẺ ĐỂ DỄ DÀNG SỬA CHỮA VÀ ĐẢM BẢO ĐỘ AN TOÀN ĐIỆN.
-TỦ ĐIỆN VÀ Ớ CẤM ĐƯỢC ĐẶT Ớ ĐỘ CAO 1.5M SO VỚI NỀN.
-TOÀN BỘ ĐƯỜNG DÂY ĐƯỢC LƯỚI TRONG ỚNG TRẮNG CỨNG ĐẶT CHÌM, KHI ĐỒ SẴN CHỈ ĐẶT ỚNG, KHÔNG LƯỚI DÂY VÀO ỚNG TRƯỚC.
-TOÀN BỘ MỖI MỖI ĐƯỢC ĐẪU NỐI TẠI HỘP ĐẦU DÂY, KHÔNG ĐẪU TRONG ỚNG, MỖI NƠI TẠI MCB ĐƯỢC THỰC HIỆN BẢNG ĐẦU COSSE ỚP.
-THỰC HIỆN TIẾP ĐẶT AN TOÀN CHO CÁC TỦ ĐIỆN TỔNG, TỦ ĐIỆN TẦNG VÀ PHÒNG BẢNG 3 CỰC ĐẶT M16X2400, CHỖN SẴU 0.8M ĐẶT CÁCH MÀN 2.4M, ĐƯỢC LIÊN KẾT VỚI NHỰA BẢNG CÁP ĐỒNG TRẦN C25, TẮT CẢ MỖI MỖI ĐƯỢC HẠN CADWELD.
-DÂY TIẾP ĐẶT CHO CÁC PHÒNG: DÙNG CÁP ĐỒNG BỌC PVC.
-CHỖ Y: DÂY PHA VÀ DÂY TIẾP ĐẶT PHẢI CÓ MÀU KHÁC NHƯ ĐỂ DỄ DÀNG KIỂM TRA VÀ SỬA CHỮA.
-TOÀN BỘ HỆ THỐNG THIẾT BỊ ĐƯỢC CHIA ĐỀU TRÊN 3 PHA.
-LƯU Ý: DÂY ĐI TRÊN TRẦN VÀ ĐI TRONG SÀN BỀ TÔNG THÌ ĐƯỢC TÍNH LÀ ĐI NỬA, DÂY ĐI TỰ SẴN XƯỞNG TỦ ĐIỆN, HAY XƯỞNG CÁC THIẾT BỊ CÓ CẮT TƯỜNG THÌ ĐƯỢC TÍNH LÀ ĐI CHỖM.



.MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 1 1/100.

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

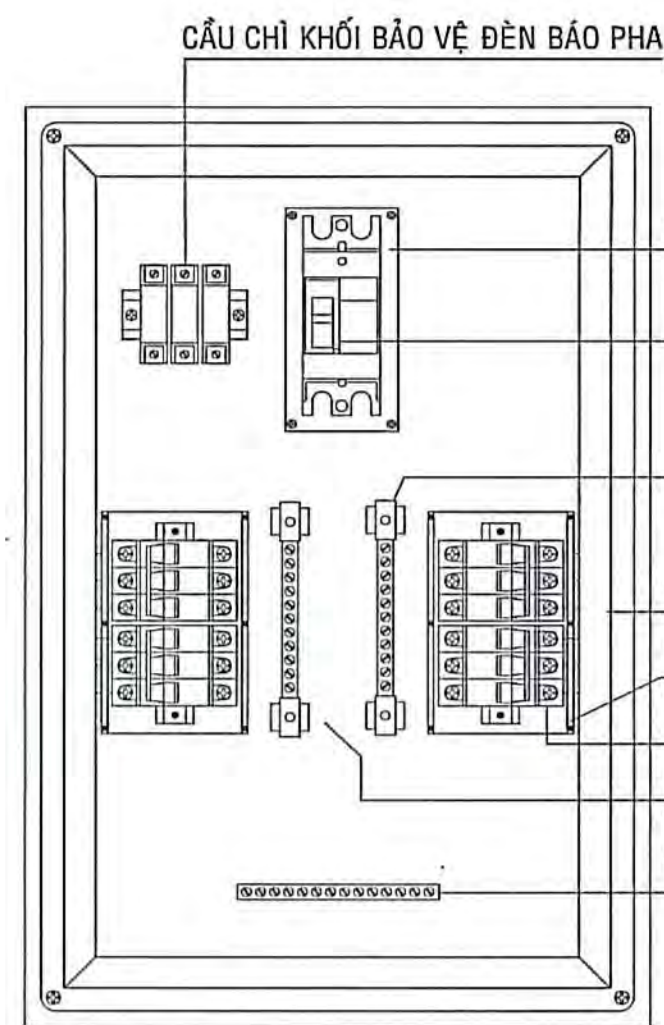
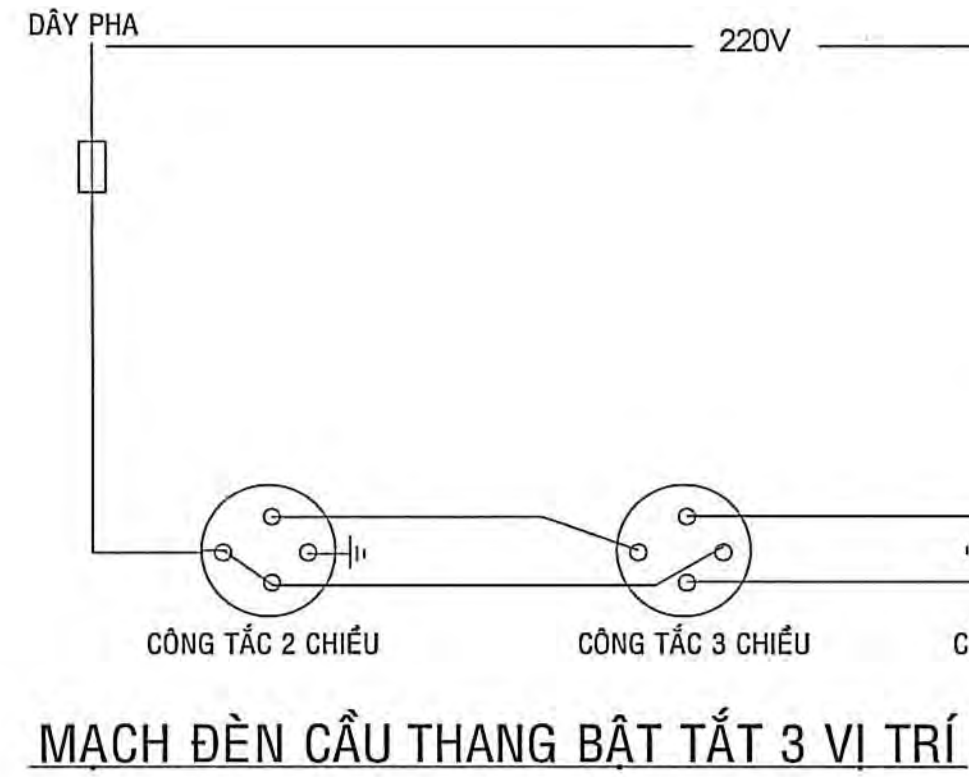
BẢNG THỐNG KÊ

TT	KÍ HIỆU	TÊN VÀ VẬT LIỆU	Đ.V	S. LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỊ TRƯỜNG
01	TỦ ĐIỆN	CÁI	02	TỦ ĐIỆN TOLÉ DÂY 1.5MM SƠN TÍNH ĐIỆN KT: 500X700X250 (BẢO GỒM TRUNG TÂM, BUSBAR, TERMINAL BLOCK, ĐÈN BẢO PHA...)	
02	TỦ ĐIỆN	CÁI	04	TỦ ĐIỆN TOLÉ DÂY 1.5MM SƠN TÍNH ĐIỆN KT: 400X600X250 (BẢO GỒM TRUNG TÂM, BUSBAR, TERMINAL BLOCK, ĐÈN BẢO PHA...)	
03	TỦ ĐIỆN	CÁI	01	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ 18 WAY	
04	TỦ ĐIỆN	CÁI	02	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ 13 WAY	
05	TỦ ĐIỆN	CÁI	06	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ 9 WAY	
06	TỦ ĐIỆN	CÁI	20	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ 6 WAY	
07	TỦ ĐIỆN	CÁI	31	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ 4 WAY	
08	APOTMAT 3 PHA 60AMPE	CÁI	01	MCCB 3P 60A	
09	APOTMAT 3 PHA 50AMPE	CÁI	01	MCCB 3P 50A	
10	APOTMAT 3 PHA 40AMPE	CÁI	02	MCCB 3P 40A	
11	APOTMAT 3 PHA 30AMPE	CÁI	08	MCCB 3P 30A	
12	APOTMAT 3 PHA 20AMPE	CÁI	04	MCCB 3P 20A	
13	APOTMAT 3 PHA 20AMPE	CÁI	02	MCCB 3P 20A	
14	APOTMAT 2 PHA 25AMPE	CÁI	10	MCCB 2P 25A	
15	APOTMAT 2 PHA 20AMPE	CÁI	32	MCCB 2P 20A	
16	APOTMAT 2 PHA 16AMPE	CÁI	11	MCCB 2P 16A	
17	APOTMAT 1 PHA 20AMPE	CÁI	04	MCCB 1P 20A	
18	APOTMAT 1 PHA 16AMPE	CÁI	14	MCCB 1P 16A	
19	APOTMAT 1 PHA 10AMPE	CÁI	30	MCCB 1P 10A	
20	APOTMAT 1 PHA 6AMPE	CÁI	113	MCCB 1P 6A	
21	CÔNG TẮC 1 HẠT	CÁI	237	CÔNG TẮC 1 CHIẾU 16A	
22	HẠT CÔNG TẮC 2 CHIẾU	CÁI	06	CÔNG TẮC 2 CHIẾU 16A	
23	HẠT CÔNG TẮC 3 CHIẾU	CÁI	03	CÔNG TẮC 3 CHIẾU 16A	
24	Ớ CẤM ĐÔI	CÁI	113	Ớ CẤM ĐÔI 3 CHẤU 16A CÓ CHÂN TIẾP ĐẶT LẮP ẦM	
25	Ớ CẤM ĐÔI	CÁI	94	Ớ CẤM ĐÔI 3 CHẤU 16A CÓ CHÂN TIẾP ĐẶT LẮP NỬA (LẮP TRÊN BÀN TIN HỌC, PHÒNG CÔNG NGHỆ, NGOẠI NGỮ)	
26	ĐẾ ẦM NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY + MẶT	CÁI	47	ĐẾ ẦM NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY + MẶT	
27	MẶT NÁ VÀ KHUNG 1	CÁI	07	MẶT NÁ VÀ KHUNG 1	
28	MẶT NÁ VÀ KHUNG 2	CÁI	37	MẶT NÁ VÀ KHUNG 2	
29	MẶT NÁ VÀ KHUNG 3	CÁI	137	MẶT NÁ VÀ KHUNG 3	
30	MẶT NÁ VÀ KHUNG 4	CÁI	23	MẶT NÁ VÀ KHUNG 4	
31	HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	178	HỘP NHỰA CHỖM	
32	HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	94	HỘP NHỰA NỬA	
33	HỘP VÀ BÔNG ĐẾN ỚNG 1.2M LOẠI 1 BÔNG	BỘ	62	ĐẾN 1.2M LƯỚI 1X20W SIÊU MỎNG LẤP NỬA	
34	HỘP VÀ BÔNG ĐẾN ỚNG 1.2M LOẠI 2 BÔNG	BỘ	178	ĐẾN 1.2M LƯỚI 2X20W SIÊU MỎNG LẤP NỬA	
35	ĐÈN PHA TRÊN CẠN	BỘ	08	ĐÈN PHA LED 100W CHỖN SÁNG SÀN ĐƯỜNG	
36	QUẠT ĐẢO TRẦN	BỘ	122	QUẠT ĐẢO TRẦN + DIMMER QUẠT	
37	QUẠT TƯỜNG	BỘ	01	QUẠT TƯỜNG	
38	MÁY LẠNH TREO TƯỜNG 2HP + CÁP KHẾN	BỘ	06	MÁY LẠNH TREO TƯỜNG 2HP + CÁP KHẾN + GÁ ĐỖ DẴN NƯỚC	
39	ỚNG ĐỒNG	MÉT	42	ỚNG ĐỒNG D=9.53	
40	ỚNG ĐỒNG	MÉT	42	ỚNG ĐỒNG D=15.88	
41	ỚNG NHỰA D21	MÉT	42	ỚNG THOÁT NƯỚC MÁY LẠNH D21	
42	BẢO ỒN BỌC CÁCH NHIỆT	MÉT	42	BẢO ỒN BỌC CÁCH NHIỆT	
43	ỒN ẦM 3P 32A	CÁI	02	ỒN ẦM 3P 32A	
44	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-1.5MM2	MÉT	9998	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-1.5MM2	
45	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-2.5MM2	MÉT	2084	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-2.5MM2	
46	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-3.5MM2	MÉT	640	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-3.5MM2	
47	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-5.5MM2	MÉT	1173	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-5.5MM2	
48	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-10MM2	MÉT	523	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-10MM2	
49	DÂY DẴN ĐIỆN DƠN CV-16MM2	MÉT	80	CÁP ĐỒNG BỌC PVC ĐẶT CHỖM CV-16MM2	
50	ỚNG NHỰA D16	MÉT	892	ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐẶT CHỖM D16	

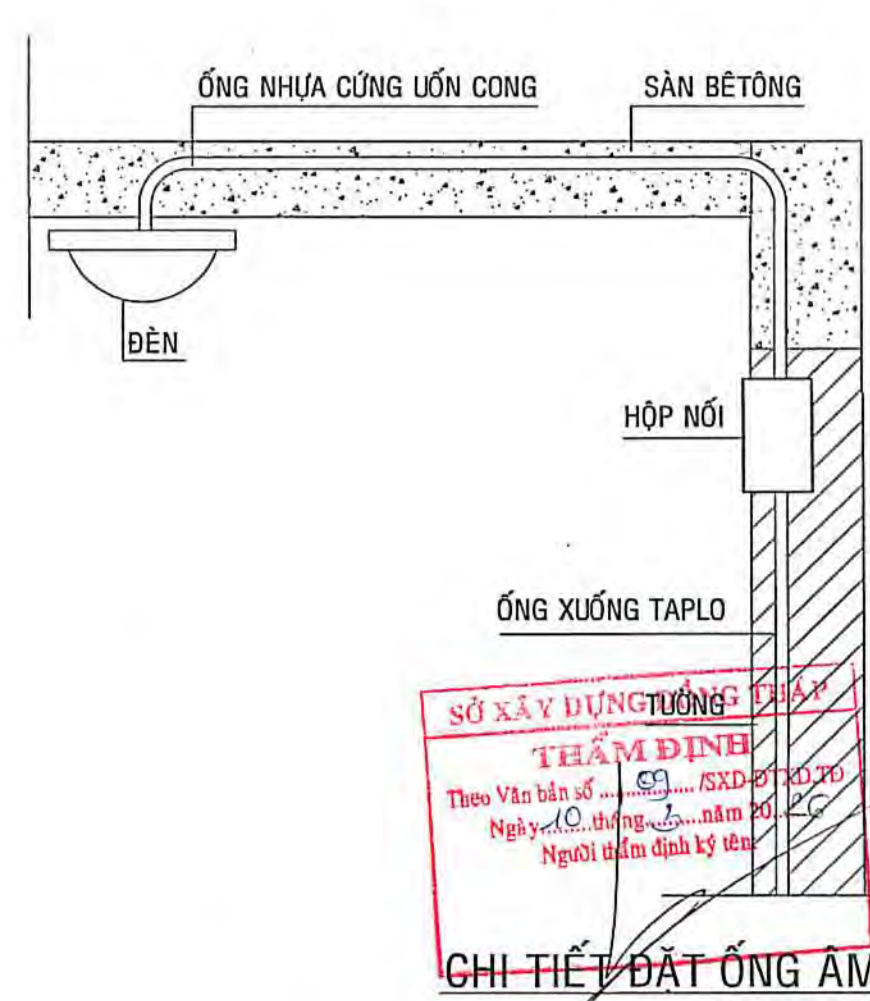
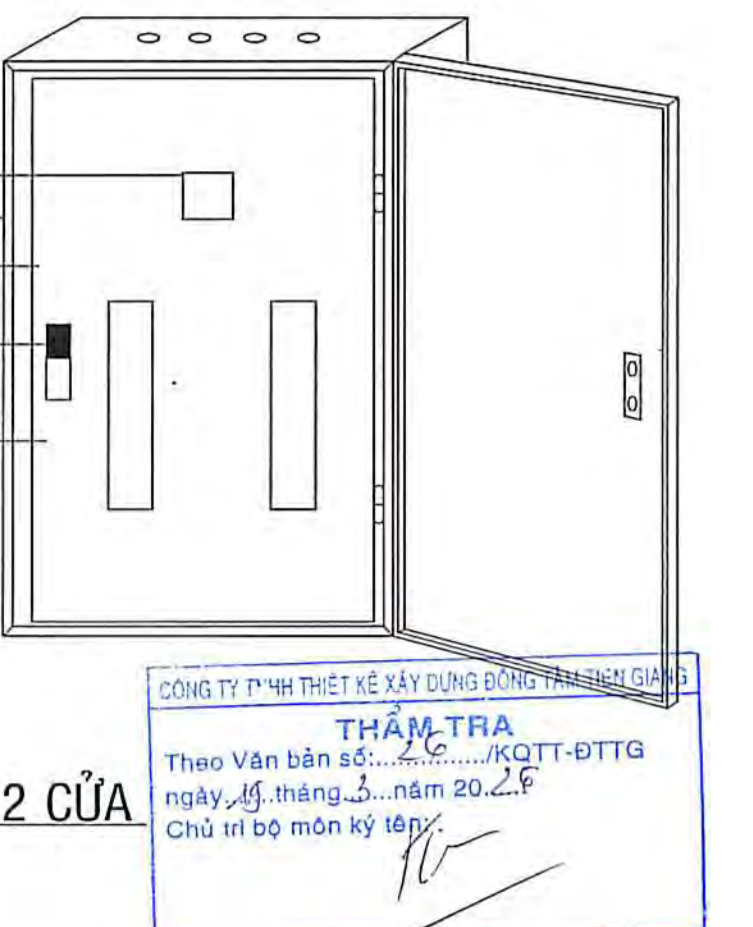
KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS (XÂY MỚI)

BẢNG THỐNG KÊ

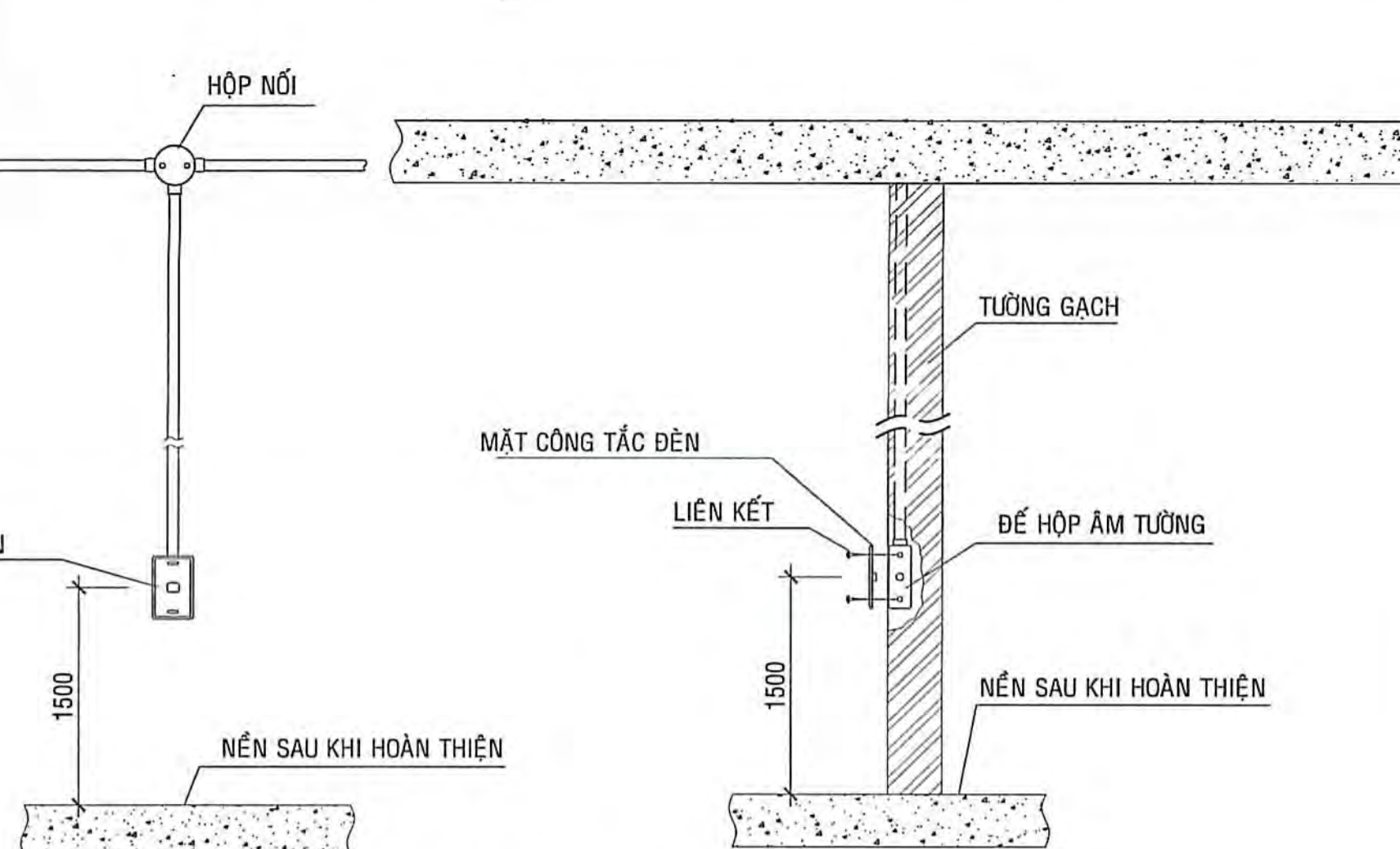
TT	KÍ HIỆU	TÊN VÀ VẬT LIỆU	Đ.V	S. LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỊ TRƯỜNG
51	ỚNG NHỰA D16	MÉT	2630	ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐẶT NỬA D16	
52	ỚNG NHỰA D20	MÉT	180	ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐẶT CHỖM D20	
53	ỚNG NHỰA D25	MÉT	470	ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐẶT NỬA D25	
54	ỚNG NHỰA D32	MÉT	20	ỚNG TRẮNG CỨNG CHỐNG CHÁY ĐẶT CHỖM D32	
55	CỌC CHỐNG SÉT	CÁI	02	CỌC THIẾT MÀ ĐỒNG M16X2400	
56	TỦ KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẶT	CÁI	02	TỦ KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẶT KT: 200X300X150 (TOLÉ DÂY 1.2 LY, SƠN TÍNH ĐIỆN)	
57	MỖI HẠN CADWELD	MỖI	06	MỖI HẠN CADWELD	
58	CÁP ĐỒNG TRẦN C25	MÉT	40	CÁP ĐỒNG TRẦN C25	
59	HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	120	HỘP ĐẦU DÂY	
60	ĐẦU COSSE CÁC LOẠI	CÁI	210	ĐẦU COSSE CÁC LOẠI	
61	TẮC KẾ NHỰA	BIT	70	TẮC KẾ NHỰA	
62	BẢNG KEO ĐIỆN	CUỘN	40	BẢNG KEO ĐIỆN	
63	PHỤ KIỆN			PHỤ KIỆN	



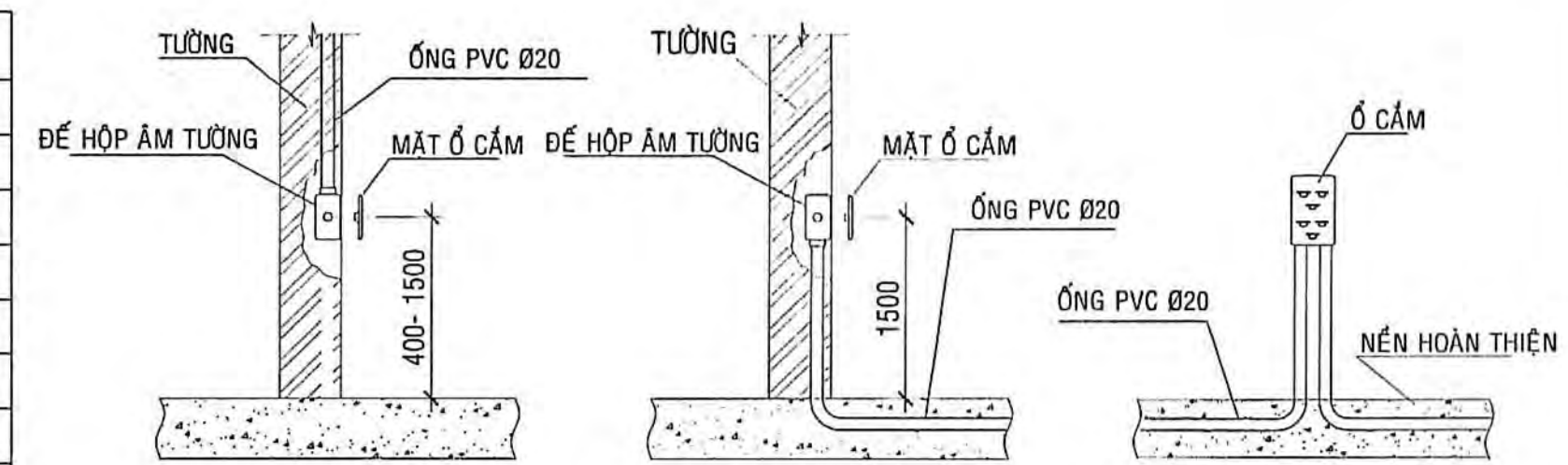
KẾT CẤU TỦ ĐIỆN 2 CỬA



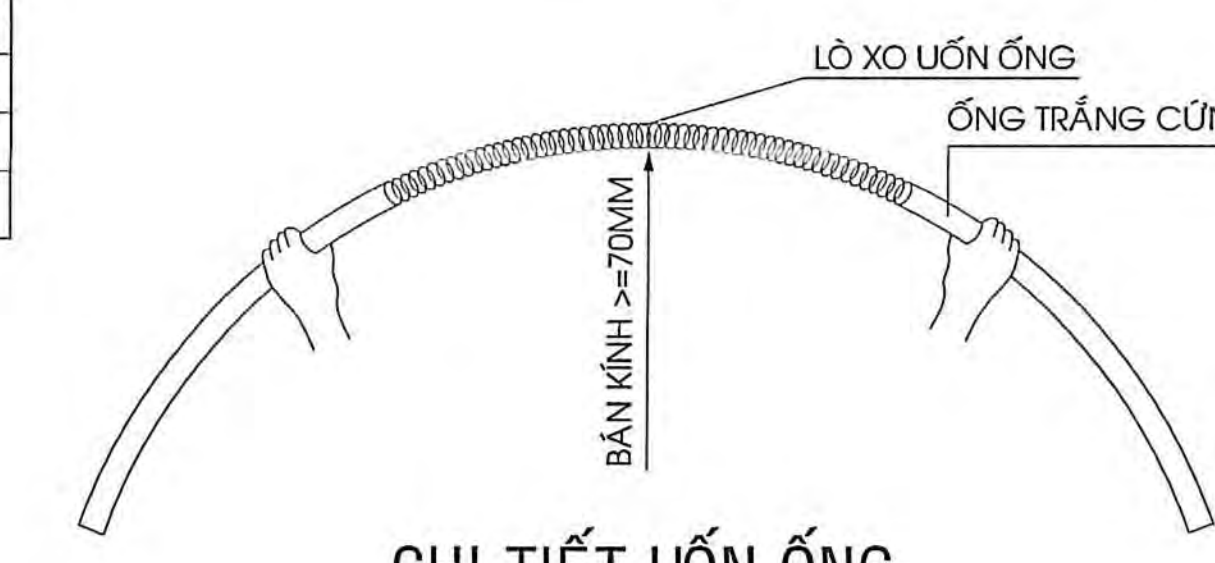
.MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 2 1/100.



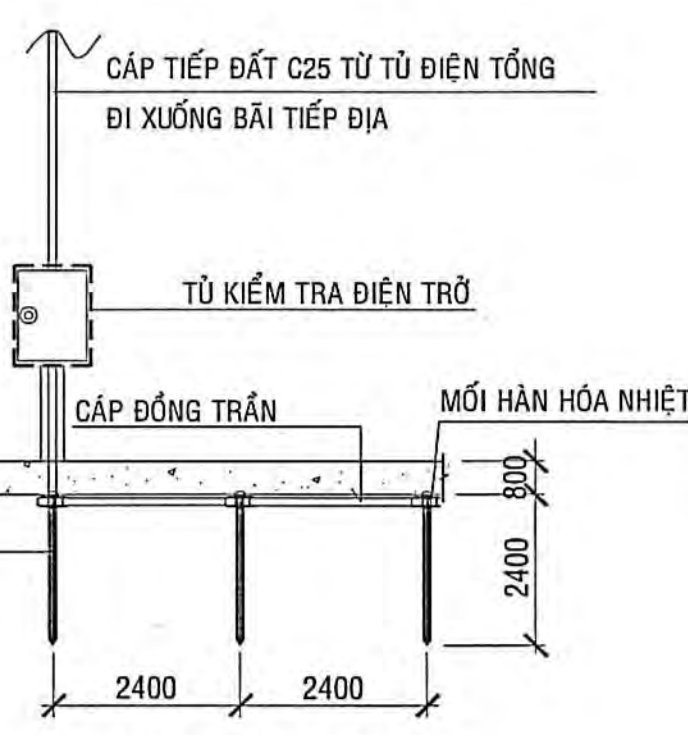
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CÔNG TẮC ĐÈN ĐIỆN HÌNH



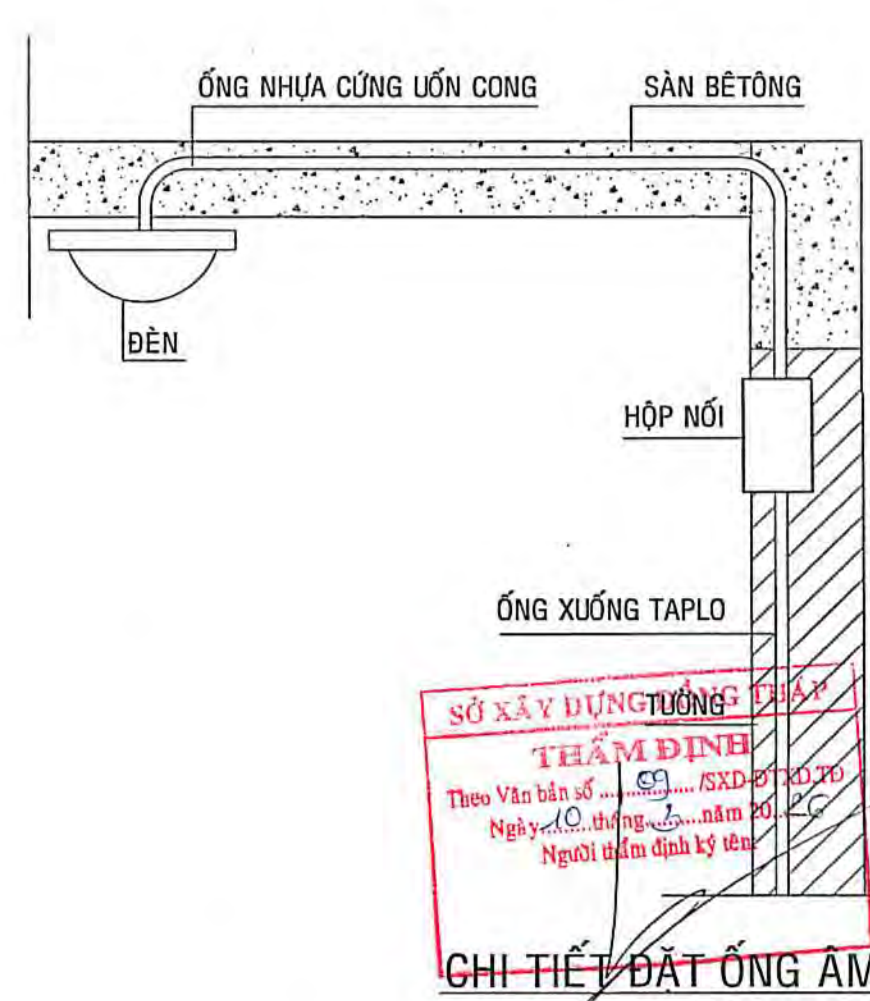
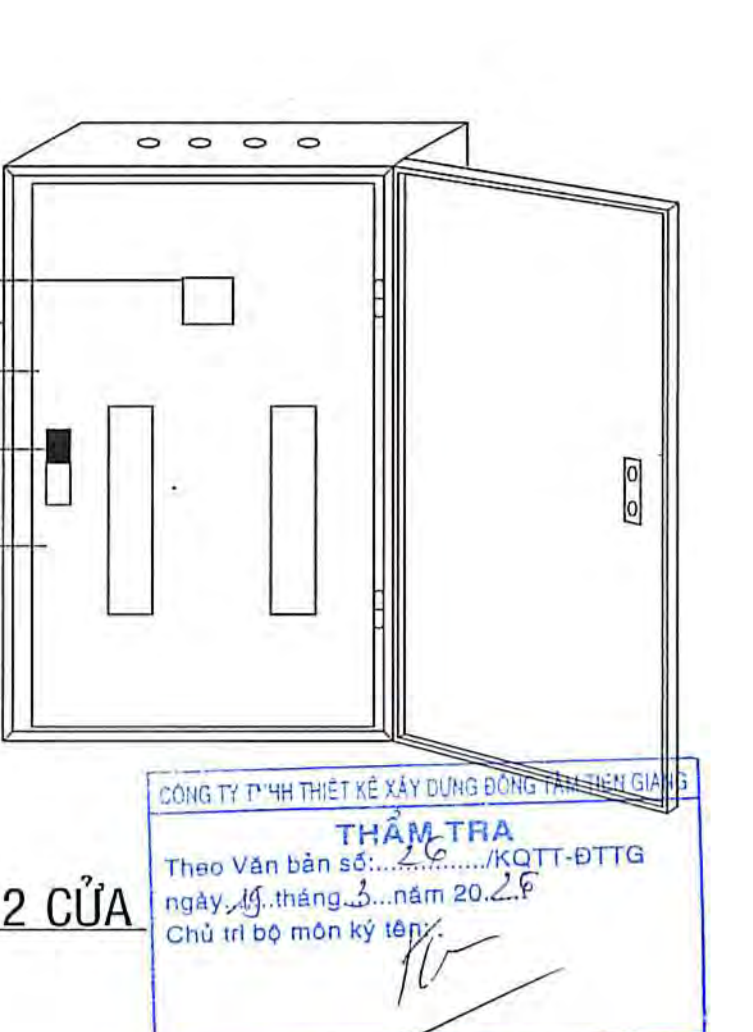
CHI TIẾT LẮP ĐẶT Ớ CẤM ĐIỆN HÌNH



CHI TIẾT UỐN ỚNG



CHI TIẾT BÀI TIẾP ĐỊA



CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

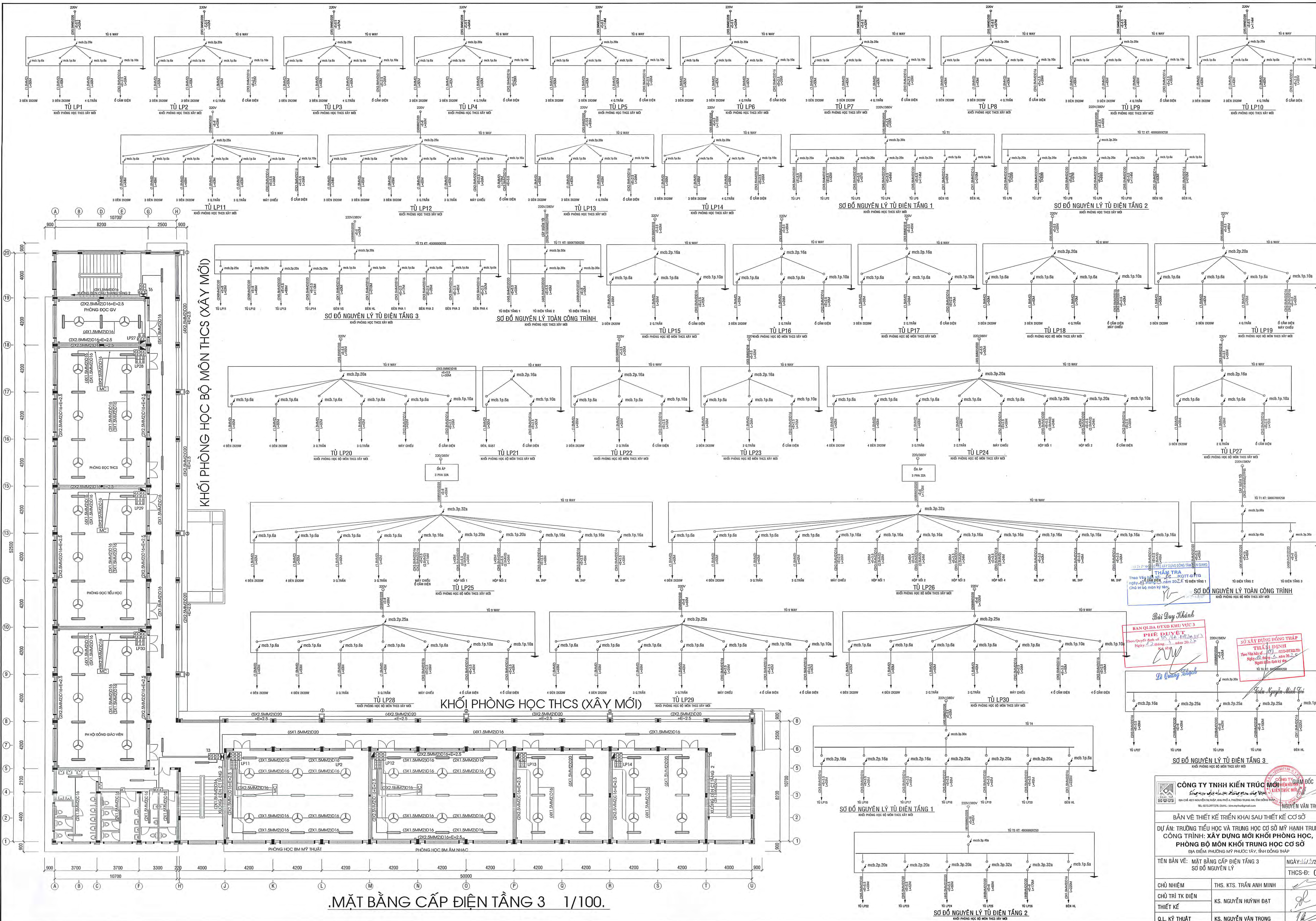
CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM

CHI TIẾT ĐẶT ỚNG ẦM



THÀNH TỰU
Thợ xây dựng
Ngày 22 tháng 1 năm 2024

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 1
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 2
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 3
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

Bản Duyệt
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
Ngày 22 tháng 1 năm 2024

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 1
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 2
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỌA ĐỘ TẦNG 3
KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS XÂY MỚI

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI
Số 123 Đường 1, Phường 1, Quận 1, TP. HCM
TEL: 0272.207.7272, EMAIL: info@nienphong.com

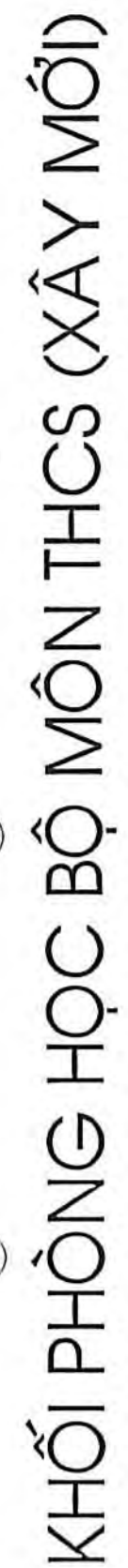
NGUYỄN VĂN TRỌNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI KHỐI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

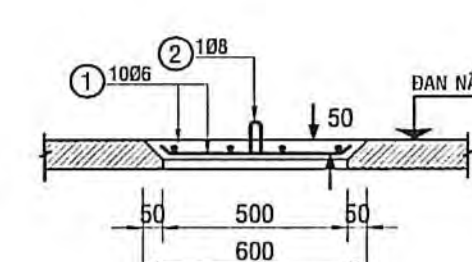
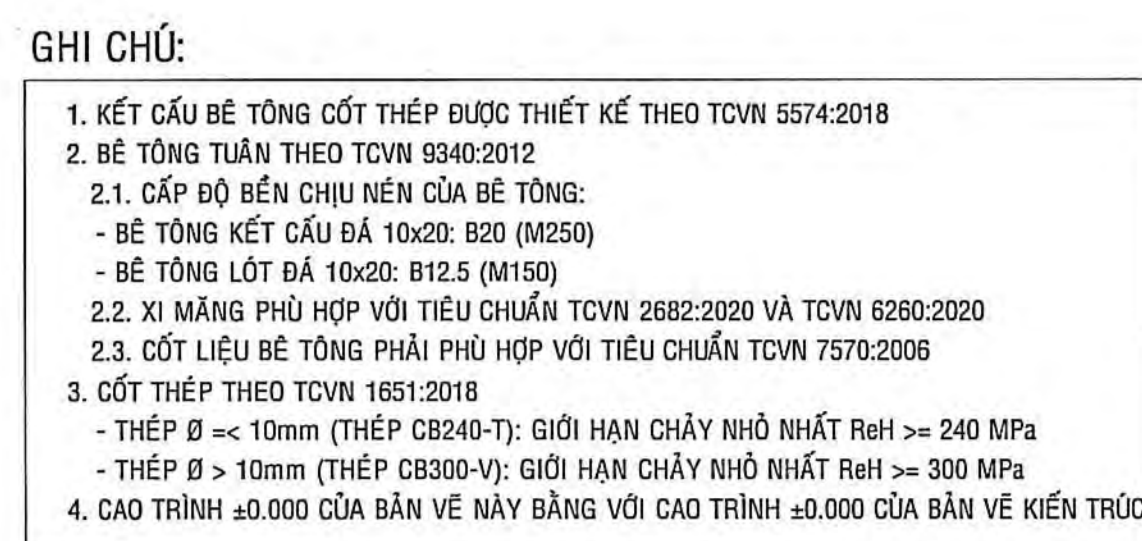
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TẦNG 3
SỐ ĐỒ NGUYÊN LÝ

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN: KS. NGUYỄN HUỖNH ĐẠT
THIẾT KẾ: Q.L. KỸ THUẬT

NGÀY: 22/01/2024
THCS-D: 02



	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MCT KHOA KỸ THUẬT THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Số 10 Nguyễn Văn Trung, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 091.297.2972 - 0944.1166 - Email: info@ktsmct.com	CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI THỰC HIỆN NGUYỄN VĂN TRONG <i>(Chữ ký)</i>
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CẤP 2 MỸ HẠNH TRUNG CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỚI MÔN PHÒNG HỌC, PHÒNG BỒ MÓN KINH LƯU HỌC CẤP 2 ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH DỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TẦNG 1 MẶT BẰNG TẦNG 2		NGÀY: <i>16/12/2026</i> THCS-TH: 01
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TK ĐIỆN	K.S. NGUYỄN HUYNH DAT	
THIẾT KẾ		
Q.L. KI THUẬT	K.S. NGUYỄN VĂN TRONG	



- NƯỚC THẢI SINH HOẠT NHƯ: XÍ, TIỂU THU GOM VÀO HẦM TỰ HOẠI XỬ LÝ CỤC BỘ TRƯỚC KHI RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG

- CAO TRÌNH ± 0.000 CỦA BÀN VÈ NÀY BẰNG VỚI CAO TRÌNH ± 0.000 CỦA BÀN VÈ KIẾN TRÚC
- BÊ TÔNG ĐÁ XANH 10x20 CÓ CẤP ĐỘ BỀN B20 (THEO TCVN 5574:2016 TƯƠNG ĐƯƠNG MẠC 250), XI MĂNG PCB40
- CỐT THÉP CỐT:
 Q10: 1 GIỚI HẠN CHẤY TRÊN NHẤT RH_h $\geq$ 240 MPa, THÉP TRƠN LOẠI CB240-2 (THEO TCVN 1051:1-2008)
 Q10: 1 GIỚI HẠN CHẤY TRÊN NHẤT RH_h $\geq$ 300 MPa, THÉP TRƠN LOẠI CB300-2 (THEO TCVN 1051:2-2008)

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CHIẾN	SỐ HƯỚNG	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	DIỆNÍCH HƯỚNG (mm)	CHIỀU DÀI 1 THẠNH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 KIỆN / 1 BỐ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
Chiến 1	1		550	650	10	19,5	4,33
Chiến 2	1		1000	1100	3	2,850	0,82
Chiến 3	2		1000	750	10	17,5	2,29
				734,2	1	0,7342	0,20

- Trọng lượng thép có đường kính $\phi 6 = 4,33$ kg; Chiều dài = 19,5 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\phi 8 = 4,07$ kg; Chiều dài = 10,32 mét

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 4.33 \text{ kg}$; Chiều dài = 19.5 mét

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 4.07 \text{ kg}$; Chiều dài = 10.32 mét

BẢNG THỐNG KẾ CỐT THIẾT								
TÊN CỤM	CỔNG SỐ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	SƯỜNG CHÈO (mm)	CHUỘN 1 TẦNG (mm)	SỐ LƯỚI 1 CỤM X 7 BÓ	TỔNG CHUỘN (m)	TỔNG TIỀN (VNĐ)	
CÁI LẬP	1	L8000	10	15100	2	30,2	18,62	
	2	Đ ₁ -L800-Đ ₂	8	250	98	98	24,5	5,44
	1	L2100	6	220	8	4	9,08	5,58
	2	Đ ₁ -L210-Đ ₂	6	150	12	24	3,6	0,89
	1	L2100	6	220	8	4	9,08	5,58
	2	Đ ₁ -L210-Đ ₂	6	150	12	24	3,6	0,89

- Trọng lượng thép có đường kính φ6 = 6,24 kg; Chiều dài ≈ 28,1 m

- Trọng lượng thép có đường kính φ8 = 3,58 kg; Chiều dài ≈ 9,08 m

- Trọng lượng thép có đường kính φ10 = 18,62 kg; Chiều dài ≈ 30,2 m

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 6.24 \text{ kg}$; Chiều dài = 28.1 mét

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 3.58$ kg; Chiều dài = 9.08 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 18.62$ kg; Chiều dài = 30.2 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP							
TÊN CỘT	BỘ LƯỚI	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TẢI (kg)
				1 CỘT	1 BỐ LƯỚI		
DANH MỤC SỐ 1	1	2100	10	2100	35	73,5	43,35
	2	5150	10	5150	15	80,25	46,34
	1	2150	10	2150	26	55,9	34,46
	2	5150	10	5150	12	61,8	38,16
	3	850	10	850	18	15,3	9,43
	4	500	10	500	3	1,5	0,92
	5	650	10	650	3	1,95	1,20
	6	1300	10	1300	3	3,9	2,29
	7	1050	10	1050			
	8	4500	12	4500			
	9	1500	12	1500			

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 183.12\text{kg}$; Chiều dài = 273.2

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 15.98 \text{ kg}$; Chiều dài = 18 m

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG BÔNG TÂM THIÊN ANH

THẨM TRA

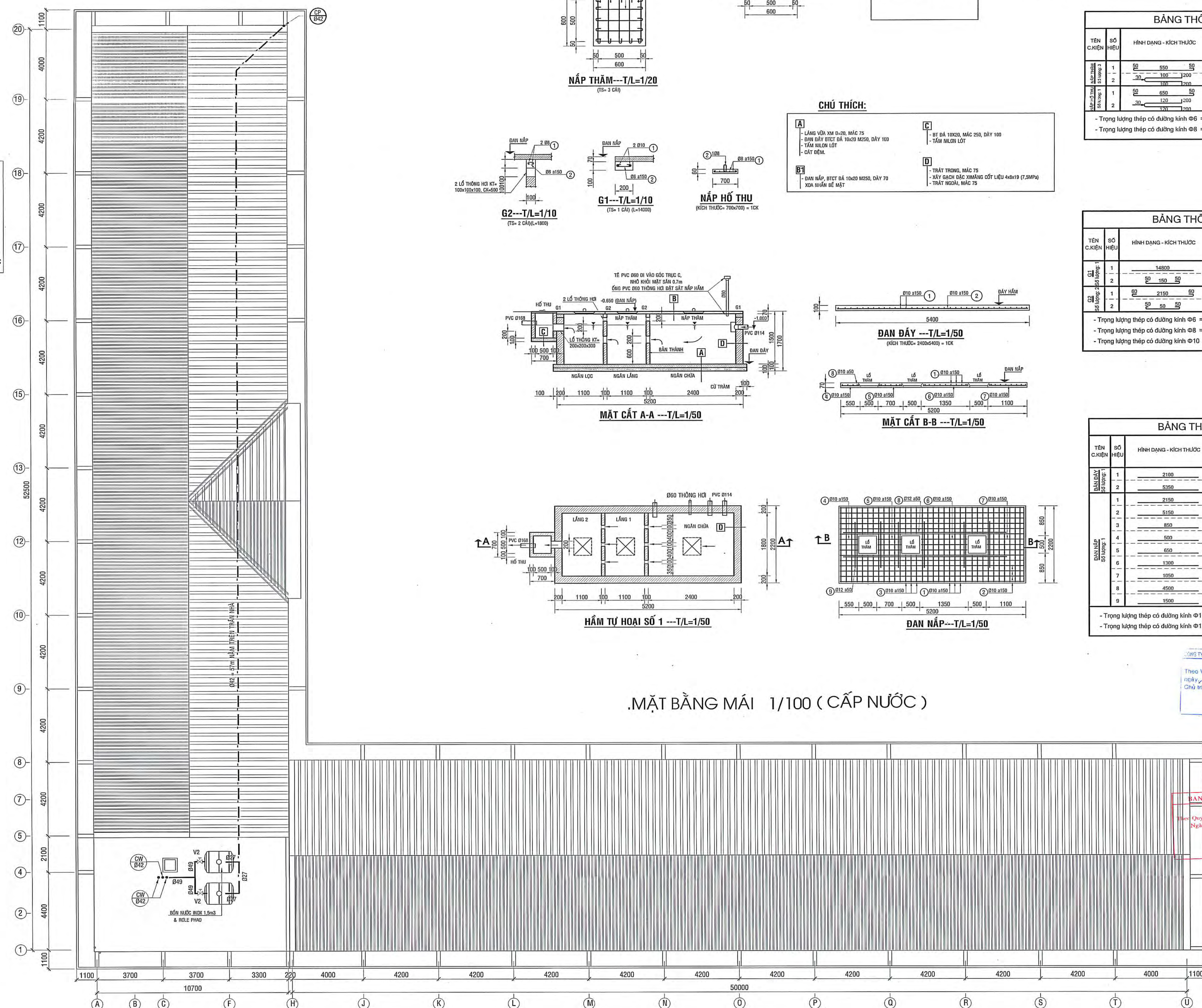
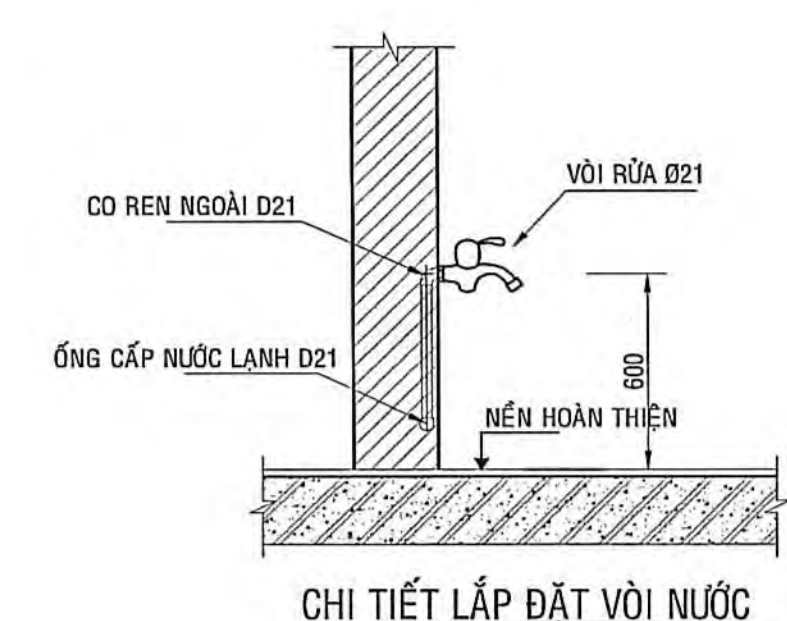
Theo Văn bản số: 3 /KT-TĐ-BTTG

ngày: 11 tháng 01 năm 2026

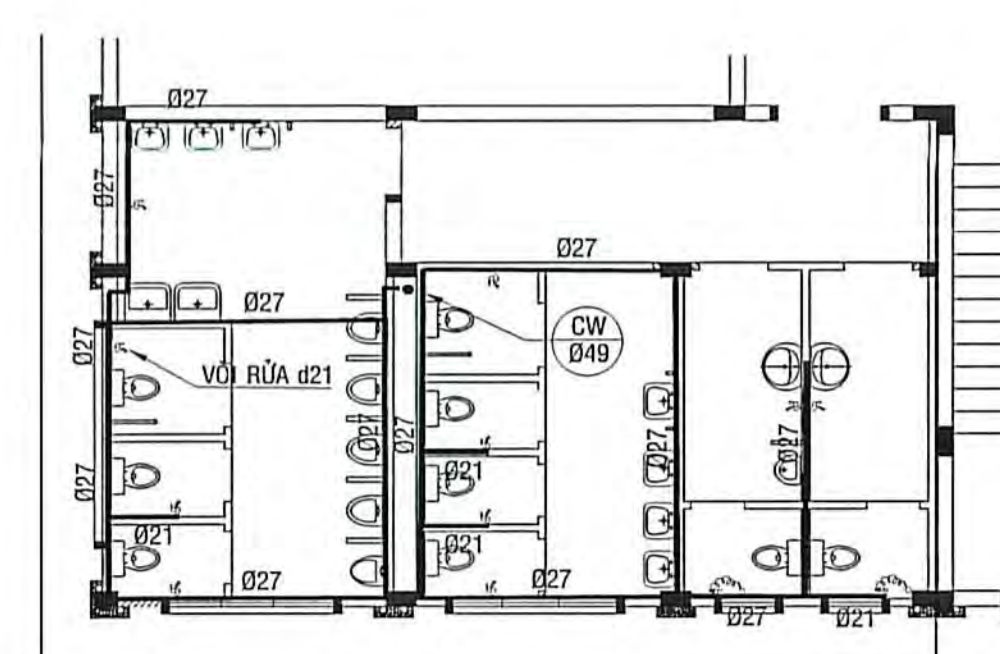
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

Trần Nguyễn Minh Tiến

Nguyễn Trường Phong



.MẶT BẰNG MÁI 1/100 (CẤP NƯỚC)



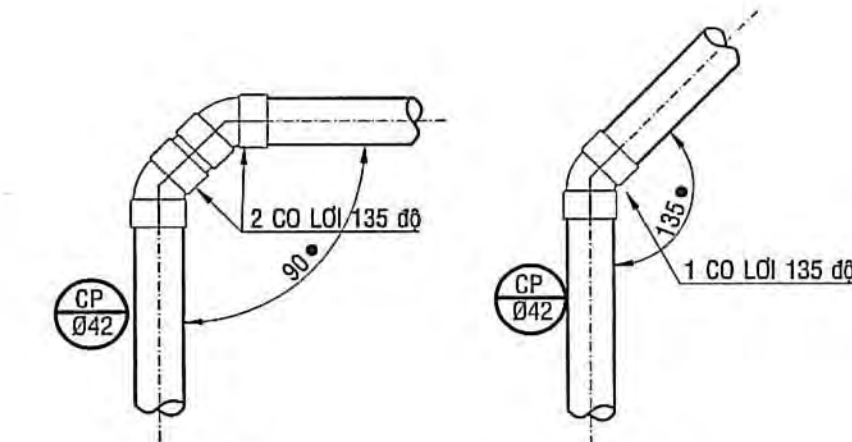
MẶT BẰNG TẦNG 2, 3 1/100
(CẤP NƯỚC)

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM <i>Thiết kế và thi công các công trình kiến trúc và môi trường</i> 194 C/Đ Nguyễn Văn Trỗi, Phường 4, Quận Tân Phú, TP. HCM TEL: 0937.272723 EMAIL: ktmtvn@gmail.com	CÔNG TY GIÁM ĐỐC KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG
NGUYỄN VĂN TRỖI		
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG KHỐI KHÔI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỒ DƯỠNG KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG TẦNG 1 (CẤP NƯỚC) MẶT BẰNG TẦNG 2, 3 (CẤP NƯỚC) HẸM TỶ HOẠ 1/50	NGÀY 16/02/2022 THCS-N: 01
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TK NƯỚC	KS. PHAN VĂN ĐÀU	
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN DUY THANH	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	

STT	TÊN VẬT TỰ	KÝ HIỆU
1	BÀN CẦU CAO (NGƯỜI LỚN) + VỚI XIT VỆ SINH	
2	BỒN THỂ THO	
3	CHẬU RỬA LAVABO	
4	VỒI RỬA NIỀN	
5	TẮM HOA SEN + VỒI RỬA	
6	PHIẾU THU NHẬP SÀN	

STT	TÊN VẬT TƯ THEO ĐỊNH MỨC	TÊN VẬT TƯ THEO THIẾT KẾ (TỰ THUỘNG)
1	ỐNG PVC Ø20	ỐNG PVC-U Ø21
2	ỐNG PVC Ø25	ỐNG PVC-U Ø27
3	ỐNG PVC Ø32	ỐNG PVC-U Ø34
4	ỐNG PVC Ø40	ỐNG PVC-U Ø42
5	ỐNG PVC Ø50	ỐNG PVC-U Ø49
6	ỐNG PVC Ø63	ỐNG PVC-U Ø60
7	ỐNG PVC Ø89	ỐNG PVC-U Ø90
8	ỐNG PVC Ø100	ỐNG PVC-U Ø114
9	ỐNG PVC Ø150	ỐNG PVC-U Ø168
10	ỐNG HDPE 2 LỚP Ø300	ỐNG HDPE 2 VÁCH Ø300
11	ỐNG HDPE 2 LỚP Ø400	ỐNG HDPE 2 VÁCH Ø400

GHI CHÚ: CÁC PHỤ KIỆN KÈM THEO NHÚT: CỎ, CỎT, T, VẠNH, KÍNH... ĐỀU QI ĐỐI THEO BẢNG NÀY



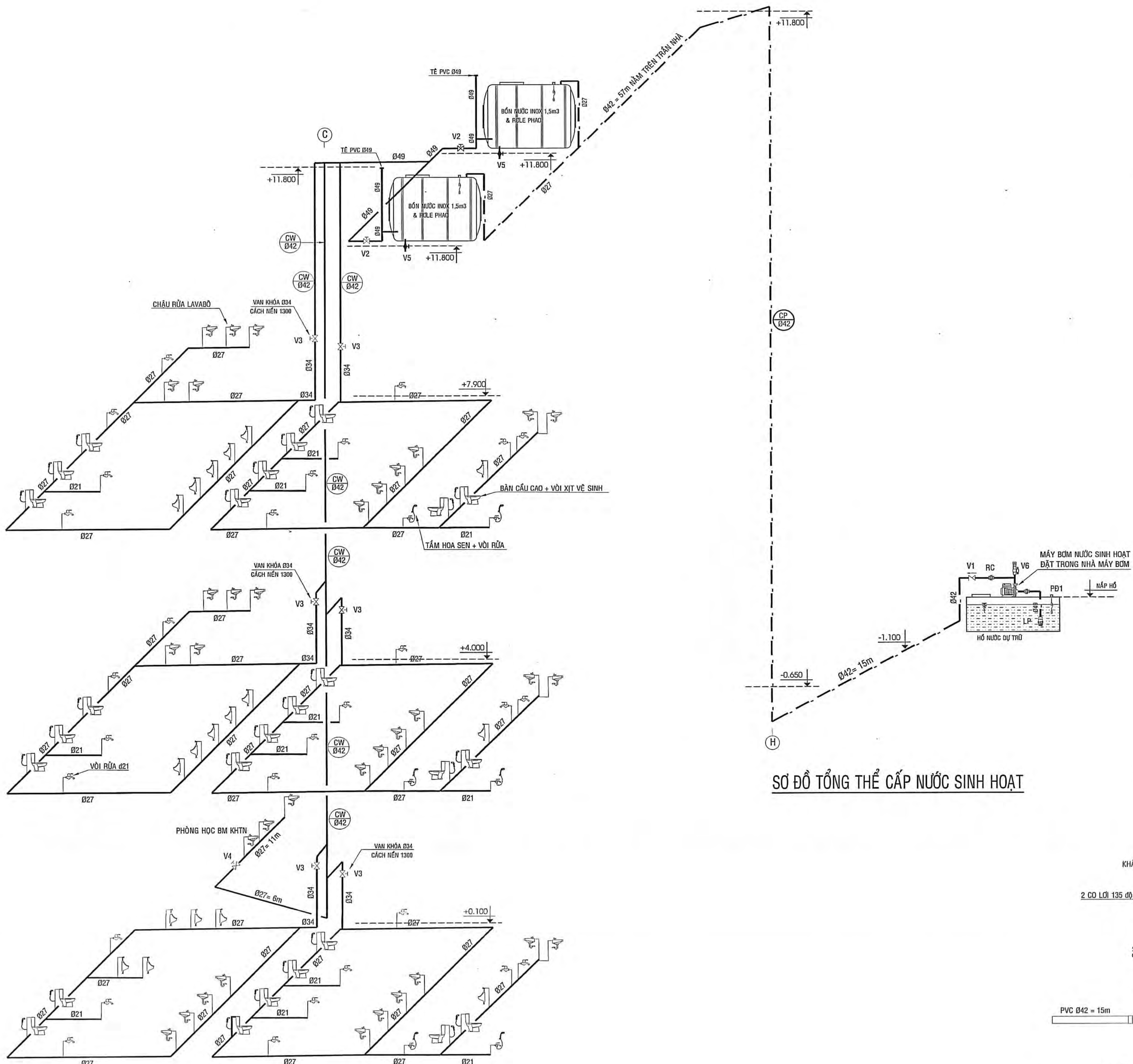
CHI TIẾT LẮP ỐNG, CỎ LƠI, BƠM NƯỚC LÊN BỒN INOX

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	XUẤT SÚ	BẮC ĐIỂM KỸ THUẬT TƯƠNG ĐƯƠNG
1	ỐNG PVC-U Ø21	M	130	VNLD	ÁP SUẤT= 12 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø27	M	160	VNLD	ÁP SUẤT= 12 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø34	M	65	(n)	ÁP SUẤT= 12 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø42	M	22	(n)	ÁP SUẤT= 9 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø42 (BƠM NƯỚC)	M	90	(n)	ÁP SUẤT= 9 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø49	M	12	(n)	ÁP SUẤT= 9 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø60	M	55	(n)	ÁP SUẤT= 6 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø75 (THỎ NƯỚC MÙI)	M	1638	(n)	ÁP SUẤT= 4 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø90	M	90	(n)	ÁP SUẤT= 3 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø114	M	45	(n)	ÁP SUẤT= 3 BAR, NHỰA XÂM
	ỐNG PVC-U Ø168	M	4	(n)	ÁP SUẤT= 3 BAR, NHỰA XÂM
2	CỎ PVC Ø21 (9000-13500)	CÁI	210	(n)	NHỰA XÂM LOẠI DÂY
	CỎ PVC Ø27 (9000-13500)	CÁI	70	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø34 (9000-13500)	CÁI	65	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø42 (9000-13500)	CÁI	14	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø49 (9000-13500)	CÁI	8	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø60 (9000-13500)	CÁI	25	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø75 (9000-13500)	CÁI	110	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø90 (9000-13500)	CÁI	30	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø114 (9000-13500)	CÁI	50	(n)	(n)
	CỎ PVC Ø168 (9000)	CÁI	2	(n)	(n)
3	TẾ PVC Ø27	CÁI	130	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø34	CÁI	10	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø49	CÁI	6	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø60	CÁI	20	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø75	CÁI	40	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø90	CÁI	70	(n)	(n)
	TẾ PVC Ø114	CÁI	40	(n)	(n)
	KHOẢNG TRẠNG (NGOÀI) RÊNH ĐỒNG PVC Ø34	CÁI	16	(n)	(n)
5	KHOẢNG TRẠNG (NGOÀI) RÊNH ĐỒNG PVC Ø42	CÁI	6	(n)	(n)
6	KHOẢNG RÚT PVC Ø27x Ø21	CÁI	110	(n)	(n)
7	KHOẢNG RÚT PVC Ø34x Ø27	CÁI	13	(n)	(n)
8	KHOẢNG RÚT PVC Ø49x Ø42	CÁI	6	(n)	(n)
9	KHOẢNG RÚT PVC Ø50x Ø50 = PVC Ø50x Ø50	CÁI	40 : 18	(n)	(n)
10	KHOẢNG RÚT PVC Ø50x Ø54 = PVC Ø114x Ø75	CÁI	36 : 3	(n)	(n)
11	CỎ KHOẢNG TRẠNG (NGOÀI) PVC Ø21	CÁI	110	(n)	(n)
12	KHOẢNG RÚT PVC Ø114 x Ø75	CÁI	3	(n)	Lưu ý: vận hành
13	MỐC NHỰA CÀNG LOẠI	CÁI	700	(n)	NHỰA XÂM LOẠI DÂY
14	BÀN CẦU CAO	25	(n)		Bàn để máy bơm, lắp đặt 2 máng, tương đương Thùng Thanh
15	VAN GỖ CỨNG SINH	CÁI	26	(n)	Cổ xoay 300 độ , tương đương HAX
16	VAN GỖ CỨNG (ĐỂ XÍ VÀI XÓT)	CÁI	25	(n)	tương tự loại nước thải gồm áp cơ hoạt tại 2 đầu máy đẩy cỡ từ 2 inch , tương đương BKX
18	BỔN THIẾT TRƯỞNG (NGƯỜI LỒN)	CÁI	18	(n)	Thiết bị tạo năng lực người xả và nhả, (phòng ngừa biến động truyền tải bùn) tương đương Thùng Thanh
19	NÚT AN TIÊU XUẤT TỬ ĐỘNG NGẮT + XI PHÒNG	CÁI	18	(n)	Hệ thống báo cháy MPP - 0.20 MPa, có thể nhận tín hiệu thoát nước và chống bó, tương đương HAX

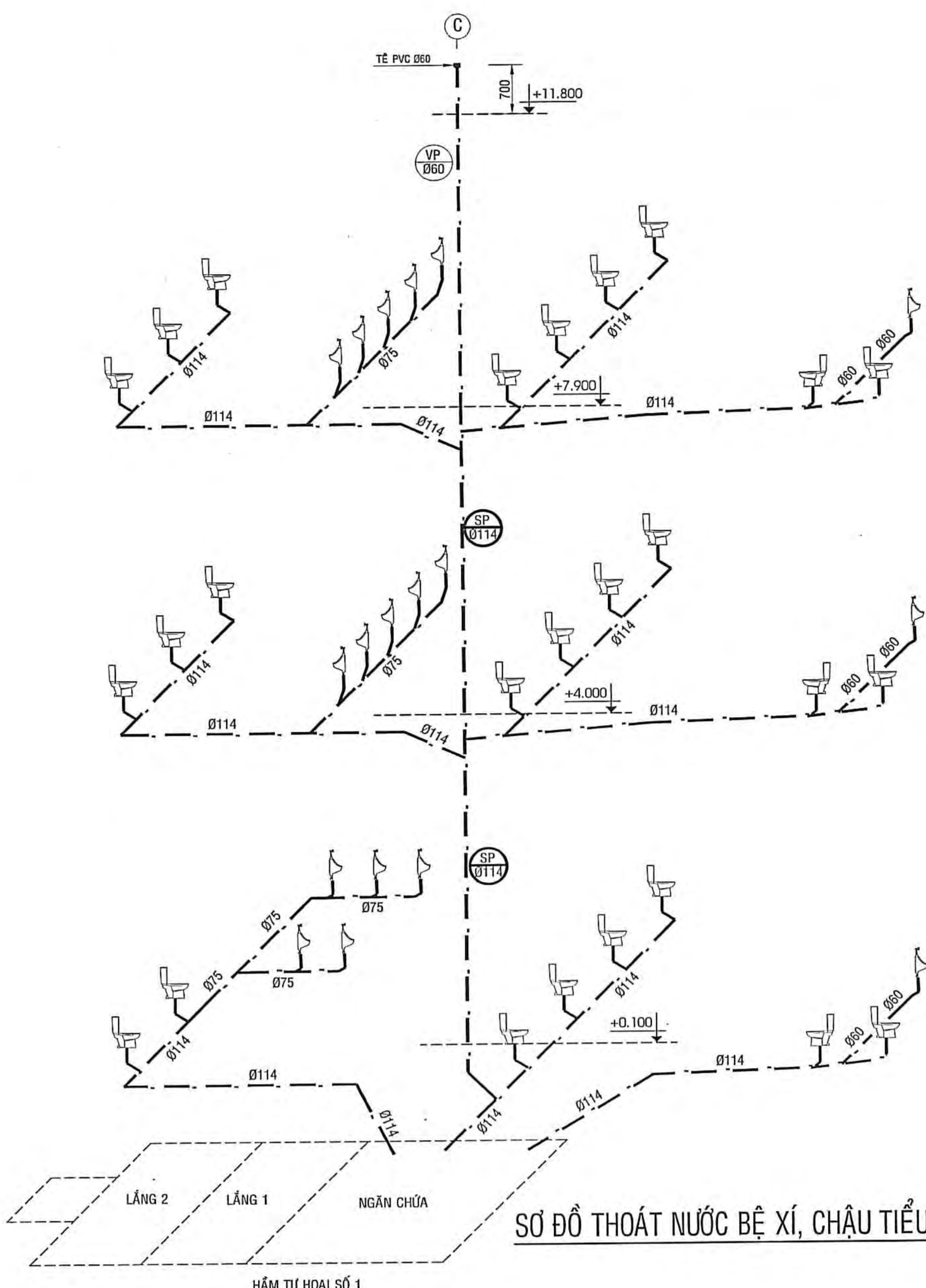
[illegible]

CẤP TRƯỞNG 0,550 TƯỜNG ĐƯỜNG MẶT SÀN HÒAN THIỆN, (THO BẮN VỀ KIẾN TRÚC)
14- NHÓM CẤP THOÁT NƯỚC 1 POCO THẾ VỀ THEO THỦY CHẾ:
 • TOWN 4513-1988 "THOÁT NƯỚC BÊN TRONG NHÀ"
 • TOWN 4474-1987 "THOÁT NƯỚC BÊN TRONG NHÀ"
 • LẬP DẤT THIẾT BỊ VỀ SINH THỰC QUỐC ĐỊNH QĐNĐ-80BĐT, NGÀY 01-3-2001,
 • QCVN 14-2008:2017 "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MỨC THOÁT SINH HOẠT"
 • QCVN 6: 2022:2020 "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHẤT NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH"
 • SỬA ĐỔI 01: TỈNH 01/2020 QĐ 0022:2020 "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHẤT NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH"
 • TOWN 3895:2023 "PHÒNG THỨC PHÒNG CHÁY VÀ CHẤM CHÁI CHƠI NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH - TRANG B, BỐ THÌ, KIỂM TRA BẢO DƯỠNG"
 • CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC ĐỊNH HỒN SINH
20- CẤP CHỈ ĐỊNH CHUNG CHO CÁC LƯU
• CẤP THOÁT NƯỚC VỀ GIỚI ÁP LỰC KHÔNG ĐƯỢC HƠN ÁP LỰC TRONG BẢNG THÔNG SỐ VẬT TƯ, CÁC CHỈ SỐ CHỈ SỐ NHỎ ĐÓNG DÂY.....TỰ THUỘC VÀO CÔNG NGHỆ TÔNG NHÀ SÀN SUẤT
• HỒ THÙNG ONG CẤP THOÁT NƯỚC CHỈN NGẪN HOÀN TOÀN TRONG NỀN NHÀ, TRONG TƯỜNG,
• ONG THOÁT NƯỚC XÂM NGANG TRONG TRẦN NHÀ 1 KÈN HƠN 1 TỶ THUỐC CHỈ SỐ 2% VỀ PHÍA THOÁT NƯỚC,
LÔNG MÀNG SẾ HỒ TỶ 2% VỀ PHÍA LƯU THỦY
• ONG VÀ PHỤ KIỆN NHỎ CẤP, TẾ, VAN.....SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ SÀN SUẤT
• TẠY CẤP HỒ NƯỚC DƯỚI 2 CỘ LƯU 135 ĐỘ, TẾ CHỖ Y LƯU 135 ĐỘ, HỒNG ĐỔ VỀ PHÍA THOÁT NƯỚC
TRƯỚC HỒ THÌ CÔNG CẤP THOÁT NƯỚC BỊ SINH NẾM BỊ, LAVABO, MỒM BƠM NƯỚC.....NHÀ CUNG CẤP THIẾT BỊ BỒ SUNG CATOR HỒNG DẪN CHỈ TẾ LẬP BẮT
THIẾT BỊ ĐIỆN NHỎ DẪN DÂY, CÁP.....DÙNG CHỖ HỒ ĐIỀU KHIỂN MÁY BƠM CÔNG SÀN SÀN SUẤT VỀ THOÁT NƯỚC
11- GIẢI PHÁP CẤP NƯỚC:
 • NGUỒN NƯỚC SINH HOẠT LƯU TỰ MANG LƯU CẤP NƯỚC SINH HOẠT KHÔNG THOÀN VÀ LẬP ĐẶT ĐỒNG HỒ MỨC THOÁT NƯỚC KINH CẤP VÀO CẤP THIẾT BỊ DÙNG NƯỚC NHỎ LAVABO, VỒ RỬA, BẾ XẾ.....
 • CẤP NƯỚC CHỌN GIẢI PHÁP HỒ NƯỚC NHỎ VÀ KẾT NỐI TRONG MẠ
 • HỒ NƯỚC DỰ THỊ DÙNG CÔNG SINH HOẠT CHUNG VỀ HỒ NƯỚC DỰ THỊ DÙNG CÔNG CHẤM CHÁY
 • ONG VÀ PHỤ KIỆN DÒNG LƯU NHỰA CẤP (CỘ, TẾ, VAN.....)SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ SÀN SUẤT
20- GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC:
 • HỀ THẾNG THOÁT NƯỚC VÀ MỘT THOÁT SINH HOẠT THOÁT NƯỚC NẾNG ĐỀ
 • HỒNG THOÁT NƯỚC TRONG NHÀ NẾN TRƯỜNG THẾ TUYÊN CÔNG ĐỒ DẠO RA CÓN NHẠY PHẠU SÀN TRƯỞNG, VÀ GỖ NGUYÊN HỀN TRẮNG CÔNG THOÁT NƯỚC Đ220 HỀN THOÀN
 • TÔNG BỎ NAO VỆ BÀN TRONG RÀNH, CÔNG THOÁT NƯỚC NHỎ HỀN
 • GẮN KẾ VỀ THOÁT BỒ THÌ HẦM TỰ HOẠI, LƯU LỢY CỘ HỒ NƯỚC XẾ, TẾ CHỖ CHỖ CHỖ RA MANG LƯU CẤP NƯỚC CHUNG
 • NƯỚC NHÀ NẾM THÌ THỬ VỀ ONG CẤP CẤP THOÁT CẤP CHỖ HẠNG CỘT XƯỚNG HỒ XÁC DÒNG DÒNG NẾM
 • TÔNG BỒ HỀN THOÁT NƯỚC MƯA, MỒM VÀO HỒ CẤP VÀ CẤP RÀNH
 • TRƯỚC KẾ HỀN CÔNG CẤP THIẾT BỊ BỊ SINH NẾM BỊ, LAVABO.....NHÀ CUNG CẤP THIẾT BỊ BỒ SUNG CATOR HỒNG DẪN CHỈ TẾ LẬP BẮT
 • TRANG BỊ THẾNG CỘ LỖY THOÁT NƯỚC, TẾ CHỖ 14-2008:2017, TRƯỚC KẾ CHỖ RA MANG LƯU CẤP NƯỚC NHỎ ĐỀ NẾM
 • SÀN DÒNG CỘ ĐỒ ĐỐC VỀ CÁC HỒ VÀ HỒ NƯỚC ĐƯỢC BỒ THỒ TRÊN BẦY VỀ THOÁT NƯỚC TÔNG THẾ
12- GIẢI PHÁP CẤP:
 • NGUỒN NƯỚC CHẤY LỖY LƯU CỘ THOÁT NƯỚC ĐỒT BỚT, VỐ TÔNG, CHUNG HỒ NƯỚC SINH HOẠT

KÝ HIỆU VẬT TƯ	DIỄN GIẢI
	ỐNG DẪY CỦA MÁY BOM - ĐƯỜNG KÍNH 08
	ỐNG CẤP NƯỚC - ĐƯỜNG KÍNH 08
•	ỐNG ĐƯỜNG CẤP TỰ BẾ NGẮM LÊN MẶT - ĐƯỜNG KÍNH
•	ỐNG ĐƯỜNG CẤP NƯỚC LẠNH - ĐƯỜNG KÍNH
VI	VẠM BỔNG KHỎA 2 CHIỀU
VIC	VẠM BỔNG KHỎA 1 CHIỀU
✱ VD	VẠM PWC 034 KHỎA 2 CHIỀU, XÃ DÂY BỐN INOX
✱ VG	VẠM PWC KHỎA 2 CHIỀU, CHĂM NƯỚC LẠNH
RC : LP	RẮC CỎ THẢO LẬP ĐƯỜNG ỒNG : LÚPPE (HỐT NƯỚC)
PDI	MÁY BƠM NƯỚC SINH HOẠT : ROLE PHẠO ĐIỆN BẢO VỆ MÁY BƠM



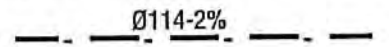
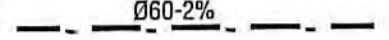
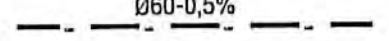
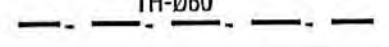
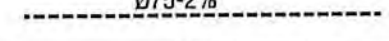
CHI TIẾT LẮP MÁY BƠM NƯỚC SINH HOẠT



SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC BÊ XÍ, CHÂU TIỂU

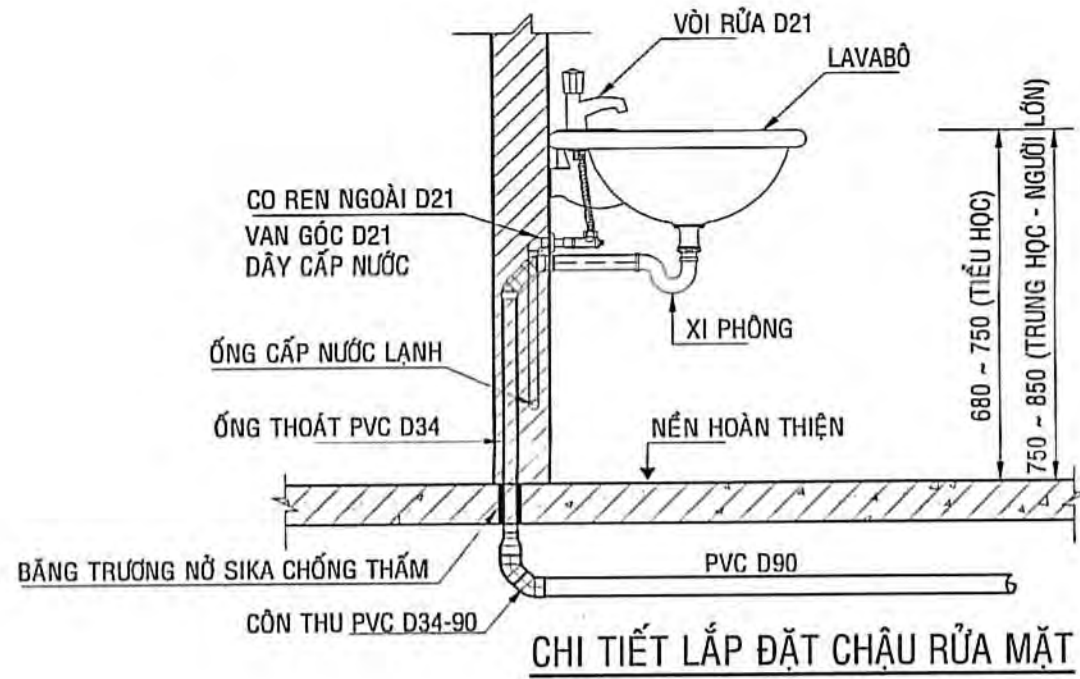
STT	TÊN VẬT TƯ THEO HẠCH MỤC CỤ THỂ	TÊN VẬT TƯ THEO HẠCH SẢN XUẤT	XUẤT SÚ	ĐẶC BIỆT KỸ THUẬT
1	01C PVC 020	01C PVC 021	VMLD	ÁP SUẤT = 12 BAR, NHỰA XÀM
2	01C PVC 025	01C PVC 027	(H)	ÁP SUẤT = 12 BAR, NHỰA XÀM
3	01C PVC 032	01C PVC 034	(H)	ÁP SUẤT = 12 BAR, NHỰA XÀM
4	01C PVC 040	01C PVC 042	(H)	ÁP SUẤT = 9 BAR, NHỰA XÀM
5	01C PVC 050	01C PVC 049	(H)	ÁP SUẤT = 9 BAR, NHỰA XÀM
6	01C PVC 060	01C PVC 062	(H)	ÁP SUẤT = 6 BAR, NHỰA XÀM
7	01C PVC 065	01C PVC 070	(H)	ÁP SUẤT = 4 BAR, NHỰA XÀM
8	01C PVC 080	01C PVC 090	(H)	ÁP SUẤT = 3 BAR, NHỰA XÀM
9	01C PVC 0100	01C PVC 0114	(H)	ÁP SUẤT = 3 BAR, NHỰA XÀM
10	01C PVC 0150	01C PVC 0168	(H)	ÁP SUẤT = 3 BAR, NHỰA XÀM

GHI CHÚ: CÁC PHỤ KIỆN KÈM THEO NHÚT CỎ, CỤT, TÊ, VAN KHÓA, LỚP... ĐỀU CÓ ĐỐI THEO BẢNG NÀY

BẢNG KÝ HIỆU THOÁT NƯỚC	
KÝ HIỆU VẬT TƯ	DIỄN GIẢI
	ỐNG THOÁT PHẢN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA - ĐỘ DỐC - CHIỀU DÀI
	ỐNG THOÁT TIỂU - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA - ĐỘ DỐC - CHIỀU DÀI
	ỐNG THOÁT NƯỚC LAVABO + PHIẾU THU - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA - ĐỘ DỐC
	ỐNG THÔNG HƠI (HẦM TỤ HOẠI + THIẾT BỊ VS) - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA
	ỐNG THOÁT NƯỚC MUA - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA - ĐỘ DỐC
• 	ỐNG THÔNG PVC+ 875 THOÁT NƯỚC MUA + CẦU CHÁNH NẮC
• 	ỐNG ĐỒNG THOÁT NƯỚC RỬA KHU WC - ĐƯỜNG KÍNH
• 	ỐNG ĐỒNG THOÁT BỒN CẦU (TIỂU KHU WC - ĐƯỜNG KÍNH
• 	ỐNG ĐỒNG THÔNG HƠI HẦM TỤ HOẠI - ĐƯỜNG KÍNH
• 	ỐNG ĐỒNG THÔNG HƠI THIẾT BỊ VS - ĐƯỜNG KÍNH
T1 	HỐ GÁ THU NƯỚC TRẢI (LOẠI T)
A4 	HỐ GÁ THU NƯỚC MUA (LOẠI A)
B2 	HỐ GÁ THU NƯỚC MUA (LOẠI B)

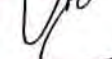
GHI CHÚ:

- ỐNG THOÁT NƯỚC NẪM NGANG TRONG TRẦN, NẸN: CỘ ĐỘ DỐC 2% VỀ PHÍA THOÁT NƯỚC;
- NẸN, SÀN VỆ SINH: CỘ ĐỘ DỐC 2% VỀ PHÍA PHỄU THU NƯỚC;

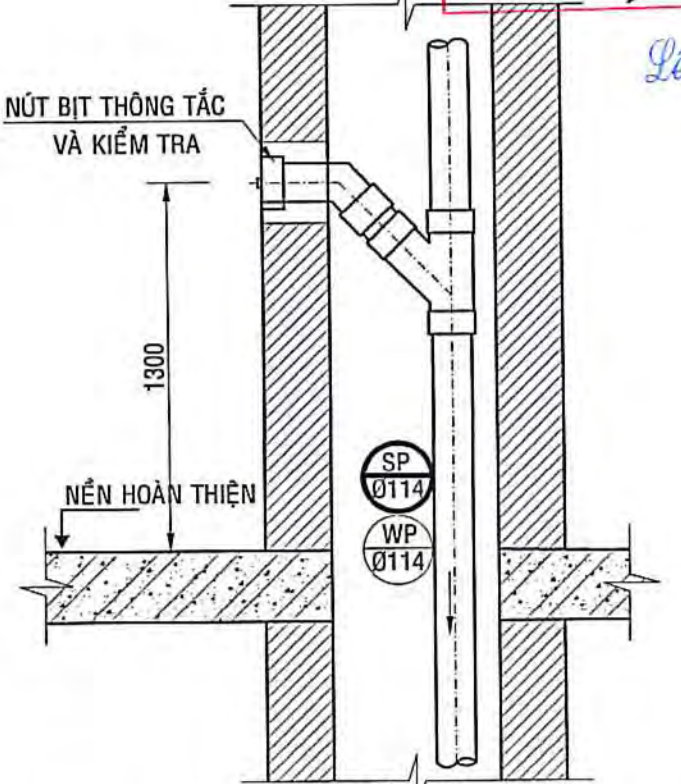


ĐƯỜNG KINH	SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP TÀI LỆNH Theo Văn bản số 09/.../SXĐ-DTĐT-TĐ Ngày 02 tháng 5 năm 2016 Người thẩm định ký: _____
ĐƯỜNG KINH	

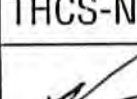
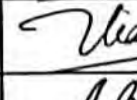
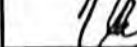
Trần Nguyễn Minh Tri

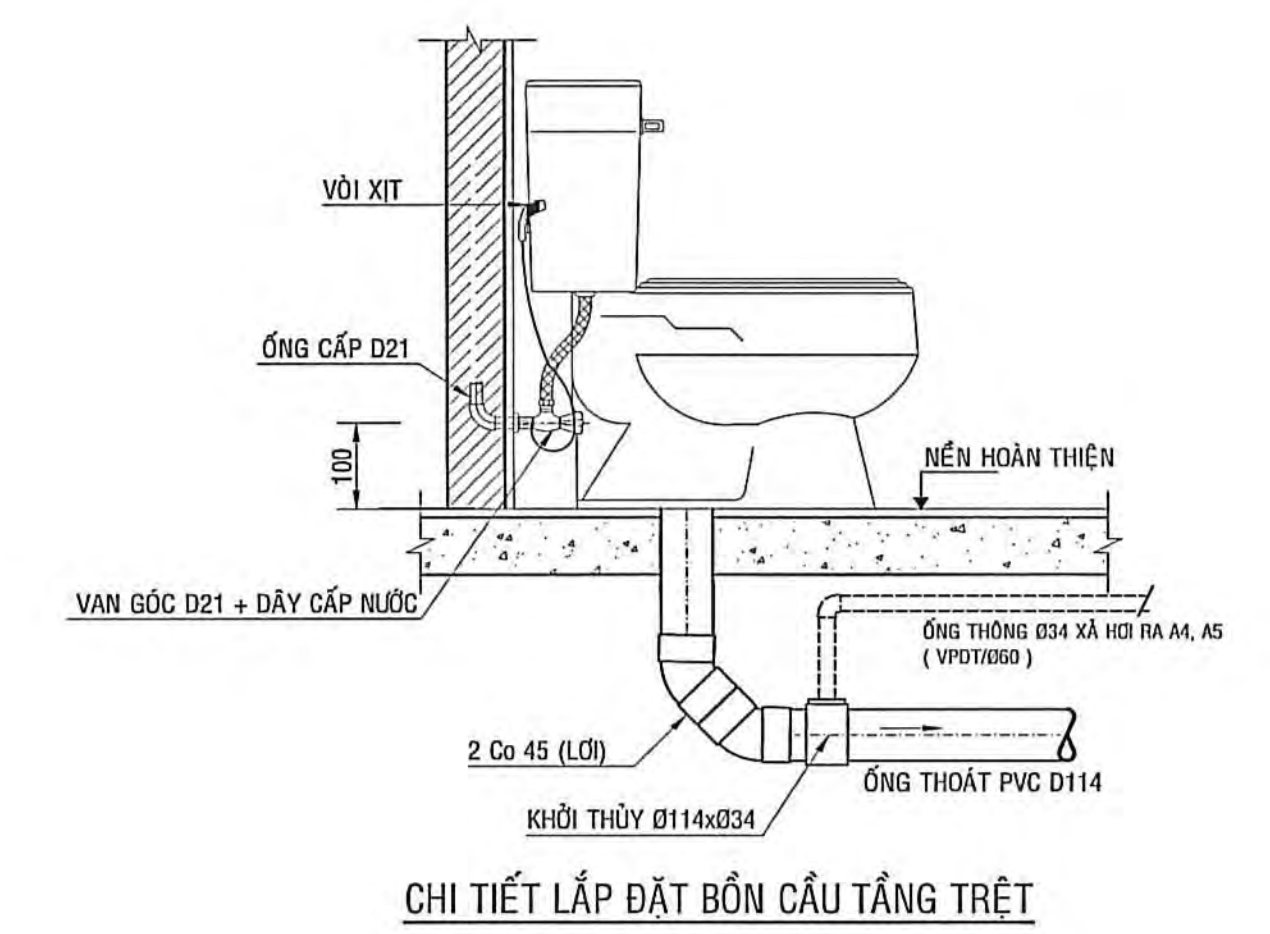
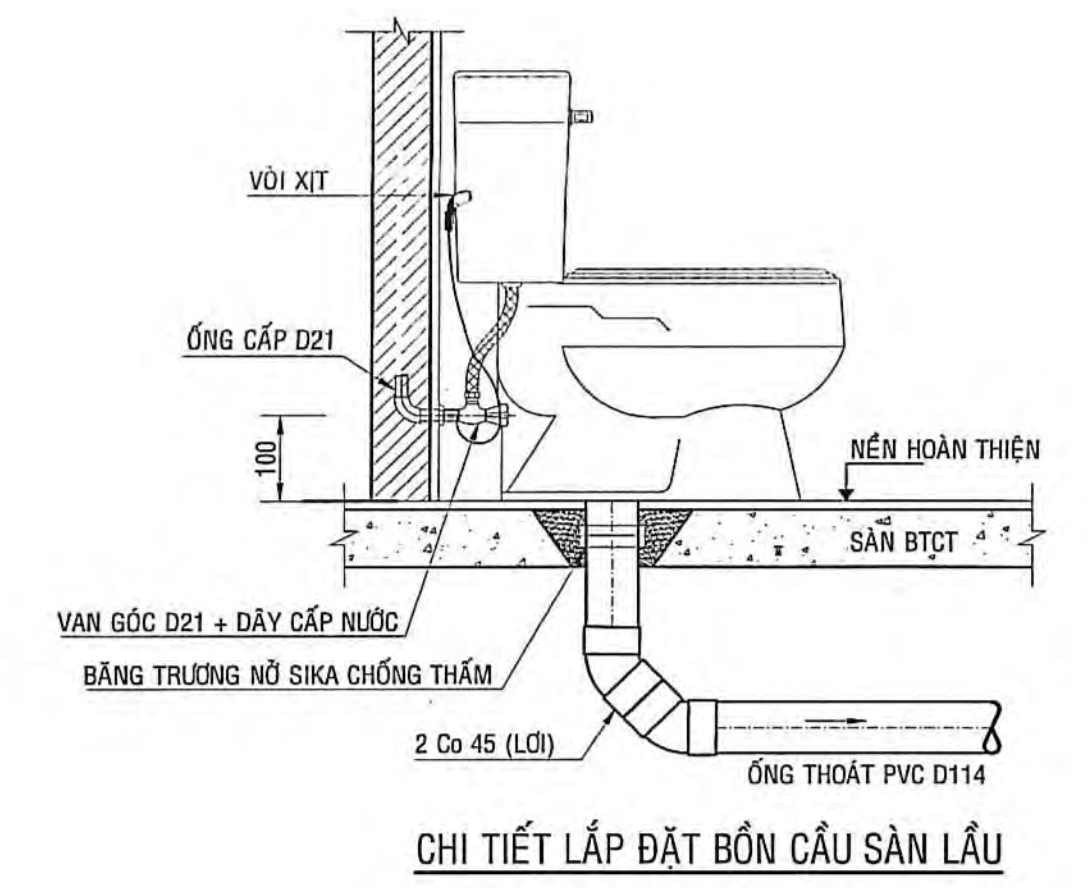
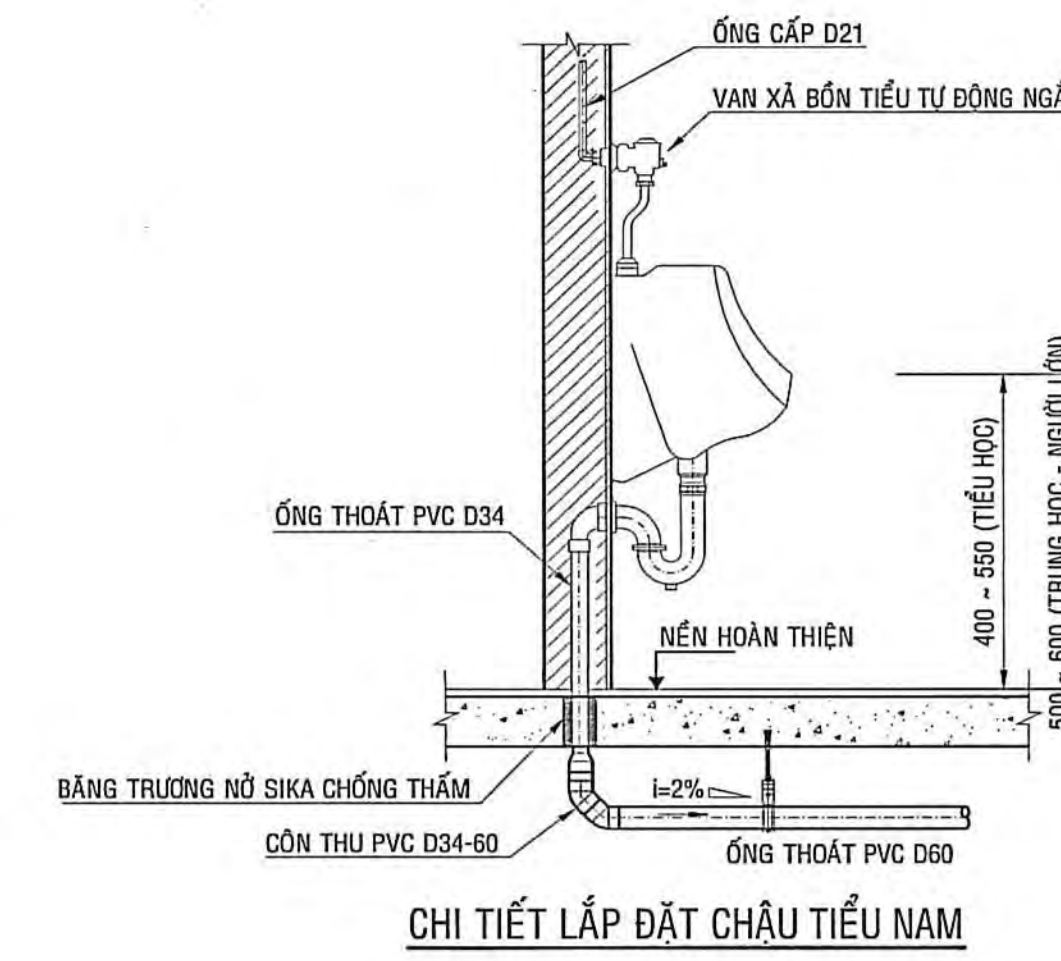
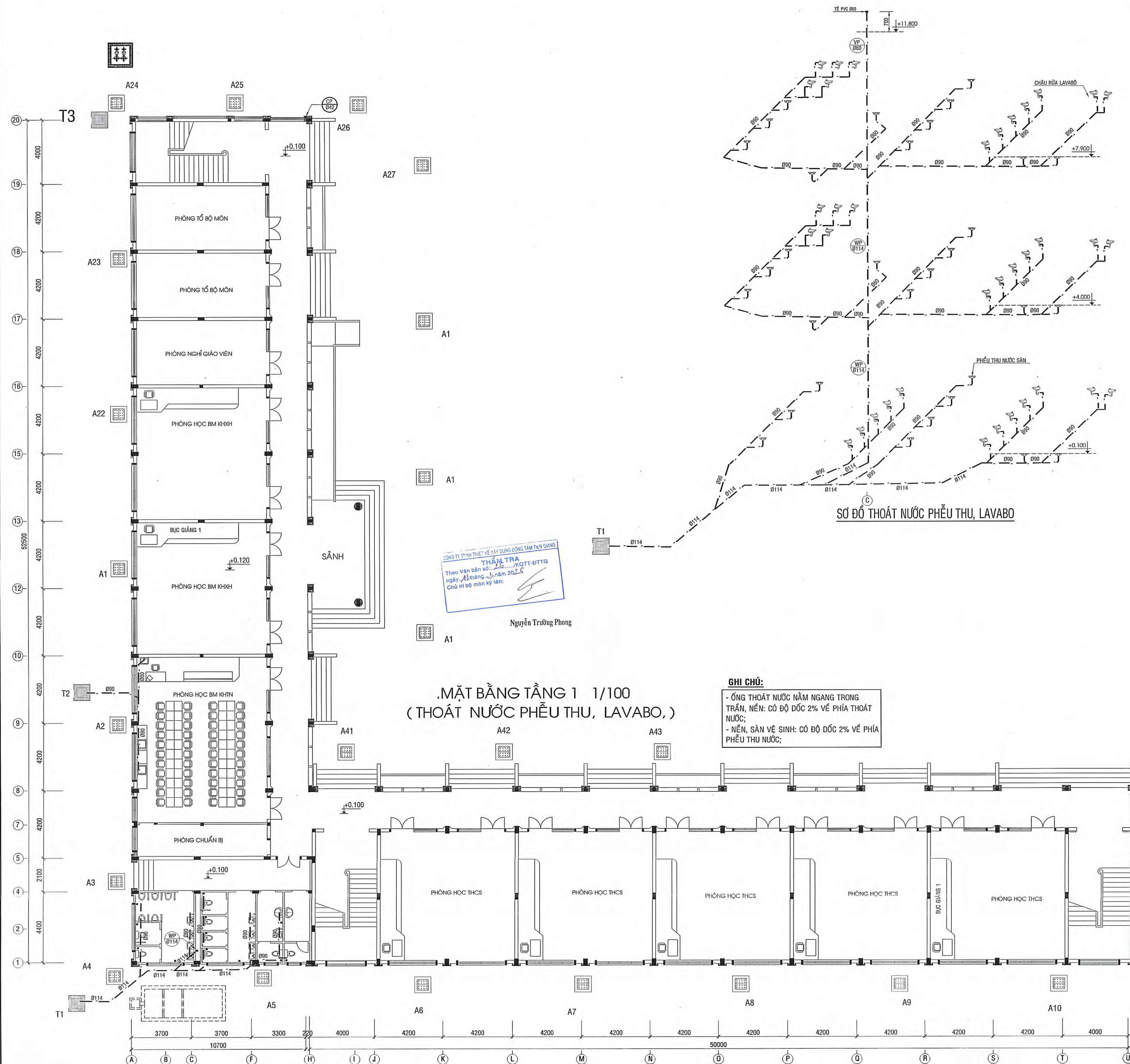
BAN QLĐA ĐTXĐ KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Thien Quyết định số 98 /QĐ-QLĐA KHV
Ngày 27 tháng 12 năm 2026
Ks. tên: 

Đã Quana Thach



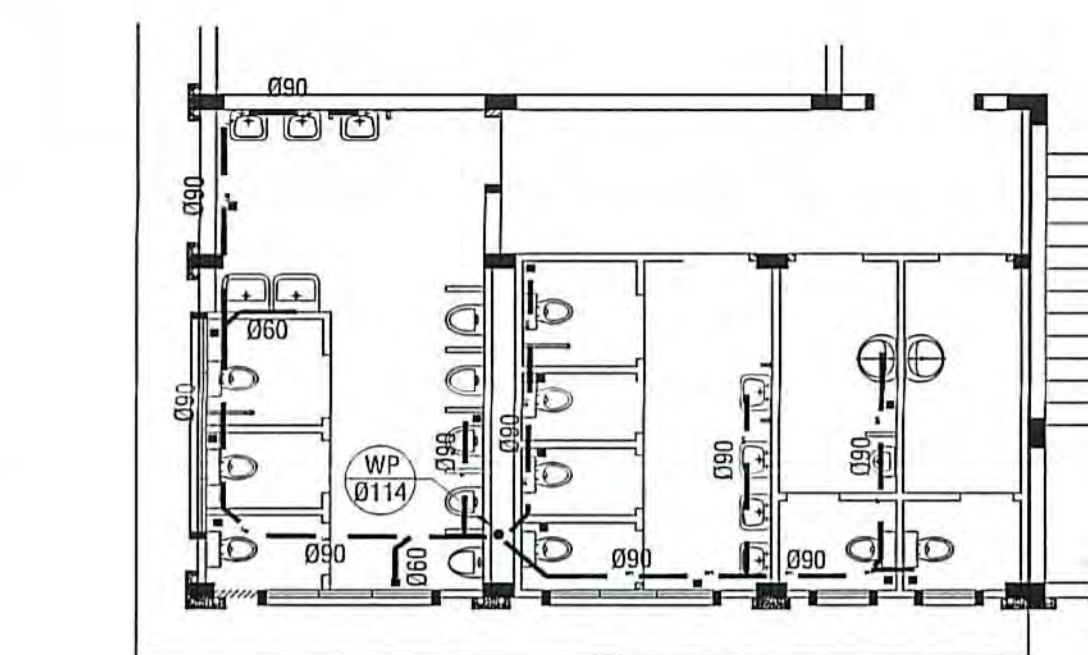
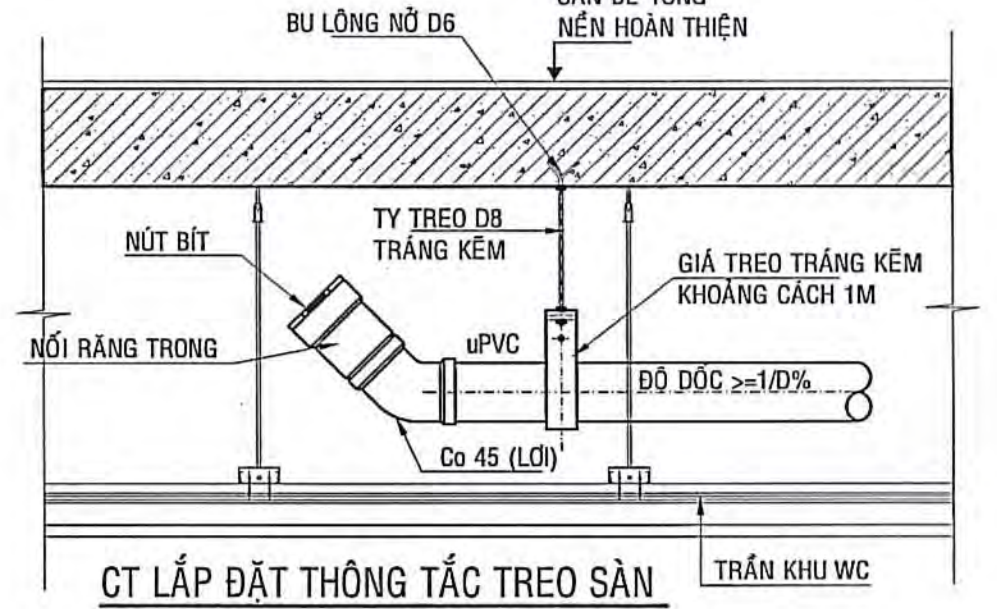
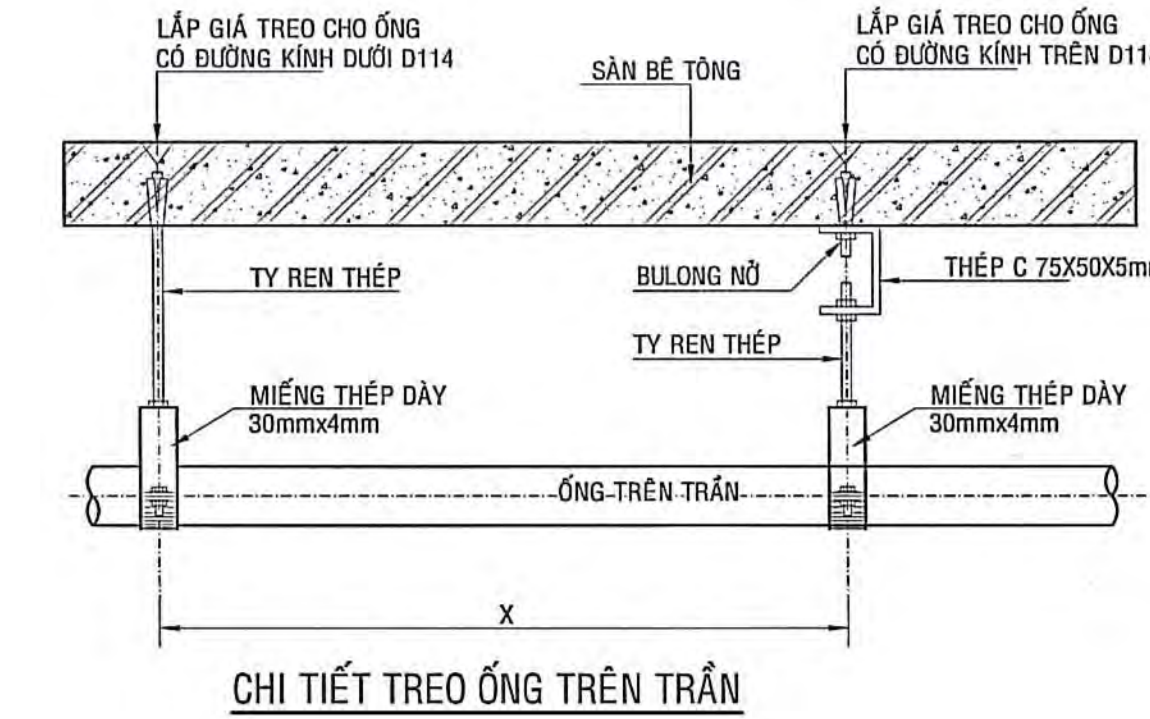
CHI TIẾT TÊN KIỂM TRA TRÊN ỐNG ĐÚNG

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI <i>Sinh hoạt nội bộ - Không bán</i> 04 CỀ 42 NGUYỄN VĂN HẠNH, PHƯỜNG 10, QUẬN HOÀNG MÃI TEL: 0913.397733 FAX: 0913.404444	CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ NGUYỄN VĂN TRỌNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẦN KHAI SẠU THIẾT KẾ CỖ SỖ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CỘNG TRINH: XÂY DỰNG MÔI KHÔI PHÒNG HỌC, PHÒNG BỒ DƯỠNG MÔI KHÔI TRUNG HỌC CƠ SỞ		
ĐỊA ĐIỂM PHƯƠNG MỸ PHƯỚC TÂY, LĨNH ĐÔNG THẠCH		
TÊN BẢN VẼ: SỒ ĐỒ THIẾT KẾ BỒ XÍ, CHẤU THỨC BỒ MÀNG TẮNG 1 (THOÁT NƯỚC ĐỀ XÍ, CHẤU THỨC BỒ XÍ HIỆU THOÁT NƯỚC	NGÀY: 02/2/2022 THCS-N: 03	
CHỦ NHIỆM	THS. TRẦN ANH MINH 	
CHỈ TRỊ TK NƯỚC	KS. PHAN VĂN ĐÀU 	
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN DUY THANH 	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG 	



BẢN QUA DUYỆT KHU VỰC 3
THIẾT KẾ
Theo Quyết định số 105/SL-ĐT/2019
Ngày 10 tháng 12 năm 2019
Đã được chấp thuận
Trần Nguyễn Minh Trí

CỔ ỐNG	CỔ RÊN	KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC GIÁ TREO (X)	BULÔNG NỖ
D100mm	8mm	1000mm	8mm
D150mm	10mm	2000mm	10mm
TRÊN D150mm	12mm	2500mm	12mm



.MẶT BẰNG TẦNG 2, 3 1/100
(THOÁT NƯỚC PHỄU THU, LAVABO,)

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MỖI KHỐI PHÒNG HỌC,
PHÒNG BỘ MÔN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

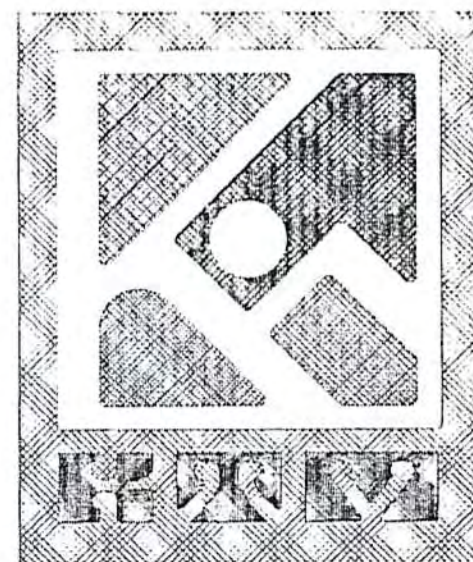
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC PHỄU THU, LAVABO
MẶT BẰNG TẦNG 1 (THOÁT NƯỚC PHỄU THU, LAVABO)
MẶT BẰNG TẦNG 2,3 (THOÁT NƯỚC PHỄU THU, LAVABO)

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK NƯỚC: KS. PHAN VĂN ĐẬU
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN DUY THANH
Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

NGUYỄN VĂN TRỌNG

THCS-N: 04

NGÀY: 10/12/2026



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI

Sáng tạo nghệ thuật không gian sống Việt

ĐỊA CHỈ: 42/1 NGUYỄN THỊ THẬP, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG TRUNG AN, TỈNH ĐỒNG THÁP

TEL: 0273.3977278, EMAIL : ktm.mytho@gmail.com

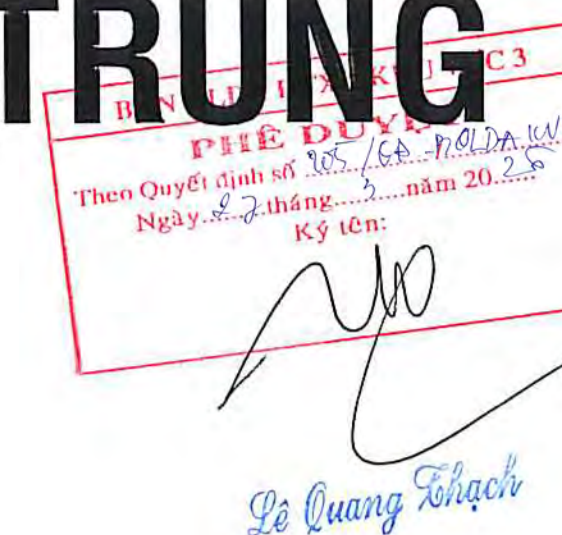
HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

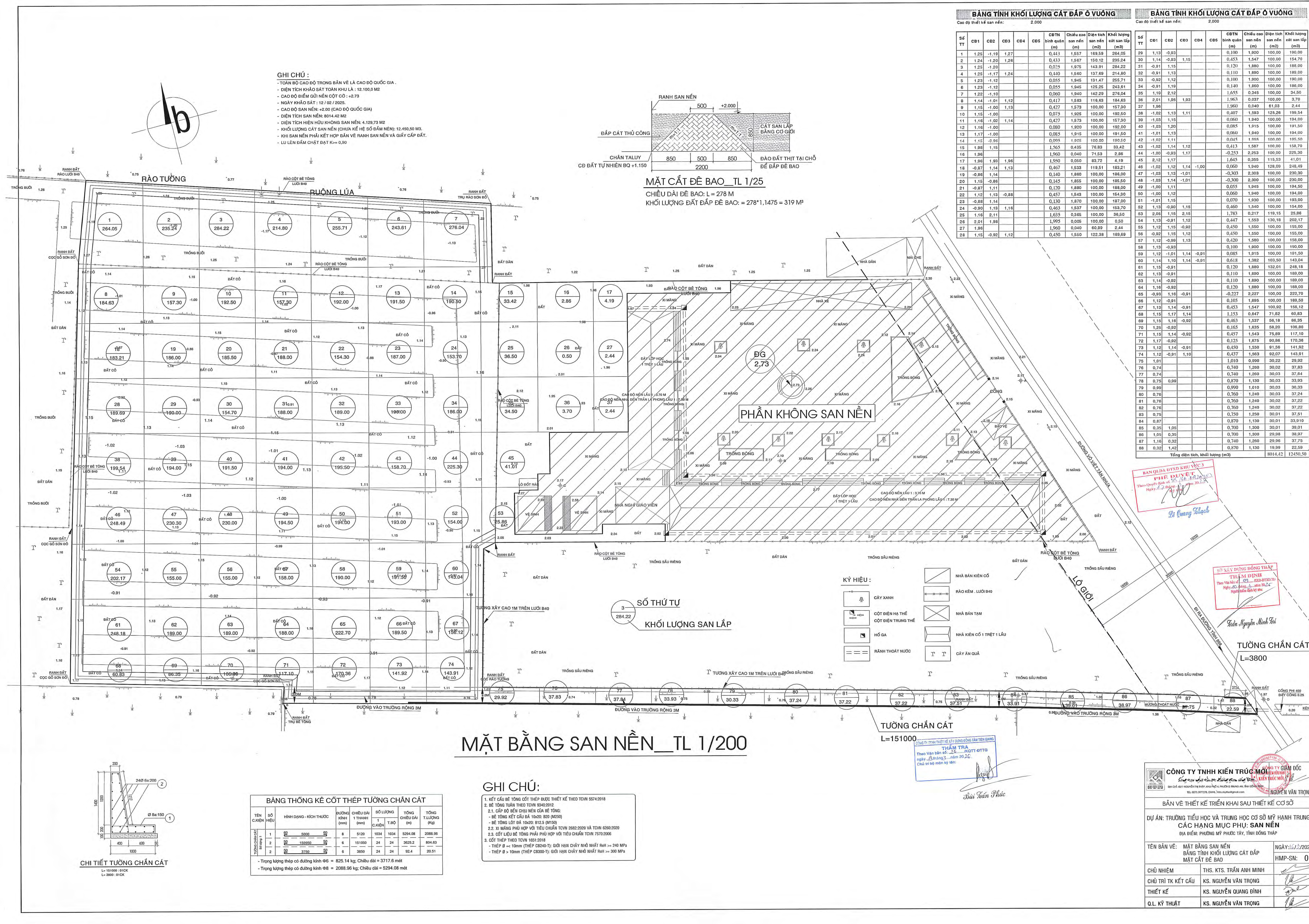
**GÓI THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
THUỘC DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG**

CÔNG TRÌNH: CÁC HẠNG MỤC PHỤ

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP

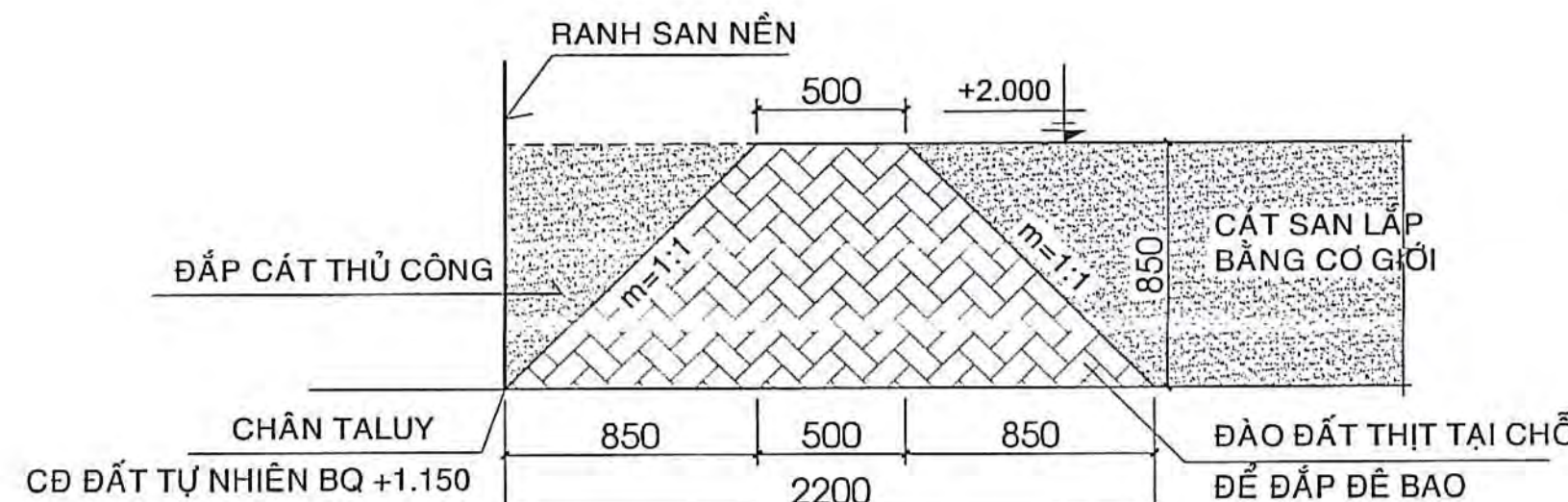
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3





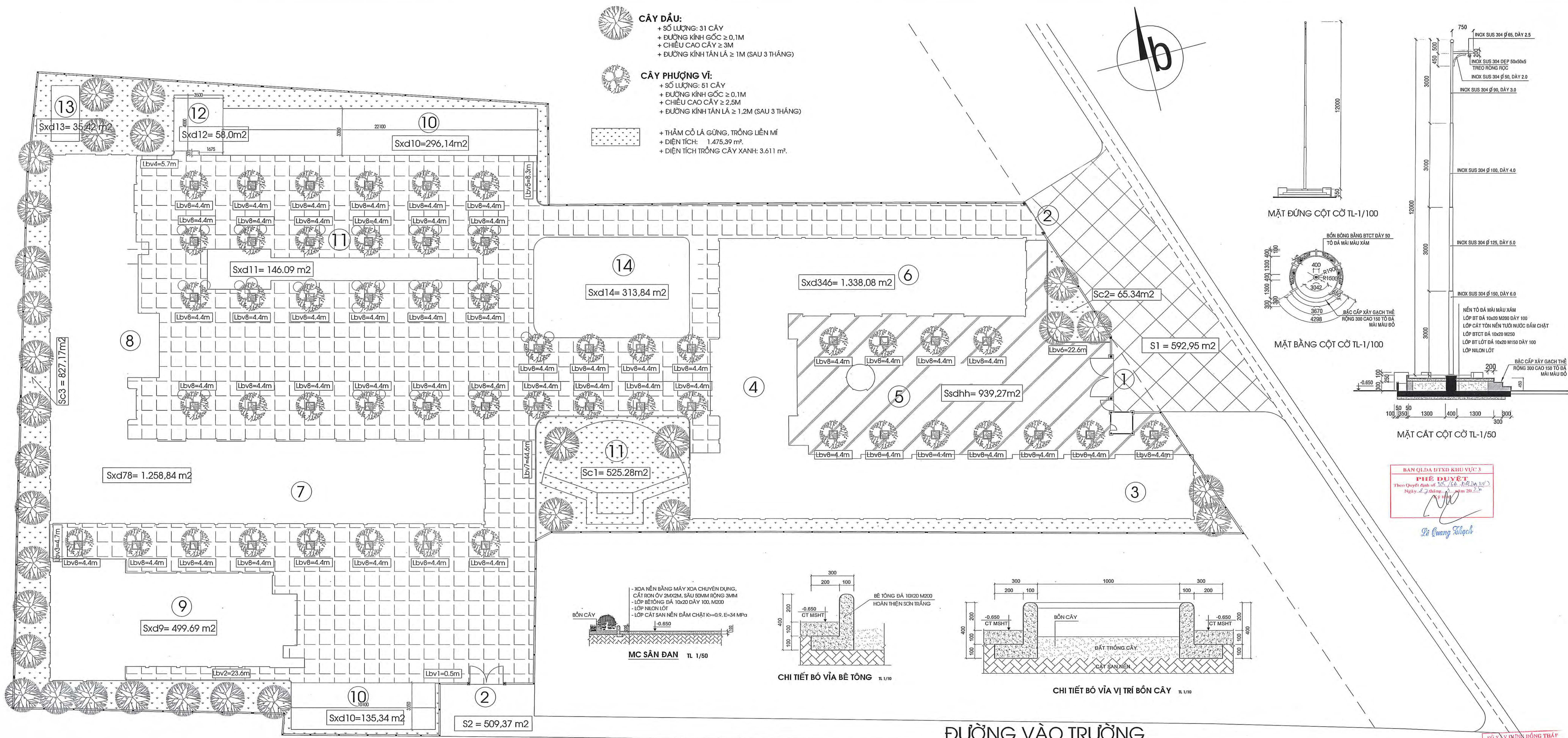
GHI CHÚ :

- TOÀN BỘ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ LÀ CAO ĐỘ QUỐC GIA.
- DIỆN TÍCH KHẢO SÁT TOÀN KHU LÀ : 12.100,0 M²
- CAO ĐỘ ĐIỂM CỬI NÉN CỘT CỎ : +2,73
- NGÀY KHẢO SÁT : 12 / 02 / 2025.
- CAO ĐỘ SAN NỀN: +2,00 (CAO ĐỘ QUỐC GIA)
- DIỆN TÍCH SAN NỀN: 8014,42 M²
- DIỆN TÍCH HIỆN HỮU KHÔNG SAN NỀN: 4.129,73 M²
- KHỐI LƯỢNG CÁT SAN NỀN (CHƯA KẾ HỆ SỐ ĐÁM NÉN): 12.450,50 M³.
- KHI SAN NỀN PHẢI KẾT HỢP BẢN VẼ RANH SAN NỀN VÀ GIẤY CẤP ĐẤT.
- LƯU LÊN ĐÁM CHẤT ĐẠT K= 0,90



MẶT CẮT ĐỀ BẢO _TL 1/25
CHIỀU DÀI ĐỀ BẢO: L = 278 M
KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐỀ BẢO: = 278*1,1475 = 319 M³

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CÁT ĐẬP Ở VƯỜN										BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CÁT ĐẬP Ở VƯỜN										
Cao độ thiết kế san nền: 2.000										Cao độ thiết kế san nền: 2.000										
Số TT	CB1	CB2	CB3	CB4	CB5	CBTN bình quân (m)	Chiều cao san nền (m)	Diện tích san nền (m ²)	Khối lượng cát san lấp (m ³)	Số TT	CB1	CB2	CB3	CB4	CB5	CBTN bình quân (m)	Chiều cao san nền (m)	Diện tích san nền (m ²)	Khối lượng cát san lấp (m ³)	
1	1,25	-1,19	1,27			0,443	1,557	169,59	264,05	29	1,13	-0,93				0,100	1,900	100,00	190,00	
2	1,24	-1,20	1,26			0,433	1,567	150,12	235,24	30	1,14	-0,93	1,15			0,453	1,547	100,00	154,70	
3	1,25	-1,20				0,035	1,975	143,91	284,22	31	-0,91	1,15				0,120	1,880	100,00	188,00	
4	1,25	-1,17	1,24			0,440	1,560	137,69	214,80	32	-0,91	1,13				0,110	1,890	100,00	189,00	
5	1,23	-1,12				0,055	1,945	131,47	255,71	33	-0,92	1,12				0,100	1,900	100,00	190,00	
6	1,23	-1,12				0,055	1,945	125,25	243,61	34	-0,91	1,10				0,140	1,860	100,00	186,00	
7	1,22	-1,10				0,060	1,940	142,29	276,04	35	1,19	1,12				1,655	0,345	100,00	34,50	
8	1,14	-1,01	1,12			0,417	1,583	116,63	184,63	36	2,01	0,95	1,93			1,963	0,037	100,00	3,70	
9	1,15	-1,00	1,13			0,427	1,579	100,00	157,30	37	1,96					1,960	0,040	61,03	2,44	
10	1,15	-1,00				0,075	1,925	100,00	192,50	38	-1,02	1,13	1,11			0,407	1,593	125,26	199,54	
11	1,16	-1,02	1,14			0,427	1,573	100,00	157,30	39	-1,03	1,15				0,060	1,940	100,00	194,00	
12	1,16	-1,00				0,080	1,920	100,00	192,00	40	-1,03	1,20				0,085	1,915	100,00	191,50	
13	1,17	-1,00				0,085	1,915	100,00	191,50	41	-1,01	1,13				0,060	1,940	100,00	194,00	
14	1,15	-0,96				0,095	1,905	100,00	190,50	42	-1,02	1,11				0,045	1,955	100,00	195,50	
15	1,98	1,15				1,365	0,425	76,83	33,42	43	-1,02	1,14	1,12			0,413	1,587	100,00	158,70	
16	1,96					1,960	0,040	71,53	2,88	44	-1,00	-0,99	1,17			-0,253	2,253	100,00	225,30	
17	1,96	1,93	1,96			1,950	0,050	82,72	4,19	45	2,12	1,17				1,645	0,355	115,53	41,01	
18	-0,87	1,14	1,13			0,467	1,533	119,51	183,21	46	-1,02	1,12	1,14	-1,00		0,060	1,940	128,09	248,49	
19	-0,88	1,14				0,140	1,860	100,00	186,00	47	-1,03	1,15	-1,01			-0,303	2,303	100,00	230,30	
20	1,15	-0,88				0,145	1,855	100,00	185,50	48	-1,03	1,14	-1,01			-0,300	2,300	100,00	230,00	
21	-0,87	1,11				0,120	1,880	100,00	188,00	49	-1,00	1,11				0,055	1,945	100,00	194,50	
22	1,12	1,13	-0,88			0,457	1,543	100,00	154,30	50	-1,00	1,12				0,060	1,940	100,00	194,00	
23	-0,88	1,14				0,130	1,870	100,00	187,00	51	-1,01	1,15				0,070	1,930	100,00	193,00	
24	-0,90	1,13	1,16			0,463	1,537	100,00	153,70	52	1,13	-0,90	1,15			0,460	1,540	100,00	154,00	
25	1,16	2,11				1,635	0,365	100,00	36,50	53	2,05	1,15	2,15			1,783	0,217	119,15	25,88	
26	2,01	1,98				1,995	0,005	100,00	0,50	54	1,13	-0,91	1,12			0,447	1,553	130,18	202,17	
27	1,96					1,960	0,040	60,89	2,44	55	1,12	1,15	-0,92			0,450	1,550	100,00	155,00	
28	1,15	-0,92	1,12			0,450	1,550	122,38	189,89	56	-0,92	1,15	1,12			0,450	1,550	100,00	155,00	
										57	1,12	-0,90	1,13			0,420	1,580	100,00	158,00	
										58	1,10	-0,93				0,100	1,900	100,00	190,00	
										59	1,12	-1,01	1,14	-0,91		0,085	1,915	100,00	191,50	
										60	1,14	1,10	1,14	-0,91		0,618	1,382	103,50	143,04	
										61	1,15	-0,91				0,130	1,880	123,51	188,15	
										62	1,13	-0,91				0,110	1,890	100,00	189,00	
										63	1,14	-0,92				0,110	1,890	100,00	189,00	
										64	1,16	-0,92				0,120	1,880	100,00	188,00	
										65	-0,93	1,16	-0,91			-0,227	2,227	100,00	222,70	
										66	1,12	-0,91				0,105	1,895	100,00	189,50	
										67	1,13	1,14	-0,91			0,453	1,547	100,92	156,12	
										68	1,15	1,17	1,14			1,153	0,647	71,82	60,83	
										69	1,15	1,18	-0,92			0,463	1,537	56,18	66,35	
										70	1,25	-0,92				0,165	1,835	58,20	106,80	
										71	1,15	1,14	-0,92			0,457	1,543	75,89	117,10	
										72	1,17	-0,82				0,125	1,875	90,86	170,36	
										73	1,12	1,14	-0,91			0,450	1,550	91,56	141,92	
										74	1,12	-0,91	1,10			0,437	1,563	92,97	143,91	
										75	1,01					1,010	0,990	30,22	29,92	
										76	0,74					0,740	1,280	30,02	37,83	
										77	0,74					0,740	1,260	30,03	37,84	
										78	0,75	0,99				0,870	1,190	30,03	33,93	
										79	0,99					0,990	1,010	30,03	30,53	
										80	0,76					0,750	1,240	30,02	37,84	
										81	0,76					0,750	1,249	30,02	37,84	
										82	0,76					0,760	1,249	30,02	37,82	
										83	0,75					0,750	1,250	30,01	37,51	
										84	0,87					0,870	1,190	30,01	33,919	
										85	0,35	1,05				0,700	1,300	30,01	39,01	
										86	1,05	0,35				0,700	1,300	29,98	38,97	
										87	1,16	0,32				0,740	1,280	29,96	37,75	
										88	0,32	1,12				0,870	1,130	19,99	22,59	
										Tổng diện tích, khối lượng (m ³)								8014,42		12450,50



MẶT BẰNG SÂN ĐẠN + CÂY XANH 1/200

- CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (XÂY MỚI)
- CỔNG PHỤ (XÂY MỚI)
- KHOẢNG PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- KHOẢNG HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- KHOẢNG PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)

- KHOẢNG PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- KHOẢNG KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- KHOẢNG HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỮA CHÁY
- KHOẢNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- KHOẢNG NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)

- Lbv1 = 0,50 m
- Lbv2 = 23,60 m
- Lbv3 = 4,70 m
- Lbv4 = 5,70 m
- Lbv5 = 8,30 m
- Lbv6 = 22,60 m
- Lbv7 = 44,60 m
- Lbv8 = 51 x 4,4m = 224,4m

TỔNG CHIỀU DÀI BỐ VĨA Lbv= 334,40 m

- S (diện tích tổng bên trong hàng rào) = 10.359,67 m²

- Trong đó:

- Sbc (bồn cây) = 40 x 1,44 = 57,6m²

- Sxd (xây dựng) = Sxd346+Sxd78+Sxd9+Sxd10+Sxd12+Sxd14

= 1.338,08m² + 1.258,84m² + 499,69m² + (135,34+296,14)m² + 58,00m² + 313,84m²
= 3.899,93 m²

- Sco (bồn cỏ) = Sc1 + Sc2 + Sc3

= 525,28m² + 65,34m² + 827,17m² = 1.417,79 m²

- Shg (hố ga) = 56 x 1,0m² = 56,00 m²

- Ssdhh (sân đan hiện hữu) = 939,27 m²

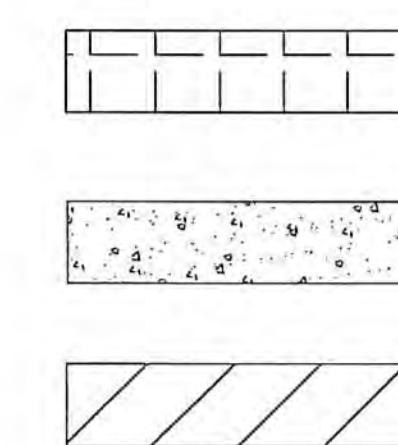
- S1 (lối vào) = 592,95 m²

- S2 (đường vào) = 509,37 m²

DIỆN TÍCH SÂN ĐẠN: Ssd= (S- Sbc - Sxd - Sco - Shg - Ssdhh - Sxd11) + S1 + S2

= (10.359,67m² - 57,60m² - 3.899,93m² - 1.417,79m² - 56,00m² - 939,27m² - 146,09m²) + 592,95m² + 509,37m²

= 4.954,31 m²



SÂN ĐẠN (LÀM MỚI)

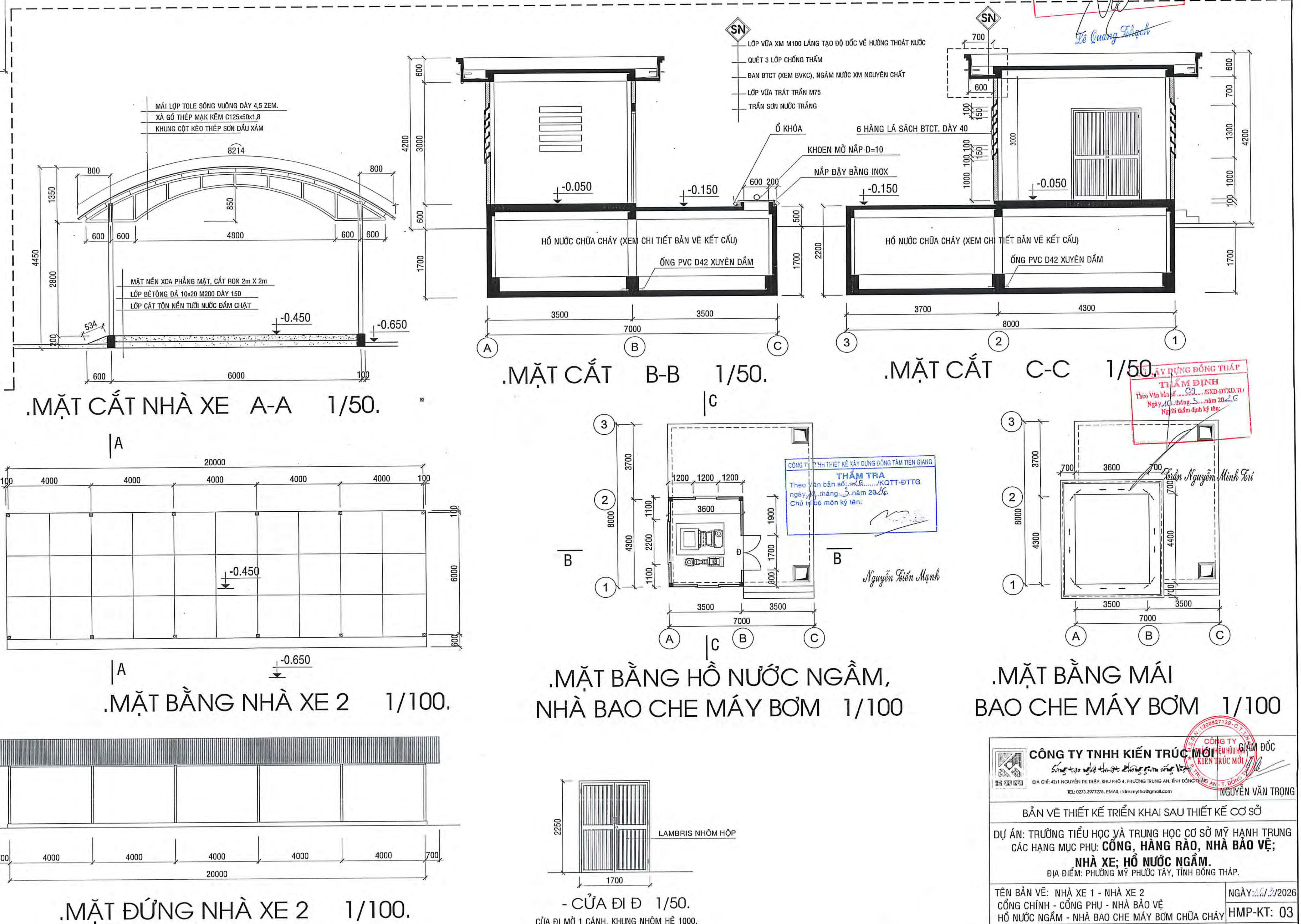
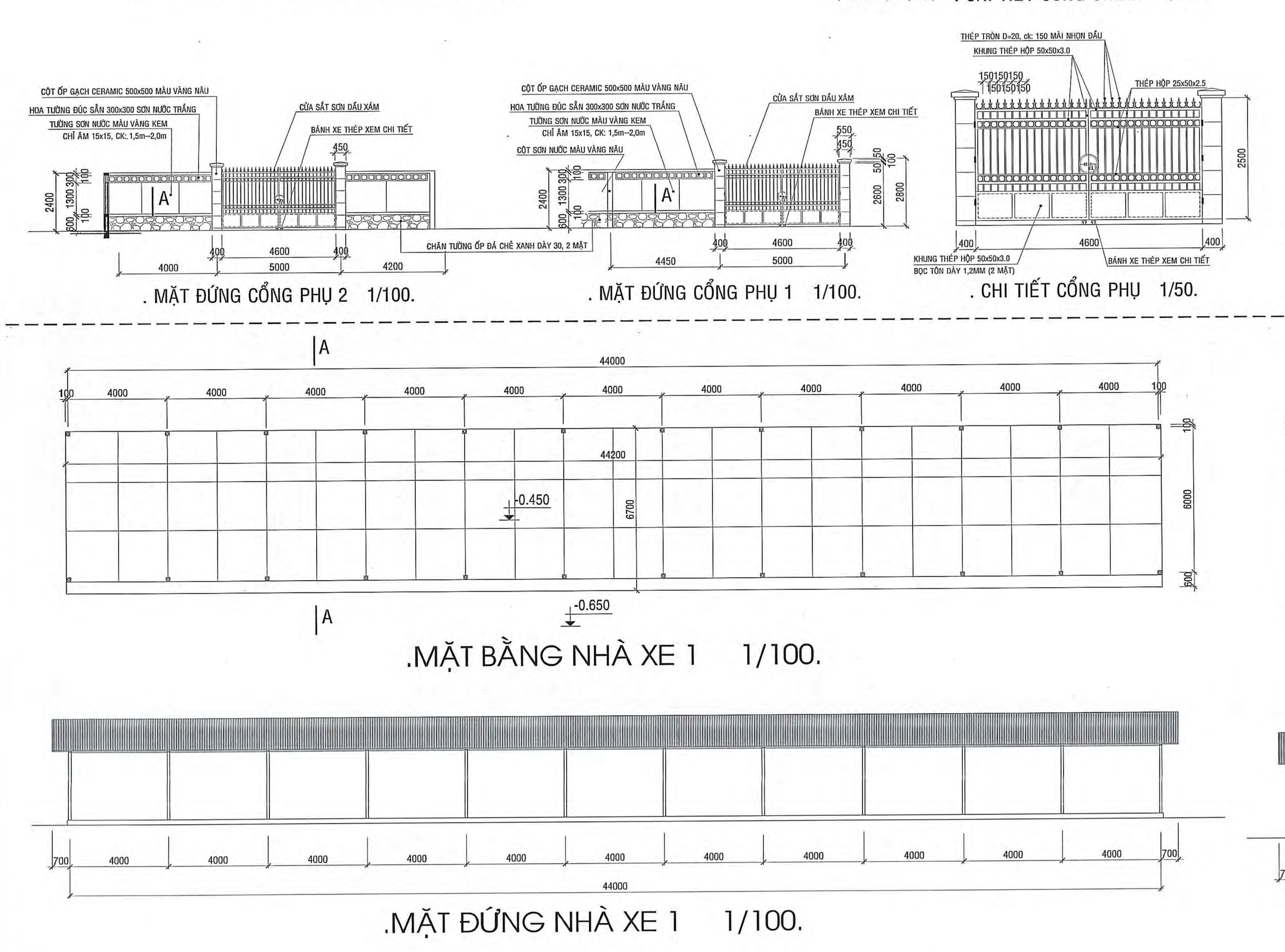
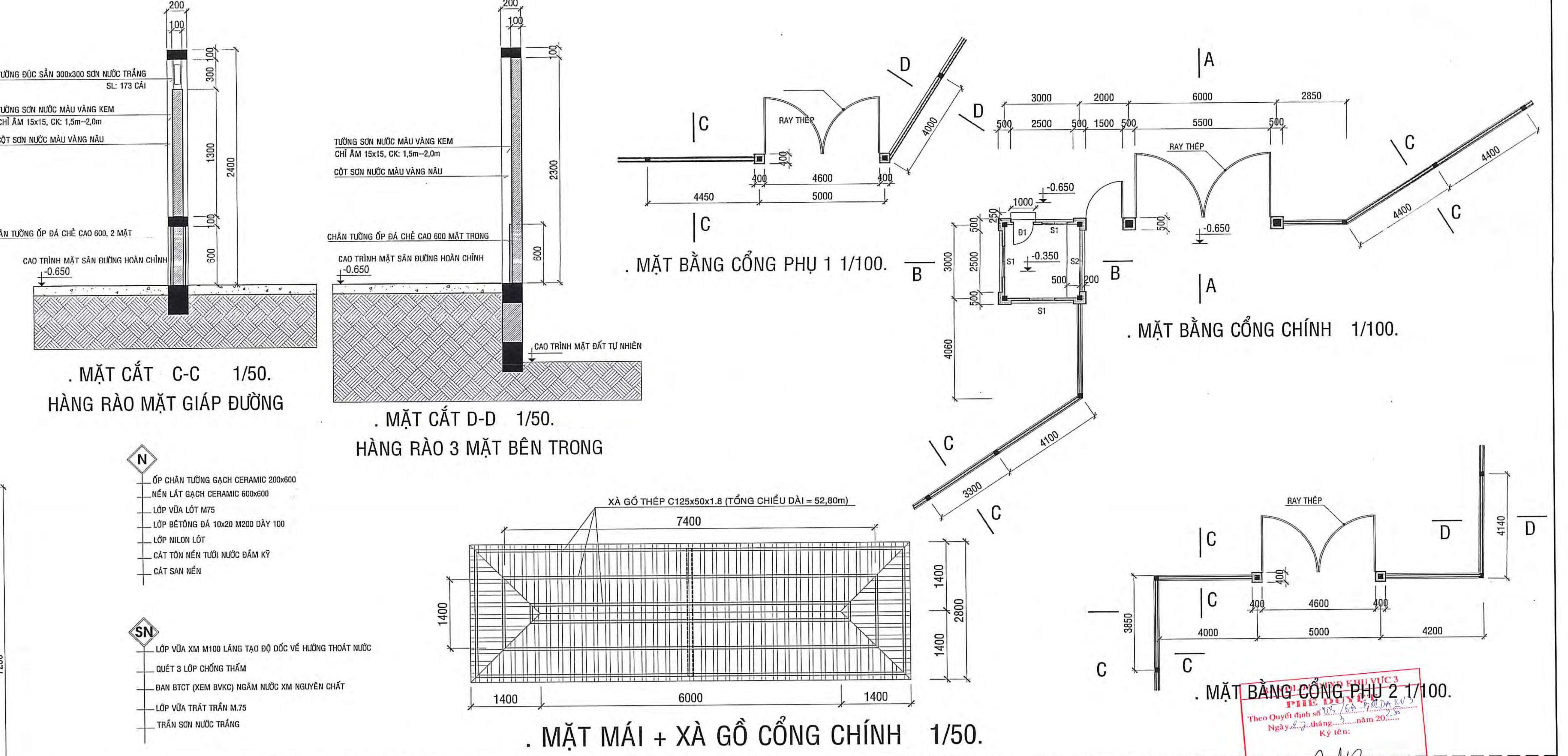
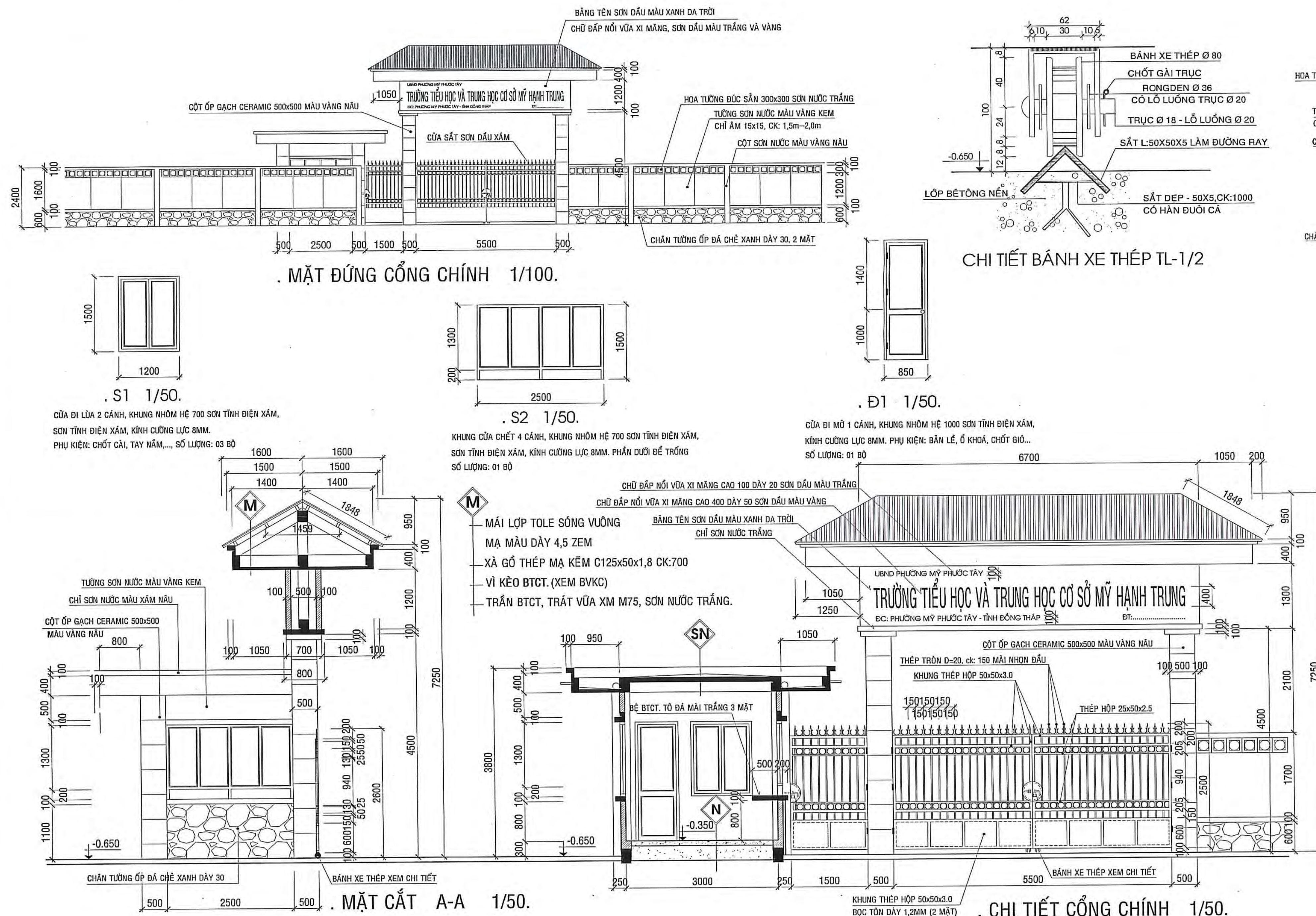
ĐƯỜNG ĐẠN VÀO TRƯỜNG (LÀM MỚI)

SÂN ĐẠN HIỆN HỮU (GIỮ LẠI)

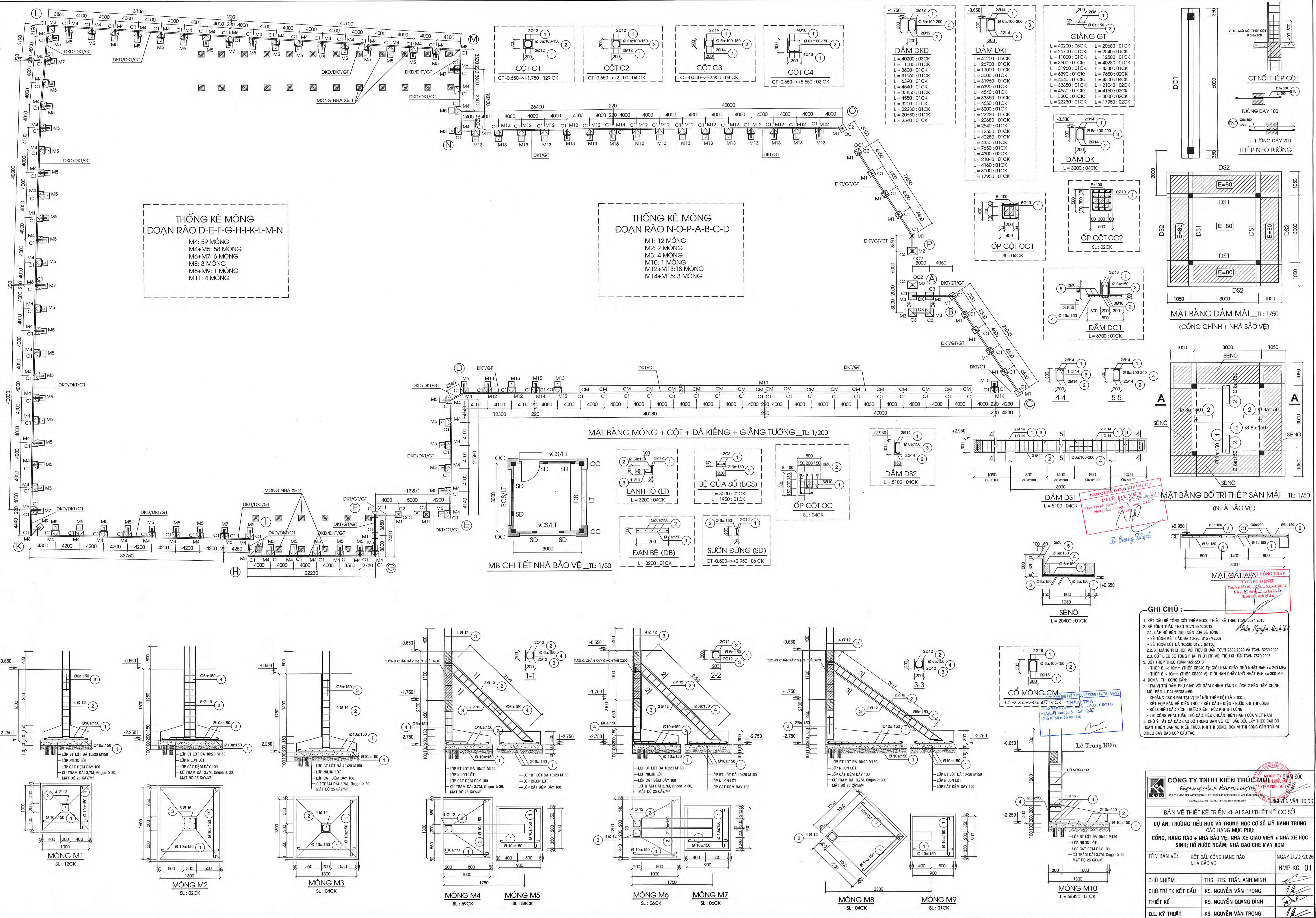
THẨM TRA
Trần Văn Sơn
Ngày 08 tháng 05 năm 2024
Chữ và dấu đóng dấu

Nguyễn Tiến Mạnh

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC Địa chỉ: 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 0903.123.456, Email: info@kt.vn		NGUYỄN VĂN TRỌNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG		
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: SÂN ĐẠN; CÂY XANH		
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG SÂN ĐẠN + CÂY XANH CHI TIẾT BỐ VĨA MẶT BẰNG - MẶT CẮT CỘT CỜ	NGÀY: 08/05/2024 HMP-KT: 01	
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH	CHỮ TRỊ TK KIẾN TRÚC: KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI	
THIẾT KẾ: KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC	Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG Số 10/10 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 4, Quận 5, TP. HCM TEL: 0937.387.028, EMAIL: info@kythuat.com.vn	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: CÔNG, HÀNG RÀO, NHÀ BẢO VỆ; NHÀ XE; HỒ NƯỚC NGẦM. ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP.	
TÊN BẢN VẼ: NHÀ XE 1 - NHÀ XE 2	NGÀY: 15/02/2026
CÔNG CHÍNH - CÔNG PHỤ - NHÀ BẢO VỆ	HMP-KT: 03
HỒ NƯỚC NGẦM - NHÀ BẢO CHE MÂY BƠM CHỨA CHÁY	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC	KTS. NGUYỄN TRỌNG KHÔI
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM TRẦN ĐỨC
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



THỐNG KÊ MÓNG ĐOẠN RÀO D-E-F-G-H-I-K-L-M-N

M4: 59 MÓNG
M4+M5: 58 MÓNG
M6+M7: 6 MÓNG
M8: 3 MÓNG
M8+M9: 1 MÓNG
M11: 4 MÓNG

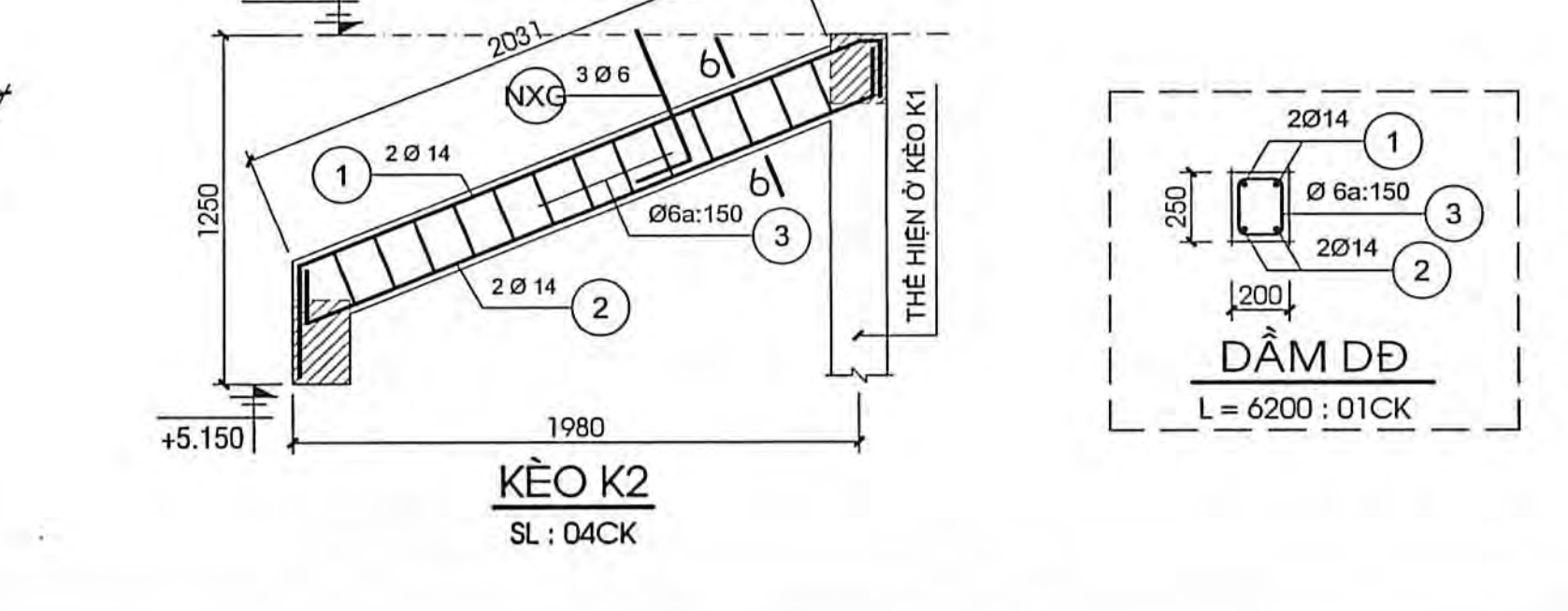
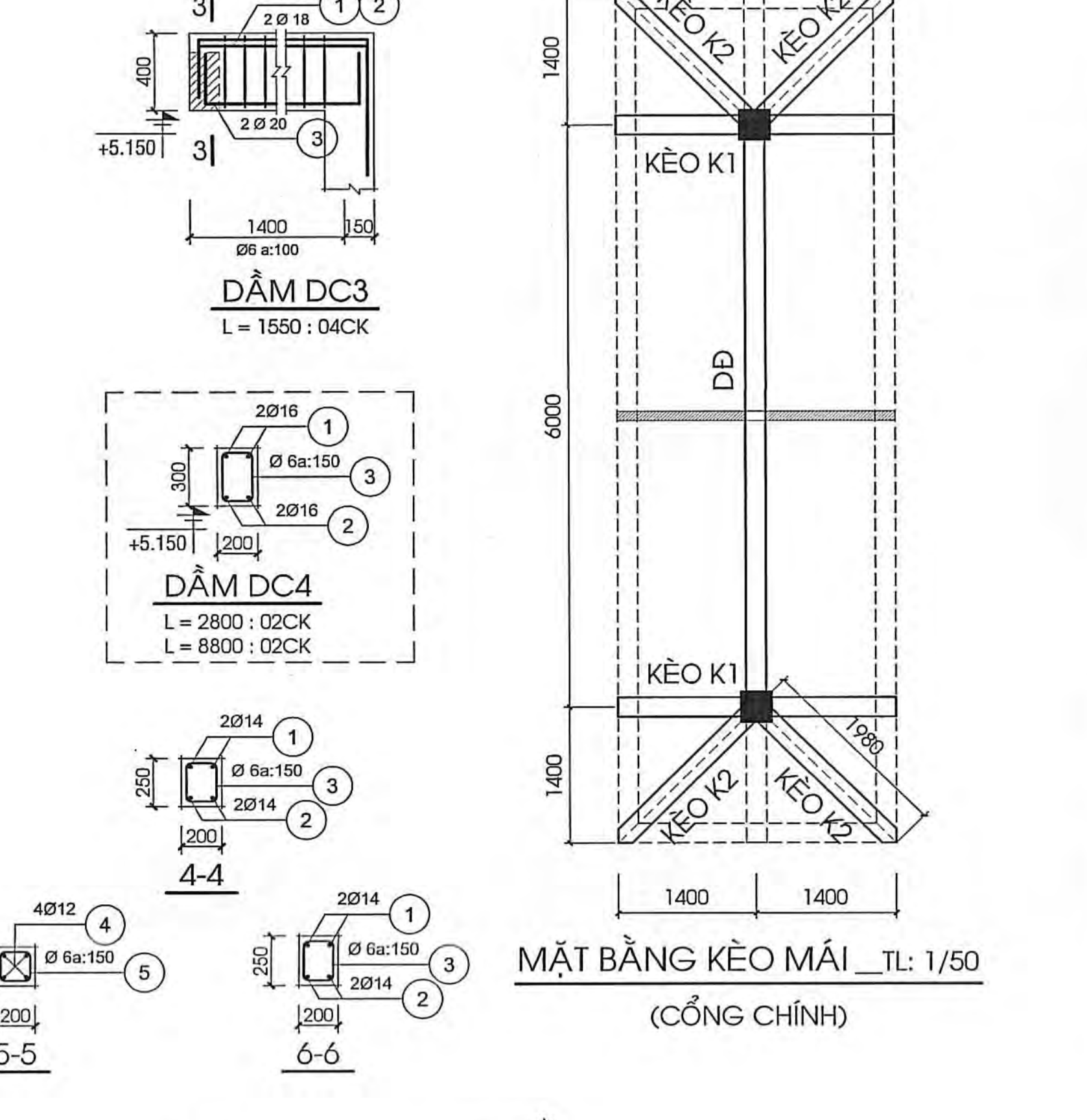
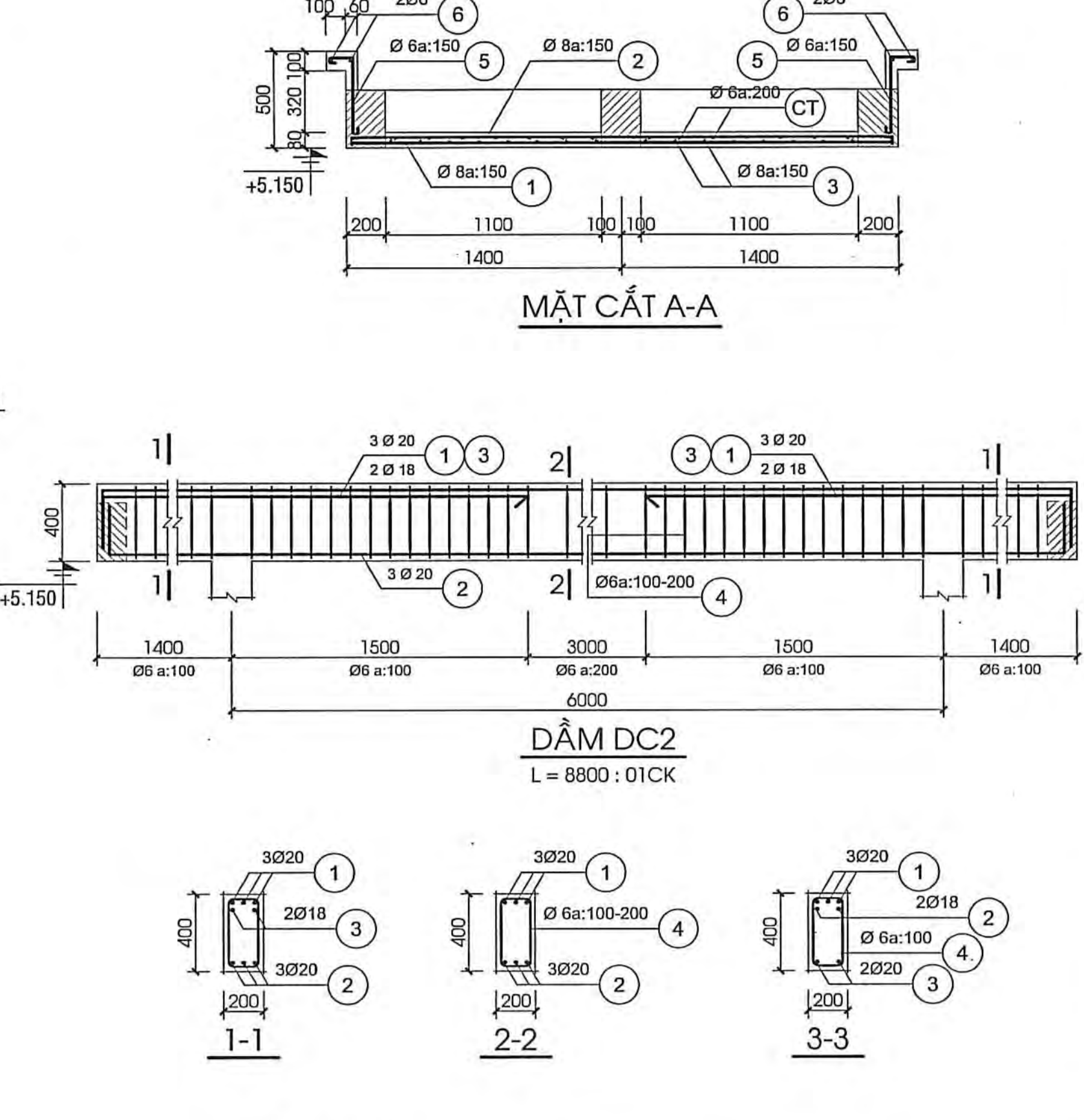
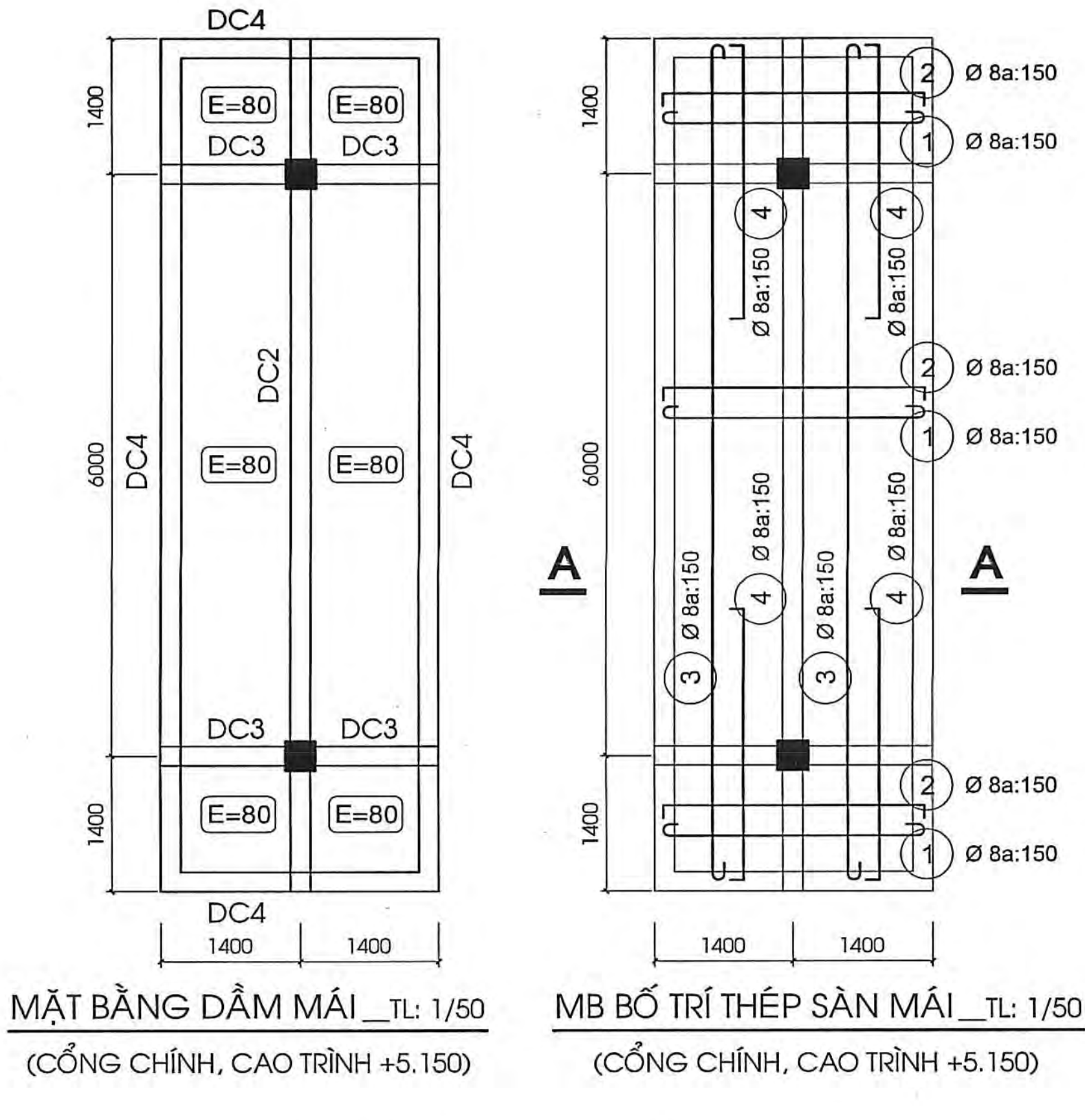
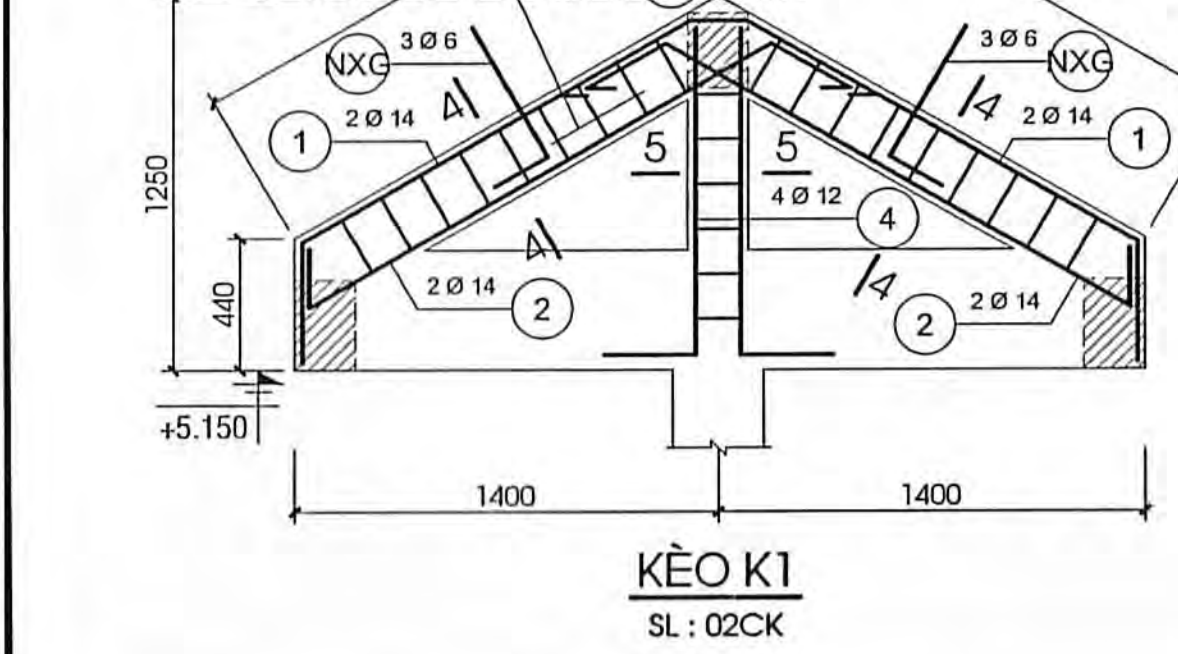
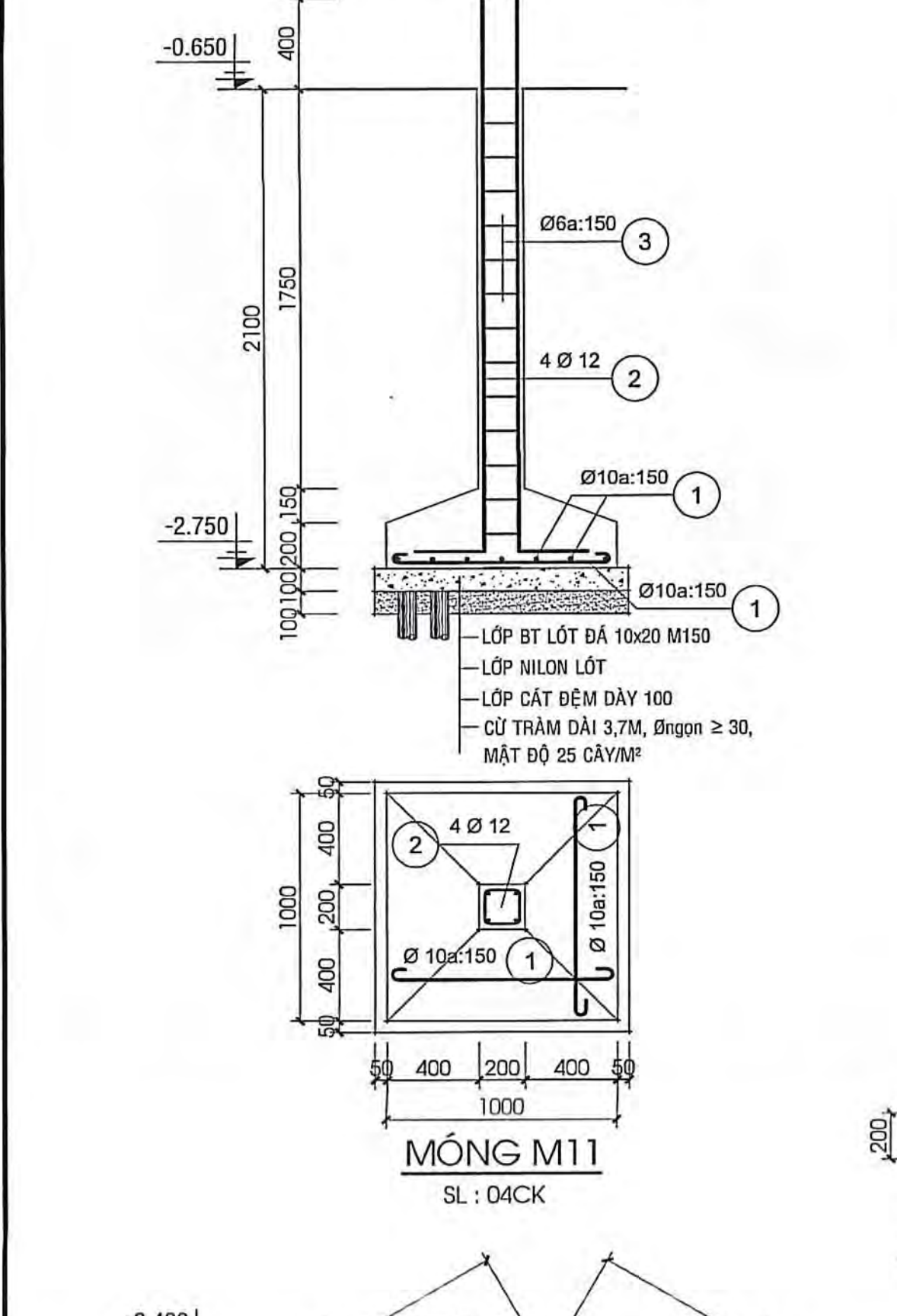
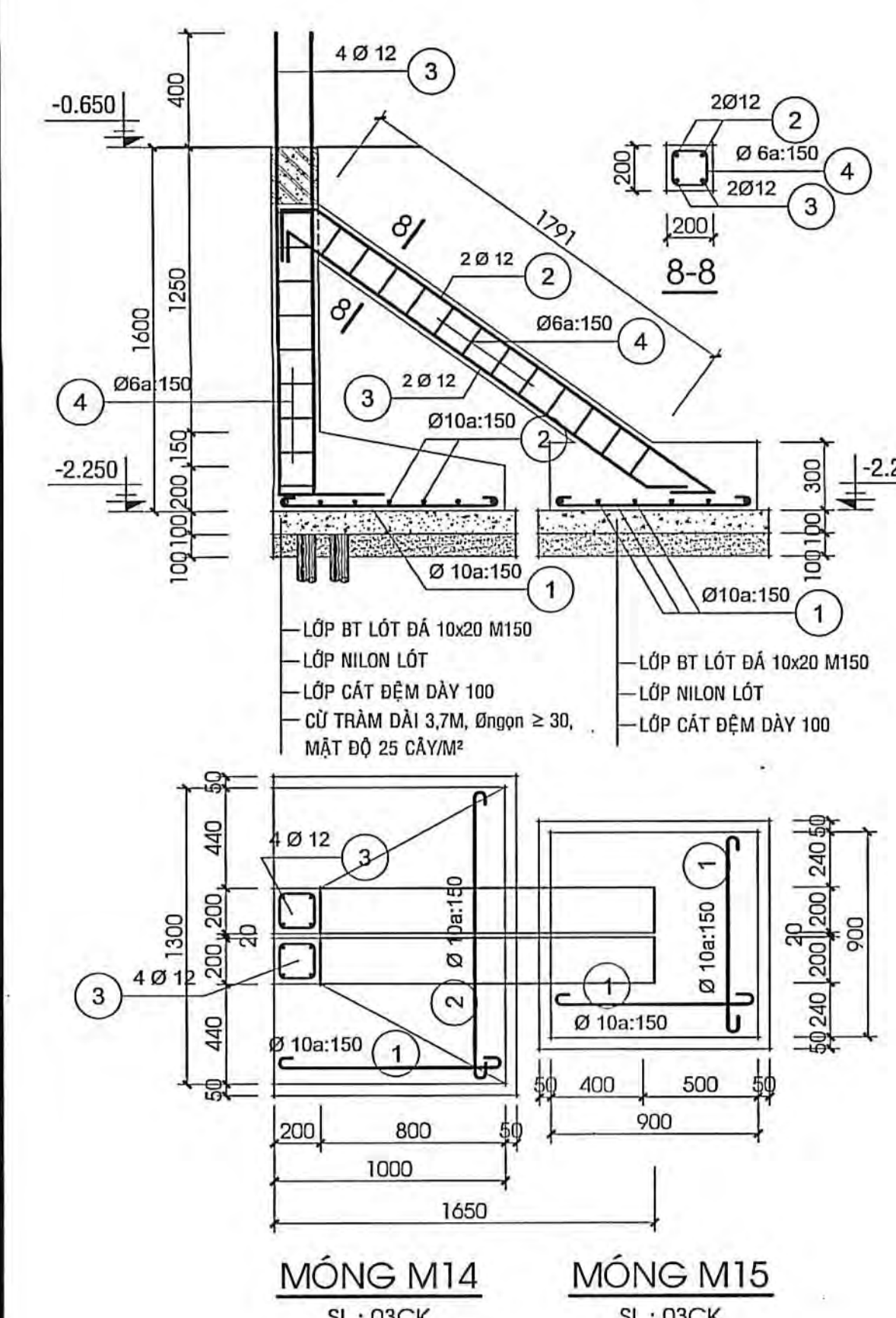
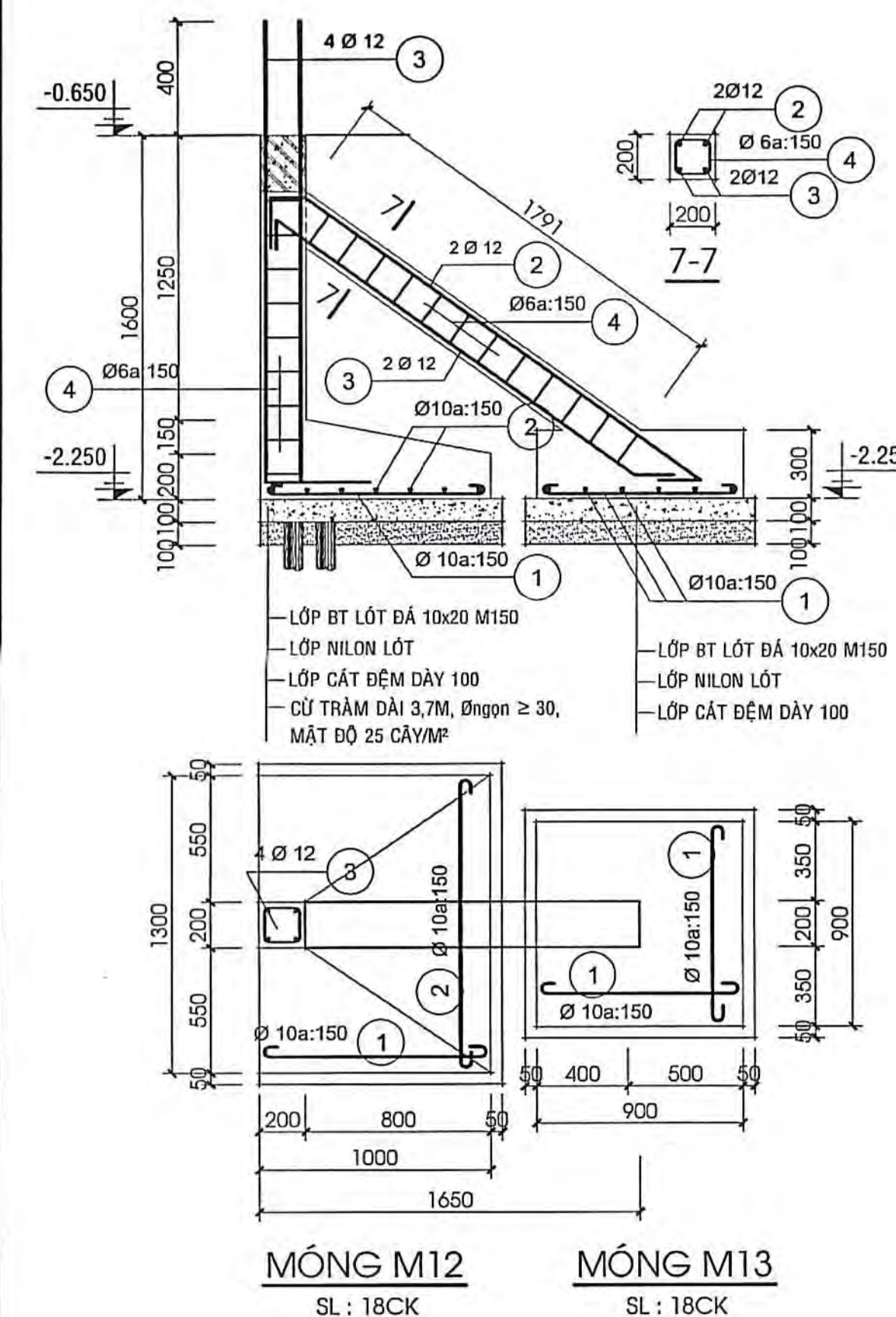
THỐNG KÊ MÓNG ĐOẠN RÀO N-O-P-A-B-C-D

M1: 12 MÓNG
M2: 2 MÓNG
M3: 4 MÓNG
M10: 1 MÓNG
M12+M13: 18 MÓNG
M14+M15: 3 MÓNG

GHI CHÚ :

- KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP THEO THIẾT KẾ THEO TCVN 5574:2018
- BÊ TÔNG TUẦN THEO TCVN 5542:2012
- CẤP ĐỘ BÊ TÔNG CHUẨN BÊ TÔNG:
 - BÊ TÔNG KẾT CẤU BÊ TÔNG CHUẨN BÊ TÔNG CHUẨN TCVN 5574:2018
 - BÊ TÔNG LÁT ĐÁ 10x20: B12.5 (M150)
 - 2.2. XI MĂNG PHỤ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN TCVN 2582:2020 VÀ TCVN 6280:2020
 - 2.3. CỐT THÉP BÊ TÔNG PHẢI PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN TCVN 7570:2008
- CỐT THÉP THEO TCVN 1551:2018
 - THÉP Ø < 10mm (THÉP CR240-V): GIỚI HẠN CHUYỂN NHÚT R_h > 240 MPa
 - THÉP Ø > 10mm (THÉP CR240-V): GIỚI HẠN CHUYỂN NHÚT R_h > 300 MPa
- BON VỊ THÍ CÔNG CÁN:
 - TẠI VỊ THÍ DẦM PHỤ GIAO VÀ DẦM CHÍNH TĂNG CƯỜNG 2 BÊN DẦM CHÍNH, MỖI BÊN 4 BÊN BÊN BÊN.
 - KẾT HỢP BÀN VÊ KIẾN TRÚC - KẾT CẤU - ĐIỆN - NƯỚC KHI THÍ CÔNG
 - ĐỐI CHIỀU CÁC KÍCH THƯỚC KIẾN TRÚC KHI THÍ CÔNG
 - THÍ CÔNG PHẢI TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM
 - 3. CHỖ Y TẤT CÁC CẠO ĐỘ TRONG BẢN VẼ KẾT CẤU ĐỀU LÀ CẠO ĐỘ ĐỐI VỚI MẶT ĐỘ HẸM THIÊN BÀN VÊ KIẾN TRÚC KHI THÍ CÔNG, ĐƠN VỊ THÍ CÔNG CÁN TRƯỞNG ĐỐI CHIỀU CÁC DẦM CẤU TRÚC.

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔ HÌNH		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔ HÌNH	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CẤP SỞ MỸ HẠNH TRUNG		DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CẤP SỞ MỸ HẠNH TRUNG	
CÔNG, HÀNG RÀO + NHÀ BẢO VỆ; NHÀ XE GIẢI VẬN + NHÀ XE HỌC		CÔNG, HÀNG RÀO + NHÀ BẢO VỆ; NHÀ XE GIẢI VẬN + NHÀ XE HỌC	
SINH; HỒ NƯỚC NGẦM; NHÀ BẢO CHẾ MÁY BƠM		SINH; HỒ NƯỚC NGẦM; NHÀ BẢO CHẾ MÁY BƠM	
TÊN BẢN VẼ:	KẾT CẤU CÔNG HÀNG RÀO	NGÀY: 12/2026	HMP-KC: 01
CHỦ NHIỆM:	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	CHỦ TRÍ TK KẾT CẤU:	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN QUANG ĐÌNH	Q.L. KỸ THUẬT:	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



B.T.KẾ CỐT THÉP DẦM Mái (CÔNG CHÍNH+NHÀ BẢO VỆ)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
DẦM D1	1	250x500	14	5550	2	8	44.4	53.65	
	2	250x500	14	5450	2	8	43.6	52.69	
	3	250x500	14	2100	2	8	16.8	20.30	
	4	150x250	6	900	44	176	158.4	35.16	
DẦM D2	1	250x500	14	5550	2	8	44.4	53.65	
	2	250x500	14	5450	2	8	43.6	52.69	
	3	100x250	6	800	35	140	112	24.86	
	4	150x250	6	7350	3	3	22.05	44.05	
DẦM D3	1	250x500	14	5550	2	8	44.4	53.65	
	2	250x500	14	5450	2	8	43.6	52.69	
	3	100x250	6	800	35	140	112	24.86	
	4	150x250	6	7350	3	3	22.05	44.05	
DẦM D4	1	250x500	14	5550	2	8	44.4	53.65	
	2	250x500	14	5450	2	8	43.6	52.69	
	3	100x250	6	800	35	140	112	24.86	
	4	150x250	6	7350	3	3	22.05	44.05	

BẢNG T.KẾ CỐT THÉP DẦM Mái CT +5.150 (CÔNG CHÍNH)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
DẦM D1	1	350x650	20	9450	3	3	28.35	69.92	
	2	300x650	18	2900	4	4	11.6	23.17	
	3	150x350	6	1100	73	73	80.3	17.82	
	4	150x350	6	2450	3	12	29.4	72.50	
DẦM D2	1	350x650	20	9450	3	3	28.35	69.92	
	2	300x650	18	2900	4	4	11.6	23.17	
	3	150x350	6	1100	73	73	80.3	17.82	
	4	150x350	6	2450	3	12	29.4	72.50	
DẦM D3	1	350x650	20	9450	3	3	28.35	69.92	
	2	300x650	18	2900	4	4	11.6	23.17	
	3	150x350	6	1100	73	73	80.3	17.82	
	4	150x350	6	2450	3	12	29.4	72.50	
DẦM D4	1	350x650	20	9450	3	3	28.35	69.92	
	2	300x650	18	2900	4	4	11.6	23.17	
	3	150x350	6	1100	73	73	80.3	17.82	
	4	150x350	6	2450	3	12	29.4	72.50	

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP SÀN Mái (CÔNG CHÍNH)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
SÀN M1	1	250x250	8	2870	56	56	160.72	63.42	
	2	50x250	8	2850	56	56	159.6	62.98	
	3	50x250	8	8870	16	16	141.92	56.00	
	4	50x250	8	3000	32	32	96	37.88	
SÀN M2	1	250x250	8	2870	56	56	160.72	63.42	
	2	50x250	8	2850	56	56	159.6	62.98	
	3	50x250	8	8870	16	16	141.92	56.00	
	4	50x250	8	3000	32	32	96	37.88	
SÀN M3	1	250x250	8	2870	56	56	160.72	63.42	
	2	50x250	8	2850	56	56	159.6	62.98	
	3	50x250	8	8870	16	16	141.92	56.00	
	4	50x250	8	3000	32	32	96	37.88	

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP SÀN Mái (NHÀ BẢO VỆ)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
SÀN M4	1	250x250	8	2870	56	56	160.72	63.42	
	2	50x250	8	2850	56	56	159.6	62.98	
	3	50x250	8	8870	16	16	141.92	56.00	
	4	50x250	8	3000	32	32	96	37.88	
SÀN M5	1	250x250	8	2870	56	56	160.72	63.42	
	2	50x250	8	2850	56	56	159.6	62.98	
	3	50x250	8	8870	16	16	141.92	56.00	
	4	50x250	8	3000	32	32	96	37.88	

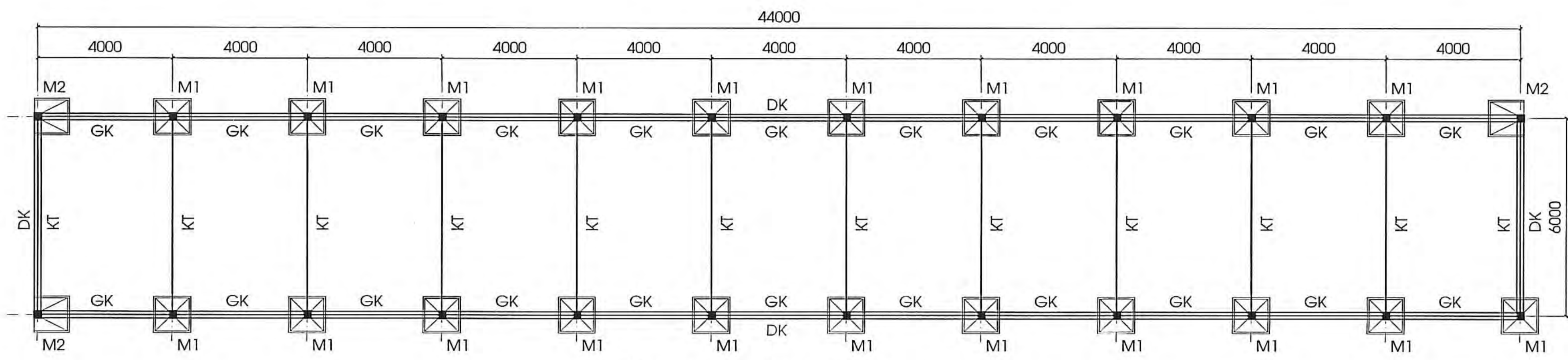
BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP KẼO Mái (CÔNG CHÍNH)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
KẼO K1	1	400x1400	14	2580	4	8	20.64	24.94	
	2	200x1400	14	2280	4	8	18.08	21.85	
	3	150x200	6	800	24	48	38.4	8.52	
	4	250x1100	12	1350	4	8	10.8	9.59	
KẼO K2	1	400x1400	14	2580	4	8	20.64	24.94	
	2	200x1400	14	2280	4	8	18.08	21.85	
	3	150x200	6	800	24	48	38.4	8.52	
	4	250x1100	12	1350	4	8	10.8	9.59	

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP SẴN (NHÀ BẢO VỆ)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
SẴN 1	1	250x1100	8	1220	80	80	97.6	38.51	
	2	250x1100	8	1200	80	80	96	37.88	
	3	250x500	8	5150	48	48	247.2	54.87	
	4	110x500	6	660	137	137	90.42	20.07	
SẴN 2	1	250x1100	8	1220	80	80	97.6	38.51	
	2	250x1100	8	1200	80	80	96	37.88	
	3	250x500	8	5150	48	48	247.2	54.87	
	4	110x500	6	660	137	137	90.42	20.07	

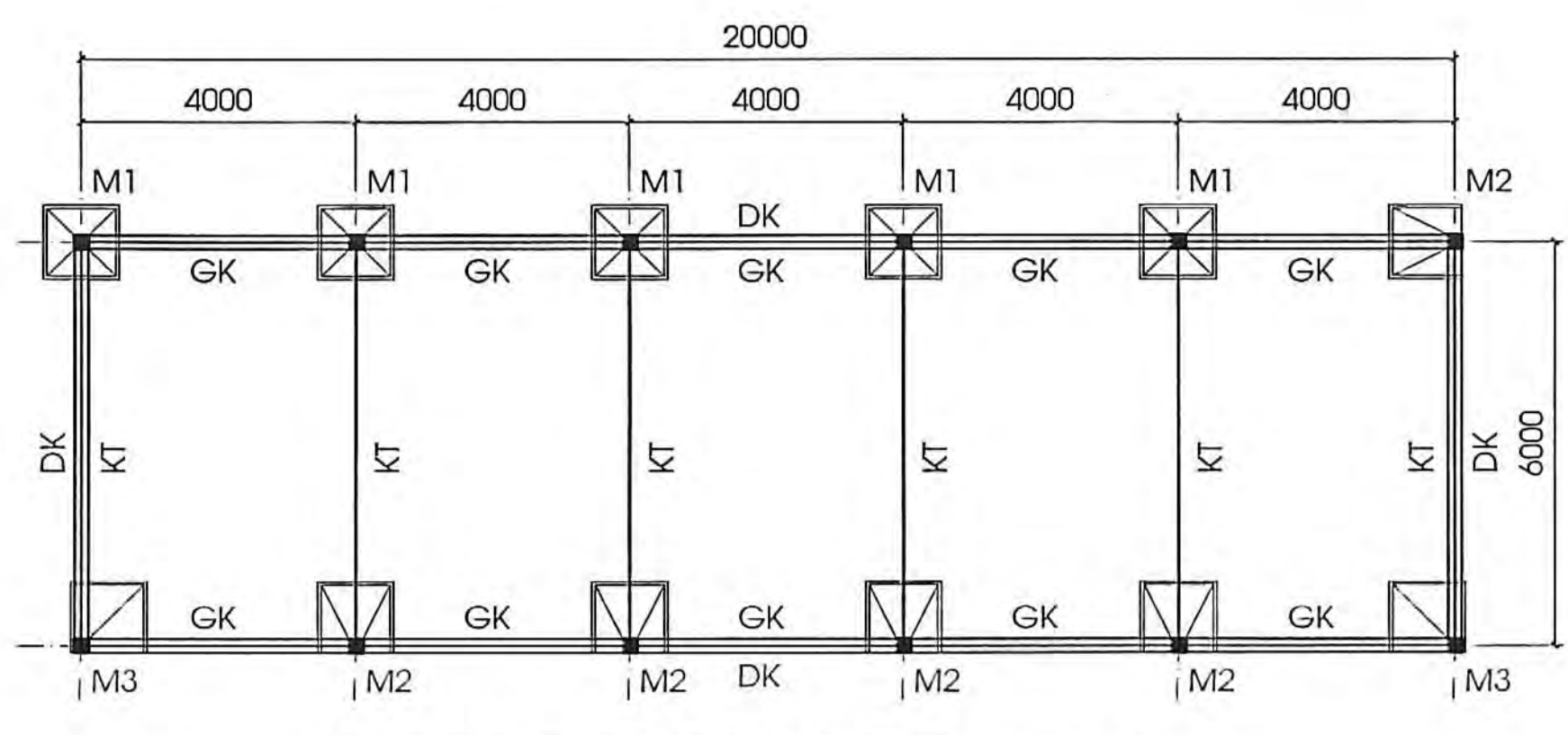
B.T.KẾ CỐT THÉP CHI TIẾT (CÔNG CHÍNH+NHÀ BẢO VỆ)									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
SẴN 3	1	250x1100	8	1220	80	80	97.6	38.51	
	2	250x1100	8	1200	80	80	96	37.88	
	3	250x500	8	5150	48	48	247.2	54.87	
	4	110x500	6	660	137	137	90.42	20.07	
SẴN 4	1	250x1100	8	1220	80	80	97.6	38.51	
	2	250x1100	8	1200	80	80	96	37.88	
	3	250x500	8	5150	48	48	247.2	54.87	
	4	110x500	6	660	137	137	90.42	20.07	

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP CỘT									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)	
CỘT 1	1	250x250	12	2350	4	516	1212.6	1076.96	
	2	150x250	6	700	17	2153	1555.1	340.72	
	3	250x250	12	2700	4	16	43.2	38.35	
	4	150x250	6	700	19	76	53.2	11.81	
CỘT 2	1	250x250	12	2350	4	516	1212.6	1076.96	
	2	150x250	6	700	17	2153	1555.1	340.72	
	3	250x250	12	2700	4	16	43.2	38.35	
	4	150x250	6	700	19	76	53.2	11.81	
CỘT 3	1	250x250	12	2350	4	516	1212.6	1076.96	
	2	150x250	6	700	17	2153	1555.1	340.72	
	3	250x250	12	2700	4	16	43.2	38.35	
	4	150x250	6	700	19	76	53.2	11.81	
CỘT 4	1	250x250	12	2350	4	516	1212.6	1076.96	
	2	150x250	6	700	17	2153	1555.1	340.72	
	3	250x250	12	2700	4	16	43.2	38.35	
	4	150x250	6	700	19	76	53.2	11.81	
CỘT 5	1	250x250	12	2350	4	516	1212.6	1076.96	
	2	150x250	6	700	17	2153	1555.1	340.72	
	3	250x250	12	2700	4	16	43.2	38.35	
	4	150x250	6	700	19	76	53.2	11.81	

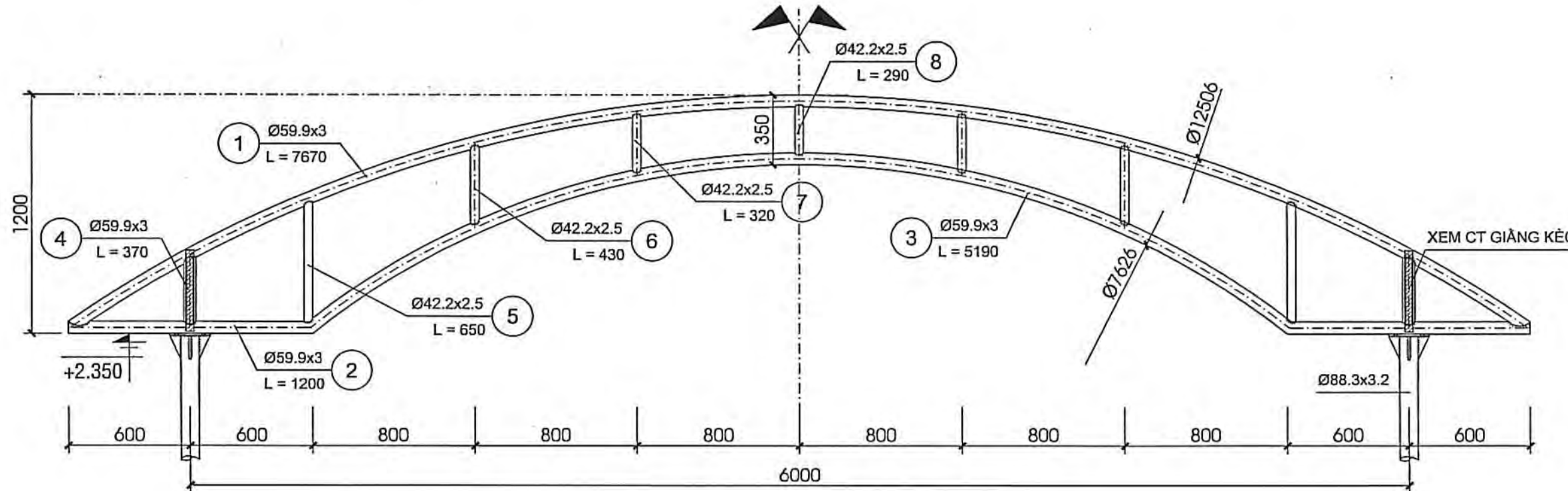
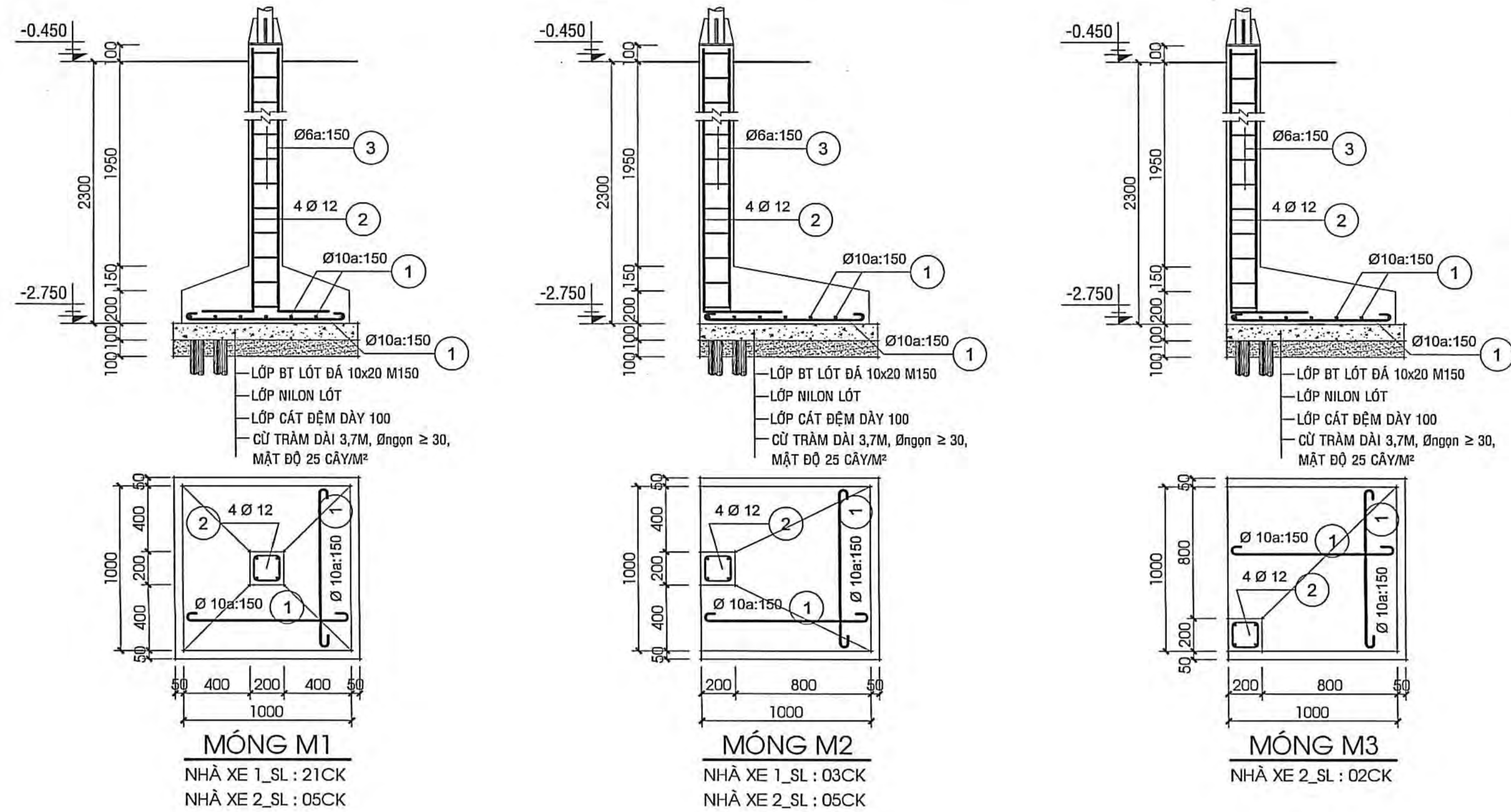
BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP ĐÀ KIỀNG										
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC		ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG LƯỢNG (Kg)	
						1 C.KIỆN	T.BỘ			
ĐÀ KIỀNG SỔ ĐẠNG 1	1	250	40150	250	12	41730	6	6	250.38	222.29
	2	200	40150	200	12	41630	6	6	249.78	221.76
	1	250	10950	250	12	11450	2	2	22.9	20.33
	2	200	10950	200	12	11350	2	2	22.7	20.15
	1	250	3550	250	12	4050	2	2	8.1	7.19
	2	200	3550	200	12	3950	2	2	7.9	7.01
	1	250	31910	250	12	33130	2	2	66.26	58.83
	2	200	31910	200	12	33030	2	2	66.06	58.65
	1	250	6340	250	12	6840	2	2	13.68	12.15
	2	200	6340	200	12	6740	2	2	13.48	11.87
	1	250	4490	250	12	4990	2	2	9.98	8.86
	2	200	4490	200	12	4890	2	2	9.78	8.68
	1	250	33600	250	12	35020	2	2	70.04	62.18
	2	200	33800	200	12	34920	2	2	69.84	62.00
	1	250	4500	250	12	5000	2	2	10	8.80
	2	200	4500	200	12	4900	2	2	9.8	8.78
1	250	3150	250	12	3650	2	2	7.3	6.48	



MẶT BẰNG KẾT CẤU NHÀ XE 1 _TL: 1/100



MẶT BẰNG KẾT CẤU NHÀ XE 2 _TL: 1/100



KÈO THÉP KT _TL: 1/25
NHÀ XE 1_SL: 12CK
NHÀ XE 2_SL: 06CK

GHI CHÚ :

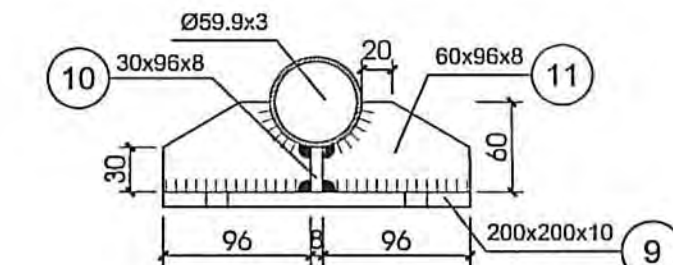
- CHIỀU CAO ĐƯỜNG HẸN > 4MM
- CÁC MỐI HÀN PHẢI ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, KHÔNG RỎ RÚT, KHÔNG LÂM KHUYẾT THép
- THÉP KÈO, CỘT, GIẢNG KÈO ĐƯỢC SƠN LỚP CHỐNG RỈ MINIMUM, 2 LỚP MÀU PHÚ NGUYÊN

GHI CHÚ :

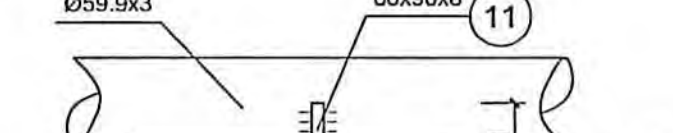
- KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TCVN 5574:2018
- BÊ TÔNG TUẦN THEO TCVN 5940:2012
- 2.1. CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN CỦA BÊ TÔNG:
 - BÊ TÔNG KẾT CẤU ĐÁ 10x20: B15 (M200)
 - BÊ TÔNG LỘT ĐÁ 10x20: B12.5 (M150)
- 2.2. XÃ MĂNG THỦY HỢP VỚI TIÊU CHUẨN TCVN 2682:2020 VÀ TCVN 6390:2020
- 2.3. CỐT THÉP THEO TCVN 1651:2018
3. CỐT THÉP THEO TCVN 1651:2018
 - THÉP Ø < 10mm (THÉP C8240-T): GIỚI HẠN CHẢY NHỎ NHẤT R_{el} >= 240 MPa
 - THÉP Ø > 10mm (THÉP C8300-V): GIỚI HẠN CHẢY NHỎ NHẤT R_{el} >= 300 MPa
4. ĐƠN VỊ THỊ CÔNG CẤU:
 - KẾT HỢP BẢN VẼ KIẾN TRÚC - KẾT CẤU - ĐIỆN - MỤC KHI THỊ CÔNG
 - ĐỐI CHIỀU CÁC KÍCH THƯỚC KIẾN TRÚC KHI THỊ CÔNG
 - THỊ CÔNG PHẢI TUÂN THEO CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM

DẦM DK

NHÀ XE 1: L = 44200 : 02CK; L = 20200 : 02CK
NHÀ XE 2: L = 6200 : 02CK; L = 6200 : 02CK



CT VÌ KÈO LIÊN KẾT VÀO ĐẦU CỘT _TL: 1/5



CT VÌ KÈO LIÊN KẾT VÀO ĐẦU CỘT _TL: 1/5

NHÀ XE 1 - BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
MÓNG M1 Số lượng: 21	1	25 900 25	10	1050	14	294	308.7	190.33	
	2	250 2350	12	2600	4	84	218.4	193.90	
	3	150 150 50	6	700	17	357	249.9	55.47	
MÓNG M2 Số lượng: 3	1	25 900 25	10	1050	14	42	44.1	27.19	
	2	250 2350	12	2600	4	12	31.2	27.70	
	3	150 150 50	6	700	17	51	35.7	7.92	
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 63.39 kg; Chiều dài = 285.6 mét									
- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 217.52 kg; Chiều dài = 352.8 mét									
- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 221.6 kg; Chiều dài = 249.6 mét									

NHÀ XE 1 - BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP ĐÀ KIỀNG									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
DẦM DK Số lượng: 1	1	250 44150	250	45730	4	4	182.92	162.40	
	2	200 44150	200	45930	4	4	182.52	162.04	
	3	250 6150	250	12	6650	4	4	26.8	23.62
DẦM DK Số lượng: 2	1	250 6150	250	12	6550	4	4	26.2	23.26
	2	200 6150	200	12	6550	4	4	26.2	23.26
	3	150 250 50	6	900	762	762	685.8	152.22	
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 152.22 kg; Chiều dài = 685.8 mét									
- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 371.32 kg; Chiều dài = 418.24 mét									

NHÀ XE 1 - BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
CỘT THÉP Số lượng: 24	1	Thép ống	ø88.3x3.2	2800	1	24	67.2	451.30	
	2	Thép bản	200x200x10	2	48	1.92 m2	150.72		
	3	Thép bản	56x150x8	4	96	0.8064 m2	59.64		
	4	BULÔNG Ø16	600	4 CON	96 CON				
	5	Thép bản	56x120x8	2	48	0.2226 m2	20.26		
	6	BULÔNG Ø14	50	4 CON	96 CON				
- BULÔNG Ø14 = 96 CON									
- BULÔNG Ø16 = 96 CON									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 150.72 kg									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 8 mm = 70.9 kg									
- Trọng lượng thép ống tròn có ø88.3x3.2 = 451.3 kg; Chiều dài = 67.2 mét									

NHÀ XE 1 - BẢNG THỐNG KÊ KÈO THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
KÈO THÉP KT Số lượng: 12	1	Thép ống	ø59.9x3	7670	1	12	92.04	387.46	
	2	Thép ống	ø59.9x3	1200	2	24	28.8	121.24	
	3	Thép ống	ø59.9x3	5150	1	12	62.28	252.18	
	4	Thép ống	ø59.9x3	370	2	24	8.88	37.38	
	5	Thép ống	ø42.2x2.5	650	2	24	15.6	38.18	
	6	Thép ống	ø42.2x2.5	430	2	24	10.32	25.26	
	7	Thép ống	ø42.2x2.5	320	2	24	7.68	18.80	
	8	Thép ống	ø42.2x2.5	290	1	12	3.48	8.52	
	9	Thép bản	200x200x10	2	24	0.96 m2	75.36		
	10	Thép bản	30x96x8	4	48	0.1324 m2	8.68		
	11	Thép bản	60x96x8	4	48	0.2768 m2	17.36		
- Trọng lượng thép ống tròn có ø59.9x3 = 808.26 kg; Chiều dài = 192 mét									
- Trọng lượng thép ống tròn có ø42.2x2.5 = 90.76 kg; Chiều dài = 37.08 mét									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 75.36 kg									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 8 mm = 26.04 kg									

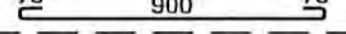
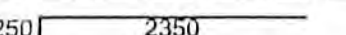
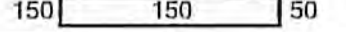
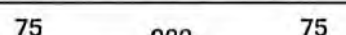
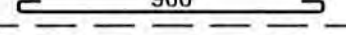
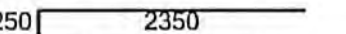
NHÀ XE 1 - BẢNG THỐNG KÊ XÀ GỖ THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
XÀ GỖ Số lượng: 12	1	Thép C	C100x50x2	45400	1	13	590.2	---	
	2	Thép bản	120x150x8	12	156	2.808 m2	176.34	---	
- Thép C100x50x2 có chiều dài = 590.2 mét									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 8 mm = 176.34 kg									

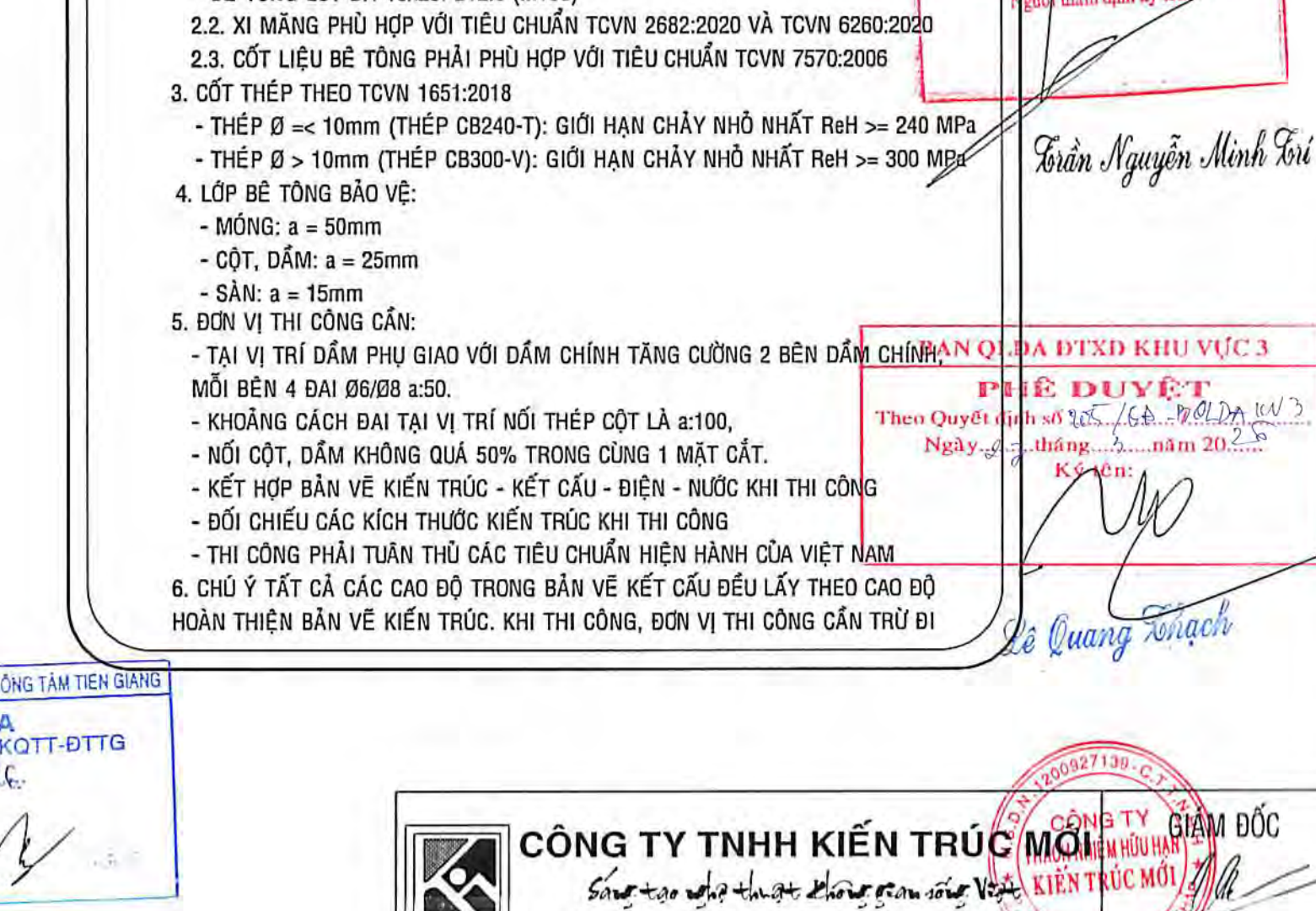
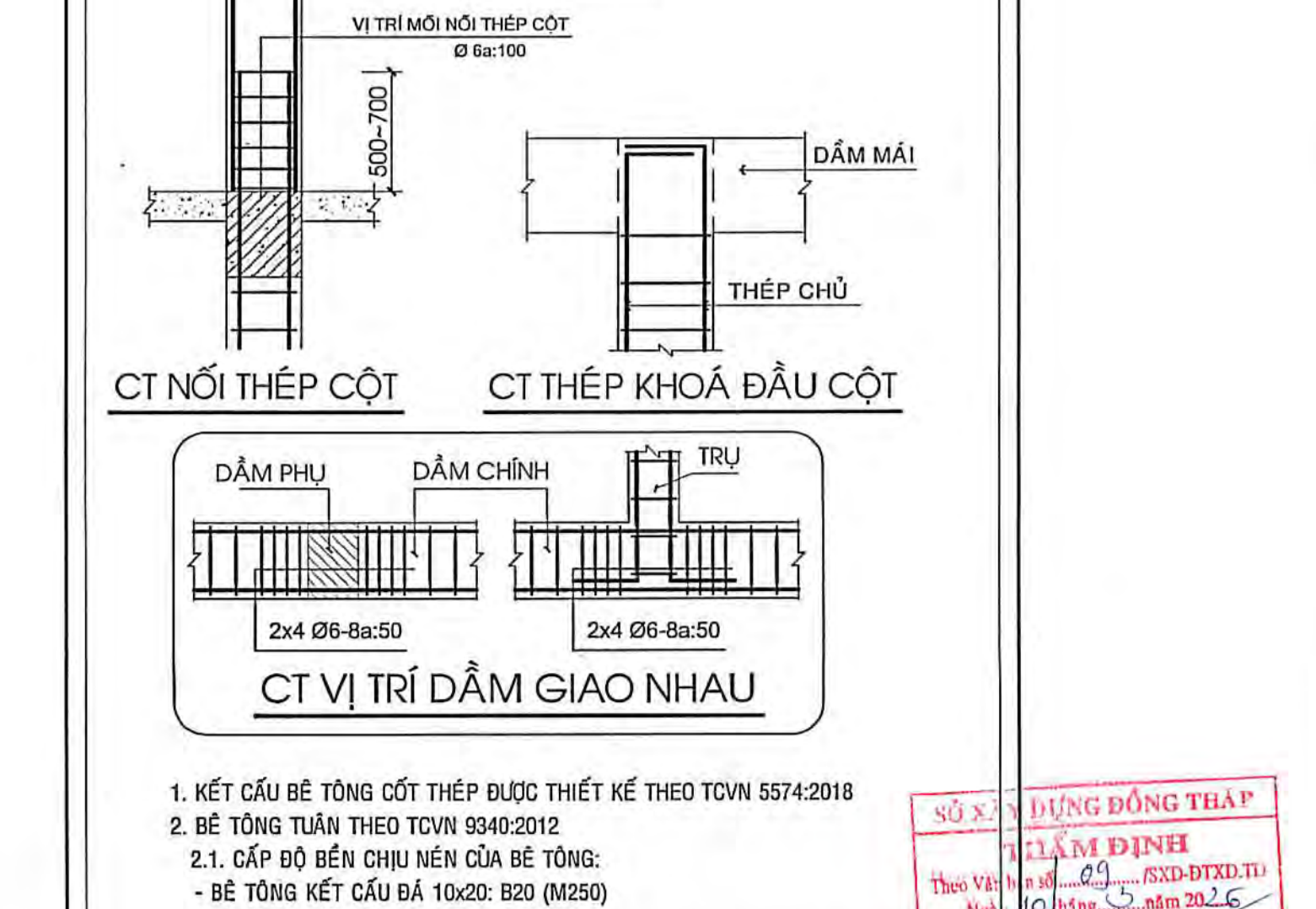
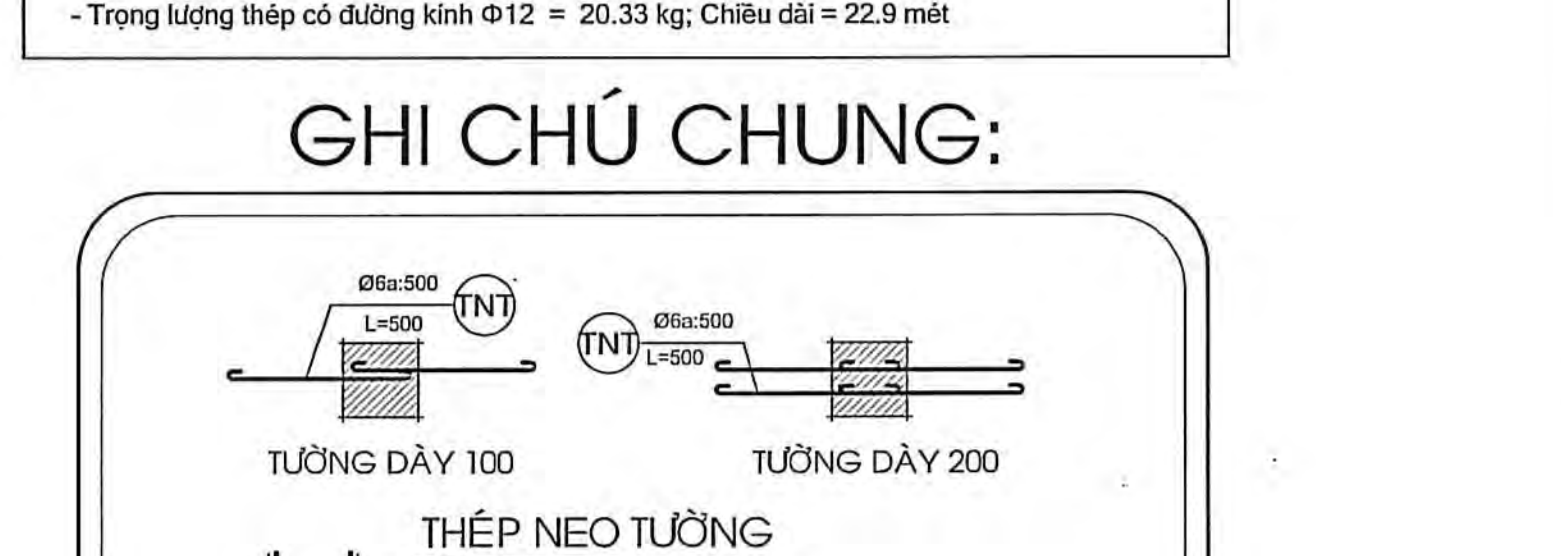
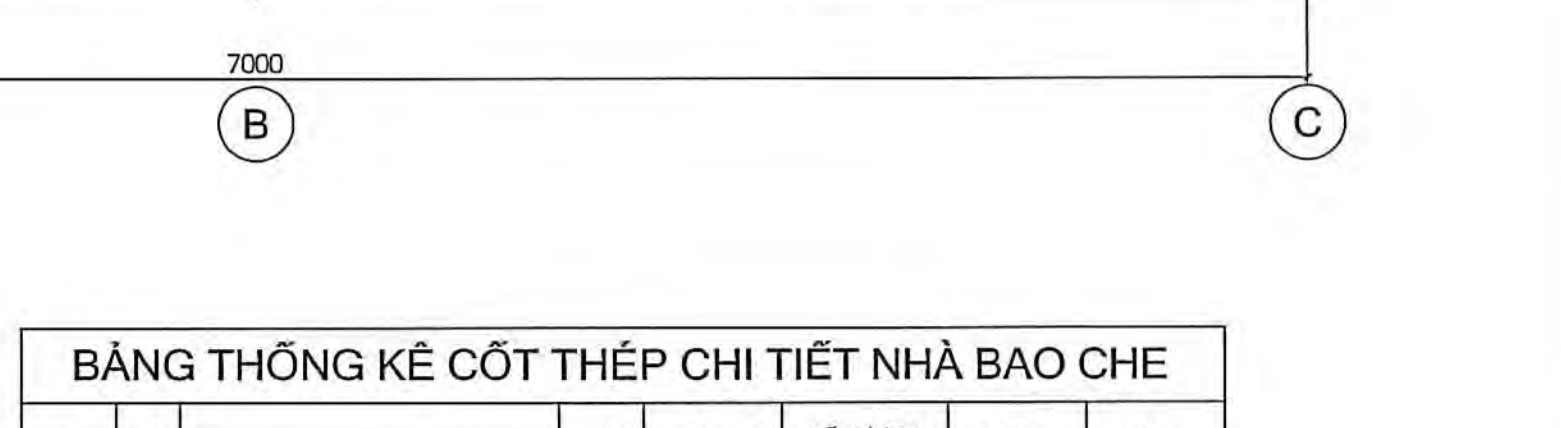
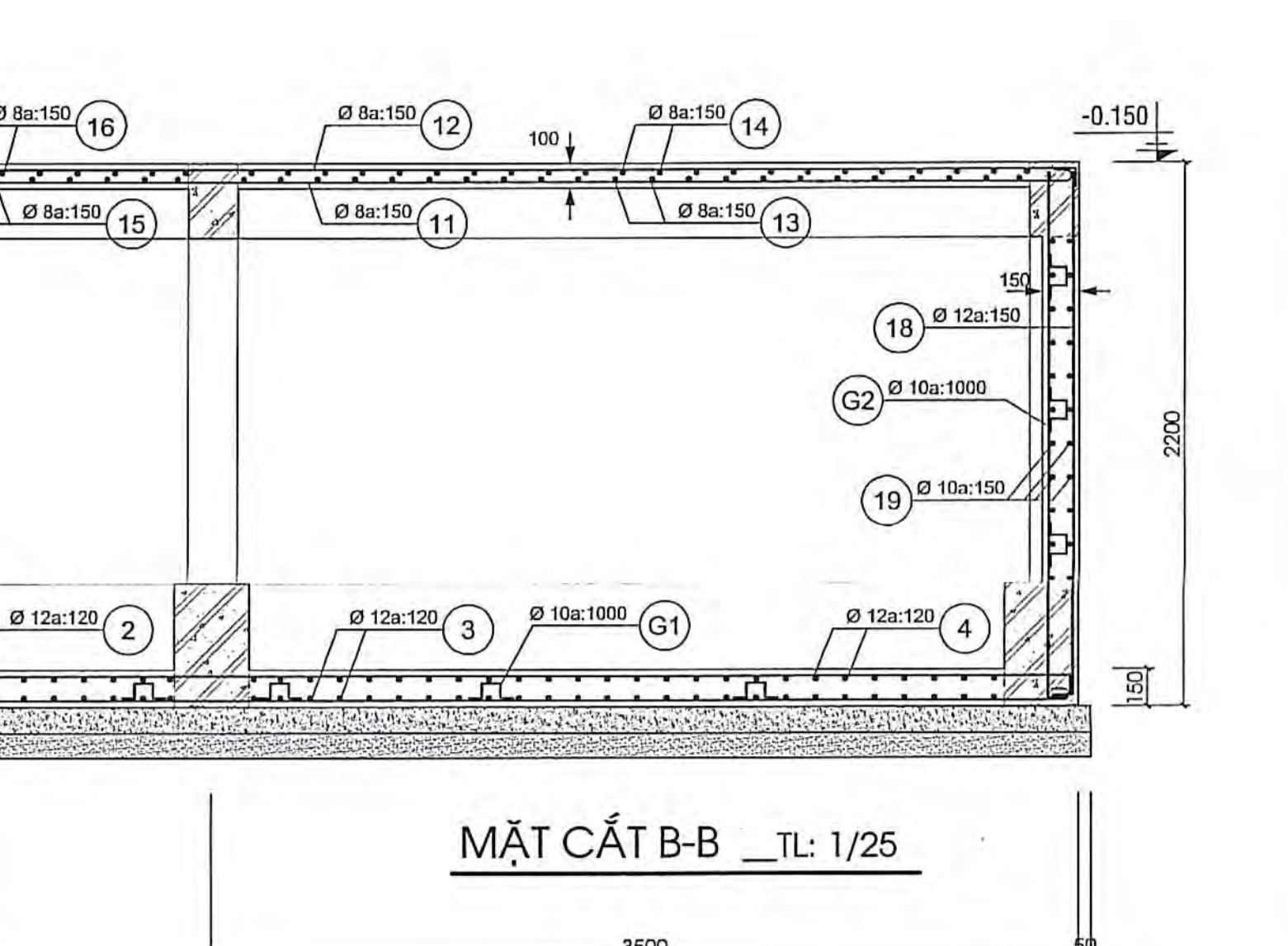
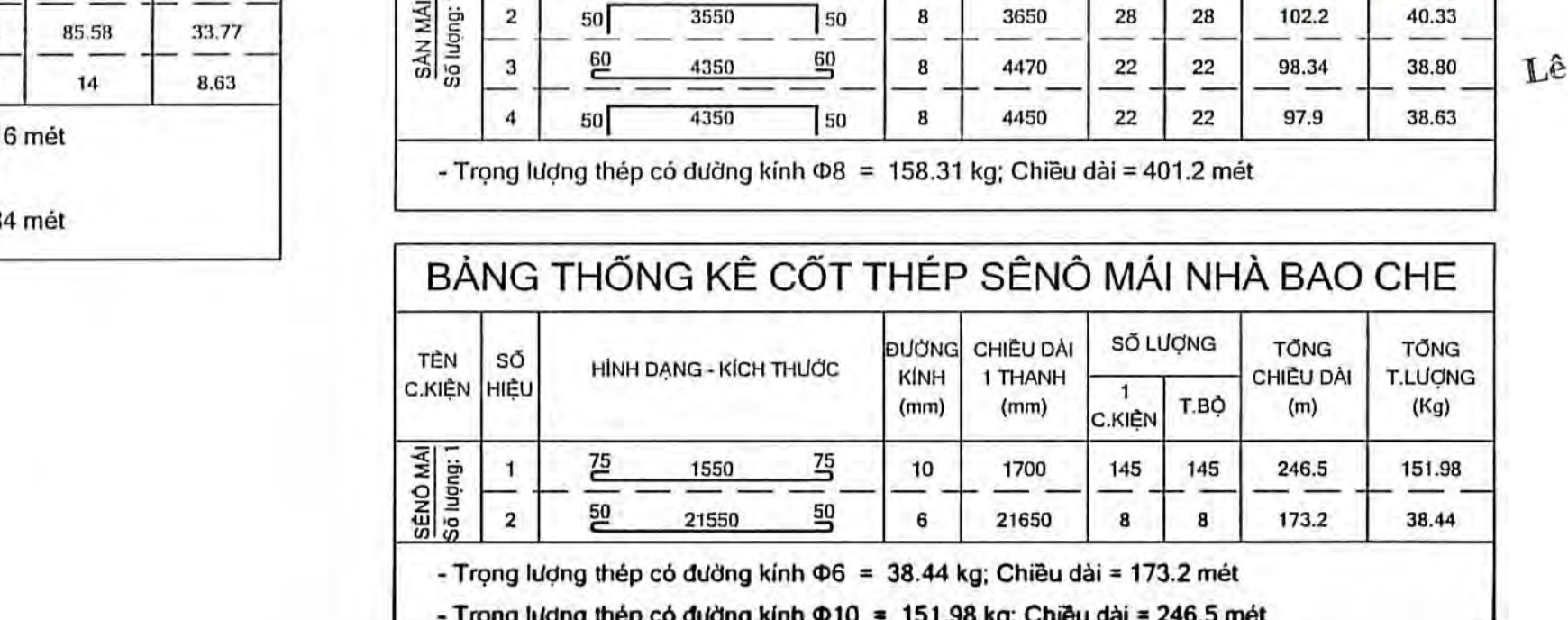
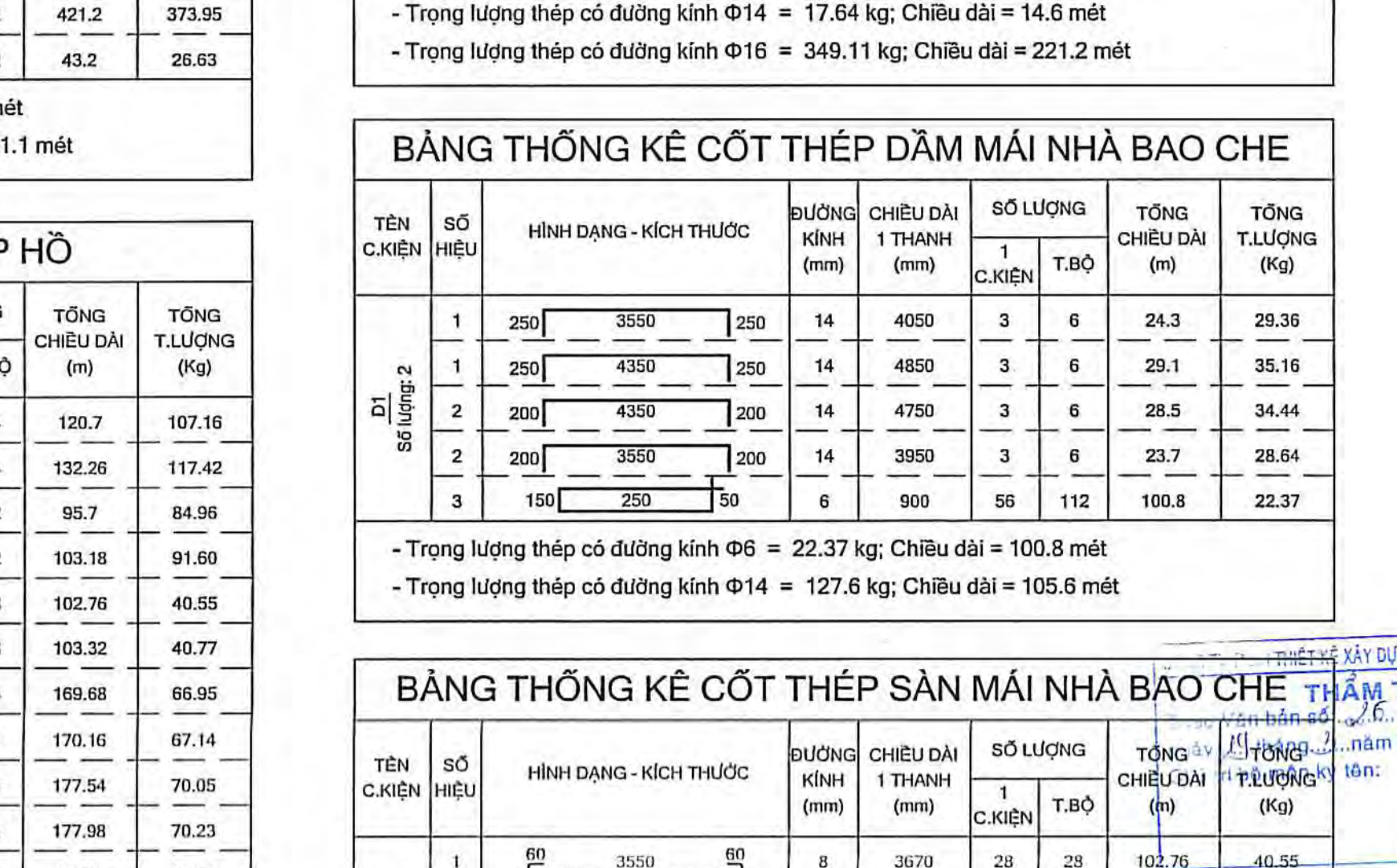
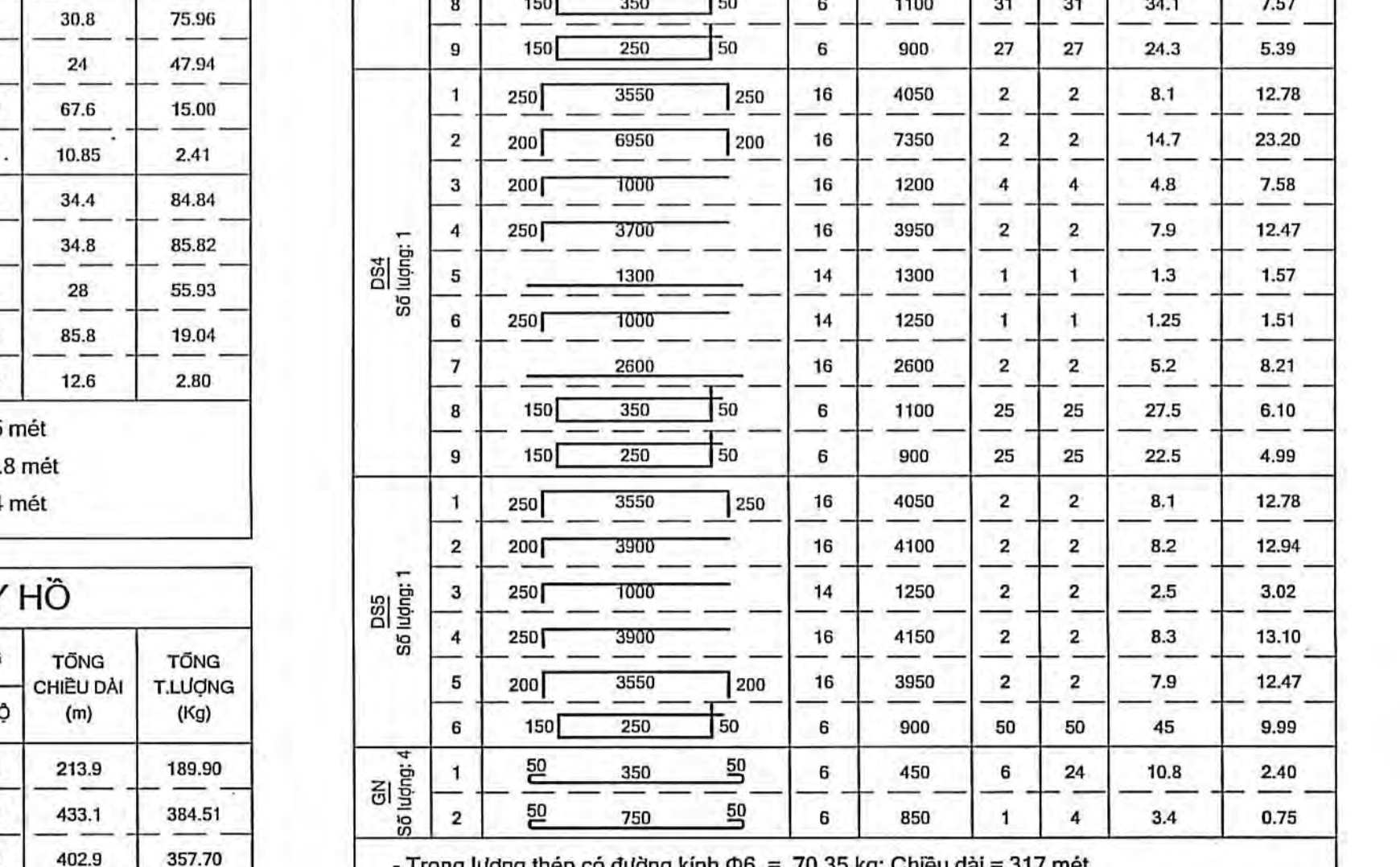
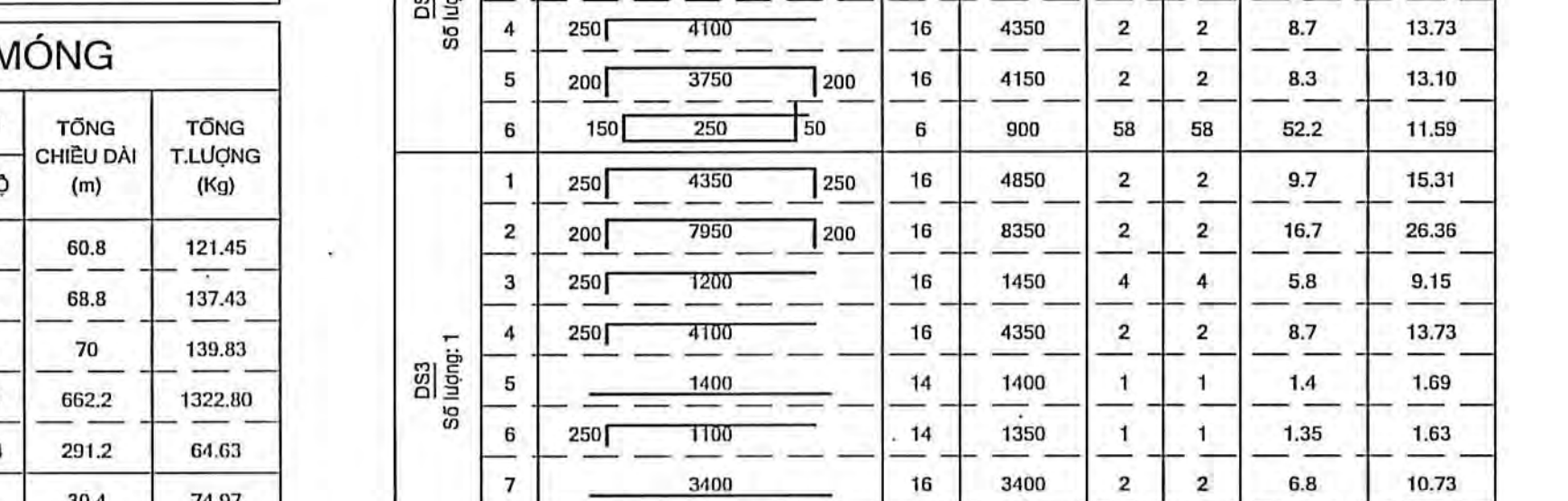
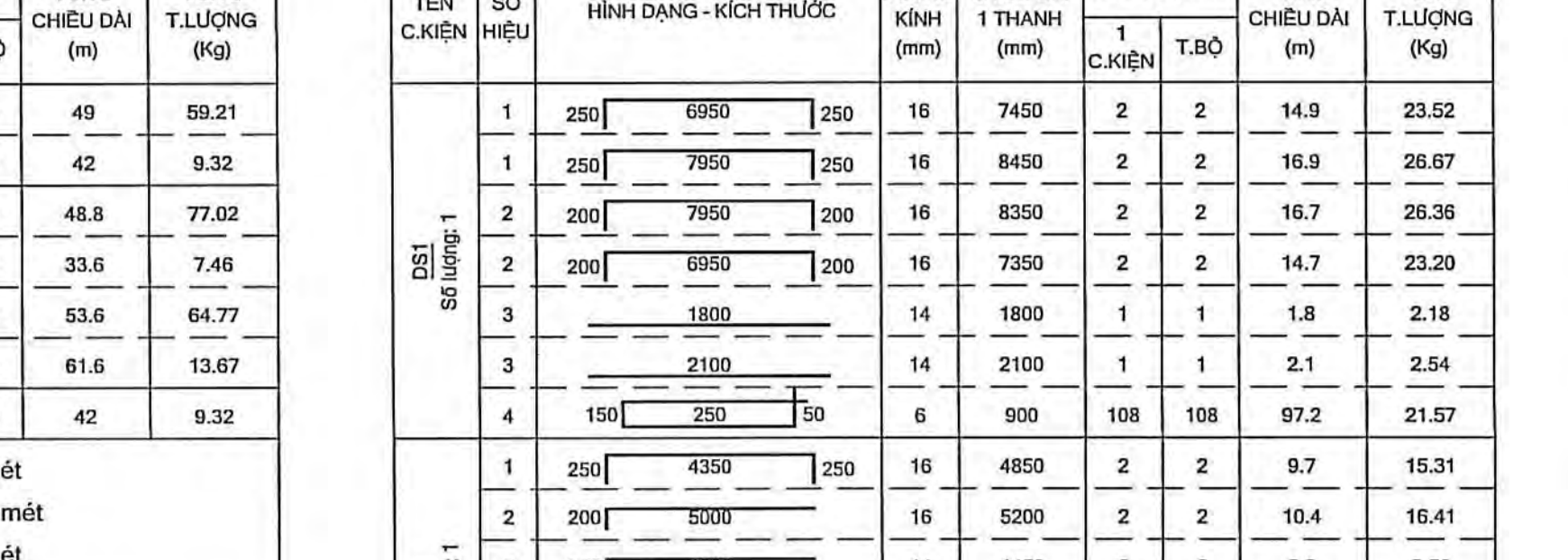
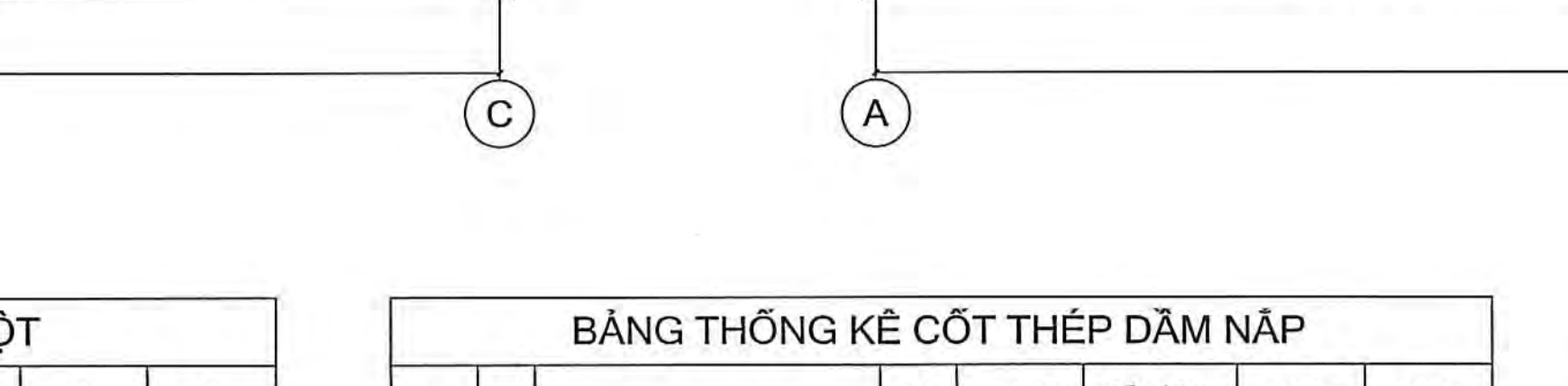
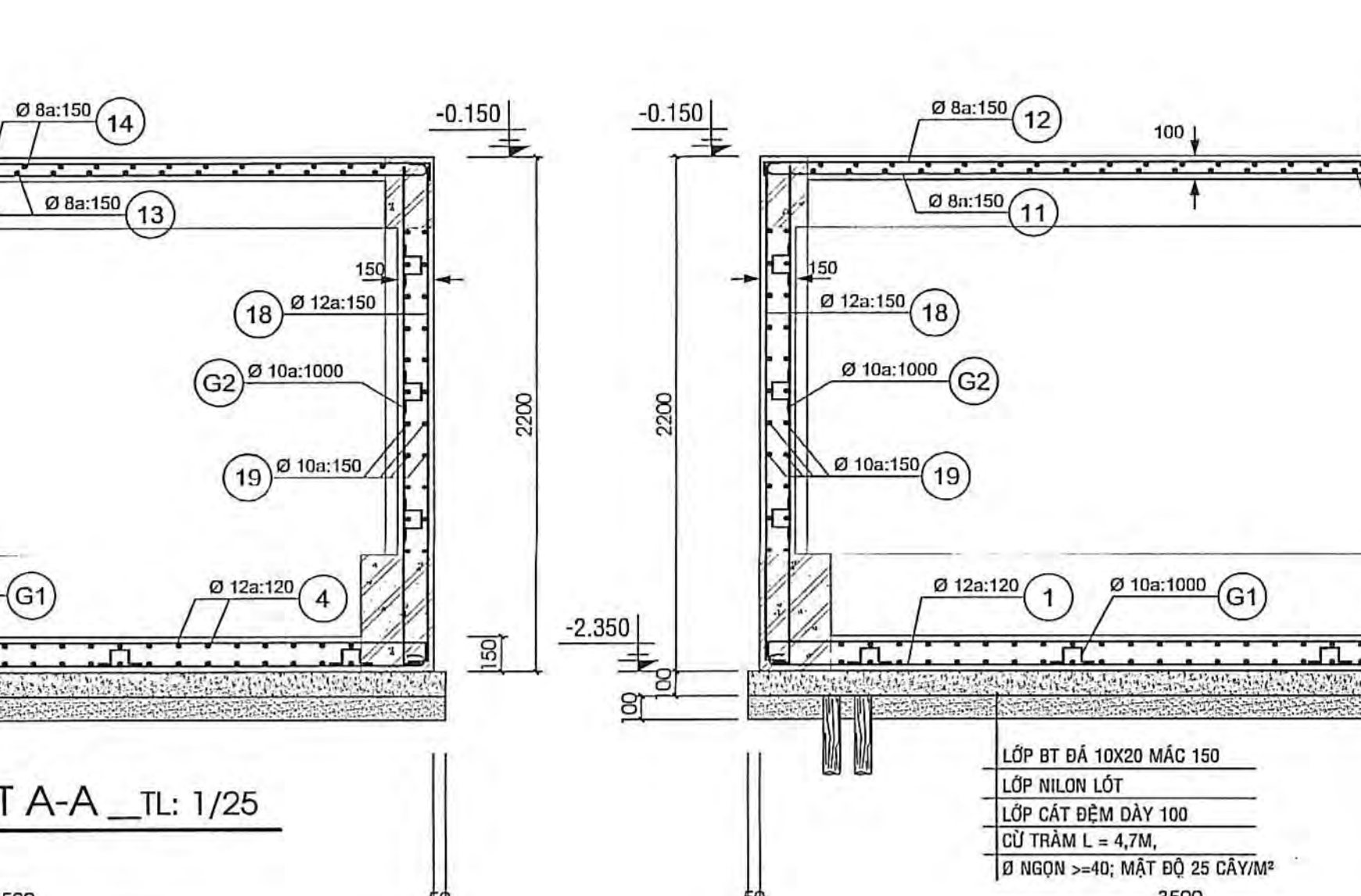
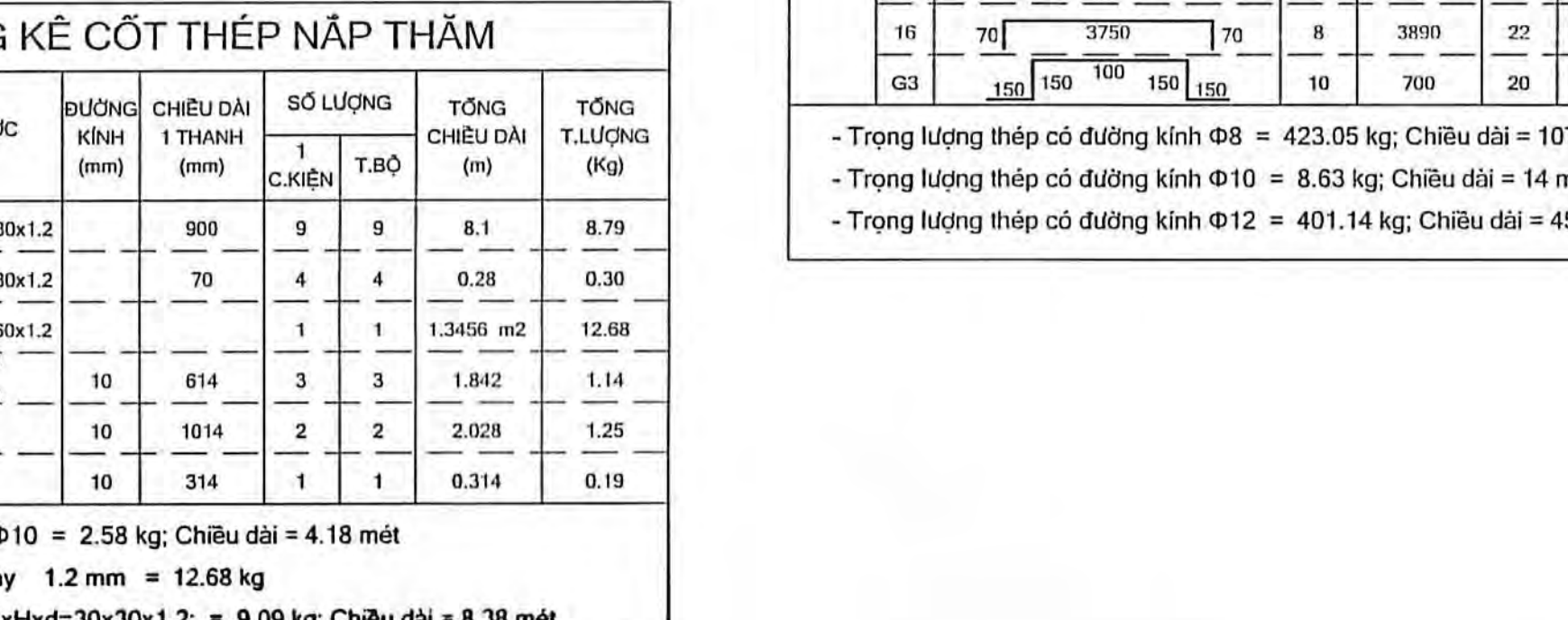
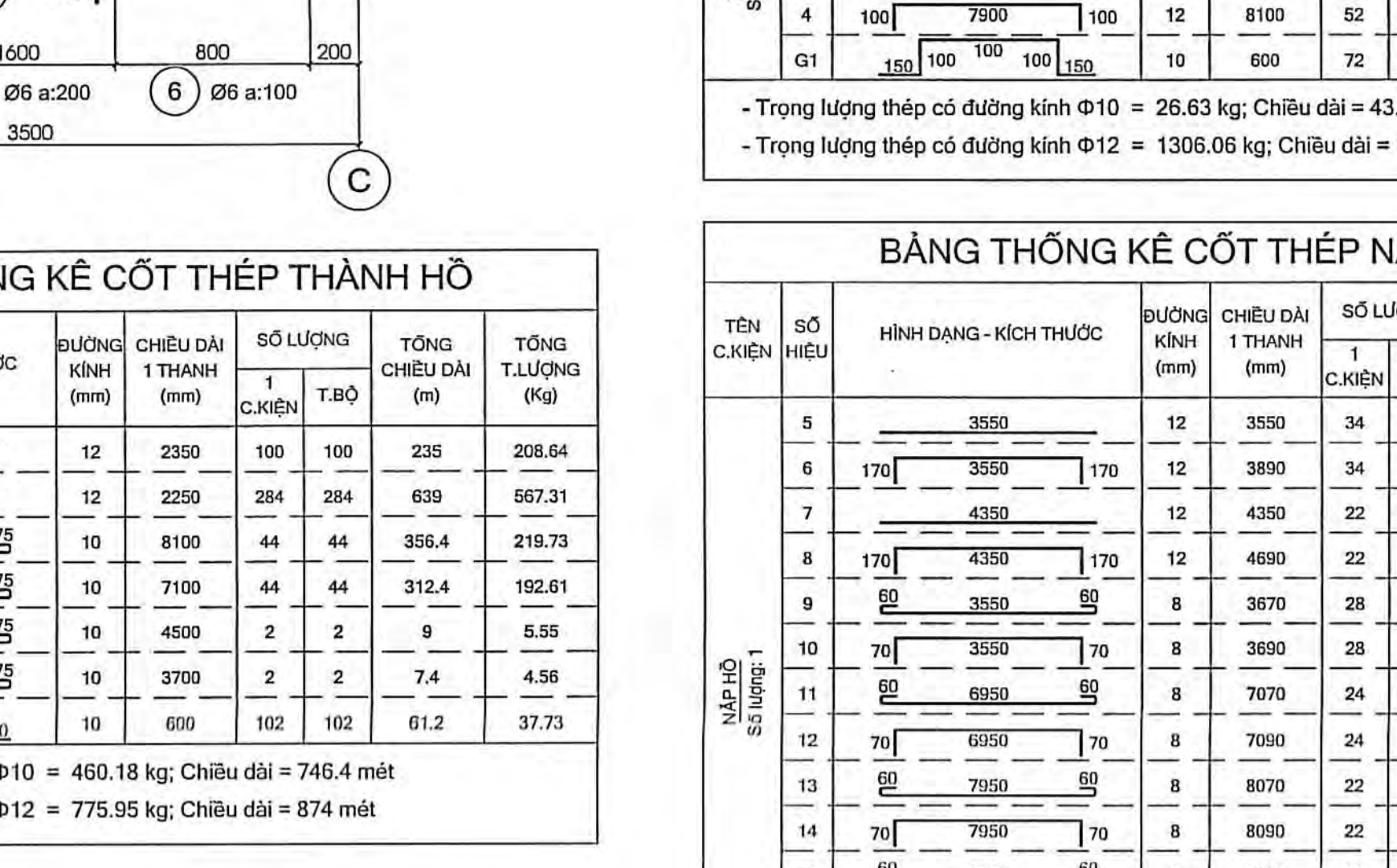
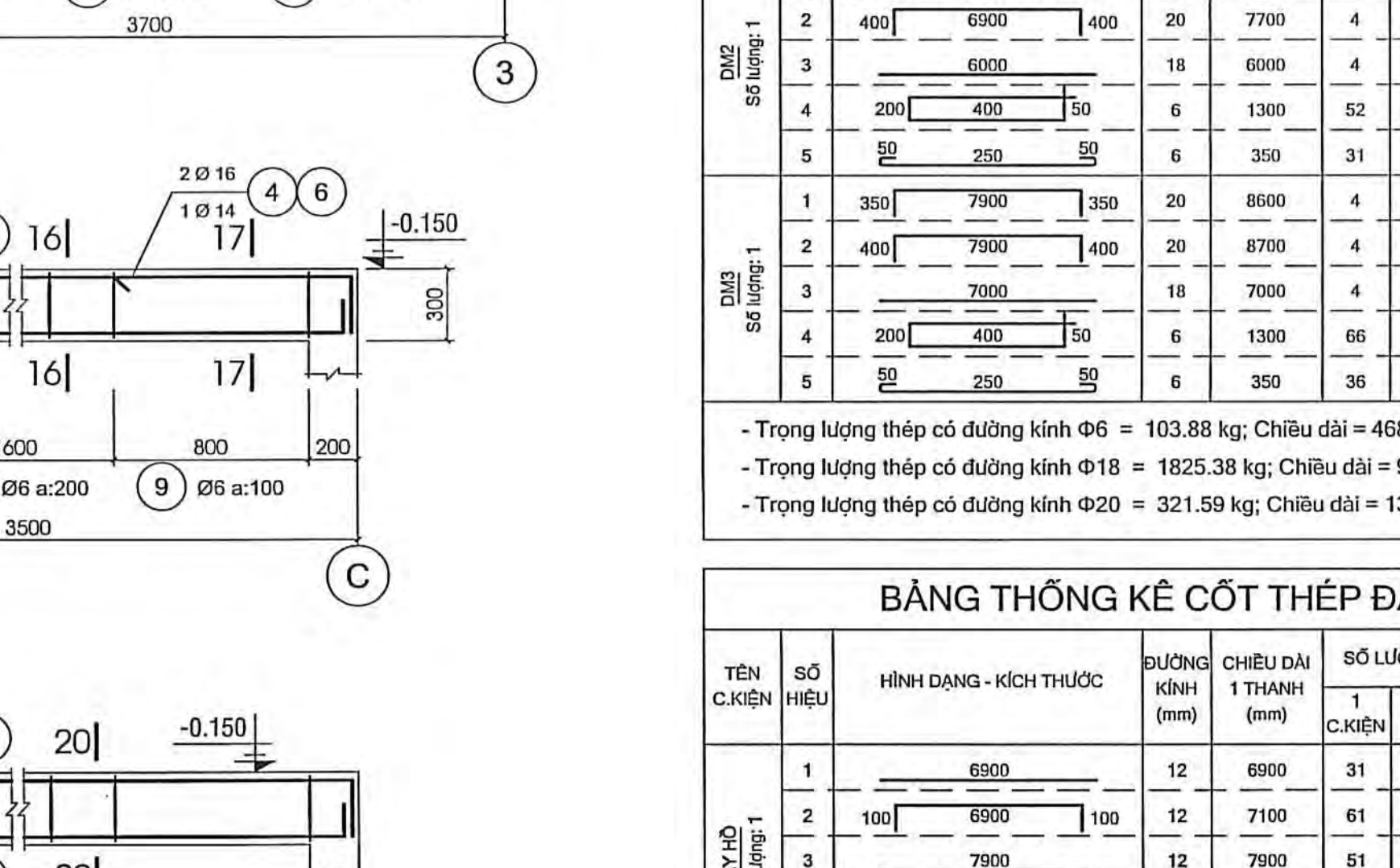
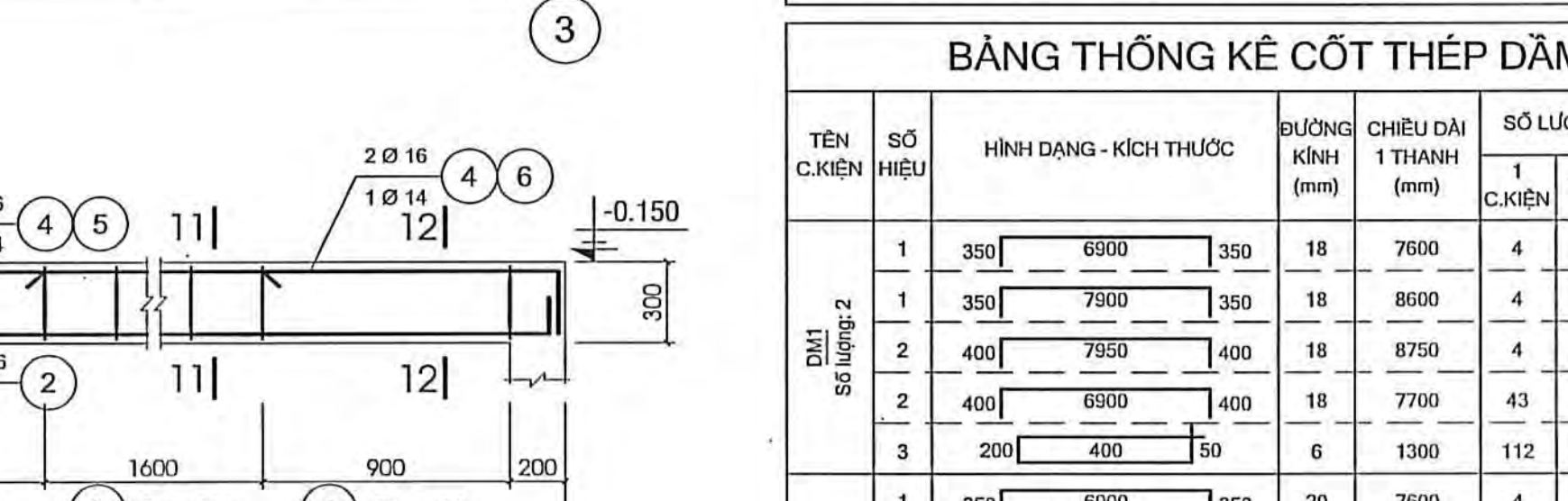
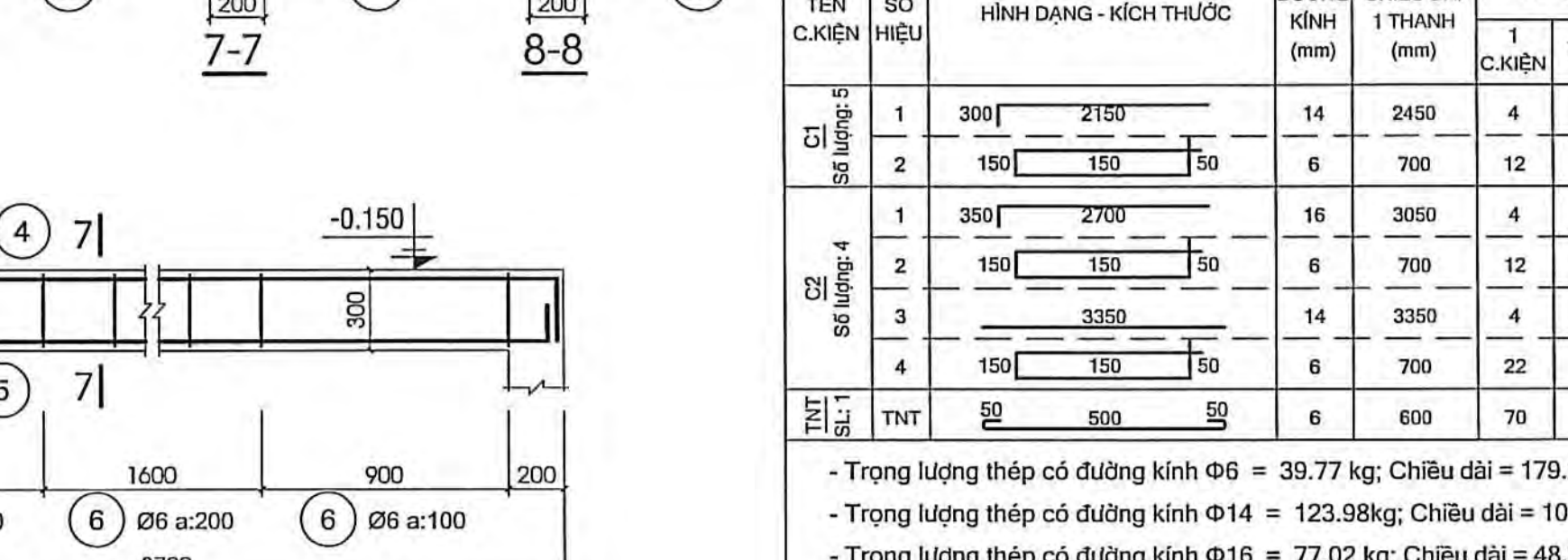
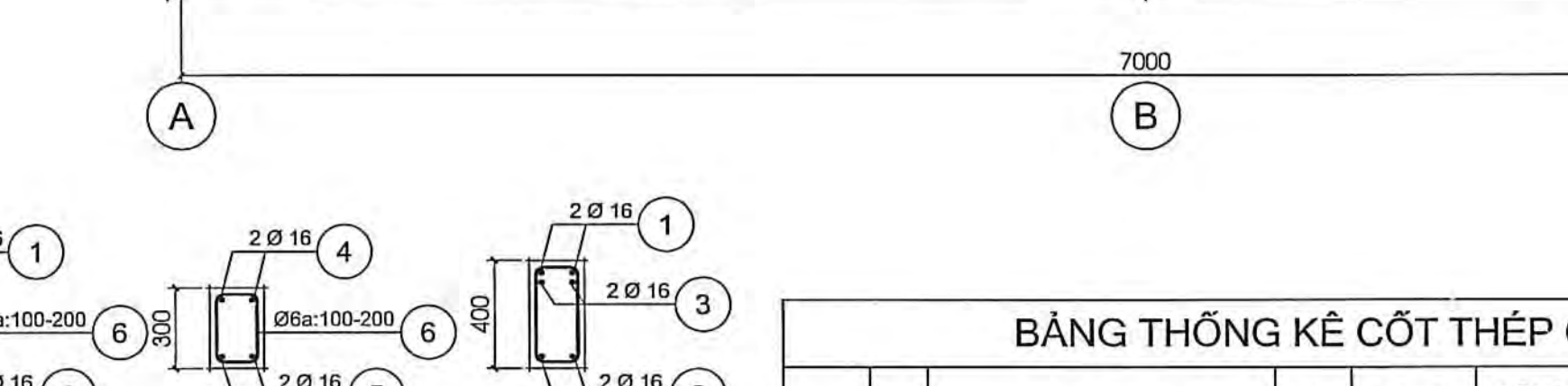
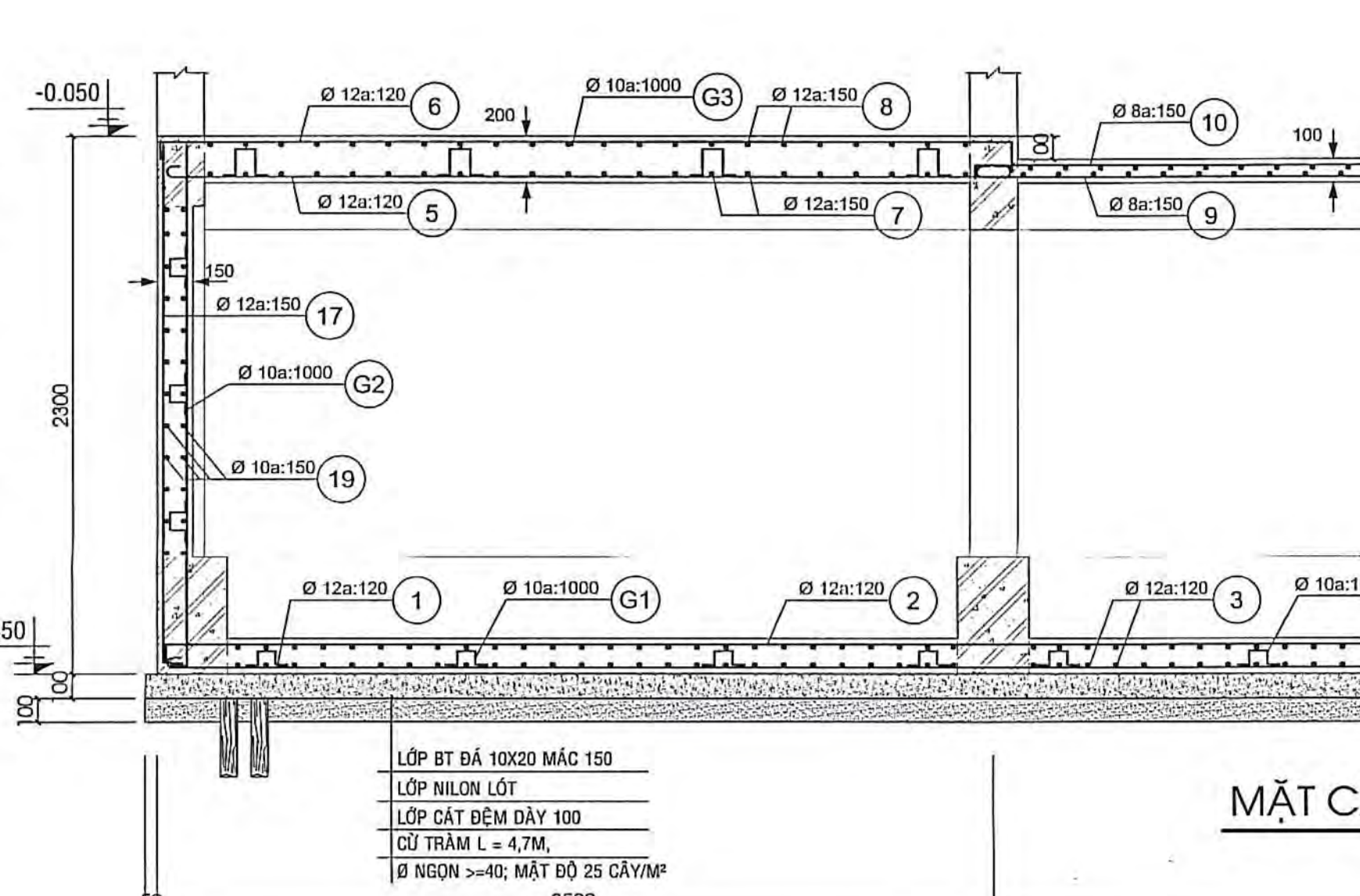
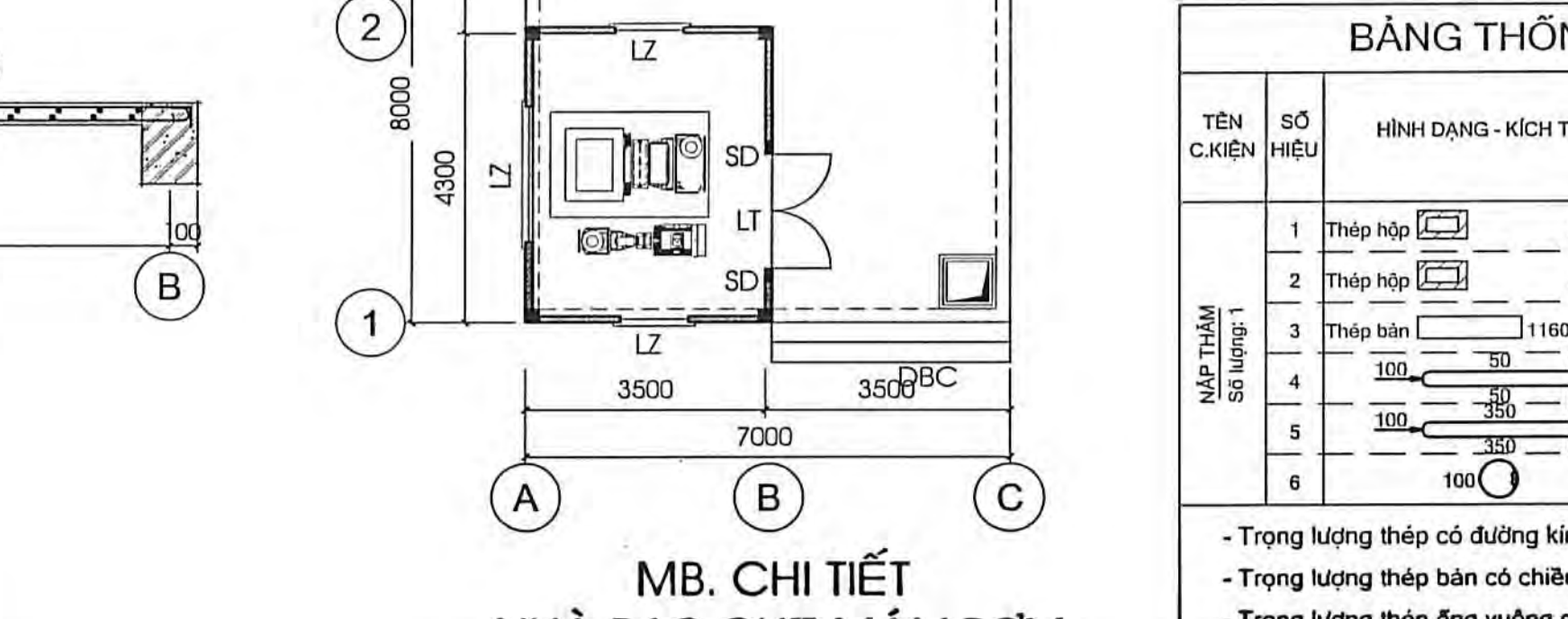
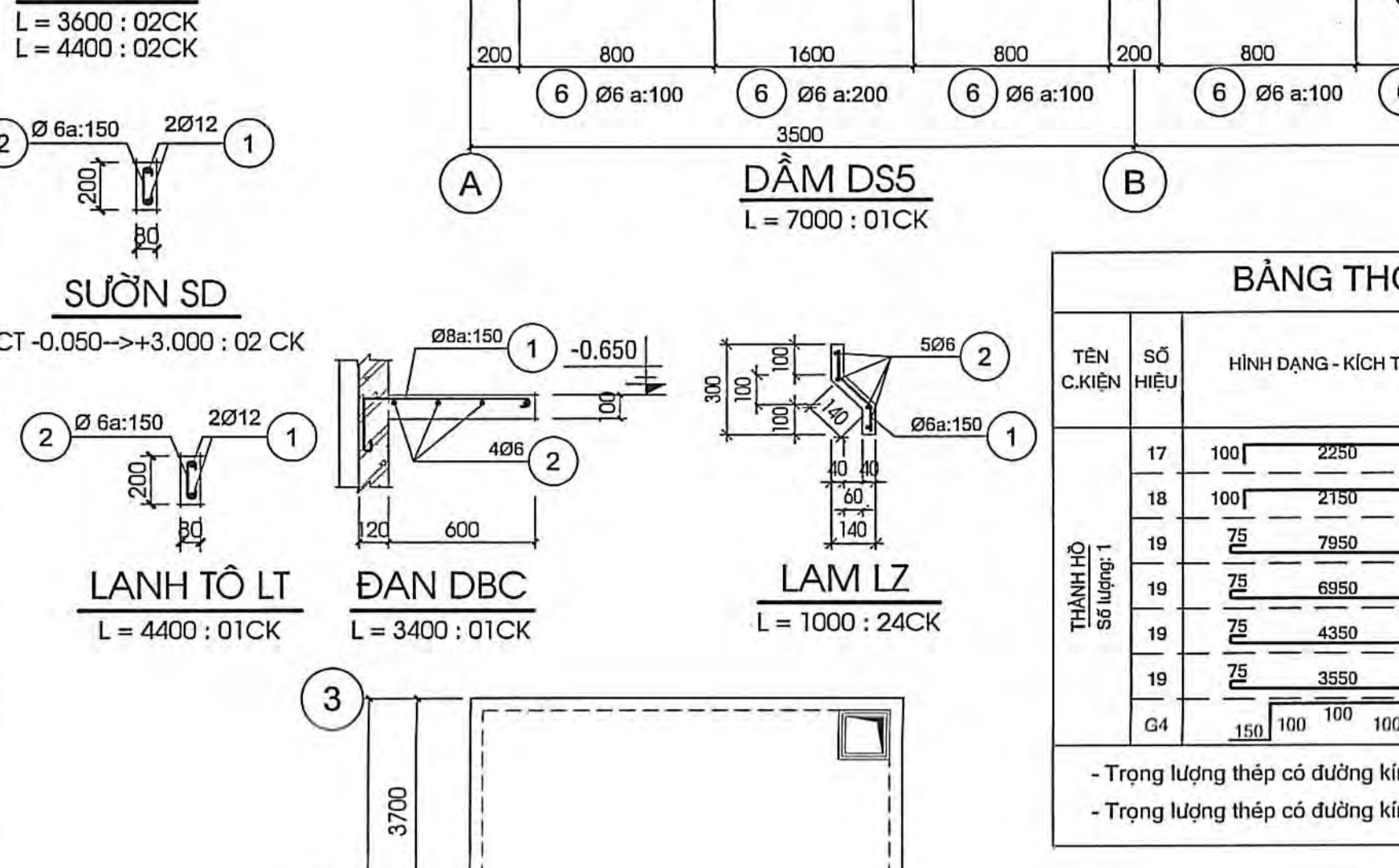
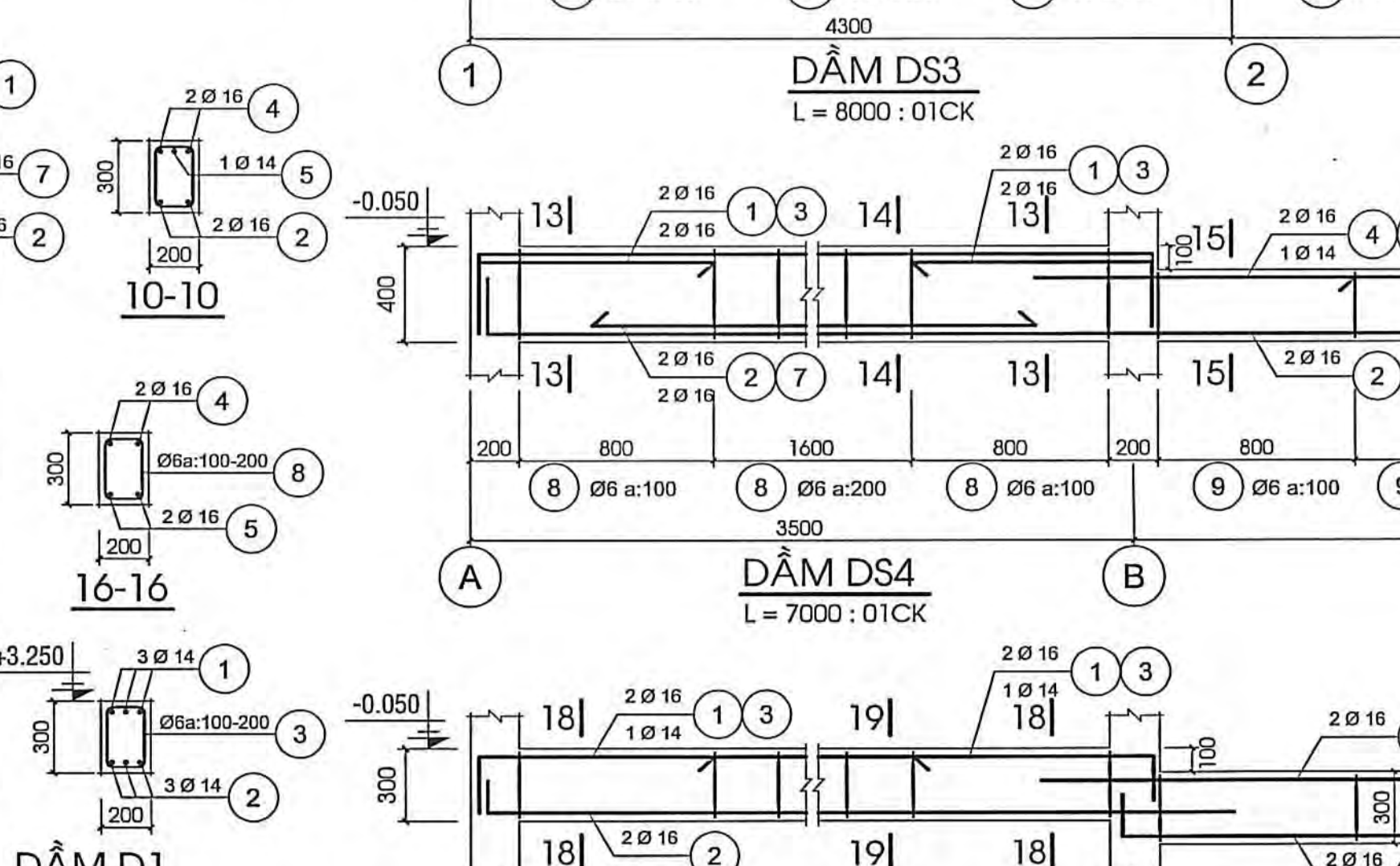
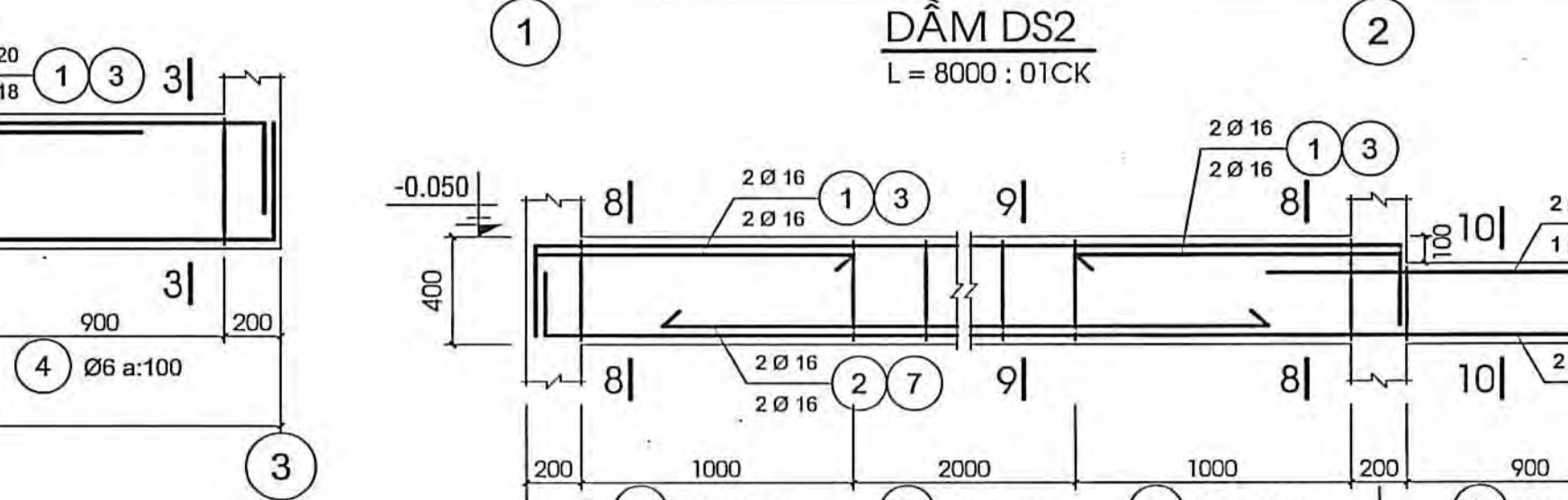
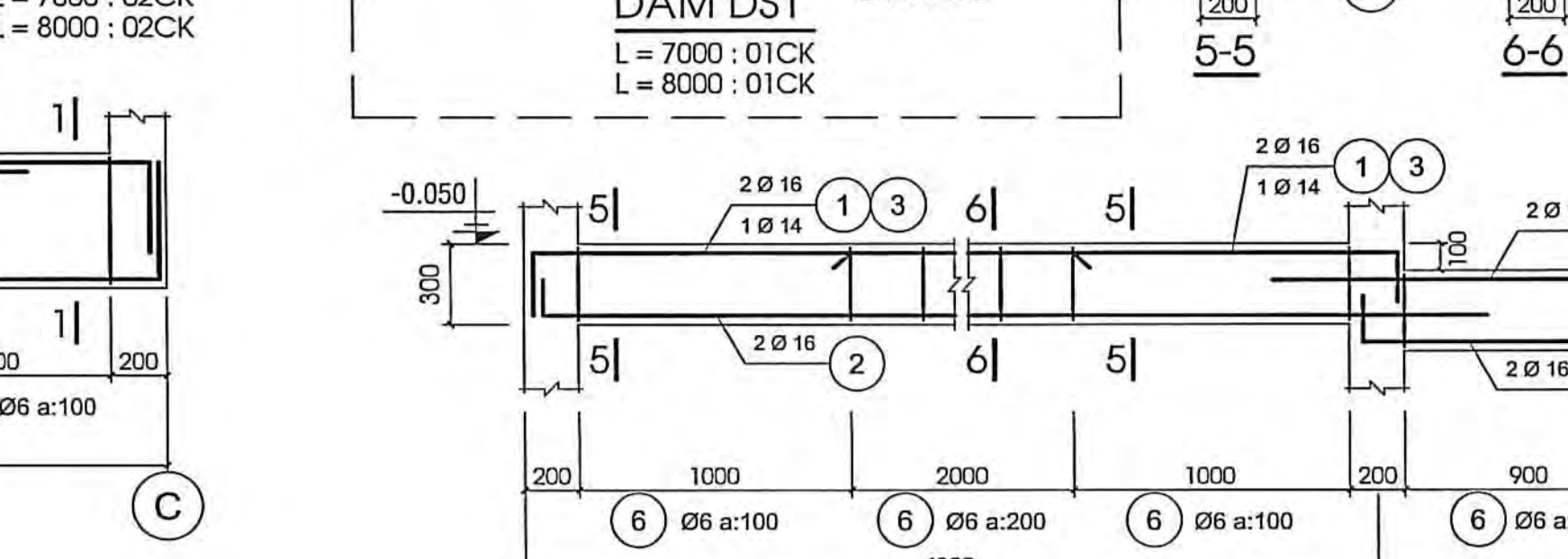
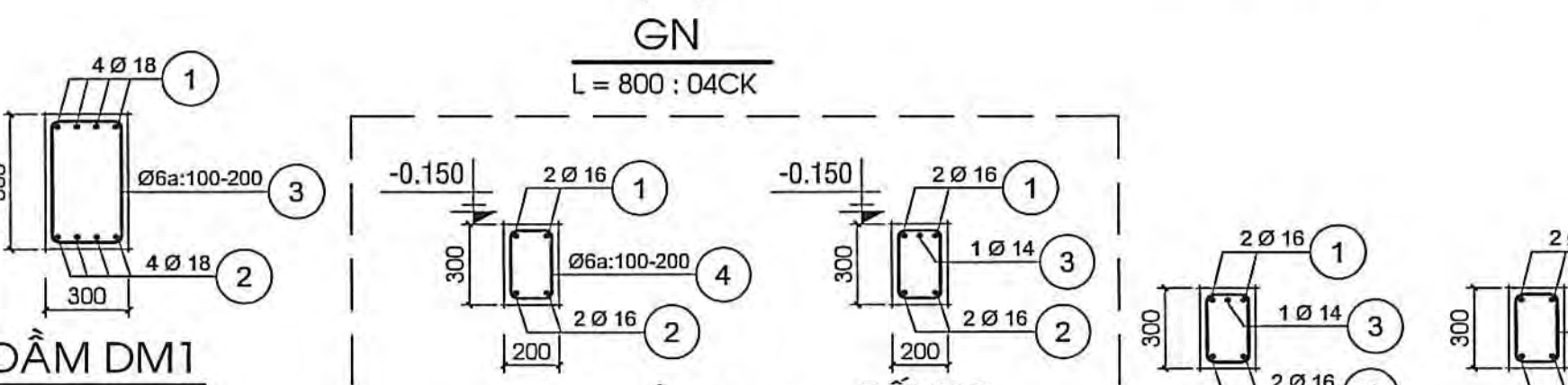
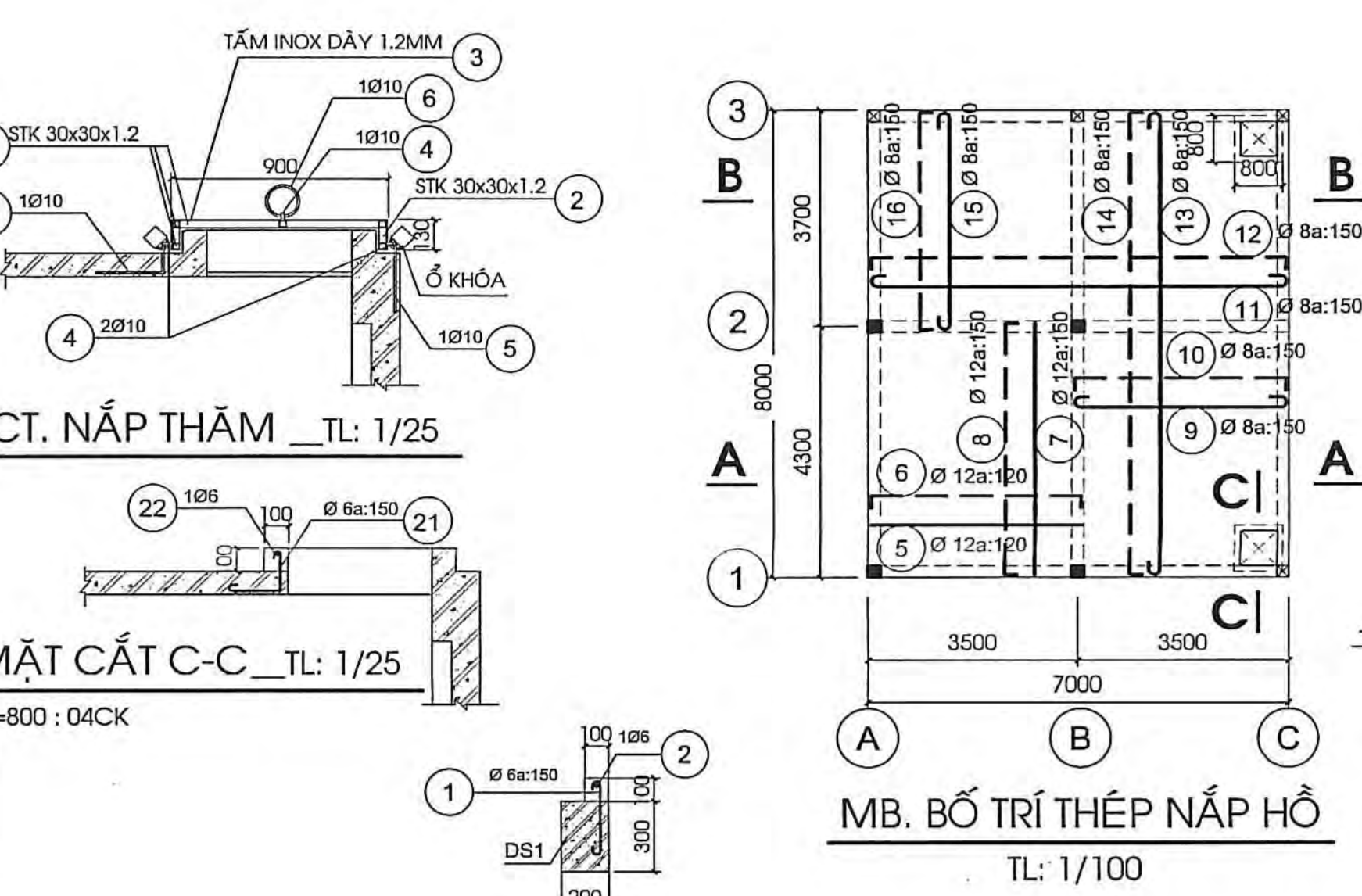
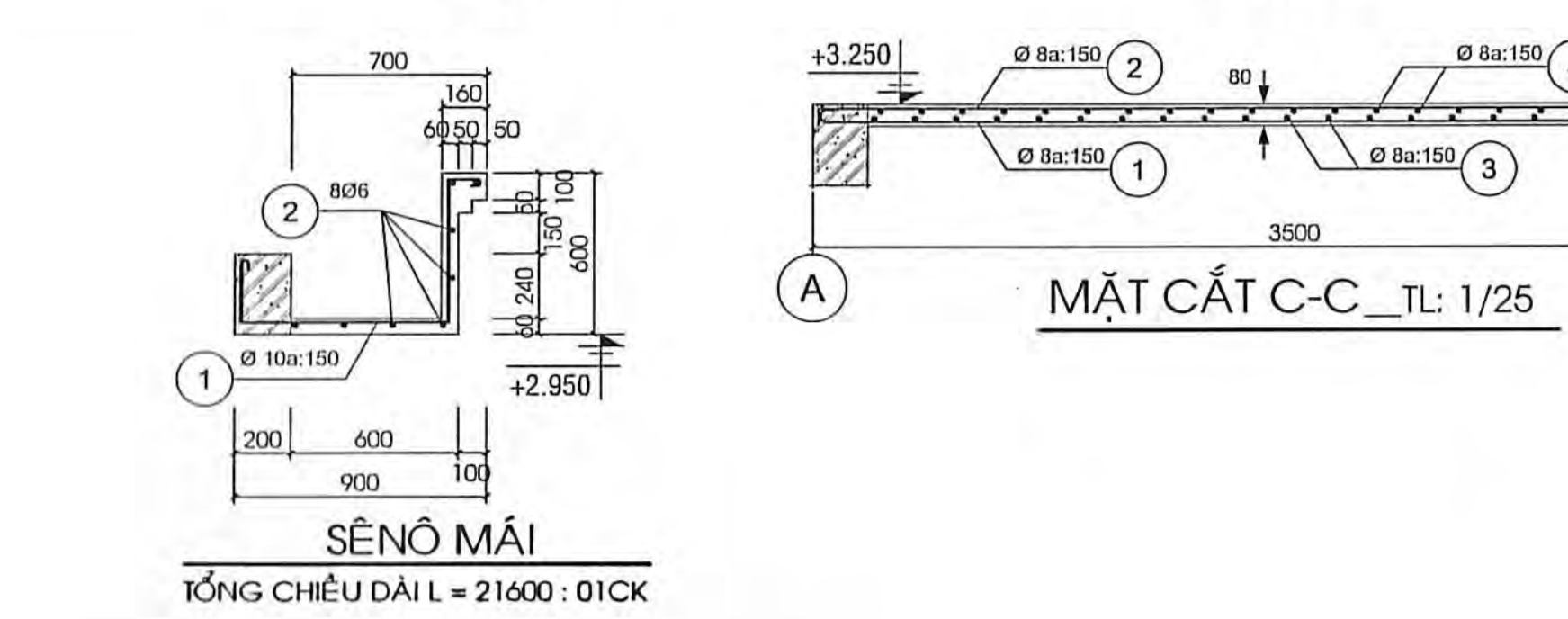
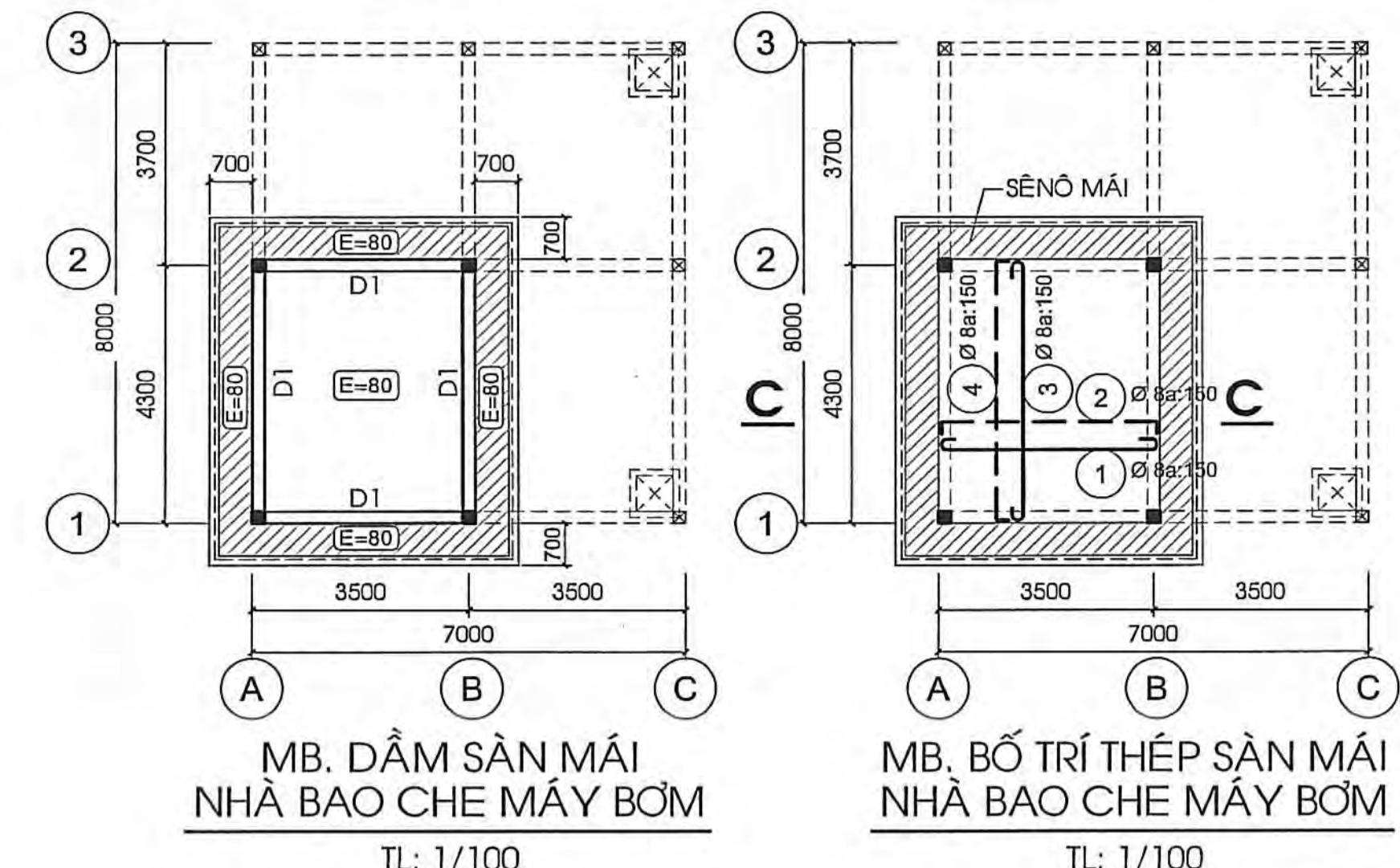
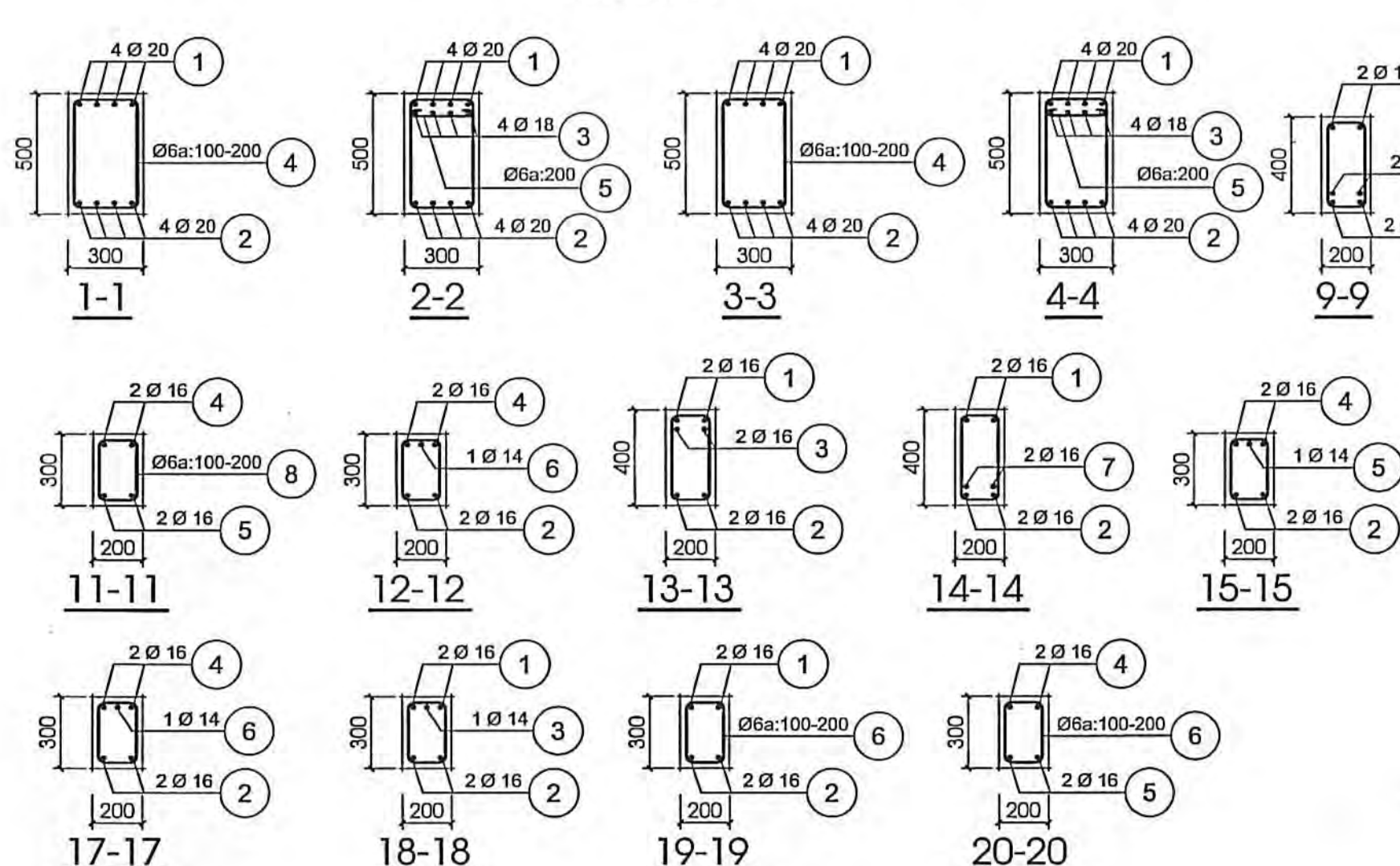
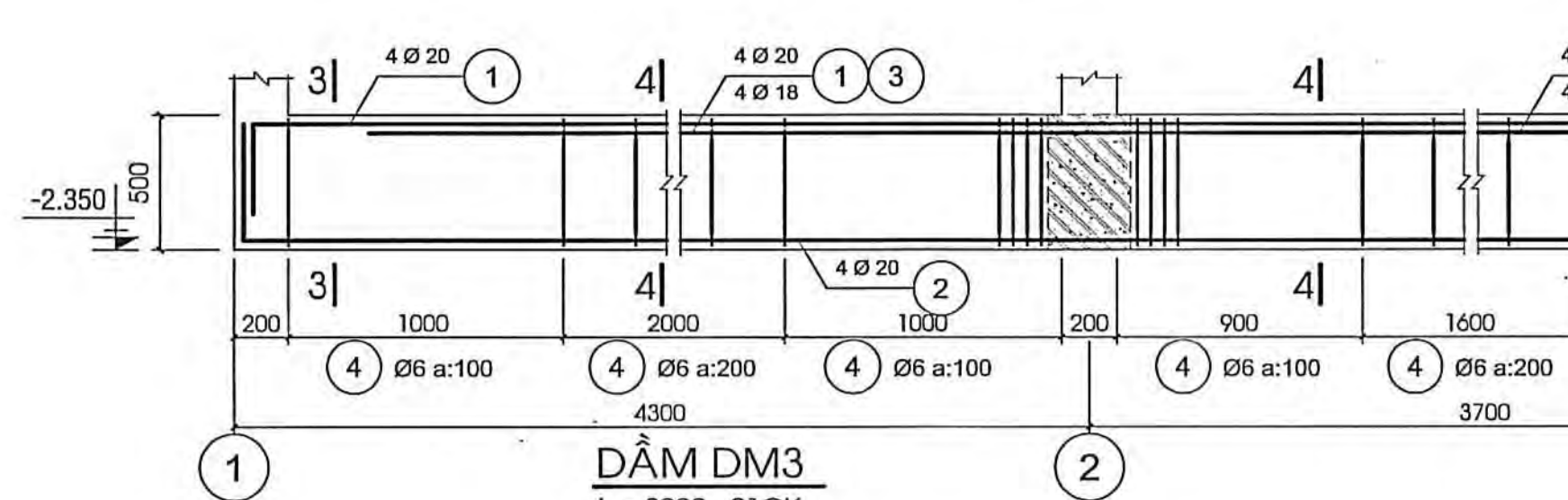
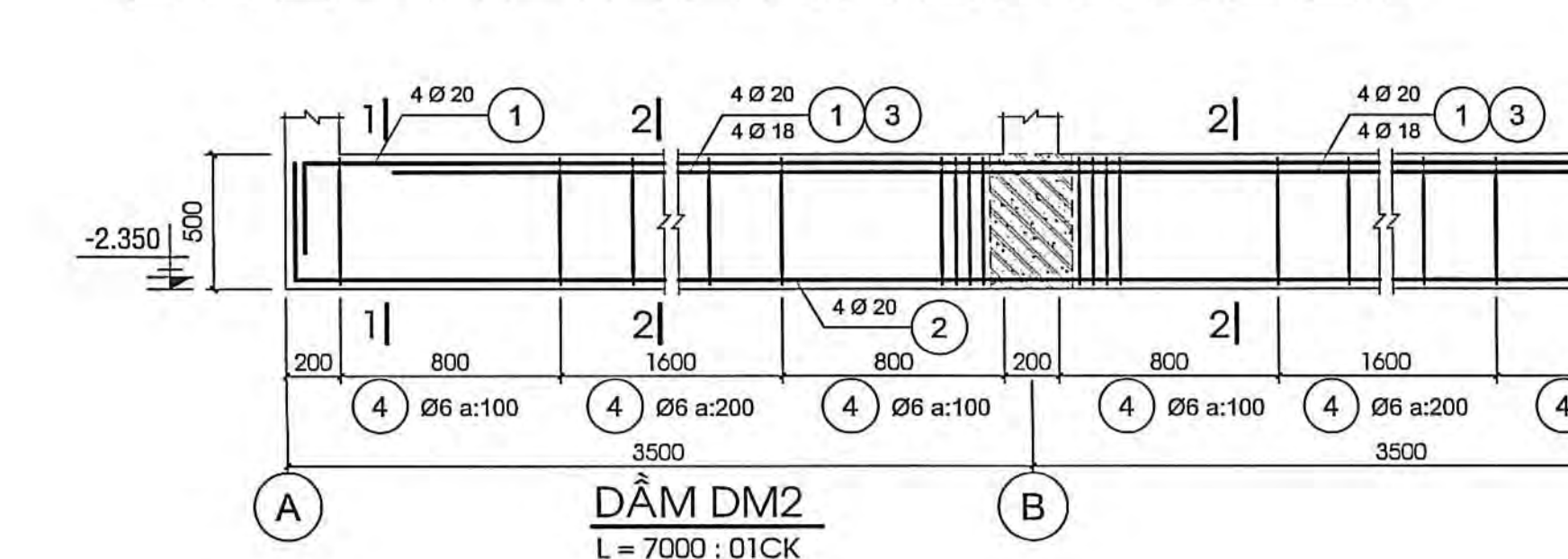
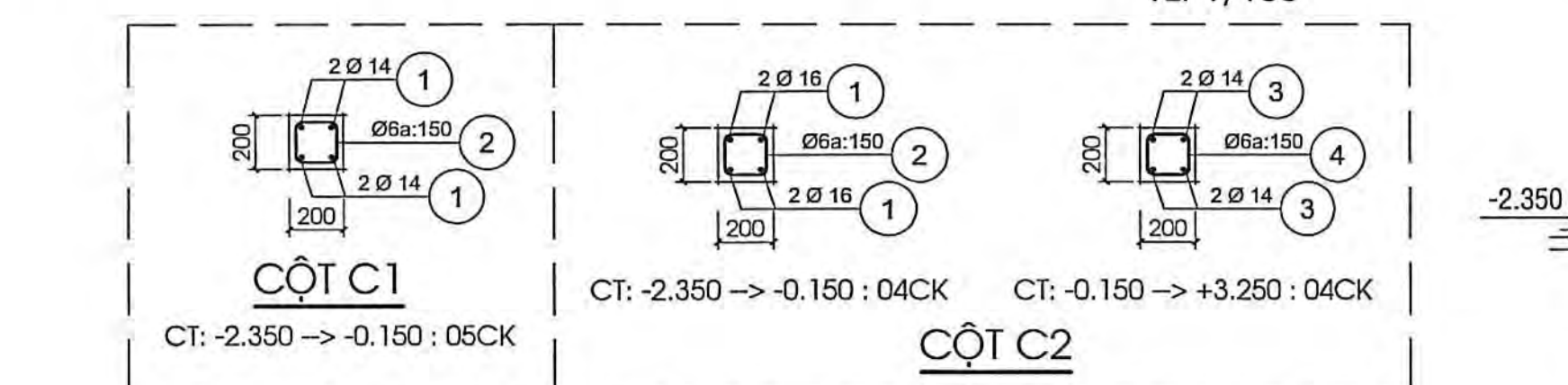
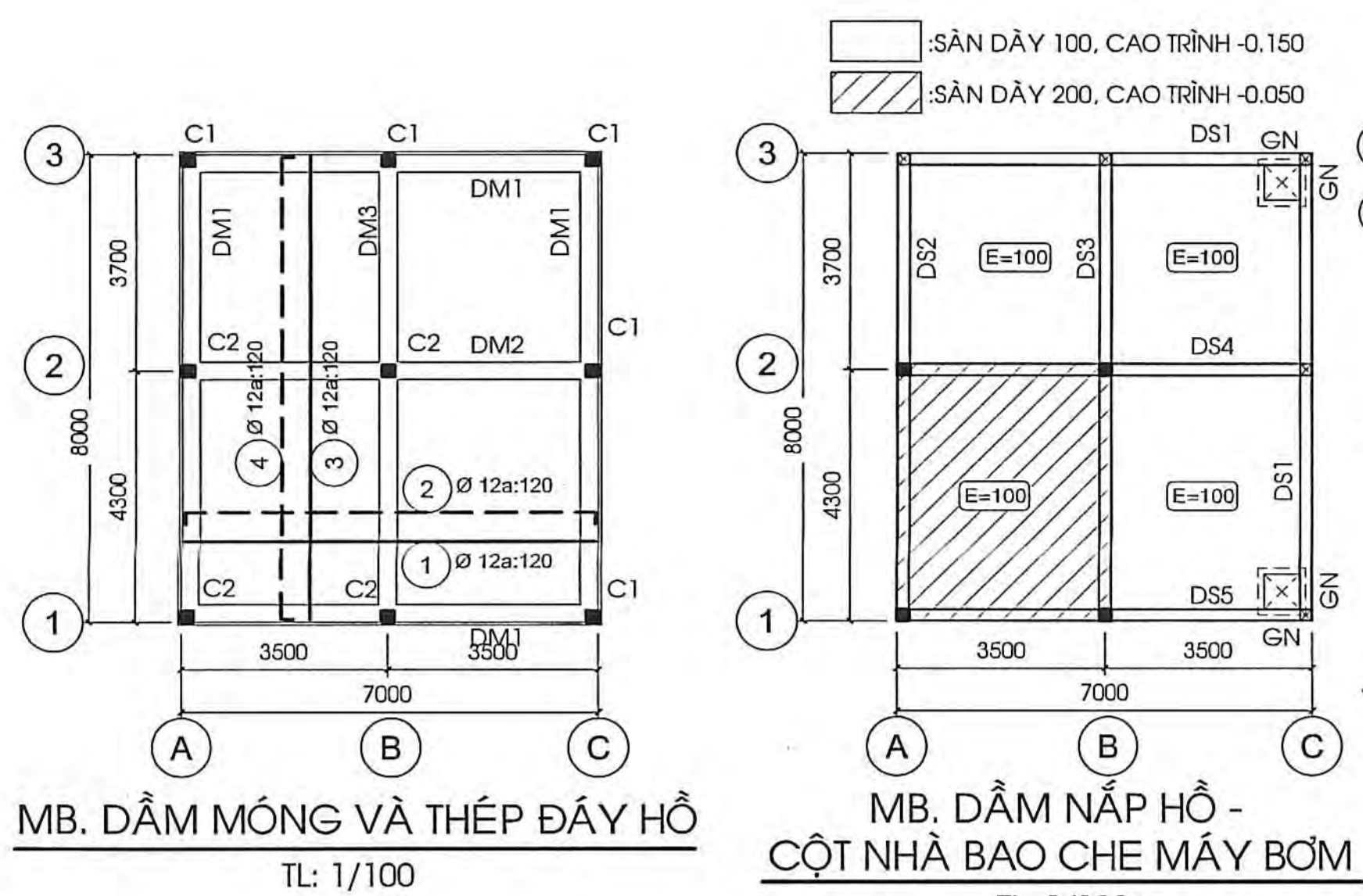
NHÀ XE 2 - BẢNG THỐNG KÊ GIẢNG KÈO THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
GIẢNG KÈO KT Số lượng: 10	1	Thép hợp	40x40x1.4	3860	2	20	77.2	131.00	
	2	Thép hợp	40x40x1.4	410	2	20	8.2	13.91	
	3	Thép hợp	30x30x1.4	330	7	70	23.1	29.04	
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxđ=40x40x1.4 = 144.91 kg; Chiều dài = 85.4 mét									
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxđ=30x30x1.4 = 29.04 kg; Chiều dài = 23.1 mét									

NHÀ XE 2 - BẢNG THỐNG KÊ CỘT THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
CỘT THÉP Số lượng: 12	1	Thép ống	ø88.3x3.2	2800	1	12	33.6	225.65	
	2	Thép bản	200x200x10	2	24	0.96 m2	75.36		
	3	Thép bản	56x150x8	4	48	0.4032 m2	32.32		
	4	BULÔNG Ø16	600	4 CON	48 CON				
	5	Thép bản	56x120x8	2	24	0.16128 m2	10.13		
	6	BULÔNG Ø14	50	4 CON	48 CON				
- BULÔNG Ø14 = 48 CON									
- BULÔNG Ø16 = 48 CON									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 75.36 kg									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 8 mm = 35.45 kg									
- Trọng lượng thép ống vuông có ø88.3x3.2 = 225.65 kg; Chiều dài = 33.6 mét									

NHÀ XE 2 - BẢNG THỐNG KÊ XÀ GỖ THÉP									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
XÀ GỖ Số lượng: 12	1	Thép C	C100x50x2	21400	1	13	278.2	---	
	2	Thép bản	120x150x8	6	78	1.404 m2	88.17	---	
- Thép C100x50x2 có chiều dài = 278.2 mét									
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 8 mm = 88.17 kg									

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỜ									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
CỐT CỜ Số lượng: 1	1	25 3000 25	8	3120	52	52	162.24	64.02	
	2	250 2350	12	2600	6	6	5.7	5.06	
	3	150 150 50	6	700	6	6	7.194	1.60	
	4	25 450 25	6	550	53	53	29.15	6.47	
	5	25 7800 25	6	7900	3	3	23.7	5.26	
	6	25 4450 25	8	620	31	31	19.22	7.58	
	7	25 4450 25	6	4550	2	2	9.1	2.02	
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 15.35 kg; Chiều dài = 69.14 mét									
- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 71.6 kg; Chiều dài = 181.46 mét									
- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 5.06 kg; Chiều dài = 5.7 mét									

NHÀ XE 2 - BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG									
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	
MÓNG M1 Số lượng: 5	1		10	1050	14	70	73.5	45.32	
	2		12	2600	4	20	52	46.17	
	3		6	700	17	85	59.5	13.21	
MÓNG M2 Số lượng: 5	1		10	1050	14	70	73.5	45.32	
	2		12	2600	4	20	52	46.17	
	3		6	700	17	85	59.5	13.21	
MÓNG M3 Số lượng: 2	1		10	1050	14	28	29.4	18.13	
	2		12	2600	4	8	20.8	18.47	
	3		6	700	17	34	23.8	5.28	
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 31.7 kg; Chiều dài = 142.8 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 108.77 kg; Chiều dài = 178.4 mét - Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 110.81 kg; Chiều dài = 124.8 mét									



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỘT									
TÊN C/Đ	SỐ C/Đ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C/Đ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
1	1	300x300	14	2450	4	20	40	59.21	
2	1	300x300	12	60	42	9.32			
3	1	300x300	16	3050	4	16	48.8	77.02	
4	1	300x300	6	700	12	48	33.6	7.48	
5	1	300x300	14	3350	4	16	53.6	64.77	
6	1	300x300	6	700	22	88	61.6	13.67	
7	1	300x300	6	600	70	70	42	9.32	

- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 39.77 kg; Chiều dài = 179.2 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø14 = 123.98kg; Chiều dài = 102.6 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø16 = 77.02 kg; Chiều dài = 48.8 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM MÓNG									
TÊN C/Đ	SỐ C/Đ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C/Đ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
1	1	300x300	18	7000	4	8	60.8	121.45	
2	1	300x300	18	8000	4	8	60.8	121.45	
3	1	300x300	18	8750	4	8	70	139.83	
4	1	300x300	18	7700	43	86	662.2	1322.86	
5	1	300x300	6	1300	112	224	201.2	64.63	
6	1	300x300	20	7000	4	4	30.4	74.97	
7	1	300x300	20	7700	4	4	30.8	75.96	
8	1	300x300	18	6000	4	4	24	47.94	
9	1	300x300	6	1300	52	52	67.6	15.00	
10	1	300x300	6	350	31	31	10.85	2.41	
11	1	300x300	4	8000	4	4	34.4	84.84	
12	1	300x300	4	8700	4	4	34.8	85.82	
13	1	300x300	18	7000	4	4	28	55.93	
14	1	300x300	6	1300	66	66	85.8	19.04	
15	1	300x300	6	350	36	36	12.6	2.80	

- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 103.88 kg; Chiều dài = 468.05 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø18 = 1825.38 kg; Chiều dài = 913.8 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø20 = 321.59 kg; Chiều dài = 130.4 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP ĐÁY HỒ									
TÊN C/Đ	SỐ C/Đ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C/Đ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
1	1	6000	12	6000	31	31	213.9	189.90	
2	1	1000	60	7100	61	61	433.1	384.51	
3	1	7000	12	7000	81	81	462.9	357.70	
4	1	1000	12	8100	52	52	421.2	373.95	
5	1	1000	10	600	72	72	48.2	26.63	

- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 26.63 kg; Chiều dài = 43.2 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 1306.05 kg; Chiều dài = 1471.1 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP NÁP HỒ									
TÊN C/Đ	SỐ C/Đ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C/Đ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)	TỔNG TƯỜNG (kg)
1	1	3000	12	3000	34	34	120.7	107.18	
2	1	1700	12	3800	34	34	132.26	117.42	
3	1	4300	12	4300	22	22	96.7	84.96	
4	1	1700	12	4800	22	22	103.18	91.60	
5	1	3000	8	3870	28	28	102.78	40.55	
6	1	3000	8	3900	28	28	103.32	40.77	
7	1	3000	8	7070	24	24	169.68	66.95	
8	1	6200	8	7000	24	24	170.16	67.14	
9	1	7000	8	8070	22	22	177.54	70.65	
10	1	7000	8	8000	22	22	177.98	70.23	
11	1	3000	8	3870	22	22	85.14	33.59	
12	1	3000	8	3800	22	22	85.58	33.77	
13	1	1500	10	700	20	20	14	8.63	

- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 423.05 kg; Chiều dài = 1072.16 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 8.63 kg; Chiều dài = 14 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø12 = 401.14 kg; Chiều dài = 451.84 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM NÁP										
TÊN C/Đ	SỐ C/Đ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC		BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)	
		1 C/Đ	2 C/Đ		1 THANH	1 C/Đ	2 C/Đ			
DẦM SỐ 1	1	250	6950	250	16	7450	2	2	14.9	23.82
	1	250	7550	250	16	8450	2	2	16.9	26.87
	2	200	7950	300	16	8350	2	2	16.7	26.36
	2	200	6950	200	16	7350	2	2	14.7	23.20
	3		1800		14	1800	1	1	1.8	2.18
	3		2100		14	2100	1	1	2.1	2.54
	4	150	250	50	6	900	108	108	97.2	21.57
	1	250	4350	250	16	4850	2	2	8.7	15.31
	2	200	5350		16	5200	2	2	10.4	16.41
	3	250	4350	250	16	4350	2	2	8.7	13.73



THUYẾT MINH

-NGUYÊN DẪN ĐƯỜNG NGUYÊN ĐIỂM 3 PHÁP CẬP CHO NHÀ BAO CHẾ MÁY BOM CHÁY CHÁNH. ĐIỂN 1 KHA CHỜ NHẢ XE... NGUYÊN ĐIỂM CẤP CỘT CÔNG TRÌNH ĐƯỢC KẾT HỢP VÀO HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG
-CHẾU SÁNG; ĐỒNG ĐIỆN 12 M.D.

-LÀM MÁT; DỤNG QUẠT TƯƠng.

-LẮP ĐẶT ĐÈN CHIẾU ĐÈN PHÒNG KHUẨN BẤT DIỆN.

-LẮP ĐẶT ĐÈN CHIẾU TRAM BOM CHÁY CHÁNH

-BẢO VỆ ĐIỆN BẢNG MCCB LẬP TRONG TỔ ĐIỆN.

TỔ ĐIỆN VÀ CẠM TAY TỰ ĐỘNG ĐẠC CỘT 1.80M SỎI NÉT.

-NHÀ BAO CHẾ MÁY BOM ĐỒ ĐƯỜNG DÂY ĐUỐC LƯỚI TRONG CÔNG TRÌNH CÔNG ĐẶC ĐỊNH.

-NHÀ XE TẢI BOM ĐƯỜNG DÂY ĐUỐC LƯỚI TRONG CÔNG TRÌNH CÔNG ĐẶC ĐỊNH.

-HỖ ĐÓNG BÊ TÔNG ĐỂ ĐẶT ĐẦU KẾT HỢP DÂY DÙNG, KHÔNG ĐÁO TRONG CĂN, MỐT NỐI TAY ĐUỐC THỰC HIỆN BẢNG BOM COSSEP.EP

THỰC HIỆN TIẾP AN TOÀN CHƠI TÊN LỚP 1 BẢNG 3 CỘT THIẾT BOM ĐỒNG MIX0240D, LIÊN KẾT VỚI NHÀU BẢNG CỘT ĐỒNG TRẠM C26.

THỰC HIỆN TIẾP AN TOÀN CHƠI TÊN LỚP 2. LƯP MỐT TỌA BẢNG 1 CỘT THIẾT BOM ĐỒNG MIX0240D, LIÊN KẾT VỚI NHÀU BẢNG CỘT ĐỒNG TRẠM M22.



BẢNG THỐNG KÊ NHÀ BAO CHE MÁY BƠM CHỮA CHÁY

	KÍ HIỆU	TÊN VÀ VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	S.LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THIẾT THỬ THÔNG
01		TỦ ĐIỆN TOLE SƠN TÍNH ĐIỆN KT: 300X400X160	CÁI	01	TỦ ĐIỆN TOLE SƠN TÍNH ĐIỆN KT: 300X400X160
02		MCCB 3 PHA 40A	CÁI	01	MCCB 3 PHA 40A
03		MCB 1 PHA 6A	CÁI	02	MCB 1 PHA 6A
06		CỔNG TẮC 1 HẠT	CÁI	03	CỔNG TẮC 1 CHIỀU 10A LOẠI CÓ ĐÈN BẢO
07		Ổ CẮM DỜI	CÁI	01	Ổ CẮM DỜI 3 CHIỀU 10A CÓ CHÂN TIẾP ĐẶT LẬP ÂM
08		MẶT NẠ VÀ KHUNG 3	CÁI	02	MẶT NẠ VÀ KHUNG 3
09		HỘ PỐ NỐI - HỘ PHÂN DÂY	CÁI	02	HỘ NHỰA CHÌM
10		HỘ PỐ BÔNG ĐEN ỐNG 1.2M LOẠI 1 BÓNG	BỘ	02	ĐÈN 1.2M LED 220W MÀNG SỮO MỎNG
11		ĐÈN THOÁT HIỆM	BỘ	01	ĐÈN SẠC
12		ĐÈN CHỈ THỊ	BỘ	01	TRẠM BƠM CHỨA CHAY (HỘ PỐ NỐI ĐÈN)
13		DÂY DẪN ĐIỆN ĐƠN CV-1.5MM2	MÉT	35	CÁP DẪN BỌC PVC CV-1.5MM2
14		ỐNG NHỰA D16	MÉT	08	ỐNG TRỐNG DẪN CHỐNG CHÁY D16
15		HỘ PỐ NỐI - HỘ PHÂN DÂY	CÁI	02	HỘ ĐẦU DÂY
16		TẮC KÉ NHỰA	BỤT	01	TẮC KÉ NHỰA
17		BẢNG KEO ĐIỆN	CHỤM	02	BẢNG KEO ĐIỆN
18		CỌC CHỐNG SÉT	CỌC	03	CỌC THÉP MÀNG D16X2400 + KẸP CÁP
19		CÁP DẪN TRẦN C25	MÉT	12	CÁP DẪN TRẦN C25
20		TỦ KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẶT	CÁI	01	TỦ KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ ĐẶT KT: 200X300X150 (TOLE DÂY 1.2 LV, SƠN THỦY ĐIỆN)
21		PHỤ KIỆN			PHỤ KIỆN



THÔNG SỐ KỸ THUẬT :

- KÍU ĐÈN: TREO TRẦN
- BÓNG ĐÈN: BÓNG LED
- ĐIỆN ÁP : AC 220V/50HZ
- THỜI GIAN THẮP SÁNG: 3H CHO CHẾ ĐỘ DC
- NỀN: MÀU ĐỎ
- CHỮ: MÀU TRẮNG
- CHẾ ĐỘ: TIẾT KIỆM ĐIỆN
- CHỨC NĂNG : TỰ ĐỘNG AC/DC

CHI TIẾT ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ

- Nguồn cung cấp : 220v-50hz
- Battery : DC 6V/5Ah
- Đèn: 6V 6w x 2 BÓNG (ánh sáng vàng)
- Thời gian sạc 24 giờ
- Thời gian thấp sáng 3 giờ
- Cường độ chiếu sáng ban đầu trung bình của đèn chiếu sáng sự cố là 10lux.Còn chiếu sáng tối thiểu tại bất kỳ điểm nào thoát hiểm không được nhỏ hơn 1lux.

BẢNG THỐNG KÊ NHÀ BẢO VỆ

TT	KÍ HIỆU	TÊN VÀ VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	S.LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỊ TRƯỜNG
01		TỤ ĐIỆN	CÁI	01	TỤ ĐIỆN KIM LÒA 4WAY CỎ NẤM ĐẦY
02		APOMAT 2 PHA 20AMPE	CÁI	01	MCB 2 PHA 20A
03		APOMAT 1 PHA 10AMPE	CÁI	01	MCB 1 PHA 10A
06		APOMAT 1 PHA 6AMPE	CÁI	01	MCB 1 PHA 6A
07		CÔNG TẮC 1 HẠT	CÁI	04	CÔNG TẮC 1 CHUỐI 16A
08		Ổ CẮM BÔI	CÁI	02	Ổ CẮM BÔI 3 CHUỐI CỎ CHANH THÉP ĐẮT
09		MẬT NẠ VÀ KHUNG 3	CÁI	02	MẬT NẠ VÀ KHUNG 3
10		MẬT NẠ VÀ KHUNG 4	CÁI	01	MẬT NẠ VÀ KHUNG 4
11		HỘP NỐI, HỘP PHÂN DÂY	CÁI	03	HỘP NHỰA CHỈM
12		BỀN THỎA THIÊM	BỘ	01	BỀN SẠC
13		HỘP VÀ BÓNG ĐÈN 0.2M LÒA 1 BÓNG	BỘ	03	BẾN 1.2M LED 1X20W MÀNG SỮA MỎNG
14		QUẠT TƯỜNG	BỘ	01	QUẠT TƯỜNG
15		DÂY DẪN ĐIỆN BƠN CV-1.5MM2	MÉT	90	CÁP BÓNG CỎ PVC ĐẮT CHỈM CV-1.5MM2
16		DÂY DẪN ĐIỆN BƠN CV-2.5MM2	MÉT	35	CÁP BÓNG CỎ PVC ĐẮT CHỈM CV-2.5MM2
17		ỐNG NHỰA D16	MÉT	15	ỐNG TRẮNG CƯỜNG BÊ NỐT D16
18		ỐNG NHỰA D16	MÉT	08	ỐNG TRẮNG CƯỜNG ĐẮT CHỈM D16
19		HỘP NỐI, HỘP PHÂN DÂY	CÁI	03	HỘP ĐÁU DÂY
20		TẮC KÉ NHỰA	BIT	02	TẮC KÉ NHỰA
21		BĂNG KEO ĐIỆN	CỤN	02	BĂNG KEO ĐIỆN
22		CỌC CHỐNG SÉT	CỌC	01	CỌC THÉP MÀ ĐỒNG M18X2400 + KÉP CÁP
23		CÁP ĐỒNG TRẦN C25	MÉT	04	CÁP ĐỒNG TRẦN C25
24		PHỤ KIỆN			PHỤ KIỆN

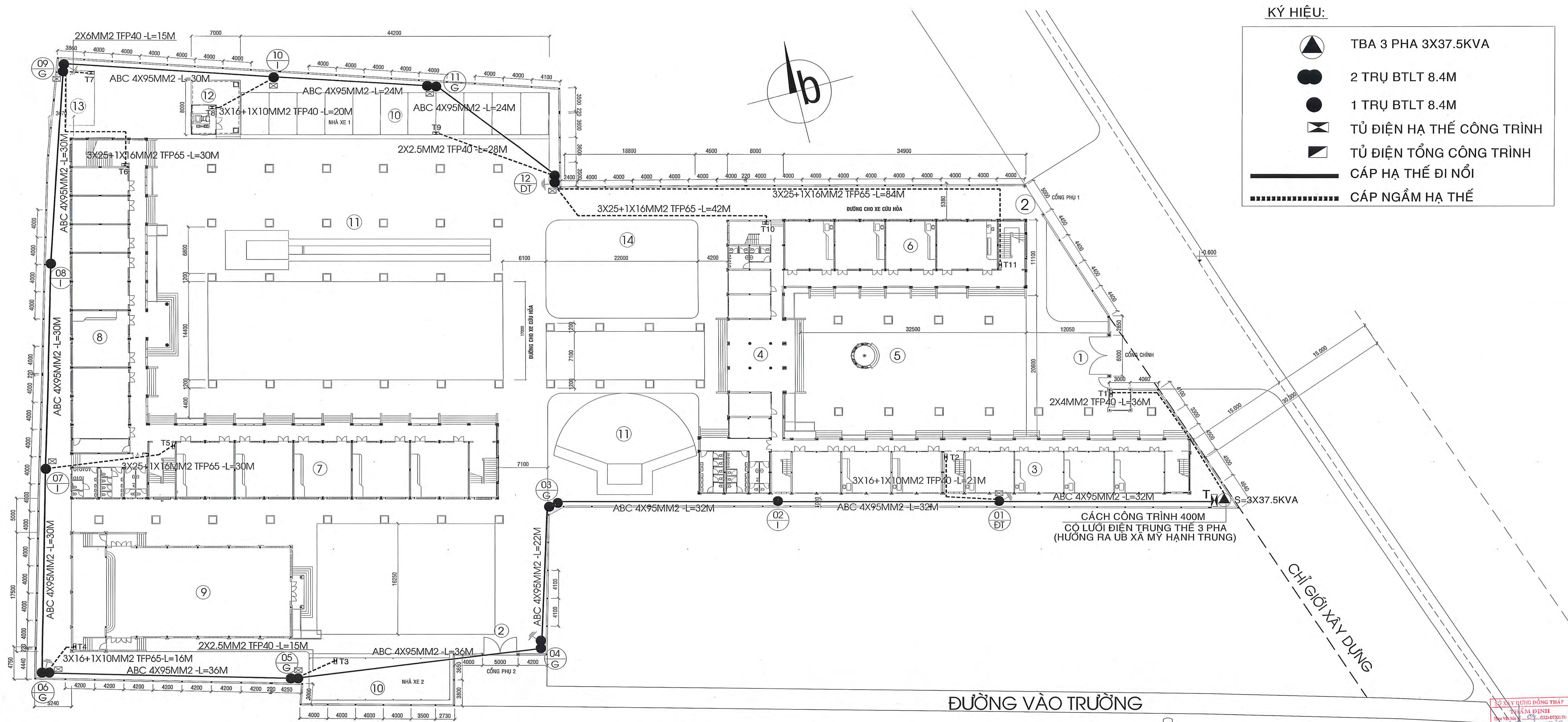
BẢNG THỐNG KÊ NHÀ XE 1

TT	KÍ HIỆU	TÊN VÀ VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	S.LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỊ TRƯỜNG
01		TỦ ĐIỆN	CÁI	01	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ EMPL4 4 WAY
02		MCB 2 PHA 10A	CÁI	01	MCB 2 PHA 10A
03		MCB 1 PHA 6A	CÁI	02	MCB 1 PHA 6A
06		TAPLO NHỰA 200X300	CÁI	01	TAPLO NHỰA 200X300
07		CÔNG TẮC 1 HẠT	CÁI	06	CÔNG TẮC 1 CHIẾU 1GA LOẠI CÓ BÊN BẢO
08		MẬT NÁ VÀ KHUNG 3	CÁI	02	MẬT NÁ VÀ KHUNG 3
09		HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	02	HỘP NỐI NỐI
10		HỘP VÀ BÔNG ĐẾN CÔNG 1.2M LOẠI 1 BÔNG	BỘ	06	ĐẾN 1.2M LED 1X20W MÀNG SIÊU MỎNG
11		ĐÈN THOÁT HIỆM	BỘ	02	ĐÈN SẠC
12		DÂY DẪN ĐIỆN CÁP CV-1.5MM2	MÉT	140	CÁP ĐỒNG BỌC PVC CV-1.5MM2
13		ỐNG NHỰA D16	MÉT	70	ỐNG TRẮNG CHỐNG CHÁY D16
14		HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	05	HỘP ĐẦU DÂY
15		BẢNG KEO ĐIỆN	CỤN	03	BẢNG KEO ĐIỆN
16		CỌC CHỐNG SÉT	CỌC	01	CỌC THÉP MÀ ĐỒNG M10x2400 + KÉP CÁP
17		CÁP ĐỒNG TRẦN C25	MÉT	04	CÁP ĐỒNG TRẦN C25
18		PHỤ KIỆN			

BẢNG THỐNG KÊ NHÀ XE 2

TT	Kí hiệu	TÊN VÀ VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	S.LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỊ TRƯỜNG
01		TỦ ĐIỆN	CÁI	01	TỦ ĐIỆN KIM LOẠI CÓ NẮP BẢO HỘ EMPL 2 WAY
02		MCB 2 PHA 10A	CÁI	01	MCB 2 PHA 10A
03		TAPLO NHỰA 200X300	CÁI	01	TAPLO NHỰA 200X300
06		CÔNG TẮC 1 HẠT	CÁI	04	CÔNG TẮC 1 CHIEU 16A LOẠI CÓ ĐÈN BÁO
07		MẮT NÁ VÀ KHUNG 4	CÁI	01	MẮT NÁ VÀ KHUNG 4
08		HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	01	HỘP NHỰA NỐI
09		HỘP VÀ BÓNG ĐÈN 0.12M LOẠI 1 BÓNG	BỘ	03	BỘ 1.2M LED 1X32W MẮNG SIÊU MỎNG
10		ĐÈN THOÁT HIỆM	BỘ	01	ĐÈN SẠC
11		DÂY DẪN ĐIỆN BỐN CV-1.5MM2	MÉT	70	CÁP ĐỒNG BỌC PVC CV-1.5MM2
12		ỐNG NHỰA D16	MÉT	25	ỐNG TRẮNG CHỐNG CHÁY D16
13		HỘP NỐI - HỘP PHÂN DÂY	CÁI	03	HỘP ĐẦU DÂY
14		BĂNG KEO ĐIỆN	CUỐN	02	BĂNG KEO ĐIỆN
15		CỌC CHỐNG SÉT	CỌC	01	CỌC THÉP MÀ ĐÓNG M16X2400 + KEP CÁP
16		CÁP BỐNG TRẦN C25	MÉT	04	CÁP BỐNG TRẦN C25
17		PHỤ KIỆN			PHỤ KIỆN

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI <i>Số 10 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh</i> ĐT: 0272. 0722. 0722, Email: info@vtrg.com.vn	CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẦN KHAI SẠP THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNG TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: CÔNG, HẠNG RÀO, NHÀ BẢO VỆ, HỒ GIÁC GIỮN, NHÀ XE HƠI, NHÀ TRƯỞNG, HỒ NUÔI NƯỚC, NHÀ BAO CHE MÁY BƠM		
TÊN BẢN VẼ:	MẶT BẰNG CÁP ĐIỆN NHÀ XE 1 MẶT BẰNG CÁP ĐIỆN NHÀ XE 2 MẶT BẰNG CÁP ĐIỆN NHÀ BẢO VỆ	NGÀY: 11/11/2024 HMP-D: 01
CHỦ NHIỆM CHỦ TRÌ KỸ ĐIỆN THIẾT KẾ	THS. TRẦN ANH MINH KS. NGUYỄN HUYỀN DAT KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	<i>(Handwritten signature)</i> <i>(Handwritten signature)</i>

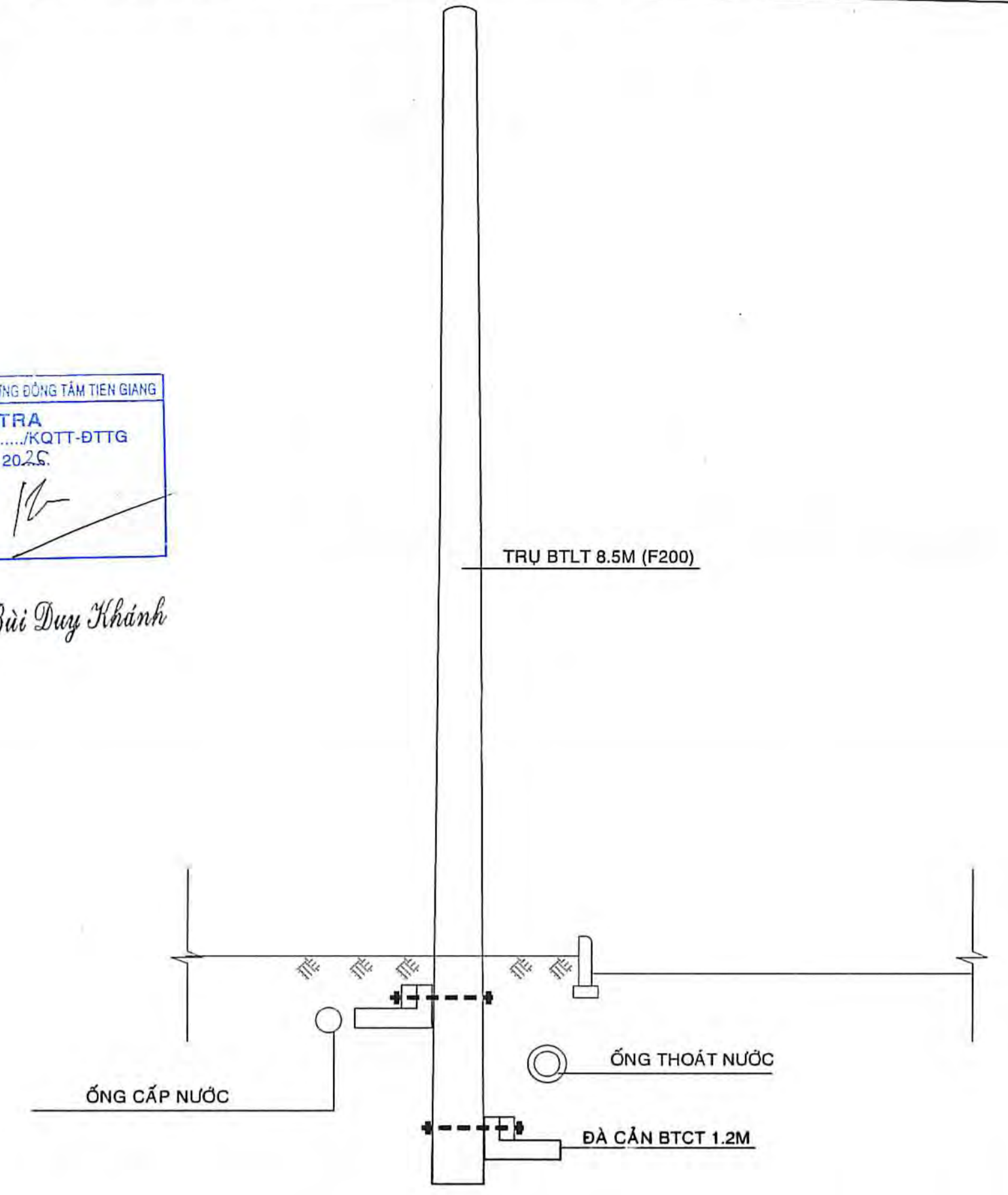


.MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ TL:1/200

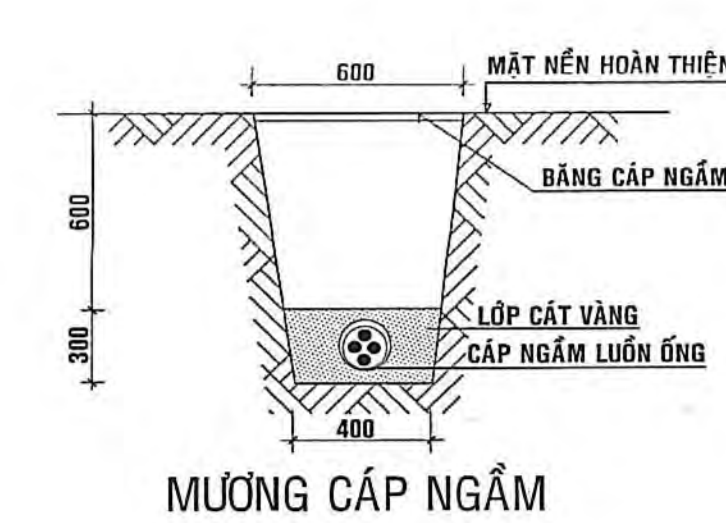
- ① CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (LÀM MỚI)
- ② CỔNG PHỤ (LÀM MỚI)
- ③ KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ④ KHỐI HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ⑤ SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- ⑥ KHỐI PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑦ KHỐI PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑧ KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑨ KHỐI NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- ⑩ NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- ⑪ KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- ⑫ HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỮA CHÁY
- ⑬ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑭ NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM TÊN QUANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 163/QT-TĐTTG
Ngày 15 tháng 3 năm 2023
Chức vụ: Bộ môn kỹ thuật

Bùi Duy Khánh



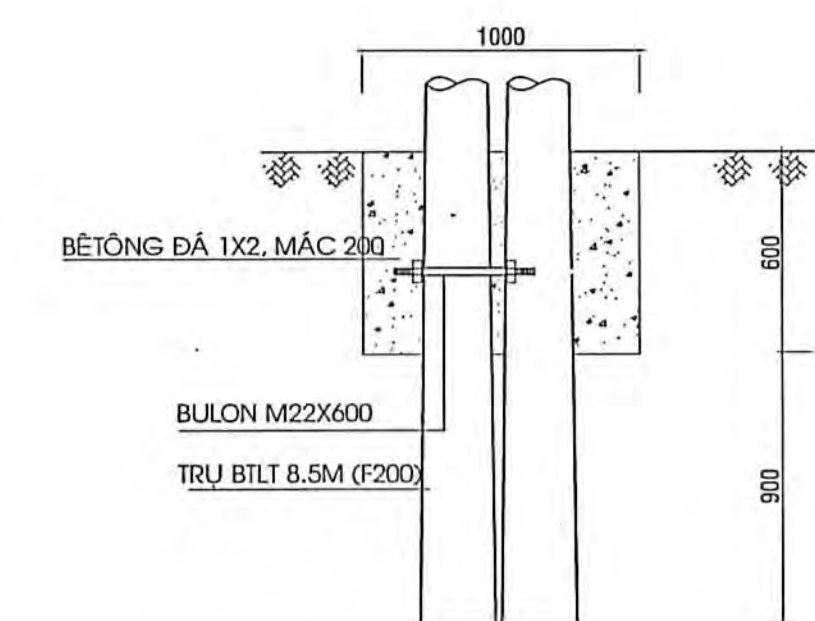
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Sáng tạo - Kiến tạo - Kiến thức - Kiến trúc Địa chỉ: 401 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số: 0274.2977278 (ĐIỆN THOẠI) - 0909.1971130 (ZALO)		BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN TỔNG THỂ ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP	
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ		NGÀY: 15/3/2023 HMP - ĐTT: 01	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	KS. NGUYỄN HUYNH ĐẠT		
THIẾT KẾ			
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG		



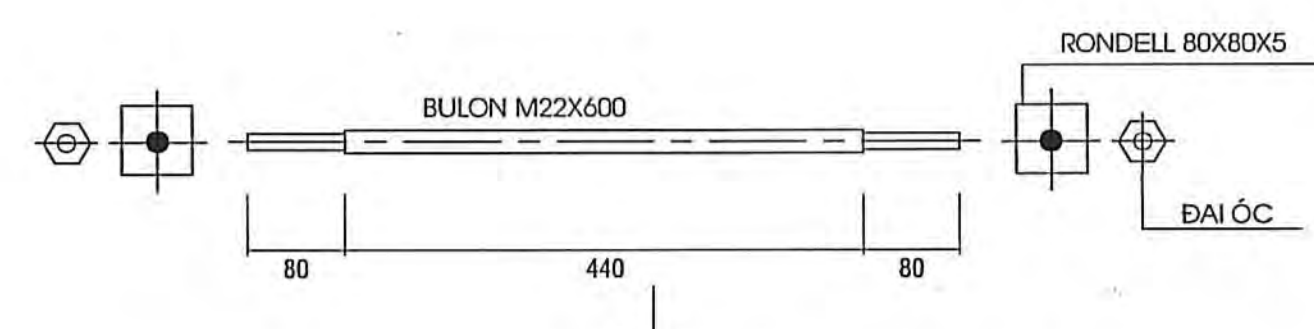
MUỐNG CẤP NGẦM



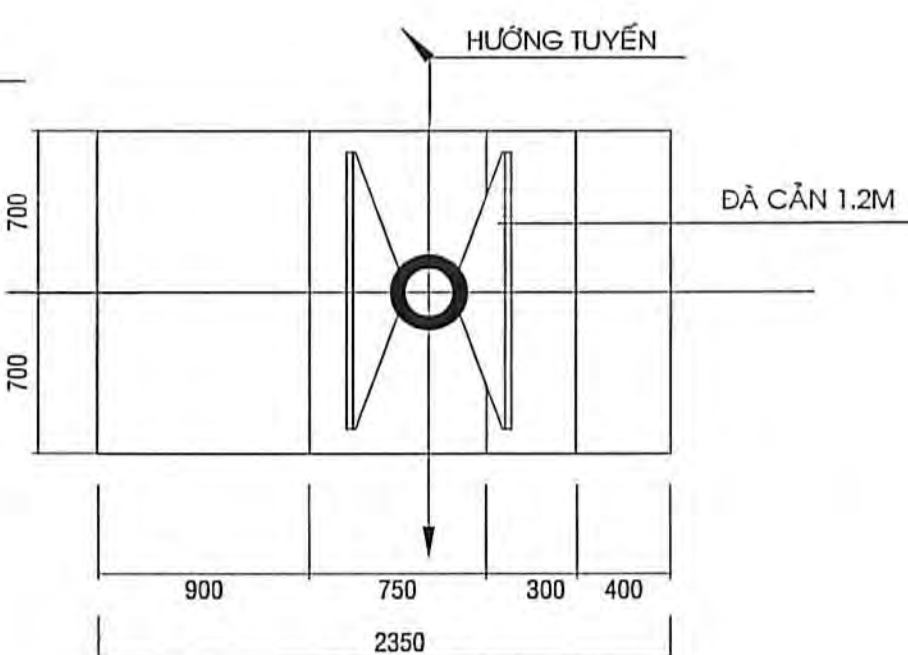
HƯỚNG GHÉP TRỤ



MÓNG TRỤ GÓC-TRỤ DỪNG TUYẾN



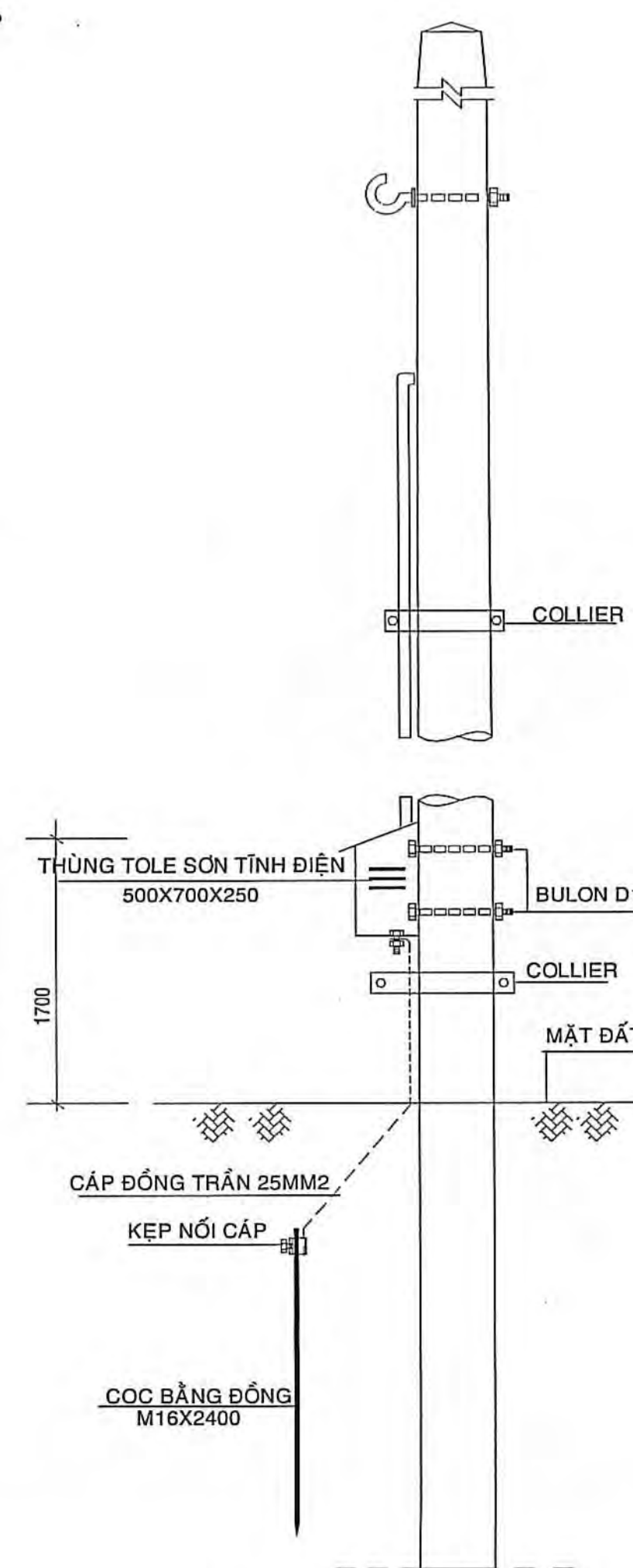
CHI TIẾT TRU ĐỒ THẮNG



MÓNG TRỤ ĐỒ THẲNG M8AA

[illegible]

TT	TÊN QU CÁCH THIẾT BỊ VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	VẬT TƯ THAM KHẢO THEO THỦ TRƯỞNG
01	TRẠM ĐIỆN ÁP			TRẠM ĐIỆN ÁP 3 PHA 3037.5KVA (CỖ HỘ SƠ THIẾT KẾ RIÊNG, ĐƯỢC LẬP BÁT)
02	TỦ ĐIỆN	CÁI	01	TỦ ĐIỆN TỌA DÂY 1.5LY SƠN TỈNH ĐIỆN KÍ: 5000X00X50 (GIỀN BẢO PHA: VOLUE, AMPERE KẾ...)
03	TỦ ĐIỆN	CÁI	01	TỦ ĐIỆN TỌA DÂY 1.5LY SƠN TỈNH ĐIỆN KÍ: 3000X00X50
04	APTOMAT 3 PHA 250AMPE	CÁI	01	MCCB 3P 250A
05	TRỤ BÊ TÔNG	TRỤ	20	TRỤ BÊ TÔNG LY TÂM 8.5M (F200)
06	ĐÀ CẦN	CÁI	10	ĐÀ CẦN BKTCT 1.2M
07	DÂY DẪN ĐIỆN ĐƠN CỖ 95MM2	MÉT	80	CÁP ĐỒNG BỌC PVC 95MM2
08	DÂY DẪN ĐIỆN 4 LƯỚI 4X95MM2	MÉT	375	CÁP ABC 4X95MM2
09	DÂY DẪN ĐIỆN 4 LƯỚI 3X25+1X16MM2	MÉT	186	CÁP NGẮM HÀ THẾ CỖ 3X25+1X16MM2
10	DÂY DẪN ĐIỆN 4 LƯỚI 3X16+1X10MM2	MÉT	57	CÁP NGẮM HÀ THẾ CỖ 3X16+1X10MM2
11	DÂY DẪN ĐIỆN 2 LƯỚI 2X6MM2	MÉT	15	CÁP NGẮM HÀ THẾ CỖ 2X6MM2
12	DÂY DẪN ĐIỆN 2 LƯỚI 2X4MM2	MÉT	26	CÁP NGẮM HÀ THẾ CỖ 2X4MM2
13	DÂY DẪN ĐIỆN 2 LƯỚI 2X2.5MM2	MÉT	43	CÁP NGẮM HÀ THẾ CỖ 2X2.5MM2
14	CÁP ĐỒNG TRẦN C25	MÉT	40	CÁP ĐỒNG TRẦN C25
15	CỌC CHỖNG SÉT + KEP	CỌC	15	CỌC TIẾP ĐẤT M16X2400 + KEP
16	BULON M22X90MM VR 2 ĐẦU + ĐAI ỐC MÀ KẼM	CON	07	BULON M22X90MM VR 2 ĐẦU + ĐAI ỐC MÀ KẼM
17	BULON M16X250 + ĐAI ỐC MÀ KẼM	CON	08	BULON M16X250 + ĐAI ỐC MÀ KẼM
18	BULON MỐC M16X250 + ĐAI ỐC MÀ KẼM	CON	05	BULON MỐC M16X250 + ĐAI ỐC MÀ KẼM
19	BULON MỐC M16X450 + ĐAI ỐC MÀ KẼM	CON	07	BULON MỐC M16X450 + ĐAI ỐC MÀ KẼM
20	KẸP ĐÓNG CÁP ABC	CÁI	05	KẸP ĐÓNG CÁP ABC
21	KẸP ĐÓNG CÁP ABC	CÁI	15	KẸP ĐÓNG CÁP ABC
22	KẸP RẾ, MỐI CÁP ABC	CÁI	32	KẸP RẾ, MỐI CÁP ABC
23	COLLIER	CÁI	02	COLLIER
24	RONDÊLL VUÔNG BK24	CÁI	34	RONDÊLL VUÔNG BK24
25	RONDÊLL VUÔNG BK18	CÁI	80	RONDÊLL VUÔNG BK18
26	ỐNG NHỰA D90	MÉT	08	ỐNG PVC D90 (LUỖN CÁP ĐỒNG BỌC PVC 98MM2 TỰ LƯỚI ĐIỆN XƯỚNG C5)
27	ỐNG NHỰA D40	MÉT	151	ỐNG XỎAN TỶ 40
28	ỐNG NHỰA D65	MÉT	186	ỐNG XỎAN TỶ 65
29	MƯƠNG CÁP NGẮM	MÉT	300	MƯƠNG CÁP NGẮM
30	BẢNG CẢNH BÁO CÁP NGẮM	MÉT	300	BẢNG CẢNH BÁO CÁP NGẮM KÍ: 300MM, DÂY 1MM
31	BẢNG KEO ĐIỆN	CỤỘN	20	BẢNG KEO ĐIỆN
32	PHỤ KIỆN			PHỤ KIỆN



CHU TIẾT DẮT THÙNG TỎA

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG BÔNG TÂM TIỀN GIANG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 26...../KQTT-DTTG

ngày 14... tháng 3... năm 2026..

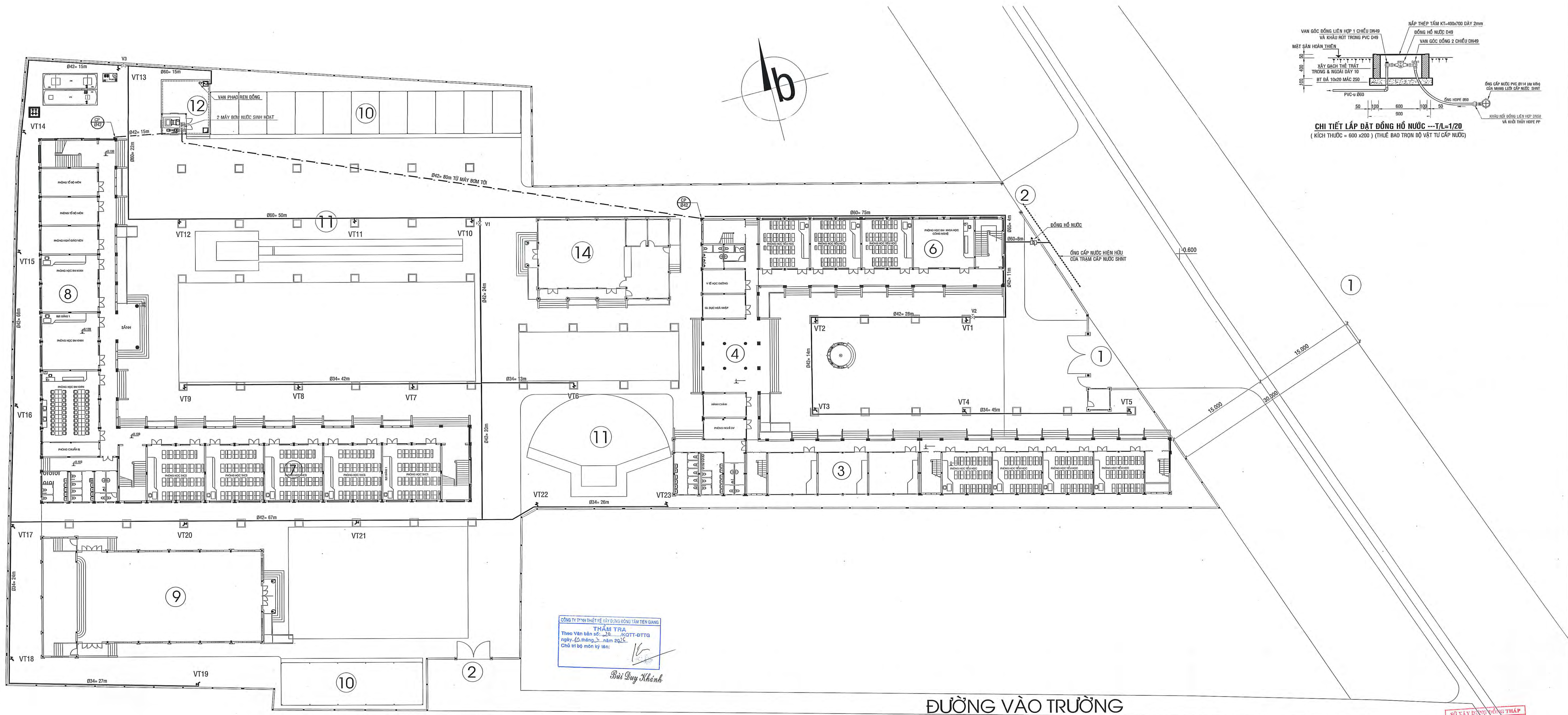
Chủ trì bộ môn kỹ thuật: 

Bùi Duy Khánh

Trần Nguyễn Minh Tri

Lê Quang Trạch

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI <i>Số 10 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận 10, TP. HCM</i> ĐIA CHỈ: SỐ 10 NGUYỄN VĂN TRỖI, PHƯỜNG 10, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH TEL: 0932.727.224, 0944.110.999 Email: info@ktm.vn	CHỖ CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG KIẾN TRÚC MỚI
NGUYỄN VĂN TRÔNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ:		
HẠNG MỤC: LỄ THỜNG DIỆN THƯỜNG THỨC ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY, TỈNH ĐỒNG THÁP		
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ TỔNG LẬP VẼ TOÀN CÔNG TRÌNH	NGÀY: 10/01/2026	
CHỦ TÌT LẬP BẢN ĐỒ: NGUYỄN LÊ	HMP- DTT: 02	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TÌT KI THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN HUỖNH ĐẠT	
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRÔNG	



.MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT + TƯỚI CÂY--- 1/200

- 1 CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (LÀM MỚI)
- 2 CỔNG PHỤ (LÀM MỚI)
- 3 KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- 4 KHỐI HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- 5 SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- 6 KHỐI PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- 7 KHỐI PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)

- 8 KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- 9 KHỐI NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- 10 NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- 11 KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- 12 HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỮA CHÁY
- 13 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 14 NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)

BẢNG KÝ HIỆU CẤP NƯỚC

KÝ HIỆU VẬT TƯ	DIỄN GIẢI
— Ø300±9m, 0.33% —	ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA - DƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI - ĐỘ DỐC
— Ø300±19m, 0.33% —	ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI - DƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI - ĐỘ DỐC
T1	HỒ GA THU NƯỚC THẢI (LOẠI T)
A4	HỒ GA THU NƯỚC MƯA (LOẠI A)
B2	HỒ GA THU NƯỚC MƯA (LOẠI B)
— Ø42 —	ỐNG CẤP NƯỚC HIỆN HỮU CỦA TRẠM CẤP NƯỚC SINH
— Ø42 —	ỐNG DẪY CỦA MÁY BƠM - DƯỜNG KÍNH ỒNG (XEM TIẾT HẠNG MỤC KHỐI HÀNH CHÁNH.....)
— Ø34 (Ø42.....Ø99)	ỐNG CẤP NƯỚC - DƯỜNG KÍNH ỒNG
• (Ø42)	ỐNG ĐÓNG CẤP TỰ BẾ NGẦM LÊN MẶT - DƯỜNG KÍNH (XEM TIẾT HẠNG MỤC KHỐI HÀNH CHÁNH.....)
—	VAN PHẠO REN ĐÓNG
VT4 : —	VAN LẤY NƯỚC TƯỚI CÂY : ĐỒNG HỒ NƯỚC
— : — V1	MÁY BƠM NƯỚC SINH HOẠT : VẠN ĐỒNG KHÓA 2 CHIỀU

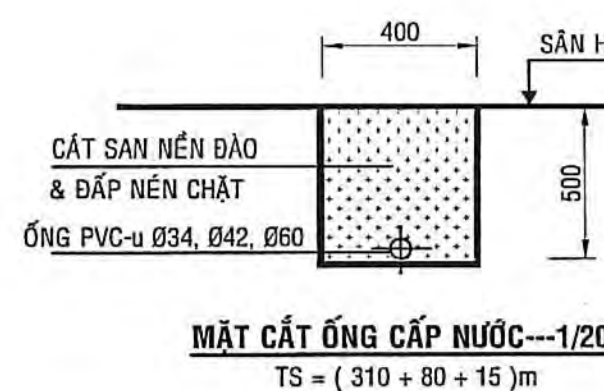
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔ HÌNH
Số 10/11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
TEL: 0272.2917270, 0272. 1888888888

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ:
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG CẤP - THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ; HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

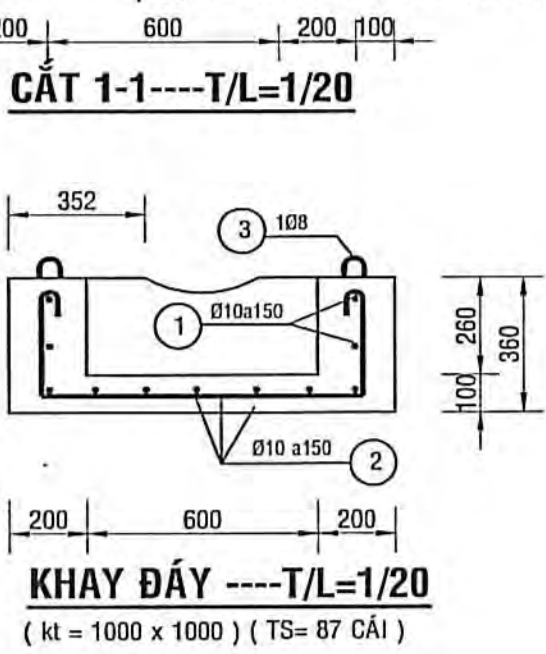
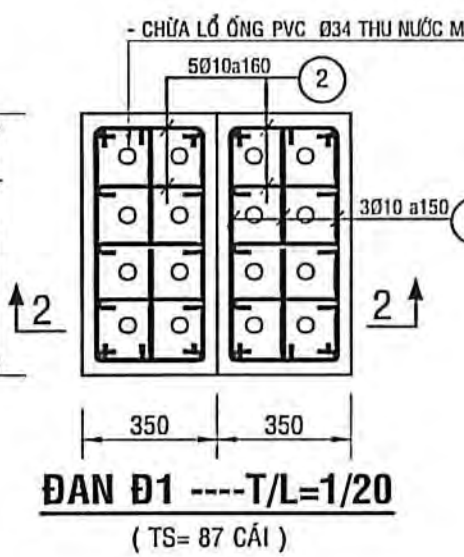
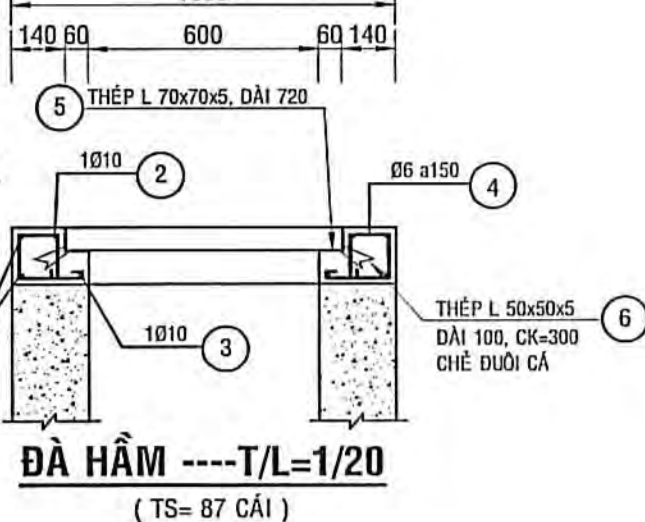
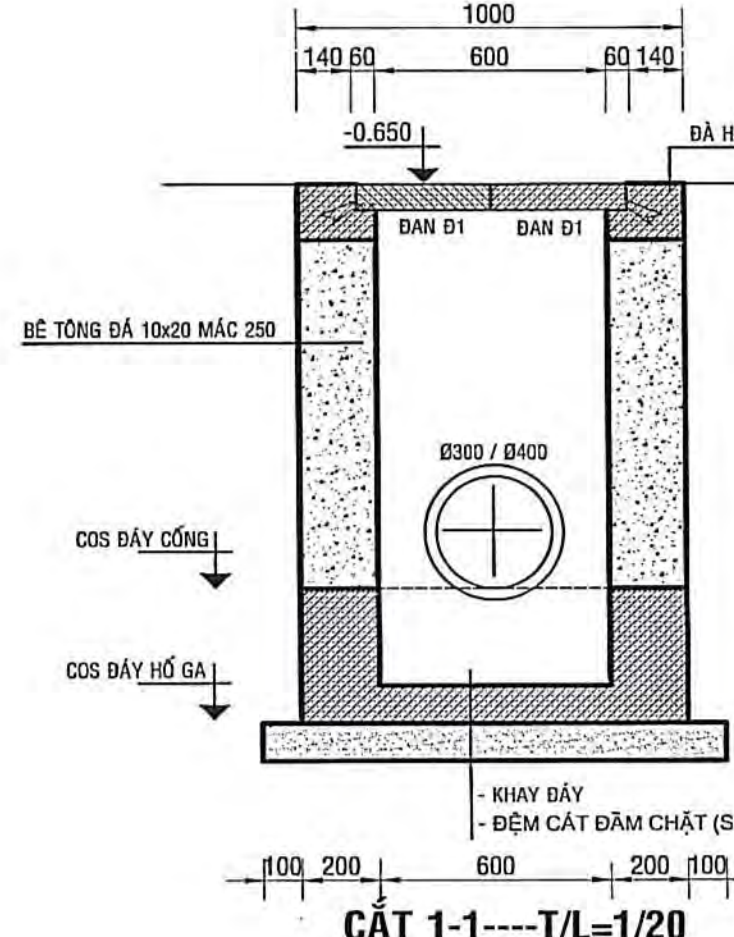
TÊN BẢN VẼ: BẢNG KÝ HIỆU CẤP NƯỚC
MB. TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT + TƯỚI CÂY
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ NƯỚC

NGÀY: 11/12/2025
HMP-NTT: 01

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK NƯỚC: KS. PHAN VĂN ĐÀU
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN DUY THANH
Q.L. KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG



1. KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TCVN 5574:2018
2. BÊ TÔNG TƯỜNG THEO TCVN 9340:2012
3. 1. CẤP ĐỘ BỀN CHỤN CẦN CẢI TỐT:
 - BÊ TÔNG CẤP CẦU B10x20: B20 (M250)
 - BÊ TÔNG LƯU DÀ 10x20: B12,5 (M150)
2. XI MĂNG PHỤ HỢP VỚI THIẾT KẾ TCVN 2682:2020 VÀ TCVN 6260:2020
3. CỐT LIỆU BÊ TÔNG PHẢI PHÙ HỢP VỚI THIẾT KẾ TCVN 7570:2005
3. CỐT THÉP THEO TCVN 1651:2018:
 - THEP Ø ≤ 10mm (THEP C2840-T); GIỚI HẠN CHẠNH NHỎ NHẤT $R_{eH} \geq 240$
 - THEP Ø > 10mm (THEP C3830-V); GIỚI HẠN CHẠNH NHỎ NHẤT $R_{eH} \geq 300$ M
4. CỐT Ø 30.00 CẦN BỔ SUNG VỚI CỐT ±0.00 CỦA BÀN BÈ KIẾN TRÚC

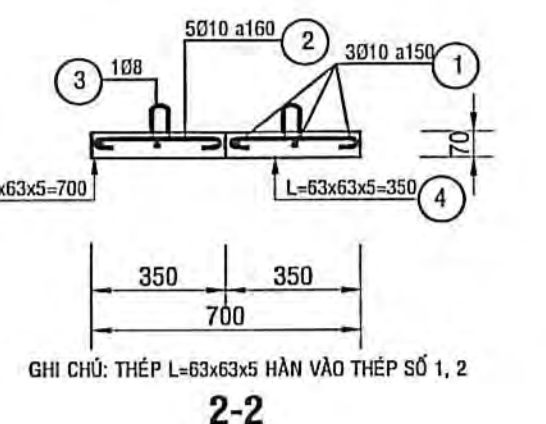


TÊN CỤM	SỐ LƯỢNG số hố ga = 2	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TƯỜNG (kg)
					1 CỤM	TỔNG		
ĐAI LƯỚI số hố ga = 2	1		10	860	3	6	5.16	3.18
	2		10	510	5	10	5.1	3.14
	3		10	518.5	1	2	1.037	0.64
	4		10	350	4	4	1.4	0.30
	5		10	760	4	4	2.8	13.67
ĐAI LƯỚI số hố ga = 1	1		10	3200	3	3	9.78	6.03
	2		10	1540	10	10	15.4	9.49
	3		8	878.5	2	2	1.757	0.69
	4		10	3880	2	2	7.76	4.78
	5		10	3080	1	1	3.08	1.90
ĐAI LƯỚI số hố ga = 1	1		10	2680	1	1	2.68	1.65
	2		6	570	20	20	11.4	2.53
	3		10	720	4	4	2.88	15.40
	4		10	190	8	8	0.8	3.02

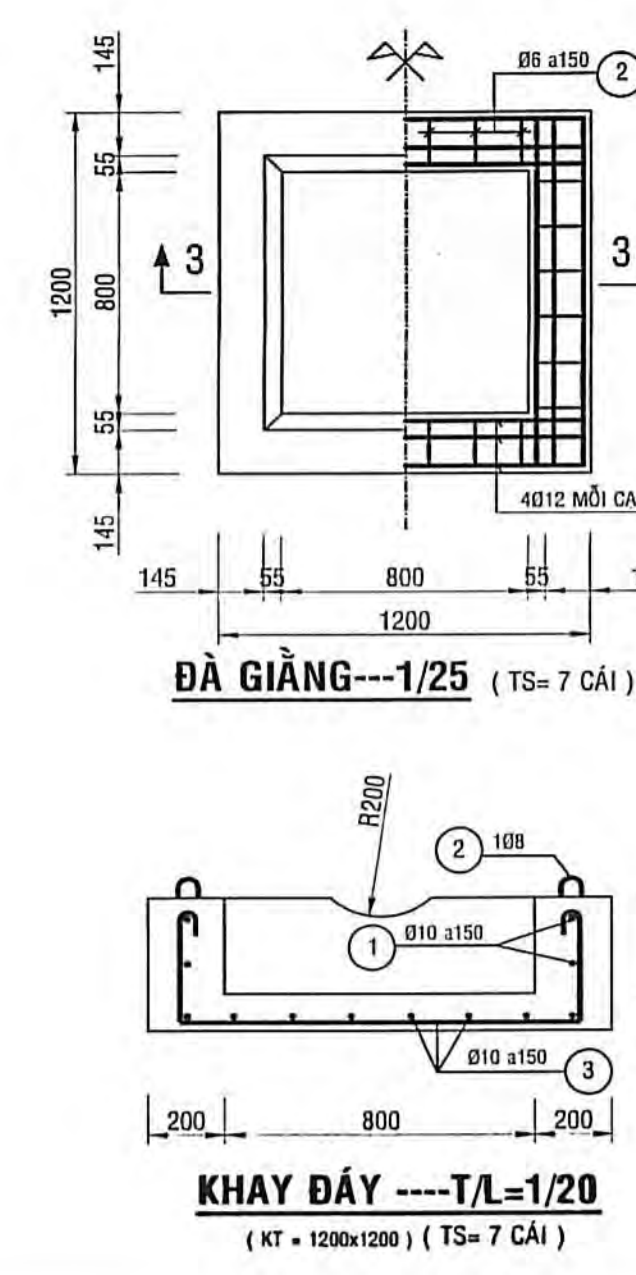
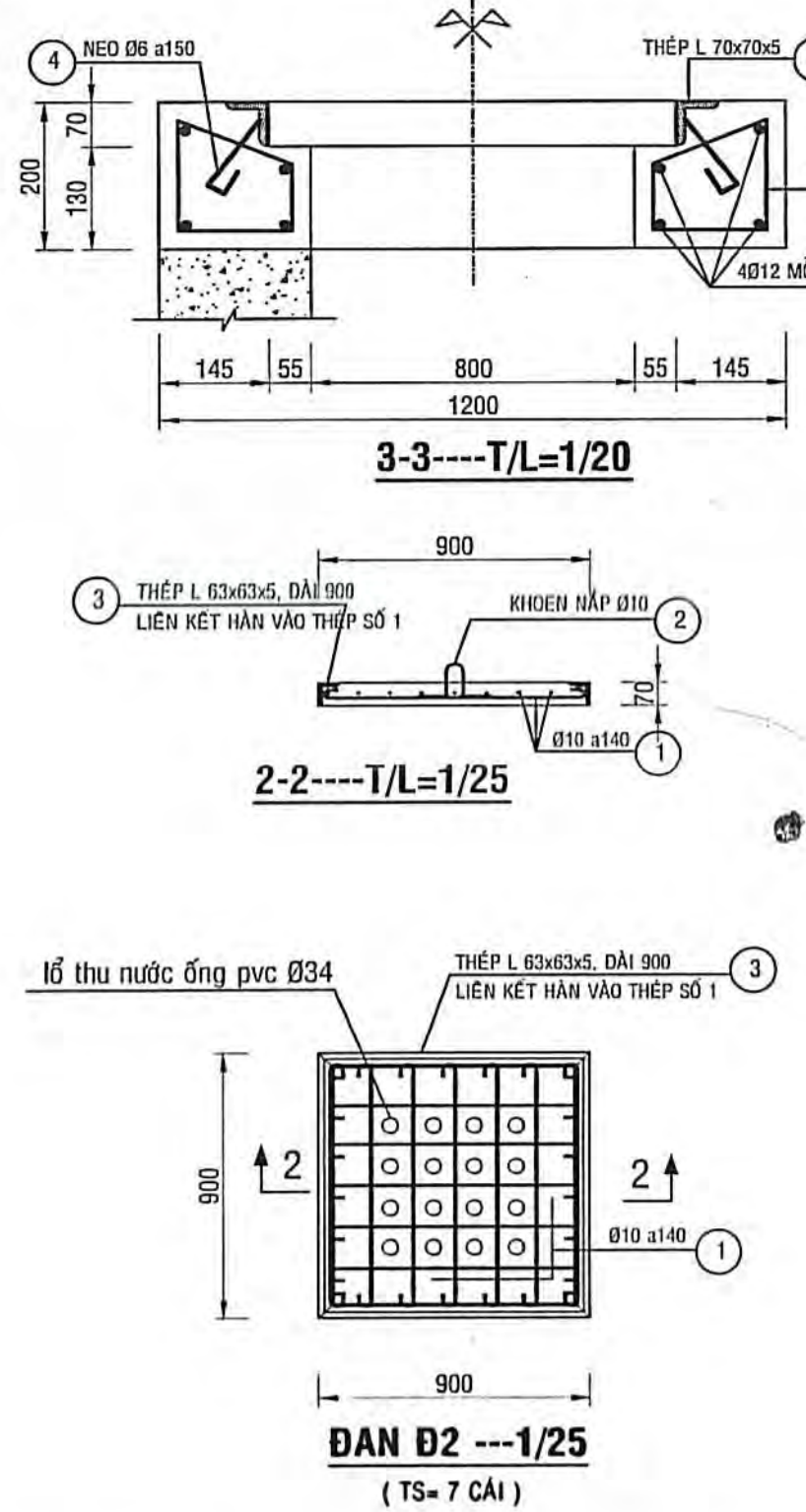
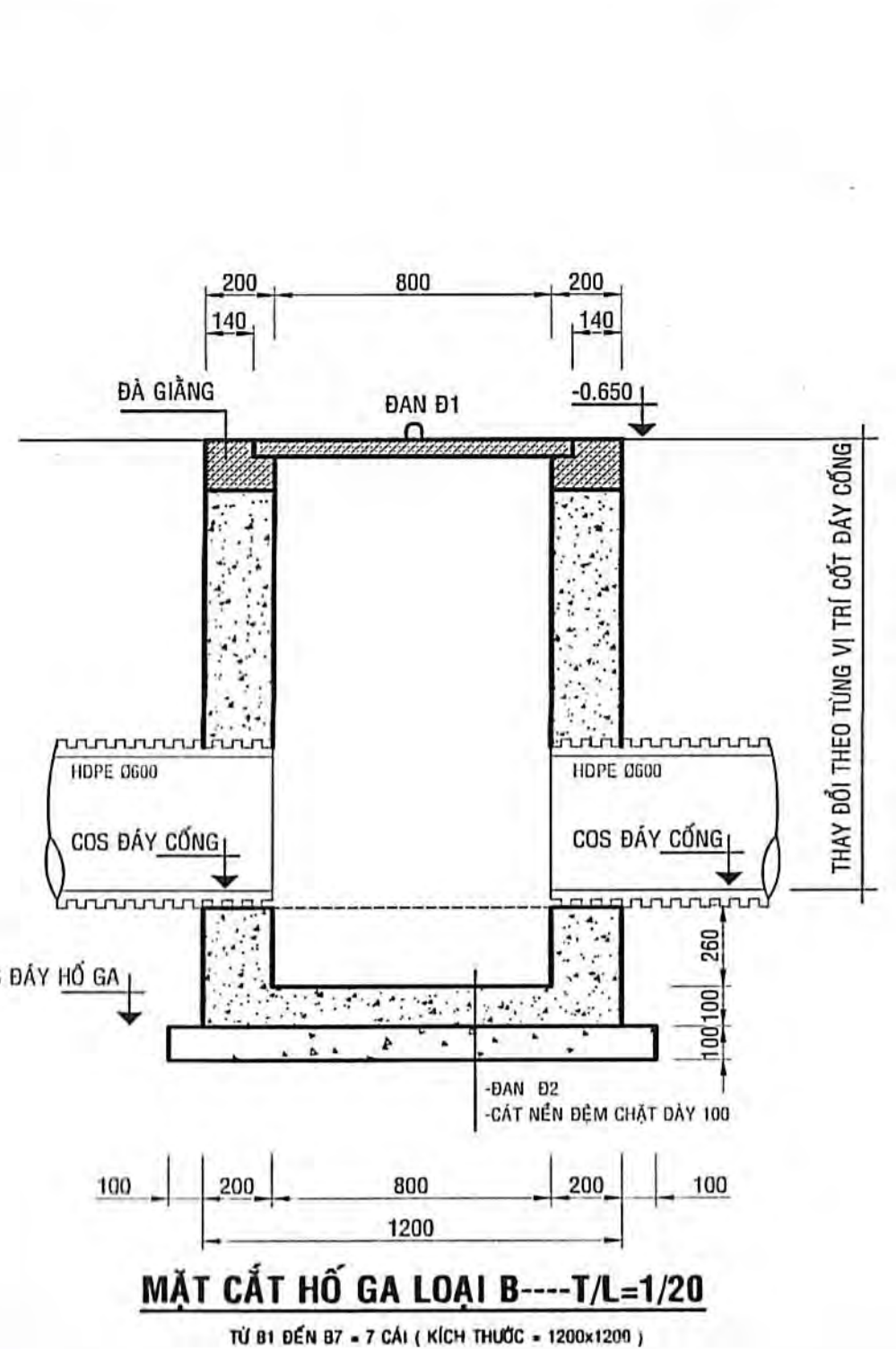
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 2.53$ kg; Chiều dài = 11.4 m
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 0.69$ kg; Chiều dài = 1.76 m
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 30.81$ kg; Chiều dài = 50 m
- Trọng lượng Thép góc LDC 50x5 = 3.20 kg;
- Trọng lượng Thép góc LDC 63x5 = 19.70 kg;
- Trọng lượng Thép góc LDC 70x5 = 15.49 kg;

ỐNG PVC Ø34 LOẠI MỀM = 1.2m

- Trọng lượng thép có đường kính D6 = 2.53 kg; Chiều dài = 11.4 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 0.69 kg; Chiều dài = 1.76 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Ø10 = 30.81 kg; Chiều dài = 50 mét
- Trọng lượng Thép góc: LDC 50x5 = 3.20 kg;
- Trọng lượng Thép góc: LDC 63x5 = 19.70 kg;
- Trọng lượng Thép góc: LDC 70x5 = 15.49 kg;
- ỐNG PVC B34 LOẠI MỎNG = 1,2m

[illegible]

- Trọng lượng thép có đường kính $\phi 6 = 2,49$ kg; Chiều dài = 11,2 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\phi 8 = 10,63$ kg; Chiều dài = 26,94 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\phi 10 = 9,47$ kg; Chiều dài = 15,36 mét
 - Trọng lượng Thép góc: LDC 50x5 = 18,1 kg; Chiều dài = 4,8 mét
 - Trọng lượng thép bản có chiều dày 2 mm = 15,7 kg
 - Bản lề cố sắt đường kính $\phi 16$, L=80 x 2 cái



TÊN CỤM CỘT ĐẦU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	DUONG KINH (mm)	CHIEU DAI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CỤM	TỔNG CHIEU DAI (mm)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
MANG CỘT SỐ 1		200	1010	14	14.14	8.72
MANG CỘT SỐ 2		200	917	1	0.917	0.57
MANG CỘT SỐ 3		200	900	4	3.6	1.32
MANG CỘT SỐ 4		200	1075	3	3.225	7.94
MANG CỘT SỐ 5		200	1760	12	21.12	13.02
MANG CỘT SỐ 6		200	1257	1	1.257	0.50
MANG CỘT SỐ 7		200	1150	16	18.4	16.34
MANG CỘT SỐ 8		200	6	32	19.84	4.40
MANG CỘT SỐ 9		200	910	4	3.64	1.98
MANG CỘT SỐ 10		200	5	25	4.5	1.00

- Trọng lượng thép có đường kính ø = 5.4 kg; Chiều dài = 24.3m mét

- Trọng lượng thép có đường kính ø = 6.3 kg; Chiều dài = 1.26 mét

- Trọng lượng thép có đường kính ø = 20.85 kg; Chiều dài = 68.4 mét

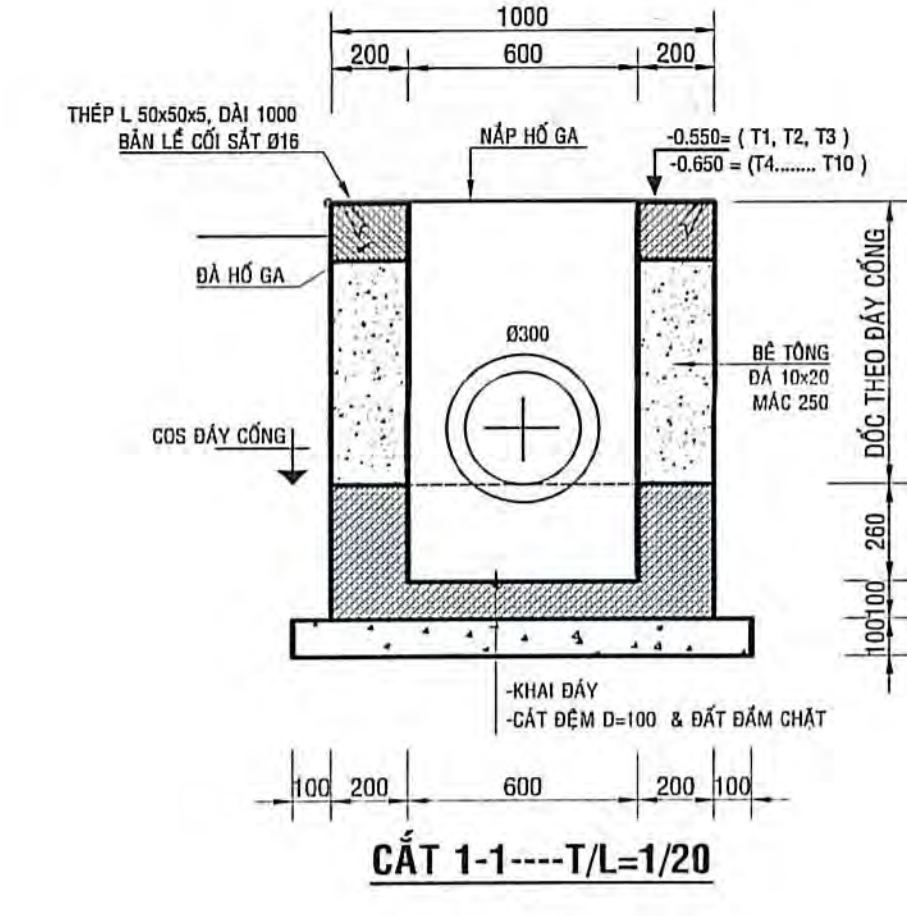
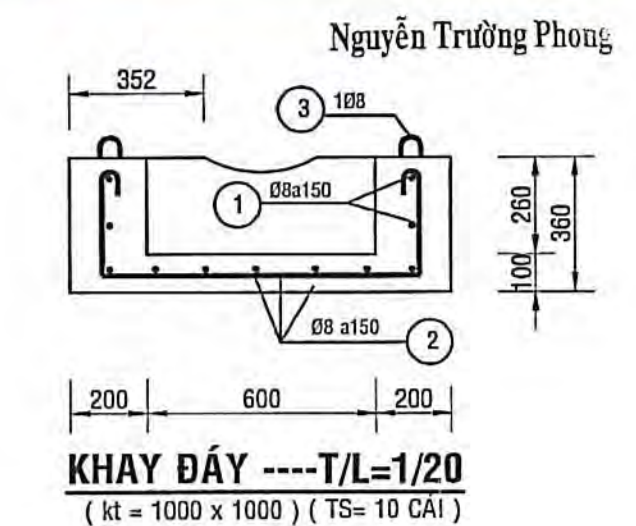
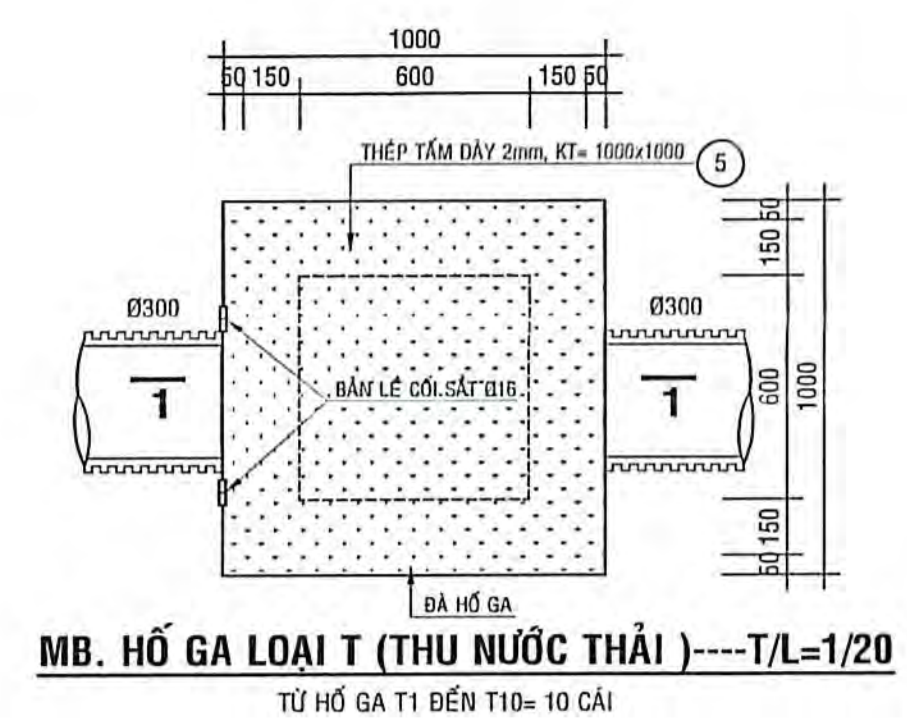
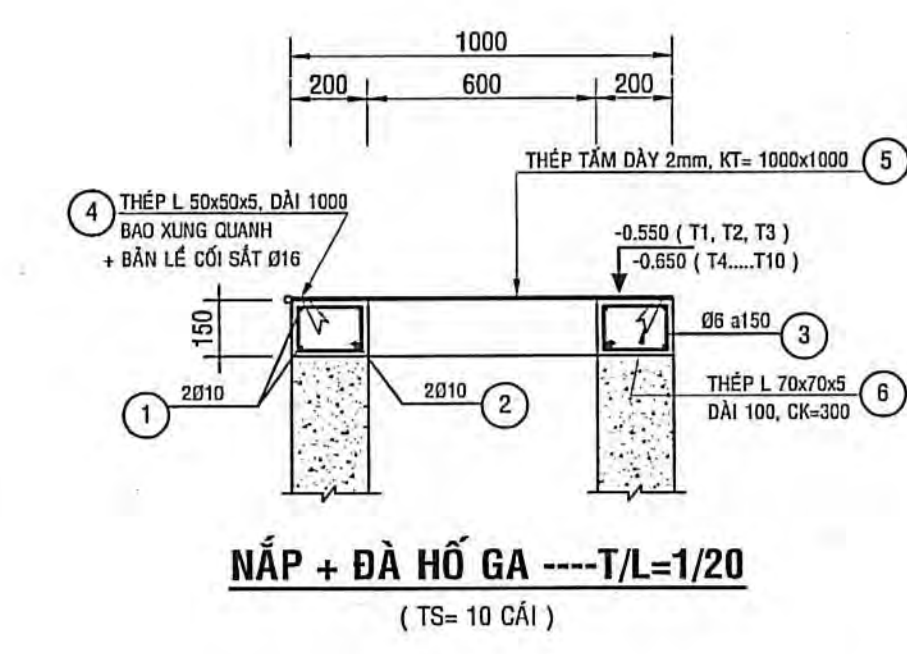
- Trọng lượng thép có đường kính ø12 = 16.34 kg; Chiều dài = 18.4 mét

- Thép L 63x3x5 = 17.32kg

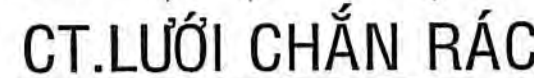
- Thép L 70x7x5 = 19.58kg

- ỐNG PVC B4, DÂY 1.1mm x 1m

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 5.4$ kg; Chiều dài = 24.34 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8 = 0.5$ kg; Chiều dài = 1.26 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 29.85$ kg; Chiều dài = 48.4 m
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 16.34$ kg; Chiều dài = 18.4 m
- Thép L 63x63x5 = 17.32kg
- Thép L 70x70x5 = 19.58kg
- Ống PVC Ø34, DÂY 1,3mm = 1m



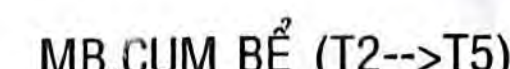
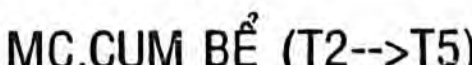
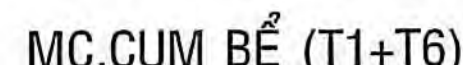
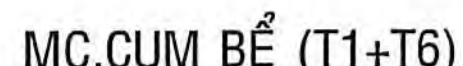
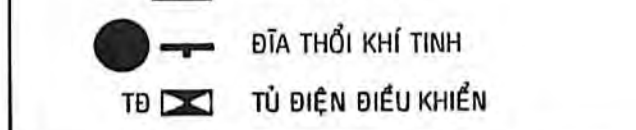
	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI <i>Sinh hoạt theo hướng kinh doanh dịch vụ</i> ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THUẬT SĨ VÀ PHƯƠNG NGUYỄN THỊ DIỆP ĐƯỢC SỐ QUÂN 287/2018/ĐKTĐ, ĐKTĐ, KHAI MẠI VÀ PHƯƠNG NGUYỄN THỊ DIỆP ĐƯỢC	GIẤY TỜ CHẤM ĐÓC CHỨNG NHẬN THỰC TẾ NGUYỄN VĂN TRUONG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THỜI KỲ CỐ SỞ		
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HÀNG MỤC: CÁCH THỐNG CẬP - THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ; HIỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ:	CHI TIẾT HỒ A, HỒ A/B CHI TIẾT HỒ G T CHI TIẾT CỬA XÃ	NGÀY: 04/01/2022 HMP-NTT: 03
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TR. NƯỚC	KS. PHAN VĂN ĐÀU	
TH. KẾ	KS. NGUYỄN DUY THANH	
QL. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRONG	



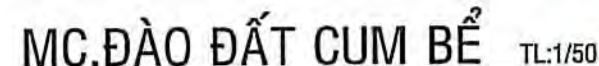
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 135.84$ kg; Chiều dài = 220.32 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 15.63$ kg; Chiều dài = 17.6 mét

GHI CHÚ

- CHÚ THÍCH



THỐNG KÊ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

MC.ĐÀO ĐẤT CUM BẾ TL:1/50

Nguyễn Trường Phong

Lê Quang Thạch

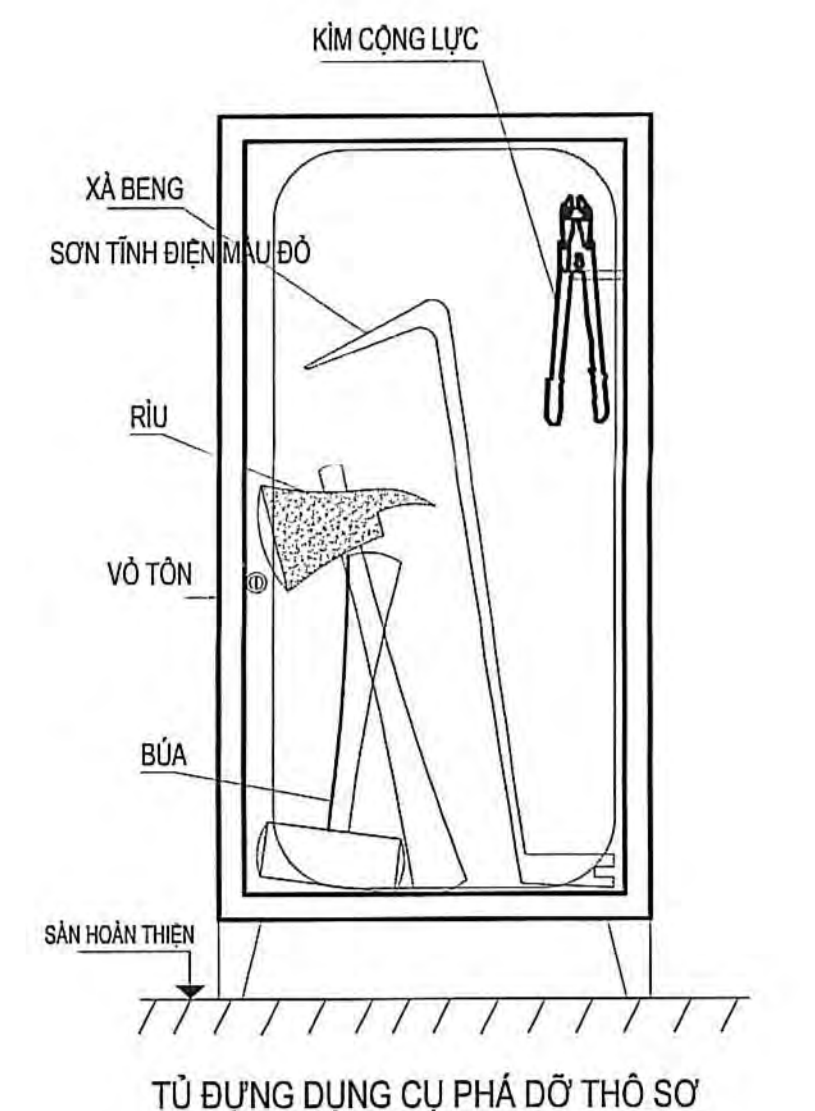
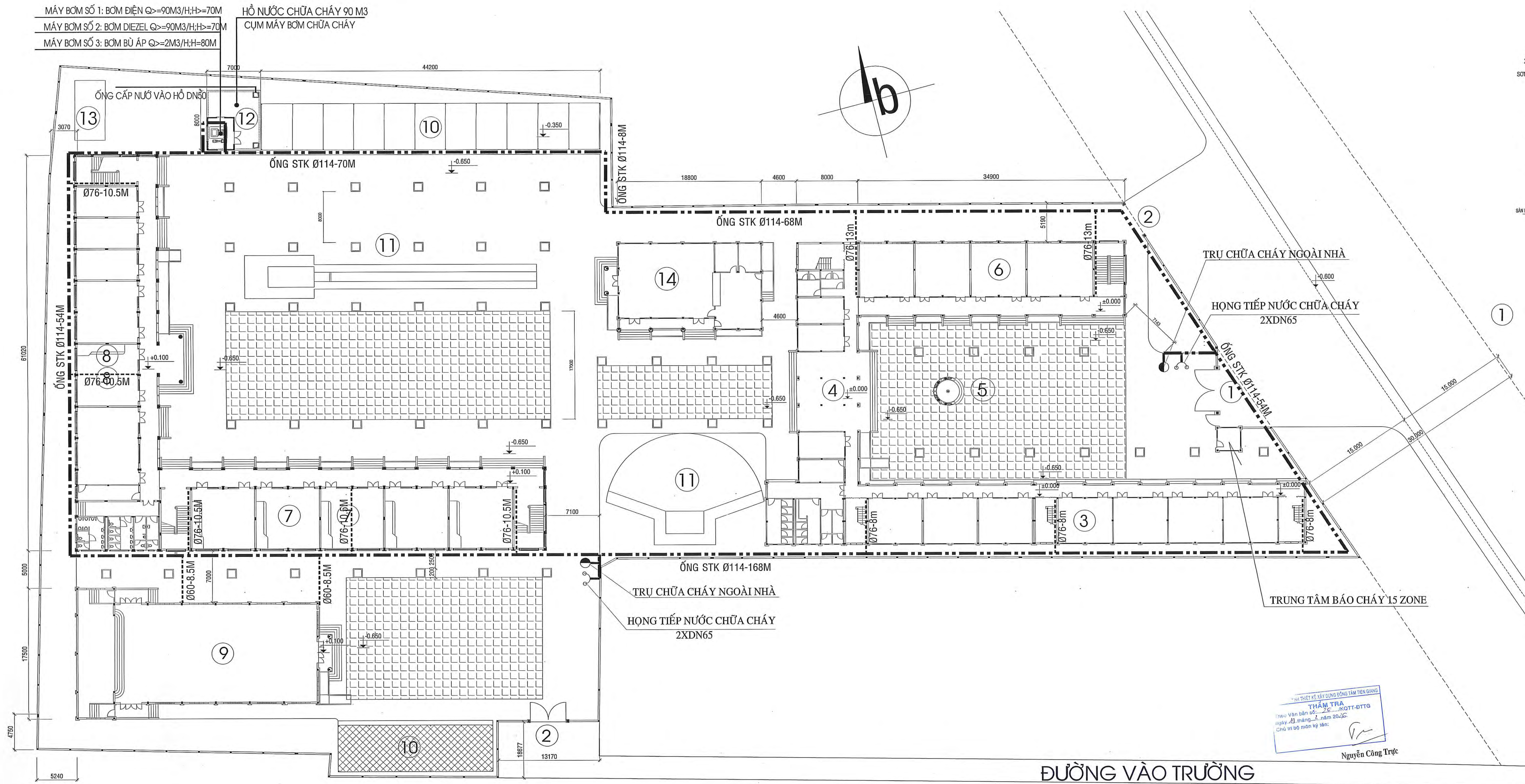
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ: MB.ĐƯỜNG ỐNG CẤP ĐIỆN NGÀY: 16/3/202

CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
-----------	-------------------------	---

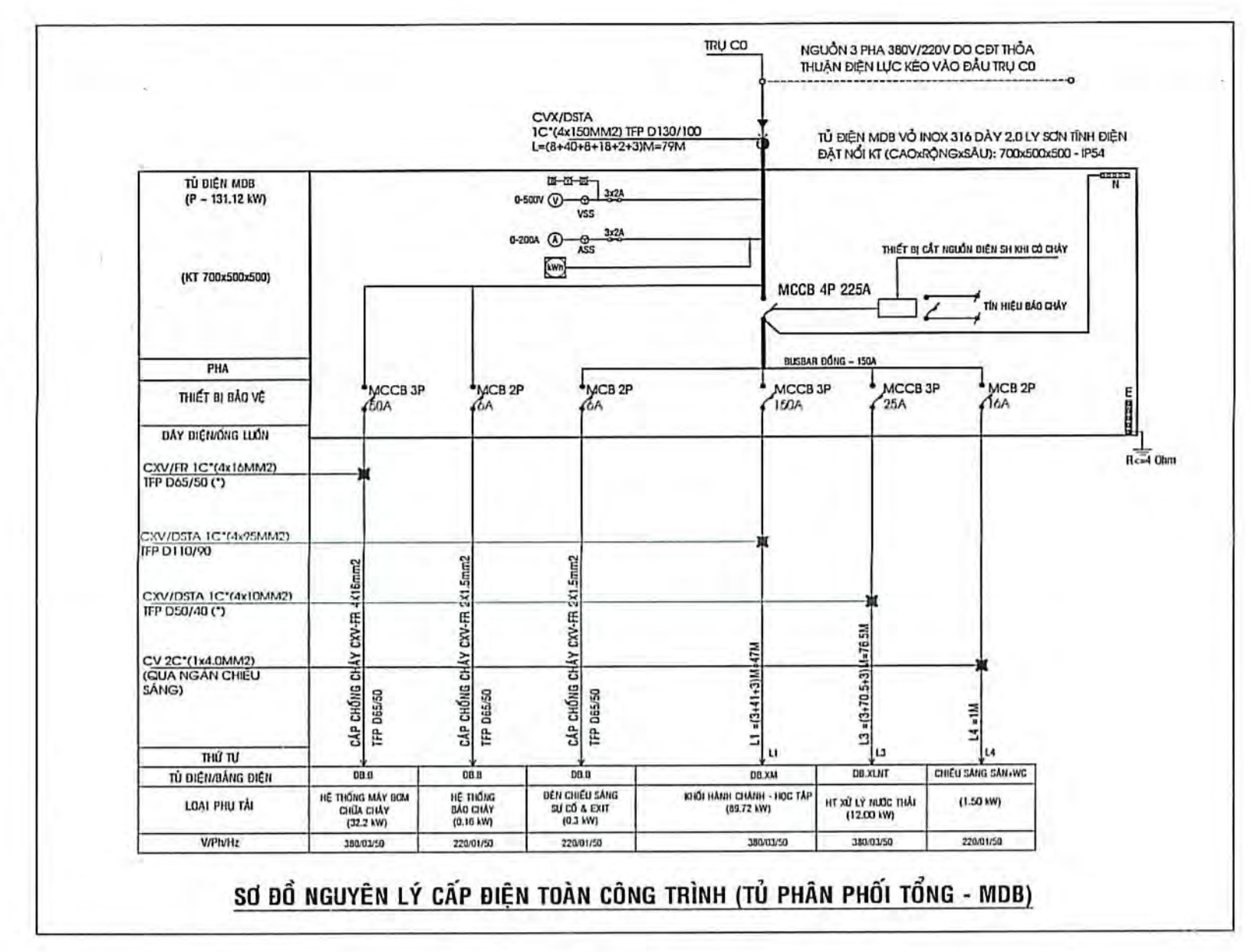
D.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	
---------------	----------------------	---

TỔNG THỂ



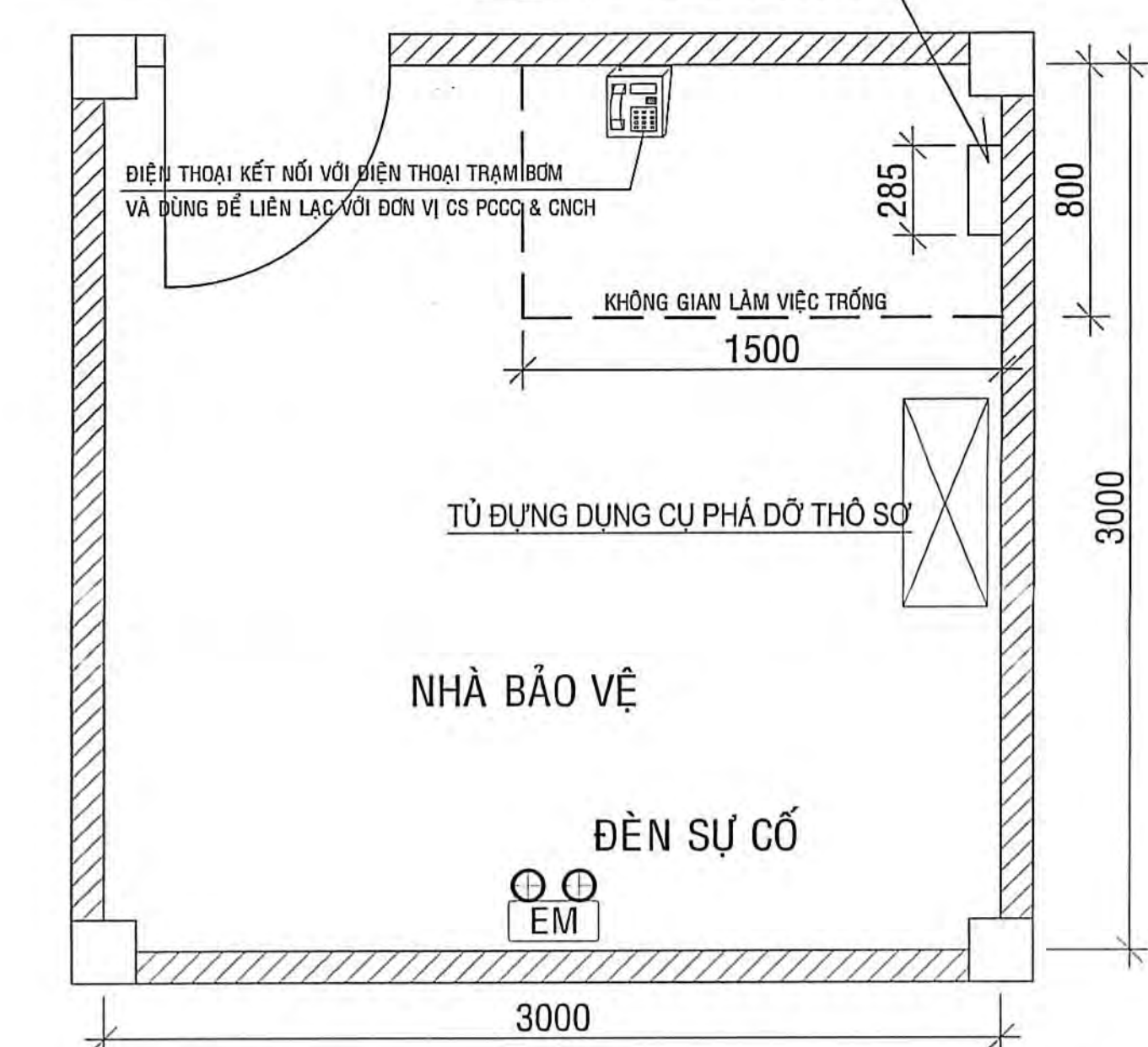
MẶT BẰNG HT CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ TL: 1/200

- CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (LÀM MỚI)
- CỔNG PHỤ (LÀM MỚI)
- KHOẢNG PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- KHOẢNG HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- KHOẢNG PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- KHOẢNG NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỮA CHÁY
- HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)



BẢNG KẾ CÔNG SUẤT HỆ THỐNG PCCC

STT	TÊN VẬT TƯ	CÔNG SUẤT(KW)
1	MÁY BƠM CHỮA CHÁY ĐIỆN CHÍNH	18.5
2	MÁY BƠM BÙ ÁP	2.2
3	HỆ HỐNG BÁO CHÁY	0.16
4	HỆ THỐNG ĐÈN CHỈ DẪN VÀ ĐÈN SỰ CỐ	0.3
5	TỔNG	21.16



CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BÁO CHÁY TỶ LỆ: 1/20

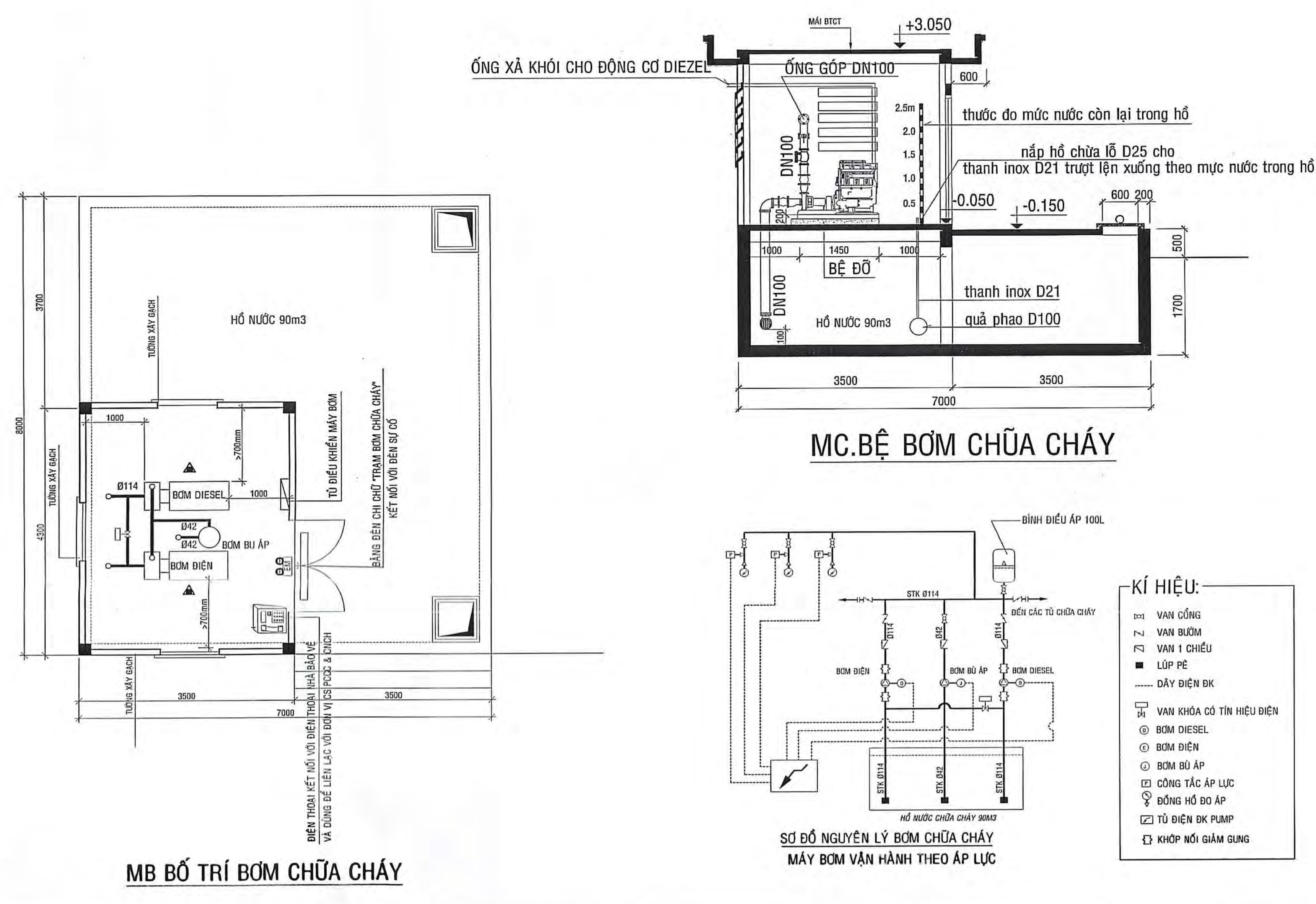
BAN QUẢN LÝ ĐTXD KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Thẩm tra và phê duyệt theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 15/08/2020 của UBND TP. HCM về việc ban hành quy định về quản lý và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỘC
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
Số điện thoại: 0903.123.456, Email: info@moctk.vn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC
CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
Số điện thoại: 0903.123.456, Email: info@thienvuong.vn

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG HT CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ
CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BÁO CHÁY
BẢNG KẾ CÔNG SUẤT HỆ THỐNG PCCC
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK PCCC: K.S. NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG

NGÀY: 15/12/2025
PCCC: 01



THỐNG KÊ VẬT TƯ HỆ THỐNG CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ					
STT	TÊN VẬT TƯ	TƯƠNG ĐƯƠNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	
1	ỐNG SẮT TRẮNG KÉM Ø42 DÀY 3.2	VN	m	6	
2	ỐNG SẮT TRẮNG KÉM Ø114 DÀY 3.6	VN	m	460	
3	CÓ BỐ SẮT TRẮNG KÉM Ø42	* nt *	CÁI	4	
4	CÓ 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø114	* nt *	CÁI	50	
5	TÊ 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø114	* nt *	CÁI	12	
6	TÊ GIÀM 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø114/76	* nt *	CÁI	10	
7	TÊ GIÀM 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø114/42	* nt *	CÁI	1	
8	MẶT BÍCH SẮT TRẮNG KÉM Ø114 BAO GỒM PHỤ KIỆN	* nt *	CÁI	70	
9	MÁY BƠM CHỮA CHÁY VẠN HẠNH THẠCH ÁP LỰC BAO GỒM:			BỘ	1
	1) BƠM ĐIỆN CÔNG SUẤT 30KW Q=90M ³ /H;H=70M				
	2) BƠM DIESEL DÙ PHÒNG CÔNG SUẤT Q=90M ³ /H;H=70M				
	3) BƠM BÙ ÁP CÔNG SUẤT 2.2KW Q=2M ³ /H;H=80M				
	TÙ ĐIỀU KHIỂN 3 BƠM VẠN HẠNH THẠCH ÁP LỰC				
	5) PHỤ KIỆN BAO GỒM: TẮT CÁ CẮT THIẾT BỊ BƠM,				
	THỂ HIỆN TRÊN SƠ ĐỒ NGUYÊN LỰC NHƯ: CHỐNG NỔ BÚNG, MẶT BÍCH,				
	VAN, ĐỒNG HỒ ÁP LỰC, BÌNH TÍCH ÁP, CÔNG TẮT ÁP LỰC...V.V				
10	BỘ DỤNG CỤ PHÁ ĐÓ BAO BƠM:	VN	BỘ	1	
	- BÚA T (THÉP CARBON CƯỜNG ĐỘ CAO,NẶNG 5KG,CÁN DÀI 50CM)				
	- KIM CÔNG LỰC (DÀI 60CM,TÀI CẮT 60KG)				
	- XÀ BÈNG (MỘT ĐẦU NHON,1 ĐẦU ĐỆI,ĐÀI 100CM)				
	- RULO CỎ NẶNG(TRONG LƯỢNG 2KG,CÁN DÀI 90CM BẰNG THÉP CARBON				
11	HOANG TIẾP NƯỚC CHỨA CHÁY 2 NGỒ 2X605	VN	BỘ	2	
12	TRỤ NƯỚC CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ	VN	BỘ	2	
13	BĂNG BÈN CHỊ CHỮ (TRAM BƠM CHỮA CHÁY*)	VN	BỘ	1	
14	BÌNH CHỮA CHÁY BƠT ABC-8KG (CHO TRAM BƠM)	VN	BÌNH	1	
15	QUÁ CẦU CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG BƠT ABC-8KG (CHO TRAM BƠM)	VN	CÁI	1	
16	ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ (THỜI GIAN LƯU DIỄN 2H)	VN	CÁI	1	
17	DÂY CHỐNG CHÁY CẤP NGUỒN CH BƠM C C XVFR 4X16mm2	VN	M	40	
18	DÂY CHỐNG CHÁY CẤP NGUỒN CH BƠM C C XVFR 3X1.5mm2 CẤP NGUỒN CHO TRUNG TÂM BẢO CHÁY VÀ ĐẾN SỰ CỐ,EXIT	VN	M	150	
19	ỐNG CẤP NƯỚC VÀO HỒ PWC 860 (TAM TÍNH)	VN	M	100	
20	VAN PHẠO Ø42	VN	CÁI	1	

GHI CHÚ: ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI CỦA ỐNG STK THEO TIÊU CHUẨN BS 1387-1985
(HT CẤP NƯỚC CC NGOÀI NHÀ KHÔNG BAO GỒM CÁC TUYẾN NHÁNH Ø60.Ø76 VÀ CÁC TỦ CC TRONG NHÀ)

TỔNG THỂ

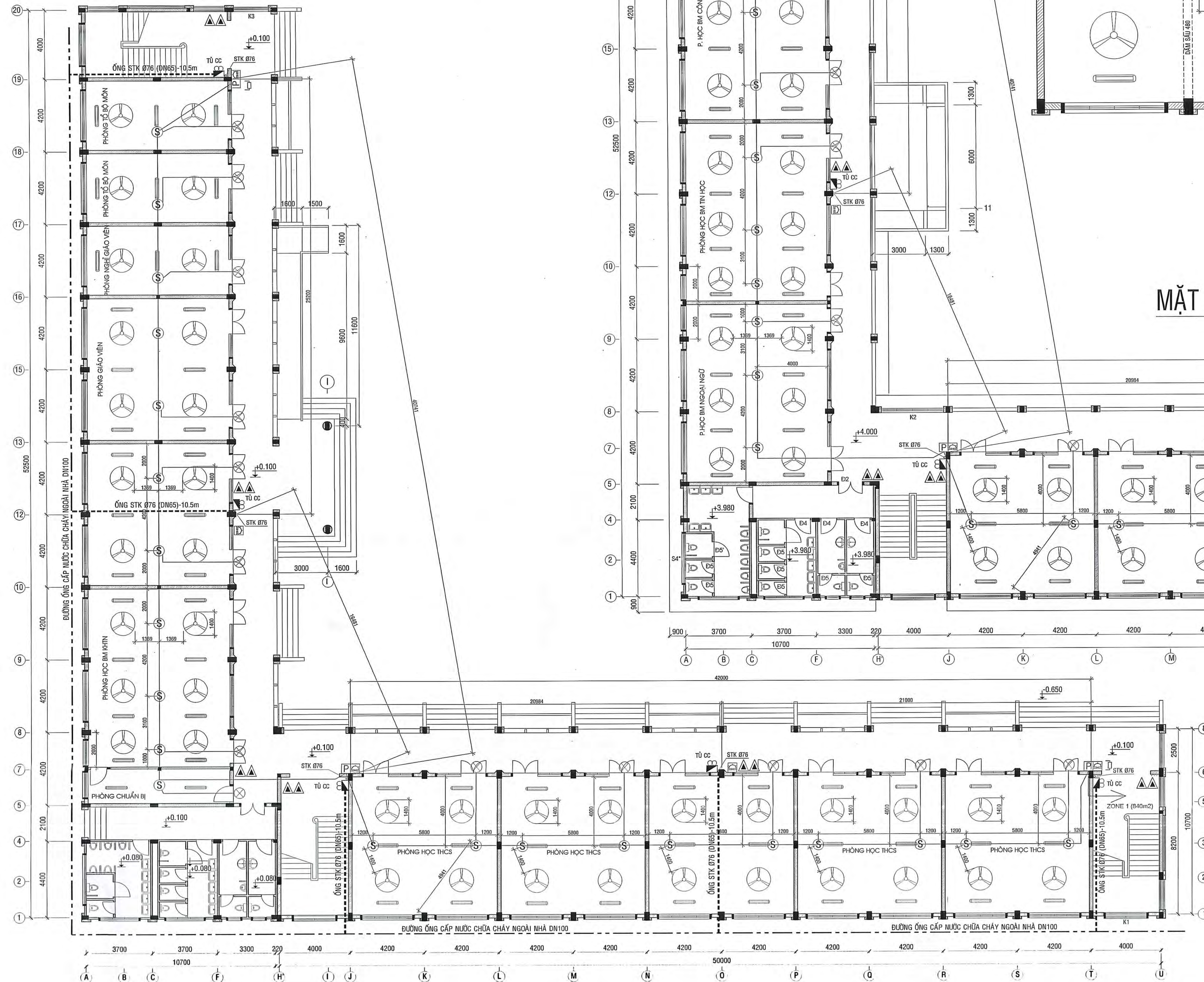
KÍ HIỆU:

—	ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY THIẾT KẾ STK	⊙	ĐẦU BẢO KHÍ QUANG
- - -	ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY NGOÀI NHÀ STK	⊕	ĐẦU BẢO NHIỆT
STK	ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY STK	⊖	ĐẦU BẢO LỬA
□	YÚ CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG	⊗	ĐÈN BẢO PHÒNG
△	BÌNH CHỮA CHÁY BỐT ABC-8KG	⊠	NÚT NHẤN KHẨN
▲	BÌNH CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG BỐT ABC-8KG	⊡	CỜ BẢO CHÁY
		—	DÂY TÍN HIỆU 2X1mm ²
			(BỊ TRONG ỚNG TRẮNG CƯỜNG D20 BẢO VỆ).

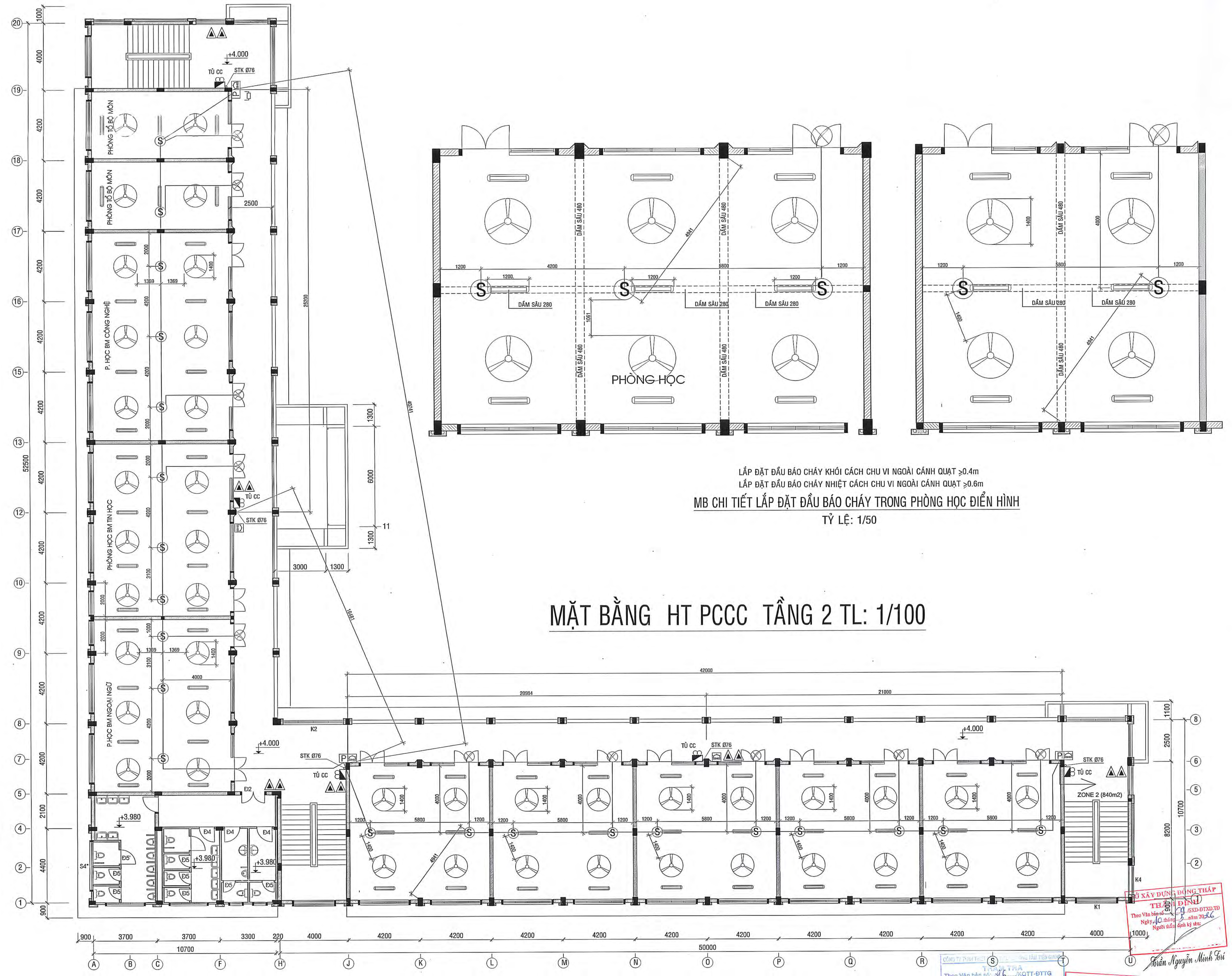
BỐ TRÍ BÌNH CC BỐT ABC-8KG-4A THEO ĐIỀU 7.2.1 TCVN 7435-1:2004
VÀ ĐIỀU 5.1.1.5 TCVN 3890:2023

STT	DIỆN GIẢI	DIỆN TÍCH	BỐ TRÍ 100M2/BÌNH VÀ 10% DỰ PHÒNG
1	TẦNG TRỆT	1097 m ²	12 BÌNH
2	LẦU 1	1097 m ²	12 BÌNH
3	LẦU 2	1097 m ²	12 BÌNH
4	TỔNG CỘNG BÌNH BỐT ABC 8KG-4A		36 BÌNH

MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 1 TL: 1/100



MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 2 TL: 1/100



LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY KHÍ CÁCH CHU VỊ NGOÀI CÁCH QUẠT >0.4m
LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY NHIỆT CÁCH CHU VỊ NGOÀI CÁCH QUẠT >0.6m
MB CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY TRONG PHÒNG HỌC ĐIỂN HÌNH
TỶ LỆ: 1/50

Stamp: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC THIÊN VƯỜN
Stamp: BAN QLDA DTSD KHU VỰC 3
Stamp: PHIẾU DUYỆT
Stamp: NGUYỄN VĂN TRỌNG
Stamp: NGUYỄN VĂN TRỌNG

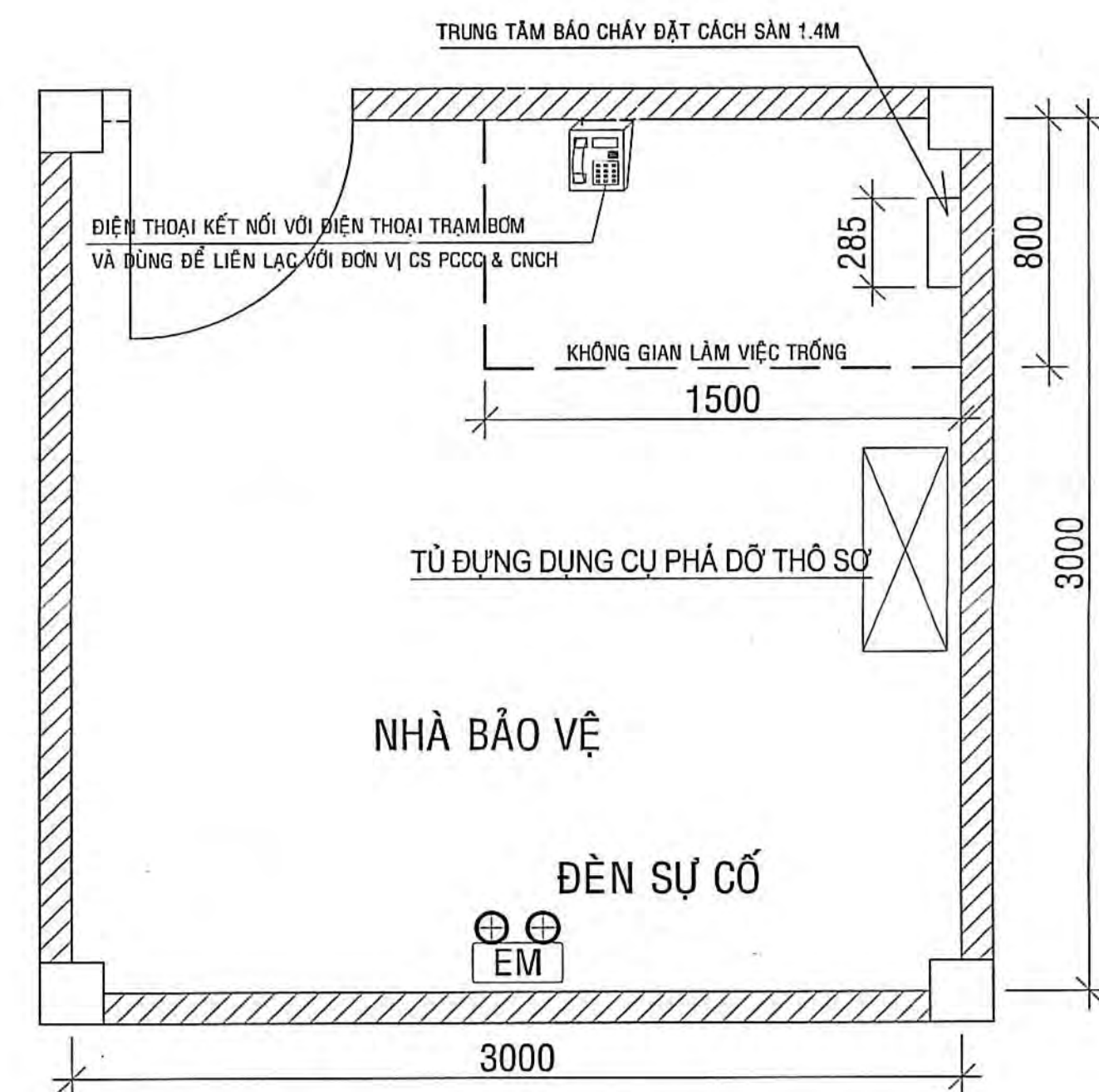
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC THIÊN VƯỜN Số 15/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số 0273.207.0234 - 0904.1111111111		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC THIÊN VƯỜN Số 15/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số 0273.207.0234 - 0904.1111111111	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯỜN 15/10 ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM			
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ			
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			
TÊN BẢN VẼ: MB. HT PCCC TẦNG 1 KHỐI THCS MB. HT PCCC TẦNG 2 KHỐI THCS		NGÀY: 12/2/2026 PCCC: 03	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S. NGUYỄN MINH SANG		
Q.L. KỸ THUẬT	K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG		

BỐ TRÍ BÌNH CC BỘT ABC-8KG-4A THEO ĐIỀU 7.2.1 TCVN 7435-1:2004
VÀ ĐIỀU 5.1.1.5 TCVN 3890:2023

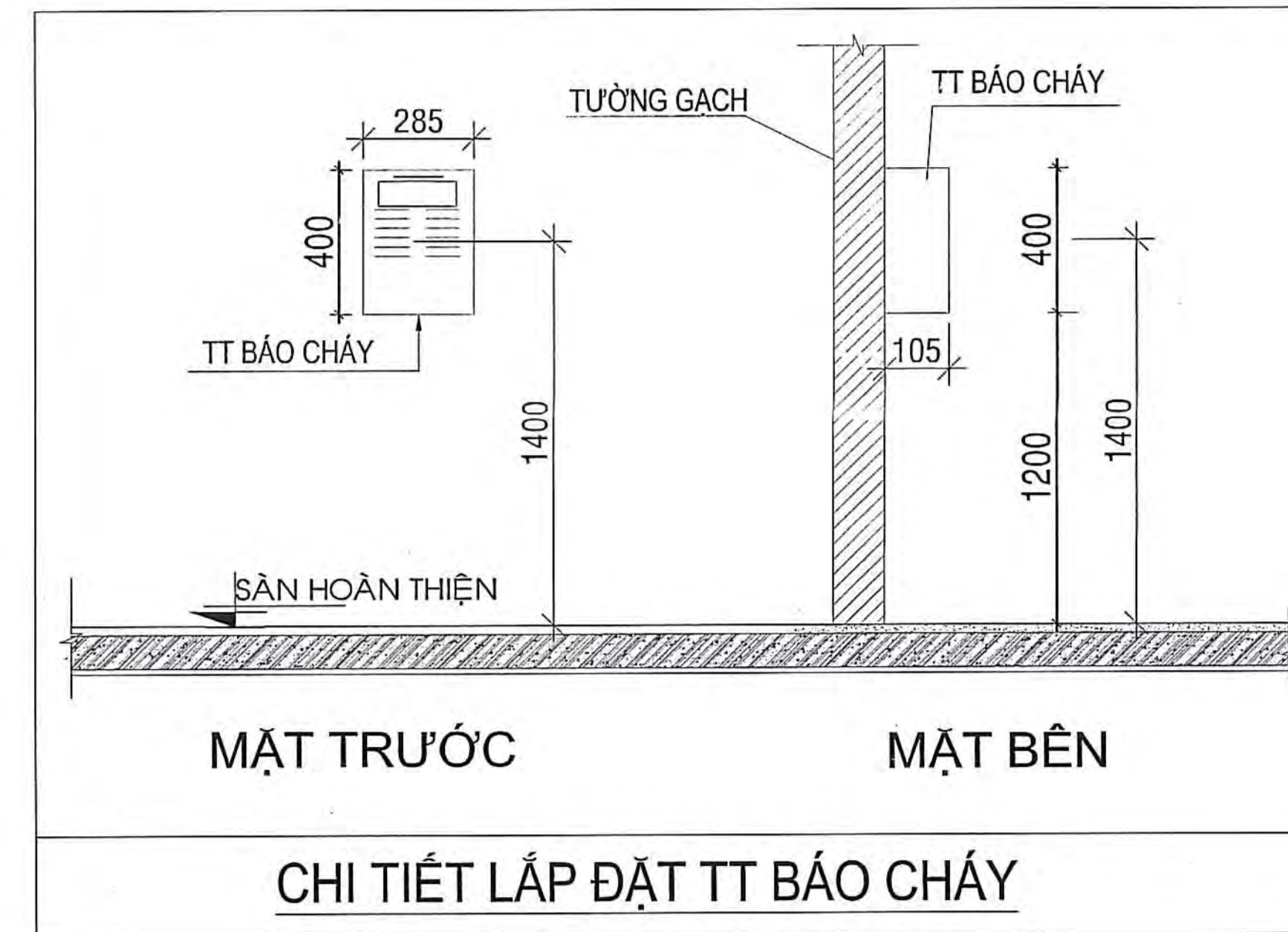
STT	DIỄN GIẢI	DIỆN TÍCH	BỐ TRÍ 100M2/BÌNH VÀ 10% DƯ PHÒNG
1	TẦNG TRỆT	1097 m2	12 BÌNH
2	LẦU 1	1097 m2	12 BÌNH
3	LẦU 2	1097 m2	12 BÌNH
4	TỔNG CỘNG BÌNH BỐ A 8KG-4A		36 BÌNH

KÍ HIỆU:

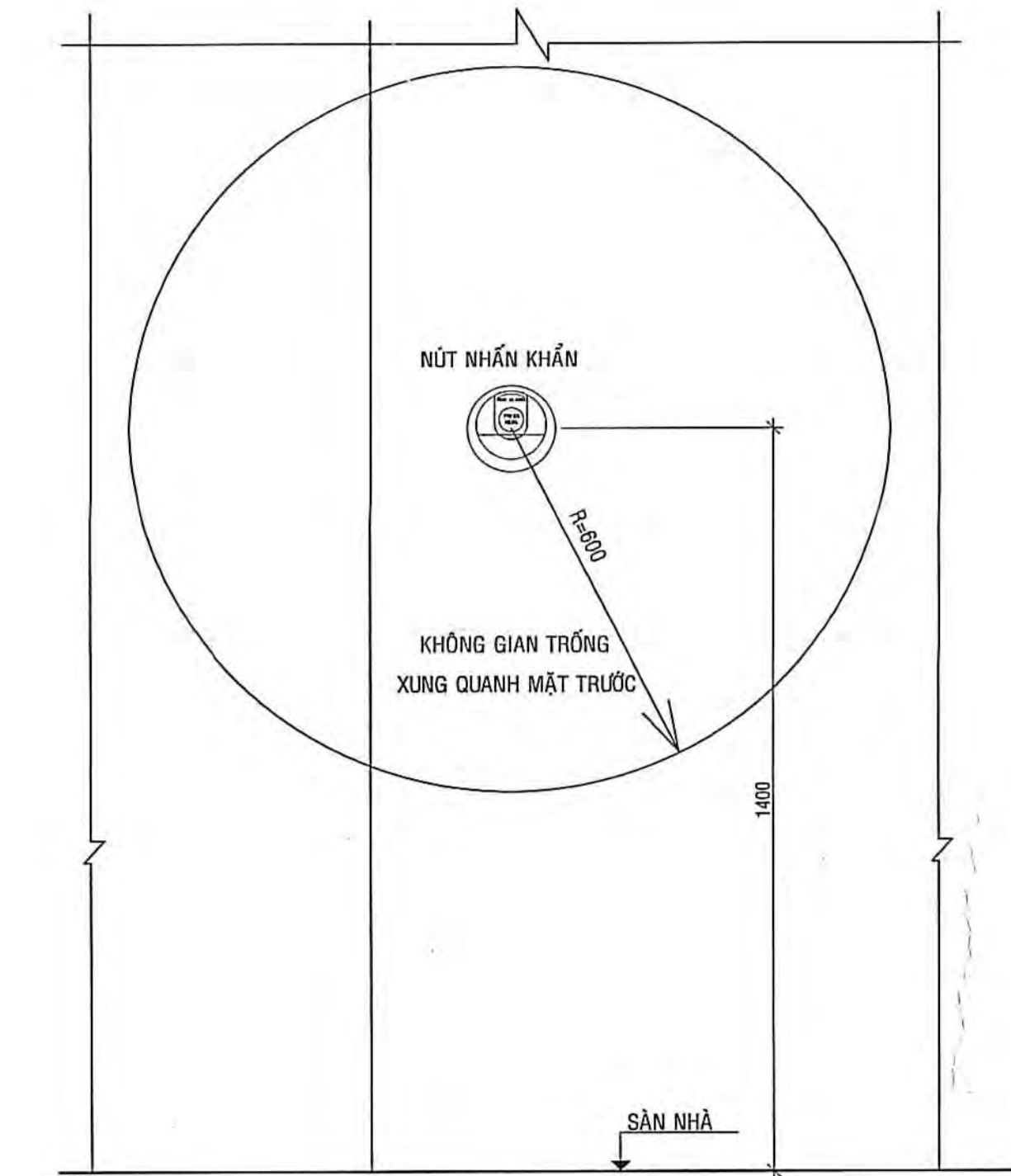
- | | | | |
|---|---------------------------------------|-----------|---|
| — — — — — | ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHẤT THIẾT KẾ STK | (S) | ĐẦU BẢO KHỐI QUANG |
| — — — — — | ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHẤT NGUYÊN NHÃ STK | (H) | ĐẦU BẢO NIỆT |
| — — — — — | ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHẤT NGUYÊN NHÃ STK | (P) | ĐẦU BẢO LỬA |
| — — — — — | ỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHẤT STK | (X) | ĐIỂM BÁO PHÒNG |
|  | TỦ CHỨA CHẤT VẠCH THƯƠNG | (P) | NƠI NHÚN KHẨN |
|  | BÌNH CHỨA CHẤT DỄ ABC-BKG | (P) | CỒI BẢO CHẤT |
|  | BÌNH CHỨA CHẤT TỰ ĐỘNG DỄ ABC-BKG | — — — — — | ĐÂY TÍN HIỆU 2X1mm ² |
| | | | (II) TRONG CUNG CẤP CUNG CẤP ĐÓNG BẮC (VỀ). |



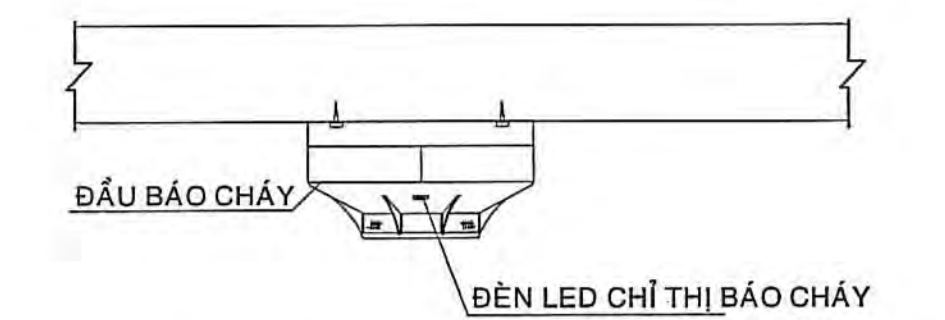
CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BÁO CHÁY



CHI TIẾT LẮP ĐẶT TT BÁO CHÁY

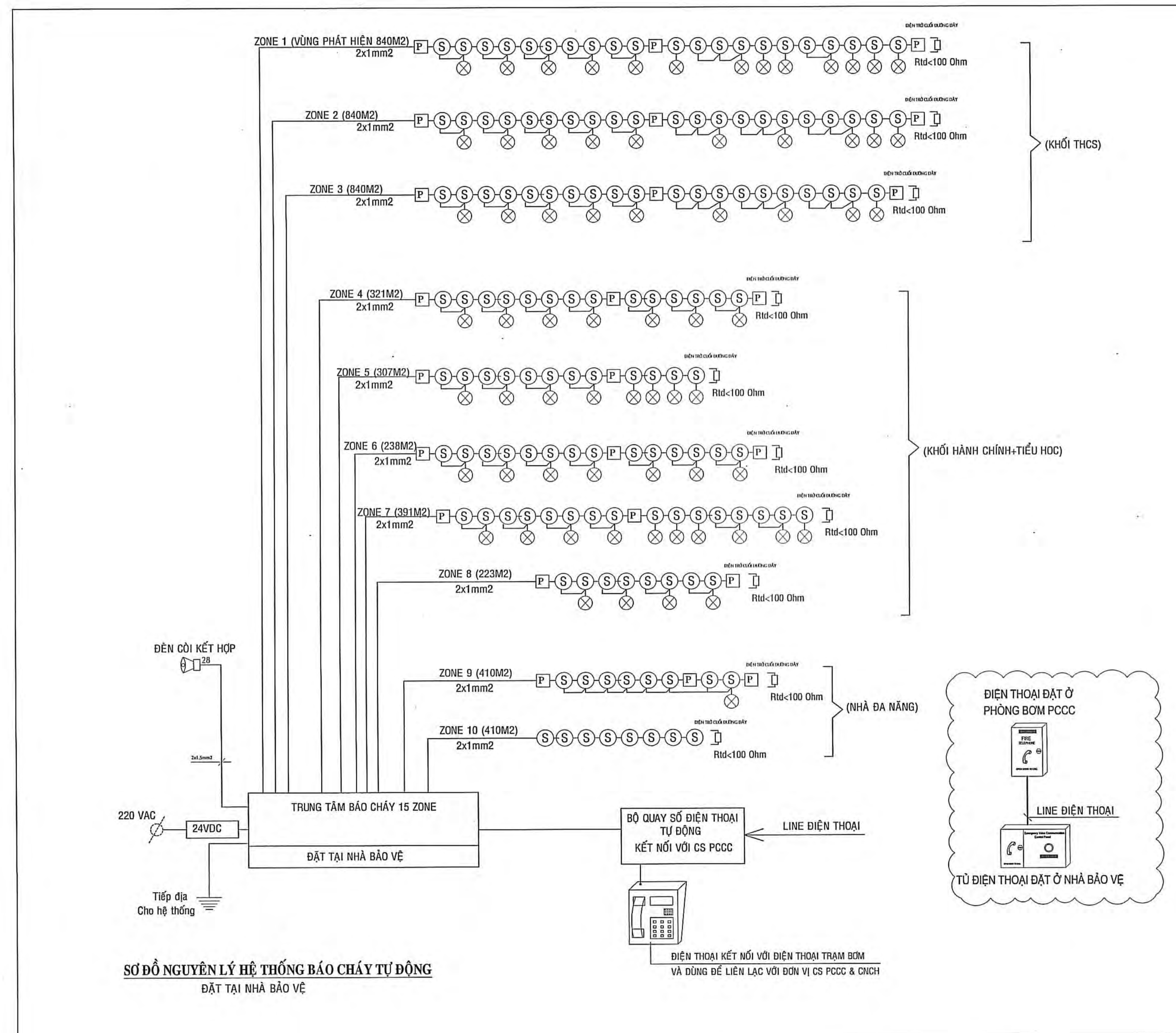
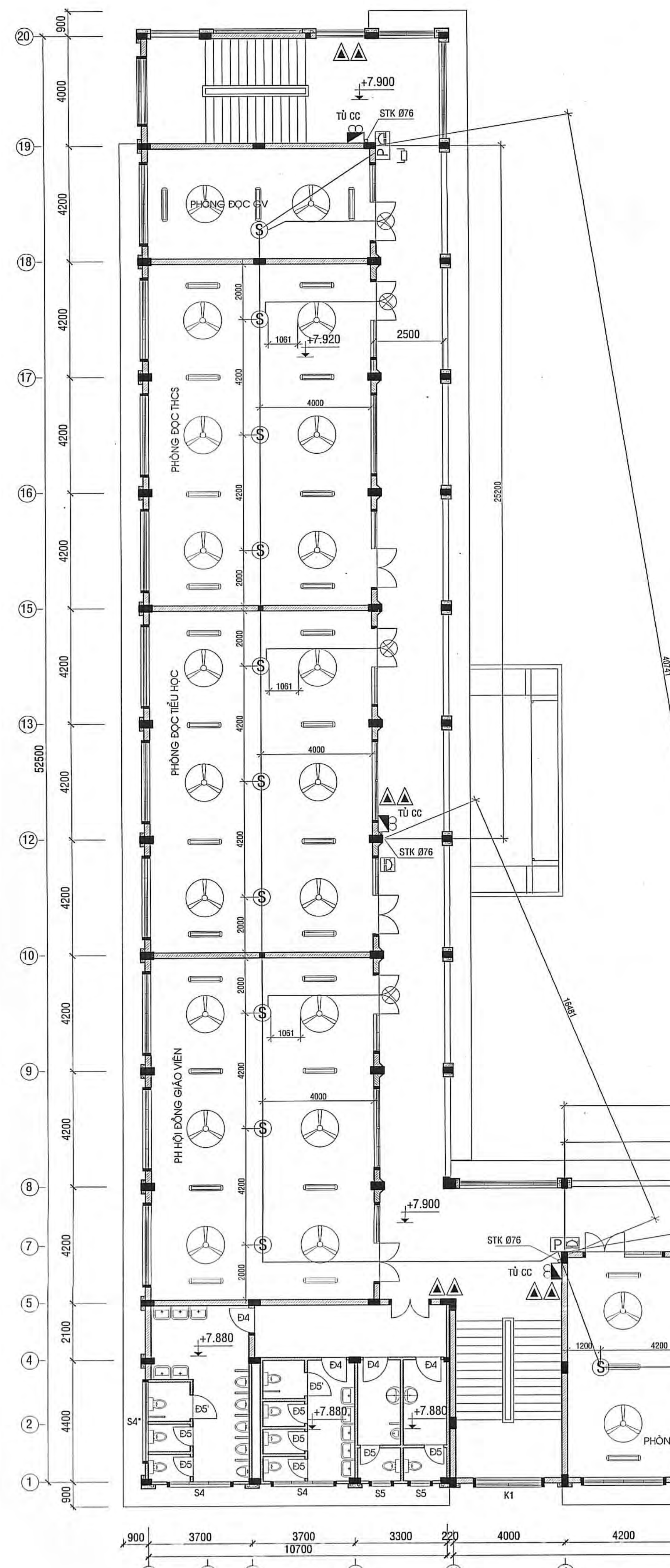


CHI TIẾT LẮP ĐẶT NHẤN KHẨN

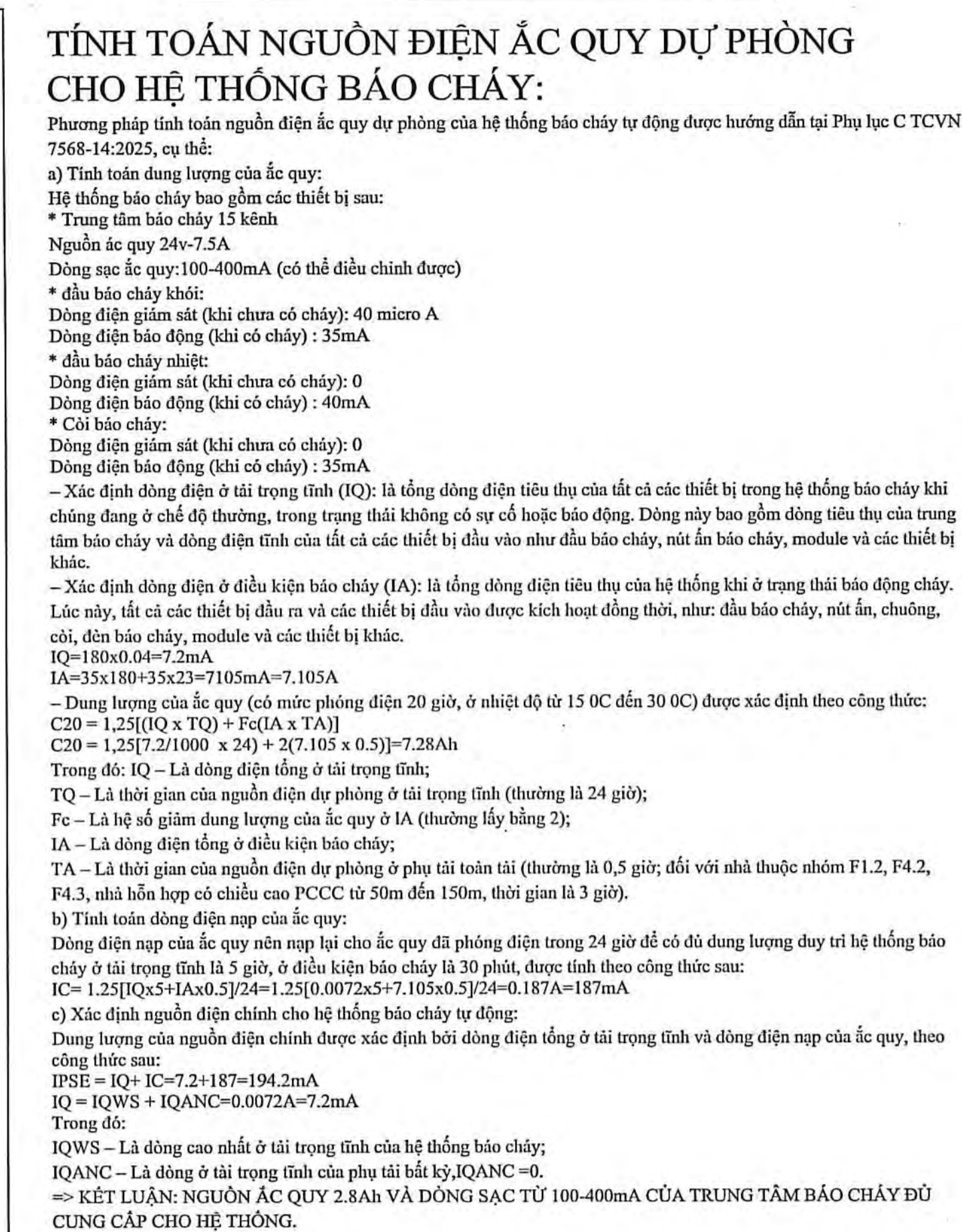


CHI TIẾT ĐÈN CHỈ THỊ ĐẦU BÁO CHÁY

MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 3 TL: 1/100

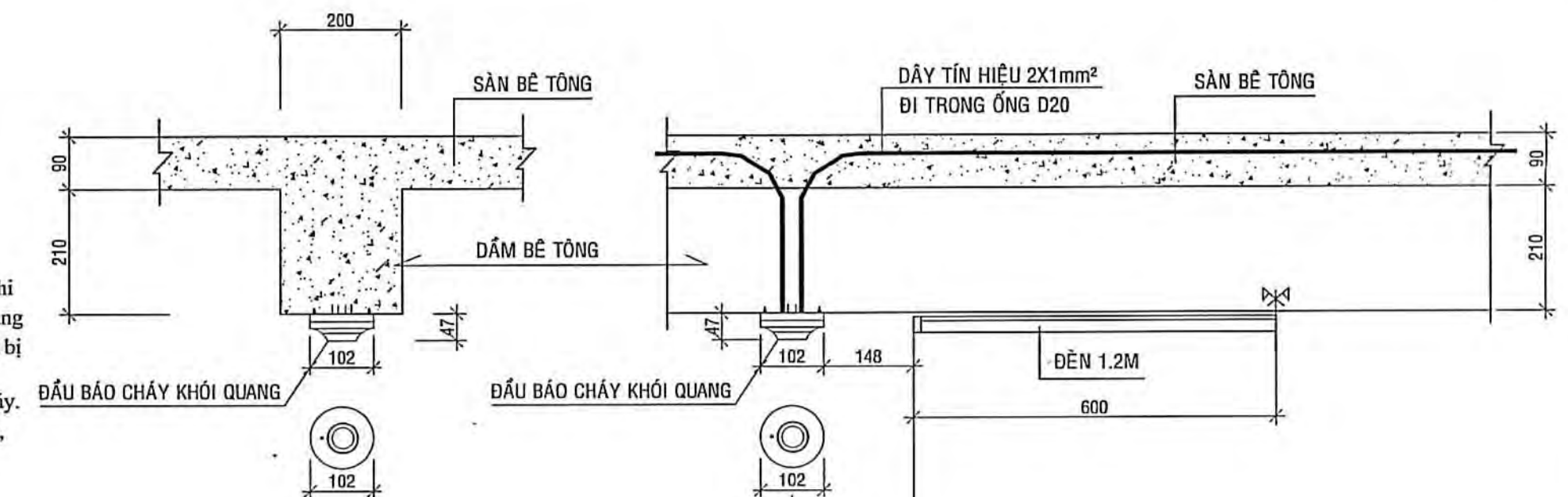


SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG
ĐẶT TẠI NHÀ BẢO VỆ

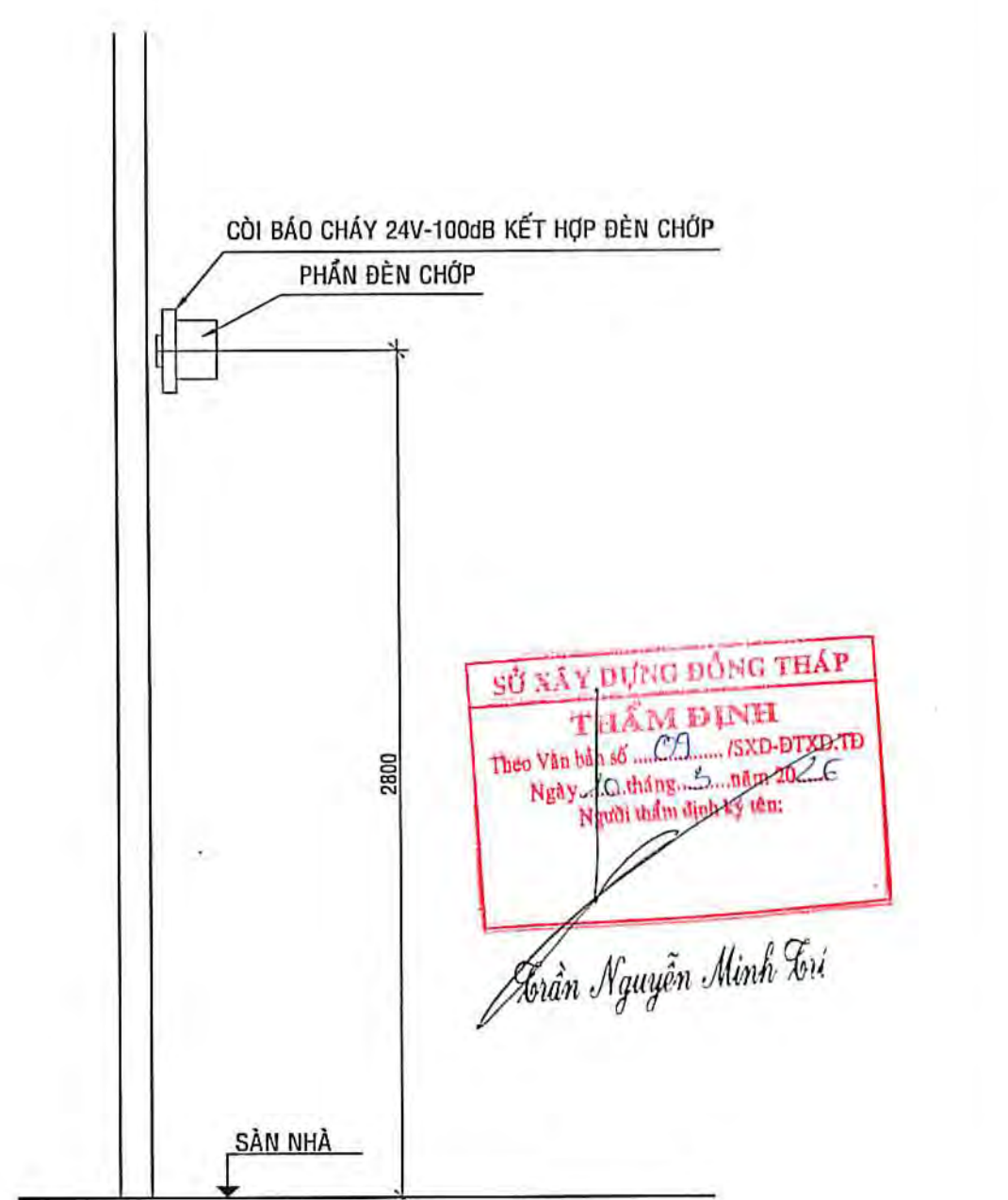


* THUYẾT MINH HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG:

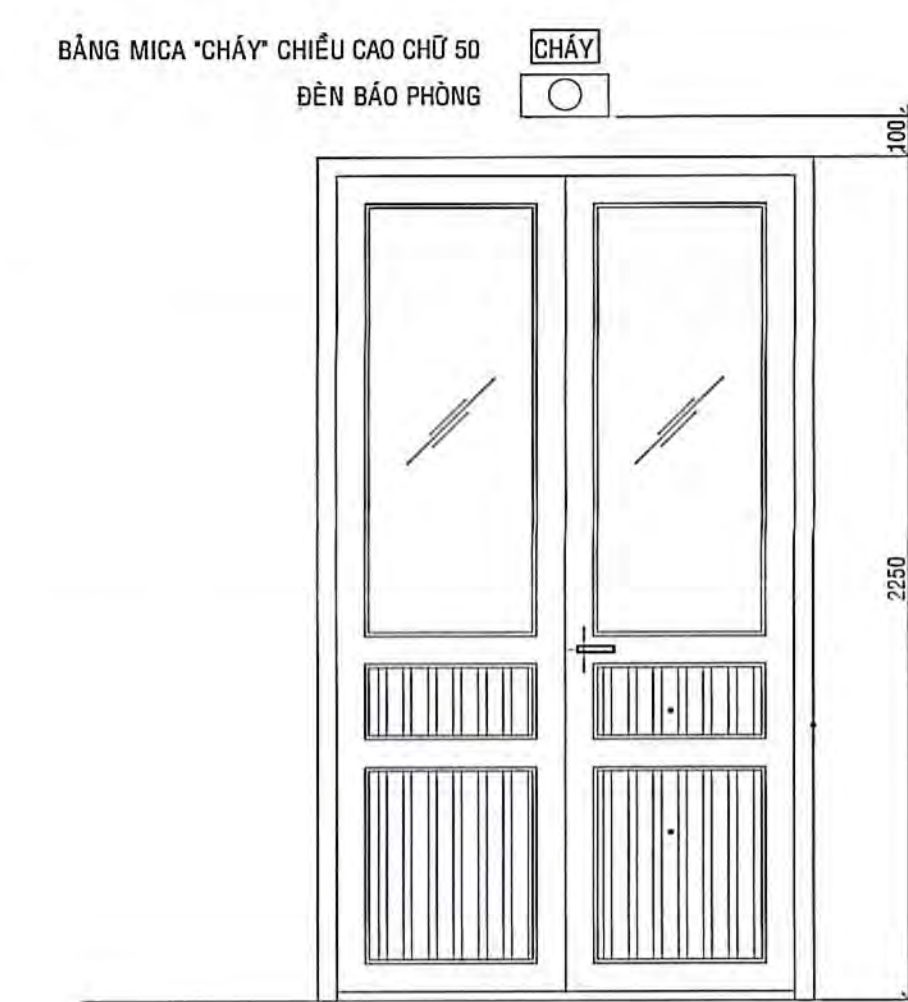
- [illegible]



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BÁO KHÓI TRÊN DẦM



CHI TIẾT LẮP ĐẶT CÒI & ĐÈN BÁO CHÁY



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐÈN BÁO PHÒNG

BAN QLĐA ĐTXD KHU VỰC 3

PHE DUYỆT

Theo Quyết định số 105 /QĐ-ĐK của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 17 tháng 1 năm 2018

Ký tên:



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI
 Số 04 ngõ 10 đường Lê Lợi, phường Hòa Mã, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 TEL: 0913.367729 - Email: info@ktnm.vn

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC
CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG
 1659 ĐOÀN QUÊ, PHƯỜNG TRUNG MỸ, QUẬN THÁP

NGUYỄN VĂN THONG
GIÁM ĐỐC
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

DỰ ÁN: TRƯỜNG THỰC HÀNH VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHÁY CHỮA

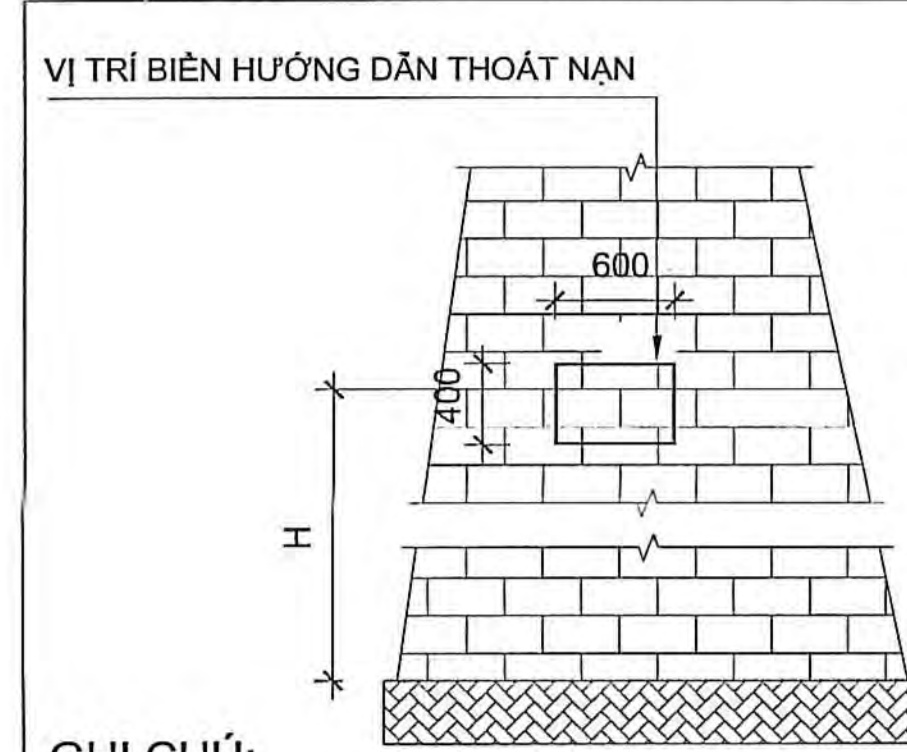
TÊN BẢN VẼ: M.B. TH PCCC TẮNG 3 KHỐI THCS
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÍ HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG
CHI TIẾT ĐẶT TRUNG TÂM BẢO CHÁY

NGÀY: 26/12/2026
PCCC: 04

CHỦ NHIỆM
CHỦ TRÌ T.K PCCC
Q.L. KỸ THUẬT

THS. KTS. TRẦN ANH MINH
K.S NGUYỄN MINH SANG
K.S NGUYỄN VĂN TRỌNG





SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN GỒM HAI PHẦN: PHẦN CHỈ DẪN BẰNG CHỮ VÀ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC. SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN ĐƯỢC NIÊM YẾT Ở CÁC VỊ TRÍ DỄ NHẬN BIẾT, DỄ THẤY VÀ VỊ TRÍ CÓ NGƯỜI THƯỜNG XUYỀN QUA LẠI.

+ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC BAO GỒM MẶT BẰNG CỦA TẦNG; LỐI RA VÀ CHỈ HƯỚNG ĐƯỜNG THOÁT NẠN; CẦU THANG BỘ; VỊ TRÍ CỦA SƠ ĐỒ TẠI TẦNG; VỊ TRÍ ĐẶT PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ (KÝ HIỆU PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH TẠI TCVN 4879:1989 VÀ TCVN 5053 : 1990).

+ PHẦN CHỈ DẪN BẰNG CHỮ GỒM NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ XỬ LÝ KHI CÓ CHÁY.

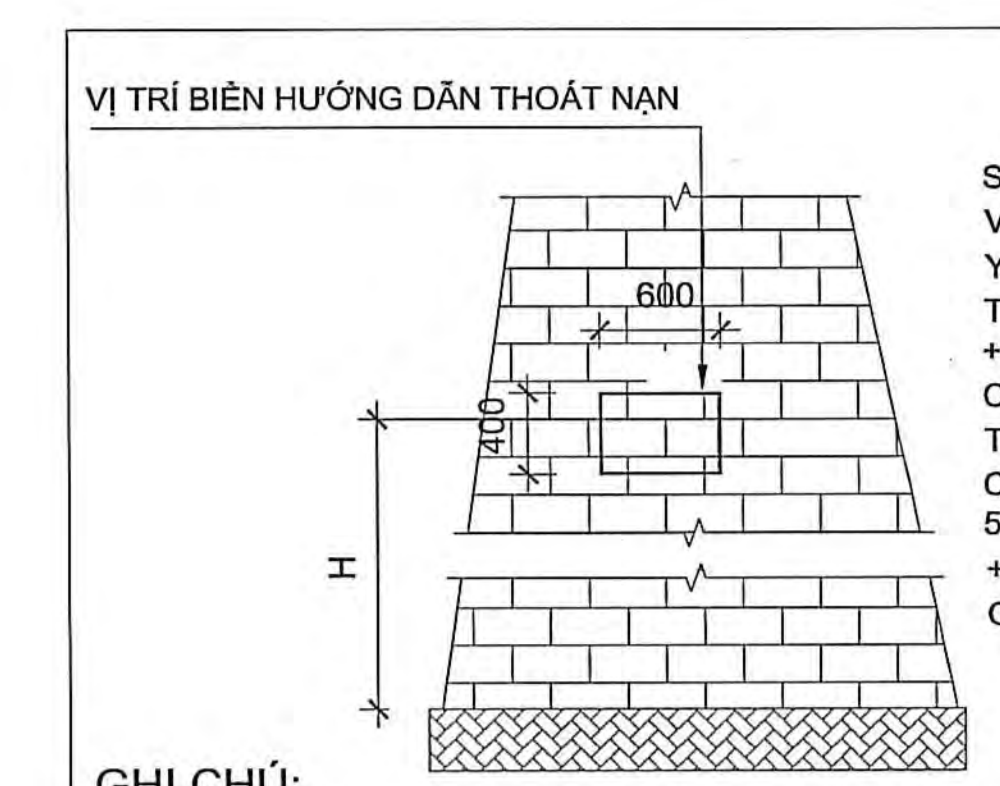
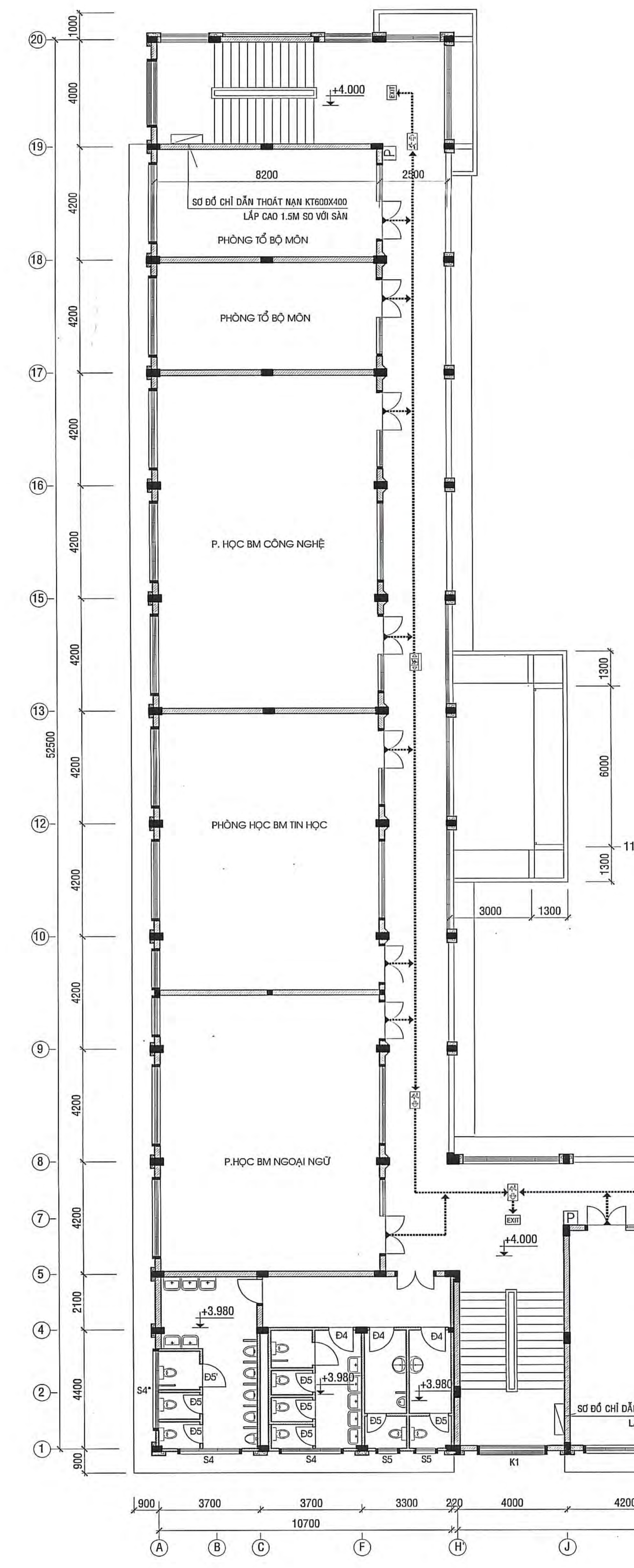
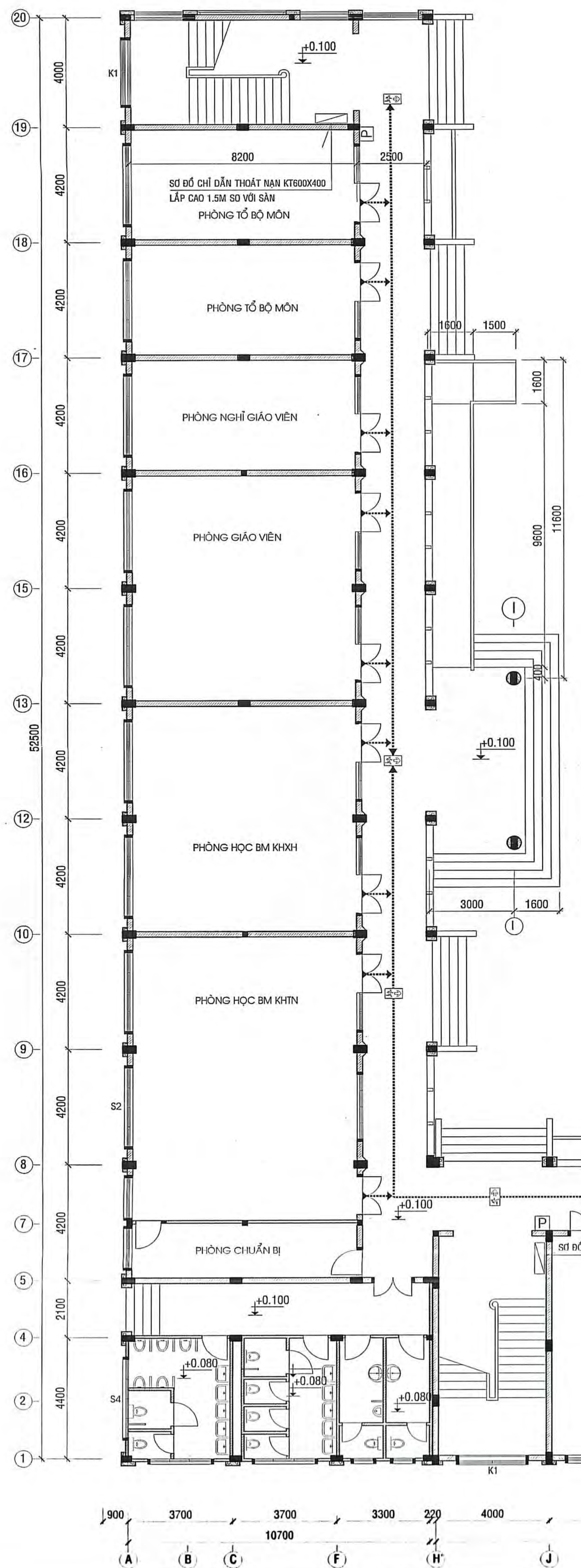
+ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC BAO GỒM MẶT BẰNG CỦA TẦNG; LỐI RA VÀ CHỈ HƯỚNG ĐƯỜNG THOÁT NẠN; CẦU THANG BỘ; VỊ TRÍ CỦA SƠ ĐỒ TẠI TẦNG; VỊ TRÍ ĐẶT PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ (KÝ HIỆU PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH TẠI TCVN 4879:1989 VÀ TCVN 5053 : 1990).

GHI CHÚ:

- SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN ĐƯỢC GẮN SAO CHO MÉP DƯỚI CỦA SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN NẪM Ở ĐỘ CAO 1,5m ± 0,2m SO VỚI MẶT SÀN
- KÍCH THƯỚC CỦA SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN: 600X400mm

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN

SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 1
TỶ LỆ: 1/100



SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN GỒM HAI PHẦN: PHẦN CHỈ DẪN BẰNG CHỮ VÀ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC. SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN ĐƯỢC NIÊM YẾT Ở CÁC VỊ TRÍ DỄ NHẬN BIẾT, DỄ THẤY VÀ VỊ TRÍ CÓ NGƯỜI THƯỜNG XUYỀN QUA LẠI.

+ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC BAO GỒM MẶT BẰNG CỦA TẦNG; LỐI RA VÀ CHỈ HƯỚNG ĐƯỜNG THOÁT NẠN; CẦU THANG BỘ; VỊ TRÍ CỦA SƠ ĐỒ TẠI TẦNG; VỊ TRÍ ĐẶT PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ (KÝ HIỆU PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH TẠI TCVN 4879:1989 VÀ TCVN 5053 : 1990).

+ PHẦN CHỈ DẪN BẰNG CHỮ GỒM NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ XỬ LÝ KHI CÓ CHÁY.

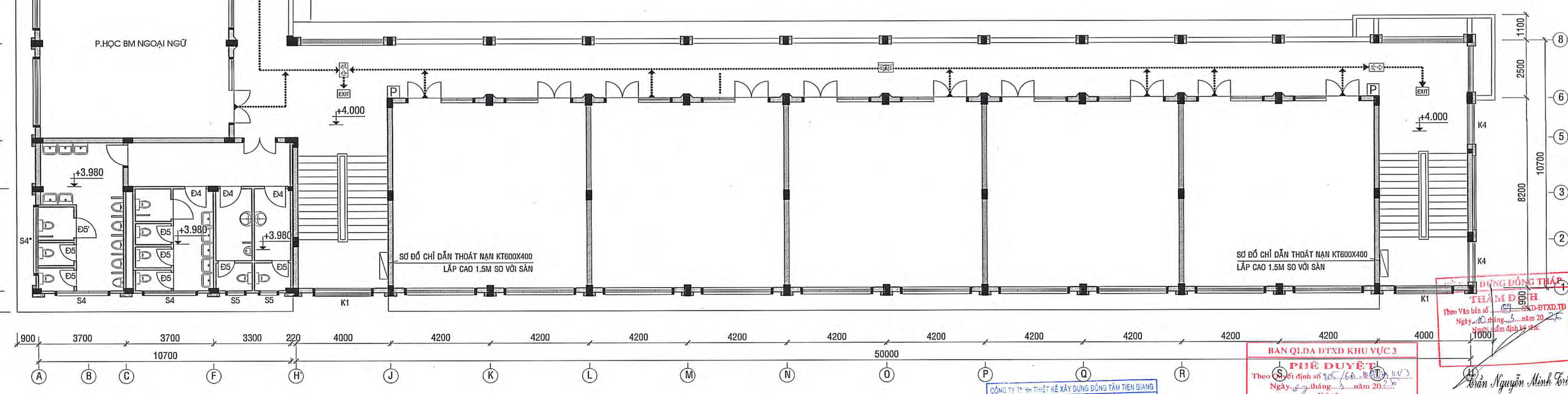
+ PHẦN KÝ HIỆU HÌNH HỌC BAO GỒM MẶT BẰNG CỦA TẦNG; LỐI RA VÀ CHỈ HƯỚNG ĐƯỜNG THOÁT NẠN; CẦU THANG BỘ; VỊ TRÍ CỦA SƠ ĐỒ TẠI TẦNG; VỊ TRÍ ĐẶT PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ (KÝ HIỆU PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH TẠI TCVN 4879:1989 VÀ TCVN 5053 : 1990).

GHI CHÚ:

- SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN NẪM Ở ĐỘ CAO 1,5m ± 0,2m SO VỚI MẶT SÀN
- KÍCH THƯỚC CỦA SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN: 600X400mm

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN

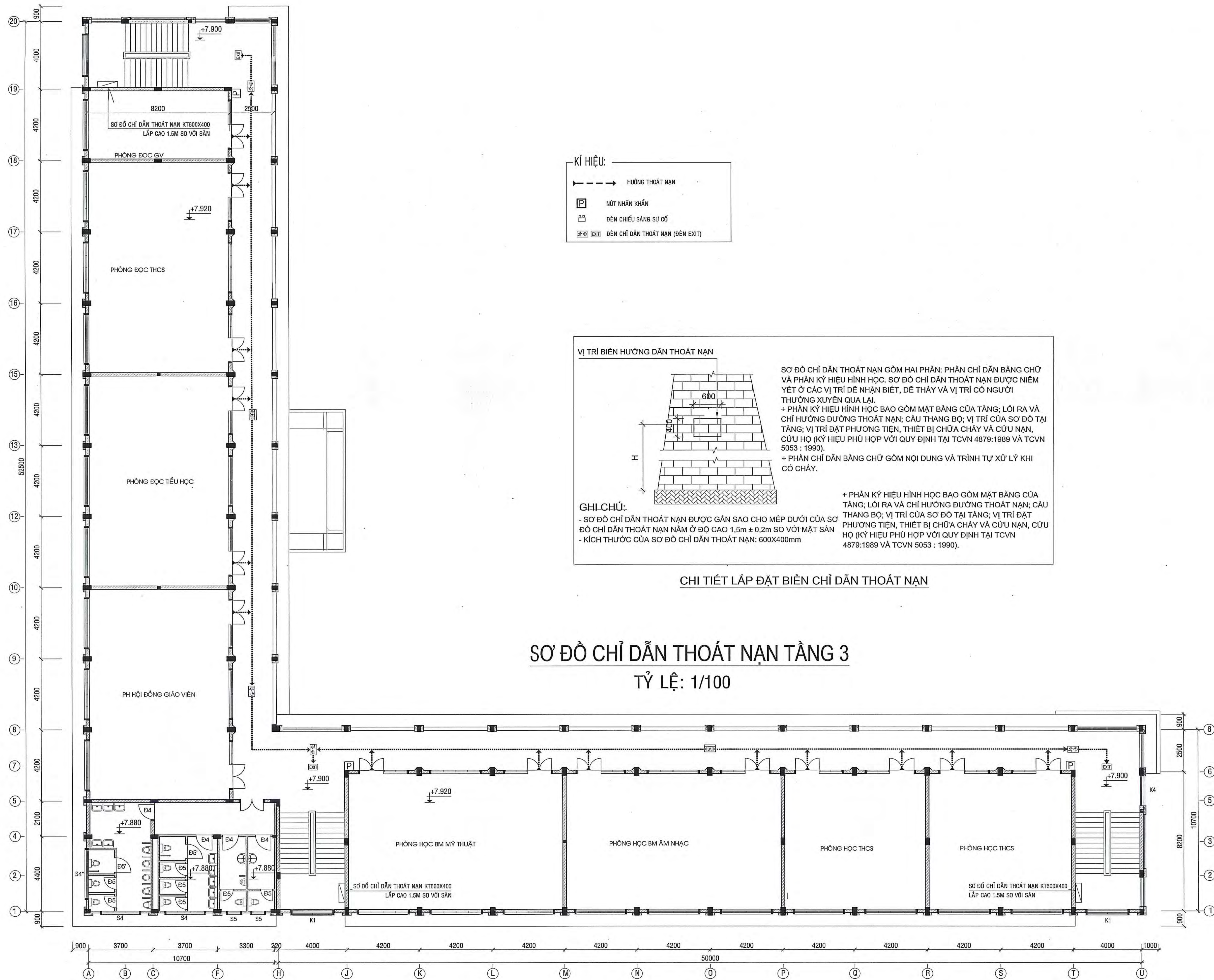
SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 2
TỶ LỆ: 1/100



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG TIẾN BANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 226/SGT-TT-BTTC
ngày 05 tháng 02 năm 2022
Chữ và dấu của đơn vị:
Nguyễn Công Trực

BẢN QUẢN LÝ KẾ KHU VỰC 3
PHIÊN BẢN 01
Theo Văn bản số: 226/SGT-TT-BTTC
ngày 05 tháng 02 năm 2022
Chữ và dấu của đơn vị:
Nguyễn Minh Trí

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC Số 01/2022/TT-BTTC Số 01/2022/TT-BTTC Số 01/2022/TT-BTTC		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC Số 01/2022/TT-BTTC Số 01/2022/TT-BTTC Số 01/2022/TT-BTTC	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯỢNG 1553 ĐOÀN GIỮA, PHƯỜNG TRUNG AN, THỊ SÀI GÒN		ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯỢNG 1553 ĐOÀN GIỮA, PHƯỜNG TRUNG AN, THỊ SÀI GÒN	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 1 SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 2 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN		TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 1 SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 2 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN	
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH		CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÌ TK PCCC: K.S. NGUYỄN MINH SANG		CHỦ TRÌ TK PCCC: K.S. NGUYỄN MINH SANG	
Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG		Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG	



SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3

TỶ LỆ: 1/100

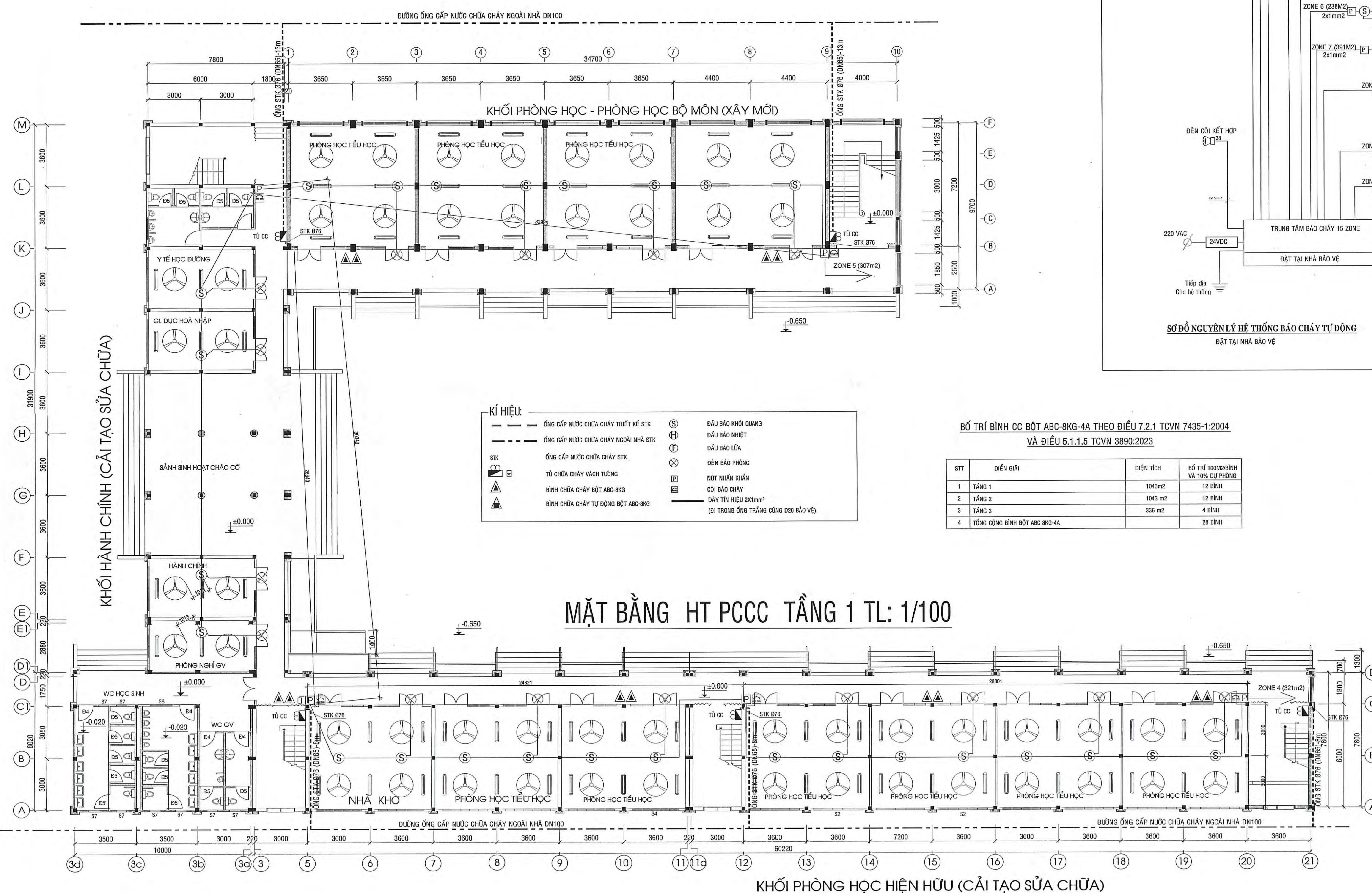
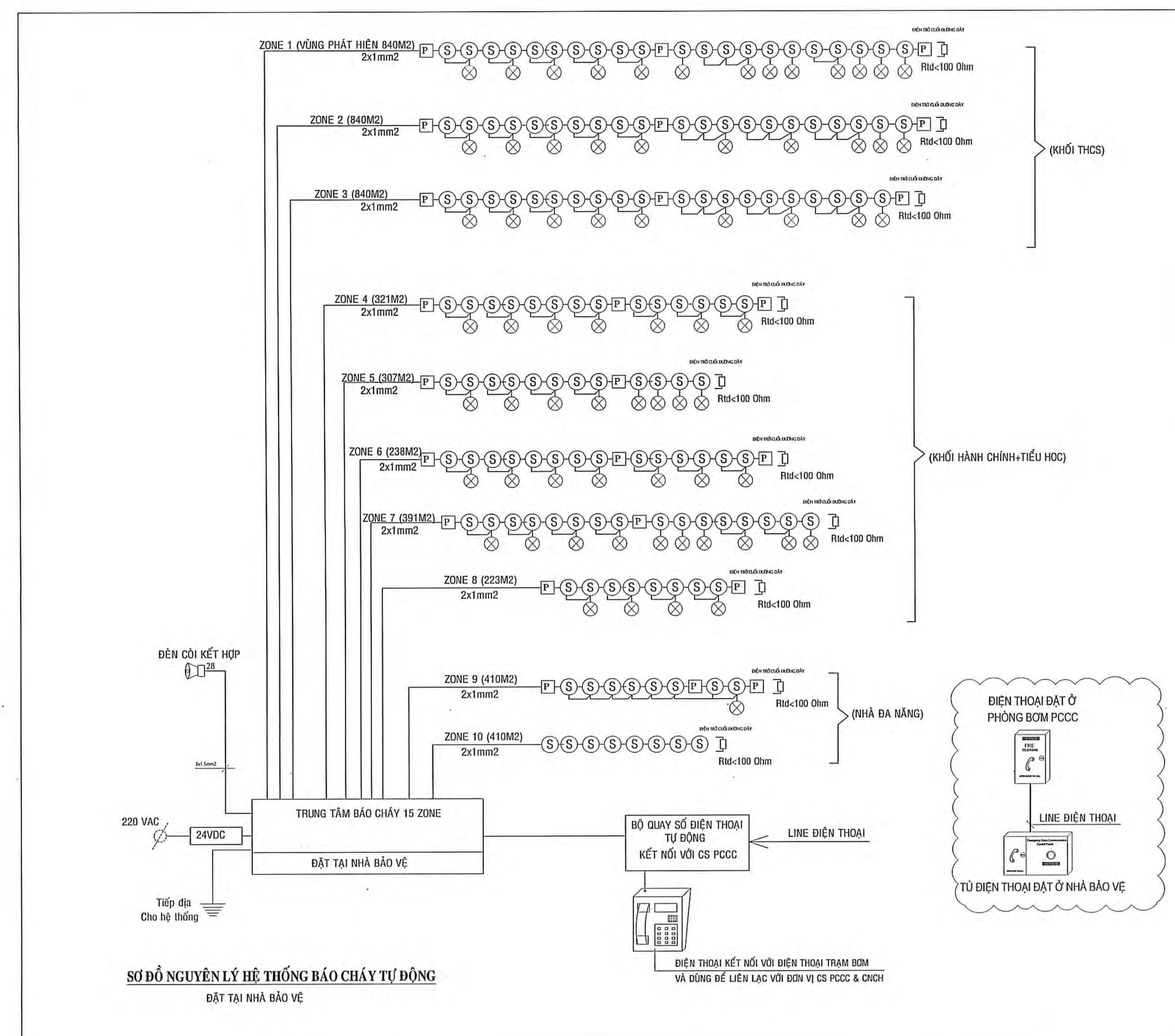
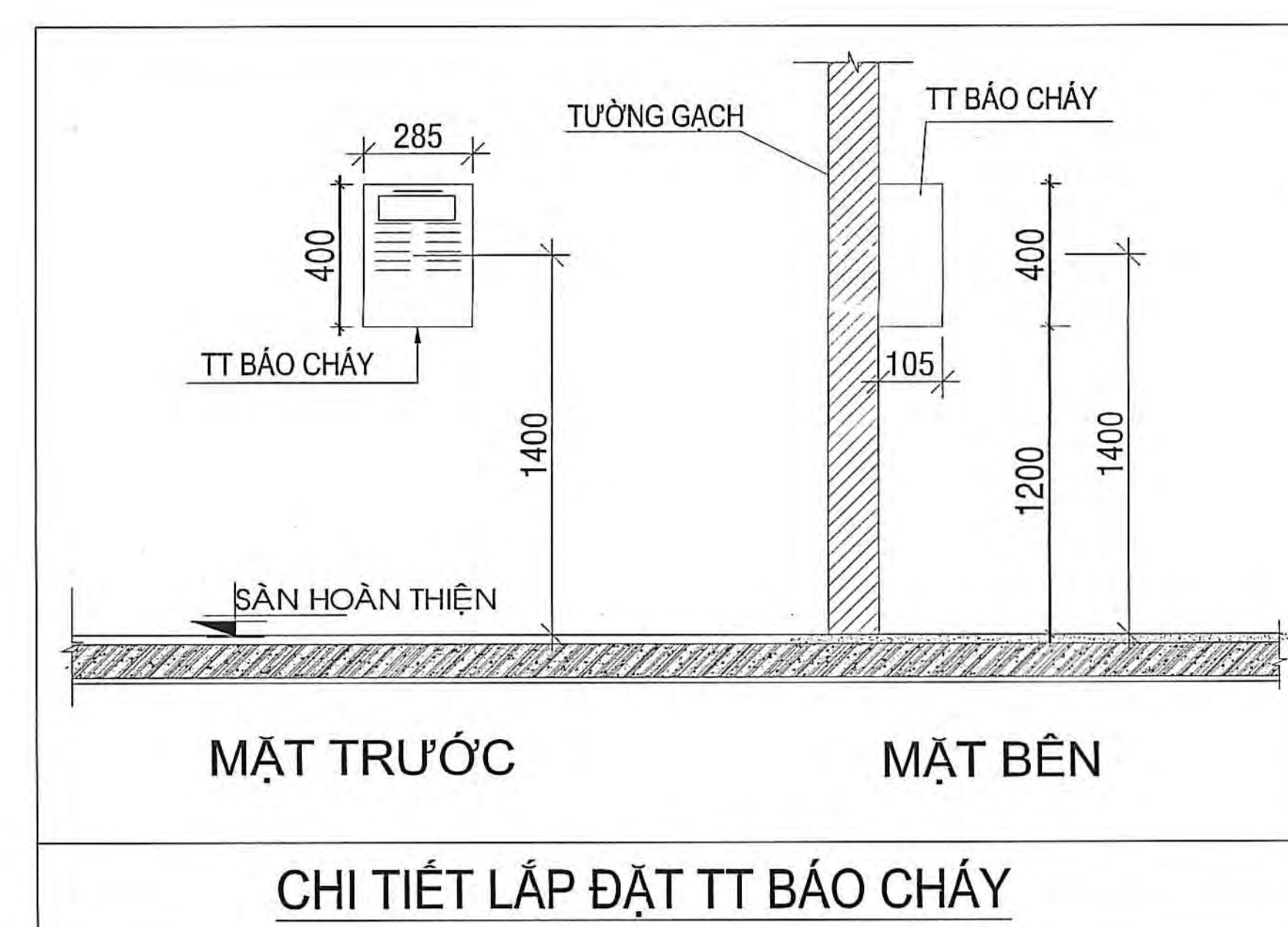
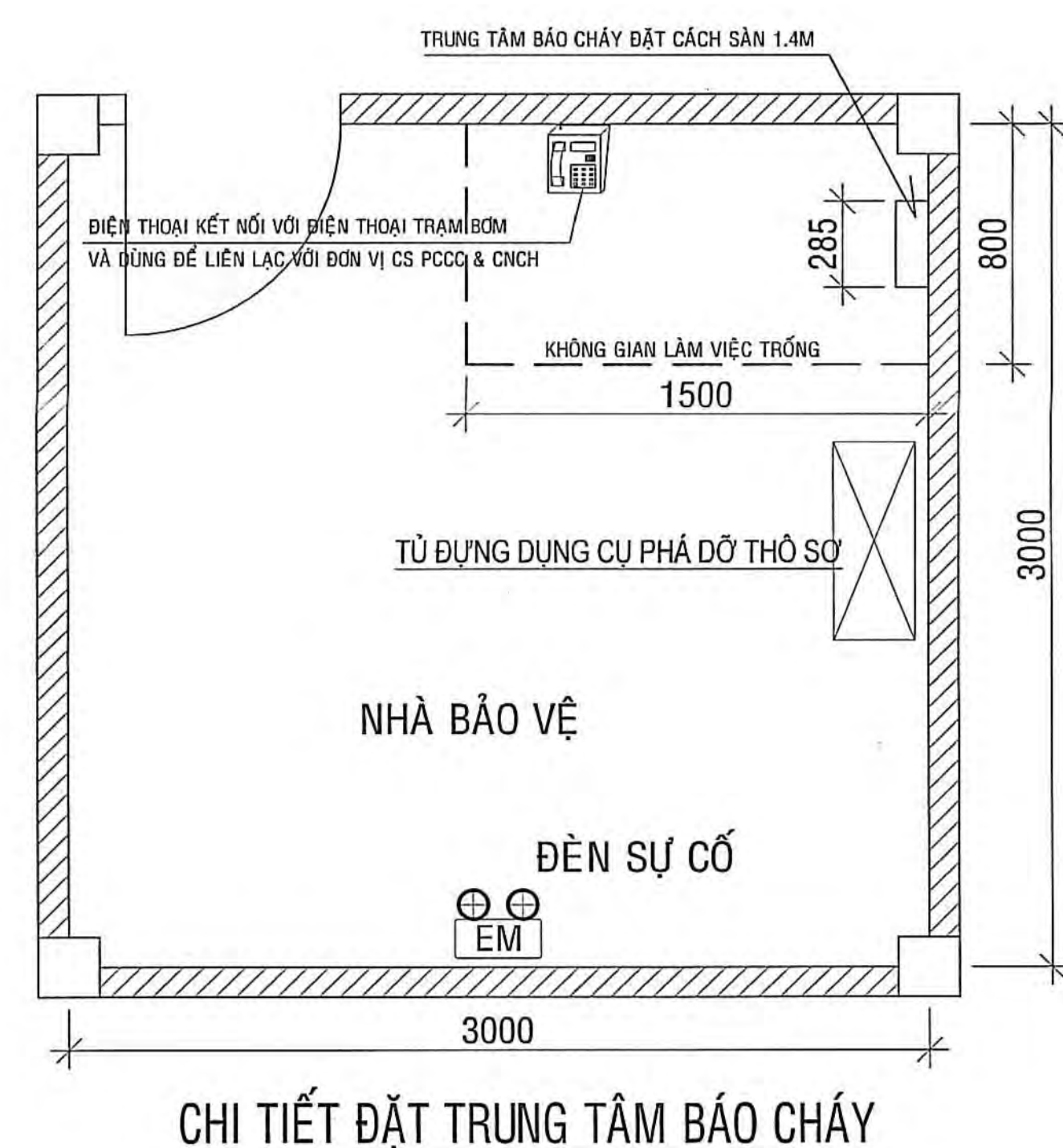
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 53/ST-ĐTĐT
Ngày 15 tháng 10 năm 2024
Ký tên: *Nguyễn Minh Trí*

BAN QLDA ĐTXH KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 165/ST-ĐTĐT
Ngày 15 tháng 10 năm 2024
Ký tên: *Đo Quang Tuấn*

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TÂM TÊN ĐANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 53/ST-ĐTĐT
Ngày 15 tháng 10 năm 2024
Chữ ký của thẩm tra viên: *Nguyễn Công Trục*

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG Số 10/11 Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. HCM TEL: 0932.207.225, EMAIL: info@truyenviet.com.vn	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG 1553 ĐOÀN GIỮA, PHƯỜNG TRUNG AN, TỈNH ĐỒNG THÁP	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3 CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN	NGÀY: 15/10/2024 PCCC: 08
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S. NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

KHỐI TIỂU HỌC - HÀNH CHÍNH

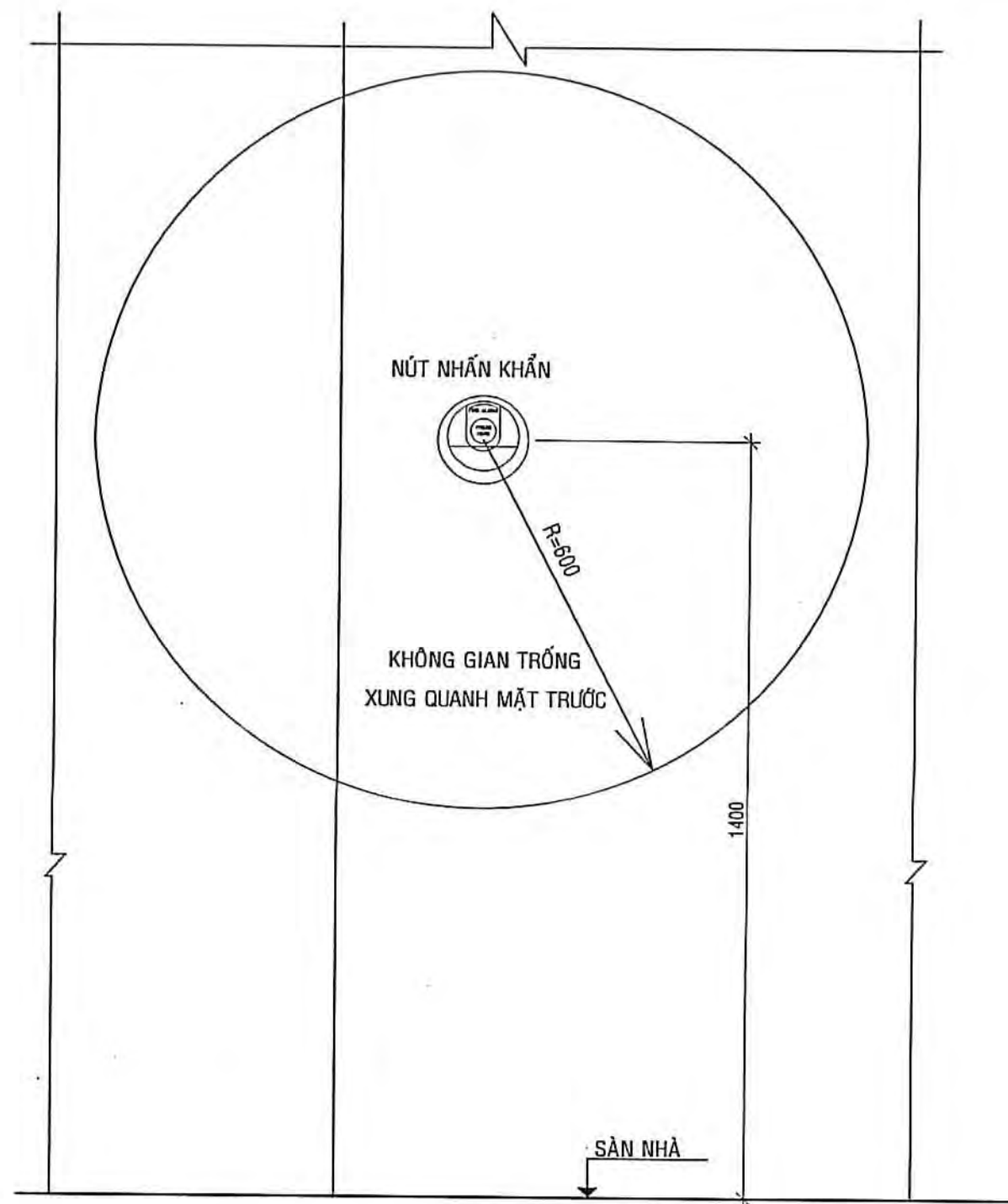


SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THAM ĐỊNH
Theo Văn bản số 59/SXD-ĐTKD
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

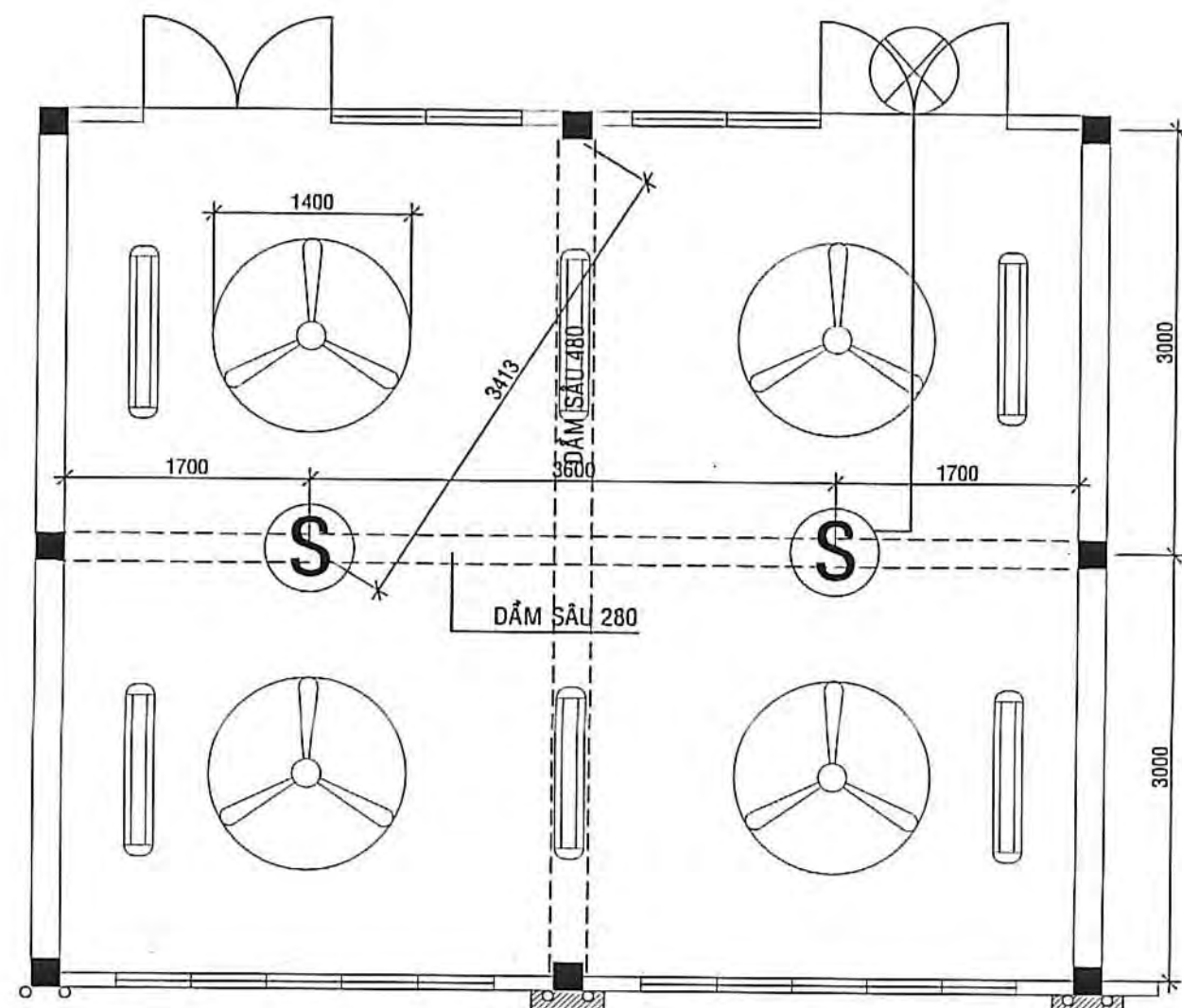
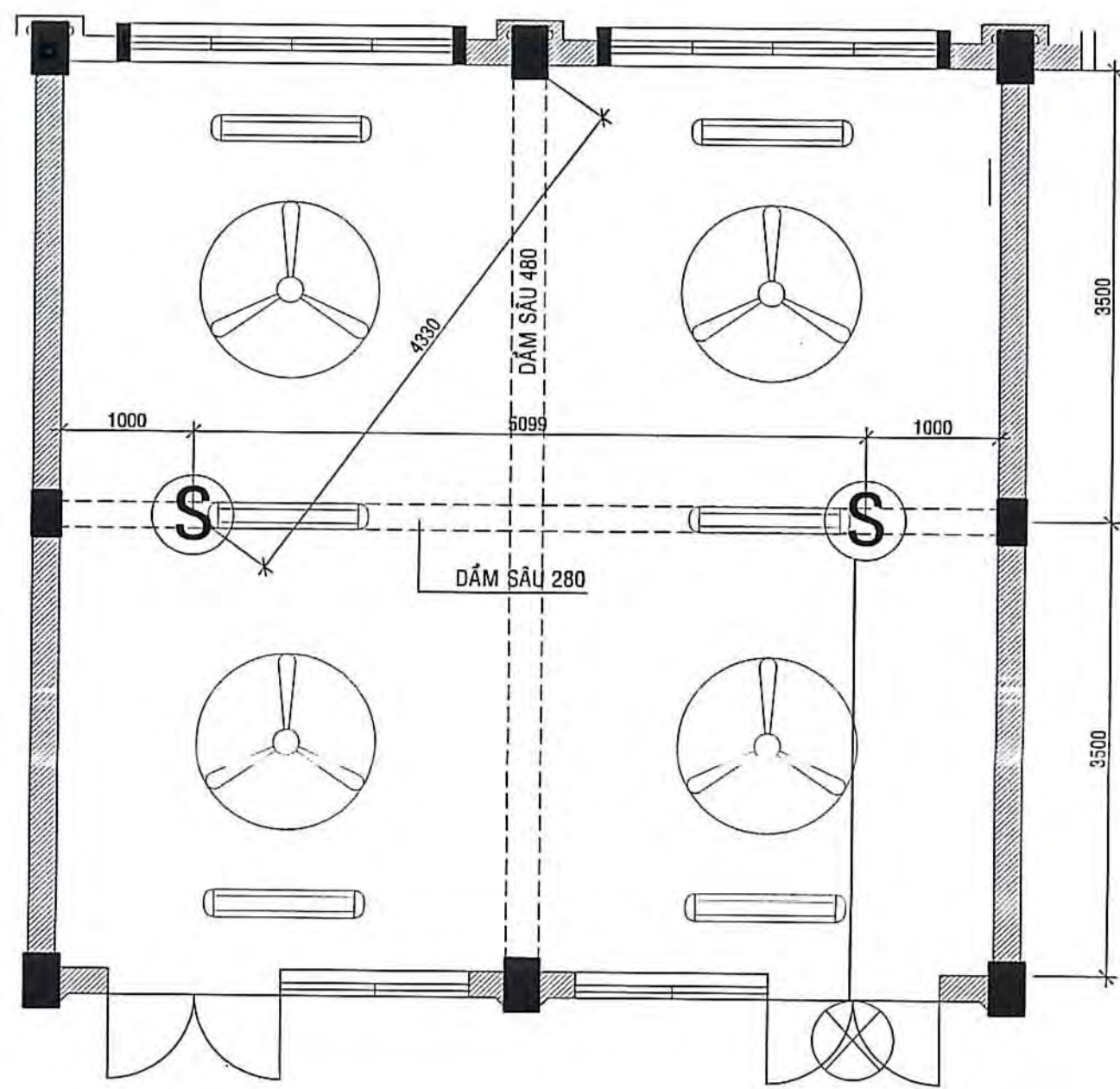
BAN QLĐA ĐTXD KHU VỰC
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 155/64-QĐ-QLĐA
Ngày 07 tháng 01 năm 20...
Ký tên: 
Đ: Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Công T

[illegible]



CHI TIẾT LẮP ĐẶT NHẤN KHẨN



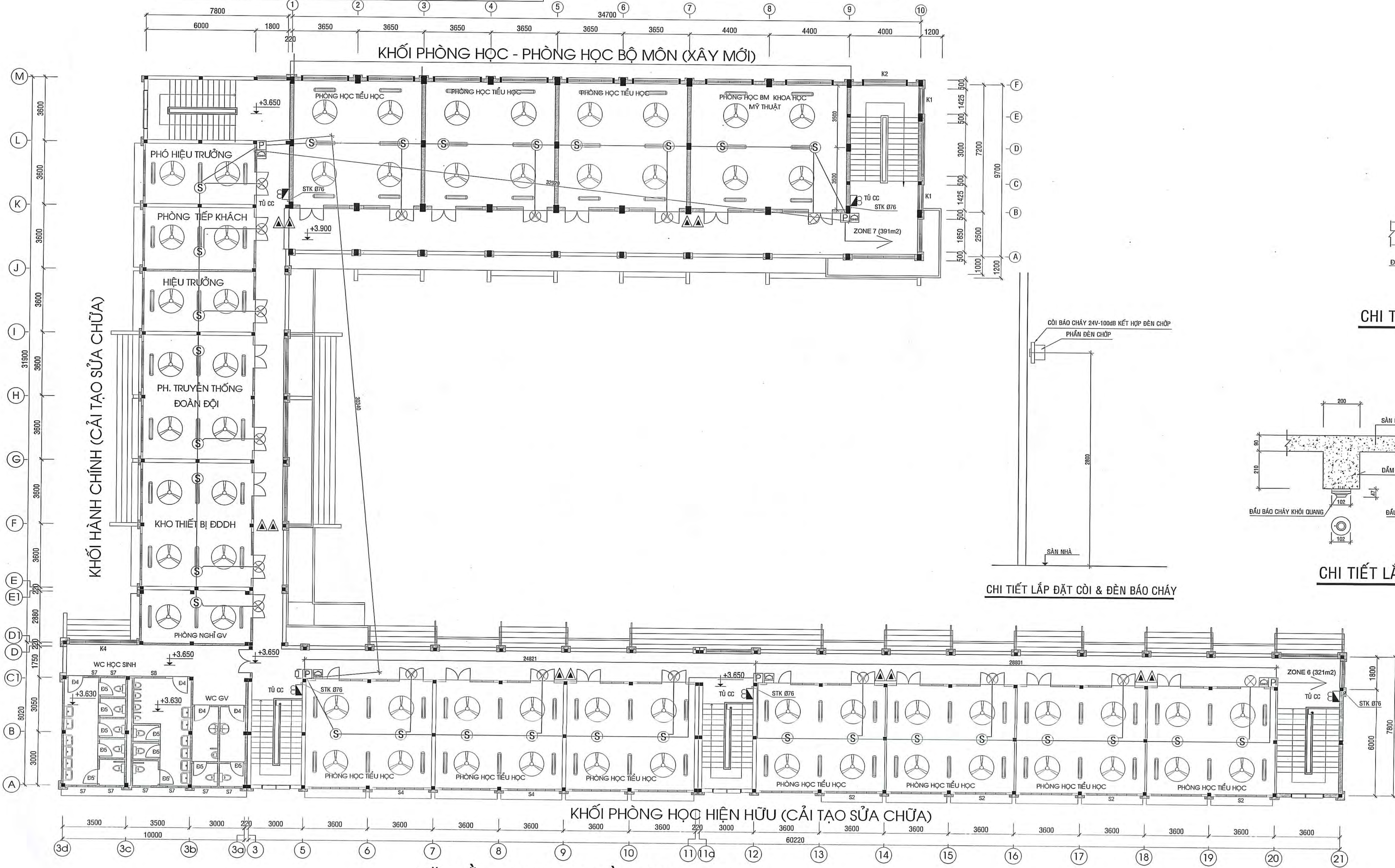
LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY KHỎI CÁCH CHU VI NGOÀI CÁCH QUẠT >0.4m
LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY NHIỆT CÁCH CHU VI NGOÀI CÁCH QUẠT >0.6m
MẪU CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO CHÁY TRONG PHÒNG HỌC ĐIỂN HÌNH
TỶ LỆ: 1/50

KÍ HIỆU:

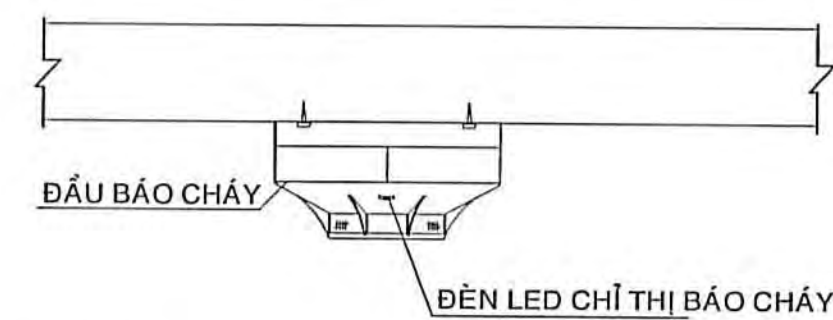
—	ỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY THIẾT KẾ STK	(S)	ĐẦU BẢO KHỎI QUANG
---	ỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY NGỒI NHÀ STK	(H)	ĐẦU BẢO NHIỆT
---	ỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY NHÀ STK	(P)	ĐẦU BẢO LỬA
STK	TỔ CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG	(X)	ĐÈN BẢO PHÒNG
▲	BÌNH CHỮA CHÁY BỘT ABC-8KG	(N)	NÚT NHẤN KHẨN
▲	BÌNH CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG BỘT ABC-8KG	(B)	CỜ BẢO CHÁY
		(D)	DÂY TÍN HIỆU 2X1mm ²
			(Đ) TRONG ỐNG TRẮNG CƯỜNG D20 BẢO VỆ.

BỐ TRÍ BÌNH CỘT BỐT ABC-8KG-4A THEO ĐIỀU 7.2.1 TCVN 7435-1:2004
VÀ ĐIỀU 5.1.1.5 TCVN 3890:2023

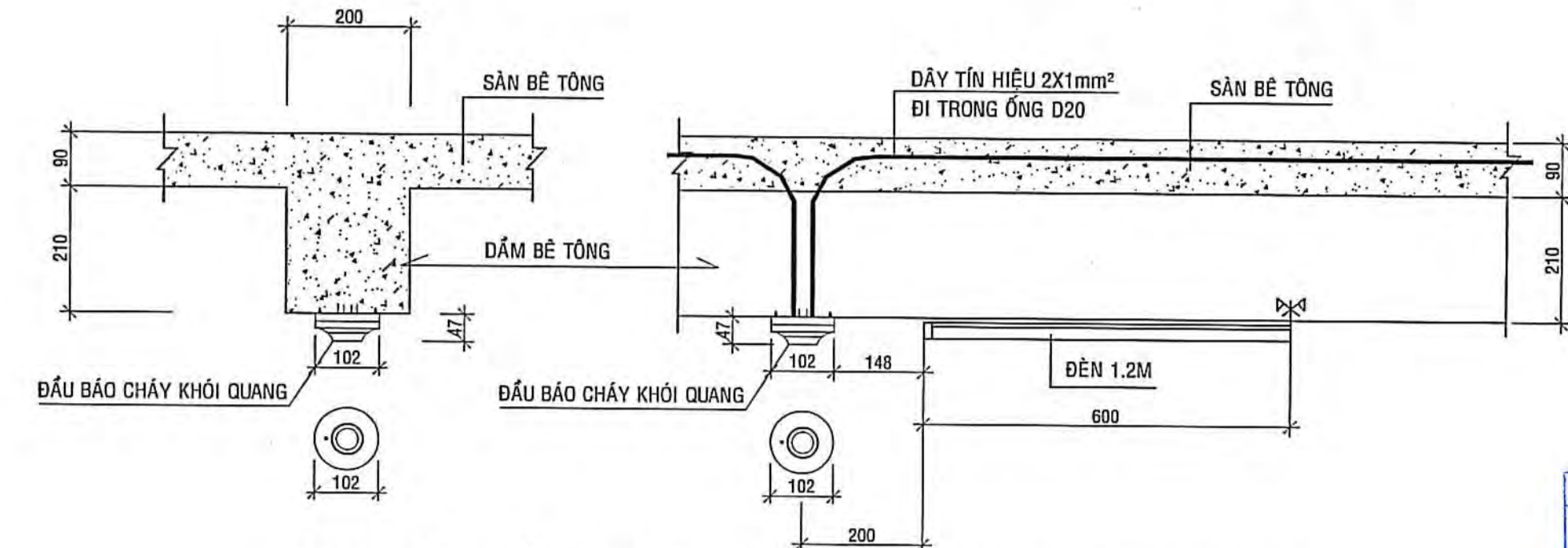
STT	DIỆN GIỚI	DIỆN TÍCH	BỐ TRÍ BÌNH CỘT BỐT ABC-8KG-4A
1	TẦNG 1	1043m ²	12 BÌNH
2	TẦNG 2	1043 m ²	12 BÌNH
3	TẦNG 3	336 m ²	4 BÌNH
4	TỔNG CỘNG BÌNH BỘT ABC 8KG-4A		28 BÌNH



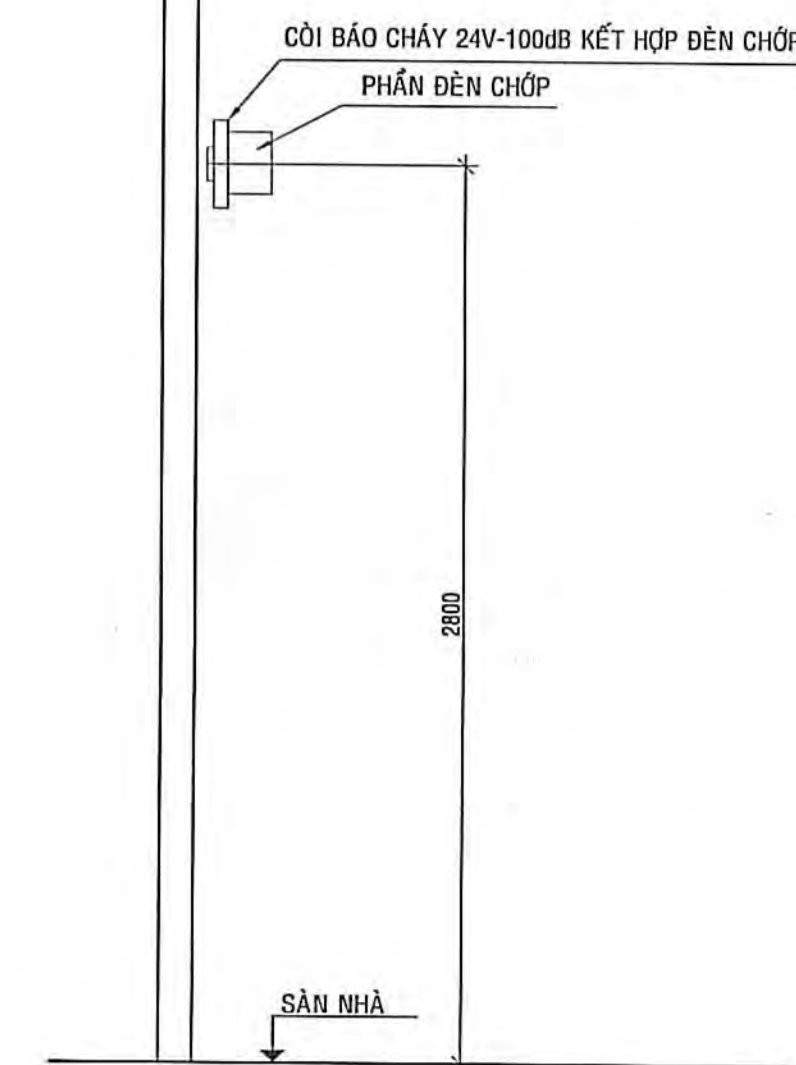
MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 2 TL: 1/100



CHI TIẾT ĐÈN CHỈ THỊ ĐẦU BẢO CHÁY



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO KHỎI TRÊN DẦM



CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỜ & ĐÈN BẢO CHÁY

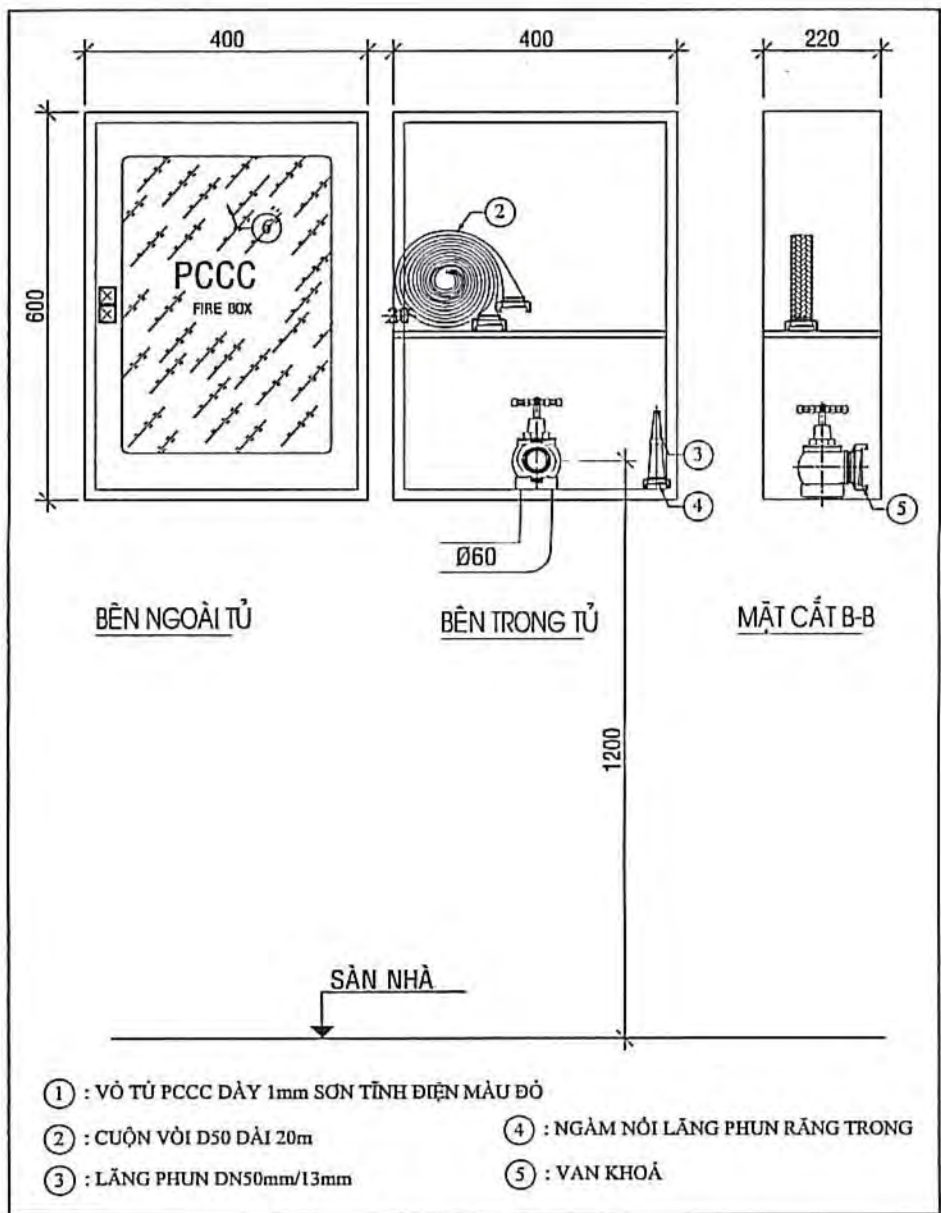


CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐÈN BẢO PHÒNG



CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC		ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC	
CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG		CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG		DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG	
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT NHẤN KHẨN		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT NHẤN KHẨN	
MẬT BẢNG: HT PCCC TẦNG 2 KHỐI TH + HÀNH CHÍNH		MẬT BẢNG: HT PCCC TẦNG 2 KHỐI TH + HÀNH CHÍNH	
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO KHỎI TRÊN DẦM		CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BẢO KHỎI TRÊN DẦM	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S. NGUYỄN MINH SANG	CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S. NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT	K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG	Q.L. KỸ THUẬT	K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG

KÍ HIỆU:
----- ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (tổng thể)
----- ống cấp nước chữa cháy trong nhà (tính trong tường khối nhà)
STK ống cấp nước chữa cháy STK
TỦ CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG



CHI TIẾT LẮP ĐẶT TỦ CHỮA CHÁY

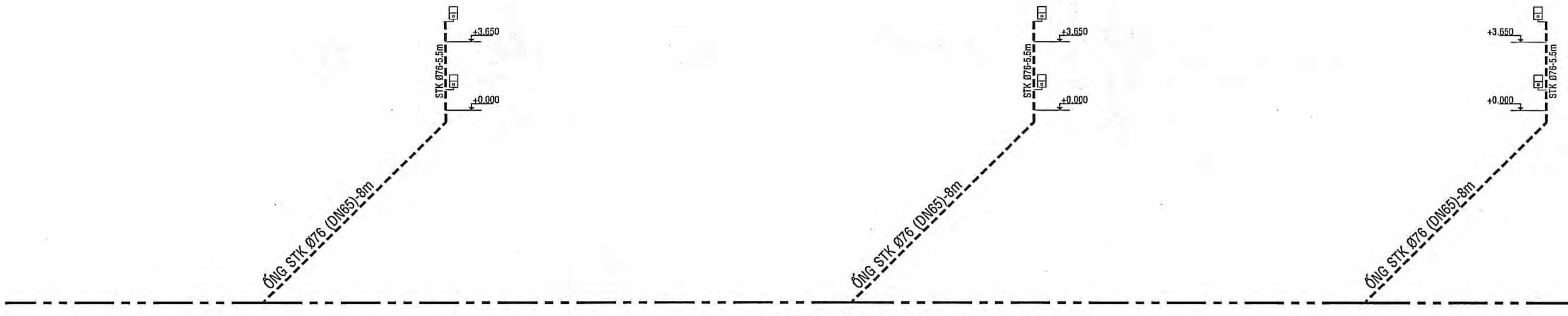
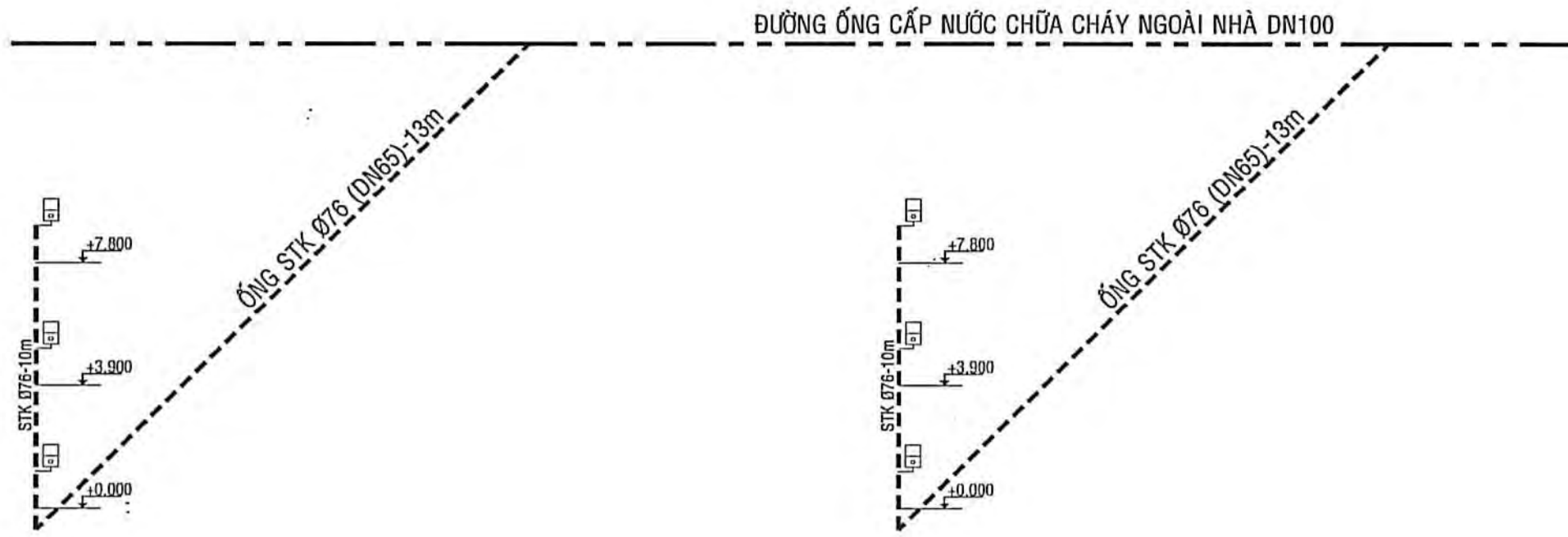
TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỐI TIỂU HỌC-HÀNH CHÁNH

TT	VẬT TƯ - QUY CÁCH	S. LƯỢNG ĐƠN VỊ
1	BẦU DÒ KHỐI QUANG-24V KÉM ĐẾ	64 BỘ
2	NÚT NHẤN KHUẨN	12 BỘ
3	CỎI BẢO CHÁY CÓ ĐÈN-100B	12 CÁI
4	ĐÈN BẢO PHÒNG 24V-KÉM BẢNG TÊN "CHÁY"	36 BỘ
5	DÂY TÍNH HIỆU CHỐNG CHÁY CUVFR 2X1mm2	1150 MÉT
6	DÂY ĐIỆN CHO CỎI BẢO CHÁY CUVFR 2X1.5mm2	300 MÉT
7	ỐNG TRẮNG CÔNG DỌ LƯƠN DÂY ĐIỆN	1500 MÉT
8	ỐNG TP65/50 LƯƠN DÂY ĐIỆN BẢO CHÁY VỀ NHÀ BẢO VỆ	20 MÉT
9	ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ- PIN DỰ PHÒNG 2H	33 BỘ
10	ĐÈN EXIT PIN DỰ PHÒNG 2H	25 BỘ
11	DÂY ĐIỆN CHO ĐÈN SỰ CỐ VÀ ĐÈN EXIT CHỐNG CHÁY CUVFR 2X1.5mm2	450 MÉT
12	ỐNG TRẮNG CÔNG DỌ LƯƠN DÂY ĐIỆN	450 MÉT

TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỐI THCS

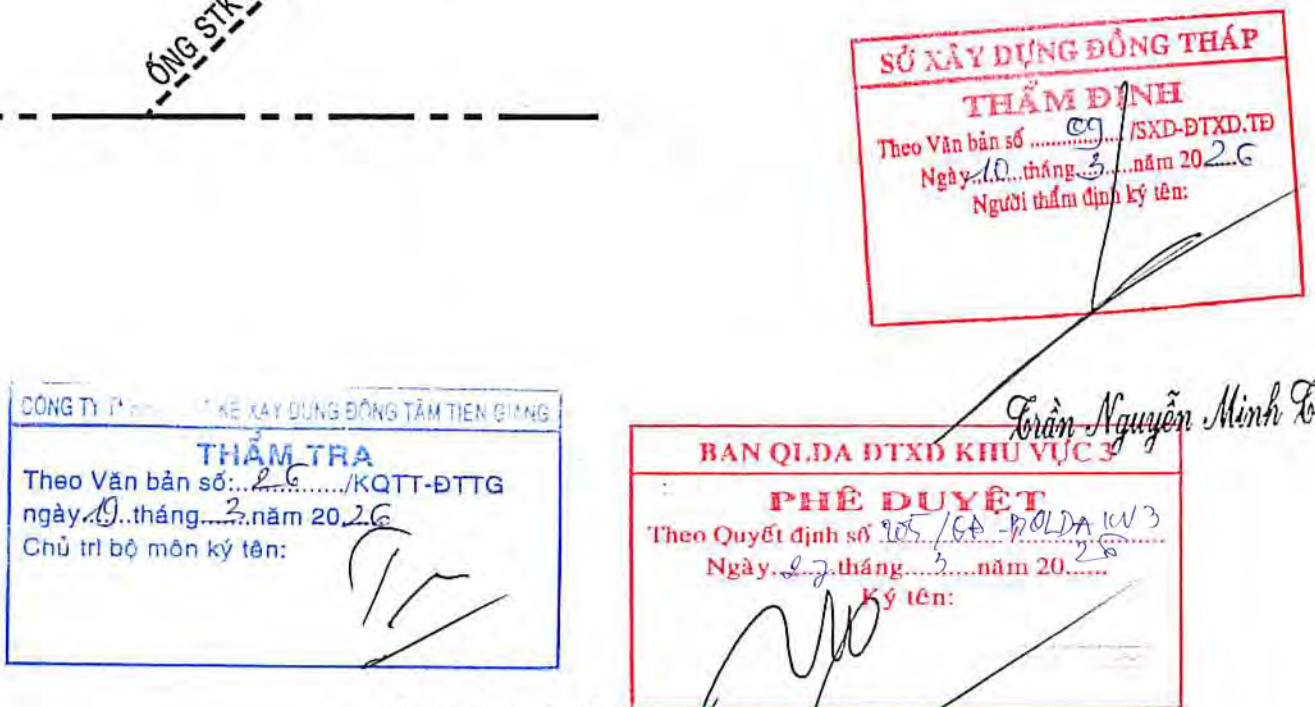
STT	TÊN VẬT TƯ	TƯỜNG ĐƯỜNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG SẮT TRẮNG KÉM Ø80 (DN80) DÂY 3.6	VN	m	6
2	ỐNG SẮT TRẮNG KÉM Ø76 (DN65) DÂY 3.6	VN	m	86.5
3	CỎI SẮT TRẮNG KÉM Ø80	" nt "	CÁI	36
4	CỎI SẮT TRẮNG KÉM Ø76	" nt "	CÁI	10
5	TÊ GIÁM BỐ SẮT TRẮNG KÉM Ø76/60	" nt "	CÁI	7
6	TÊ GIÁM BỐ SẮT TRẮNG KÉM Ø114/76	" nt "	CÁI	5
7	CỎI GIÁM BỐ SẮT TRẮNG KÉM Ø76/60	" nt "	CÁI	5
8	BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY BỐT ABC-8KG	VN	BÌNH	28
9	NỘI QUY-TIỂU LỆNH PCCC	VN	BỘ	5
10	TỦ CHỮA CHÁY 1 CỬI VỚI TỦ TỌA SƠN TÍNH ĐIỆN TỬ CỎI LƯƠN TRONG KT-3000X600X220 mm	VN	BỘ	12

GHI CHÚ: ĐƯỜNG KÍNH ỨNG TRONG BẢN VẼ LÀ TÊN THƯỜNG GỌI ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI THỰC TẾ CỦA ỨNG STK THEO TIÊU CHUẨN BS 1307-1985



SD.CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

(KHỐI HÀNH CHÍNH-TIỂU HỌC)



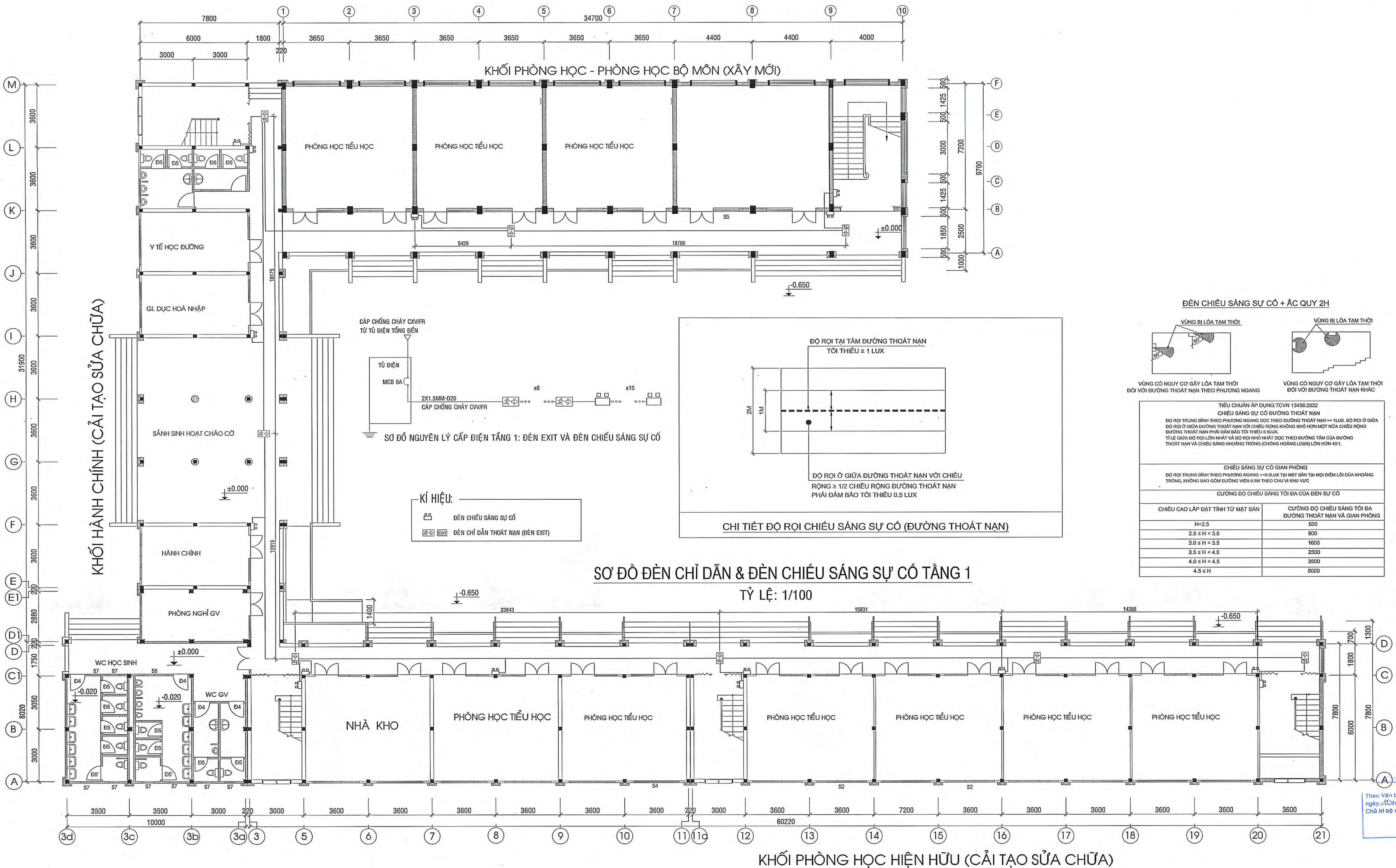
Nguyễn Công Trực

Lê Quang Tô

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Sống khỏe - yêu đời - không quên công việc	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG 1653 ĐƯỜNG GIỮA, PHƯỜNG TRUNG AN, THỊ SỞNG THÁP	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 3 CHI TIẾT LẮP ĐẶT TỦ CHỮA CHÁY SD.CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY	NGÀY: 11/01/2026 PCCC: 11
CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH	
CHỦ TRÍ TK PCCC: K.S NGUYỄN MINH SANG	
Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG	

KHỐI PHÒNG HỌC HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)

MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 3 TL: 1/100



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 20/03/2024
 Ký tên: *Đo Quang Thạch*
 Chức vụ: *Chủ tịch UBND Phường*
 SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 2/CT-KT-TĐT ngày 20/03/2024
 Ký tên: *Trần Nguyễn Minh Trí*
 Chức vụ: *Thẩm định viên*

Nguyễn Công Trực

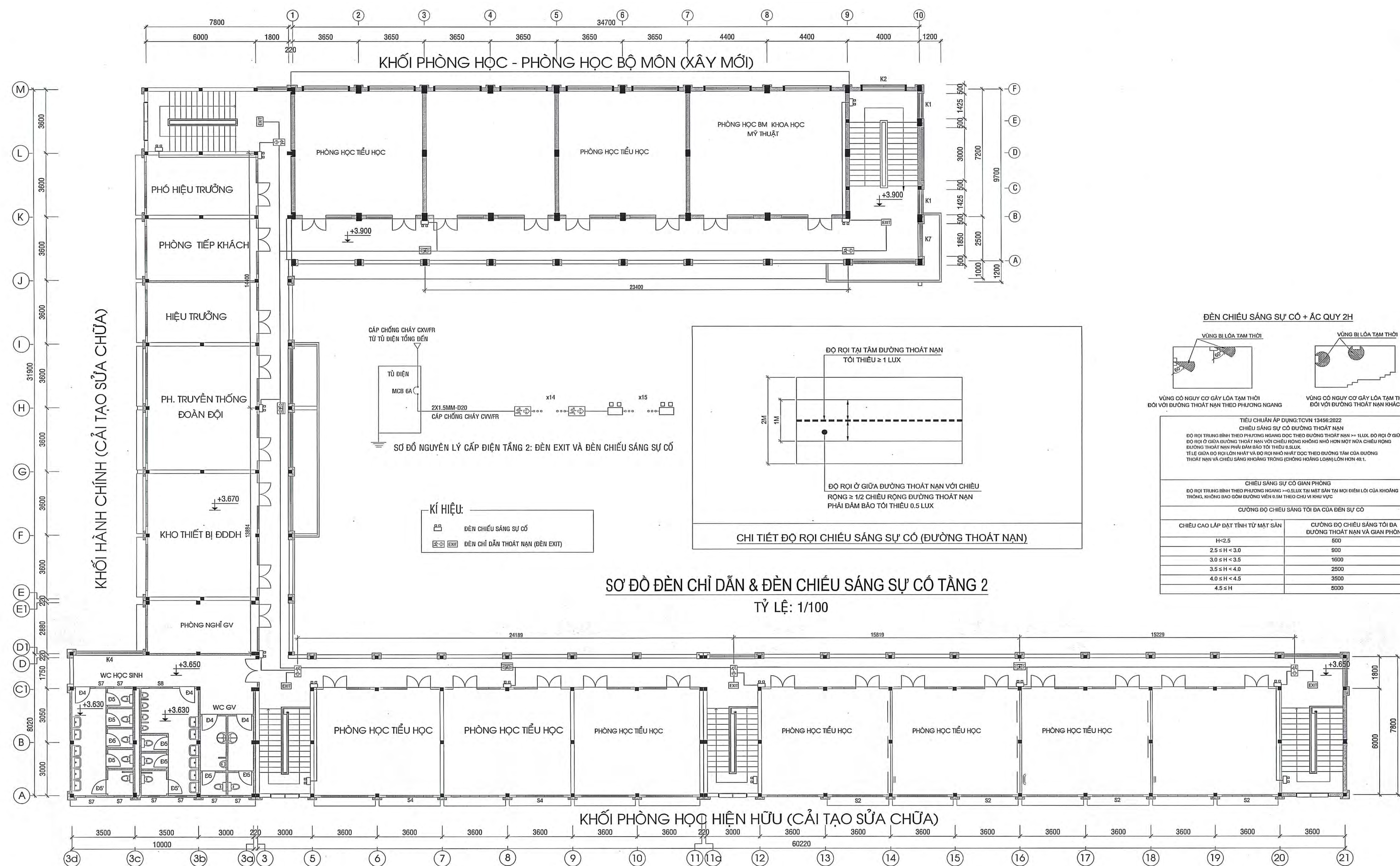
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI
 Slogan: Kiến trúc - Nghệ thuật - Sống đẹp
 Địa chỉ: 40/1 Nguyễn Huệ, Phường 4, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: 0903.123.456 | Email: info@ktnm.vn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC
 CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG
 165/3 Đoàn Giỏi, Phường Trưng An, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
 DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG
 CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐỘ RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ
 SỐ ĐỒ BÊN CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 1
 CHỦ NHIỆM: THS. KTS. TRẦN ANH MINH
 CHỦ TRÌ TK PCCC: K.S. NGUYỄN MINH SANG
 Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG

NGÀY: 10/07/2026
 PCCC: 12



BAN QLĐA ĐTKD KHU VỰC 3

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 107/Ban QLĐA và ĐTKD

Ngày 2 tháng 8 năm 2025

(Signature)

Pi Quang Thach

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
TAM ĐỊNH
Theo Văn bản số 09 / SXD-ĐT XD.TB
Ngày 10 tháng 3 năm 2016
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM TIỀN GIANG

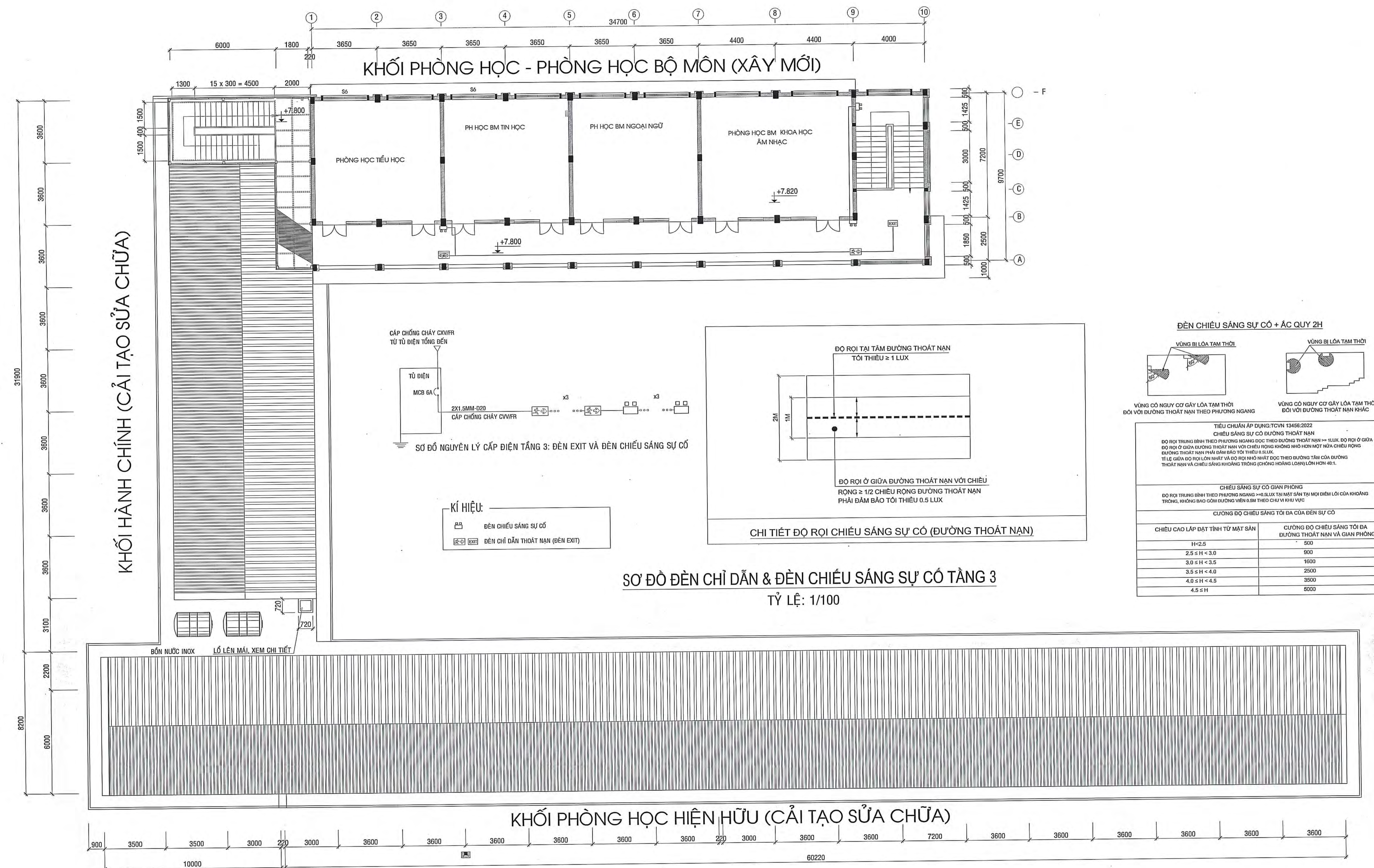
THẨM TRA

Theo Văn bản số: 26 /KQTT-ĐTTG
ngày 19 tháng 5 năm 2016
Chủ trì bộ môn ký tên: 

NGUYỄN CÔNG TRỰC

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỐI <i>Sống và xây dựng bằng sự tin tưởng</i> Mặt tiền tại: 19/3 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0917.917.028 - Email: mail@ktnm.vn
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG 19/3 ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN: TRƯỞNG TIÊU HOA VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRĂNG CÁC Hạng MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁI CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT DỠ RƠI CHIẾU SÁNG SỬ DỤNG CỘT BÊ TÔN CHÂN & BÊ TÔN CHIẾU SÁNG SỢ CỎ TẮNG 2	NGÀY: 14/12/2026 PCCC: 13
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT	K.S. NGUYỄN VĂN TRỌNG

KHỐI TIỂU HỌC - HÀNH CHÍNH



BAN QLDA ĐTXD KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 107/2012/QĐ-BXD ngày 26/10/2012
Ngày ký, thẩm định ngày 20/12/2012
Ký tên: 

Lê Quang Thạch

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 09 /SXĐ-ĐTXĐ.TĐ
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định kỹ thuật:

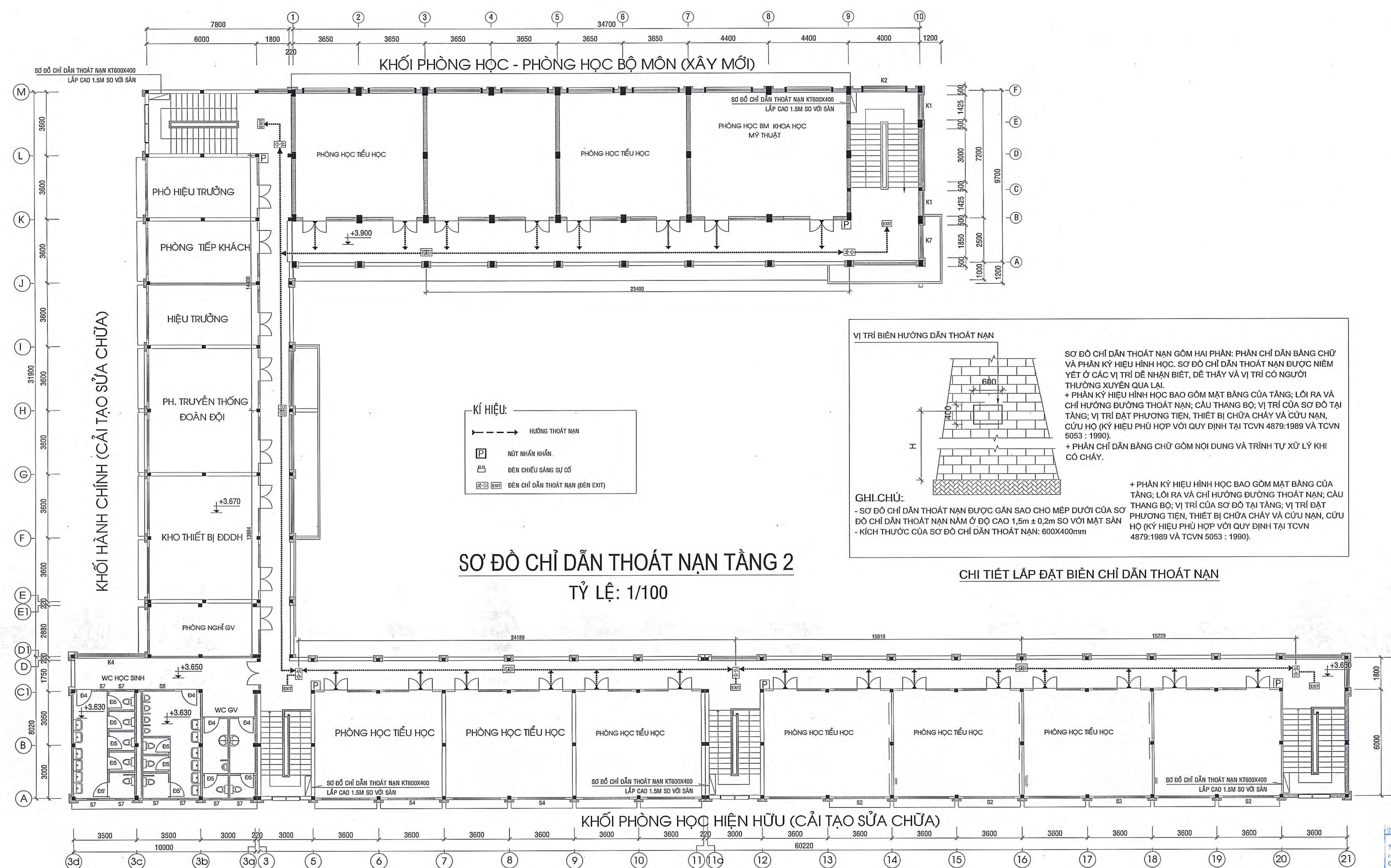
Trần Nguyễn Minh Tri

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM THÊN GIANG

THẨM TRA
Theo văn bản số: 26/KQTT-BTTG
Ngày 19 tháng 3 năm 2026
Chữ ghi rõ môn kỹ sư: [Signature]

Nguyễn Công Trực

	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MOCH <i>Sở hữu và kinh doanh theo Việt Nam</i> 19/03 ĐOÀN ĐO, THƯỜNG TRUNG AN, THỊ LẠC THÁP QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH ĐT: (023) 3872722, EMAIL: moch_ktzn@mochnh.vn CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MOCH CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG NGUYỄN VĂN TRỌNG GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THỊNH VƯƠNG 19/03 ĐOÀN ĐO, THƯỜNG TRUNG AN, THỊ LẠC THÁP QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MOCH CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MOCH CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG NGUYỄN MINH SÂN GIÁM ĐỐC		
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ SỐ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHÁY CHÁY			
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 70%; padding: 5px;"> TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐÓNG RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ BÊN CHAI & ĐẸN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 3 </td> <td style="width: 30%; padding: 5px;"> NGÀY: 04/2/2026 PCCC: 1 </td> </tr> </table>		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐÓNG RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ BÊN CHAI & ĐẸN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 3	NGÀY: 04/2/2026 PCCC: 1
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐÓNG RƠI CHIẾU SÁNG SỰ CỐ SƠ ĐỒ BÊN CHAI & ĐẸN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 3	NGÀY: 04/2/2026 PCCC: 1		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH		
CHỦ TRÌ TÀI PCCC	K.S NGUYỄN MINH SÂN		
Q.L. KÝ THUẬT	K.S NGUYỄN VĂN TRỌNG		



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM TIỀN GIANG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 26.....KOTT-DTGT

ngày 9 tháng 3 năm 2026

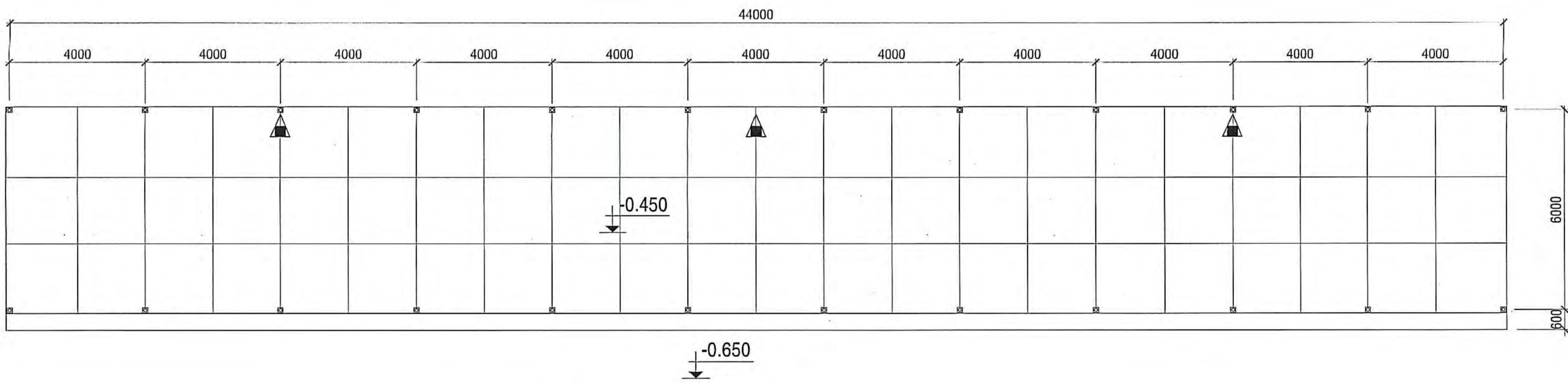
Chủ trì dự môn kỹ thuật: 

BAN QLĐA ĐTXĐ KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 105/56-BĐA/KV
Ngày 8 tháng 3 năm 20 26
Ký tên: 

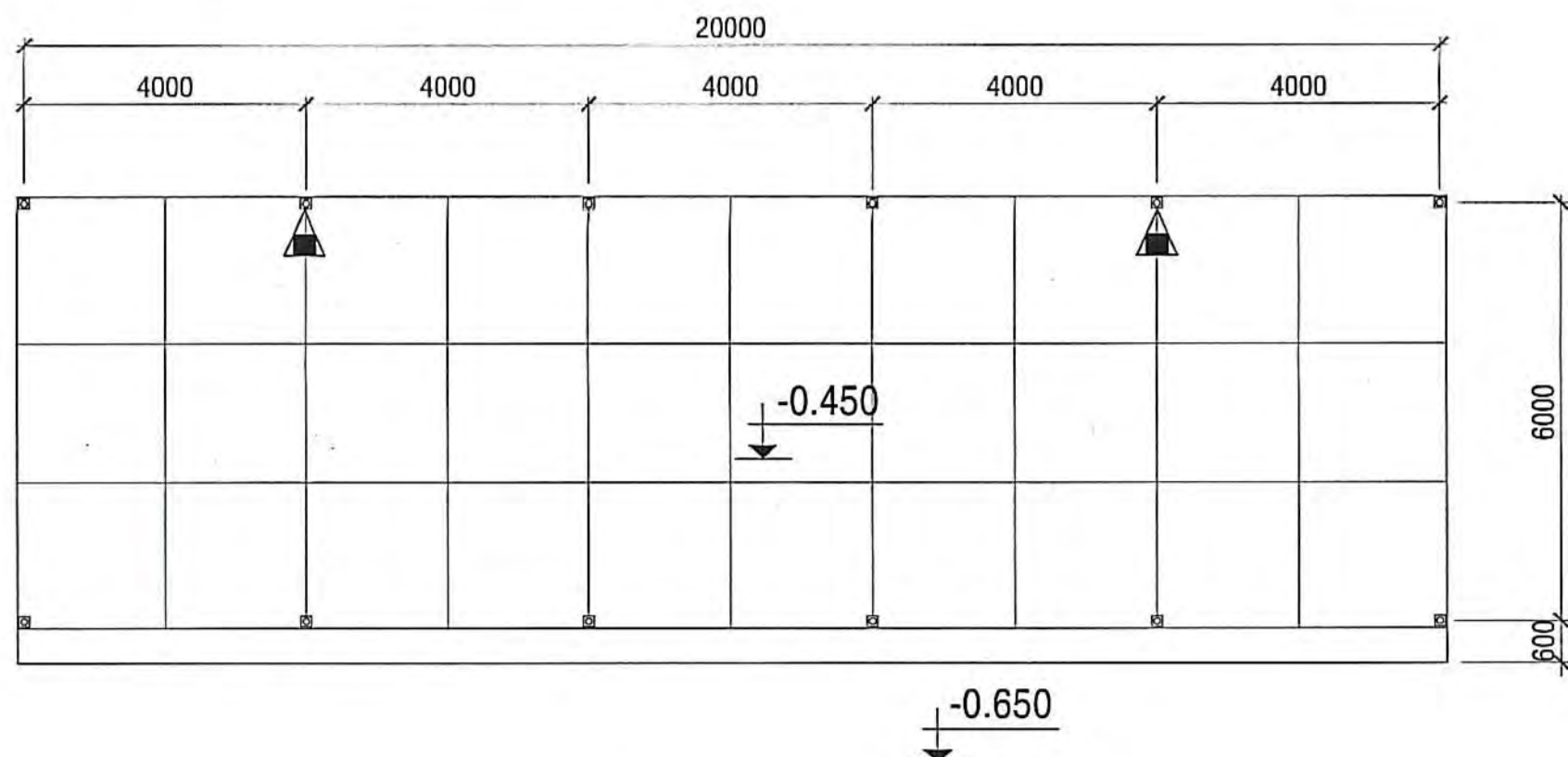
Nguyễn Công Trứ

Ph. Quang Thạ

KHỐI TIỂU HỌC - HÀNH CHÍNH
 NHÀ XE



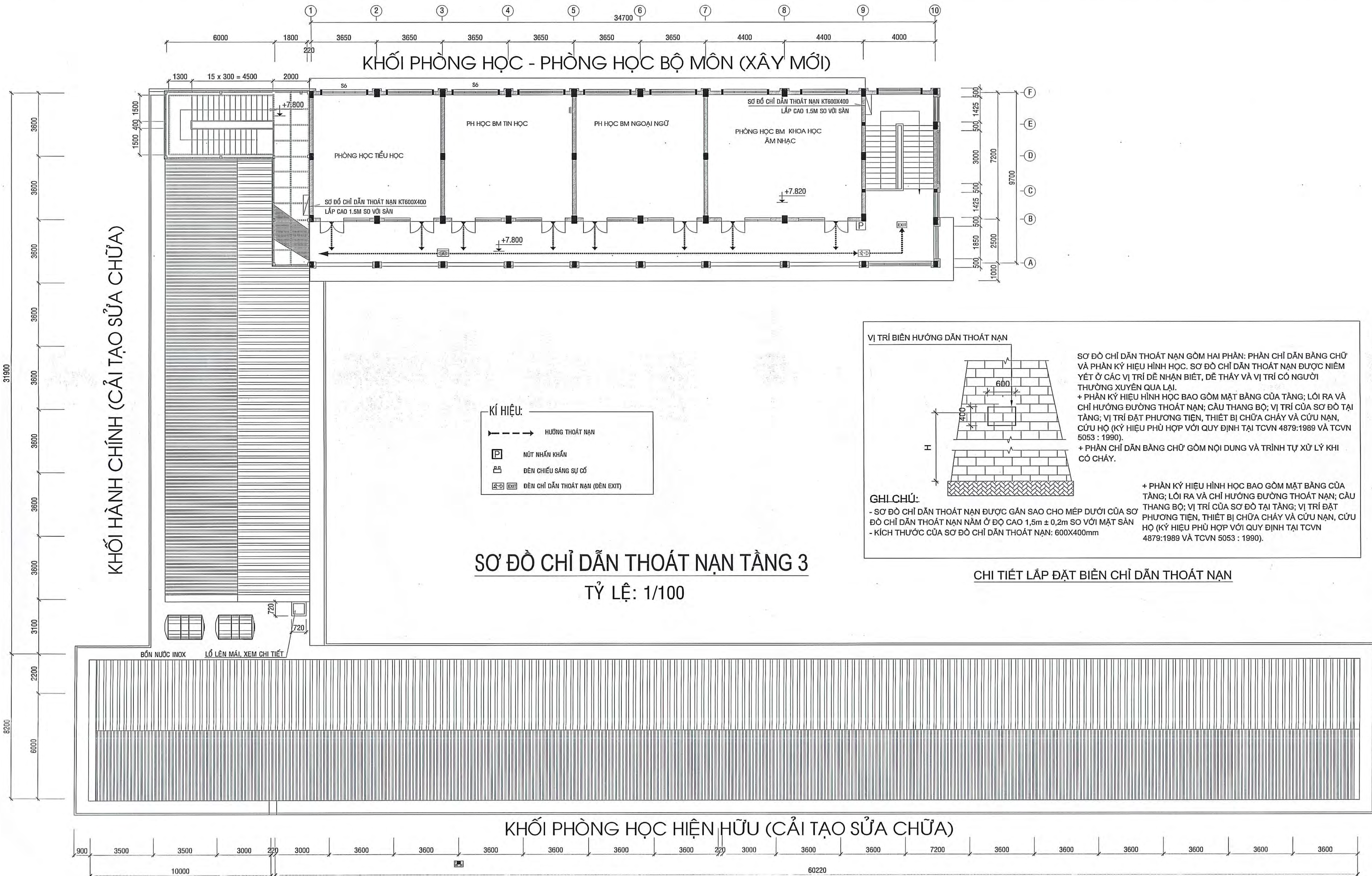
.MẶT BẰNG NHÀ XE 1 1/100.



.MẶT BẰNG NHÀ XE 2 1/100.

BỐ TRÍ BÌNH CC BỐT ABC-8KG-4A THEO ĐIỀU 7.2.1 TCVN 7435-1:2004
 VÀ ĐIỀU 5.1.1.5 TCVN 3890:2023

STT	DIỆN GIẢI	DIỆN TÍCH	BỐ TRÍ 100M/BÌNH VÀ 10% DƯ PHÒNG
1	NHÀ XE 1	264 m ²	3 BÌNH
1	NHÀ XE 2	120 m ²	2 BÌNH
2	TỔNG CỘNG BÌNH BỐT ABC-8KG-4A		5 BÌNH



SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3
 TỶ LỆ: 1/100

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN

.MẶT BẰNG TẦNG 3 1/100.

KÍ HIỆU:	
— — — — —	ĐƯỜNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY THIẾT KẾ STK
— — — — —	ĐƯỜNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY NGOÀI NHÀ STK
STK	ĐƯỜNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY STK
— — — — —	TỦ CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG
— — — — —	BÌNH CHỮA CHÁY BỘT ABC-8KG
— — — — —	BÌNH CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG BỘT ABC-8KG
— — — — —	ĐẦU BẢO KHỎI QUANG
— — — — —	ĐẦU BẢO NHIỆT
— — — — —	ĐẦU BẢO LỬA
— — — — —	ĐÈN BẢO PHÒNG
— — — — —	NÚT NHẤN KHẨN
— — — — —	CỜ BẢO CHÁY
— — — — —	DÂY TÍN HIỆU 2X1mm ²
— — — — —	(BỊ TRONG ỚNG TRẮNG CƯỜNG D20 BẢO VỆ).

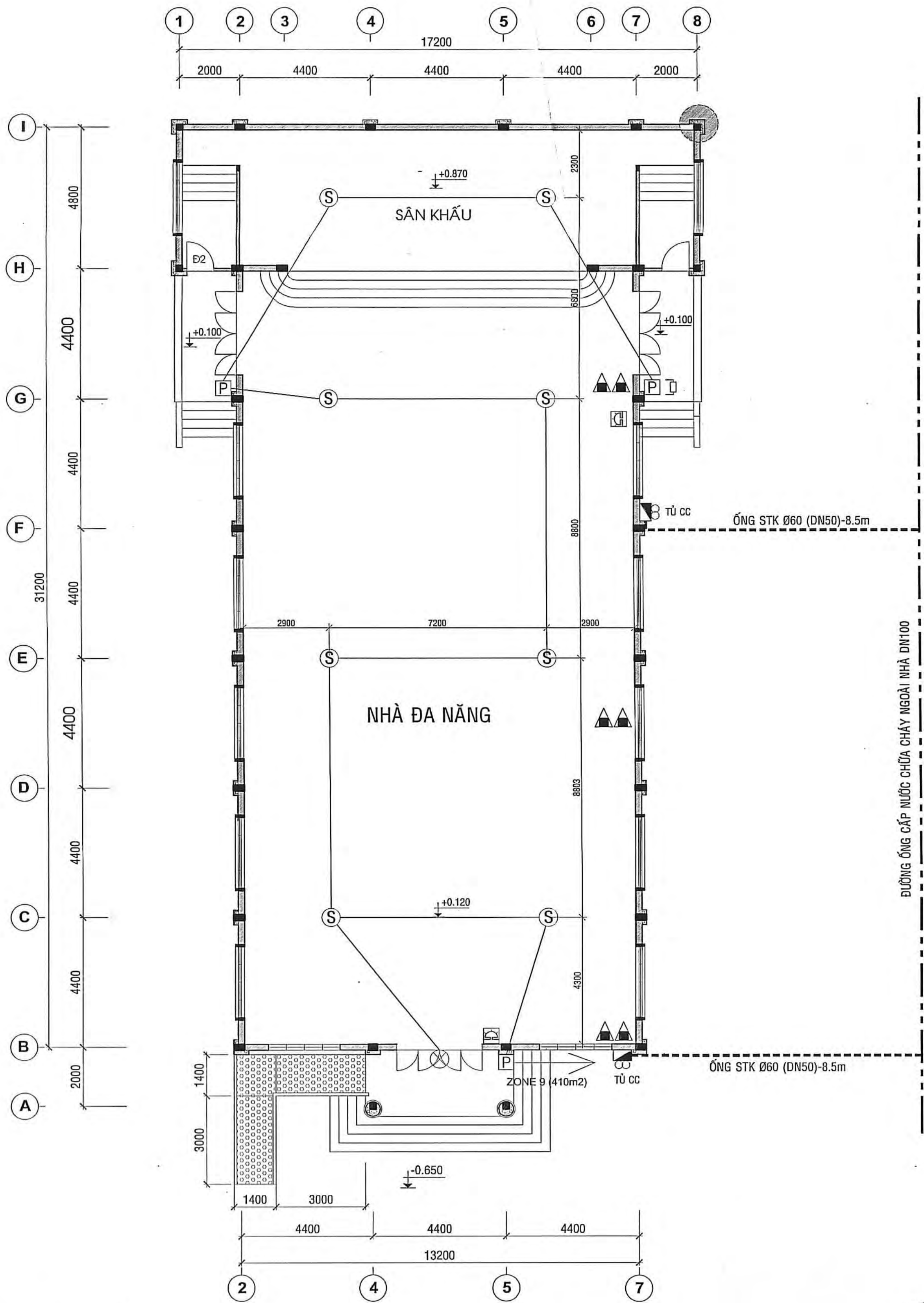
SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3
 TỶ LỆ: 1/100

BAN QUẢN LÝ KINH DOANH
 PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND
 Ngày 15/05/2023

Nguyễn Công Trực

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MÔI TRƯỜNG VÀ THIẾT KẾ		CÔNG TÁC THIẾT KẾ	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC		CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG	
16/02/2024, PHÒNG TRUNG AN TOÀN ĐỒNG THÁP		NGUYỄN VĂN TRỌNG	
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ		NGUYỄN VĂN TRỌNG	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG		NGUYỄN VĂN TRỌNG	
CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		NGUYỄN VĂN TRỌNG	
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CHỈ DẪN THOÁT NẠN TẦNG 3 - KHỐI TIỂU HỌC XÂY MỚI; C.T.L.D. BIÊN CHỈ DẪN THOÁT NẠN; M.B BỐ TRÍ BÌNH CHỮA CHÁY NHÀ XE		NGUYỄN VĂN TRỌNG	
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH	CHỦ TRÍ TK PCCC	K.S. NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG	Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

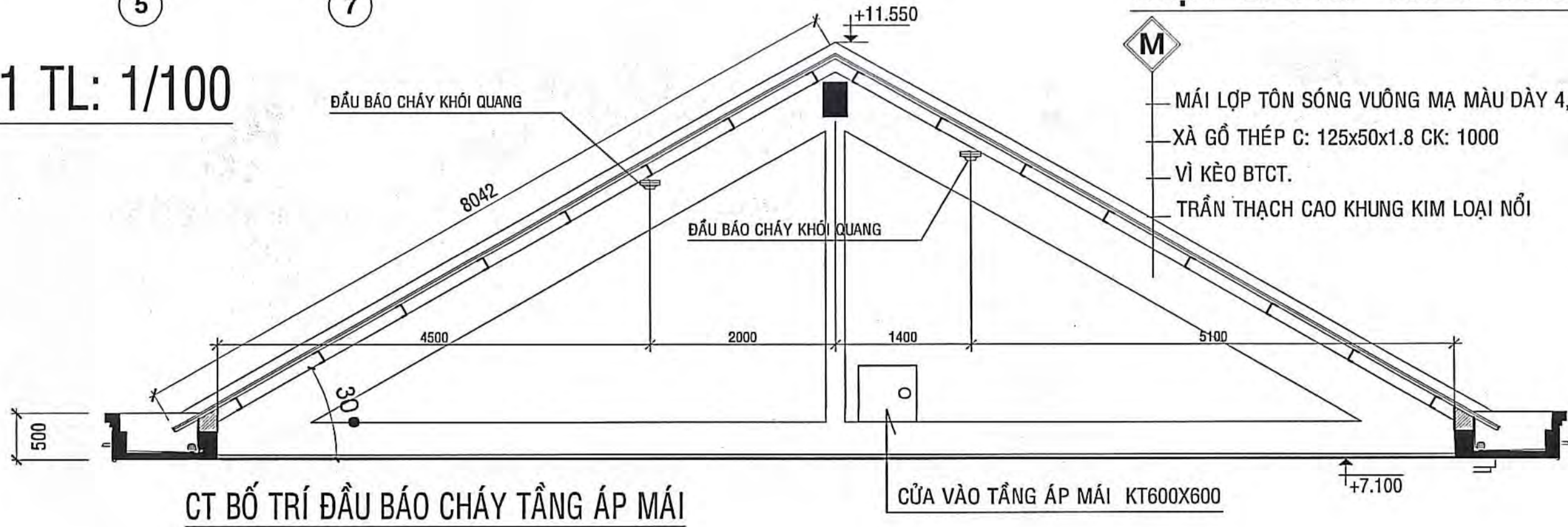
NHÀ ĐA NĂNG



MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG 1 TL: 1/100

BỐ TRÍ BÌNH CC BỐT ABC-8KG-4A THEO ĐIỀU 7.2.1 TCVN 7435-1:2004 VÀ ĐIỀU 5.1.1.5 TCVN 3890:2023

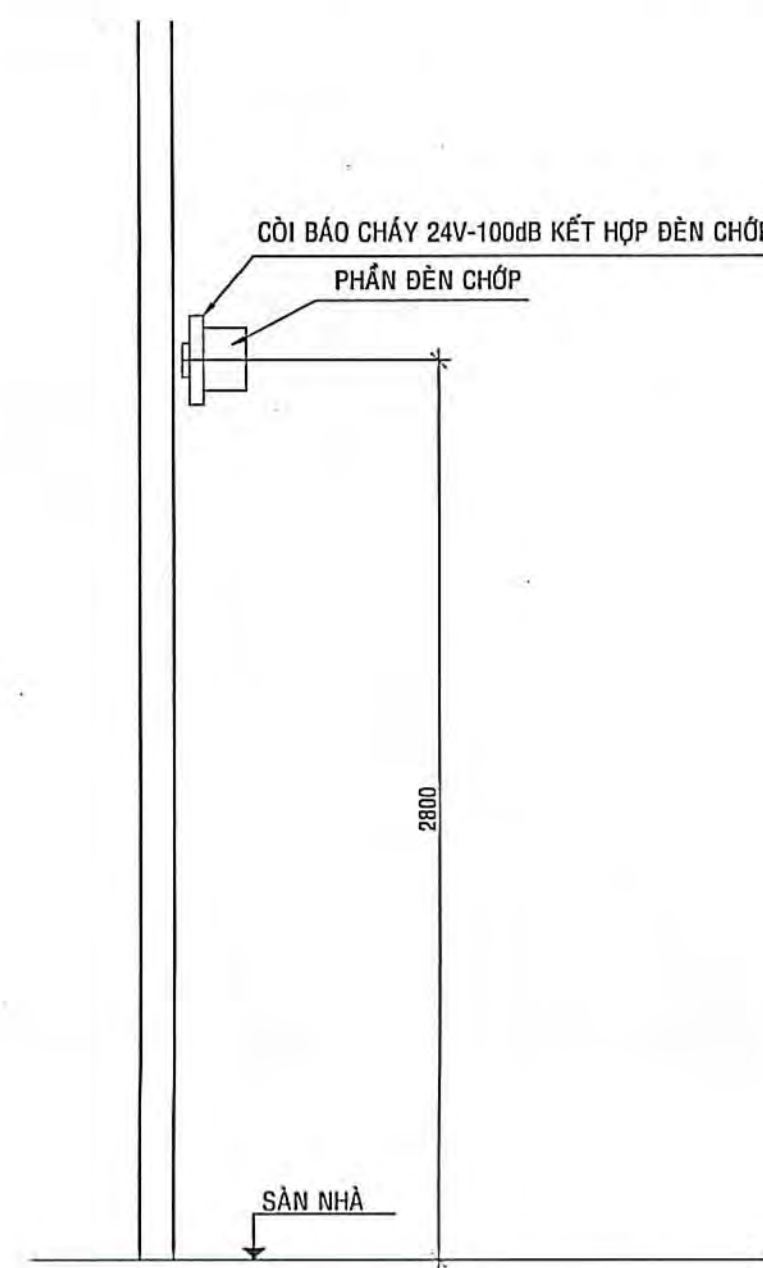
STT	DIỆN GIẢI	DIỆN TÍCH	BỐ TRÍ 100M2/BÌNH VÀ 10% DỰ PHÒNG
1	TẦNG TRỆT	410 m ²	6 BÌNH
2	TỔNG CỘNG BÌNH BỐT ABC-8KG-4A		6 BÌNH



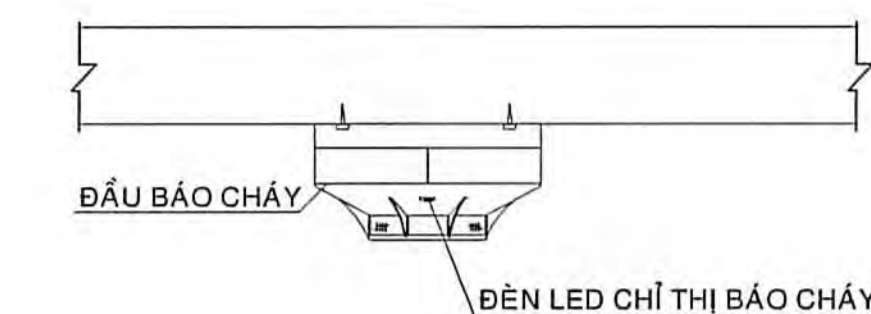
CT BỐ TRÍ ĐẦU BÁO CHÁY TẦNG ÁP MÁI

MẶT BẰNG HT PCCC TẦNG ÁP MÁI TL: 1/100

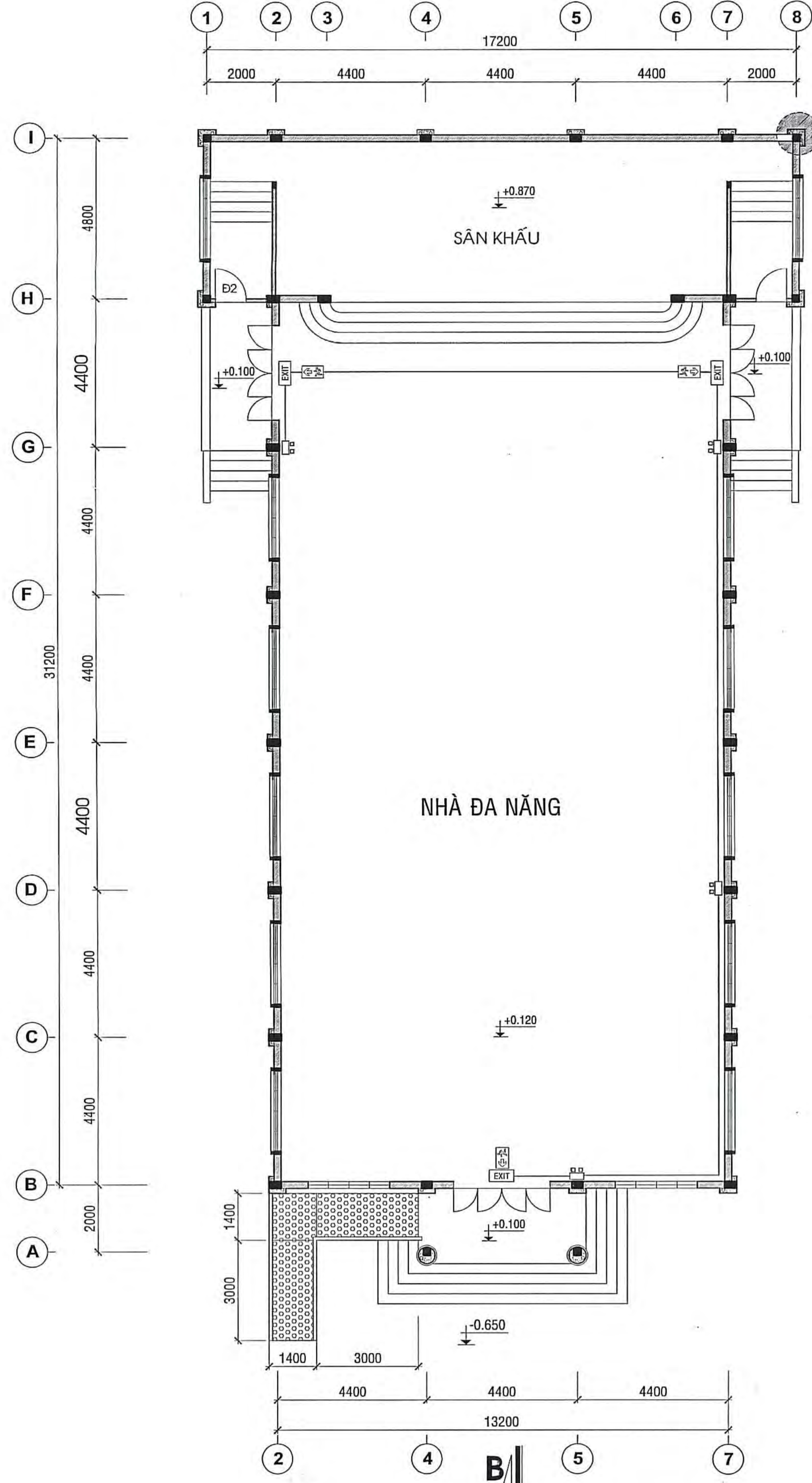
MÁI LỚP TÔN SÓNG VƯƠNG MÀ MÀU DÂY 4,5 ZEM
XÀ GỖ THÉP C: 125x50x1.8 CK: 1000
VÍ KÈO BTOT.
TRẦN THẠCH CAO KHUNG KIM LOẠI NỔI



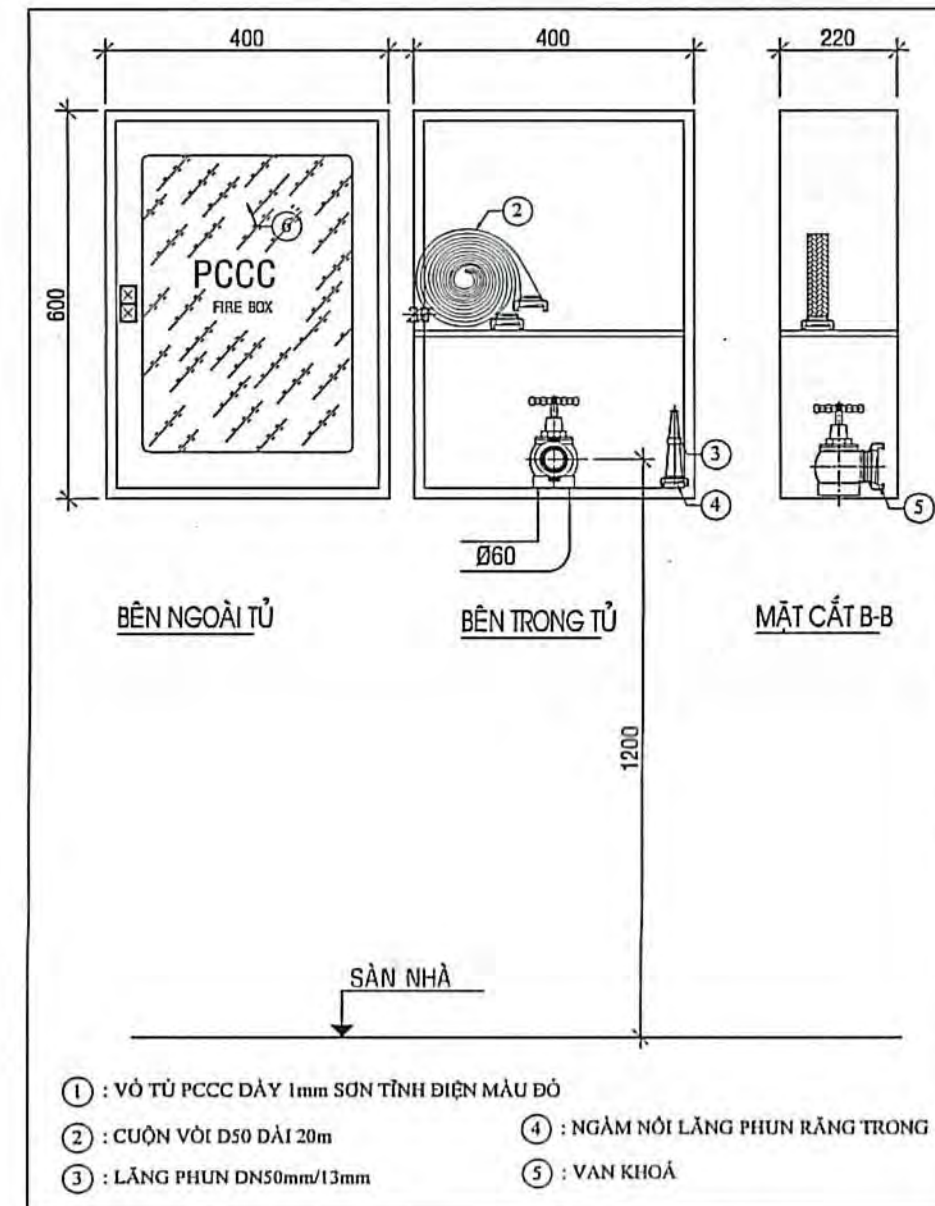
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỒI & ĐÈN BÁO CHÁY



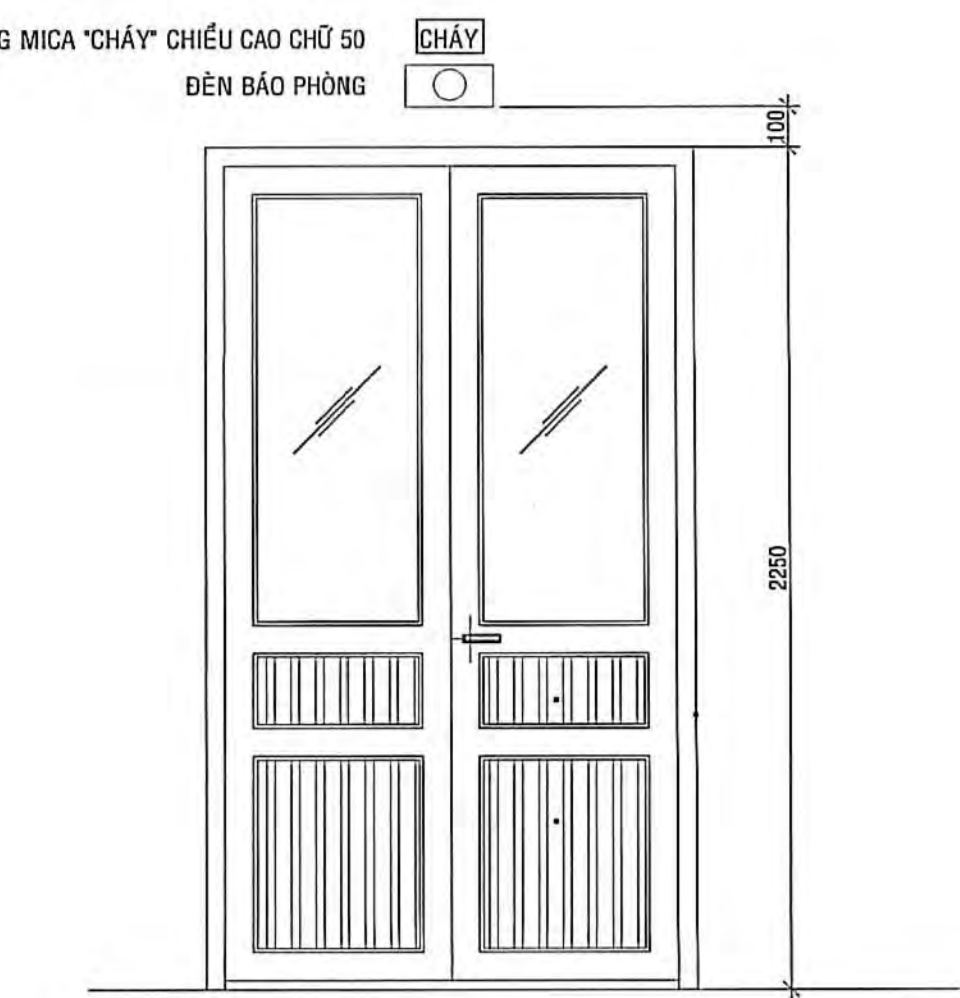
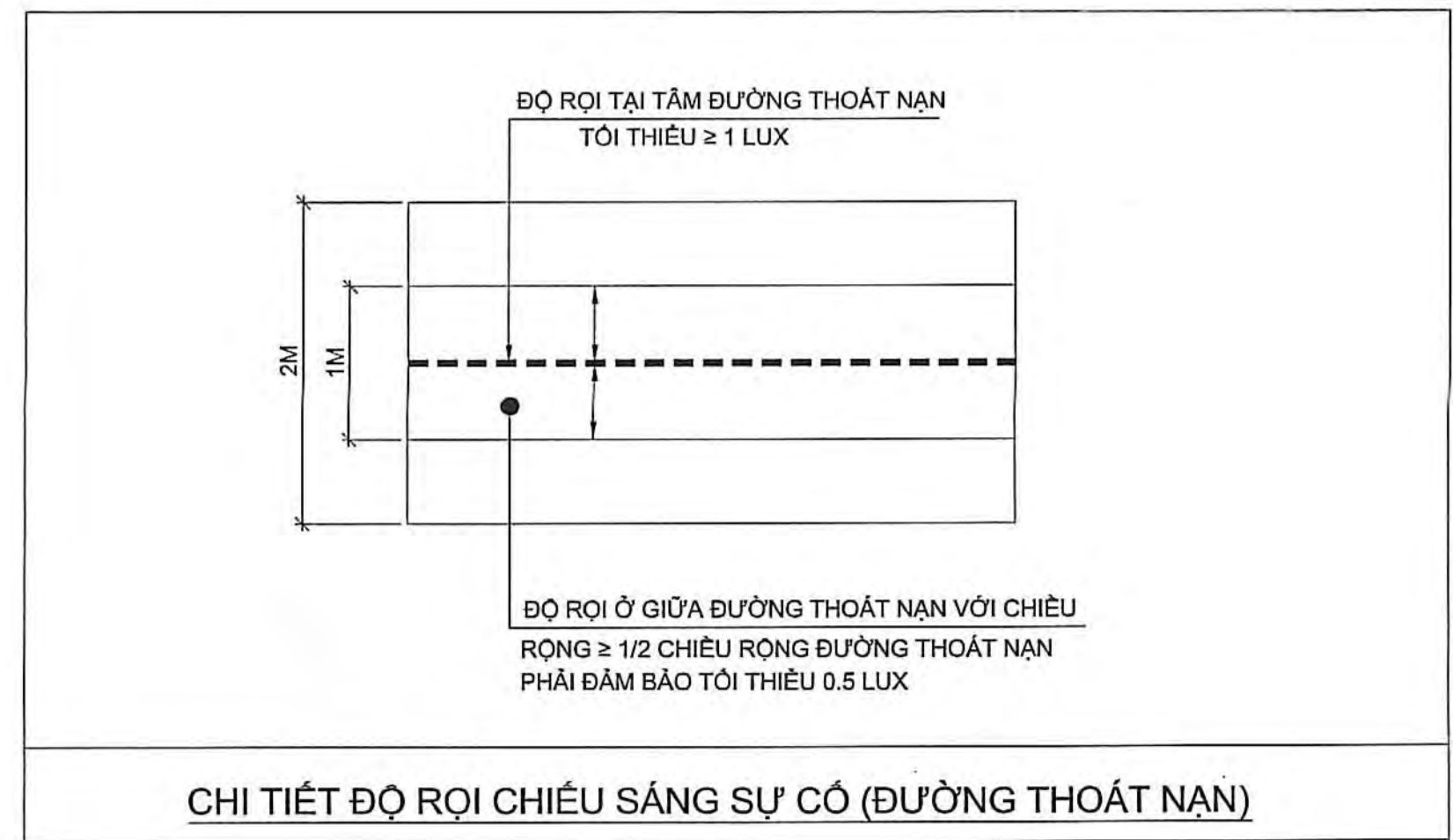
CHI TIẾT ĐÈN CHỈ THỊ ĐẦU BÁO CHÁY



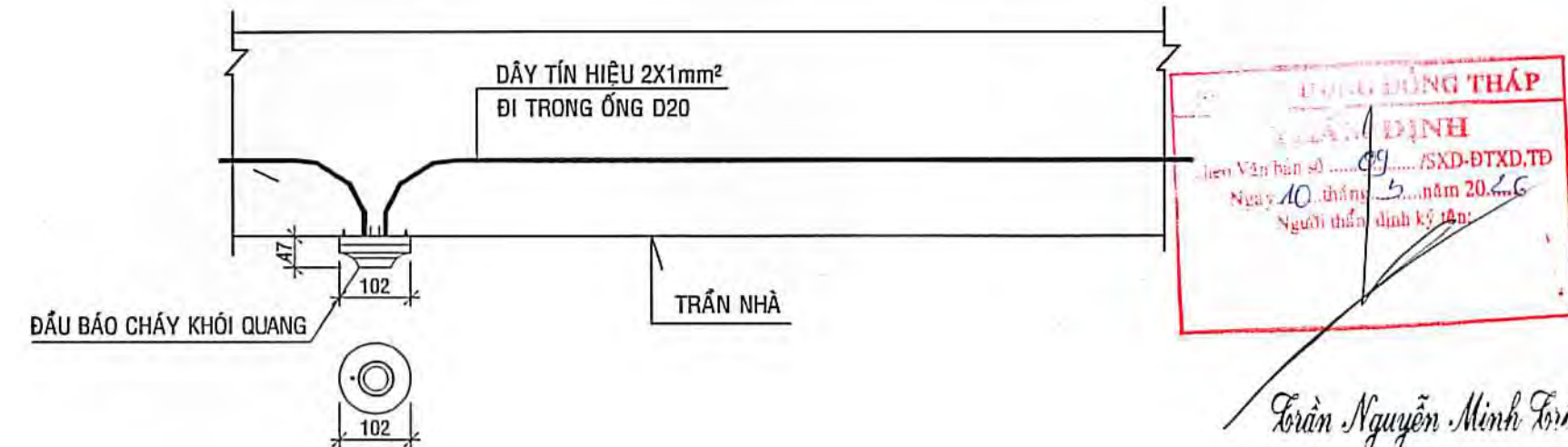
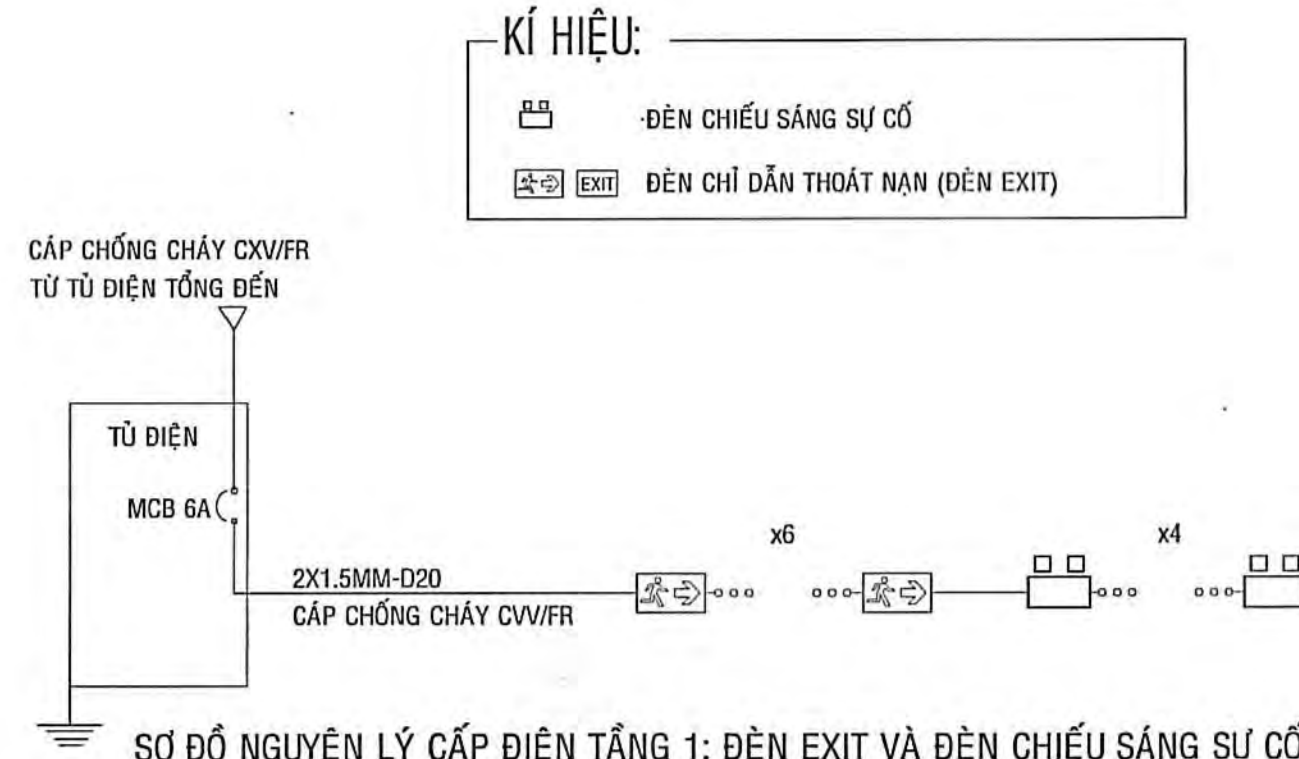
SƠ ĐỒ ĐÈN CHỈ DẪN & ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ TẦNG 1
TỶ LỆ: 1/100



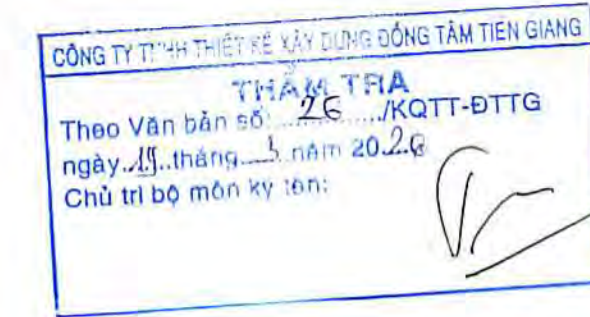
CHI TIẾT LẮP ĐẶT TỦ CHỮA CHÁY



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐÈN BÁO PHÒNG



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BÁO KHỎI TRÊN TRẦN



Nguyễn Công Truệ

TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỐI NHÀ ĐA NĂNG

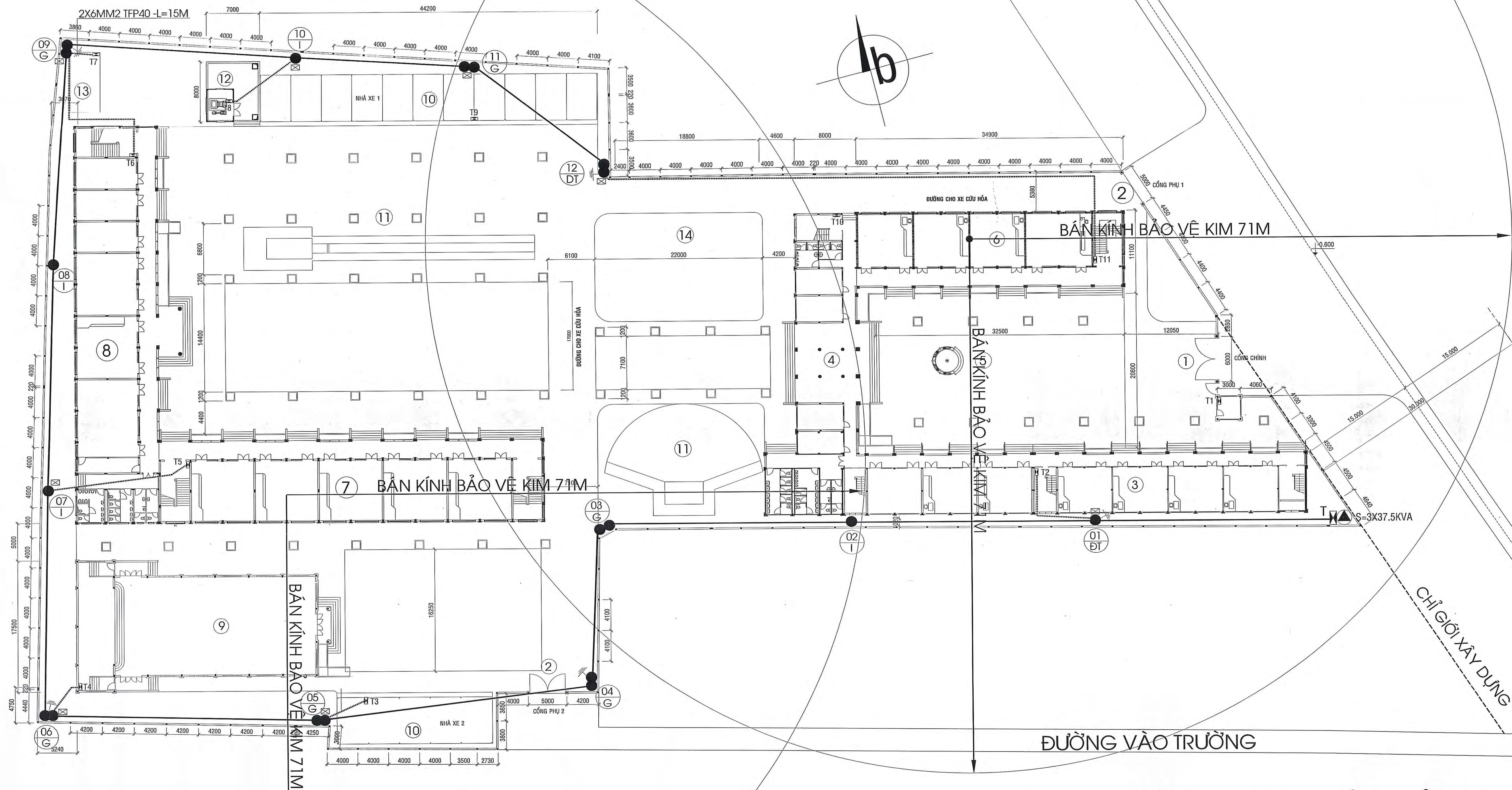
TT	VẬT TƯ - QUY CÁCH	S. LƯỢNG ĐƠN VỊ
1	ĐẦU DÒ KHÍ QUANG 24V KÉM ĐẾ	16 BỐ
2	NÚT NHẤN KHẨN	03 BỐ
3	CỒI BÁO CHÁY CỎ ĐÈN-1000B	02 CÁI
4	ĐÈN BÁO PHÒNG 24V-KÉM BẢNG TÊN "CHÁY"	01 BỐ
5	DÂY TÍN HIỆU CHỐNG CHÁY CÁP CHỖ 2X1mm ²	270 MÉT
6	DÂY ĐIỆN CHO CỒI BÁO CHÁY CÁP CHỖ 2X1.5mm ²	180 MÉT
7	ỐNG TRẮNG CƯỜNG LƯỖN DÂY ĐIỆN	450 MÉT
8	ỐNG TRẮNG LƯỖN DÂY ĐIỆN BẢO CHÁY VỆ NHÀ BẢO VỆ	150 MÉT
9	ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ- PIN DỰ PHÒNG 2H	04 BỐ
10	ĐÈN XIT PIN DỰ PHÒNG 2H	06 BỐ
11	DÂY ĐIỆN CHO ĐÈN SỰ CỐ VÀ ĐÈN XIT CHỐNG CHÁY CÁP CHỖ 2X1.5mm ²	70 MÉT
12	ỐNG TRẮNG CƯỜNG LƯỖN DÂY ĐIỆN	70 MÉT

TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỐI NHÀ ĐA NĂNG

STT	TÊN VẬT TƯ	TƯƠNG ĐƯƠNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG SẮT TRẮNG KÉM Ø60 (DN50) DÂY 3.6	VN	m	17
3	CỎ 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø60	" m "	CÁI	6
6	TÊ GIẢM 90° SẮT TRẮNG KÉM Ø114x100	" m "	CÁI	2
8	BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY BỐT ABC-8KG	VN	BÌNH	6
9	NÚT QUY-TIÊU LÊN PCCC	VN	BỐ	2
10	TỦ CHỮA CHÁY 1 CỤN VỚI TỦ TỌA SƠN TÍNH ĐIỆN CÁP CỎ LẬP KINH TRUNG KT:600X600X220 mm	VN	BỐ	2

PHỤ KIỆN GỒM:
1 CỤN VỚI MẪN CHỮA CHÁY Ø100x120xPH150
LẮNG PHỤ KIỆN CHỮA CHÁY Ø100x120xPH150
KHUỖI BỎ VỚI CHỮA CHÁY Ø100x120xPH150
(KHUỖI BỎ CHỖ)

GH CHÚ: BƯỜNG KINH ỒNG TRONG BẢN VẼ LÀ TÊN THƯƠNG ĐƠN ĐƯỜNG KINH NGOÀI THỰC TẾ CỦA ỒNG STK THEO TIÊU CHUẨN BS 1387-1985



.MẶT BẰNG CHỐNG SÉT TỔNG THỂ TL:1/200

- ① CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ - HÀNG RÀO (LÀM MỚI)
- ② CỔNG PHỤ (LÀM MỚI)
- ③ KHỐI PHÒNG HỌC TIỂU HỌC 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ④ KHỐI HÀNH CHÍNH 2 TẦNG HIỆN HỮU (CẢI TẠO SỬA CHỮA)
- ⑤ SÂN SINH HOẠT CHÀO CỜ
- ⑥ KHỐI PHÒNG HỌC - PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIỂU HỌC 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑦ KHỐI PHÒNG HỌC THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)

- ⑧ KHỐI PHÒNG HỌC BỘ MÔN THCS 3 TẦNG (XÂY MỚI)
- ⑨ KHỐI NHÀ ĐA NĂNG (XÂY MỚI)
- ⑩ NHÀ XE GIÁO VIÊN, HỌC SINH (XÂY MỚI)
- ⑪ KHU THỂ THAO NGOÀI TRỜI
- ⑫ HỒ NƯỚC - NHÀ MÁY BƠM CHỨA CHÁY
- ⑬ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑭ NHÀ ĂN KHỐI TIỂU HỌC (DỰ KIẾN)

CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TÀI TIỀN BANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số... KOTT-ĐTĐ
ngày... tháng... năm...
Chữ và họ tên ký tên

Nguyễn Công Trục

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số... SĐD-ĐTĐ
Ngày... tháng... năm...
Chữ và họ tên ký tên

Nguyễn Minh Tiến

BAN QLĐA ĐTSH KHU VỰC 3
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số... năm 20...
Ngày... tháng... năm...

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỚI Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM Số 025.301.7278, 0903.180.000, 0903.180.000	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC CÔNG TY TNHH PCCC THIÊN VƯƠNG 1559 ĐOÀN GIỎI, PHƯỜNG TRUNG AN, TỈNH ĐỒNG THÁP	CHỦ TRÌ TK PCCC K.S NGUYỄN MINH SANG
BẢN VẼ THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	
DỰ ÁN: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ HẠNH TRUNG CÁC HẠNG MỤC PHỤ: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CHỐNG SÉT TỔNG THỂ	NGÀY: 12/01/2026
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. TRẦN ANH MINH
CHỦ TRÌ TK PCCC	K.S NGUYỄN MINH SANG
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

